HỒ CHÍ MINH

TOÀN TẬP

3

1930-1945

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

ĐÀO DUY TÙNG	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
HÀ ĐĂNG	Uỷ viên Hội đồng
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
TRẦN TRỌNG TÂN	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG	"
HOÀNG MINH THẢO	"
TRẦN NHÂM	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

ĐẶNG XUÂN KỲ
SONG THÀNH

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 3

LÊ MẬU HÃN (Chủ biên)
PHẠM HỒNG CHƯƠNG
TRẦN MINH TRƯỞNG

HỒ CHÍ MINH

TOÀN TẬP

3

1930 - 1945

(Xuất bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2000

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 3

Tập 3, *Hồ Chí Minh Toàn tập* xuất bản lần thứ hai gồm những tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết từ đầu năm 1930 đến ngày 2-9-1945.

Những tác phẩm được viết trong thời gian này thể hiện những cống hiến lớn lao về tư tưởng, đường lối và tổ chức của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng thế giới.

Từ năm 1930 đến năm 1940 là thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh hoạt động ở nước ngoài trên cương vị là Uỷ viên Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản, phụ trách Văn phòng phương Nam và trực tiếp chỉ đạo cách mạng Đông Dương.

Đầu năm 1930, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. *Chánh cương, Sách lược, Điều lệ của Đảng* và *Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng* do Người soạn thảo cùng với Luận cương tháng 10 năm 1930 do Trung ương Đảng thông qua đã vạch ra đường lối chiến lược, sách lược cách mạng, tính chất và nguyên tắc tổ chức Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam. Các văn kiện này thể hiện tinh thần cách mạng triệt để và sáng tạo, kết hợp đúng đắn lý luận với thực tiễn Việt Nam. Quan điểm cơ bản của các văn kiện này có giá trị xuyên suốt con đường cách mạng nước ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội nhằm thực hiện mục tiêu đại nghĩa của dân tộc là "Việt Nam độc lập", "Việt Nam tự do". Từ nước ngoài, Người đã nêu nhiều ý kiến đúng đắn để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải *"giành được địa vị lãnh đạo"*, củng cố địa vị lãnh đạo của Đảng trên cơ sở quần chúng thừa nhận Đảng là *"một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất", "thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng"* (tr.139).

Những bài viết của Người ở đầu những năm 30 còn vạch rõ Đảng phải chú ý phát triển lực lượng cách mạng trong nhân dân như Công hội, Nông

hội, tăng cường mối liên minh công nông cũng như phải đề ra những chính sách cụ thể phù hợp với mỗi thời kỳ để tập hợp và lãnh đạo đông đảo quần chúng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Những chỉ dẫn về nội dung, phương pháp tuyên truyền, giáo dục quần chúng cũng được Người đề cập cụ thể nhằm tăng cường lực lượng cách mạng cho Đảng ở thời gian này.

Trong điều kiện biến đổi của tình hình thế giới nửa sau những năm 30, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn cho Đảng những ý kiến rất cụ thể để phối hợp với nhiệm vụ chung của nhân dân thế giới vừa chống chủ nghĩa phát xít, vừa phát triển lực lượng cách mạng, tăng cường vai trò của Đảng. Người chỉ rõ mục tiêu của đấu tranh cách mạng lúc này là *"Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao (độc lập dân tộc, nghị viện, v.v.)... Chỉ nên đòi các quyền dân chủ, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do báo chí và tự do ngôn luận, đòi ân xá toàn thể chính trị phạm, đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp"* (tr.138). Để đạt mục đích đó, Người nhắc nhở Đảng phải ra sức tổ chức một mặt trận dân tộc, dân chủ rộng rãi, phải "khéo léo, mềm dẻo" để tập hợp tất cả mọi tầng lớp nhân dân, kể cả giai cấp tư sản dân tộc, nhưng phải kiên quyết không có một thoả hiệp, một nhượng bộ nào với bọn tờrốtxkít, phải tiêu diệt chúng về mặt chính trị. Những báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, những thư gửi cho Đảng cũng như những bài báo của Người đăng trên báo *Notre Voix (Tiếng nói của chúng ta)* và báo *Dân chúng* đã chỉ dẫn cho Đảng và nhân dân ta hướng đúng vào việc phát triển lực lượng cách mạng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và chống thảm hoạ phát xít đang lan rộng trên thế giới. Trước khi về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn viết một loạt bài đăng trên báo xuất bản ở Trung Quốc chỉ rõ nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, ca ngợi cuộc đấu tranh chống phát xít Nhật của nhân dân Trung Quốc, sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam với nhân dân Trung Quốc trong chiến đấu chống phát xít Nhật và coi việc giúp đỡ đó là giúp đỡ cho chính mình.

Năm 1941, trước những chuyển biến của tình hình thế giới, nhận rõ tình thế khẩn trương của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng nước ta. Người chủ trì Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng (5-1941) và xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng nước ta lúc này. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, phải tập hợp lực lượng quần chúng đông đảo, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính là phát xít Nhật - Pháp; thành lập Mặt trận Việt Minh, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước ở

Đông Dương; tiến tới thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, xúc tiến thành lập và phát triển lực lượng vũ trang, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa; đồng thời giúp đỡ cách mạng Miên, Lào, v.v..

Ngay sau khi thành lập Mặt trận Việt Minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư *Kính cáo đồng bào,* kêu gọi 20 triệu con Lạc cháu Hồng hãy nêu cao truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất, đoàn kết toàn dân đánh đuổi Pháp - Nhật. Người chỉ rõ: "Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy.* Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng" "giành tự do độc lập" (tr.198). Có thể nói tư tưởng cốt lõi của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong *Kính cáo đồng bào* cũng như trong các văn kiện của Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng là sự tiếp nối và phát triển cao của tư tưởng độc lập tự do và đại đoàn kết toàn dân của Người được nêu lên trong các tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường cách mệnh* (1927) và các văn kiện chính trị của Hội nghị thành lập Đảng. Đây là một sự phát triển sáng tạo về tư tưởng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trong điều kiện mới của thời đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn viết một loạt tác phẩm như *Chiến thuật du kích, Lịch sử nước ta, Mười chính sách của Việt Minh* và nhiều bài trên báo *Việt Nam Độc lập,* đã cụ thể hoá Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tám của Trung ương nhằm đẩy mạnh việc giáo dục mạnh mẽ tinh thần yêu nước bất khuất, đoàn kết các giới đồng bào trong Mặt trận Việt Minh, hướng dẫn xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, góp phần tạo ra một cao trào cứu nước mạnh mẽ, đón thời cơ, tiến tới tổng khởi nghĩa giành lại độc lập dân tộc.

Thời gian này, tác phẩm *Nhật ký trong tù* của Người ra đời trong hoàn cảnh bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam trái phép khi Người đi công tác sang Trung Quốc. Đây là một văn kiện lịch sử quan trọng, đồng thời là một tác phẩm văn học lớn thể hiện tư tưởng, tình cảm của một chiến sĩ cách mạng vĩ đại - có tác dụng giáo dục sâu sắc đối với nhiều thế hệ người Việt Nam.

Bên cạnh tập *Nhật ký trong tù,* tập 3 còn nhiều tác phẩm thơ ca khác, có những đóng góp về tư tưởng và nghệ thuật, trở thành một bộ phận không thể thiếu của kho tàng văn học cách mạng nước ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước vào tháng 9-1944, là lúc cuộc chiến

tranh thế giới đã bước sang giai đoạn cuối cùng với những thắng lợi quyết định của Liên Xô. Các văn kiện của Người ở thời gian này đều tập trung vào phát triển lực lượng chính trị, quân sự tạo lực lượng đón thời cơ và góp phần thúc đẩy thời cơ mau chín muồi. *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* đã nêu lên những quan điểm cơ bản về kháng chiến toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, về quan hệ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, về nguyên tắc tác chiến, v.v.. Trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc,* Người đã nêu rõ: *"Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh"* (tr.505 - 506). Phải chớp thời cơ thuận lợi đang đến để thực hiện mục tiêu độc lập tự do. Vì vậy, Người quyết định nhanh chóng triệu tập *"một cuộc toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra"* một cơ cấu đại biểu của quốc dân. *"Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang"* (tr.505). Điều này đã đặt cơ sở pháp lý cách mạng cho một chế độ mới, chế độ của dân, do dân và vì dân sắp ra đời. Tháng 8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa* kêu gọi toàn thể đồng bào *"không thể chậm trễ", "Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"* (tr.554). *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa* thể hiện tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tính chủ động cách mạng ở các nước thuộc địa mà Người đã nêu lên từ đầu những năm hai mươi đã trở thành hiện thực ở Việt Nam trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* nêu ra những lẽ phải không ai chối cãi được về quyền dân tộc cơ bản là: *"Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"* (tr.555). Từ đó, Người đã khẳng định quyền dân tộc cơ bản không thể phủ nhận được của dân tộc Việt Nam và trịnh trọng tuyên bố trước nhân dân thế giới: *"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"* (tr.557).

Bản *Tuyên ngôn Độc lập,* tác phẩm bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là kết tinh truyền thống lịch sử kiên cường bất khuất của dân tộc ta, là bản anh hùng ca mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập tự do và góp phần làm phong phú tư tưởng về quyền của các dân tộc trên thế giới - *quyền độc lập tự do.*

Các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ 1930-1945 còn phản ánh những hoạt động quốc tế phong phú, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Người trên cương vị là Uỷ viên Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản, Người không chỉ phản ánh tình hình mà còn nêu nhiều ý kiến, đề xuất những chủ trương quan trọng để đẩy mạnh phong trào cách mạng ở phương Đông đóng góp vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới. Ngoài ra, các báo cáo, thư từ gửi cho Quốc tế Cộng sản và các bạn quốc tế, được trình bày trong Tập 3 này còn phản ánh sâu sắc những năm tháng hoạt động cực kỳ gian khổ và tư tưởng nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*

* *

Trong lần xuất bản này, hầu hết tác phẩm đã in trong lần xuất bản trước và những tác phẩm mới được bổ sung, đều đã được đối chiếu, hiệu đính theo bản gốc kể cả phần nguồn của văn bản. Một số bài đã in trong lần xuất bản lần thứ nhất, vì chưa có thời gian xác minh thêm, nên vẫn được để nguyên như cũ.

Về tác phẩm *Nhật ký trong tù,* trong lần xuất bản này, được lấy theo bản mới nhất và đầy đủ do Viện Văn học dịch và hiệu đính, in trong cuốn *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù* (Nhà xuất bản Giáo dục xuất bản năm 1993).

Những bài trong lần xuất bản thứ nhất để ở phần Phụ lục, nay đã được xác minh, đều đưa lên phần tác phẩm chính.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song chắc lần xuất bản thứ hai này vẫn không tránh khỏi thiếu sót, mong bạn đọc góp ý để lần xuất bản sau được đầy đủ và nâng cao hơn.

VIỆN NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

CHÁNH CƯƠNG VẮN TẮT CỦA ĐẢNG

Tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp, vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được. Còn về nông nghệ một ngày một tập trung đã phát sinh ra lắm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều. Vậy tư bản bản xứ không có thế lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thế lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa nên chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

A. Về phương diện xã hội thì:

a) Dân chúng được tự do tổ chức.

b) Nam nữ bình quyền, v.v..

c) Phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

B. Về phương diện chính trị:

a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.

b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

c) Dựng ra chính phủ công nông binh.

d) Tổ chức ra quân đội công nông.

C. Về phương diện kinh tế:

a) Thủ tiêu hết các thứ quốc trái.

b) Thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý.

c) Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo.
d) Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo.
e) Mở mang công nghiệp và nông nghiệp.
f) Thi hành luật ngày làm 8 giờ.

Tài liệu của Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.

SÁCH LƯỢC VẮN TẮT CỦA ĐẢNG

1. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.
2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến.
3. Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia.
4. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu [1] làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ.
5. Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp, trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập,* phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp.

Tài liệu của Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.

1) Có thể hiểu là: ít ra cũng.

CHƯƠNG TRÌNH TÓM TẮT CỦA ĐẢNG

1. Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng.
2. Đảng tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến.
3. Đảng giải phóng công nhân và nông dân thoát khỏi ách tư bản.

4. Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; Đảng tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư bản bậc trung, đánh đổ các đảng phản cách mạng như Đảng Lập hiến, v.v..

5. Không bao giờ Đảng lại hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân cho một giai cấp nào khác.
Đảng phổ biến khẩu hiệu "Việt Nam tự do" và đồng thời Đảng liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1930

In trong sách *Văn kiện Đảng,*
(từ 27-10-1929 đến 7-4-1935).
Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1964, tr.15.

ĐIỀU LỆ VẮN TẮT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I- Tên: Đảng Cộng sản Việt Nam.

II- Tôn chỉ: Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản.

III- Lệ vào Đảng: Ai tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một bộ phận Đảng thời được vào Đảng. Thợ vào Đảng thời phải có một đảng viên giới thiệu và phải dự bị 3 tháng, thủ công nghiệp nghèo, dân cày và lính phải có hai đảng viên giới thiệu và dự bị 6 tháng, học sinh, các giai cấp khác và người đảng phái khác phải có hai đảng viên giới thiệu và phải dự bị 9 tháng.
Người dưới 21 tuổi phải vào thanh niên cộng sản đoàn.

IV- Hệ thống tổ chức:

Chi bộ gồm tất cả đảng viên trong một nhà máy, một công xưởng, một hầm mỏ, một sở xe lửa, một chiếc tàu, một đồn điền, một đường phố, v.v..
Huyện bộ, thị bộ hay là khu bộ:
Huyện bộ gồm tất cả các chi bộ trong một huyện.
Thị bộ gồm tất cả các chi bộ trong một châu thành nhỏ.
Khu bộ gồm tất cả các chi bộ trong khu của một thành phố lớn như Sài Gòn, Chợ Lớn, Hải Phòng, Hà Nội hay của một

sản nghiệp lớn như mỏ Hòn Gai.

Tỉnh bộ, thành bộ hay đặc biệt bộ:
Tỉnh bộ gồm các huyện bộ, thị bộ trong một tỉnh.
Thành bộ gồm tất cả các khu bộ trong một thành phố. Đặc biệt bộ gồm tất cả khu bộ trong một sản nghiệp lớn.

Trung ương

V- Trách nhiệm của đảng viên:

a) Tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và cổ động quần chúng theo Đảng.
b) Tham gia mọi sự tranh đấu về chính trị và kinh tế của công nông.
c) Phải thực hành cho được chánh sách và nghị quyết của Đảng và Quốc tế Cộng sản.

d) Điều tra các việc.

e) Kiếm và huấn luyện đảng viên mới.

VI- Quyền lợi đảng viên:

Trong các cuộc hội nghị của chi bộ, đảng viên dự bị có quyền tham gia và phát biểu ý kiến, song không có quyền biểu quyết, ứng cử và tuyển cử.

VII- Các cấp đảng chấp hành uỷ viên:

a) Một cấp đảng bộ có hội chấp hành uỷ viên để giám đốc và chỉ huy cho mọi đảng viên làm việc.
b) Mỗi chấp hành uỷ viên phải thường báo cáo cho đảng viên biết.

VIII- Kinh phí:

a) Kinh phí của Đảng do nguyệt phí và đặc biệt quyên mà ra.
b) Nguyệt phí do các cấp đảng bộ tuỳ kinh phí mỗi đảng viên mà định.

c) Người không việc hoặc ốm thì khỏi phải góp nguyệt phí.

IX- Kỷ luật:

a) Đảng viên ở nơi này đi nơi khác phải xin phép Đảng và theo cơ quan nơi đó để làm việc.

b) Bất cứ về vấn đề nào đảng viên đều phải hết sức thảo luận và phát biểu ý kiến, khi đa số đã nghị quyết thì tất cả đảng viên phải phục tùng mà thi hành.
c) Cách xử phạt người có lỗi trong đảng viên: Cách xử phạt người có lỗi trong Đảng do hội chấp hành uỷ viên trong cấp Đảng hay đại biểu đại hội định.

Tài liệu của Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.

LỜI KÊU GỌI

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh, anh chị [1] bị áp bức, bóc lột!

Anh chị em! Các đồng chí!

Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này.

Mâu thuẫn gay gắt về kinh tế giữa các nước đế quốc chủ nghĩa đã gây ra Chiến tranh thế giới 1914-1918. Sau cuộc chém giết đẫm máu đó, thế giới chia ra làm hai mặt trận: mặt trận cách mạng gồm các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản bị bóc lột trên toàn thế giới mà đội tiên phong là nước Nga Xôviết, và mặt trận của chủ nghĩa đế quốc mà tổng hành dinh là Hội quốc liên.

Cuộc chiến tranh đế quốc ấy đã làm cho thế giới bị thiệt hại nặng nề về người và của, đặc biệt là đế quốc Pháp bị thiệt hại nhiều hơn các đế quốc khác. Hiện nay, để tổ chức lại nền kinh tế ở Pháp, đế quốc Pháp ra sức khai thác tài nguyên "của chúng" ở Đông Dương. Chúng xây dựng thêm nhà máy để bóc lột công nhân và buộc họ phải chịu đói rét. Chúng chiếm ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, làm cho nông dân mất hết ruộng đất và lâm vào cảnh tuyệt vọng. Chúng tìm mọi cách để bóp nặn nhân dân ta; chúng thu thuế ngày càng nặng, bắt mua "quốc trái" ngày càng nhiều, làm cho ồng bào ta ngày thêm nghèo khổ.

1) Trong Thư gửi Đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản, ngày 27-2-1930, dùng chữ *Compatriotes* (đồng bào).

Càng ngày chúng càng tăng cường quân đội: một là để giết hại cách mạng An Nam, hai là để chuẩn bị một cuộc chiến tranh đế quốc nữa ở Thái Bình Dương nhằm chiếm thêm thuộc địa, ba là để phá cách mạng Trung Quốc, bốn là để chống lại nước Nga Xôviết, vì nước này đang giúp đỡ các dân tộc bị áp bức và các giai cấp bị bóc lột trên thế giới đứng lên đánh đổ bọn thống trị. Cuộc chiến tranh đế quốc thứ hai đang được ráo riết chuẩn bị. Khi cuộc chiến tranh đó nổ ra, thì nhất định đế quốc Pháp sẽ đẩy anh chị em chúng ta vào một cuộc chém giết đầy tội ác. Nếu chúng ta để cho chúng chuẩn bị chiến tranh, nếu chúng ta để cho chúng chống lại cách mạng Trung Quốc và nước Nga Xôviết, nếu chúng ta để cho chúng tiêu diệt cách mạng An Nam thì khác nào chúng ta để cho chúng dìm giống nòi An Nam ta xuống Thái Bình Dương.

Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh: công nhân bãi công, học sinh bãi khoá, nông dân đòi ruộng đất, nhà buôn nhỏ đóng cửa hàng, nhân dân cả nước đang vùng dậy chống bọn đế quốc.

Phong trào cách mạng An Nam làm cho đế quốc Pháp phải run sợ. Cho nên, một mặt chúng dùng bọn phong kiến An Nam, bọn đại tư sản phản cách mạng và bọn địa chủ để áp bức, bóc lột nhân dân An Nam. Mặt khác, chúng khám xét nhà cửa, bắt bớ, giam cầm và giết hại những người cách mạng An Nam; chúng hy vọng dùng khủng bố trắng tiêu diệt cách mạng An Nam.

Nếu đế quốc Pháp tưởng có thể dùng khủng bố trắng hòng tiêu diệt cách mạng An Nam thì chúng đã lầm to! Một là, cách mạng An Nam không bị cô lập, trái lại nó được giai cấp vô sản thế giới nói chung và giai cấp cần lao Pháp nói riêng ủng hộ. Hai là, giữa lúc các cuộc khủng bố trắng lên đến đỉnh cao thì những người cộng sản An Nam trước kia chưa có tổ chức, đang thống nhất lại thành một đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam, để lãnh đạo toàn thể anh chị em bị

áp bức chúng ta làm cách mạng.

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh! Anh chị em bị áp bức, bóc lột!

Đảng Cộng sản Việt Nam[1] đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để:

1) Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.
2) Làm cho nước An Nam được độc lập.
3) Thành lập Chính phủ công nông binh.
4) Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh.
5) Quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam chia cho nông dân nghèo.
6) Thực hiện ngày làm 8 giờ.
7) Huỷ bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.
8) Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.
9) Thực hành giáo dục toàn dân.
10) Thực hiện nam nữ bình quyền.

Thay mặt Quốc tế Cộng sản
và Đảng Cộng sản Việt Nam
NGUYỄN ÁI QUỐC

Bút tích tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Ngày 18-2-1930

A. 1) Nhận được chỉ thị của Quốc tế Cộng sản về công tác ở Đông Dương, tôi từ giã nước Đức vào tháng 6 và đến Xiêm vào tháng 7-1928. Tôi đã làm việc với một số người An Nam di cư ở đấy tới tháng 11-1929.

2) Những điều kiện ở Xiêm (đúng hơn là cả ở Lào).

(a) Dân cư rất phân tán, hầu hết theo đạo Phật, một số ít theo đạo Thiên chúa.

(b) Chừng 10 hay 15 nghìn người An Nam di cư ở Xiêm và ở Lào. Hơn một nửa trong số họ đã nhiều thế hệ theo đạo Thiên chúa.

(c) Kinh tế - không có công nghiệp, nông nghiệp tự nhiên và lạc hậu, điều đó dẫn đến chỗ đồng ruộng bỏ hoang; người ta có thể sử dụng bao nhiêu đất tùy ý, không hạn chế, không đánh thuế. Thương nghiệp ở trong tay người Trung Quốc.

(d) Thiên nhiên - nửa năm nóng, nửa năm lạnh, và ở mùa này, tất cả mọi thứ giao thông liên lạc đều không thực hiện được.

B. Công tác của tôi ở Lào.

1) Do những điều kiện của người An Nam (nông dân tự do, thợ thủ công, tiểu thương), họ chỉ có thể được tổ chức vào "Hội ái hữu" với tư tưởng yêu nước và chống đế quốc. Trước đây, họ có hơn 1000 người. Nhưng hiện nay ít hơn vì những

người An Nam theo đạo Thiên chúa bị các giám mục người Pháp đe doạ rút phép thông công nên họ đã rút ra khỏi Hội ái hữu.
2) Ba trường học đã được tổ chức. Một trường khác sắp được tổ chức nhưng phải hoãn lại, vì:
(a) Địa điểm gần người Pháp.
(b) Tỉnh trưởng người Xiêm theo đạo Thiên chúa.
(c) Có một nhà thờ do người Pháp làm cố đạo, dĩ nhiên là ông ta chống lại chúng tôi.
3) Một tờ báo, tờ "Thân ái" sắp được xuất bản.

C. Đi về An Nam.

Đã hai lần tôi cố gắng về An Nam, nhưng phải quay trở lại. Bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cẩn mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ An Nam "Quốc dân đảng".

D. Tới Trung Quốc.

Tôi đã cố gắng đi lần thứ ba khi một đồng chí từ Hồng Công tới Xiêm và tin cho tôi biết tình hình Hội An Nam Thanh niên Cách mạng[1)] bị tan rã; những người cộng sản chia thành nhiều phái v.v..
Lập tức tôi đi Trung Quốc, tới đó vào ngày 23-12. Sau đó, tôi triệu tập các đại biểu của 2 nhóm (Đông Dương và An Nam). Chúng tôi họp vào ngày mồng 6-1.

Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng.
Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản.
Các đại biểu phải tổ chức một Trung ương lâm thời gồm 7 uỷ viên chính thức và 7 uỷ viên dự khuyết. Các đại biểu trở về An Nam ngày 8-2.

E. Công tác của Trung ương mới.

1) Ngoài công tác hàng ngày, họ phải tổ chức ngay:

1) Nguyªn b¶n tiÕng Anh lµ *The Annam Young Revolutionary Association.*

a. Đoàn thanh niên cộng sản.
b. Hội tương tế.
c. Hội phản đế.
Họ cũng phải làm những việc tốt nhất của họ để mở rộng ảnh hưởng của Xôviết Quảng Tây.
2) Để tạo cho quần chúng cách mạng, đặc biệt là giai cấp cần lao, biết rằng họ được Quốc tế Cộng sản dìu dắt và giai cấp công nhân thế giới ủng hộ, rằng họ phải bảo vệ Liên Xô và cách mạng Trung Quốc, rằng họ phải đấu tranh chống việc chuẩn bị chiến tranh thế giới mới - tôi đã viết *Lời kêu gọi* để phân phát khi Trung ương được tổ chức xong (khoảng ngày 20-3).

F. Những lực lượng của chúng tôi

Có 5 tổ chức chính trị ở Đông Dương:
a) Đảng Lập hiến được lập nên bởi một số tư sản An Nam - ở Nam Kỳ - hợp tác với đế quốc.
b) Đảng Tân Việt được lập nên bởi tầng lớp trí thức đã một thời có ảnh hưởng nhưng bắt đầu suy yếu từ khi có khủng bố trắng.
c) An Nam Quốc dân đảng cũng được tổ chức bởi trí thức và giai cấp tiểu tư sản. Từ khi bị khủng bố trắng, lực lượng chủ yếu của họ bị tiêu diệt và số còn lại thì phân hóa thành nhiều phe phái: cánh tả thì quan hệ chặt chẽ với chúng tôi, cánh hữu thì đang trở thành như những người manh động.
d) Hội An Nam Thanh niên Cách mạng do chúng tôi tổ chức từ năm 1925. Có thể nói rằng, nó là quả trứng, mà từ đó, nở ra con chim non cộng sản (Đảng Cộng sản). Con chim ra đời, cái vỏ bị phá huỷ gần hết do chính sách sai lầm của những người cộng sản. Phần còn lại của nó chịu ảnh hưởng và chịu sự lãnh đạo của chúng tôi trong công tác vận động quần chúng. Từ nay, với chính sách đúng và với sự thống nhất, chúng tôi có thể chắc rằng Đảng Cộng sản sẽ tiến bộ nhanh chóng.

e) Mặc dù non trẻ và nhỏ bé, Đảng Cộng sản được tổ chức tốt nhất và hoạt động mạnh nhất trong tất cả các lực lượng. Chúng tôi có:

Xiêm: 40 đảng viên chính thức và dự bị.
Bắc Kỳ: 204 "
Nam Kỳ: 51 "
Trung Quốc và nơi khác: 15.

(Trung Kỳ thì ghép vào Bắc Kỳ và Nam Kỳ).

Các tổ chức quần chúng:

Bắc Kỳ: 2.747 hội viên
Nam Kỳ: 327 "
Xiêm: 500 "
Hồng Công: 14 "
Thượng Hải: "

Nên nhớ rằng, từ khi Hội An Nam Thanh niên Cách mạng tan rã, hai nhóm cộng sản sử dụng nhiều - nếu không nói là tất cả - nghị lực và thời gian trong cuộc đấu tranh nội bộ và bè phái.

g) Tình hình kinh tế và chính trị nói chung sẽ được báo cáo sau vì lúc này không có tài liệu.

G. Phong trào đình công

Tên địa phương	*Tháng*	*Nghề nghiệp*
Hà Nội	6-1929	Công nhân cơ khí
Sài Gòn	6	"
Đà Nẵng	6	"
Hải Phòng	6	Công nhân thuỷ tinh
Nam Định	6	Công nhân điện
Hải Phòng	7	Công nhân dệt lụa
Rạch Giá	8	Công nhân kéo xe
Thủ Dầu Một	8	Công nhân đồn điền
Sài Gòn	9	Công nhân khách sạn
Chợ Lớn	9	Công nhân nhà in Trung Quốc
Bắc Ninh	9	Công nhân làm gạch
Hải Phòng	9	Công nhân hãng dầu lửa
Cần Thơ	9	Công nhân kéo xe
Bến Tre	9	"
Mai Mot	9	Phu đồn điền
Trà Vinh	10	"
Rạch Giá	10	"
Kiến An	11	Công nhân kéo xe
Châu Đốc	11	"
Nam Định	12	Công nhân xây dựng
Hải Phòng	12	Công nhân xi măng

(Bản Thống kê này không đầy đủ, mà chỉ là điều tôi biết vào thời gian hiện giờ).

H. Khủng bố trắng

Bị bắt giữ, kết án từ 2 năm đến 20 năm, lưu đày, tống giam vào nhà ngục:

407 đàn ông
14 con gái và đàn bà

Bị kết án chung thân: 7
Xử tử theo luật hình: 4 (tôi là một trong số họ)
Chết trong tù: 3
Bị bắn chết: 1

I. Những kiến nghị

1) *Singapo.* Đảng bộ Singapo đã viết thư cho chúng tôi nói rằng Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ ở dưới sự chỉ dẫn của Singapo. Nhưng xét về hoàn cảnh địa lý (Nga - Trung Quốc - An Nam) cũng như hoàn cảnh chính trị (Đảng mạnh hơn, công nghiệp phát triển ở Bắc Kỳ hơn ở Nam Kỳ), tôi kiến nghị rằng Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ được sự chỉ dẫn từ

Thượng Hải qua Hồng Công.
Tuy nhiên Đảng Cộng sản Việt Nam phải quan hệ thật chặt chẽ với Singapo. Vì lẽ đó, tôi đề nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi một bức thư giới thiệu để chúng tôi có thể phái một đồng chí An Nam làm việc với Singapo.
2) *Xiêm.* Tôi yêu cầu Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi một bức thư khác và địa chỉ của đồng chí lãnh đạo nào đó (Trung Quốc) tại Xiêm để các đồng chí An Nam ở nước này có thể làm việc với các đồng chí Trung Quốc.
3) *Sài Gòn.* Trong chừng mực tôi biết thì có khoảng 200 đồng chí Trung Quốc ở đó. Nhưng họ hoạt động rất ít vì họ không có người lãnh đạo có năng lực.
Tôi đề nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc:
(a) Phái một số đồng chí lãnh đạo đến đó.
(b) Các đảng bộ Trung Quốc và An Nam ở đó, mỗi Đảng sẽ có 1 đại biểu hoặc nhiều hơn để thành lập một văn phòng. Văn phòng này phải:

(1) Phối hợp công tác của họ với nhau nhằm giải quyết quyền lợi của cả người Trung Quốc và An Nam.
(2) Làm tốt nhất việc xếp đặt các đồng chí Trung Quốc hay An Nam làm công dưới tàu thuỷ đi Singapo, Sài Gòn, Hải Phòng, Hồng Công, Thượng Hải để giải quyết tốt hơn giao thông liên lạc của chúng ta.
(3) Bất cứ khi nào một đồng chí Trung Quốc bị cảnh sát làm khó khăn[2)], các đồng chí An Nam phải bảo vệ họ, và "ngược lại".
4) *Bắc Kỳ.* Có một số lớn công nhân Trung Quốc ở Bắc Kỳ, đặc biệt là ở Hải Phòng và Hà Nội. Hơn nữa, hai thành phố này và các vùng miền ngược là đường duy nhất dễ dàng cho sự thông thương với Quảng Tây và Vân Nam, tôi kiến nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc phái một số đồng chí có khả năng đến công tác ở những thành phố đó.

2) Nguyên văn: *Whenever a Chinese comrade is "out" by Police.*

5) *Vân Nam.* Có chừng 2.000 người Trung Quốc và nhiều hơn một chút là công nhân An Nam ở ngành đường sắt Vân Nam . Tôi nghe nói có các đồng chí Trung Quốc ở đó.
Tôi hỏi địa chỉ của vài người trong số các đồng chí đó để chúng tôi có thể phái một số đồng chí An Nam đến phối hợp với họ.
6) *Quảng Tây.* Bắc Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn và những tỉnh khác của An Nam ở vùng đó rất quan trọng về chiến lược đối với Quảng Tây. Trước đây, chúng tôi đã có năm đồng chí làm việc ở đó. Mới đây tất cả họ đều đã bị bắt. Tôi kiến nghị phái những người khác đến. Nhưng *chúng tôi phải bàn xem* thực hiện việc đó như thế nào.
7) *Hồng Công.* Sự hiểu biết về lý luận và chính trị của các đồng chí An Nam rất thấp, việc học tập và đọc sách báo ở thuộc địa gần như không có được. Thượng Hải thì quá xa. Do đó, tôi đề nghị tổ chức một lớp học ở Hồng Công. Chúng tôi *phải thảo luận xem nên tổ chức lớp học đó* thế nào.
8) *Thượng Hải.* Có binh lính An Nam ở đây. Chúng tôi phải bàn xem nên làm việc với họ như thế nào.
K. Những vấn đề như phái những đồng chí An Nam đến học ở trường Đại học, vấn đề kinh tế, cương vị công tác của tôi, v.v.. Tôi nghĩ là tôi sẽ nói với các đồng chí khi chúng ta gặp nhau thì tốt hơn.

Một lần nữa tôi đề nghị gặp các đồng chí, càng sớm càng tốt, vì các đồng chí của tôi có thể cần tôi ở Hồng Công đúng vào lúc này.
L. Tôi rời Hồng Công vào ngày 13-2. Cho tới khi đó tôi không nhận được tin tức gì từ Pháp và hai đồng chí An Nam. Tôi *rất lo lắng* về họ.
Lời kêu gọi[3)]
Tái bút: Đồng chí thân mến, tôi mong được gặp đồng chí càng sớm càng tốt. 1- Vì báo cáo này viết đã được hai ngày mà vẫn

3) *Lời kêu gọi* viết dưới báo cáo trên đã đưa ở trang 8 - 10.

chưa đến tay đồng chí. Như vậy quá chậm trễ. 2- Chúng ta có thể giải quyết tất cả những vấn đề này trong vòng vài giờ nhưng tôi đã mất tám ngày rồi. 3- Tôi buộc lòng phải đợi, không biết làm gì cả, trong khi đó công việc khác đang chờ tôi.

N.A.Q

Bút tích tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI ĐẠI DIỆN TỔNG CÔNG HỘI THỐNG NHẤT PHÁP Ở QUỐC TẾ CÔNG HỘI

Đồng chí thân mến,
Đề nghị đồng chí hỏi Đảng bộ về việc gửi các báo và tạp chí của Đảng cho chúng tôi để chúng tôi dịch đăng báo của chúng tôi. Đầu đề và tên báo, tạp chí nên gấp vào phía trong. Đồng thời gửi cho chúng tôi một tờ báo tư sản của nước các đồng chí để cãi với cảnh sát nếu chúng phát hiện chúng tôi nhận báo chí cộng sản.

Lời chào cộng sản
Ngày 27 tháng 2 năm 1930
Thay mặt Đảng Cộng sản
Đông Dương[4)]

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi:
Ông Lý, Hương Cảng tiểu dạ báo,
Số nhà 53, phố Uynhêm, Hồng Công.
Bút tích tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

4) Trong nguyên bản, viết *For the C.P. of Indochina.*

THƯ GỬI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐẢNG CỘNG SẢN ĐỨC Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Các đồng chí thân mến,

Trong hoàn cảnh tôi sống không hợp pháp, tôi cần có một nghề để nói với người khác. Tôi đóng vai *phóng viên* báo chí. Nhưng cần phải chứng thực được danh nghĩa đó của tôi. Trong số tất cả các báo của các đảng chúng ta, tôi thấy chỉ có mỗi một tờ báo không mang cái tên "có tính chất lật đổ" và có thể cấp cho tôi một giấy chứng nhận thuận tiện, đó là báo *Thế giới*.

Tôi đề nghị các đồng chí xin cho tôi một giấy chứng nhận là phóng viên báo *Thế giới*. Tên của tôi sẽ là *L.M.Vương*. Nếu các đồng chí cần biết những điều gì thêm về tôi, các đồng chí cứ hỏi các đồng chí Pháp.

Lời chào cộng sản thân ái
Ngày 27 tháng 2 năm 1930

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi (chỉ dùng để gửi giấy chứng nhận cho tôi thôi):

Ông TIếT NGUYệT LÂM

Hoa Phong công ty, số nhà 136, đường Wan Chai, Hồng Công.

Bút tích tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI ĐẠI DIỆN ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Các đồng chí thân mến,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Về vấn đề tổ chức, tôi đã gửi báo cáo cho Ban phương Đông. Do đó, tôi thấy không cần nhắc lại ở đây, các đồng chí sẽ xem báo cáo đó ở Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

2. Tôi có mấy yêu cầu và câu hỏi sau đây với các đồng chí. Cần giáo dục các đồng chí An Nam chúng tôi, vì trình độ tư tưởng, lý luận và kinh nghiệm chính trị của các đồng chí đó còn rất thấp. Tôi yêu cầu các đồng chí: (a) cho chúng tôi một tủ sách các tác phẩm của Mác và Lênin, và các sách khác cần cho việc giáo dục cộng sản chủ nghĩa; (b) gửi cho chúng tôi báo *L'Humanité* và tạp chí *Inprekorr* và cả Điều lệ, Cương lĩnh của Đảng và Đoàn thanh niên cộng sản.

3. Cách gửi: sách thì đóng vào những gói nhỏ, báo và tài liệu thì cho vào phong bì, giấu vào trong các đầu đề: Điều lệ và Cương lĩnh.

4. Cho tôi vài địa chỉ chắc chắn ở Pari để chúng tôi có thể viết thư cho các đồng chí.

Cho chúng tôi biết tên những con tàu chạy đường Pháp - Viễn Đông trên đó có các đồng chí Pháp làm việc và cho chúng tôi biết tên các đồng chí đó để chúng tôi có thể bắt liên lạc với họ (chúng tôi ở đây buộc phải thay đổi chỗ ở luôn cho nên không thể cho biết địa chỉ được).

5. Chúng tôi sẽ làm cách nào để sự hợp tác giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp thực sự có hiệu quả.

6. Tôi được biết có những đồng chí Việt Nam ở Pari lợi dụng danh nghĩa đảng viên để nhận (nói đúng hơn là bòn rút) tiền của các công nhân An Nam. Tôi đề nghị các đồng chí kiểm soát họ để tránh gây ấn tượng xấu trong công nhân. (B)[5] Hoàng là một người tốt nhưng không biết gì về chính trị. Anh ta đã gửi những người phản cách mạng đến Trường đại học các dân tộc phương Đông (những người nhiệt tình theo phái Nguyễn Thế Truyền) và đã cử những đại biểu (đến Đại hội lần thứ sáu) đánh lẫn nhau và gây những chuyện tai tiếng. Tôi yêu cầu từ nay Trường không nhận các đại biểu hoặc học sinh An Nam nào không có sự giới thiệu của Đảng Cộng sản Việt Nam.
7. Coi như bước đầu của sự hợp tác, tôi đề nghị Đảng Cộng sản Pháp công bố một bức thư góp ý kiến với Đảng Cộng sản Việt Nam và ra lời kêu gọi lính Pháp ở Đông Dương. Thư và lời kêu gọi đó phải ngắn gọn để chúng tôi có thể dịch và phân phát dưới hình thức truyền đơn (do chúng tôi phải in theo lối cổ sơ). Tôi đề nghị các đồng chí gửi cho tôi bản gốc những tài liệu đó.
8. Địa chỉ gửi cho tôi: Về thư (Gửi cho Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề trên phong bì: Ông Víctо Lơbông, 123, đại lộ Cộng hoà, Pari, Pháp). Về sách báo: Ông Lý, Hương Cảng tiểu dạ báo, 53, phố Uynhêm, Hồng Công.
9. Lúc này tôi chưa biết rõ vị trí của tôi. Tôi hiện là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp hay Đảng Cộng sản Việt Nam ? Cho đến khi có lệnh mới, tôi vẫn phải chỉ đạo công việc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhưng với danh nghĩa gì? Tôi không tham gia Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam vì tôi chưa trở về Đông Dương được, nhất là lúc này, chúng đã ban cho tôi một cái án tử hình vắng mặt. Sự uỷ nhiệm công tác của Quốc tế Cộng sản cho tôi đã hết hạn chưa? Nếu chưa, tôi vẫn tham gia Ban phương Đông ở đây? Tôi đề nghị các đồng chí nhắc Ban Thường vụ Quốc tế Cộng sản cho quyết định về việc này.

5) Nguyên văn có chữ (B) chưa rõ ý nghĩa.

10. Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam có lời kêu gọi sẽ được phân phát trong cả nước vào khoảng ngày 20-3.
Trước đây tôi có nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản dàn xếp (?) các vấn đề về cách mạng ở Đông Dương, nay nhiệm vụ đã hoàn thành, tôi nghĩ có bổn phận gửi cho các bạn và các đồng chí Lời kêu gọi này.
(Nguyên văn *Lời kêu gọi*)[6].
Tôi đề nghị các đồng chí:
a) Công bố trên báo *L'Humanité* và tạp chí *Inprekorr Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
b) Chuyển những thư kèm theo.
c) Và trả lời cho tôi biết.

Lời chào cộng sản thân ái
Ngày 27 tháng 2 năm 1930

NGUYỄN ÁI QUỐC

Bút tích tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

6) Xem *Lời kêu gọi* ở tr.8-10.

THƯ GỬI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐẢNG CỘNG SẢN MỸ

Ngày 27-2-1930

Các đồng chí thân mến,
Tôi đề nghị các đồng chí hỏi Đảng bộ về việc gửi cho chúng tôi báo và tạp chí của Đảng để chúng tôi có thể dịch đăng báo của chúng tôi. Đầu đề và tên báo, tạp chí thì nên gấp vào phía trong. Đồng thời gửi cho chúng tôi một tờ báo tư sản để cãi với cảnh sát nếu chúng phát hiện chúng tôi nhận báo Đảng.

Lời chào cộng sản
Thay mặt Đảng Cộng sản Đông Dương

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi:
Ông Lý, Hương Cảng tiểu dạ báo,
Số nhà 53, phố Uynhêm, Hồng Công.

Bút tích tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ SÔTA
Liên đoàn chống đế quốc - Béclin

Ngày 27-2-1930

Các đồng chí thân mến,
Tôi đang ở Trung Quốc. Khó có thể viết dài cho đồng chí lúc này. Chỉ vắn tắt mấy chữ.
a) Đảng đã được thành lập ở Đông Dương.
b) Có thể hai tuần nữa tôi sẽ viết cho đồng chí dài hơn. Hai tháng nữa sẽ có những tin vui cho Liên đoàn.
c) Đồng chí có nhận được tất cả thư từ tôi gửi cho đồng chí không?

d) Gửi cho tôi những Điều lệ, Cương lĩnh, tài liệu của Liên đoàn, bỏ vào phong bì của một hiệu buôn và gửi đến địa chỉ sau đây:

Ông TIếT NGUYệT LÂM
Hoa Phong công ty,
136, đường Wan Chai, Hồng Công.

e) Gửi cho tôi cả báo ảnh của Cứu tế công nhân. Đây chỉ là "màn khói" để nhận các báo khác.

Đồng chí gửi báo đó cho tôi theo địa chỉ:
Ông Lý, Hương Cảng tiểu dạ báo,
53 phố Uynhêm, Hồng Công.

f) Cho tôi địa chỉ của một tờ báo ấn Độ tốt nhất.
g) ít lâu nữa, tôi sẽ gửi cho đồng chí những phong bì để đề nghị đồng chí chuyển đến những địa chỉ khác nhau, ngoài phong bì ghi các ký hiệu sau đây:
G là để gửi cho báo *Tiếng còi* (Mátxcơva)
P là để gửi cho báo *Sự thật* (Mátxcơva)
I là để gửi cho tạp chí *Thư tín quốc tế* (Béclin)
Gửi tới đồng chí và Anna những kỷ niệm cách mạng thân mến.

PÔN

Bút tích tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ LIÊN XÔ

Ngày 28-2-1930

Các đồng chí thân mến,
Người An Nam, nhất là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật hà khắc của đế quốc Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa, công nhân và nông dân An Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng An Nam. *Nhiệm vụ của chúng tôi* là phải nói với họ về Tổ quốc đó của giai cấp vô sản như thế nào. Để làm việc này tôi có ý định viết *một quyển sách,* - bằng tiếng An Nam, đương nhiên - dưới hình thức: *"Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi"*. Tôi mong rằng nó sẽ sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẩu chuyện. Đây là ***Đề cương*** của tôi về cuốn sách đó.

I. TRƯỚC CÁCH MẠNG

1. Điều kiện sống của công nhân và nông dân.
2. Các tổ chức cách mạng, công tác và sự hy sinh của các tổ chức đó.
3. Sự chuẩn bị cho cuộc cách mạng.
4. Công tác bí mật của R.K.P.

II. TRONG CUỘC CÁCH MẠNG

1. Cách mạng bắt đầu.
2. Đảng và các công đoàn.

3. Nông dân, sinh viên, phụ nữ, nhi đồng tham gia cách mạng.
4. Những khó khăn do bọn đế quốc gây ra, bọn phản cách mạng Nga, nạn thiếu đói, và sự anh dũng cách mạng.
5. Sự phát triển dần dần của đất nước Xôviết.
6. Chủ nghĩa cộng sản thời chiến[2] (đời sống thực).

III. NGÀY NAY

1. Tổ chức Chính phủ Xôviết.
2. Điều kiện sống của công nhân, nông dân, binh lính, phụ nữ, sinh viên, nhi đồng, phụ lão, v.v.. Đại học công nhân, trường Đảng, v.v..
3. Đời sống trong các nhà máy, trại lính, trường học (giáo dục, giải trí, nghỉ hè, v.v.).
4. Hôn nhân và nhà ở.
5. Các hợp tác xã.
6. Phú nông và con buôn.
7. Vấn đề ruộng đất.
8. Kết quả của chính sách kinh tế mới[3] và của kế hoạch 5 năm.
9. Quốc tế cộng sản[4], Quốc tế Công hội[5], Quốc tế Nông dân[6] (số hội viên và các nước tham gia).
10. Rạp hát, bệnh viện, nhà trẻ, v.v..
11. Số liệu so sánh (1914-1930) về:
a) số tổ chức công nhân và nông dân, thành viên của các tổ chức này;
b) về số trường học và số học sinh;
c) về bệnh viện và các cơ quan xã hội khác;
d) số công nhân và nông dân biết chữ;
e) sản xuất trong nước.

v.v., v.v..

Bây giờ có hai vấn đề được đặt ra:
1. *Tài liệu:* Tôi không có gì cả. Tôi đề nghị các đồng chí cung cấp cho tôi tài liệu bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh. Gửi đến cho Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đề ngoài bì: Gửi ông Víctơ Lơbông, 123 - Đại lộ Cộng hoà, Pari, Pháp, với câu ghi: "Nhờ chuyển *ngay tức khắc*".
2. *Việc in:* ở đây chúng tôi chỉ có poly-copie nên chỉ có thể in nhiều nhất là một trăm bản. Chữ cái Việt Nam giống như chữ cái Latinh với một số dấu phụ, ví dụ: a à á â ạ ã, v.v., khi viết xong cuốn sách, chúng tôi có thể in ở nơi các đồng chí được không?
Tôi tin tưởng ở đồng chí về mặt tài liệu cũng như về những lời khuyên cần thiết. Hãy trả lời cho tôi theo địa chỉ trên.

Lời chào cộng sản anh em

NGUYỄN ÁI QUỐC

Bút tích tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐẢNG CỘNG SẢN ANH Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

Tôi đề nghị đồng chí gửi cho chúng tôi báo *La Vie Ouvrière* và tạp chí của Quốc tế Công hội đỏ. Các báo chí đó sẽ dán tem Pháp và tên các báo phải giấu kín. Đồng thời gửi cho chúng tôi bất kỳ một tờ báo tư sản nào (nhận ở báo *La Vie Ouvrière*). Điều này là để chối cãi nếu cảnh sát thấy rằng chúng tôi nhận các báo chí "lật đổ".

Lời chào cộng sản thân ái

Ngày 28 tháng 2 năm 1930

Thay mặt Đảng Cộng sản Việt Nam (Đông Dương)

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi:
Ông Lý, Hương Cảng tiểu dạ báo,
số nhà 53, phố Uynhêm, Hồng Công.

Bút tích tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN VỀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở AN NAM

Từ khi đế quốc Pháp xâm chiếm An Nam, trong nước, luôn luôn có phong trào quốc gia. Nhưng trước năm 1905, đó là một sự hỗn hợp giữa chủ nghĩa phản đế, chống công giáo và Cần Vương[7]. Tuy vậy, lúc đó không có phong trào quần chúng, không có một tổ chức nào như một đảng. Ngọn cờ dân tộc do Hoàng Hoa Thám nắm, cùng với một số ít người có tinh thần kiên quyết và được sự giúp đỡ của nông dân, đã đánh chiếm Yên Thế và tiến hành các cuộc chiến đấu chớp nhoáng chống nhà cầm quyền Pháp. Bọn Pháp không thể tiêu diệt được Hoàng Hoa Thám, do đó nhân dân tin rằng Hoàng Hoa Thám là thần thánh, biết trước được mọi việc. Năm 1911, bọn Pháp thuê một tên phản bội đầu độc Hoàng Hoa Thám.

Năm 1905, thắng lợi của Nhật đối với Nga đã có tiếng vang to lớn ở An Nam. Nhân dân nói rằng: "Người da vàng không còn kém người da trắng". Họ cho Nhật là kẻ vô địch của tự do ở các nước châu á. Thêm vào tinh thần đó, nền văn học cải lương Trung Hoa của Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi đã đưa tinh thần dân tộc An Nam lên độ cao. Sau đó bắt đầu có cuộc đi ra nước ngoài của tầng lớp trí thức sang Nhật Bản. Những người đi ra nước ngoài đó có tổ chức một đảng, có một hoàng thân làm chủ tịch và một nhà văn hào nổi tiếng (Phan Bội Châu) làm tổng thư ký. Đảng này cũng như hy vọng vào sự giúp đỡ của Nhật Bản đã không kéo dài được lâu. Nhật Bản lợi dụng phong trào đó để doạ Pháp và buộc Pháp phải ký một hiệp ước (1907) cho Nhật có quyền đưa quân đội sang An Nam khi xứ thuộc địa này có triệu chứng náo động, chúng trục xuất sinh viên An Nam ra khỏi nước Nhật. Một số những người xuất dương trở về An Nam bị

giam một thời gian, hoặc quay lại làm gián điệp cho chính phủ thực dân. Một số sang Trung Quốc. Còn hoàng thân làm chủ tịch đảng vẫn còn ở Nhật sống dưới sự khoản đãi của bọn quý tộc Nhật Bản, bọn này cấp cho mỗi tháng 50 yên. Đảng Quang phục hoặc Đảng Quốc dân đến đây chấm dứt.

Năm 1908, một cuộc bãi công của nông dân nổ ra trong toàn quốc, những người bãi công ở mỗi huyện tập hợp lại bắt một số bọn thu thuế chợ bỏ vào bao và ném xuống sông, bắt các quan lại ở huyện đưa lên tỉnh và trao trả lại cho chính quyền Pháp, giết một số cảnh sát và phá một vài trạm cảnh sát. Ngoài ra những người bãi công tỏ ra ôn hoà và họ không có vũ khí. Đặc điểm của cuộc bãi công là lòng căm thù đặc biệt hướng vào quan lại An Nam làm công cụ tối đắc lực cho chính quyền và là những kẻ gây ra khổ cực. Những người bãi công đòi một cách ôn hoà bọn Pháp phải rút những quan lại đó đi và phải giảm thuế điền thổ. Để biểu thị sự đoàn kết, mọi người bãi công đều cắt tóc ngắn (người An Nam quen để tóc dài như người Sik ở ấn Độ) và gọi nhau là anh em. Cuộc bãi công kéo dài ba bốn ngày và cuối cùng bị đàn áp bằng nhiều cuộc chém giết đẫm máu. Bọn Pháp gọi cuộc bãi công đó là "cuộc bạo động của những anh em tóc ngắn". Sau đó là giai đoạn khủng bố trắng. Tất cả những người cắt tóc ngắn đều bị bắt. Tất cả những người trí thức nào có đôi chút tiếng tăm đều bị đưa đi đày. Tất cả các trường tư thục đều bị đóng cửa và tất cả các sách báo nước ngoài đều bị cấm. Tất cả những người lãnh đạo hoặc bị coi là người lãnh đạo - khoảng 200 - đều bị chặt đầu. Thuế má tăng.

Năm 1910, binh sĩ An Nam ở Hà Nội có tổ chức một cuộc đầu độc[8] tất cả người Pháp ở trong thành phố. Binh lính và sĩ quan Pháp đang ăn cơm tối như thường lệ, một số đã thấy buồn ngủ. Người đội An Nam đã có mặt ở đồn và sẵn sàng ra lệnh khởi nghĩa. Bất chợt một đại uý Pháp đến trại, ngừng bữa cơm tối và cho báo động. Các binh sĩ cách mạng bị một tên đầy tớ của tên đại uý phản bội. Cuộc đầu độc bị đàn áp rất tàn nhẫn. Những người lãnh đạo bị bắt ngồi trên mũi lưỡi lê và dùng kìm nguội rứt từng miếng thịt một. Cha mẹ họ phải chứng kiến cuộc tàn sát và lễ chặt đầu. Đầu của phạm nhân bị cắm vào đầu gậy tre đặt ở những đường phố đông người trong nhiều ngày. Những người tham gia vụ đầu độc tỏ ra rất dũng cảm. Khi bọn quan lại hỏi, họ chỉ trả lời rằng: "Chính chúng tôi mới là người xử các anh, chứ không phải các anh là người xử chúng tôi". Trên đoạn đầu đài, họ nói với người An Nam rằng: "Nếu các bạn tiếp tục công việc của chúng tôi và thành công trong công việc mà chúng tôi đã thất bại thì chúng tôi chết cũng vui".

Năm 1911, có một vụ khác nữa. Một trái bom nổ ở sân một tiệm cà phê Pháp giết chết nhiều sĩ quan và thường dân Pháp. Những người ném bom trốn thoát, nhưng dân chúng Pháp ở Hà Nội muốn yêu cầu nhà cầm quyền "cho một bài học". Do đó nhiều người An Nam bị bắt và bị bắn chết. Luật giới nghiêm được công bố và tiếp theo sau là khủng bố trắng.

Năm 1915 nhà cách mạng Lương Ngọc Quyến bị bắt giam ở tỉnh Thái Nguyên. Trong khi ở nhà lao, ông có tổ chức một cuộc bạo động. Cuộc bạo động bắt đầu ở trong nhà lao sau lan ra thành phố. Nhiều người Pháp bị giết, nhiều người khác phải bỏ chạy. Những người cách mạng chiếm giữ thành phố trong nhiều tuần. Bọn Pháp phá hết lúa má trong tỉnh và tổ chức phong toả. Phong trào bị thiếu lương thực nên đã thất bại.

Năm 1916 lại chứng kiến một cuộc khởi nghĩa khác. Lần này là nhà vua An Nam trẻ tuổi khởi đầu phong trào. Bọn Pháp bắt hàng ngàn thanh niên An Nam sang chiến trường Pháp và Bancăng. Nhà vua có liên lạc bí mật với binh lính An Nam và chuẩn bị cuộc khởi nghĩa. Nhưng vì bị một tên quan phản bội nên nhà vua bị bắt vài giờ trước thời gian định nổ ra cuộc khởi nghĩa. Những người giúp việc bị chặt đầu và nhà vua bị đưa đi đày ở đảo Rêuyniông ở châu Phi.

Năm 1919, nhân dân thuộc địa chưa biết cuộc cách mạng Nga, biết được một ít thì lại bị tuyên truyền của đế quốc xuyên tạc thành một việc rất dã man: "một người lông lá cắn con dao giữa hai hàm răng, máu me từ trên con dao nhỏ giọt xuống"... Do đó tất cả đều bị bài hát tự do của tổng thống Uynxơn mê hoặc. Cũng như dân tộc Triều Tiên, Ai Cập, Xyri và các dân tộc bị áp bức khác, một số những người quốc gia

Việt Nam trẻ tuổi gửi một bản yêu cầu cho Hội nghị hoà bình ở Vécxây[9]. Họ nhận được những bức thư rất hay của các phái đoàn hứa sẽ "chú ý xem xét". Thế là hết. Tuy thế những tờ giấy ngây thơ đó lại đã gây ra những tiếng sủa điên cuồng trên báo chí thực dân Pháp, binh sĩ An Nam ở Pháp bị lục soát và "quản chế" nghiêm ngặt.

Từ năm 1920 trở đi, một hội tập hợp tất cả những phần tử quốc gia của các thuộc địa được tổ chức ở Pari. Họ ra một tờ báo và làm dư luận bàn tán sôi nổi[10]. Tất nhiên, người An Nam là trung tâm của tổ chức ấy. Kết quả của tất cả những cái đó đều rất được bọn cảnh sát của "chính quốc" Pháp quan tâm. Chúng thuê hơn một ngàn lính mật thám mới để theo dõi nhóm người "bônsêvích" thuộc địa. Nhưng rất đúng là do hay chửi rủa những người "bônsêvích" đó mà bọn Pháp ở các thuộc địa đã làm cho quần chúng phải suy nghĩ. Quần chúng không biết chủ nghĩa bônsêvích thực ra là gì, nhưng họ nói với nhau rằng: "được, dù đó là cái gì đi nữa, nhưng vì nó *không tốt* đối với Pháp, thì *phải là tốt* đối với chúng ta". Vì vậy bọn đế quốc Pháp đã làm việc tuyên truyền cộng sản nhiều hơn Quốc tế thứ ba mong muốn.

Năm 1924, tên toàn quyền Pháp từ Nhật Bản trở về đến Sa Diện (Quảng Châu), một người An Nam ném một quả bom vào tên đó[11]. Nhiều người Pháp cùng đi với hắn đã bị chết, còn chính hắn thì không việc gì. Sự việc đó gây ra một sự rắc rối giữa chính quyền ở Quảng Châu và người Pháp. Vì việc lại xảy ra ở Trung Quốc nên bọn Pháp ngăn ngừa hết sức cẩn thận và khôn khéo để tiếng vang không đến tai quần chúng An Nam.

Năm 1925, Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội[7)] được thành lập ở Quảng Châu[12]. Hội rất tích cực tổ chức các lớp huấn luyện, đưa thanh niên từ An Nam sang học rồi sau khi huấn luyện cẩn thận lại gửi họ về nước. Nhiều người gọi

[7)] Tiếng Anh trong nguyên bản viết là *The Annam Young Revolutionary Association*.

là sinh viên đỏ đã bị bắt ở biên giới và bị kết án tù dài hạn. Nhưng nhà trường vẫn tiếp tục công việc rất có kết quả. Điều đó, cộng thêm với việc thống nhất tỉnh Quảng Đông của Quốc dân Đảng Trung Quốc - lúc đó làm rất triệt để - đã khiến cho đế quốc Pháp ở Đông Dương khiếp sợ. Trong tư tưởng của những người đứng ra tổ chức thì Hội này sẽ là cơ sở cho một đảng lớn hơn và tương lai đã chứng minh điều đó.

Năm 1926, có một sự thức tỉnh trong toàn quốc tiếp theo sau cái chết của một nhà quốc gia chủ nghĩa già - Phan Chu Trinh. Khắp trong nước đều có tổ chức lễ truy điệu. Chữ "Chủ nghĩa quốc gia" từ đó được nói và viết một cách công khai. Những giáo viên Pháp tìm cách ngăn cấm học sinh tham gia các cuộc mít tinh đó. Nam nữ học sinh ở nhiều trường, đặc biệt là ở Sài Gòn là nơi tổ chức đám tang, đã tuyên bố bãi khoá. 20.000 người đi theo linh cữu mang biểu ngữ viết những khẩu hiệu có tính chất quốc gia chủ nghĩa. Người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy bao giờ trong lịch sử.

Cũng trong khoảng thời gian đó, việc bắt một nhà cách mạng lão thành khác - Phan Bội Châu - lại là một dịp mới để bùng nổ ý thức quốc gia. Trước kia, viết tên Phan Bội Châu đã là phạm tội. Đến nay, mọi người nói đến một cách mến phục vì Phan Bội Châu là tiêu biểu cho chủ nghĩa quốc gia. Nhiều tổ chức gửi kiến nghị yêu cầu nhà cầm quyền Pháp phải thả ông ra. Đặc biệt, sinh viên đã tỏ ra rất tích cực. Khi toàn quyền Varen (đảng viên Đảng Xã hội Pháp) đến, họ tổ chức các cuộc biểu tình mang khẩu hiệu "Nhà xã hội Varen muôn năm!"; "Thả Phan Bội Châu!"; "Đả đảo chủ nghĩa thực dân tàn ác!". Phong trào lên cao đến nỗi toà án đặc biệt Pháp trước đây đã kết án tử hình nay lại phải thả Phan Bội Châu ra.

Bên cạnh Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội còn có ba nhóm chính trị: nhóm Thanh niên ở Nam Kỳ, Tân Việt ở Trung Kỳ và An Nam Quốc dân đảng ở Bắc Kỳ. Nhóm thứ

nhất gồm phần lớn là thanh niên sinh viên; nhóm thứ hai là trí thức; nhóm thứ ba là tiểu tư sản. Nhóm cuối cùng tích cực hơn nên về số lượng và về chính trị mạnh hơn hai nhóm trên. Nhóm đó gồm chủ yếu những nhân viên trong chính quyền Pháp: giáo viên, phiên dịch, công chức nhỏ, v.v.. Nhóm đó có chi nhánh khắp trong nước. Tuy nhiên, từ đầu đến cuối, những tổ chức này không thấy có hoạt động chính trị gì, họ không có đủ thì giờ.

Năm 1929, đế quốc Pháp bắt đầu tiến công các tổ chức đó. Cuộc tấn công bắt đầu bằng khoảng 300 vụ bắt bớ ở Nam Kỳ để đàn áp nhóm Thanh niên. Tiếp đó là ở Bắc Kỳ có hơn 800 vụ bắt bớ. Hầu hết An Nam Quốc dân đảng bị lọt vào lưới. Sau đó cuộc tấn công hướng vào Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và Tân Việt ở Trung Kỳ với hơn 400 vụ bắt bớ. Tất cả nạn nhân của cuộc khủng bố trắng, hội viên của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, nếu bị phát hiện (đúng hoặc sai) là cộng sản thì đều bị tra tấn nặng nề hơn những người khác; đối với những người đó chỉ có tử hình và tù chung thân. Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội - nhờ phương pháp tổ chức - nên bị thiệt hại ít hơn các nhóm khác về số lượng.

Quốc dân đảng trở nên manh động đã tổ chức vụ bạo động quân sự vừa rồi ở Bắc Kỳ (10-2-1930). Nếu báo chí nói đúng thì 13 đảng viên, trong đó có cả lãnh tụ Quốc dân đảng đã bị bắn chết. Sau trận đàn áp đó, đảng này rất khó phục hồi[13].

Khoảng tháng 5 năm 1929, Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội họp Hội nghị toàn quốc. Đại biểu Bắc Kỳ đề nghị tổ chức ngay một đảng cộng sản. Các đại biểu khác đề nghị sau này hãy tổ chức. Nhóm Bắc Kỳ bỏ hội nghị ra về và tổ chức một đảng (Đông Dương). Một số khác, sau đó đã tổ chức một đảng khác (An Nam). Đó là mối bất hoà đầu tiên. Nhóm Bắc Kỳ tìm hết cách để phá hoại Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội vì họ cho rằng: Hội đó quá đông và cơ hội chủ nghĩa nên nó có thể làm lu mờ ảnh hưởng và công tác của

Đảng cộng sản trong quần chúng. Nhóm An Nam ra sức giữ cho Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội tiếp tục hoạt động vì họ cho rằng: Hội có thể lợi dụng để tập hợp tầng lớp trí thức và giai cấp tiểu tư sản. Đó là mối bất hoà thứ hai. Cả hai đều cố thống nhất nhau lại, nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì càng hiểu lầm nhau bấy nhiêu và hố sâu ngăn cách ngày càng rộng bấy nhiêu.

Một mặt họ công kích lẫn nhau, tuy nhiên mặt khác cả hai lại đều công tác trong công nhân, nông dân và sinh viên, tổ chức các cuộc đình công, rải truyền đơn, v.v.. Nhiều thì giờ và sức lực đã bị lãng phí vì sự rối ren chia rẽ đó, đảng viên của mỗi bên đều bị thiệt hại, chỉ trích lẫn nhau là không bônsêvích, v.v.. Mặc dầu hoàn cảnh bất hợp pháp và những khó khăn về chính trị và tài chính, họ đã xuất bản ít nhất là 11 tờ báo. Họ cũng còn mắc nhiều khuyết điểm nữa. Thí dụ khi một cuộc đình công nổ ra, họ phát ngay ra những truyền đơn có in dấu xôviết. Có khi, với một nhóm người đình công, họ cũng định tổ chức xôviết. Hoặc họ biết bắt đầu tổ chức một cuộc đình công như thế nào nhưng không biết làm thế nào để thu được kết quả tốt. Hoặc họ vô sản hoá trí thức bằng cách bắt những người trí thức kéo xe và, v.v..

Đặc điểm nổi bật các hoạt động của họ được thấy rõ trong dịp lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười. Trong dịp này, bọn Pháp đã huy động tất cả cảnh sát, hiến binh, dân vệ và một bộ phận quân đội. Luật giới nghiêm được công bố và cảnh vệ vũ trang đi tuần tiễu trong các thành phố cũng như các làng mạc. Chúng sợ một cuộc khởi nghĩa. Mặc dầu có sự kiểm soát nghiêm ngặt, những người cộng sản đã thực hiện thắng lợi công việc của mình. Truyền đơn rải khắp nơi, biểu ngữ đỏ chăng qua các đường phố, khẩu hiệu dán trên tường, cờ đỏ treo trên cây hoặc trên nóc nhà và trên dây điện. Một vài người làm công tác tuyên truyền đã bị bắt khi đang ở trên cành cây. Cuộc tổ chức lễ đó đã tác động rất mạnh đến quần chúng.

Ngày nay các nhóm cộng sản đã thống nhất vào một đảng, hoạt động nhất định sẽ tốt hơn trước nhiều. Nhưng bọn đế quốc Pháp cũng không khác trước. Bất kỳ ai đến một khách sạn cũng đều phải đưa thẻ căn cước có ảnh cho cảnh sát, giấy tờ đó chỉ được trả lại khi nào đi nơi khác. ở các làng, đàn ông từ 18 đến 60 tuổi phải đi canh gác. Suốt ngày đêm đều có người canh gác ở cửa nhà ga, cổng làng và bến sông. Một giáo viên nông thôn không được đi ra khỏi nhà quá 5 kilômét. Một người (đàn ông cũng như đàn bà) đi từ làng mình sang làng bên cạnh cũng phải trình thẻ căn cước và ảnh. ở đâu cũng có mật thám và đủ các loại mật thám: một số do bọn Pháp thuê, một số khác do quan lại trong tỉnh, một số khác nữa vẫn do tỉnh trưởng hoặc phó tỉnh trưởng thuê, v.v.. Gần đây (tháng 12 năm 1929), hai làng đã bị triệt hạ và tất cả dân cư đều bị bắt vì cảnh sát thấy có hai người cách mạng trốn ở đó mà không bắt được!

Chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng với kinh nghiệm và lòng hy sinh, với quần chúng ở bên cạnh, những người cộng sản nhất định sẽ chiến thắng.

Ngày 5 tháng 3 năm 1930

Bút tích tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ [1] VÀ CÁC HỌC SINH VIỆT NAM ĐANG HỌC Ở LIÊN XÔ

Đồng chí,

1. Trong nước bây giờ đã có đảng thống nhất vững vàng, không còn những tệ chia lìa ấu trĩ như trước nữa.

2. Đến kỳ hội Quốc tế lao động sẽ có anh em công nhân qua đại biểu, vậy đồng chí Zao phải phụ trách phần dịch cho các đại biểu đó. Trách nhiệm đại khái như sau này:

A. Bàn với đại biểu làm báo cáo, rồi dịch ra tiếng Nga, để khi khai hội mà báo cáo.

B. Trong khi diễn thuyết giữa hội, hoặc nói khác, anh em công nhân không quen nói, thì mình phải tuỳ đó mà thêm thắt vào cho có thể thống.

C. Phải chú ý các việc, các báo cáo trong đại hội, để mà phiên dịch và giải thích kỹ càng cho anh em đại biểu hiểu.

D. Khi đại hội rồi, phải dọn sắp tài liệu để cho đại biểu đem về báo cáo trong nước.

E. Đi ra ngoài, gặp những việc tốt, thì phải báo cho anh em đại biểu chú ý, để so sánh với tình cảnh trong nước mình. Gặp những sự không vẻ vang, như lang thang, cơ nhỡ[8], vân vân, phải hết sức giải thích cho anh em hiểu, chớ để họ có ấn tượng không tốt[9].

---

[1] Tức đồng chí Bùi Công Trừng, thường được gọi là Giáo vì trước khi xuất dương có làm nghề dạy học.

[8]) Nguyên bản là *Besprizorny, nepmen.*

[9]) Nguyên bản viết tiếng Pháp là *mauvaises impressions.*

Nói tóm lại là làm sao cho anh em đại biểu hiểu, hăng hái, và yêu mến Xô-Nga, lại có cảm tình với anh em lao động các nước.

3. Tất cả anh em học sinh, nhất là người phụ trách, đối với đại biểu lao động phải tỏ tình rất thân mật. Chớ để người ta trông thấy sự phân biệt trí thức và vô sả[1].

4. Khi đại hội rồi, đại biểu đã trở về, thì đồng chí Zao phải gởi thơ về báo cáo và phê bình các đại biểu đó. Thơ ấy đem lên Bostosny [2], nói gởi cho M.Victor Lebon ở Đông Phương bộ Thượng Hải.

5. Nếu đồng chí Zao không ở [3] nữa, thì anh em cũng cử một đồng chí khác phụ trách thế.

6. Tài liệu báo cáo, chúng tôi sẽ gởi qua.

Chúc các đồng chí gắng sức!

5-4-30

Thay mÆt ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bút tích tiếng Việt,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

[1]) Nguyên bản viết bằng tiếng Pháp: *Intellect* và *prolet.*

[2]) Ban phương Đông.

[3]) Trường đại học phương Đông.

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐÔNG DƯƠNG

Cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân Đông Dương chống đế quốc Pháp ngày càng trở nên quyết liệt hơn. Chúng tôi phân tích từ sự khởi điểm của phong trào, bắt đầu từ tháng 5 đến chi tiết các sự kiện trong các cuộc đấu tranh gần đây.

Ngày tháng	Tính chất đấu tranh	Địa điểm
1-5	Bãi công của thợ điện	Thanh Hoá (Trung Kỳ)
1-5	Bãi công của 250 thợ điện	Chợ Lớn (Nam Kỳ)
1-5	Bãi công của 400 công nhân đường sắt	Zi-an (Trung Kỳ)
1-5	Bãi công của 90 công nhân đường sắt	Tháp Chàm (Trung Kỳ)
1-5	Biểu tình của 250 nông dân	Thái Bình (Bắc Kỳ)
1-5	Biểu tình của 100 nông dân	Nghi Xuân (Trung Kỳ)
1-5	Biểu tình của 800 nông dân	Bến Thuỷ (Trung Kỳ)
1-5	Biểu tình của 2000 nông dân	Thanh Chương (Trung Kỳ)
1-5	Biểu tình của 1500 nông dân	Sa Đéc - Cao Lãnh (Nam Kỳ)
1-5	Biểu tình của 800 nông dân	Chợ Mới (Nam Kỳ)

Các huyện Nghi Xuân, Bến Thuỷ, Thanh Chương thuộc tỉnh Nghệ An, cần phải đặc biệt chú ý đến Thanh Chương, bởi thứ nhất là địa phương này trong cuộc biểu tình ngày 1-5 có 20 người bị bọn đế quốc giết chết và khoảng từng ấy người bị thương. Thứ hai, trong những ngày gần đây, Thanh Chương là trung tâm đấu tranh nhất của phong trào nông dân đấu tranh.

ở Thái Bình, trong cuộc biểu tình ngày 1-5 cũng có 1 người chết và 5 người bị thương. ở Nghi Xuân, có 5 người chết và 15 người bị thương. Số người bị bắt nhiều vô kể.

Từ đó, cuộc đấu tranh của nông dân vẫn tiếp diễn:

Ngày 5-5 có cuộc biểu tình của 1500 nông dân Long Xuyên (Nam Kỳ).

Ngày 13-5 có cuộc biểu tình của 3000 nông dân Sa Đéc (Nam Kỳ).

Ngày 13-5 có cuộc biểu tình của 4000 nông dân Cần Thơ (Nam Kỳ).

Ngày 17-5 có cuộc biểu tình của nông dân Bến Thuỷ (Trung Kỳ).

Ngày 28-5 có cuộc biểu tình của 500 nông dân Cần Thơ (Nam Kỳ).

Ngày 28-5 có cuộc biểu tình của 1500 nông dân Long Xuyên (Nam Kỳ).

Ngày 28-5 có cuộc biểu tình của 1000 nông dân (Nam Kỳ).

Ngày 29-5 có cuộc biểu tình của 1000 nông dân Chợ Lớn (Nam Kỳ).

Ngày 29-5 có cuộc biểu tình của 1300 nông dân Hóc Môn (Nam Kỳ).

Ngày 31-5 có cuộc biểu tình của 500 nông dân Cầu Kè (Nam Kỳ).

Trong các cuộc biểu tình này (không tính cuộc biểu tình ngày 1-5) có 10 nông dân bị chết và 20 người bị thương nặng.

Ngày 1-6 lại có cuộc biểu tình của 500 nông dân Vĩnh Long (Nam Kỳ).

Ngày 3-6 có cuộc biểu tình của 2.500 nông dân Thanh Chương (Trung Kỳ).

Ngày 4-6 có cuộc biểu tình của 2.000 nông dân Đức Hoà (Nam Kỳ).

Ngày 4-6 có cuộc biểu tình của 3.000 nông dân Bình Chánh (Nam Kỳ).

Ngày 4-6 có cuộc biểu tình của 1.500 nông dân Hóc Môn (Nam Kỳ).

Ngày 4-6 có cuộc biểu tình của 300 nông dân Bà Điểm (Nam Kỳ).

Ngày 11-6 có cuộc biểu tình của 4.000 nông dân Anh Sơn (Trung Kỳ).

Ngày 11-6 có cuộc biểu tình của 600 nông dân Nam Đàn (Trung Kỳ).

Ngày 14-6 có cuộc biểu tình của 200 nông dân Tân An (Nam Kỳ).

Ngày 26-6 có cuộc biểu tình của 300 nông dân Nghi Lộc (Trung Kỳ).

Ngày 28-6 có cuộc biểu tình của 400 nông dân Chợ Mới (Nam Kỳ).

Ngày 30-6 có cuộc biểu tình của 100 nông dân Bà Quẹo (Nam Kỳ).

Trong các cuộc biểu tình của tháng 6 có 10 nông dân bị chết, 26 người bị thương nặng. Trong thời gian này, chỉ có một cuộc bãi công ở Nhà máy Diêm, Vinh - Nghệ An (Trung Kỳ).

Ngày 2-7 có cuộc biểu tình của 1.000 nông dân Ninh Hoà (Khánh Hoà - Trung Kỳ).

Ngày 13-7 có cuộc biểu tình của 300 nông dân Quỳnh Lưu (Trung Kỳ).

Ngày 20-7 có cuộc bãi công của 300 công nhân Công ty dầu lửa á Đông - Sài Gòn.

Ngày 20-7 có cuộc biểu tình của 300 nông dân Tân Thuận, Sa Đéc (Nam Kỳ).

Ngày 20-7 có cuộc biểu tình của 500 nông dân Cao Lãnh (Nam Kỳ).

Ngày 24-7 có cuộc biểu tình của 100 nông dân Long Xuyên (Nam Kỳ).

Trong các cuộc biểu tình nói trên, có 2 cuộc biểu tình được tổ chức dưới dạng phản đối việc cử hành ngày lễ dân tộc của Pháp trên đất Việt.

ở tháng 7, cuộc biểu tình của nông dân Cao Lãnh có 3 nông dân bị giết. Ngày 25-7, những người thợ điện của thành phố Huế (Trung Kỳ) đã bãi công.

Ngày 1-8, các đường dây điện báo giữa các tỉnh Hải Phòng và Hà Đông với Hà Nội (Bắc Kỳ), giữa Long Xuyên và Trà Vinh (Nam Kỳ) bị cắt đứt. Nói đến việc nổi dậy của công nhân, phải chú ý đến các cuộc đấu tranh sau:

- Cuộc bãi công của công nhân Bến Thuỷ (Nghệ An - Trung Kỳ).
- Cuộc bãi công của 600 công nhân Nhà máy rượu ở Chợ Lớn (Nam Kỳ).
- Cuộc bãi công của 800 công nhân Công ty dầu lửa ở Sài Gòn.
- Cuộc biểu tình của 400 nông dân Đô Lương (Nghệ An - Trung Kỳ).
- Cuộc biểu tình của 300 nông dân Can Lộc (Hà Tĩnh - Trung Kỳ).
- Cuộc biểu tình của 3000 nông dân Hóc Môn (Nam Kỳ).
- Cuộc biểu tình của nông dân Trà Vinh (Nam Kỳ).
- Cuộc biểu tình của nông dân Tân Thuận (Nam Kỳ).
- Cuộc biểu tình của nông dân Đức Hoà (Nam Kỳ).
- Cuộc biểu tình của nông dân Trà Vinh (Nam Kỳ).
- Cuộc biểu tình của nông dân Bà Điểm (Nam Kỳ).

Trong thời gian của cuộc biểu tình ở Trà Vinh, bọn đế quốc đã giết chết 3 và làm bị thương một số nông dân khác. Các sở kiểm duyệt ở nhiều nơi không đưa ra những thông tin về số lượng người tham gia đấu tranh hoặc những thông tin đó được công bố với số lượng ít hơn thực tế.

Ngày 9-8, lại có cuộc biểu tình của nông dân ở Bà Điểm (Nam Kỳ).

Ngày 18-8 có cuộc bãi công của nông dân Can Lộc (Trung Kỳ).

Ngày 22-8 có cuộc bãi công của 1.300 công nhân ở Vinh - Nghệ An (Trung Kỳ).

Ngày 22-8, 1.500 nông dân ở Cao Lãnh - Sa Đéc (Nam Kỳ) cũng biểu tình.

Ngày 23-8 có cuộc biểu tình của nông dân Hóc Môn và Bà Điểm (Nam Kỳ).

Hai cuộc biểu tình cuối để tưởng nhớ tới *Xắccô* và *Vanxetti.*

Ngày 29-8 có cuộc biểu tình của 1.000 nông dân Can Lộc (Hà Tĩnh - Trung Kỳ).

Ngày 29-8 có cuộc biểu tình của 500 nông dân Nội Lộc (Hà Tĩnh- Trung Kỳ).

Ngày 30-8 có cuộc biểu tình của 3.000 nông dân Nam Đàn (Nghệ An- Trung Kỳ).

Ngày 31-8 có cuộc biểu tình của 1.000 nông dân Hưng Nguyên (Trung Kỳ).

Ngày 1-9 có cuộc biểu tình của 2.000 nông dân Thanh Chương (Trung Kỳ).

Ngày 7-9 có cuộc biểu tình của nông dân Đồng Hới (Trung Kỳ).

Cùng ngày 7-9 có cuộc biểu tình của 1.000 nông dân Can Lộc (Hà Tĩnh - Trung Kỳ).

Ngày 7-9 còn có cuộc biểu tình của 3.000 nông dân Anh Sơn (Nghệ An - Trung Kỳ).

Ngày 8-9 vẫn có biểu tình của 1.000 nông dân Can Lộc.

Cùng 8-9 có cuộc bãi công của thợ dệt ở Nam Định (Bắc Kỳ).

Từ ngày 9-8 đến ngày 31-8, trong các cuộc biểu tình, có 2 người nông dân bị giết.
Từ ngày 1-5 đến ngày 8 tháng ... (ngày viết bản báo cáo này) không ngày nào không diễn ra việc tuyên truyền các tài liệu cách mạng và treo cờ đỏ búa liềm.
Phong trào công nhân, cũng như phong trào nông dân ở Nam Kỳ mạnh hơn nhiều so với phong trào ở Bắc Kỳ. Mà ở Nam Kỳ có nhiều xí nghiệp công nghiệp hơn ở Trung Kỳ - điều này đã không làm cản trở việc ở Trung Kỳ có nhiều cuộc bãi công hơn ở Nam Kỳ.

Địa danh	Số cuộc bãi công	Số cuộc biểu tình của nông dân
Bắc Kỳ	1	1
Trung Kỳ	7	20
Nam Kỳ	5	34

Số lượng các cuộc biểu tình của nông dân được phân bố như sau:

ở tỉnh Nghệ An: 11
Gia Định: 10
Hà Tĩnh: 8
Sa Đéc: 6
Chợ Lớn: 6
Long Xuyên: 5
Cần Thơ: 2
Trà Vinh: 2
Vĩnh Long: 1
Tân An: 1
Khánh Hoà: 1
Quảng Bình: 1
Thái Bình: 1

Khánh Hoà và Quảng Bình là 2 tỉnh ở xa nhau. Nghệ An và Hà Tĩnh là 2 tỉnh nằm kề nhau. Các tỉnh còn lại ở Nam Kỳ đều nằm kế tiếp nhau.
Nhìn lên bản đồ, ta thấy ngay rằng nơi có phong trào nông dân mạnh là những địa hạt cách nhau không xa.
Ví dụ: tỉnh Nghệ An, các địa hạt Anh Sơn, Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc là các địa hạt nối liền nhau, còn Can Lộc là một huyện của tỉnh Hà Tĩnh nhưng cũng nằm sát tỉnh Nghệ An.
Tính riêng ở Nam Kỳ, tổ chức được 137 nghìn nông dân. ở Trung Kỳ, tổ chức được gần 10 nghìn nông dân, nhưng phải lưu ý rằng, trên phương diện địa hình, tổ chức được nông dân là rất khó khăn. Khủng bố trắng và *các ngăn trở* khác làm cho không thể tổ chức tập trung được - điều kiện như vậy nên phải có các Hội nông dân.

Hiện nay, trận đấu giữa nông dân Đông Dương và đế quốc Pháp đang tập trung ở địa hạt Thanh Chương. Động lực của nó là cuộc bãi công của công nhân thành phố Vinh ngày 22-8. Khi cuộc bãi công vừa nổ ra, những người cộng sản đã tuyên truyền, vận động quảng đại nông dân, kêu gọi họ ủng hộ những người bãi công. Bắt đầu từ ngày 29-8, nông dân ở vùng Can Lộc, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương đã tiến hành hàng loạt các cuộc biểu tình. Nhờ vào sự giúp đỡ của anh em này mà những người bãi công đã chiến thắng. Họ đưa ra những yêu sách sau:

1. Đuổi 2 người thợ cả đã đánh đập công nhân.
2. Nhận lại 2 công nhân đã bị đuổi khỏi Nhà máy diêm vào làm việc.
3. Trao cho công nhân quyền lựa chọn thợ cả.
4. Không được đuổi việc công nhân vì họ tham gia bãi công và biểu tình.
5. Thả ngay 2 người bãi công đang bị giam giữ.
6. Tự do bãi công, biểu tình và tổ chức.
7. Giải tán các đội tuần tra.
8. Chấm dứt ngay trên thực tế việc cử các đội quân đàn áp

những người biểu tình và làm thoả đáng các yêu sách của nông dân biểu tình.
9. Tăng lương và ngày làm 8 giờ.
Trong lúc biểu tình, 3.000 nông dân Nam Đàn đã vây chặt văn phòng viên quan huyện, phá nhà tù và giải thoát tù nhân.
ở Thanh Chương, 20.000 người đã tham gia vào cuộc biểu tình của nông dân. Trước khi biểu tình, đội vũ trang nông dân đã bắt giữ tất cả các đảng viên của Đảng "Loài người và lương tri" (một tổ chức phát xít). Đập phá trụ sở của tổ chức này và bắt giữ 11 tên vệ binh phátxít, giải bêu trước dân chúng khắp vùng. Nông dân hăng hái mang 200 cờ đỏ búa liềm, hàng ngũ chỉnh tề kéo về huyện lỵ, vây hãm văn phòng quan huyện, đập phá phòng riêng của quan huyện. Những người biểu tình đã phá cửa nhà tù, giải phóng tù nhân và kiểm soát tất cả nhà tù. Một sĩ quan Pháp có mặt tại đó đã chỉ huy một vài lính bản xứ chống lại, nhưng khi thấy một lực lượng nhỏ nông dân vừa tới thì vội vàng bỏ trốn.
Khi đoàn biểu tình đi ngang qua trại lính thì không thấy mặt một sĩ quan Pháp nào, nhưng những người lính bản xứ thì đã sẵn sàng nhả đạn. Lúc đó 2 thanh nữ nông dân bước lên trước đoàn biểu tình, hướng thẳng vào những người lính đó và nói rằng, nếu như họ cố tình bắn vào những người nông dân, trước hết hãy bắn họ (2 cô gái) đã. Những người lính dao động và trở thành thân thiện với những người biểu tình. Cuộc diễu hành lại tiếp tục.
Nông dân đã đưa ra những yêu sách sau:
1. Thả tự do cho những người bãi công ở Vinh đã bị bắt.
2. Không được đưa lính ra chống lại những người bãi công và nông dân.
3. Không được cho lính đàn áp các phong trào ở nông thôn.
4. Không được phá huỷ làng mạc.
5. Bỏ chế độ tuần canh trong xóm làng.
6. Bãi bỏ chế độ thuế.
7. Cấp phát gạo cho những người nông dân đang bị đói.

8. Chia đất (một diện tích rộng) cho bần cố nông.
9. Huỷ bỏ toà án đặc biệt (toà án khẩn cấp).
10. Bãi bỏ án tử hình.
11. Tự do bãi công, biểu tình và liên hiệp.
12. Trả tiền bồi thường cho gia đình những người bị chết trong các vụ đàn áp.
13. Trả tự do cho tất cả tù chính trị, trong đó có cả 12 người mới bị kết án tử hình.

Theo tư liệu chúng tôi hiện có, nông dân ở Nam Đàn và Thanh Chương cương quyết không nộp thuế mà không một ai làm gì được họ. Họ đã lấy tài sản của bọn địa chủ chia cho dân nghèo, huỷ bỏ tất cả mọi mệnh lệnh, quy định của quan lại bản xứ và bọn đế quốc Pháp. (Họ tổ chức ra Xôviết nông thôn, hoặc các cơ quan gần như Xôviết nông thôn). Nông dân tuyên bố công khai: "Tất cả chúng tôi đều là cộng sản!".

Chính quyền Pháp ở Đông Dương đang chuẩn bị ráo riết một chiến dịch khủng bố nông dân Nghệ An nói chung và nông dân Thanh Chương nói riêng. Một mặt, chúng yêu cầu chính quyền Pari nới rộng quyền hành của chúng và chúng đã được chính quyền Pari cho phép. Cùng với súng đại liên, xe tăng và máy bay, chúng đang cày nát gương mặt của hàng loạt các xóm làng, giống như chúng đã làm tại làng "Cổ Am", sau cuộc khởi nghĩa tháng Hai ở Bắc Kỳ. Mặt khác, chúng đang mưu toan một trận đánh lớn, huy động những đội quân khát máu nhất - lính lê dương - để đối phó với nông dân tỉnh này. Hiện nay, hằng ngày máy bay xuất hiện trên các làng mạc, ném bom giết chết những người đang biểu tình và đốt phá nhà ở của nông dân. Chúng muốn huỷ diệt hoàn toàn Nghệ An hòng đe doạ nông dân các tỉnh khác.
Ngoài ra, đế quốc Pháp viện cớ là buộc phải đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nông dân, chúng đang tăng thêm quân vào Đông Dương, chuẩn bị tấn công Liên Xô, tấn công cách mạng Trung Quốc và chuẩn bị một cuộc chiến tranh đế quốc trên Thái Bình Dương.

Hỡi những người công nhân và nông dân toàn thế giới! Những người anh em! Hãy giúp đỡ công nhân và nông dân Đông Dương, những người đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Pháp!.

20-9-1930

N.A.Q

Tài liệu tiếng Nga,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Ngày 11-9, nông dân Thanh Chương lại biểu tình. Họ xung đột với lính và hơn 20 nông dân bị giết.

Hồi 3 giờ sáng ngày 12-9, hơn 10.000 nông dân Hưng Nguyên kéo đi biểu tình, phá nhà của các nhà giàu trên đường đi. Lính ập đến giết 20 người. Nông dân tập hợp ở huyện đường, tại đây họ gặp khoảng 800 nông dân từ Nam Đàn tới. Trong khi hai bộ phận cùng nhau tụ tập thì mấy chiếc máy bay đến ném bom giết hơn 200 người đàn ông và đàn bà.

Nông dân tiếp tục kéo đi chiếm huyện đường Nam Đàn, cách Hưng Nguyên 25 kilômét. Họ tới đây vào lúc 8 giờ tối và bắt đầu vây ngôi nhà suốt đêm và 3 giờ sáng hôm sau thì bỏ đi. Huyện đường và vườn do lính Pháp canh giữ. Nông dân mất hơn 10 người.

Cùng ngày, nông dân các huyện Can Lộc, Cẩm Xuyên và Kỳ Anh (tỉnh Hà Tĩnh) cũng đi biểu tình.

Nông dân Gia Định, Chợ Lớn và Tân An ở Nam Kỳ cũng biểu tình ngày 12-9.

Ngày 17-9, nông dân Gia Định lại biểu tình.

Ba uỷ viên Trung ương từ Nam Kỳ đã tới đây - ngày 19-9, chờ các đồng chí từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ tới. Chúng tôi lo các đồng chí này sẽ không tới, do tình hình hiện nay ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Chúng tôi đã chỉ thị ngay cho các đảng viên

Nam Kỳ ở trong nước cố gắng hết sức mình thu xếp một cuộc họp của Trung ương để quyết định mọi việc.
Chúng tôi khẩn thiết yêu cầu các đồng chí làm những việc có thể được để giúp đỡ các nạn nhân của cuộc đàn áp đẫm máu. Đề nghị cho biết ngay chúng tôi phải làm gì và các đồng chí có thể làm gì giúp họ thông qua tổ chức Quốc tế cứu tế đỏ.
Tôi đã viết thư sang Xiêm và Mã Lai khoảng một tháng trước đây, nhưng chưa nhận được trả lời.

Lời chào anh em
29-9-1930

VÍCTO

Tái bút: Đề nghị gửi cho chúng tôi tạp chí [1])

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Lịch sử Đảng.

[1]) Dưới *Tái bút* còn có bút tích chữ Hán là: 10/X đến Quảng Đông, giao Đồng Quýnh mang đến 10/X.

THƯ GỬI QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Các đồng chí thân mến!
Vì liên lạc khó khăn nên trước đây tôi chưa có thể báo cáo để các đồng chí biết về phong trào nông dân ở Đông Dương.
Phong trào ấy được xây dựng và phát triển, tóm tắt như sau: đến ngày 1-5, phong trào mới bắt đầu bằng những cuộc biểu tình nhỏ và hiện nay đang tiếp tục phát triển nhanh chóng. ở Nam Kỳ, mặc dầu bị đế quốc Pháp đàn áp đẫm máu, nhưng nông dân bảy tỉnh (Gia Định, Chợ Lớn, Vĩnh Long, Sa Đéc, Bến Tre, Thủ Dầu Một, Mỹ Tho) vẫn đấu tranh liên tiếp và anh dũng. Trong hầu hết các cuộc biểu tình, đều có nhiều người bị thương, bị giết và bị bắt. Những người bị bắt đều bị kết án từ 5 đến 10 năm tù khổ sai. Phong trào lan sang Trung Kỳ bắt đầu bằng nhiều cuộc biểu tình chính trị lớn nổ ra trong ngày 1-8; tuy có chậm hơn các nơi, nhưng ở đây, phong trào rộng lớn và mãnh liệt. Không kể những cuộc đấu tranh và biểu tình đã nổ ra từ trước ngày 20-8-1930, nông dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh tổ chức liên tiếp những cuộc biểu tình lớn hưởng ứng công nhân bãi công ở Vinh, Bến Thuỷ (tỉnh lỵ và trung tâm công nghiệp ở Nghệ An). Từ 20-8 đến 6-10-1930, có 39 cuộc biểu tình và míttinh bao gồm 69.350 nông dân, trong đó có những cuộc từ 20.000 đến 30.000 người tham dự. Hiện nay, ở một số làng đỏ, Xôviết nông dân đã được thành lập.
Từ ngày 1-5 đến ngày 1-10, hơn 50.000 nông dân đã vào Nông hội (Nam Kỳ 15.000, Trung Kỳ 35.000).

Đế quốc Pháp khủng bố phong trào nông dân dữ dội chưa từng thấy. Như ở Nghệ An chỉ trong một cuộc biểu tình ở phủ Hưng Nguyên, máy bay thả bom giết chết 171 nông dân. ở Thanh Chương (một huyện khác ở Nghệ An), 103 người bị bắn chết trong một lúc. Riêng tỉnh Nghệ An đã có 393 người bị giết trong 7 cuộc biểu tình, nhiều làng đỏ bị triệt hạ và đốt trụi. Mặc dầu bị đàn áp dã man, phong trào vẫn tiếp tục phát triển: chứng cớ là nông dân ở Bắc Kỳ từ trước vẫn im lặng, nay cũng đã bắt đầu đấu tranh (tỉnh Thái Bình, Hà Nam, Kiến An).

Tôi sẽ báo cáo chi tiết hơn với các đồng chí về vấn đề này.

Sắp tới đây, chúng tôi sẽ tổ chức Đại hội nông dân lần thứ nhất. Yêu cầu các đồng chí cho ý kiến và chỉ thị cần thiết, kèm theo một bức thư cổ võ gửi cho Đại hội ấy. Yêu cầu trả lời cho chúng tôi qua Quốc tế Cộng sản và theo chúng tôi nghĩ, nếu Quốc tế Nông dân có thể giúp đỡ gấp cho các nạn nhân bị khủng bố thì rất hay.

Ngày 5 tháng 11 năm 1930

ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐÔNG DƯƠNG

Sự bóc lột vô nhân đạo của chủ nghĩa tư bản ở thuộc địa làm cho những người công nhân sống trong những điều kiện không chịu nổi. Sự tập trung rất lớn các đất đai vào tay người Pháp và giai cấp địa chủ bản xứ khiến cho tình cảnh của trung nông và bần nông tồi tệ đi. Sự mất mùa liên tiếp và giá sinh hoạt cao gia tăng sự khốn cùng và sự đau khổ của quần chúng lao động. Tất cả điều này khơi sâu thêm mâu thuẫn giữa những kẻ áp bức và bóc lột với người bị áp bức và bị bóc lột, và làm cho tinh thần đấu tranh của những người sau này sâu sắc.

Do sự kiểm duyệt ngặt nghèo và những khó khăn về thông tin, tôi không có những bản thống kê sát đúng về những cuộc đấu tranh cách mạng đã diễn ra ở Đông Dương suốt cả năm 1930. Theo như chúng tôi biết số liệu về những cuộc xung đột, từ cuối tháng 5 đến cuối tháng 12 như sau:

	Số cuộc biểu tình	*Số nông dân tham gia*
Tháng 5	17	13.950
Tháng 6	10	15.300
Tháng 7	3	1.100
Tháng 8	15	30.300
Tháng 9	58	166.070
Tháng 10	68	37.630
Tháng 11	31	19.660
Tháng 12	16 (chỉ tính đến 20-12)	13.000
Tổng cộng	218	295.010[1)]

1) ở đây có sự nhầm lẫn nhưng chúng tôi in theo bản gốc

(B.T).
Trong số 218 cuộc biểu tình này, thì 3 để giải phóng tù chính trị bằng cách phá nhà giam của huyện; 45 với yêu sách thuần tuý kinh tế, hoặc đòi khai hoang đất cho nông dân nghèo hay từ chối đóng thuế; 5 để làm lễ kỷ niệm ngày 1-5; 5 cuộc suốt ngày 1-8; 8 cuộc nhằm làm lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười; 4 cuộc để tưởng nhớ khởi nghĩa Quảng Châu; 7 cuộc thuần tuý để chống bọn quý tộc. Ngoài ra còn có 141 cuộc biểu tình chống đế quốc với những hình thức khác nhau: có một số cuộc biểu tình thuần túy chống đế quốc, những cuộc khác để tỏ tình đoàn kết với những làng bị lính Pháp tàn phá và huỷ diệt hay tưởng niệm những nông dân bị đế quốc Pháp sát hại, bằng cách phá nhà máy rượu hay đốt các danh sách dân đoàn (tuần làng), để đẩy lùi bọn đánh đập người ở thành phố hay để ủng hộ Đảng cộng sản, v.v., v.v..
Từ tháng 5 đến tháng 12, có 58 cuộc bãi công và biểu tình của công nhân.

Đầu tháng	5	9	
"	6	1	
"	7	1	
"	8	7	(3 cuộc suốt ngày 1-8)
"	9	7	
"	10	10	
"	11	12	(7 cuộc nhằm kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười)
"	12	1	

Những cuộc bãi công lớn nhất là: bãi công của thợ dệt vào ngày 1-5, có 4.000 công nhân tham gia; tổng bãi công ở Vinh từ ngày 22-8 đến ngày 1-9 có 1.200 công nhân tham gia; và Cẩm Phả 5.000 công nhân mỏ bãi công để kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười.

Đôi khi những người bãi công được thắng lợi, nhưng thắng lợi cuối cùng không đạt bởi vì nhà tư bản chỉ nhận những yêu sách của công nhân để có thì giờ chuẩn bị cuộc phản công của

nó. Ví dụ, trong lúc bãi công ở Vinh, công nhân có được tất cả những điều kiện của họ đòi; nhưng chừng sau mười ngày, bọn chủ đã trở mặt và 200 công nhân đã bị đuổi.
Chịu ảnh hưởng tinh thần cách mạng của quần chúng, học sinh cũng hoạt động trong phong trào chống đế quốc. Vào ngày 1-5, học sinh ở Hóc Môn (Nam Kỳ) và ở Đà Nẵng bãi khoá. Vào ngày 19-9, hơn 500 học sinh ở Vinh biểu tình, ngày 23-10, họ lại biểu tình và phân phát truyền đơn bảo vệ những nông dân Nghệ An và Hà Tĩnh đang bị đàn áp. Ngày 17-10, học sinh Trường kỹ nghệ Hải Phòng tổ chức mít tinh ngoài trời và phân phát sách mỏng với mục đích như các phong trào trên. Ngày 25 cùng tháng, học sinh huyện Nghi Lộc (Nghệ An) tham gia cuộc biểu tình của nông dân. Ngày 1-11, học sinh Trường Huỳnh Công Phát bãi khoá.
Giữa tháng 8 và tháng 12 Trường trung học Vinh, Trường Avenir (Tương lai) Nam Định, Trường trung học Mỹ Tho và toàn bộ các trường ở huyện Thanh Chương và Nam Đàn đều bị đóng cửa vì hoạt động cách mạng. Trong cùng thời gian đó và trong phạm vi 11 tỉnh, chúng tôi tìm hiểu thì 130 học sinh trai và học sinh gái cùng 9 thầy giáo bị bắt giữ, nhiều người trong số học sinh này không quá 12 và 14 tuổi.
Bên cạnh sự tham gia rất tích cực của họ vào những cuộc bãi công của công nhân và những cuộc biểu tình của nông dân, chúng tôi phải báo rằng phong trào sau đây hoàn toàn là do phụ nữ tổ chức:
Ngày 1-5, phụ nữ bãi thị ở chợ Dừa (Mỹ Tho).
Ngày 26-10, 100 phụ nữ nông dân ở huyện Anh Sơn tổ chức một cuộc mít tinh để thảo luận chính trị.
Ngày 28-10, chị em bán cá chợ Sài Gòn bãi thị phản đối hai kẻ được gọi là "chó săn" trung thành của đế quốc Pháp.
Ngày 11-11, 60 phụ nữ nông dân làng Đại Đinh cũng hành động như vậy.
Ngày 24-11, 85 phụ nữ nông dân làng đó tham gia bàn việc làng xã.

Ngày 28-11, 300 phụ nữ nông dân huyện Thạch Hà tổ chức một cuộc biểu tình.

Từ tháng 5 đến tháng 12, không kể những sự bắt giữ khác cùng với đàn ông trong các cuộc bãi công và các cuộc biểu tình, và cũng không kể những sự bắt giữ khác cùng với các chi bộ cộng sản hoặc với các chi nhánh Quốc dân đảng, có 74 phụ nữ và con gái bị mật thám bắt giữ.

KHủNG Bố TRắNG

Hy vọng bóp chết phong trào cách mạng trong máu và lửa cùng vũ lực, chủ nghĩa đế quốc Pháp sử dụng khủng bố trắng ở mức cực điểm. Dù rằng chưa đầy đủ, biểu dưới đây có thể cho các đồng chí một ý niệm về sự thống trị bằng khủng bố ở Đông Dương.

Thời điểm	**Số nông dân bị giết**
Tháng 5	39 (20 bị giết trong cuộc biểu tình ngày 1-5)
Tháng 6	7
Tháng 7	3
Tháng 8	8 (3 bị giết trong cuộc biểu tình ngày 1-8)
Tháng 9	270
Tháng 10	125
Tháng 11	52 (40 bị giết trong lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười)
Tháng 12	145 (115 bị giết trong lễ kỷ niệm khởi nghĩa Quảng Châu)
Tổng cộng	649

Số liệu trên chỉ bao gồm những người bị giết bởi bom và súng bắn trong những cuộc biểu tình. Số người chết do bị thương và bị giết riêng lẻ ở từng làng do lính bắn thì không rõ. Con số nói về các án buộc tù chính trị phải nhận là như sau:

A. Số người tù bị kết tội đến B hoặc đến B cộng C

B. Số năm lao động khổ sai hay bị biệt giam
C. Số năm bị quản thúc cộng đến B
D. Số người tù bị kết án lao động khổ sai hay chung thân
E. Số người tù phải lưu đầy chung thân
F. Số người tù phải nhận án tử hình.

Thời điểm			**C**	*D*	*E*	*F*
Tháng 5	53	393	-	75	-	57
Tháng 6	120	448	340	5	128	-
Tháng 7	76	499	52	1	-	7
Tháng 8	60	370	196	125	-	12
Tháng 9	126	630	110	-	81	1
Tháng 10	61	91	6	-	10	-
Tháng 11	60	658	51	29	87	6
Tháng 12	140	301	35	1	-	-

Hãy làm tính cộng trong thời gian 8 tháng (từ tháng 5 đến tháng 12) có:

649 nông dân bị giết
83 nhà cách mạng bị tử hình
237 người bị kết án lao động khổ sai chung thân
306 người bị kết án đi đầy suốt đời
696 người bị kết án 3.390 năm tù với 790 năm quản thúc.

Tính đến tháng 12, có:

1359 tù chính trị bị tra tấn ở nhà tù Vinh.

Hà Nội và Thái Bình tính riêng. Bởi có 59 tỉnh ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, mỗi tỉnh có nhà tù đông nghịt tù chính trị, do đó có thể nói là ước tính thấp chứ không phải là cao, rằng có 6.000 nhà cách mạng người Đông Dương hiện nay bị giam trong các nhà lao.

Ngoài việc bắt hàng loạt và tàn sát, đốt cháy, phá trụi làng

mạc (Khu Liên, Ngọc Sơn, Dương Phố, Bích Hào, Lài Thạch, Tiên Khuê, v.v.), bọn đế quốc còn dùng những thủ đoạn khủng bố khác như đốt nhà và bỏ thuốc độc. Khi chúng bắt được một nhà cách mạng, chúng đốt nhà anh ta. Nếu anh ta trốn, thì chúng đốt nhà anh ta và bắt giữ tất cả những người trong gia đình. Mới đây, ở tỉnh Nghệ An, đã có dấu hiệu các giếng nước ăn bị bỏ thuốc độc. Vào giữa tháng 12, những người làng Nghiêm Thành bắt được một tên đi bỏ thuốc độc. Họ dẫn nó đến đồn binh Pháp gần đấy. Đến ngày hôm sau, người sĩ quan Pháp ra tuyên bố - với sự ngạc nhiên của quần chúng, nhưng không phải người ta không biết - rằng việc bỏ thuốc độc không có liên quan gì đến chính phủ.

Tình hình Đông Dương là như thế.

Nhiệm vụ cấp thiết của giai cấp vô sản thế giới - đặc biệt là giai cấp vô sản Pháp - là chìa bàn tay hữu nghị anh em và giúp đỡ tới Đông Dương, để chứng tỏ tình đoàn kết thực sự và tích cực của họ, Đông Dương bị áp bức và cách mạng cần điều ấy!

24-1-1931

VÍCTO

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG

Số 1. Tin tức đấu tranh ở Trung Kỳ.

Ngày 11-12-1930, ở các huyện Anh Sơn, Thanh Chương và Nam Đàn, hơn 10.000 nông dân, nam nữ và trẻ em đã tổ chức những cuộc biểu tình kỷ niệm Quảng Châu bạo động: họ kéo cờ đỏ đi biểu tình và rải truyền đơn.

Ngày 12-12-1930, lính Tây đến làng Đạo Ngạn bắt nhân dân; không bắt được ai, chúng bèn hãm hiếp một chị phụ nữ. Chị em các vùng lân cận và nông dân kéo đến cứu chị. Bọn lính dùng súng bắn chết hai người đàn ông. Ngày hôm sau, một đoàn 400 nông dân kéo cờ đỏ đi đầu đã đi đưa đám hai người hy sinh.

Số 2. ở Nhà máy xi măng Hải Phòng.

30 công nhân bị đuổi. 400 người khác cũng bị doạ thải hồi. Các báo đưa tin 3.000 công nhân Nhà máy xi măng đã bãi công và đấu tranh:

a) Đòi cho những anh em bị đuổi được trở lại làm việc;

b) Phản đối bớt lương;

c) Phản đối việc đóng cửa nhà máy, họ đòi trả 3 tháng lương.

Số 3. Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương gửi các Xứ uỷ.

1. Đảng nhấn mạnh đến việc củng cố các Xứ uỷ, Tỉnh uỷ và các Uỷ ban đặc biệt bằng cách tiến hành bầu cử. Thực hiện đúng nguyên tắc bầu cử vẫn tốt hơn là chỉ định cán bộ bổ

sung. Đảng cũng nhắc nhở đến việc tổ chức các ban chuyên môn do các cấp uỷ lãnh đạo. Những Ban hành động phải được thành lập ngay; ít nhất là phải có một Ban tuyên truyền, một Ban công vận, một Ban nông vận và một Ban ấn loát.

2. Phải tuyên truyền về vấn đề thay đổi tên Đảng. Mỗi đảng viên và mỗi chi bộ Đảng đều phải nghiêm chỉnh thảo luận những án nghị quyết của Trung ương, bước đầu để tiến tới Đại hội toàn Đảng. Trung ương sắp xuất bản một tờ báo đặc biệt đặt tên là "C".

3. Các cấp uỷ phải xúc tiến việc thi hành các nghị quyết của Đảng. Đại biểu các Ban công vận phải họp lại nghiên cứu để tiến hành có kết quả việc tổ chức Công hội ở ngay địa phương mình - xứ, tỉnh, v.v.. Việc tổ chức các đại hội không nên để cho đảng viên và hội viên Công hội biết, chỉ nên tin khi nào đại hội đã chuẩn bị tổ chức xong.

4. Các cuộc hội nghị đó phải được chuẩn bị chu đáo. Vấn đề tổ chức đại hội phải bàn bạc kỹ trong mỗi tổ chức Công hội. Mỗi Công hội phải nghiên cứu tường tận tình hình công nhân để đặt trước những nguyện vọng chủ yếu. Báo chí cũng phải tranh luận về các đại hội. Việc tổ chức mít tinh cũng phải nghiên cứu kỹ.

Việc kết nạp hội viên mới vào Công hội

1. Tất nhiên là tất cả những gì có liên quan đến Công hội đều phải có tính chất cách mạng, nên chỉ có những công nhân hiểu rõ cách mạng vô sản và cách mạng cộng sản chủ nghĩa mới được kết nạp vào Công hội. Nhưng công nhân nào đã thấy rõ sự cần thiết phải có một tổ chức để bênh vực quyền lợi của mình cũng có thể vào Công hội, mặc dầu người đó chưa có thể hiểu gì về các vấn đề khác. Công hội và đấu tranh sẽ giáo dục cho họ.

2. Nếu có hội viên ít hoạt động hoặc tỏ ý dè dặt trong đấu tranh thì cũng không nên loại họ ra ngoài hội. Tinh thần cách mạng là điều kiện duy nhất để một Công hội có thể gia nhập Tổng hội. Nhưng chúng ta cũng không thể vì vậy mà kết luận rằng mỗi công nhân vào hội đã là người cách mạng rồi.

Có những công nhân đấu tranh chỉ vì quyền lợi trước mắt chứ chưa hiểu cách mạng. Nhưng vì Công hội là một tổ chức có một đội tiên phong và có đường lối chính trị nên Công hội là một tổ chức cách mạng.

Công hội phải tham gia Mặt trận phản đế như một hội viên tập thể. Có nhiều người tưởng gia nhập Mặt trận, Công hội sẽ mất độc lập tính. Công hội vẫn độc lập và tiếp tục tiến hành những công việc của mình. Nếu Công hội có gia nhập Mặt trận thì chỉ để tham gia cuộc đấu tranh chung chống đế quốc chủ nghĩa mà thôi.

3. Yêu cầu các đồng chí hỏi người thông tín viên của các đồng chí lấy những tin số 1 và 2 đã gửi cho các đồng chí một tuần nay- bài của V.

Đại biểu đi dự Đại hội Quốc tế Công hội đỏ lần thứ V về cho chúng tôi biết rằng: Một uỷ viên Quốc tế Cộng sản nói không nên tổ chức Nông hội lên đến Tổng Nông hội toàn quốc.

Vấn đề này đang làm cho các đồng chí của chúng tôi lúng túng, các đồng chí ấy hỏi phải làm như thế nào. Tôi đã trả lời họ cứ tiếp tục tổ chức Tổng Nông hội toàn quốc, vì lý do:

a) Khi nào các đồng chí đến đây các đồng chí mới thấy lợi ích của tổ chức đó.

b) Trong báo cáo, đại biểu cho biết rằng, trước kia, ở Trung Quốc, đã có những hội tương tự bao gồm địa chủ và phú nông. Thực tế lại không phải như vậy: Các thành phần ấy đã bị gạt ra, nhưng nếu không có Tổng hội toàn quốc thì làm sao mà tập hợp chỉ đạo mọi hoạt động đấu tranh được?

Các đồng chí có đồng ý với tôi không ?

8-2-1931

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Lịch sử Đảng.

THƯ GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG

Thưa ông,

Tôi đã gửi cho ông ba lần mẫu hàng trong nước, qua người giao dịch Trung Quốc của ông, lần gửi cuối cùng vào ngày 8 tháng 2, tôi mong ông đã nhận được cả.

Các em tô[1] ở Sài Gòn đã nhiều lần tin cho tôi biết chúng sẽ về, nhưng không biết tại sao nay chưa tới. Các em tôi nói chắc chắn rằng lần này sẽ ra ăn tết với chúng ta. Các cháu tôi[2] ở Bắc Kỳ cũng hẹn như vậy. Ông xem, 9 hay 10 người ở một nhà, chúng ta sẽ ăn tết thật là vui vẻ. Các em và cháu tôi nhân cơ hội này sẽ đi Thượng Hải. Vợ tôi[3] đang rất bận để chuẩn bị việc đón tiếp.

Ông đã tìm hiểu về việc "Công ty xe hoả tốc hành Mỹ" chưa? Tôi nghĩ đó là cách tốt nhất để gửi tiền cho hành khách.

Hôm nay, tôi gửi thêm cho ông những mẫu hàng khác của các thương cục Mã Lai và Nam Kỳ cũng qua người bạn Trung Quốc của ông. Nhờ ông chú ý khi mẫu hàng đến.

Kính chào

Ngày 12 tháng 2 năm 1931

VÍCTO

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Lịch sử Đảng.

---

1), 2), 3) §©y lµ nh÷ng mËt danh.

THƯ GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG

Thưa ông,

Tôi mong ông đã nhận được tất cả thư của tôi cùng với những mẫu hàng mà tôi đã gửi qua nhân viên Trung Quốc của ông. Nay tôi gửi thêm những mẫu hàng khác qua người bạn Thượng Hải của tôi. Yêu cầu ông trả lời cho bạn tôi biết.

Tôi vừa nhận được hai tập sách rao hàng tiếng Anh của hãng "Inpơrétcơ và công ty". Tôi còn phải nhận thêm ở bạn Thượng Hải của tôi nhiều tập sách ấy nữa (tiếng Pháp), để gửi cho các nhà buôn Đông Dương.

Nhân dịp này, tôi xin nói để ông biết lý do tại sao những ông giám đốc mới của thương cục Đông Dương lại nóng lòng muốn nhận thư mà chúng ta đã hứa gửi cho họ. Họ mới đến vùng này nên chưa gây được uy tín đối với nhân viên phụ thuộc của họ ở đấy đã lâu hơn. Hơn nữa, họ còn phải chấn chỉnh lại toàn bộ tổ chức. Không nhận được chỉ thị, không có sự ủng hộ chính thức của ban giám đốc thương cục trung ương chúng ta, họ khó hoàn thành tốt được công tác.

Tôi rất mong họ sẽ chóng nhận được thư để công việc ở các nhà buôn đó chạy tốt hơn, ông có đồng ý không?

Kính chào ông

Ngày 16 tháng 2 năm 1931

VÍCTO

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Lịch sử Đảng.

KHỦNG BỐ TRẮNG Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 1 có:
- 187 tù chính trị ở các nhà lao tỉnh Thái Bình.
- 201 (97 đảng viên Quốc dân đảng và 104 đảng viên cộng sản) ở các nhà lao Hà Nội.
- 70 (đều là đảng viên cộng sản) ở Thanh Hoá.
- 400 (đều là đảng viên cộng sản) ở Quảng Nam.
- 900 (đảng viên cộng sản và nông dân) ở Nghệ An.

Đó là những con số chúng tôi nắm chắc, còn ở 54 tỉnh khác, chúng tôi chưa có tài liệu gì, nhưng chúng tôi biết ở mỗi tỉnh các nhà lao đều chật ních. Trong cùng một khoảng thời gian ấy:
- 414 tù chính trị bị đem đi đày, trong số đó có các cụ già 67 tuổi, các trẻ em trai và gái mới 15 tuổi, 44 tù chính trị bao gồm học sinh từ 15 đến 16 tuổi, bị án tổng số bằng 219 năm khổ sai và 1 án khổ sai chung thân.

án do nhiều toà án khác nhau xử, 201 tù chính trị Hà Nội do một toà án đặc biệt xử, chúng tôi chưa biết bản tuyên án. Ngày 27-1, toà án Nam Định đã tuyên các án sau đây:
- 10 án biệt xứ.
- 4 án 20 năm tù.
- 6 án 10 năm tù.
- 1 án 4 năm tù.
- 1 án 2 năm tù.

22 nạn nhân này của chủ nghĩa đế quốc Pháp đều là những sinh viên trẻ tuổi bị cáo đã tổ chức một đoàn thể cách mạng của sinh viên.

Sau đó, toà án thượng thẩm đã tuyên xử:
- 2 án biệt xứ.
- 6 án 20 năm khổ sai.

8 người này bị cáo là đảng viên Đảng Cộng sản. Ngày 26-1, toà án bất thường Kiến An đã tuyên án xử 99 đảng viên Quốc dân đảng và 72 đảng viên cộng sản như sau:
- 144 án biệt xứ (8 nữ thanh niên cộng sản)
- 4 án 10 năm khổ sai
- 19 án 5 năm tù (1 nữ thanh niên)
- 2 án 3 năm tù (1 nữ thanh niên)
- 2 án 1 năm tù khổ sai.

Riêng ở Bắc Kỳ, tổng số án tháng 1, không kể Hà Nội, là 157 án biệt xứ và 89 án cộng bằng 652 năm khổ sai và phạt tù. Chúng tôi không ước tính được số nạn nhân khủng bố trắng ở Nam Kỳ và Trung Kỳ, nhưng cũng trong tháng ấy, ở Trung Kỳ, có hơn 100 nhà nông dân bị lính đốt (ngày 17-1, ở huyện Nghi Lộc), 32 nông dân bị giết chết trong một cuộc biểu tình (cũng ở huyện ấy, ngày 9-1) và 2 nông dân bị giết trong một cuộc biểu tình (ở Hà Tĩnh, ngày 2-1).

Tháng này, ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, tổng số người bị bắt là 350 người.

Dưới đây là một số câu trả lời trước phiên toà Kiến An:
- *Nguyễn Văn Bôn:* Tôi theo những người cộng sản tháng 10-1930 là vì tôi thấy xã hội hiện nay rất thối nát.
- *Nguyễn Trọng Tuệ:* Phải, tôi là đảng viên Đảng Cộng sản, vì thiếu cơm ăn, áo mặc, tôi phải làm cách mạng!
- *Nguyễn Văn Ung:* Tôi vào Đảng Cộng sản để lật đổ đế quốc Pháp và cải thiện đời sống cho đồng bào tôi.

- *Bùi Văn Cao:* Tôi theo Đảng Cộng sản để đánh đổ đế quốc Pháp để làm tròn bổn phận của một người dân Việt Nam.
- *Nguyễn Văn Dai:* Tôi bị áp bức nên tôi làm cách mạng để tự giải phóng.
- *Phạm Mai:* Mặc dầu đi lính cho Chính phủ Pháp, nhưng tôi thấy đồng bào tôi bị áp bức khổ sở, nên tôi vào Đảng Cộng sản để làm cách mạng và giúp đỡ đồng bào.
- *Ngô Văn Mai:* Tôi vào Đảng Cộng sản để đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước. Không chỉ có mình tôi, ai đã biết cầm bát cơm ăn cũng phải làm cách mạng. Tôi không cần ai tuyên truyền cho tôi cả.
- *Phạm Thị Hội* (một nữ thanh niên nông dân): Phải, tôi theo Đảng Cộng sản vì trong xã hội này có nhiều bất công.
- *Hạ Bá Cang:* Tôi không cần từ chối gì về hoạt động cách mạng của tôi cả vì đó là bổn phận của tôi phải góp sức cứu vớt 20 triệu đồng bào và đánh đổ giai cấp tư sản đế quốc.
- *Trần Hy:* Tôi là vô sản nên có lý do đương nhiên làm cách mạng.
- *Ngô Kim Tài* (lính cảnh sát): Tôi vào Đảng để đấu tranh cho hạnh phúc nhân loại.
- *Nguyễn Huy Sán:* Tôi là công nhân, tôi theo Đảng để bênh vực quyền lợi cho vô sản.
- *Nguyễn Thị Hợi:* Khi tên quan toà nói với chị: "Cô là giáo học, để làm cách mạng, cô đã bỏ việc đi làm phu ở Nhà máy dệt Nam Định". Chị trả lời: "Phải, tôi vào Đảng Cộng sản vì chủ nghĩa cộng sản là một chủ nghĩa đúng đắn. Ông cũng thế nếu ông là vô sản, nhất định ông cũng sẽ vào Đảng".
- *Đoàn Văn Nghiêm:* Tôi vào Đảng Cộng sản để đánh đổ đế quốc, tư bản và phong kiến Phá[1)].

[1)] *Nguy*ª*n b¶n:* "... Pour renverser l'impÐrialisme, le capitalisme et le fÐodalisme francais".

- *Tống Phục Chiêu:* Đánh đổ đế quốc và tư bản là điều chúng tôi cần làm. Đó là lời khai của tôi, các ông muốn làm gì tôi thì làm.
- *Bùi Đắc Thanh* (bị cáo treo cờ đỏ và rải truyền đơn): Tôi có gan theo Đảng Cộng sản thì tôi cũng có can đảm chịu lấy trách nhiệm, chúng tôi không xem cách mạng như một trò trẻ con.

Ngày 19 tháng 2 năm 1931

V.

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

NGHỆ TĨNH ĐỎ

Hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh ở cách 360 kilômét về phía bắc thành phố Huế, kinh đô nước An Nam (nơi tên vua "bù nhìn" thiết lập triều đình) và cách 326 kilômét về phía nam Hà Nội, thủ phủ xứ Đông Dương thuộc đế quốc Pháp. Tỉnh Nghệ An có 3 phủ, 6 huyện với số dân 614.000 người ở 942 làng. Tỉnh Hà Tĩnh có 2 phủ, 6 huyện, 601 làng, với số dân 405.000 người. Trong số 500.000 người đàn ông của cả hai tỉnh, thì 120.000 người phải đóng thuế thân 2đ20 mỗi năm một đầu người.

Hà Tĩnh không có công nghiệp. Vinh là thành phố chính của Nghệ An. ở Vinh, có một nhà ga xe lửa lớn, một nhà máy điện nước, một nhà máy diêm, 5 nhà máy cưa, 2 xưởng sửa chữa ôtô và một vài xưởng nhỏ, tất cả dùng 4.000 công nhân.

Ngoài số công nhân đó và một số như vậy quan lại, chủ đồn điền và người buôn bán..., nhân dân hai tỉnh đều là bần và trung nông (hơn 1 triệu).

Địa thế hai tỉnh nhiều rừng núi, đất đai cằn cỗi, nông giang chẳng có, ở đây thường xảy ra lụt, bão, do đó nhân dân đói khát và nơi ăn chốn ở rất khổ sở. Sưu thuế nặng nề và nạn áp bức xã hội và chính trị làm cho cảnh ngộ của họ càng cùng cực hơn.

Nhân dân Nghệ - Tĩnh nổi tiếng cứng đầu. Trong thời kỳ Pháp xâm lược cũng như trong các phong trào cách mạng quốc gia (1905-1925) Nghệ - Tĩnh đã nổi tiếng. Trong cuộc đấu tranh hiện nay, công nhân và nông dân Nghệ - Tĩnh vẫn giữ vững truyền thống cách mạng của mình.

Từ tháng 5 đến tháng 12, công nhân Nghệ An (Vinh) đã 8 lần bãi công và biểu tình có 2.500 người tham gia. Cũng trong thời gian đó, 137 cuộc biểu tình đã nổ ra bao gồm tất cả

300.000 nông dân.

Thiệt hại: 625 nông dân bị máy bay ném bom và súng máy giết chết, 8 làng bị triệt hạ, hơn 1.000 chiến sĩ bị bắt giam, hàng trăm người bị đem đi đày.

ở cả hai tỉnh, hơn 60.000 nông dân (đàn ông, đàn bà và thanh niên) đã được tổ chức vào Hội .

Nghệ - Tĩnh thật xứng đáng với danh hiệu "đỏ"!

II

Từ ngày 26-12 đến ngày 19-1, có hai cuộc lễ lớn ở gần Vinh: một cuộc lễ "đỏ" và một cuộc lễ "vàng".

Cuộc lễ thứ nhất được tổ chức ở làng Lộc Đa, cách Vinh 2 kilômét, 4.000 công nhân thành phố Vinh và nông dân Hưng Nguyên, Nghi Lộc đã đến dự để làm lễ truy điệu những chiến sĩ bị hy sinh trong ngày 11-12, nhân dịp kỷ niệm Công xã Quảng Châu.

Một lá cờ búa liềm được chăng ra trên bàn thờ đầy hương hoa, xung quanh cắm 100 lá cờ đỏ và một dây 200 ngọn đèn đỏ. 10 giờ đêm, khi mọi người đã đến đông đủ, hai đoàn xe đạp được bố trí đi tuần tra trên các ngả đường về Vinh và Bến Thuỷ mà từ các ngả đó lính Pháp có thể kéo đến, còn một đoàn khác vây quanh quần chúng và hát bài Quốc tế ca. Lệnh "mặc niệm" bỗng nhiên được đưa ra. Người chủ trì buổi lễ lên đọc điếu văn. Sau đó, đại biểu Công hội, Nông hội và đại biểu các làng lên nói chuyện.

Một đại biểu đề nghị: Ngày hôm sau, tất cả các chợ ở Hưng Nguyên và Nghi Lộc đều bãi thị.

Đề nghị đó được mọi người nhiệt liệt hưởng ứng. Ngày hôm sau, đúng như lời cam kết, tất cả các chợ đều vắng tanh.

Trong lúc buổi lễ đang tiến hành, anh em công nhân cắt điện làm cho cả thành phố Vinh - Bến Thuỷ bị chìm ngập 10 phút trong đêm tối.

III

Bom đạn, súng máy, đốt nhà, đồn binh (28 đồn mới được dựng lên ở riêng Nghệ An), tuyên truyền của chính phủ, báo

chí... đều bất lực không dập tắt nổi phong trào cách mạng của Nghệ - Tĩnh. Vì thế bọn đế quốc Pháp đã nghĩ ra một thủ đoạn mới: tổ chức những cuộc biểu tình phản cách mạng và bắt buộc nhân dân thành phố tham gia.

Ngày 19-1, nhân dân 24 khu phố bị lôi ra đường, từng tốp một bước theo nhịp trống, mang 5 lá cờ vàng có ba sắc đè lên góc. Cờ vàng là quốc kỳ của Vương quốc An Nam. Những đoàn người "quy thuận" (bọn Pháp đặt cho họ cái tên này mặc dầu những người An Nam đáng thương đó chưa khi nào chiến đấu) bị dẫn đến hoàng cung (nơi bọn quan lại thường đến đó bái vọng nhà vua, mặc dầu ông ta không bao giờ đến đó). Họ được viên tổng đốc bận lễ phục đón tiếp. Quan lớn nói với họ như thế này: "Bây giờ nhân dân thành phố đã xin tạ lỗi quy thuận Chính phủ Nam triều và Chính phủ Pháp thì phải lo giữ gìn trật tự, an ninh trong thành phố. Các người đừng nghe những lời tuyên truyền bậy bạ và đừng phạm những điều đáng chê trách" (tên tổng đốc muốn nói đến cách mạng đấy, nhưng nó không dám dùng những tính từ quá chua cay, mỗi khi nói đến cách mạng trước nhân dân). Tên tổng đốc bảo mọi người lạy ba lạy trước ảnh vua để tỏ lòng trung với vua. Rồi nó dẫn nhân dân đến trước toà sứ và cũng buộc phải lạy ba lần để tỏ lòng trung thành với đế quốc Pháp. Bọn đế quốc và phong kiến Nam triều xem cuộc biểu tình tỏ lòng trung thành đó là một thành công lớn của chúng và hôm sau tin này được đăng đầy trên báo chí.

Chúng định tiếp tục tổ chức những cuộc biểu tình như vậy ở Nghệ - Tĩnh. Nhưng ở các thôn xã có nông dân cách mạng thì khó mà tổ chức được như ở thành phố nơi mà chúng chỉ tập hợp được một số người ngốc nghếch mà thôi.

Ngày 19 tháng 2 năm 1931

V.

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

Đây là tôi phê bình về cuộc Hội nghị Xứ uỷ Trung và Bắc.

A- CáCH KHAI HộI - Trước khi khai hội, từ đảng viên cho đến các đồng chí phụ trách chưa nghiên cứu kỹ vấn đề. Đến khi khai hội, mới đem ra bàn thì chắc thảo luận không kỹ. Thì giờ khai hội quá dài (Trung 18 buổi, Bắc 13 ngày) mà lại trật tự không sắp sẵn, vậy nên tốn thì giờ nhiều mà các vấn đề thì bàn không hết. Xứ hội Bắc thì những chỗ rất quan trọng như Hải Phòng mà không có đại biểu.

B- CáCH THảO LUậN - Bắc không thảo luận một cách thiết thực mà thảo luận một cách "tầm chương trích cú". Thí dụ: như chất vấn Trung ương sao khi thì nói "để" dự bị võ trang, khi thì nói "và" dự bị võ trang, v.v.. Vì đảng viên chưa thảo luận cho nên những ý kiến trong hội nghị không thể đại biểu được ý kiến của quần chúng trong Đảng. Vả lại trong khi khai hội, nhiều đồng chí mệt mỏi hoặc phải vắng mặt để đối phó việc khác, ít phát biểu ý kiến. Thành thử ý kiến trong cuộc hội nghị lại là ý kiến của số ít trong số ít.

C- VấN Đề CÔNG TáC - Trong hai hội nghị, các lời đề nghị đều có ý mênh mông, không thấy đề nghị thế nào để tất cả đảng viên, tất cả chi bộ thảo luận và thực hành được các nghị quyết án của Trung ương; không thấy đề nghị kế hoạch thiết thực cho mỗi địa phương.

D- VấN Đề TÊN ĐảNG - Trung đề nghị chờ bao giờ Cao Miên và Lào có Đảng rồi sẽ nhập các Đảng lại và đổi tên. Thế là các đồng chí Trung không hiểu chỉ thị Quốc tế nói rằng Đảng phải gồm cả vô sản ở Đông Dương và không hiểu nhiệm vụ Đảng là phải làm cho Lào và Cao Miên có đảng bộ. (Trung ương đã in và phát hành chỉ thị Quốc tế cho đảng viên chưa? Sao thấy trong Nghị quyết Bắc có hỏi: "Trung ương bảo thảo luận "chỉ thị" là chỉ thị nào? ").

E- LựC LƯợNG CủA ĐảNG - Muốn hiểu rõ sức mạnh và chỗ yếu của Đảng ở Trung và Bắc thì chúng ta nên xem bảng [1]:

	Đảng viên	Chi bộ	Thanh niên	Công hội	Nông hội	Phụ nữ	Ghi chú
- Nam Đàn	170	21	641	-	10.000	452	
- Thanh Chương	273	27	78	-	10.077	232	
- Anh Sơn	123	18	35	-	4.350	62	
- Yên Dũng	11	15	-	-	3.022	-	
- Diễn Châu	51	2	-	-	345	-	
- Quỳnh Lưu	33	4	-	-	278	-	
- Vinh	185	8	-	312	-	-	
- Hưng Nguyên	55	9	-	-	2.032	70	
- Nghi Lộc	58	15	-	-	1.574	-	
- Hà Tĩnh	370	-	122	-	2.000	48	
- Quảng Trị	42	-	-	-	-	-	
- Quảng Ngãi	69	-	-	-	1.200	-	
- Bình Định	40	-	-	-	100	-	
- Hải Phòng	37	9	8	101	-	-	
- Hòn Gai	8	-	-	10	-	-	
- Nam Định	115	-	31	293	100	-	
- Phủ Lý	82	-	13	-	300	-	
- Thái Bình	40	8	14	-	270	-	
- Hải Dương	9	-	1	-	31	-	
- Hà Đông	12	-	-	-	51	-	
- Bắc Ninh	6	-	-	-	-	-	
- Hà Nội	36	-	-	-	-	-	

Nhìn vào bảng trên thì thấy:

ở Trung:

a) Tổ chức Đảng có trong 13 huyện và tỉnh. Nhưng chỉ có 3 huyện là có tổ chức thanh niên. Trong một huyện thanh niên chỉ bằng một phần ba của Đảng, trong một huyện khác, thì bằng một phần tư.

b) Phụ nữ chỉ được tổ chức trong 5 huyện, số lượng phụ nữ trong một huyện chỉ bằng một nửa đảng viên, trong một huyện khác thì chỉ bằng một phần 9.

[1]. Đây là một phần bức thư chụp ảnh để lại, tiếp phần sau là dịch ở bản tiếng Pháp.

c) Trong 13 tỉnh và huyện trên, năm nơi có Nông hội rất yếu. ở một nơi số lượng nông dân được tổ chức gấp hai lần rưỡi số lượng đảng viên.

d) ở Trung, Công hội chỉ có ở một nơi trên, nhưng công nhân nông nghiệp các nơi thì chưa chỗ nào được tổ chức.

e) ở Trung có 16 tỉnh, mới có tổ chức ở năm tỉnh thôi.

f) Báo cáo Trung không nói rõ số lượng đảng viên phụ nữ và số lượng phụ nữ vào Nông hội.

Tổ chức ở Bắc thì yếu quá. Trong một xứ công nghiệp như Bắc, mà chỉ có hai tỉnh là có Công hội, bốn nơi có Thanh niên, năm nơi có Nông hội, nhưng xem ra tất cả chưa bằng tổ chức của một huyện thuộc hạng bốn ở Trung. ở một trung tâm chính trị và kinh tế quan trọng như Hà Nội, trừ vài đồng chí lãnh đạo ra thì không có một chiến sĩ nào khác.

Cả hai xứ đều không có tổ chức "Mặt trận phản đế", "Cứu tế đỏ" và "Cứu tế thất nghiệp" (Trung đã có một chút Cứu tế đỏ).

Tôi đề nghị:

A- Đảng phải:

1. Sửa chữa những sai lầm trên.
2. Lập chương trình hành động cụ thể trong từng huyện và từng tỉnh.
3. Phân phối đảng viên (như nhà binh phân phối binh sĩ).

Các đồng chí phụ trách một vùng hay một công tác nào đó phải lập chương trình hành động cho mỗi đồng chí trong mỗi một tổ chức.

4. Các ban chấp uỷ phải quản lý và kiểm soát rất tỉ mỉ việc thi hành các chương trình hành động đó.
5. Trước tiên phải thống nhất tổ chức Thanh niên và Công hội và những tổ chức đó phải có sinh hoạt độc lập của mình.

B- Tất cả mọi đảng viên và tất cả các chi bộ phải thảo luận Chỉ thị của Quốc tế thứ ba và Nghị quyết của Trung ương, rồi phải ra Nghị quyết về những Nghị quyết và Chỉ thị nói trên. Những Nghị quyết ấy phải đệ trình lên

Trung ương, Trung ương sẽ chuyển lên Quốc tế thứ ba. Có làm như thế thì mới có thể nâng cao được trình độ đảng viên, tất cả Chỉ thị và Nghị quyết mới được thi hành, tư tưởng và hành động của đảng viên mới thống nhất; và Quốc tế thứ ba mới nắm được trình độ cách mạng của đảng viên và sự liên lạc từ chi bộ tới Trung ương và với Quốc tế thứ ba mới thực hiện được chặt chẽ (đó là ý kiến của Quốc tế thứ ba).

1- Nhớ gửi:

1) Báo cáo của Nam Kỳ.

2) Báo cáo của Hội nghị Trung ương.

3) Báo cáo về công tác công vận. Tôi đã nói đến ba vấn đề trong thư trước của tôi.

2- Người quen của chúng ta Đuycru (Ducroux) chưa về bằng chuyến tàu này.

3- Các đồng chí biết những tàu này chạy đường Sài Gòn - Tân Gia Ba? ở đây cần biết rõ điều đó.

4- Tôi nghe nói người ta có quen một người Pháp trên một chiếc tàu của sở hàng hải, nếu đúng như vậy *(mà cũng cần như vậy)* yêu cầu các đồng chí điều tra *(về người đó)* xem.

5- Khi có một chuyến tàu về, các đồng chí nên đến xem có ai về không. Khi có tàu vào cảng thì tín hiệu như thế nào.

6- Có người ở "kia" sắp về, khi có tin *tàu* về (từ đầu tháng 5) thì phải lên tàu đón. Trên tàu "Metzinger" có Nghĩa, thợ giặt. Có thể có gì đó *(gửi cho các đồng chí).* Nhớ đến hỏi anh ta mà lấy.

Ngµy 20 th¸ng 4 n¨m 1931

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Lịch sử Đảng.

THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

Ngày 23 tháng 4 năm 1931

1. Trong thơ đó nói rằng đồng chí mới về đó ở Hồng quân Đông Giang làm liên trưởng (quan ba) kiêm đảng đại biểu. Tiếng Tàu giỏi, nhiều kinh nghiệm binh và nông.

2. Người quen chuyến này chưa trở lại đâu; *nó cần biết* mối giao thông Sài Gòn - Singapor.

3. Hg - Th - Kô[1] chớ hỏi Lý[2] nữa. Chỉ giao thiệp với Trần Thiêm thôi. Tàu này chỉ đậu một ngày, phải chú ý khéo trật (b)[3] Tàu Trần Bì[4] có đồng chí Tống Phi Hùng bồi tầng thứ hai, (c) Thuận Khang không chạy HK - SGòn nữa. Phu Sanh nó không chịu nói tên, vậy hãy khoan đã (d) nhớ hỏi anh Nghĩa, thợ giặt của tàu Metzinger, xem hoặc có thơ hoặc có gói gì không.

4. Khi gửi gì, bảo giao thông viết cho rõ để ngoài này điều tra cho biết gì nhận được, gì không. Ngoài này cũng làm thế.

5. Vladimirof ở đây rồi. Nếu chuyến này chưa về được thì chuyến sau (các tàu quen, cái nào cũng phải đón). Blokof,

---

[1]) Tức Wong Shek Kong, tàu chạy đường Hồng Công - Sài Gòn.

[2]) Lý Pấn: người nấu bếp trên tàu Wong Shek Kong.

[3]) Trong nguyên bản không có mục (a).

[4]) Tàu chạy Hồng Công - Hải Phòng.

Bourof và [5] còn đọng lại Singapor, đã viết thư gửi họ rồi, [5] về đến Singapor, thì sợ mà trốn mất.
6. Các cơ quan không đặt bí hiệu hay sao? Sao mà nhiều lần cơ quan lộ rồi mà đồng chí cứ chui vào cho bị! (Chỗ in, chỗ "Vách giả" chỗ [5] v.v.). Hoặc có đứa phản chăng? Tài liệu bí mật, nhất là về giao thông có lộ không?
7. Khi có tiền thì mỗi đồng chí cẩn thận nên giắt một ít, thế là khi mất khỏi mất hết, mà những người chạy được cũng có xu mà hộ thân.
8. Nên tìm mi thuật gì mà giữ gìn lấy đồng chí trọng yếu, chứ nếu nó cứ túm mòn những vắt khá đi, thì hại cho công việc quá! Thái Bình, Phủ Lý thì nó lại cứ giở sổ mà đi bắt người! Xem những việc đó thì có thể nói rằng Đảng còn kém đường bí mật công tác. "Họ" thường hỏi tôi về vấn đề vì sao mà bị lộ? Vì sao mà bị? Để suy nghĩ và tìm cách sửa đổi. Nhưng trong không báo cáo ra, cho nên tôi cũng ú ớ!
8 Bis. Vấn đề nhiệm vụ tôi: a) Từ ngày Hội nghị Octobre tôi nghĩ trong đã có Trung ương, ngoài đã có Đ, vậy nên công việc tôi chỉ là như "thùng thơ". Vậy nên tôi xin Đ đổi chỗ vì "thùng thơ" thì người khác cũng làm được. Vì thế mà Đ có thơ định trách nhiệm cho tôi (thơ đó tôi có gửi copie cho T.Ư).
b) Nếu Trung ương báo cáo thường và rõ ràng (détaillé) thì chúng tôi không đòi báo cáo các nơi làm gì, song từ ngày Hội nghị đến nay, Trung ương chưa có lần báo cáo nào tương tế hết. Như việc B phản đối chỉ thị Quốc tế mà cũng đến bây giờ người quen và Trung ương mới nói đến! Vẫn biết hoàn cảnh khó khăn và Trung ương lắm việc, nhưng "họ" cũng cần phải biết tình hình rõ ràng mà cũng vì vậy mà phải yêu cầu các nơi báo cáo. Nhờ hai tờ báo cáo Xứ Hội nghị gửi ra, mới biết hơi rõ tình hình T và B từ 12 - 30 về trước, (từ đó đến giờ

[5]) Tức Nguyễn Huy Bốn, Trần Ngọc Danh, Dương Bạch Mai, Nguyễn Thế Thạch.
[1]) Tức Bùi ái.
[2]) Tức Ngô Đức Trì.

không rõ vì không thấy báo cáo nữa) và họ đương hỏi cho được báo cáo Nam Kỳ. Vả lại khi trước (Octobre) chúng ta đã định rằng, hễ các nơi báo cáo thì làm hai bản, một gửi cho Trung ương, một gửi ra. Thế là đỡ việc cho Trung ương và Quốc tế lại biết rõ tình hình, Đ cũng tán thành cách đó. Như vậy thì có gì là "vô lý và lộn xộn"[1].
c) Tôi không trao kế hoạch gì riêng cho T và B, chỉ có những thông cáo gấp như 1-5, những chỉ thị đại khái như chỉ thị vừa rồi và những tài liệu nghiên cứu dịch ra thì tôi cứ vẫn gửi ba bản cho Trung ương, T và B. Làm như thế là cho mau, cho tiện và cho chắc chắn (nếu chỗ này không tiếp thì có chỗ khác tiếp).
d) Thơ vừa rồi Trung ương nói: "Chỉ có việc giao thông hoặc báo chương thì tôi giao thiệp với họ, chứ báo cáo thì vô lý và lộn xộn". Nếu làm như đã nói trên, thì chẳng những không có gì là "vô lý và lộn xộn" mà lại chạy việc lắm. Nếu không vậy thì tôi giao thiệp với T và B cũng không có tác dụng gì.
e) Thơ Trung ương tôi cứ vậy gửi đi rồi. Nhưng việc này cũng vậy. Nhiệm vụ tôi đã là như thơ Đ đã định, cho nên khi có việc gì Đ cũng nói với tôi mà khi tôi có ý kiến gì (như phê bình T và B mới đến) cũng có Đ đồng ý.
Vậy nên khi Đảng nghị định hoặc yêu cầu gì thì tôi cũng nên biết. Nếu không biết gì cả, khi "họ" hỏi đến, tôi biết đường nào mà nói. Nếu chỉ biết truyền thơ qua, đưa thơ lại, nếu không tham gia ý kiến với Đ và với Trung ương, thì tôi ở đây cũng không ích gì lắm. Vì việc đưa thơ thì đồng chí khác cũng làm được.
Nói tóm lại là Trung ương thảo luận lại "nhiệm vụ của K. V"[2]: 1/ ý kiến đối với thơ hôm nọ (copie gửi về trước) thế nào? 2/ Các nơi nên hay không nên gửi báo cáo, v.v.. Trung ương

[1]) Hội nghị Trung ương toàn thể họp tháng 3 - 1931 tại Sài Gòn đã quyết định thay đổi mối liên lạc, không qua Nguyễn ái Quốc nữa mà trực tiếp với Ban phương Đông.
[2]) K.V: một bí danh của Nguyễn ái Quốc.

giải quyết thế nào, rồi cho tôi biết. Vì nếu để thế mãi, thì chỗ nói thế này, chỗ nói thế kia, thì lộn xộn thiệt, mà lại trở ngại cả công tác.
Thêm: Vladimirof chuyến này chưa về được. Phải chờ Hg-Th-Kông hoặc Trần Bình mới về được.
Chuyến này gửi về 2 Zũa và 200 giấy.

Ngày 24 tháng 4 năm [1])

Ngày 1-5 sắp sửa thế nào, kết quả thế nào cho biết.
Miếng giấy nhỏ chữ Anh là do đại biểu I.J.C. gửi về.
Bút tích tiếng Việt,
bản chụp lưu tại
Viện Lịch sử Đảng.

[1]) Trong ¶nh bót tÝch, tr^{a}n ®Çu bøc th- t¸c gi¶ ®Ò ngµy 23-4-1931, cuèi bøc th- t¸c gi¶ ®Ò ngµy 24-4-1931. Chóng t«i theo nguy^{a}n v¨n bót tÝch cña t¸c gi¶.

THƯ GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

1. Tôi đã nhận được bức thư ngày 25-4.
2. Đồng chí Tổng bí thư đã bị bắt ngày 19 hoặc 20-4[10]).

Kể từ khi xuất bản Tạp chí cảnh sát, 7 trong số 101 người đã bị bắt. Vì vậy trong ban thư ký chỉ còn lại một công nhân trẻ tuổi.
3. Riêng ở Hải Phòng đã có 36 trường hợp bị bắt vào ngày 20-4 và 16 trường hợp bị bắt ngày 23-4. Điều đó nói lên rằng mọi hoạt động ở bốn địa phương đều bị lộ.
Một số đồng chí đã dùng súng lục chống lại cảnh sát. 1 đồng chí đã bị hy sinh và nhiều đồng chí khác bị thương.

4. Ngày 20-4 mấy tàu chạy hơi nước của chúng ta chờ để đón sinh viên lên tàu nhưng không có người nào đến. Có lẽ họ cũng đã bị bắt.
5. Ngày 29-4, một đồng chí phụ trách vấn đề thông tin liên lạc đã bị bắt. Vẫn chưa nhận được tin tức từ các đồng chí khác: Khi nào có tin cụ thể hơn thì tôi sẽ báo cho đồng chí biết. Tất cả các mối liên hệ tạm thời bị gián đoạn. Hình như tạp chí cảnh sát cũng lưu truyền ở đây. Tất cả những thanh niên Việt Nam ở đây đều bị kiểm soát và đã bị mật thám Pháp nhận dạng.

6. Nhiều tổ chức Đảng ở địa phương đã bị giải tán, nhiều tài liệu quan trọng rơi vào tay cảnh sát. Chúng tôi sẽ phải tổ

[10]) Cã mét dßng qu¸ mê, kh«ng ®äc ®-îc.

chức lại mọi việc. Chúng tôi sẽ trao nhiệm vụ này cho các sinh viên trở về nước. Nếu mọi việc diễn ra tốt đẹp, thì khoảng 2 tuần nữa 4 sinh viên sẽ có mặt ở đây. Tôi sẽ họp với họ.

7. Ngày 20-4, mọi biện pháp đã được sử dụng để ban bố thiết quân luật trên toàn đất nước chống lại các cuộc biểu tình ngày 1-5. Trường học và nhà máy sẽ phải nằm trong sự kiểm soát quân sự chặt chẽ.

8. Ngày 12-4, 55 nông dân đã bị giết trong cuộc diễu hành. Ngày 14-4, 80 người bị giết và ngày 20-4, 30 người bị giết. Bọn đế quốc đã quyết định ngăn chặn phong trào bằng tàn sát.

Chúng tôi nên chỉ ra cho các đồng chí của mình kế hoạch đấu tranh cụ thể nào? Nếu chúng ta cứ để họ đi theo con đường đó thì sẽ rất manh động, nguy hiểm. Tôi sẽ đề nghị thêm rằng Quốc tế Cộng sản chỉ thị cho tất cả các tổ chức cách mạng của chúng ta tham gia với khẩu hiệu "Bảo vệ Đông Dương" cùng với những hành động: "Không can thiệp vào Trung Quốc", "Không can thiệp vào nước Nga Xôviết". Đặc biệt là Đảng Cộng sản Pháp và các tổ chức cách mạng khác sẽ tăng cường hơn nữa việc bảo vệ phong trào cách mạng ở Đông Dương.

9. Tôi không thể ký tên vào các bức thư vì tôi không có địa chỉ. Xin đồng chí hãy làm tất cả những gì có thể cho tôi. Tất nhiên, điều đó thật phiền phức. Vì điều kiện hiện thời, tôi luôn luôn phải viết cho đồng chí bằng phương pháp này và không phải lúc nào cũng viết cho P.O.B của đồng chí. Tôi đề nghị đồng chí sử dụng phương pháp viết thư tương tự. Nó có rắc rối nhưng an toàn hơn.

Gửi lời chào cộng sản.

VICTO

Bút tích tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG

Các đồng chí thân mến!

Căn cứ vào báo cáo của đồng chí H.N. về tình hình Đảng Cộng sản Đông Dương và theo kinh nghiệm của tôi ở Hoa Nam, Đông Dương, Thái Lan và ở Mã Lai, tôi thấy có bổn phận bức thiết đối với các đảng của chúng tôi là phải đề xuất với các đồng chí đề nghị sau đây:

Trừ một vài đồng chí rất hiếm hoi (đã được huấn luyện ở Trường đại học những người lao động phương Đông, hoặc là trí thức), còn đại đa số đồng chí của chúng tôi, trình độ lý luận và chính trị rất thấp.

Hậu quả của tình trạng thiếu kiến thức về lý luận như vậy là gì? Hậu quả khá nhiều. Các đồng chí đã nghe đồng chí H.N. kể về những hậu quả ấy trong báo cáo. Tôi nói thêm một vài hậu quả nữa:

1. Đa số các đồng chí - ngay cả những đồng chí có trách nhiệm- cũng không hiểu thật rõ "cách mạng dân chủ tư sản" là gì. Các đồng chí ấy nhắc đi nhắc lại những chữ ấy mà không hiểu nghĩa. Vì không thể giải thích được cho công nhân và nông dân, cho nên các đồng chí ấy thường tỏ vẻ lúng túng trong công tác tuyên truyền và cổ động. Để khỏi lung tung, các đồng chí buộc phải "bịa ra". Do đó, một sự ngu dốt này làm phát sinh một sự ngu dốt khác và một sai lầm này gây nên các sai lầm khác.

2. Các đồng chí ấy cũng không hiểu tại sao phải kết hợp cuộc cách mạng phản đế với cách mạng ruộng đất. Vì vậy mà những khẩu hiệu đưa ra lộn xộn, không phối hợp với nhau.

3. Các đồng chí ấy không hiểu sự khác nhau giữa Đảng với các tổ chức khác, cho đó là sự khác biệt về "cấp bậc". Ví dụ như xếp Đảng ở số 1, Thanh niên cộng sản ở số 2, Công hội ở số 3, v.v.. Và khi một đồng chí đang hoạt động trong Đảng mà được cử sang hoạt động ở một tổ chức khác, đồng chí đó xem việc chuyển dịch ấy như là một "việc hạ cấp bậc", gần như là một hình phạt!

4. Hoặc là, các đồng chí ấy bắt đầu tổ chức một nhóm liên minh chống đế quốc, rồi chọn những thanh niên của liên minh để tổ chức một Công hội. Cuối cùng chọn những hội viên Công hội để tổ chức một tổ Đảng.

5. Một cuộc bãi công bùng nổ. Những người lãnh đạo là trí thức viết vào một quyển vở theo trật tự 1, 2, 3, v.v. những bước đi phải tiến hành rồi họ đưa quyển vở ấy cho các đồng chí có trách nhiệm là công nhân. Các đồng chí này đưa quyển vở về nhà máy và thi hành máy móc những điều đã ghi trên giấy mà không biết phán đoán xem những điểm ấy có phù hợp với thực tế hay không!

Hoặc là, các đồng chí ấy dùng mọi biện pháp để phát động bãi công, nhưng khi công nhân đã rời nhà máy xuống đường, các đồng chí ấy không biết phải làm gì nữa.

6. Còn có một nguy cơ lớn khác. Tuy các đảng đã đưa những đồng chí công nhân vào các ban lãnh đạo, nhưng các đồng chí này vẫn bị ảnh hưởng của những phần tử trí thức, bởi vì theo các đồng chí ấy, "những người trí thức đã được đọc tất cả những điều ấy trong các bản luận cương hoặc trong sách".

Tình hình ấy diễn ra trong thời kỳ 1930-1931, lúc mà các đồng chí của chúng ta đã là những chiến sĩ khá lão luyện và khá từng trải rồi. Nhưng hiện nay, tất cả hoặc hầu như tất cả các đồng chí ấy đã bị giết hay bị cầm tù. Những đồng chí đang hoạt động trẻ hơn, ít kinh nghiệm hơn, do đó có khả năng phạm những sai lầm nghiêm trọng hơn.

Vì vậy, tôi thấy *tuyệt đối cần thiết là chúng ta phải giúp đỡ các đồng chí của chúng ta khắc phục những khó khăn ấy bằng cách tạo điều kiện cho các đồng chí tiếp thụ được những kiến thức sơ đẳng nhất mà mỗi chiến sĩ đều phải có.*

Và biện pháp duy nhất có hiệu quả để giúp các đồng chí theo phương hướng đó là cho xuất bản những quyển sách nhỏ viết về các vấn đề sau đây:

1. Tuyên ngôn cộng sản,
2. Đảng cộng sản và tổ chức của Đảng,
3. Lịch sử Quốc tế Cộng sản,
4. Lịch sử Đảng,
5. Lịch sử R.K.P.B (Đảng Cộng sản Bônsơvích toàn Liên bang Xôviết),
6. Lịch sử Quốc tế Thanh niên (KIM),
7. Thanh niên cộng sản và tổ chức thanh niên,
8. Công hội,
9. Quốc tế Công hội đỏ,
10. Nông hội,
11. Vấn đề dân tộc,
12. Vấn đề ruộng đất,
13. Quốc tế Cứu tế đỏ (MOPR),
14. Liên minh chống đế quốc,
15. Chủ nghĩa đế quốc Pháp,
16. Cách mạng Tháng Mười,
17. Cách mạng Trung Hoa,
18. Khởi nghĩa vũ trang,
19. Những bài học của các sự biến 1930-1931,
20. Chủ nghĩa Tờrốtxki,
21. Nền kinh tế xôviết,
22. Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin,
23. Làm thế nào để kết hợp hoạt động bất hợp pháp và hoạt động hợp pháp,

24. Làm thế nào để tổ chức các chi bộ và làm cho các chi bộ hoạt động,
25. Làm thế nào để tổ chức một cuộc bãi công, một cuộc biểu tình, v.v.,
26. Làm thế nào để thực hiện mặt trận thống nhất,
27. Làm thế nào để tổ chức một tờ báo Đảng, tờ báo nhà máy, v.v.,
28. Làm thế nào để tổ chức học sinh, phụ nữ, v.v.,
29. Làm thế nào để vận động binh lính,
30. Luận cương và nghị quyết về vấn đề thuộc địa (của Quốc tế Cộng sản), v.v. và v.v..

Khi xuất bản những tập sách nhỏ ấy, cần phải chú ý đến: 1. Những khó khăn về việc in lại sách ở các xứ này; 2. khó khăn về việc giữ sách; 3. khó khăn của độc giả cất giấu sách; 4. trình độ văn hoá thấp của các đồng chí chúng tôi không thể đọc và hiểu được những điều diễn đạt quá dài, quá khó. Vì vậy các tập sách nhỏ ấy phải ngắn, từ ngữ phải rất đơn giản, rất rõ ràng và dễ hiểu đối với quần chúng. Nếu có thể được, nội dung nên trình bày dưới dạng câu hỏi và trả lời.

Các đồng chí của chúng tôi rất dũng cảm và hăng hái. Các đồng chí ấy công tác rất tận tuỵ. Nhưng vì thiếu kiến thức lý luận, buộc các đồng chí phải mò mẫm từng bước, luôn luôn vấp váp vì thiếu thốn như vậy. Tất nhiên là các đồng chí sẽ được giáo dục rèn luyện trong đấu tranh và trong công tác thực tế hàng ngày. Nhưng có thể tránh được biết bao bế tắc, sai lầm và biết bao thất bại đau đớn, nếu chúng ta có thể cung cấp cho các đồng chí ấy những kiến thức tối cần thiết về lý luận soi đường, tạo điều kiện dễ dàng cho các đồng chí ấy tiến hành công tác.

Đồng chí Xtalin nghìn lần có lý khi nói rằng: "Lý luận tạo cho các đồng chí làm công tác thực tế, sức mạnh định hướng, sự sáng suốt dự kiến tương lai, kiên định trong công tác và lòng tin ở thắng lợi của sự nghiệp của chúng ta".

Những điều mà tôi nói về các đồng chí chúng tôi ở Đông Dương, ở Thái Lan, v.v. chắc chắn là cũng đúng đối với những đồng chí ở các nước thuộc địa khác, mà ở đây Đảng hoạt động bất hợp pháp và trình độ văn hoá của những người lao động còn thấp. Những cuốn sách nhỏ đề nghị trên đây nhất định là cũng rất có ích đối với cả những nước ấy.

Thân ái chào cộng sản

Ngày 16 tháng 1 năm 1935

LIN

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ MÁCTI

Đồng chí Mácti thân mến,

Chúng tôi đã nhận được tin đồng chí Pôn Vayăng Cutuyariê của chúng ta sớm từ trần với một nỗi đau buồn sâu sắc.

Đây là một tổn thất to lớn cho Đảng Cộng sản Pháp của chúng ta, cho giai cấp vô sản Pháp, giai cấp vô sản thuộc địa và giai cấp vô sản thế giới.

Tôi đã khóc khi biết tin đồng chí Vayăng Cutuyariê qua đời. Đối với tôi, anh là một đồng chí, một bạn thân và một người anh em. Chúng tôi đã quen biết nhau từ Đại hội Tua đáng ghi nhớ. Cho tới năm 1934, chúng tôi đã cùng nhau làm việc trong vấn đề thuộc địa mà anh từng chứng tỏ hết sức quan tâm.

Trong chuyến anh sang Viễn Đông với tư cách đại biểu và người tổ chức Hội nghị vì hoà bình và chống chiến tranh, chúng tôi đã gặp lại nhau tại Trung Quốc. Dịp đó, anh đã giúp tôi một việc rất lớn để tôi thoát khỏi một hoàn cảnh vô cùng khó khăn mà tôi vấp phải.

Chúng tôi lại gặp nhau ở đây vào mùa hè, và đã cùng nhau thảo luận vấn đề thuộc địa, đặc biệt là vấn đề Đông Dương.

Giai cấp vô sản thuộc địa đã mất đi một người chiến sĩ tốt và một người bạn chân thành. Vayăng Cutuyariê đã qua đời, nhưng tấm gương về sự tận tuỵ và lòng can đảm của anh vẫn còn. Khóc than anh qua đời, chúng tôi hứa sẽ noi theo tấm gương cao quý của anh, đấu tranh kiên trì hơn cho tới thắng lợi của sự nghiệp của chúng ta.

Nhân danh cá nhân và nhân danh những người cộng sản Đông Dương cùng các giai cấp cần lao Đông Dương, tôi nhờ anh, đồng chí thân mến, chuyển tới Đảng Cộng sản Pháp của chúng ta, tới gia đình của đồng chí và bạn thân tiếc thương của chúng ta những lời chia buồn sâu sắc.

Ngày 12-10-1937

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI MỘT ĐỒNG CHÍ Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

Hôm nay là ngày kỷ niệm lần thứ bảy việc tôi bị bắt giữ ở Hồng Công. Đó cũng là ngày mở đầu năm thứ tám tình trạng không hoạt động của tôi. Nhân dịp này, tôi viết thư gửi đồng chí để xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này.

Đồng chí hãy phân tôi đi đâu đó. Hoặc là giữ tôi ở lại đây. Hãy giao cho tôi làm một việc gì mà theo đồng chí là có ích. Điều tôi muốn đề nghị với đồng chí là đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng.

Tôi sẽ rất biết ơn đồng chí, thưa đồng chí thân mến, cho phép tôi được hội kiến. Tôi tin rằng như vậy sẽ tốt hơn. Đã từ lâu rồi đồng chí không gặp tôi.

Đồng chí thân mến, xin đồng chí nhận lời chào cộng sản anh em của tôi.

6-6-1938

LIN

(NGUYễN áI QUốC)

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

NGƯỜI NHẬT BẢN MUỐN KHAI HOÁ TRUNG QUỐC NHƯ THẾ [1]

Là người Trung Quốc, nếu tôi nói đến những sự tàn bạo của người Nhật Bản mà tôi đã nhận thấy, thì người ta có thể cho rằng tôi đã nói quá. Bởi vậy, tôi chỉ thông báo với các bạn về những hành động tàn bạo của người Nhật Bản như những người nước ngoài đã nhận xét, bằng cách trích những đoạn trong cuốn: *ý nghĩa của chiến tranh - Những sự tàn bạo của người Nhật Bản ở Trung* [2] của H.J. Timpóclây, thông tín viên báo *Người bảo vệ Mansextơ*. Ngoài ra, tôi có thêm vào đó vài tin tức đăng trên các báo và vài mẩu chuyện do những nhân vật đáng tin cậy như các viên tư lệnh của Tân tứ quân và Bát lộ quân nhân dân cách mạng đã kể.

Ông Timpóclây đã ở Trung Quốc khi Thượng Hải và Nam Kinh bị xâm chiếm. Ông đã viết nhiều về những sự tàn bạo của người Nhật Bản. Song, những bài viết của ông đã bị chặn lại ở bưu điện Thượng Hải. Ông đã thu thập được nhiều bài bút ký, nhiều bản báo cáo, nhiều bức thư của bạn bè ông ở nước ngoài: họ là những nhà báo, khách đi đường, giáo sĩ, thành viên của Hội chữ thập đỏ quốc tế và của Uỷ ban quốc

---

[1]) Những bài đăng trên báo *Notre Voix (Tiếng nói của chúng ta),* Nguyễn ái Quốc đều viết dưới danh nghĩa một nhà báo Trung Quốc và ký tên LIN. Với nhan đề "*Những sự hung tàn của đế quốc Nhựt*", báo *Dân chúng* (tiếng Việt) cũng đã đăng toàn văn bài báo này trong các số 46 ngày 21-1-1939, số 47 ngày 24-1-1939 và số 48 ngày 28-1-1939.

[2]) Trong nguyên bản, tên cuốn sách được viết bằng tiếng Anh: *What war means - the japanese atrocities in China.*

tế cứu trợ những người tị nạn. Những bằng chứng do ông Timpóclây đưa ra như vậy là hoàn toàn đáng tin cậy.

NGƯỜI NHẬT BẢN VÀ TRẠI NHỮNG NGƯỜI TỊ NẠN Ở NAM KINH

"Trại những người tị nạn nằm tại trung tâm thủ đô, rộng trên 3 kilômét vuông. Số người tị nạn vào khoảng 200.000. Trước thời gian chiếm đóng, người Nhật đã hứa rằng những người tị nạn cũng như những người dân thường đều không phải lo ngại gì cả. Dưới đây, người ta sẽ thấy bọn kẻ cướp phát xít ấy đã giữ "lời hứa long trọng của chúng" như thế nào.

HÃM HIẾP

Theo các báo cáo của Uỷ ban cứu trợ thì từ ngày 13-12-1937 đến ngày 7-2-1938, trong trại những người tị nạn, đã xảy ra 240 trường hợp hãm hiếp mà tên tuổi của nạn nhân đều được người ta biết rõ và 11 trường hợp có ghi: "đàn bà hoặc con gái bị người Nhật Bản hiếp".

"Theo con số tính toán của những người bạn Đức của tôi, một phóng viên đã viết như vậy - thì số người bị bọn Nhật Bản hãm hiếp ở Nam Kinh lên tới trên 20.000. Chính tôi đã thấy trên 100 trường hợp hãm hiếp và tôi đã nhận được báo cáo chính xác về 300 trường hợp khác. Trong số các nạn nhân, có những thiếu nữ dưới 11 tuổi và những bà già trên 53 tuổi. Trong một gian phòng của Trường đại học Kim Lăng, ngay giữa ban ngày, 17 tên Nhật đã thay phiên nhau hãm hiếp một người con gái".

Một phóng viên khác viết:

"17-12-1937. Cả ngày và đêm hôm qua, các cuộc hãm hiếp và tàn sát cứ tăng dần. Trên 1.000 đàn bà và con gái đã bị hãm hiếp; một chị bị hiếp đến 37 lần. Một tên trong bọn kẻ cướp đã bóp cổ một em bé mới lên 5 tháng, vì em bé này đã khóc bên cạnh người mẹ của em bị hãm hiếp.

"Bọn Nhật kéo nhau đi hàng đàn và chia thành nhóm để hãm hiếp.

"Ngày 3-1-1938, một người đàn bà bị thương nặng đã đến bệnh viện. Chị ấy nói rằng: Chị và 5 phụ nữ khác đã bị bọn Nhật bắt đi hai hoặc ba hôm trước. Ban ngày, chúng bắt họ giặt giũ áo quần, ban đêm, chúng hãm hiếp họ, người nào nhiều tuổi thì bị từ 10 đến 20 lần, những chị trẻ thì đến 40 lần.

"Ngày 23-1, bọn Nhật đã giết 11 người trong gia đình của X. Đàn bà thì đều bị chúng giết sau khi hãm hiếp. Ngày 15-1, một người con gái vừa ra khỏi nơi tị nạn ở Trường đại học Kim Lăng, đã bị một tên Nhật doạ hãm hiếp. Chị ấy chống cự lại. Chị liền bị giết. Ngày 15-12-1937, bọn Nhật xông vào một ngôi nhà tại đường phố ở Hán Khẩu, chúng hiếp một người đàn bà trẻ và bắt đi ba người khác. Chồng họ vừa khóc vừa chạy theo đều đã bị giết.

"Nhiều nạn nhân bị bỏ mạng do bị hãm hiếp. Nhiều đàn bà và con gái đã tự sát để khỏi bị làm nhục.

"Trên 300 phụ nữ ở các làng lân cận đã bị bọn Nhật bắt đưa đến Suansing (cái thành của một huyện nhỏ ở Tô Châu). Mỗi ngày, người ta thấy những xác phụ nữ trần truồng nổi lềnh bềnh ở cửa con sông đào của thành này". *(Tin điện, 2-1-1938).*

"Trại những người tị nạn ở Man Hàng, gần Thượng Hải, gồm 500 phụ nữ. Ngày 28-1, một chi đội Nhật Bản đến đóng ở đây. Tất cả những người tị nạn đều bị hãm hiếp, không trừ một ai". *(Tin điện, 30-1-1938).*

"Đàn bà và con gái các vùng bị chiếm ở Shonji sau khi bị hãm hiếp, đều bị bắt đi làm nghề mãi dâm trong quân đội". *(Tân Hoa nhật báo, 15-1-1938).*

"Tại Ouhau, bọn Nhật sau khi hãm hiếp phụ nữ đã chơi cái trò xem tên nào khéo tay hơn cả trong việc cắt vú các nạn nhân". *(Đại công báo, 31-1-1938).*

"Những em gái dưới 10 tuổi và những bà già 60 tuổi cũng đều bị hiếp, 10 tên Nhật sau khi thay phiên nhau hãm hiếp một bà già, đã dùng một cái móc sắt để xé toạc âm hộ của bà ấy". *(Tân Hoa nhật báo Sơn Tây, 19-1-1938).*

Tướng Lanpi Si của Bát lộ quân đã viết từ Sơn Tây như sau:

"Trong các vùng bị Nhật chiếm đóng, không một người đàn bà hoặc con gái nào là không bị hãm hiếp. Nhiều chị đã bị chết trong khi bị hãm hiếp hoặc bị giết sau đó. Một số lớn đã bị bắt đi. Ngày 19-12-1937, bảy tên Nhật đến hãm hiếp phụ nữ ở làng Tùng Tha. Người trong làng chống lại, ngày hôm sau, một chi đội Nhật Bản đến bao vây làng, bắt đi 100 dân, chúng dùng dây thép để thắt cổ họ và treo lên cây, lấy báng súng đập vỡ đầu họ, mổ bụng họ tưới dầu hoả rồi thiêu họ. Sau đó, bọn Nhật đã đốt cả làng.

"Đôi khi bọn Nhật còn giở trò độc ác tinh vi. Chúng bắt người bố hiếp con gái mình, con trai hiếp mẹ, anh trai hiếp em gái. Dĩ nhiên, những người đáng thương này không chịu làm theo lệnh chúng, thế là bọn kẻ cướp liền giết họ".

NHỮNG VỤ TÀN SÁT

Suốt hai ngày sau khi vào Nam Kinh, bọn Nhật vẫn tiếp tục tàn sát, cướp bóc và hãm hiếp hàng loạt. Đường phố đầy những xác đàn ông, đàn bà, trẻ con. Tất cả binh lính Trung Quốc không kịp ra khỏi thành phố và bị bắt đều bị tước vũ khí và bị xử bắn. Bọn Nhật không bắt làm tù binh. 400 người tị nạn bị bắt và bị lính Nhật dẫn đi, bọn này có mang theo súng trường và súng máy. Số phận những người tị nạn đã được quyết định. Bọn Nhật đã dùng hàng nghìn người Trung Quốc làm bia để tập bắn hoặc tập đâm lê.

Bọn Nhật vào trại những người tị nạn ngày 13-12-1937, hồi 11 giờ sáng. Hai thành viên của Uỷ ban và tôi đang tiếp chúng. Sau vài phút, chúng đã giết 20 người tị nạn. Những ai chạy trốn khi trông thấy bọn Nhật, đều bị giết. Hình như đó là quy tắc trong đạo quân ấy. Ngày thứ tư, tôi lái một chiếc xe hơi chở một sĩ quan hải quân Nhật ra tàu thuỷ của hắn. Giữa đường, một sĩ quan Nhật chặn xe chúng tôi lại, hắn nói là hắn đang tiêu diệt một chi đội Trung Quốc. Thật vậy, chúng đang tàn sát anh em binh sĩ Trung Quốc đã bị tước vũ khí và những người dân thường.

Trưa ngày 13, bọn sĩ quan Nhật hứa với ông On Rốp, Chủ tịch Uỷ ban quốc tế cứu trợ, rằng binh sĩ Trung Quốc đã bị tước vũ khí thì sẽ không bị giết. Đúng ngay tối hôm ấy, trong khi Uỷ ban đang họp, bọn Nhật xông vào trại, bắt 1.300 binh sĩ Trung Quốc không có vũ khí và dẫn họ ra pháp trường.

Khi đi qua gần văn phòng của chúng tôi, ông Xmaidơ (thư ký của Uỷ ban) và tôi đã được trông thấy 50 xác chết nổi lềnh bềnh trong một cái hồ.

54 công nhân nhà máy điện đến trốn tại một hãng buôn của người Anh. 43 người bị bắt và bị xử bắn. Nhiều người làm nghề khuân vác và nhiều công nhân đã bị bắn chết. Bất cứ người Trung Quốc nào mà lòng bàn tay có chai cũng đều bị xem như cựu binh và bị xử bắn.

Chiều nay, có một người đàn ông đến văn phòng chúng tôi, đầu bị cháy sém, lông mày và tai đều bị cắt, nửa cái mũi bị hớt. Vừa đến được một lát thì anh ta tắt thở. Tình hình đã xảy ra như sau: Bọn Nhật trói hàng trăm người Trung Quốc lại với nhau và thiêu sống họ sau khi tưới dầu lên người họ. Người đàn ông đáng thương này đã may mắn chạy thoát được...

Ngày lễ Nôen. Bọn Nhật hứa không giết những cựu binh Trung Quốc đã tự nguyện ra đầu thú. 240 người đến trình diện. Họ đều bị giết sạ[1].

ở Nam Kinh, người ta đã chôn trên 40.000 tử thi những người bị tàn sát.

Nói đến Tùng Giang, cách Thượng Hải 30 kilômét, một nhà báo Anh viết rằng, trong số 100.000 dân của thành phố này, chỉ còn lại 5 ông già trốn trong một góc nhà thờ của Pháp. Vùng giữa Tùng Giang và Thượng Hải chẳng khác gì một bãi sa mạc dài 30 kilômét.

Nói về Tô Châu, một giáo sĩ đã viết "trong thành phố chúng tôi chỉ thấy toàn là chết chóc và tàn phá. Trên con đường từ

---

[1] PhÇn tiÕp theo in trªn sè b¸o ngµy 5-3-1939.

Quảng Đông đến Tô Châu, chúng tôi phải chú ý để khỏi dẫm lên thây người chết. Đường sá và đồng ruộng đều đầy xác chết".
Theo tính toán của một người nước ngoài đã từng nhiều lần ở trong vùng từ Thượng Hải đến Nam Kinh trước và sau khi Nhật chiếm đóng, thì ít nhất trong vùng này đã có 300.000 người dân thường bị giết, trong số đó, có tới 100.000 người bị tàn sát có hệ thống.
Bị thất bại về quân sự, bọn Nhật giết dân thường để trả thù. Tân tứ quân phá con đường sắt Bảo Định; vài ngày sau, một chi đội lính Nhật bắt xử bắn 100 người Trung Quốc đứng tuổi. Tướng Yin của Bát lộ quân kể lại rằng, tại mỗi thành phố hoặc mỗi thị trấn bị chiếm đóng, hơn một nửa dân cư bị bọn Nhật tàn sát.
Tướng Diệp Đĩnh, tư lệnh trưởng của Tân tứ quân, kể lại rằng: Hội Trung Quốc cứu trợ những người tị nạn đã đưa 8.000 em bé đến thung lũng Vô Tích cách Thượng Hải 100 kilômét. Trên trại này, có kẻ những chữ thập đỏ lớn. Một hôm, trong khi các em bé đang ăn sáng, máy bay Nhật đến ném bom xuống trại, không một em nào thoát khỏi cuộc tàn sát.

Ngày 19-12-1937, vào hồi 5 giờ chiều, tôi với ông Xmaidơ cùng đi ra ngoài. Đường phố Thái Bình và vùng phụ cận, trung tâm buôn bán lớn nhất của Nam Kinh, đều bị thiêu huỷ. Chúng tôi quay về phía Nam; bọn Nhật đang đốt các hiệu buôn, một số bọn khác thì chất những thứ chúng cướp bóc được lên các xe tải nhà binh.

Hơn một tháng sau khi chiếm đóng, những hành động tàn bạo vẫn còn tiếp diễn hàng ngày. Ngày 10-1-1938, vào buổi chiều, tôi đi xe hơi ra ngoài, tôi vẫn còn thấy bọn lính Nhật đốt phá những hiệu buôn. Ngay trước hôm đó, ông X đã ra được cửa Đông, tất cả nhà cửa của dân trong vùng mà ông đi qua, trên 20 kilômét, đều bị cháy trụi.

Những hành động ăn cướp có tính chất cá nhân xảy ra hết sức thường xuyên. Bọn lính bắt đầu đập phá cửa, xông vào và cướp lấy đồ đạc làm của riêng, chỉ sau khi được bọn sĩ quan hướng dẫn thì việc cướp phá mới được tổ chức có quy củ.
Bác sĩ P. khẳng định rằng, ông đã thấy những cảnh tượng khủng khiếp giống hệt như thế xảy ra ở Bắc Kinh.
Trên con đường Tùng Giang, chúng tôi đã gặp một đoàn lính Nhật trở về Thượng Hải cùng với những thứ chúng cướp bóc được. Cảnh tượng thật là đẹp mắt. Những con ngựa chiến mập mạp kéo những xe kéo chở đầy hòm xiểng và vali. Bọn nhà binh cưỡi trên lưng lừa, bò, thậm chí cả trâu nữa. Lợn thì chúng buộc vào những xe kéo pháo. Gà mái và gà con do bọn lính cướp được đều theo đoàn quân.
Từ 21-11 đến 11-12-1937, hàng ngày, tôi như con thoi đi lại giữa Tô Châu và Quang Phước.
Những ngân hàng, hiệu buôn và mọi nhà đều được mở toang cửa bằng vũ lực. Bọn Nhật kéo nhau hàng đàn như kiến vào ra không ngớt. Chúng đi lạch bạch, lưng còng xuống dưới những kiện hàng tơ lụa, những con gà giò, những hàng hoá khác, những đồ đạc. Trong khi đến thăm trường (của Nhà chung) của chúng ta, tôi thấy có những tên Nhật đang nạy tủ sắt với những cái móc sắt.
Còn có người nào tin được rằng bọn Nhật muốn làm điều tốt lành cho nhân dân Trung Quốc không? Xin mời họ cứ đích thân đi xem cảnh tàn phá rùng rợn đang diễn ra trong toàn vùng này dài trên 200 kilômét từ Thượng Hải đến Nam Kinh. Những thành phố bị phá phách, làng mạc bị thiêu huỷ, đồng ruộng bị tàn phá. Bọn Nhật đã phạm tất cả những tội ác dã man mà một đội quân tàn bạo được trang bị bằng những chiến cụ tối tân có thể phạm phải.

Suốt trong 4 tháng, sau khi Thượng Hải thất thủ, từ tháng 12 đến tháng 3, Nam Thị (khu Nam Thượng Hải) đã bị đốt phá, 80% nhà cửa bị thiêu huỷ sau ngày bị chiếm đóng. Thiệt hại lên tới 3 tỷ phrăng, trong đó, 1 phần 3 là do cướp bóc. Tất cả những thứ gì không bị phá huỷ thì đều bị chúng

cướp đi. Tháng 3, việc cướp phá vẫn còn tiếp diễn. Trong phạm vi 100 kilômét chung quanh Thượng Hải, trước kia, có 12 thành phố lớn và nhiều thị trấn với con số tổng cộng là 50 triệu dân. Những thị trấn và thành phố đó nay đều bị phá trụi. Khai Phong, trung tâm tơ lụa, đã trở thành một thành phố chết. Tùng Giang ngày nay chỉ còn là đống tro tàn. Thành phố Tô Châu giàu có và cổ kính gồm 350.000 dân, hiện chỉ còn lại 500 người.

Bức tranh trên đây còn xa mới mô tả được đầy đủ. Những cảnh ném bom man rợ của không quân, trẻ con bị bắt đem đi, tàn sát bằng thuốc độc, do thám, v.v. chưa được nêu lên trong tài liệu này. Quảng Châu, Hán Khẩu, Hạ Môn, Tây An và 20 địa phương khác chưa được nói đến. Tuy nhiên, những bằng chứng xác thực đó, do ngay tính chất xác thực của chúng, cũng đã đủ cho người ta một ý niệm về những gì mà bọn Nhật đã và đang tiến hành ở Trung Quốc. Và cũng như những gì mà chúng nhất định sẽ tiến hành tại các nước khác ở châu á, nếu một khi chúng đã thắng được nhân dân Trung Quốc.

Bọn phát xít dã man tưởng rằng chúng có thể dùng khủng bố để làm bại hoại tinh thần của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Nhưng chưa bao giờ nhân dân và quân đội Trung Quốc lại đoàn kết và kiên quyết như ngày nay để đánh tan giặc ngoại xâm! Những sự tàn bạo của bọn Nhật sẽ được đáp lại một cách đích đáng bằng chủ nghĩa anh hùng vô song của những người Trung Hoa đang chiến đấu cho nền độc lập và sinh mệnh của mình.

Tháng 12 năm 1938

P.C. LIN

Báo *Notre Voix,*
ngày 12-2-1939
và ngày 5-3-1939.

THƯ TỪ TRUNG QUỐC

Quế Lâm, cuối tháng 2

Các bạn thân mến,

Hãy thứ lỗi cho tôi vì không viết thư được thường xuyên cho các bạn. ở đây, chúng tôi bận đến mức là chúng tôi muốn được như Đức Phật nghìn tay - hay ít ra cũng phải như thế thì tôi mới có đủ tay để làm hết mọi việc cần làm.

Tôi muốn nói với các bạn về tình hình chính trị trong tháng này.

Sự biến chính trị quan trọng nhất là kỳ họp của Hội đồng chính trị quốc gia. Chắc các bạn đã nghe nói đến cái cơ quan mới được thiết lập ấy ít lâu sau khi bắt đầu có chiến tranh. Đó cũng là một món quà gián tiếp mà bọn phát xít Nhật đã tặng chúng tôi. Hội đồng là một thứ tiền Nghị viện. Việc thành lập Hội đồng này là một bước tiến tới nền dân chủ hoàn toàn. Và chúng tôi đang tiếp tục tiến lên trên con đường đó.

Kỳ họp được tiến hành vừa qua là kỳ thứ ba. Khi khai mạc, người ta chú ý đến một sự vắng mặt, đó là sự vắng mặt của Uông Tinh Vệ, cựu Chủ tịch của Hội đồng. Người ta ai cũng "tiếc" kẻ vắng mặt, ở chỗ là hắn không chịu cút đi sớm hơn. Bầu không khí lẽ ra đã sớm được trong sạch hơn và những hoạt động vô ích lẽ ra cũng tránh được. Đối với tên quỷ sứ khốn kiếp ấy thì làm Chủ tịch Hội đồng chính trị quốc gia của nước Trung Hoa - một nước Trung Hoa chiến đấu anh dũng và không ngừng tiến bộ - cũng chưa đủ. Hắn còn muốn làm người "cầm lái" một nước Trung Hoa bị ô nhục và biến

thành thuộc địa của phát xít Nhật. Thật là "điều kỳ quặc" đáng buồn biết bao! May thay, hắn không còn là Chủ tịch Hội đồng nữa và cũng không bao giờ có thể làm người "cầm lái" nước Trung Hoa nữa; giờ đây, hắn chỉ là tên phản bội số 1 bị toàn dân căm ghét và lên án. Thôi cứ để cho quỷ tha ma bắt hắn đi! Chúng ta hãy nói về những việc quan trọng hơn.

Như vậy là Hội đồng chính trị quốc gia đã họp vào ngày 12-2-1939. Kỳ họp này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Trung Quốc. Kỳ họp đã được tiến hành sau hai cuộc hội nghị rất quan trọng của hai chính đảng lớn của nước chúng tôi: Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Trong các nghị quyết của Hội nghị lần thứ 6 của Đoàn Chủ tịch Đảng Cộng sản có nói: "Nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân Trung Quốc là kiên quyết tiến hành chiến tranh, một cuộc chiến tranh lâu dài, phát triển và củng cố Mặt trận dân tộc chống Nhật, nhằm khắc phục mọi khó khăn, tăng cường các lực lượng của chúng ta, chặn đứng bước tiến của quân thù, chuyển sang phản công, cuối cùng là đuổi bọn xâm lược ra khỏi đất nước chúng ta và tổ chức lại nước Trung Hoa - một nước Trung Hoa tự do, độc lập và hạnh phúc, theo chủ nghĩa tam dân". (Tháng 10-1938).

Hội nghị lần thứ 5 của Đoàn Chủ tịch Quốc dân đảng (cuối tháng 1-1939) đã tuyên bố: "Từ nay, nhiệm vụ chúng ta càng nặng nề và khó khăn hơn. Để đập tan những cố gắng cuối cùng nhưng là những cố gắng tuyệt vọng nhất của kẻ thù hung bạo, nhân dân ta đang phải góp hết sức mạnh tinh thần và vật chất vào việc tăng cường đoàn kết, tích cực đấu tranh và xây dựng đất nước. Để làm tròn những nhiệm vụ đó, phải nâng cao tinh thần dân tộc và tăng cường kỷ luật cách mạng".

Trong bài diễn văn của mình đọc tại Hội nghị Đoàn Chủ tịch Quốc dân đảng, Thống chế Tưởng Giới Thạch nói: "Hiện nay nếu có cái tư tưởng khờ dại muốn nhân nhượng kẻ thù để mong đạt tới một nền hoà bình mơ hồ thì sẽ rơi vào cạm bẫy, sẽ đi đến diệt vong!".

Trong bài diễn văn của mình đọc tại Hội nghị Đoàn Chủ tịch Đảng Cộng sản, ông Mao Trạch Đông nói: "Chúng ta hãy đề cao lòng tự tin và tự trọng của nhân dân ta. Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh đến cùng. Chúng ta phải đả phá không chút thương xót chủ nghĩa thất bại và chủ nghĩa bi quan. Phải triệt để chống lại mọi khuynh hướng thoả hiệp và đầu hàng kẻ thù".

Tôi dẫn các đoạn trích trên đây để chỉ ra cho các bạn thấy rằng kỳ họp lần thứ 3 của Hội đồng chính trị quốc gia đã họp vào lúc quan niệm thì thống nhất và sự hợp tác thì đã chặt chẽ giữa các đảng chủ yếu của chúng tôi trong Mặt trận dân tộc chống Nhật. Kỳ họp đã diễn ra giữa lúc những khuynh hướng thất bại chủ nghĩa và đầu hàng mà tiêu biểu là Uông Tinh Vệ - bọn này đã ngóc đầu dậy khi Quảng Châu và Hán Khẩu thất thủ - đã bị hoàn toàn tiêu diệt bởi tinh thần đoàn kết và quyết tâm của nhân dân.

Kỳ họp đã được tiến hành dưới sự chủ toạ của Thống chế Tưởng Giới Thạch. Vị Chủ tịch mới đã đọc hai bài diễn văn quan trọng. Tiếc rằng vì không có thời giờ nên tôi không thể trích để giới thiệu với các bạn được. Trong khi bế mạc kỳ họp, ông Chủ tịch đã khen ngợi sự đoàn kết chặt chẽ và tinh thần hợp tác anh em giữa các thành viên trong Hội đồng. Đoàn kết và hợp tác, ông nói - làm cho nhân dân càng tăng thêm lòng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng. Rồi ông nhấn mạnh một lần nữa đến các nhiệm vụ của Hội đồng, của Chính phủ và của nhân dân. Sứ mạng lịch sử của Hội đồng là đặt cơ sở vững chắc cho một nền dân chủ không thể thiếu được đối với việc động viên và tổ chức nhân dân. Đến lượt chúng ta, động viên và tổ chức nhân dân là điều cần thiết để giành thắng lợi cuối cùng và để xây dựng lại đất nước. Đánh đuổi bọn xâm lược, diệt trừ những tên phản bội, nâng cao sự hiểu biết về chủ nghĩa tam dân - đó là những nhiệm vụ chung và trước mắt của chúng ta. Để làm tròn những nhiệm vụ ấy, cần có sự

đoàn kết giữa Hội đồng, Chính phủ và nhân dân. ý nghĩa những bài diễn văn đó đại khái là như vậy.
Kỳ họp đã kéo dài 10 ngày. Trong thời gian ấy, các đại biểu đã vạch ra và thảo luận 86 dự án và kiến nghị, trong đó có 19 dự án và kiến nghị thuộc những vấn đề về quân sự, 18 về kinh tế và tài chính, 17 về giáo dục nhân dân, 3 về ngoại giao, 28 về nội trị, 3 về những vấn đề khác.
Các bạn thấy rằng các đại biểu của chúng tôi đã làm việc không phải là tồi. Cần chú ý là trong số đó có một vài dự án đã được đưa ra thực hiện ngay từ hôm nay vì lợi ích cuộc đấu tranh của chúng tôi chống bọn xâm lược, cuộc đấu tranh mà trong thư sau tôi sẽ nói với các bạn.

P.C. LIN

Báo *Notre Voix,*
ngày 9-4-1939.

THƯ TỪ TRUNG QUỐC

Quế Lâm, đầu tháng 3

Các bạn thân mến,
Hôm nay, tôi sẽ nói với các bạn về tình hình quân sự.
Trước khi đề cập chủ đề này, tôi muốn biết xem có khi nào các bạn thấy một chiếc tàu thuỷ bị mắc cạn trên một bãi cát hoặc một đầu máy xe lửa bị trật khỏi đường ray không ? Chắc có chứ! Như vậy là tôi dễ nói để các bạn rõ về tình hình quân sự của kẻ xâm lược chúng tôi. Ai cũng biết rằng quân đội Nhật Bản được cơ giới hoá cao. Càng có nhiều sông lớn và nhiều đường ray thì nó càng tiến nhanh. Nhưng ra khỏi những vùng đó thì nó không làm được trò trống gì. Ngày nay, nó đang bị mắc cạn, đang bị trật đường ray. Tệ hơn nữa, nó đang bị sa lầy, cơ giới của nó đang mất hết tác dụng và trở thành bất lực. Ngày nay, đến lượt chúng tôi tiến công. Để chứng minh điều đó, xin kể dưới đây vài sự việc và con số.
(Tất cả những sự việc và con số nêu lên đều được trích từ các bản thông cáo chính thức).
BảN TIN PHáT ĐI Từ CẩM CHÂ[1], ngày 7-2-1939:
Trong tháng 1, tại vùng Sơn Đông, Hồ Nam và An Huy, chúng ta đã đánh 266 trận với quân thù đông tới 56.920 tên. Kết quả: 12.354 tên Nhật bị giết và chúng ta đã bắt được:

[1]) TØnh lþ cña tØnh Li³u T©y x-a.

536 tù binh,
243 súng đại liên,
3.650 súng trường,
103.487 viên đạn,
22 đại bác,
1.134 đạn trái phá,
312 súng phóng bom,

BảN TIN PHáT ĐI Từ Mã ĐIếM, ngày 14-2-1939:
Du kích của chúng ta trong vùng Bắc Hồ Nam và Nam Hồ Bắc mới chiếm lại được sáu huyện: Hoàng Châ[1], Kothi, Koung shan, Loohan, Kinfon và Suongsing.
BảN TIN PHáT ĐI Từ LạC DƯƠ[2], ngày 16-2-1939:

Từ trung tuần tháng 11-1938, quân địch đã tập trung khoảng 10.000 người để "càn quét" du kích miền Nam, miền Trung và Hồ Bắc. Suốt 3 tháng (tháng 11, tháng 12 và tháng 1), chúng ta đã đánh trên 150 trận. Quân địch bị giết và bị thương đến 3.100 tên (Nhật và người Mãn Châu).

Chúng ta đã bắt được:
1.200 tù binh,
980 súng trường,
11 đại liên,
1 đại bác,
8 ôtô,
62 con ngựa.
Chúng ta đã phá huỷ được 37 ôtô, 15 xe bọc thép và 2 xe tăng. Tổn thất của ta gồm 1.700 người bị giết, bị thương và bị thất lạc. Chiến dịch "càn quét" do quân địch tiến hành từ 3

[1] Mét phñ thuéc tØnh Hå B¾c.
[2] Mét vïng ë h¹ l-u s«ng L¹c Thuû, mét trong nh÷ng cè ®« cña Trung Quèc.

tháng nay đã bị hoàn toàn bẻ gẫy.

BảN TIN PHáT ĐI Từ NAM DƯƠNG, ngày 24-2-1939:

Trong cuộc tiến công vào Licolin, phía tây tỉnh Sơn Tây, quân địch đã bị tổn thất trên 2.000 tên bị giết và bị thương, một đại tá và một trung tá Nhật đã bị giết. Chúng ta đã thu được trên 600 lừa và ngựa.

BảN TIN PHáT ĐI Từ LạC DƯƠNG, ngày 25-2-1939:

Từ ngày 17-2 chúng ta đã bắt đầu tiến công vào Sangxinai phía tây tỉnh Hồ Nam. Trận chiến đấu ác liệt đã diễn ra suốt trong 3 ngày. Sau khi 700 tên bị diệt, quân địch tan rã đã chạy trốn. Trong khi truy kích, chúng ta đã diệt thêm 300 tên Nhật khác. Đó là thắng lợi lớn nhất của chúng ta trong vùng này từ hai tháng vừa qua.

2.008 lựu đạn và chúng ta đã phá được 7 chiếc xe bọc thép

Trong dịp Tết Nguyên đán Trung Quốc, du kích đã thình lình tiến công và chiếm lại được Tienchachin, cách Hán Khẩu không xa. Trong trận đánh, khoảng 1.000 tên Nhật đã bị giết.

BảN TIN PHáT ĐI Từ TRùNG KHáNH, ngày 8-3-1939:
Tổng kết về quân sự của chúng ta trong nửa sau của tháng 2:
Tại Sơn Tây - đánh 203 trận, 13.221 tên Nhật bị diệt. Ta bắt và thu được:
564 tù binh,
540 con ngựa,
1.589 súng trường,
52 đại liên,
3 đại bác,
96 xe bọc thép,
1.231 đạn trái phá.
Tại Hồ Nam - đánh 46 trận diệt 2.020 tên Nhật. Ta bắt và thu được:
5 tù binh,

31 con ngựa,
189 súng trường,
8 đại liên,
9 xe bọc thép,
1.200 viên đạn.

Tại Honai, Sát Cáp Nhĩ, Sóc Châu, và Sơn Đông: đánh 75 trận, diệt 3.400 tên Nhật. Ta bắt và thu được:

100 tù binh,
149 con ngựa,
291 súng trường,
20 đại liên,
6 đại bác,
43 ôtô,
3.000 viên đạn.

Tại Hồ Nam, Hồ Bắc và Quảng Tây: đánh 56 trận, diệt 1.475 tên Nhật. Ta bắt và thu được:

28 tù binh,
28 con ngựa,
190 súng trường,
9 đại liên,
4 đại bác,
9 ôtô,
110 lựu đạn.

Tại Triết Giang - đánh 16 trận, diệt 117 tên Nhật. Ta bắt và thu được:

2 tù binh,
26 súng trường,
11 đại liên.

Tại Quảng Đông - đánh 8 trận, diệt 668 tên Nhật. Chúng ta thu được 3 súng trường.

Ngoài ra, chúng ta còn đánh đắm 6 tàu thuỷ của Nhật, phá huỷ 267 kilômét đường ray và hạ 2 chiếc máy bay trên cầu.

Ngày 10-2, phi công của ta đã ném bom xuống sân bay Wansing, phía nam tỉnh Sơn Tây, phá huỷ 11 máy bay địch.

Ngày 20-2, 30 máy bay địch đến ném bom xuống Lan Châu. Ta đã hạ được 9 chiếc. Ba hôm sau, chúng lại đến với 20 máy bay. Chúng ta đã hạ được 6 chiếc.

Theo các báo xuất bản ở Hồng Công, từ tháng 10-1937 đến tháng 11-1938, số người Nhật bị giết và bị thương là 600.080.

Ngày 20-1-1939, tổng hành dinh Nhật tuyên bố rằng, từ khi bắt đầu chiến tranh đến ngày 30-12-1938, Nhật Bản mất 1.010 máy bay, trong đó 221 chiếc bị hạ và 179 chiếc bị phá huỷ bởi không quân Trung Quốc, 107 chiếc bị lục quân phá huỷ và 11 chiếc do hệ thống phòng không Trung Quốc hạ, 19 chiếc bị bắt buộc phải hạ cánh và 17 chiếc bị mất tích. Ngoài ra, còn có 365 chiếc bị thiệt hại do những nguyên nhân khác nhau.

Những con số đó hoàn toàn ăn khớp với những bản tin của Trung Quốc. Từ ngày 1-1 đến 25-2, chúng tôi đã hạ được 28 máy bay của địch. Như vậy, tổng cộng lại, bọn Nhật đã mất 1.038 máy bay.

Xin lỗi các bạn vì tôi đã nhồi nhét các bạn với bấy nhiêu con số. Song là "những con số hùng hồn" như người Pháp vẫn nói. Chúng hùng hồn hơn bất cứ một sự mô tả nào khác mà tôi có thể làm được.

Các bạn sẽ nói: được, nhưng người Trung Quốc cũng bị tổn thất, những tổn thất lớn nữa là khác. Chúng tôi không hề giấu giếm điều đó. Chúng tôi xin thành thực nói với các bạn. Chúng tôi thành thật nói là khi bắt đầu chiến tranh, phía Trung Quốc có 5 người chết thì phía Nhật Bản có 1 người chết. Ngày nay, trên mặt trận chính quy, tổn thất hai bên ngang nhau, bên phía Trung Quốc 1 người chết, phía Nhật Bản cũng 1 người chết. Nhưng "trên mặt trận du kích", chẳng hạn ở Sơn Đông và ở Hồ Bắc, trung bình 4,5 người Nhật bị giết, trong khi phía Trung Quốc 1 người bị giết, còn ở Sơn Tây, cứ 14 người Nhật bị giết thì phía Trung Quốc có 1 người bị giết.

Các bạn sẽ nói: Cường điệu. Tin hay không, tuỳ ý các bạ[1]. Nếu các bạn biết anh em du kích đã chiến đấu như thế nào, hẳn các bạn sẽ không chút lấy làm lạ về những con số trên đây. Trong một bức thư sau, có lẽ tôi sẽ có dịp nói với các bạn nhiều hơn về vấn đề này. Trong khi chờ đợi, chỉ cần nói với các bạn rằng anh em du kích chúng tôi đánh giặc chủ yếu là bằng mưu mẹo và sự bất ngờ. Nếu khi họ thấy chưa chắc thắng được kẻ địch thì họ chưa đánh. Một tên tư lệnh Nhật đã nói một cách chua chát rằng nói đến du kích là làm cho hắn đau đầu. Hắn còn thêm rằng "bọn người Trung Quốc đó không biết tiến hành chiến tranh như những người văn minh. Chúng tiến công khi người ta bất ngờ nhất. Khi người ta đi tìm chúng, thì không thấy chúng đâu cả!". Đúng như vậy. Nhưng nếu bọn Nhật muốn quân du kích đánh giặc như những "người văn minh" bằng cách dùng giáo mác và súng trường để chọi với xe tăng và đại bác thì chúng có thể cứ chờ đó. Chúng tôi không đến nỗi ngu ngốc như thế!

Hôm nay, tôi đã nói chuyện khá nhiều rồi. Vậy xin tạm biệt các bạn thân mến, và hẹn đến thư sau.

P.C. LIN

Báo *Notre Voix,*
ngày 16-4-1939.

[1] Trong nguyên bản viết bằng tiếng Anh: as you please.

CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CỦA CÔNG NHÂN TRUNG QUỐC TRONG CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT

CUỘC BÃI CÔNG YÊU NƯỚC

Trong chiến tranh chống Nhật, công nhân Trung Quốc là những người yêu nước ưu tú nhất, trong vùng Mãn Châu những người thất nghiệp và công nhân đều được tuyển mộ hàng loạt vào quân đội nhân dân. Công nhân mỏ biến thành du kích. Hàng ngày, anh em công nhân đường sắt, không sợ nguy hiểm đến tính mệnh, đã hợp sức với các lực lượng chống Nhật để cướp đoạt vũ khí và làm trật bánh những đoàn tàu của địch.

Ngay từ khi bọn Nhật bắt đầu xâm chiếm vùng Hoa Bắc, đã có hai trăm nghìn công nhân, viên chức làm việc trong các công xưởng và các hãng Nhật ở Thượng Hải tham gia cuộc bãi công yêu nước. Các thuỷ thủ đã từ chối không chịu làm việc trên những tàu thuỷ chuyên chở hàng hoá của Nhật Bản. Những người thợ rèn thì lao động suốt ngày đêm để cung cấp mã tấu cho quân đội. Với đồng lương ít ỏi của mình, anh em công nhân Trung Quốc làm việc ở nước ngoài đã chịu thiếu thốn mọi thứ để góp tiền mua công trái, gửi thuốc men về các bệnh viện dã chiến cho quân đội, và gửi những thanh niên tình nguyện về nước để bảo vệ Tổ quốc.

Đằng sau phòng tuyến của quân thù và trên hai bên bờ sông Dương Tử, hàng nghìn và hàng triệu công nhân Hán Khẩu

và Thượng Hải đã chiến đấu anh dũng. Trong tỉnh Hồ Bắc, 7.000 công nhân mỏ ở Hân Định đã được tổ chức thành những đội du kích. Câu chuyện về những người công nhân - du kích ở Hân Định là lý thú nhất.

TỔ CHỨC NHAU NHƯ THẾ NÀO?

Mỏ Hân Định nằm trên tuyến đường sắt Thái Nguyên - Hân Định. Mỗi ngày, các mỏ đó sản xuất khoảng 20.000 tấn than đá loại tốt. Trên 5.000 công nhân và nhân viên kỹ thuật người nước ngoài làm việc tại các mỏ này.

Bọn Nhật coi việc chiếm đóng mỏ Hân Định như chiếm được một miếng mồi béo bở. Với chính sách khoan dung giả dối, chúng tìm cách mua chuộc công nhân bằng cách tổ chức bán lương thực, thực phẩm cho họ với giá rẻ. Nhưng công nhân không để bị mắc vào thủ đoạn giả nhân giả nghĩa của bọn Nhật. Họ muốn đấu tranh nhưng không biết tổ chức cuộc đấu tranh, vì thiếu kinh nghiệm. "Hội công nhân cứu quốc Sơn Tây" thấy rõ tình hình đó. Hội muốn phái những nhà tổ chức đến các mỏ nhưng không thực hiện được vì bọn Nhật kiểm soát quá chặt chẽ. Ra sức tìm mãi, cuối cùng Hội mới kiếm được hai người công nhân quê ở Hân Định là: Tso-lung và Viou-hou. Người thứ nhất là một công nhân già trước kia đã ở trong quân đội. Người thứ hai là một người thất nghiệp. Sau khi được huấn luyện vài bài về chiến thuật và được cung cấp một khẩu súng trường, họ trở về Hân Định, và mỗi người bắt đầu tiến hành cuộc đấu tranh theo quan điểm của mình.

LÚC BẮT ĐẦU HỌ GỒM CÓ BẢY NGƯỜI...

Viou-hou mở đầu bằng việc đi tìm người cộng tác. Anh đã nhanh chóng tìm được một cựu lãnh tụ của phong trào nông dân và năm công nhân trẻ... Với đội quân bé nhỏ đó, anh bắt đầu đánh giặc. Đêm nào cũng vậy, Viou và các đồng chí

của mình đều đi vòng quanh các nẻo và các nhà ga xe lửa. Đến mỗi nơi, họ bắn vài phát súng trường. Bọn Nhật tưởng có nhiều du kích tiến công chúng nên chúng dùng đại liên bắn trả lại hàng tràng dài. Chúng bắn vu vơ trong đêm tối, chứ không thấy gì hết. Hai hoặc ba giờ sau - vừa đúng với thời gian cần thiết để Viou và các đồng chí của anh lại đi từ địa điểm này sang địa điểm khác - cuộc chơi lại bắt đầu.

Và BọN NHậT NGàY CàNG TRở NÊN MệT MỏI

Kết quả đầu tiên của những phát súng bắn ban đêm là đã làm cho bọn Nhật bị báo động suốt đêm, nên ban ngày vì quá mệt mỏi chúng không thể đi quấy nhiễu dân làng được nữa. Do đó, tiểu đội của Viou tranh thủ được cảm tình và lòng biết ơn của nông dân là những người đã nguyện sẽ ủng hộ anh đến cùng.

Được quần chúng tin yêu, Viou ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động của mình. Bí mật và kiên trì, anh tổ chức nông dân thành những đội tự vệ và phái họ đi phá hoại các đường giao thông. Nông dân đã làm công việc đó một cách rất tích cực và đầy nhiệt tình. Hễ có một hiệu lệnh đưa ra là đàn ông, phụ nữ và thậm chí cả trẻ con nữa đều tề tựu với cuốc, xẻng trong tay; và chỉ trong thời gian chớp nhoáng, hàng trăm mét đường sá đã trở thành vô dụng. Đôi lúc sau khi phá huỷ được một đoạn đường sắt, nông dân liền mang những thanh ray vào tận trong núi để dùng vào việc rèn vũ khí. Dĩ nhiên là tất cả những công việc đó đều được tiến hành trong đêm tối.

Dưới sự chỉ đạo của Viou, nông dân còn tổ chức những cuộc phục kích làm trật bánh các đoàn tàu, tiến công bọn Nhật và đã thu được chiến lợi phẩm. Những trận thắng đó càng khuyến khích những người du kích mới, họ bảo nhau rằng: "Bọn quỷ Nhật Bản đó không đến nỗi đáng ghê sợ như vậy. Chúng ta có thể đánh bại chúng!".

ĐồNG MINH XƯƠNG MáU Và SắT THéP

Hoạt động của họ giờ đây nhằm vào việc trừ bỏ bọn phản

bội. Một buổi sáng nọ, người ta thấy Lam-te-sou, một trong những tên thân Nhật có nhiều thế lực nhất và tích cực nhất đã bị treo cổ trên cây. Bên cạnh có một bản tuyên cáo tội phản quốc của hắn. Dưới bản tuyên cáo ký tên: "Đồng minh xương máu và sắt thép diệt trừ bọn phản bội". Vụ xử tên Lam-te-sou đã có tác dụng lớn. Từ hôm đó, bọn phản bội và mật vụ không dám ló mặt ra như trước nữa và do đó công tác bí mật của những người yêu nước càng được thuận lợi.

TSO-LUNG LạI Có MộT PHƯƠNG PHáP KHáC

Tso-lung bắt đầu công việc của mình theo một hướng khác và bằng một phương pháp khác. Trong khi Viou-hou bắt đầu hoạt động trong nông dân, thì Tso-lung lại bắt đầu hoạt động trong công nhân; Viou-hou bắt đầu bằng việc cổ động, còn Tso-lung thì bắt đầu bằng công tác tổ chức. Ngay sau khi trở về Hân Định, Tso liền vào ngay các mỏ, bác tìm được năm đồng chí và tổ chức một kho vũ khí. Vũ khí thì bọn Nhật không thiếu gì. Anh em công nhân cũng biết rõ cả và trong đêm tối thì còn biết rõ hơn cả bọn Nhật, nơi cất những vũ khí đó. Chỉ trong thời gian hai tháng, Tso đã có trong kho mình 200 khẩu súng trường, 1.200 lựu đạn, trên 26.000 viên đạn; 18 súng phóng lựu đạn và súng liên thanh, 1 máy vô tuyến điện, 3 máy điện thoại và những dụng cụ khác. Bọn Nhật tuy thấy rõ là vũ khí bị mất, nhưng chúng không biết ai lấy trộm và cất giấu ở đâu.

BọN NHậT ĐI TìM NHữNG Vũ KHí ở KHắP NƠI

Số đội viên du kích của Tso ngày càng tăng. Ban đêm, họ là du kích diệt Nhật cướp vũ khí - thậm chí họ tìm cách đánh cắp được cả sơn pháo! Ban ngày, họ trở lại làm công nhân mỏ, ngoan ngoãn nhất và hiền lành nhất thế giới. Bọn Nhật đi tìm kiếm du kích ở khắp nơi, trừ các mỏ. Chúng có nghe nói đến Tso và ráo riết đi tìm bác ta. Nhưng Tso, mặt đầy bụi than, tay xách đèn; vai vác cuốc vẫn ung dung đi từ mỏ này sang mỏ khác, qua lại một cách bình tĩnh trước con

mắt bọn hiến binh Nhật, nhưng chúng không nhận ra bác.

NƠI NàY MộT LờI NƠI KIA MộT LờI

Tso bận trăm công nghìn việc, nào tổ chức những công nhân mỏ, nào đi cổ động trong đám binh sĩ người Mãn Châu và tuyên truyền trong bọn lính Nhật. Dưới sự chỉ đạo của bác, mỗi người thợ mỏ trở thành một cổ động viên và một tuyên truyền viên. Người ta đối xử với binh sĩ Mãn Châu như với bạn bè thân thiết nhất. Chỉ trong khi chuyện trò bình thường và thân mật, người ta mới đưa ra nơi này một lời, nơi kia một lời để khêu gợi lòng nhớ quê hương và thức tỉnh tinh thần yêu nước của họ. Công tác cổ động ấy chẳng bao lâu đã mang lại kết quả. Tháng 2-1938, sáu chục người Mãn Châu trong vùng mỏ đã nổi dậy, sau khi diệt 12 lính và một sĩ quan Nhật, họ đi theo du kích, mang theo 2 súng liên thanh và 30 súng trường. Sau đó không lâu, 35 hiến binh Mãn Châu cũng làm như thế. Họ chạy về phía chúng tôi sau khi đã diệt 21 tên lính và một sĩ quan Nhật.

Với binh lính Nhật, người ta tuyên truyền bằng cách phát cho chúng những truyền đơn chống phát xít và chống chiến tranh, cốt làm nản lòng chúng. Có tên đã tự tử.

Hai phong trào đó phối hợp với nhau, một từ phía nông dân do Viou-hou tổ chức và phong trào kia từ phía công nhân do Tso-lung tổ chức - hình thành nên một phong trào mạnh mẽ của du kích vùng mỏ. Những đội du kích này cộng tác chặt chẽ với quân đội chính quy chúng tôi và với du kích ở Hồ Bắc và Sơn Tây. Bởi vậy, không có ngày nào là các mỏ không bị tấn công, hoặc nơi này hoặc ở nơi kia.

Đó Là MộT ĐÊM...

Có một lần, đó là đêm 8-2-1938, một phân đội của Bát lộ quân quốc gia cách mạng do đại uý Tsang chỉ huy, bất ngờ đi thăm các mỏ. Khi đến đầu vùng này, đại uý được anh em công nhân đón chờ và dẫn thẳng về phía thành Hân Định.

Những chiếc thang dây đã được chuẩn bị sẵn sàng nên các chiến sĩ trèo qua tường một cách dễ dàng. "Cu cu... cu!", một con gà trống gáy đâu đây, và thế là thành phố bỗng tối om, nhờ sự chăm lo của anh em công nhân, nên điện tắt, máy điện thoại bị cắt, đường sá bị chặn lại.

NHữNG TIếNG HÔ CHIếN ĐấU LàM RUNG CHUYểN Cả THàNH PHố NHỏ

Những tiếng hô chiến đấu làm rung chuyển khắp thành phố nhỏ. Bọn Nhật lâm vào tình trạng hỗn loạn. Được sự hướng dẫn của anh em công nhân, các chiến sĩ đã tiến hành có kế hoạch việc di chuyển các kho vũ khí và trinh sát sở chỉ huy Nhật Bản. Công việc xong xuôi, họ rút lui một cách rất lặng lẽ.

MộT CƠN BãO LửA SúNG LIÊN THANH

Mặc dù hết sức bí mật, nhưng cuối cùng bọn Nhật cũng biết rằng anh em công nhân đã biến thành du kích và bộ tổng tư lệnh của họ đóng trên một trong những ngọn núi. Thế là chúng điều 200 binh sĩ đi "phá cái tổ du kích". Anh em công nhân đã được những công nhân khác báo cho biết trước, nên tất cả đều được chuẩn bị kỹ để đối phó với cuộc tiến công. Vừa đến lưng chừng đồi, bọn Nhật gặp phải một cơn bão lửa súng liên thanh buộc chúng phải chạy tán loạn.

Một tuần sau, những người công nhân du kích chuyển sang phản công. Bọn lính Nhật đang tập bắn cách thành Hân Định 7 kilômét. Chúng bỗng nghe tiếng súng liên thanh nổ sau lưng chúng, từ phía núi... đó là anh em công nhân. Bị đánh bất ngờ, bọn Nhật chạy trốn tán loạn, du kích thu được nhiều súng đạn.

THế Là Nổ RA CUộC CHIếN TRANH CÔNG KHAI THậT Sự

Như vậy là bùng nổ cuộc chiến tranh công khai thật sự giữa bọn Nhật và anh em công nhân ở Hân Định. Và chính anh em công nhân đã thắng, vì bọn Nhật không còn có thể khai thác các mỏ được nữa, và "miếng mồi béo bở" trở thành một gánh nặng thật sự đối với chúng.

CÂU CHUYệN MộT Kỹ SƯ ĐứC

Một nét khác đáng chú ý về tổ chức du kích vùng Hân Định là ở chỗ nó hình thành một mặt trận chống Nhật có tính chất quốc gia và quốc tế. Quốc gia, vì có một sự hợp tác chặt chẽ giữa ban giám đốc các mỏ và công nhân mỏ, giữa công nhân và nông dân, giữa du kích và quân đội chính quy. Quốc tế, vì có một sự cộng tác chặt chẽ giữa người Trung Quốc và người nước ngoài. Nhưng người nước ngoài là nhân viên kỹ thuật, nói riêng là viên tổng công trình sư người Đức, đã giúp nhiều cho du kích. Và đó là điều ai cũng biết. Sự cộng tác ấy đã được hình thành như sau: từ hơn ba chục năm nay, viên kỹ sư đã sống ở Trung Quốc. Ông rất nhiệt tình đối với người Trung Quốc và có một mối thù cá nhân sâu sắc đối với bọn Nhật. Mối thù này là do thú tính của bọn Nhật gây ra. Đã nhiều lần, người vợ viên kỹ sư bị bọn Nhật chửi mắng. Một hôm, trong khi bà đang tắm, một tên Nhật lẻn vào phòng... Bà vùng chạy ra bao lơn. Hắn đuổi theo bà ra đấy, và chỉ khi bà chĩa súng lục vào hắn, hắn mới chịu để cho bà yên. Từ đó, cả hai vợ chồng đều đứng hẳn về phía người Trung Quốc là những người - như viên kỹ sư đã nói - đang đấu tranh anh dũng, không chỉ vì nền độc lập của đất nước mình mà còn vì tất cả nền văn minh nữa.

P.C.LIN

Báo *Notre Voix,*
ngày 30-4-1939.

THƯ TỪ TRUNG QUỐC

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA QUÂN ĐỘI NHẬT

Quế Lâm, ngày 15-4

Hôm nay, tôi sẽ nói với các bạn về tình hình nội bộ quân thù. Lúc đầu, bọn quân phiệt Nhật hứa là sẽ chiến thắng trong 3 tháng, rồi 6 tháng, rồi lại sau khi chiếm Hán Khẩu. Nhưng cuộc đấu tranh đã kéo dài từ gần 2 năm nay. Hán Khẩu một lúc nào đó đã bị thất thủ, nhưng thắng lợi thì vẫn chưa có. Hơn nữa, tình hình của nhân dân Nhật lại ngày càng tồi tệ. Giá sinh hoạt và thuế má ngày một tăng nhanh và không thể nào tính toán nổi. Mùa màng thu hoạch kém, 1,8 triệu công nhân không có việc làm, 3 triệu người thất nghiệp từng phần. Bất chấp sự đe doạ của toà án quân sự, từ tháng 1 đến tháng 6-1938, đã nổ ra 593 cuộc bãi công của công nhân và 2.995 cuộc biểu tình thị uy của nông dân. Một số lớn trí thức bị bắt. Các hiệu buôn nhỏ bị khánh kiệt, vì những người chủ của chúng bị gọi ra mặt trận. Người ta thấy binh lính ra đi, nhưng chỉ thấy chở về nước những bình đựng di) hoặc chỉ thấy gửi về những tờ phiếu nhỏ ghi là *"Đã hy sinh ở chiến trường"*.

Thêm vào đó là không khí phát xít trong quân đội của Nhật hoàng và nỗi đau khổ của những cuộc trường chinh trên một đất nước xa lạ và thù địch. Cuộc tiến công dồn dập của du kích, việc tuyên truyền chống chiến tranh được tiến hành ở Nhật, sự

[1)] Ở NhËt, cã tôc lÖ ho¶ thi³u ng-êi chÕt rải bá tro vµo b×nh hoÆc lä.

tỏ tình thân thiện của quân đội và nhân dân Trung Quốc - tất cả những điều đó đã ảnh hưởng nặng nề đến binh lính Nhật. Đối với những người tiêu cực, sau khi mất tinh thần thì họ tự tử.

Những người giác ngộ nhất thì nổi dậy. Tôi không kể ra đây danh sách những vụ tự tử vì sẽ quá dài dòng. Tôi chỉ kể vài - chứ không phải tất cả cuộc nổi dậy gần đây nhất, vẫn là theo những thông cáo chính thức thôi.

NHỮNG VỤ BINH BIẾN

Takou, ngày 22-1.

3.000 binh sĩ đã làm binh biến. Trong khi lên tàu thuỷ ở Thượng Hải, họ được những viên thuyền trưởng cho biết họ sắp được trở về Nhật Bản. Nhưng đến ngoài khơi Takou, đáng lẽ các tàu đó tiếp tục đi về hướng Đông, nhưng chúng lại hướng vào cảng này. Bị binh lính chất vấn, các viên thuyền trưởng nói rằng theo phản lệnh của bộ tổng tư lệnh, binh lính phải hoãn nghỉ phép để đi đến Sơn Tây là nơi mà hoạt động của du kích đang phát triển. Thế là cuộc binh biến bắt đầu. Bốn chiếc tàu chiến đậu ở cảng bắt đầu bắn vào những người làm binh biến. Những binh lính đồn trú ở Takou - tưởng rằng bọn lính thuỷ tiến công chúng, liền nã súng vào những chiếc tàu đó. Về phía du kích, thì tưởng rằng quân đội của chúng tôi đã đến và đang bị quân Nhật tấn công, nên cũng vội vàng xông vào cứu. Người ta đánh nhau loạn xạ. Cuộc chiến đấu kéo dài trong nhiều giờ và chỉ chấm dứt khi những lực lượng Nhật Bản khác được điều đến. Binh lính và những người Nhật làm binh biến đều bị chết và bị thương nhiều. Những người làm binh biến còn sống sót đều bị áp giải lên mặt trận Luyouan.

Hán Khẩu, ngày 9-2.

Những tổ chức bí mật do binh lính Nhật thành lập, muốn tỏ tình đoàn kết với những người làm binh biến ở Takou. Nhưng không may là kế hoạch đã bị lộ từ trước. Những người bị bắt gồm có: 12 hiến binh, 130 sĩ quan và binh lính, 55 người dân

thường (tất cả đều là người Nhật) và 8 người Bạch Nga.
Chouangtung (phía bắc tỉnh Hà Bắc), ngày 13-2.
Từ mặt trận Wangxung trở về để đi lên Hán Khẩu, khoảng 2.000 binh sĩ Nhật đã nổi dậy và giết viên chỉ huy của họ là thiếu tá Yo Katha. Những người làm binh biến bị tấn công cùng một lúc bởi những lính thuỷ và bộ binh được phái đến đàn áp họ. Về phía họ có nhiều người chết.
Chongcha, ngày 17-2.
2.000 lính Nhật được lệnh phải ra mặt trận. Đến Jouchikiou, họ không chịu lên tàu. Lữ đoàn của tướng Hamito được điều đến để đàn áp họ. Cuộc chiến đấu giữa quân đội và những người làm binh biến đã diễn ra trong một ngày rưỡi. Khoảng 800 binh sĩ làm binh biến đã bị hy sinh.
Singlo, ngày 26-2.
Theo tin tức do một số người Nhật ở Thái Nguyên cho biết thì ngày 13-2, trung đoàn của đại tá Nomura vừa đến phía tây tỉnh Sơn Tây thì nổi dậy. Viên đại tá đã tự sát và 9 tên sĩ quan bị những người làm binh biến giết.

LòNG CUồNG TíN ấY CòN ĐÂU NữA

Người ta thấy rằng trong cuộc chiến tranh Trung - Nhật và trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật, khi một người lính ra mặt trận, anh ta được gia đình và làng xóm dọn tiệc mừng. Lúc lên đường, anh ta được cả làng đi tiễn, có mang theo nhạc cụ và cờ. Trên những lá cờ đó có ghi những lời động viên như: "Hy sinh vì Nhật hoàng là vinh dự lớn nhất!", "Hãy chiến thắng khi trở về hoặc là tự sát trên chiến trường!", v.v.. Người Nhật lấy làm tự hào được phục vụ Nhật hoàng. Người ta tự hào vì đã có con hoặc chồng ở mặt trận. Còn ngày nay thì thế nào ?
Ngày nay, sự cuồng tín đó đã giảm đi nhiều, nếu không nói là đã tiêu tan rồi. Chúng tôi xin trích vài đoạn trong các báo, những đoạn này đã được các tù binh xác nhận.
Singlo, ngày 6-2.

Một sĩ quan phiên dịch người Nhật nói rằng, gần đây trong huyện X, khi những đoàn tàu quân sự sắp chuyển bánh, bố mẹ các binh sĩ bắt đầu khóc than và la ó, rồi họ nằm lên trên đường sắt để ngăn không cho tàu chạy. Họ đông đến nỗi hình thành một dãy dài khoảng 6 kilômét. Cảnh tượng thật là đáng thương đến nỗi có những công nhân lái đầu máy xe lửa phải tự tử để khỏi bị buộc phải lái những đoàn tàu đó.
Thái Nguyên, ngày 15-2.
Phần đông binh lính vừa mới đến Sơn Tây là những người buôn bán, tuổi từ 30 đến 35 - họ không thích chiến tranh. Trong khi trò chuyện, họ kể rằng những người phụ nữ Nhật đã tự tổ chức lại thành cái gọi là "tổ chức để đòi chồng".
Mặt trận trải quá dài. Bọn quân phiệt không có đủ người. Để khắc phục điều đó, chúng cưỡng ép những người Triều Tiên, Mãn Châu và những người Trung Quốc trong vùng bị chiếm phải nhập ngũ và đưa họ ra mặt trận. Chúng nói "Làm như vậy rẻ hơn". Nhưng trên thực tế, đó là "uống thuốc độc cho đỡ khát", như ngạn ngữ Trung Quốc đã từng nói. Những người Triều Tiên, Mãn Châu và những người Trung Quốc trong các vùng bị chiếm chỉ mong chờ có cơ hội thuận tiện là sẽ quay súng chống lại bọn Nhật tàn bạo đó. Xin trích dẫn thêm vài bản thông cáo chính thức mà tình cờ chúng tôi đọc được.
Hồng Công, ngày 12-2.
Gần Quảng Châu, 6.000 binh lính Triều Tiên đã nổi dậy. Nhiều sĩ quan Nhật bị giết. Những đội tảo phạt gồm lính bộ binh và hải quân được phái đến để đàn áp những người làm binh biến. Cuộc chiến đấu kéo dài suốt cả ngày. Những người đứng đầu cuộc nổi dậy là Thôi Chang Kwei, Li Vin Ka, Kim Chang Han và 800 người Triều Tiên khác đều bị giết. Số còn lại bị quân lính áp giải về Triều Tiên.
Louang, ngày 23-2.
Những đội gọi là tự vệ ở các khu Lang Song và Jongshan, sát ngay Bắc Kinh, đều do Chang Dung Lai, Oei Sou Tin, Chou

Wan Lung và Hoa The Hai chỉ huy. Những đội đó gồm trên 1.000 người. Sau khi cấp vũ khí và trả lương, bọn Nhật phái những đội ấy đi coi như những đội quân tiên phong đi chống du kích tại miền Nam Hồ Bắc. Nhưng đáng lẽ đi về phía nam thì Chang Dung Lai và những người bạn chiến đấu của anh lại gặp nhau ở Joumachang, gần Jongshan, và tấn công mạnh mẽ vào quân đội Nhật.

Sau khi đọc qua vài sự việc trên đây, chắc các bạn thừa hiểu vì sao bọn Nhật sau khi chiếm Hán Khẩu, Quảng Châu và Nam Dương thì không còn tiến được nữa.

P.C. LIN

Báo *Notre Voix,*
ngày 21-5-1939.

THƯ GỬI MỘT ĐỒNG CHÍ Ở BAN PHƯƠNG ĐÔNG QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Bạn thân mến,

Trong thư trước, tôi quên nói với bạn một vài điều. Hôm nay tôi bổ sung thêm điều đó.

ít lâu nay, tôi có quan hệ với chủ nhiệm báo *Notre Voix*[14] - tờ tuần báo xuất bản ở Hà Nội từ 1-1939. Đó là những mối liên hệ thuần tuý báo chí. Tôi đã gửi cho ông ta một bài báo nói về những sự tàn bạo của Nhật Bả[1)] ở Trung Quốc. Sau khi đăng bài báo đó, ông ta viết cho tôi rằng, bài báo được bạn đọc hoan nghênh và yêu cầu tôi luôn luôn gửi cho ông ta tài liệu. Để đáp lại, tôi đã đề nghị ông ta phái ai đó nói chuyện cụ thể với tôi về hình thức cộng tác này. Ông ta không trả lời. Tôi viết thư lần thứ hai. Không có sự trả lời. Tuy nhiên ông ta tiếp tục gửi báo của ông ta cho tôi; và tôi - thỉnh thoảng gửi cho ông ta những bài báo.

Có thể đến tháng 5 tôi sẽ phái một người nào đó nói chuyện với ông ta.

Khi đọc *Notre Voix,* tôi thấy những thông tin khá hay:

1. Nhóm cánh tả có nhiều tờ báo:

Dân chúng[15] (Masse), nhật báo cộng sản tiếng bản xứ, xuất bản hợp pháp ở Sài Gòn, có 10.000 người đọc.

Lao động (Travail).

Dân tiến (Progrès).

Dân muốn (Voeux du Peuple), tất cả ở Sài Gòn.

[1)] Ở ®©y, ý t¸c gi¶ chØ bän ph¸t xÝt NhËt.

Đời nay (époque Actuelle).
Thế giới (Monde), cơ quan của Thanh niên dân chủ.
Notre Voix - tờ tuần báo cộng sản - tất cả ba tờ ở Hà Nội.
Những tờ báo này bị cấm nghiêm ngặt ở Trung Kỳ và luôn luôn bị các nhà chức trách Bắc Kỳ và Nam Kỳ không để cho yên. Những phần tử cánh tả người Pháp có hai tờ báo: *Effort* và *Agir*.
Giúp Trung Quốc: Những thanh niên cánh tả người bản xứ đã tổ chức lạc quyên để giúp những nạn nhân chiến tranh và cả những đảng viên nữa, gửi thuốc men cho quân đội chúng ta, tung ra khẩu hiệu "Giúp Trung Quốc", và tuyên truyền tẩy chay hàng hoá Nhật Bản. Họ đã đòi trục xuất ra khỏi lãnh thổ Đông Dương tên Uông Tinh Vệ và những tên phản bội khác.
Theo tờ *Notre Voix*, họ đã sáng tác một bài ca dao "Cứu Trung Quốc là cứu mình!"; bài ca dao đó đã trở nên rất phổ thông trong quần chúng. Ngay cả những trẻ chăn trâu bò cũng hát.
Thanh niên Trung Quốc và thanh niên bản xứ cùng nhau tổ chức những buổi biểu diễn để giúp Trung Quốc.
Chi nhánh Đảng Xã hội Pháp, Hội nhân quyền (Hà Nội) và những phần tử cánh tả người bản xứ đã lập "Hội bảo vệ Trung Quốc". Mới đây, Hội này đã tổ chức một chợ phiên lớn để giúp đỡ nạn nhân chiến tranh.
2. *Đảng Xã* [1] - Trong hội nghị (đầu tháng 1), họ đã biểu quyết về các nghị quyết chống đàn áp, về sự thống nhất hành động và về sự bảo vệ Trung Quốc.
Những đại biểu của Thanh niên dân chủ đã có mặt ở hội nghị để yêu cầu thành lập một chi hội thanh niên xã hội nhằm thống nhất và lãnh đạo phong trào thanh niên ở Đông Dương.
Trong thời gian hội nghị, *Notre Voix* đã đăng một bức thư chào mừng hội nghị của những người xã hội và đề nghị lập mặt trận thống nhất.

[1] Nguyªn v¨n: S.F.I.O

Hội nhân quyền đã đòi quyền tự do lập nghiệp đoàn cho công nhân bản xứ.
3. Dưới một cớ tầm phào vô lối, hai đảng viên Dân chủ ở *Viện dân biểu Trung Kỳ* đã bị tước quyền đại biểu và bị buộc tội.
Để chống lại sự tăng thuế, ba đại biểu đảng viên xã hội người bản xứ ở *Hội đồng thành phố Hà Nội* (được bầu vào tháng 12 trước, với số trung bình 409 phiếu so với với số trung bình 157 phiếu của danh sách tư sản) đã từ chức.
Những lãnh tụ cánh tả - Tạo, Mai, Ninh, Nguyễn được ân xá vào dịp đầu năm âm lịch, đã nộp đơn ứng cử vào *Hội đồng thuộc địa của Nam Kỳ*.
4. Sự đàn áp xảy ra ở khắp nơi, đặc biệt là ở Trung Kỳ, chống những ... phần tử cánh tả, những công nhân và những nông dân hoạt động.
Những sự khám xét, bắt bớ diễn ra hàng ngày ở tỉnh này hay ở tỉnh khác.
Thuế má tăng.
Sự phá hoại chống lại luật xã hội lan rộng. Ngày nghỉ hàng tuần bị bãi bỏ ở một loạt hiệu buôn.
5. Bọn phản động hoạt động mạnh.
ở Hà Nội, mới xuất bản một tờ báo phát xít: *Cứu nước,* đấu tranh chống mặt trận nhân dân, những hội viên Tam điểm, những người Do Thái, những người xã hội và những người cộng sản. Số báo *Cứu nước* đầu tiên viết: "Chúng ta không giấu giếm, chính chúng ta muốn nói to lên rằng Đảng được chúng ta tán thành nhất đó là Đảng bình dân Pháp do Đôriô (Doriot) lãnh đạo...".
Đọc, một tờ báo mới do một người bản xứ lãnh đạo cũng đòi chủ nghĩa quốc xã. Đây là một vài chỗ nổi của nó: "Chính phủ Pháp, nếu muốn cộng tác thành thực với người An Nam phải thực hiện chính sách chống cộng". Tất cả được in bằng tít chữ to (10-1-1939) "Chủ nghĩa cộng sản là tai hoạ của loài người. Chính phủ còn chờ gì để tiêu trừ bọn vô lại cộng sản ?" (13-1-1939). Biên tập viên của tờ báo

này vừa mới được phép xuất bản một tờ báo hàng ngày bằng tiếng bản xứ *Pháp - An Nam* và Chính phủ đã hứa cho hắn làm quan ở cấp khá cao.
Tờ *Tổ quốc* An Nam có khuynh hướng phát xít. Nó tôn thờ Mútxôlini (Moussolini) và nước Italia phát xít.
Bọn tờrốtkít chia làm hai nhóm cãi lộn nhau.
Bọn Nhật Bản hoạt động khá mạnh ở Đông Dương. Một nhà báo Pháp và một người bản xứ đã bị kết án 15 năm tù khổ sai vì làm gián điệp cho Nhật Bản. Một sĩ quan Nhật Bản đã bị bắt giữ với chiếc cặp đầy tài liệu mật về phòng thủ Đông Dương.
Đọc *Notre Voix,* tôi có cảm tưởng rằng phong trào của mặt trận thống nhất ở xứ này không mạnh lắm. Trái lại, những phần tử cánh tả hoạt động khá mạnh.
Tôi khá khoẻ. Tôi góp phần nhỏ bé của tôi vào cuộc đấu tranh chống Nhật Bản bằng cách thỉnh thoảng gửi những bài tuyên truyền cho các báo nước ngoài và công tác ở Bát lộ quân. Tôi chúc bạn sức khoẻ tốt và tôi xin bạn nhận lời chào thân thiết nhất của tôi.

20-4-1939
LIN

Địa chỉ: (Bằng máy bay)
Quế Lâm (Quảng Tây) Trung)

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

[1)] Sau dòng địa chỉ bằng tiếng Pháp là dòng chữ Hán viết tay: *Tân Hoa nhật báo,* số nhà 35, đường Quế Tây, Quế Lâm, Quảng Tây, chuyển cho ông Lâm Tam Xuyên.

THƯ TỪ TRUNG QUỐC

VỀ CHỦ NGHĨA TỜRỐTXKI[16]

Quế Lâm, ngày 10-5-1939

Các bạn thân mến,
Trước kia, chủ nghĩa Tờrốtxki đối với tôi cũng như đối với nhiều người khác, hình như là một vấn đề tranh cãi trong nội bộ giữa các phe phái khác nhau của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bởi vậy, chúng tôi không lưu ý đến nó. Nhưng ít lâu trước khi xảy ra chiến tranh - nói đúng hơn là hồi cuối năm 1936, và nhất là trong thời gian chiến tranh, những sự cổ động đầy tội lỗi của bọn tờrốtxkít đã làm cho chúng tôi sáng mắt ra. Thế là chúng tôi bắt đầu nghiên cứu vấn đề. Và việc nghiên cứu đó đã chứng minh cho chúng tôi thấy như sau:
1. Vấn đề chủ nghĩa Tờrốtxki không phải là sự tranh cãi trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc, vì giữa những người cộng sản và bọn tờrốtxkít không có quan hệ, hoàn toàn không có quan hệ gì với nhau cả. Nhưng đây là một vấn đề liên quan đến toàn quốc, toàn dân: một vấn đề chống lại Tổ quốc.
2. Bọn phát xít Nhật và bọn phát xít nước ngoài đều biết rõ điều đó, bởi vậy chúng cố ý gây mối bất hoà để lừa gạt thiên hạ và làm mất uy tín của những người cộng sản, chúng làm cho người ta tưởng rằng những người cộng sản và bọn tờrốtxkít là cùng một cánh với nhau.

3. Bọn tờrốtxkít Trung Quốc (cũng như bọn tờrốtxkít nước ngoài) không lập thành nhóm, càng không lập thành chính đảng. Chúng chỉ là những bè lũ bất lương, những con chó săn của chủ nghĩa phát xít Nhật (và chủ nghĩa phát xít quốc tế).
4. Trong tất cả các nước, bọn tờrốtxkít đều dùng những tên gọi hoa mỹ để che giấu những công việc kẻ cướp bẩn thỉu của chúng. Chẳng hạn: ở Tây Ban Nha, chúng gọi là "Đảng công nhân thống nhất mác xít" hoặc "POUM". Chắc các bạn cũng biết rằng chính bọn chúng đã tổ chức tất cả những tổ do thám ở Mađrít, ở Bácxơlon và ở các nơi khác để phục vụ cho Phrăngcô. Chính chúng đã tổ chức cái "đội quân thứ 5" nổi tiếng để giúp làm nội ứng cho các quân đội phát xít ý - Đức. ở Nhật Bản, chúng gọi là "MEL" (Đồng minh Mác, Ăngghen, Lênin). Bọn tờrốtxkít Nhật dụ dỗ thanh niên vào trong đồng minh, rồi tiếp đó chúng đi tố cáo họ với sở cảnh sát. Chúng còn mưu toan chui vào Đảng Cộng sản Nhật Bản cốt để phá hoại nó. Tôi cho rằng bọn tờrốtxkít Pháp hiện giờ cũng đang tập hợp chung quanh nhóm "Cách mạng vô sản" và nhiệm vụ của chúng là phá hoại Mặt trận nhân dân. Về việc này, chắc các bạn biết rõ hơn tôi. ở nước Trung Hoa chúng tôi, bọn tờrốtxkít liên kết với nhau chung quanh nhóm "Tranh đấu", nhóm "Chiến tranh chống Nhật và văn hoá" và nhóm "Cờ đỏ".
5. Bọn tờrốtxkít không chỉ là kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản, mà còn là kẻ thù của nền dân chủ và tiến bộ. Đó là bọn phản bội và mật thám tồi tệ nhất.
Chắc các bạn đã đọc bản án xử bọn tờrốtxkít ở Liên Xô. Nếu các bạn chưa đọc thì tôi khuyên các bạn nên đọc và làm cho bạn bè mình cũng đọc nó. Đọc bản án này rất bổ ích. Nó sẽ giúp các bạn thấy rõ bộ mặt thật đáng ghê tởm của chủ nghĩa Tờrốtxki và bọn tờrốtxkít. ở đây, tôi xin phép các bạn chỉ trích dẫn vài đoạn trong bản án có liên quan trực tiếp đến Trung Quốc thôi.
Trước toà án, tên tờrốtxkít Racốpxki khai như sau: Năm 1934, khi hắn còn ở Tôkiô (với tư cách là đại diện Hội chữ thập đỏ Liên Xô), một nhân vật cao cấp trong Chính phủ Nhật đã nói với hắn:
"Chúng tôi có quyền mong đợi ở những người tờrốtxkít một sự thay đổi về sách lược. Tôi không cần đi sâu vào chi tiết. Chỉ cần nói rằng chúng tôi mong đợi ở họ những hành động thuận lợi cho sự can thiệp của chúng tôi vào công việc của Trung Quốc".
Racốpxki trả lời với tên Nhật: "Tôi sẽ viết thư cho Tờrốtxki về vấn đề này". Đến tháng 12-1935, Tờrốtxki ra chỉ thị cho những tên Trung Quốc đồng bọn của hắn, và nhắc đi nhắc lại rằng: "Đừng gây trở ngại cho cuộc xâm lược của Nhật Bản ở Trung Quốc".
Như vậy là bọn tờrốtxkít Nga muốn bán cho đế quốc Nhật không chỉ những phần đất của Tổ quốc mình - Xibêri và những tỉnh ven biển - mà chúng còn muốn bán cho đế quốc Nhật cả Tổ quốc chúng tôi - nước Trung Hoa nữa!
- Thế thì bọn tờrốtxkít Trung Quốc đã hành động như thế nào? Rõ ràng các bạn sẽ nôn nóng, hỏi tôi như vậy.
- Nhưng, thưa các bạn thân mến, chỉ trong bức thư sau, tôi mới có thể trả lời các bạn được. Các bạn há chẳng đã dặn tôi viết những bài ngắn đó sao?
Mong sớm được gặp lại các bạn.

P.C.LIN

Báo *Notre Voix,*
ngày 23-6-1939.

THƯ TỪ TRUNG QUỐC

HOẠT ĐỘNG CỦA BỌN TỜRỐTXKÍT TRUNG QUỐC

Các bạn thân mến,

Trước khi trả lời câu hỏi của các bạn về hoạt động của bọn tờrốtxkít Trung Quốc, trước hết cho phép tôi giới thiệu với các bạn nửa tá những tên đầu sỏ, quá ư phản bội đã từng làm rạng danh "quốc tế thứ tư". Đó là: Trần Độc Tú, Bành Thuật Chi, La Hán, Diệp Thanh, Trương Mộ Đào, Hoàng Công Lược.

Theo thứ tự thời gian, sau đây là những việc chúng đã làm:

Tháng 9-1931, trong khi quân đội Nhật xâm chiếm Mãn Châu, Sở mật thám Nhật ở Thượng Hải đã bắt liên lạc với ba tên trước. Hai bên đã ký kết với nhau một hiệp định: Nhóm tờrốtxkít cam kết không tiến hành một cuộc tuyên truyền nào chống lại cuộc xâm lược của Nhật. Sở mật thám Nhật thì cam kết sẽ trả cho nhóm tờrốtxkít mỗi tháng 300 đôla, cùng những khoản tiền trả thêm cho cân xứng với những "công việc đã làm được có kết quả".

Thế là Trần Độc Tú và đồng bọn bắt tay ngay vào công việc. Với tiền bạc của Nhật, chúng cho xuất bản những tạp chí và những tập trào phúng để truyền bá những tư tưởng như là: "Chiếm Mãn Châu, người Nhật chỉ mong giải quyết nhanh chóng những vấn đề còn đang tranh cãi, chứ họ không hề có chút ý đồ nào xâm lược Trung Quốc".

Những mục trên các tờ báo tờrốtxkít vừa rao thì đến lượt Thượng Hải bị bọn Nhật tấn công, vào tháng 1-1932.

Lúc đó, bọn tờrốtxkít nói như thế nào? Chúng có thừa nhận là chúng phạm sai lầm không? Chúng có thôi làm việc cho kẻ xâm lược không? Hoàn toàn không? Trong khi binh sĩ của Lộ quân thứ 19 hy sinh xương máu của mình để bảo vệ đất nước thì bọn tờrốtxkít, trên lời nói cũng như trong hành động, đã phạm hết tội phản bội này đến tội phản bội khác. Một mặt chúng viết:

"Cuộc chiến tranh ở Thượng Hải không có quan hệ đến nhân dân. Đó không phải là một cuộc chiến tranh dân tộc cách mạng. Đó là một cuộc chiến tranh giữa bọn đế quốc với nhau". Và mặt khác, chúng phao tin đồn nhảm, đưa ra những khẩu hiệu có tính chất thất bại chủ nghĩa, làm lộ những kế hoạch phòng thủ, v.v..

Không phải chỉ có thế đâu. Những tên tờrốtxkít khác như Hoa Văn Khôi và Cung Tân Thư đã chui vào trong cuộc bãi công của công nhân Thượng Hải, chúng bí mật liên lạc với Sở cảnh sát và bọn chủ Nhật, và làm đủ mọi cách để phá hoại phong trào. Thậm chí, chúng còn mưu toan bắt đi cả những người cầm đầu giỏi nhất của cuộc bãi công.

Năm 1933, nguyên soái Phùng Ngọc Tường và tướng Cát Hồng Xương, một đảng viên cộng sản đã tổ chức một đội quân chống Nhật ở Kalgan. Trong thời kỳ này, Đảng Cộng sản đang còn hoạt động bí mật, việc liên lạc giữa miền Trung và miền Bắc đang khó khăn. Lợi dụng tình hình đó, tên tờrốtxkít Trương Mộ Đào tự xưng là "đại diện Đảng Cộng sản" và tìm cách biến sự nghiệp chống Nhật thành một cuộc nội chiến, bằng cách đưa ra khẩu hiệu: "Đi với Nhật, chống lại Tưởng Giới Thạch". Hắn bị tướng Cát lột mặt nạ và tống cổ đi. ít lâu sau đó, tướng Cát nhân có công việc phải đi đến Thiên Tân, Trương Mộ Đào liền cho người ám sát ông.

Trong thư sau, tôi sẽ kể để các bạn rõ về việc bọn tờrốtxkít Trung Quốc tiếp tục phản bội Tổ quốc của chúng như thế nào.

Chào thân ái

P.C.LIN

Báo *Notre Voix,*
ngày 7-7-1939.

THƯ TỪ TRUNG QUỐC

TỔNG KẾT SAU 2 NĂM ĐẤU TRANH

Trong dịp kỷ niệm lần thứ hai cuộc chiến tranh chống Nhật, cho phép tôi, qua báo *Notre Voix,* thành thực cảm ơn các bạn Đông Dương và Pháp đã từng trực tiếp hoặc gián tiếp giúp đỡ chúng tôi trong những lúc khó khăn và lúc đấu tranh. Trong khi cảm ơn và mong rằng trong tương lai các bạn đó sẽ giúp đỡ chúng tôi một cách có hiệu quả và tích cực hơn, tôi tin chắc là đã nói lên được tình cảm sâu sắc của tất cả anh em Trung Quốc chúng tôi.

Nhân dịp kỷ niệm này mà điểm lại một cách nhanh chóng những thành tích của hai năm đấu tranh vừa qua có lẽ không phải là thừa.

Với cái giá phải trả là 10 tỷ yên và 700.000 người bị chết và bị thương, bọn phát xít Nhật đã xâm chiếm 12 tỉnh của chúng tôi (với số dân là 200 triệu người). Đó là một tổn thất nặng nề đối với chúng tôi. Còn đối với Nhật Bản, phải chăng đó là một thắng lợi lớn? Không. Trong số 1.038 khu hay huyện trong vùng bị chiếm, chỉ có 65 khu hay huyện hoàn toàn bị đặt dưới sự kiểm soát của địch, tuy rằng 25 trong số 65 khu hay huyện đó đã bị chiếm từ trước chiến tranh; tên phản bội Âu Như Canh đã tổ chức tại đấy cái gọi là "Chính phủ tự trị Hà Bắc chống cộng". Trên 900 khu hay huyện đang là căn cứ của du kích và hoàn toàn do chúng tôi kiểm soát. Những khu hay huyện khác chỉ bị địch kiểm soát từng phần, chúng chiếm đóng các tỉnh lỵ và những con đường lớn, chứ không dám mạo hiểm đi vào các làng mạc. Bởi vậy cho nên đó vừa làm một tổn thất đối với chúng tôi, nhưng về phía địch thì đó không phải là một thắng lợi.

Nếu chúng ta xét cuộc chiến tranh trong toàn cục của nó, chúng ta có thể nói rằng suốt trong hai năm nay, bọn đế quốc Nhật đã bị đánh bại trên tất cả các mặt trận.

Mặt trận chính trị: Sách lược "làm cho người Trung Quốc này đánh người Trung Quốc khác" của chúng đã bị bẻ gãy trước Mặt trận dân tộc chống Nhật của chúng tôi, bọn phát xít Nhật phải chuyển sang dùng một sách lược khác: "đánh mạnh, thắng nhanh". Đến lượt nó, sách lược này cũng bị phá tan với chính sách của chúng tôi là "chiến tranh kéo dài". Sách lược thứ ba của Nhật Bản là "ký nhanh hoà ước, kết thúc nhanh cuộc chiến tranh" đã bị thất bại thảm hại trước quyết tâm của chúng tôi là đánh đến cùng. Hiện nay, chúng đang thử "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh", nghĩa là dùng tài nguyên trong những vùng bị chiếm để chống lại chúng tôi. Chính sách đó cũng không thực hiện được, giống như cái tham vọng muốn khai hoang một núi lửa! Làm sao chúng có thể khai thác được một nước mà ở hậu phương đang mọc lên tua tủa những giáo mác và súng trường của du kích, còn ở tiền phương thì bị súng trường và súng liên thanh của bộ đội chúng tôi chặn lại?

Mặt trận kinh tế: Cách đây hai năm, một tên bộ trưởng Nhật viết: "Nước Nhật sẽ bị phá sản nếu cứ để cho công trái vượt quá 10 tỷ". Thế mà hiện nay, công trái của Nhật đã lên tới 24 tỷ, vượt xa tổng thu nhập của cả nước. Theo tờ *Niên giám kinh tế Nhật Bả[1],* từ tháng 7 đến tháng 9-1938, chỉ tính trong huyện X... đã có 64 công xưởng bị đóng cửa. Trong công nghiệp nhẹ, trên 8.000 cơ sở chỉ hoạt động từng phần, 1,5 triệu công nhân không có việc làm. Mùa màng năm nay kém năm ngoái 4,7 triệu tạ. Số vụ bãi công và xung đột về ruộng đất ngày càng tăng. Trong nửa đầu của năm 1938, đã xảy ra 593 vụ bãi công và 299 cuộc biểu tình của nông dân. Thương nghiệp cũng giảm sút một cách nguy kịch do việc tẩy chay được tổ chức tại các nước chống Nhật.

---

[1] Trong nguyên bản viết bằng tiếng Anh: *Japan economic year book.*

Mặt trận quân sự: Từ 8 tháng nay, quân Nhật không tiến được nữa. Nhiều lần chúng toan vượt qua sông Hoàng Hà, nhưng lần nào chúng cũng phải tháo lui sau khi bị tổn thất nặng nề. Điều đó chứng tỏ quân đội Nhật đã bị suy yếu. Trong thời kỳ thứ hai của cuộc chiến tranh, chúng định huy động tất cả là 46 sư đoàn, nhưng chỉ huy động được 33 sư đoàn. Chúng không đủ người để đối phó với một mặt trận quá dài - khoảng 3.000 kilômét! Tinh thần chống chiến tranh ngày càng lan nhanh trong quân đội và nhân dân. Những vụ tự tử, đào ngũ và binh biến xảy ra trong quân đội ngày càng nhiều. Tính đến tháng 12 năm vừa qua, trên 6.000 giáo viên và giáo sư đã bị bắt vì đã đấu tranh chống chiến tranh.

Nếu chúng ta nhìn về mặt quốc tế, chúng ta sẽ thấy rằng chủ nghĩa phát xít Nhật - uy hiếp mọi người và gây chiến với mọi người- đang lâm vào tình trạng ngày càng bị cô lập.

Chống một kẻ thù rất mạnh và rất nguy hiểm, nhưng đang suy yếu nhanh chóng, chúng tôi có tất cả những điều kiện thuận lợi. Thời gian đang làm chúng tôi mạnh lên, một đất nước bao la với những tài nguyên vô tận, một số dân đông đúc sẽ là một nguồn dự trữ cho quân đội chúng tôi; Pháp, Anh, Mỹ và nhân dân tất cả những nước dân chủ đều giúp đỡ chúng tôi; Liên Xô là một trong những người bạn chung thuỷ nhất và vô tư nhất đối với chúng tôi.

Chúng tôi có "thiên thời, địa lợi và nhân hoà" là ba yếu tố cần thiết cho chiến thắng. Nhưng để khỏi mang tiếng là khoác lác, tôi xin mượn lời một người nước ngoài, đã từng hiểu biết nhiều về Trung Quốc, - ông vốn là đại sứ Mỹ: "... Thái độ của nhân dân Trung Quốc rất bình tĩnh - ông đại sứ ấy nói như thế. - Tinh thần các chiến sĩ rất cao. Những người lãnh đạo đều tuyệt đối tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của mình. Chưa bao giờ quyết tâm đánh đến cùng lại mạnh đến thế...".

Mặc dù lời dẫn chứng này hơi cũ - ông đại sứ phát biểu những lời này ngày 4-7 tại Niu Oóc -, nhưng nó vẫn có giá trị.

Để kết thúc, cho phép tôi giới thiệu với các bạn đoạn cuối của một bài hát được soạn ra để chào mừng lễ kỷ niệm năm thứ hai cuộc chiến tranh của chúng tôi vì nền độc lập và tự do:

"Ai có tiền thì góp tiền.
Ai có sức thì góp sức.
Mỗi chúng ta là một chiến sĩ anh dũng.
Tiến lên! Quân thù sắp phải nhả ra thôi.
Hãy cống hiến tất cả! Hãy cống hiến tất cả!
Cho chiến thắng đang đến với chúng ta!".

P.C.LIN

Báo *Notre Voix,*
ngày 14-7-1939.

THƯ TỪ TRUNG QUỐC

HOẠT ĐỘNG CỦA BỌN TỜRỐTXKÍT Ở TRUNG QUỐC

Các bạn thân mến,

Trong những thư trước, tôi đã kể với các bạn về việc bọn tờrốtxkít ăn lương của tụi Nhật, đã tìm cách phá hoại như thế nào cuộc đấu tranh anh hùng ở Thượng Hải và sự nghiệp yêu nước ở Kalgan. Hôm nay, tôi lại kể tiếp với các bạn câu chuyện về tội ác của chúng.

Rút lui về Phúc Kiến, Lộ quân thứ 19 lại tiếp tục chiến đấu. Nó tổ chức một chính phủ chống Nhật và bắt đầu cuộc vận động thành lập mặt trận duy nhất bằng cách ký kết một hiệp nghị với Hồng quân Trung Quốc. ít lâu trước đó, Lộ quân thứ 19 là một trong những lực lượng đã từng hăng say chống cộng; nhưng trước tình hình Tổ quốc lâm nguy, nó đã quên hết hận thù để theo đuổi một mục đích duy nhất là chống quân xâm lược.

Theo lệnh của Nhật, bọn tờrốtxkít đi ngay vào hoạt động. Một mặt, chúng khêu gợi chủ nghĩa địa phương của dân chúng để chống lại chính phủ mới - Lộ quân thứ 19 từ Quảng Đông tới - và mặt khác, chúng tìm cách làm cho Hồng quân suy yếu. Cách chúng tiến hành để thực hiện nhiệm vụ thứ hai là như sau: chúng xin vào Hồng quân với tư cách là những phần tử cách mạng và để gây tín nhiệm, lúc đầu chúng làm việc rất tích cực. Một khi được đề bạt lên những cương vị ít nhiều có trọng trách, chúng bắt đầu làm công việc tội lỗi. Xin nêu vài ví dụ: Trong chiến đấu, khi cần phải rút lui thì chúng tiến và khi cần tiến thì chúng lùi. Chúng gửi quân nhu súng đạn đến những nơi không cần, nhưng những chỗ đang cần thì chúng lại không gửi tới.

Chúng bôi thuốc độc vào vết thương của các chiến sĩ - nhất là cán bộ quân đội - cốt làm cho tay chân họ bị cưa cụt đi, v.v.. Những hành động tội lỗi đó đã được phát hiện khá sớm, thật may cho những người cộng sản!

Từ năm 1935, những người cộng sản đã bắt đầu một chiến dịch tuyên truyền rộng lớn cho mặt trận dân tộc chống Nhật. Nhân dân, nhất là công nhân và sinh viên, đã tích cực ủng hộ cương lĩnh đó. Trong Quốc dân đảng, tư tưởng về mặt trận dân tộc đã có tiến bộ. Trong lúc đó, người ta thấy bọn tờrốtxkít vẫn đóng vai trò hai mặt. Vừa vu khống, vừa chia rẽ. Chúng nói với quần chúng: "Đấy! thế là bọn cộng sản đã tự bán mình cho giai cấp tư sản rồi. Quốc dân đảng sẽ không bao giờ chống Nhật đâu!" Còn với Quốc dân đảng, thì chúng nói: "Mặt trận dân tộc ư? Đó chẳng qua chỉ là một thủ đoạn của bọn cộng sản thôi. Nếu muốn đánh Nhật, trước hết phải diệt trừ bọn cộng sản!".

Cuối năm 1936, trong sự biến Tây An, chính sách đoàn kết chống Nhật đã thắng. Khi thấy âm mưu gây nội chiến của chúng bị thất bại, bọn tờrốtxkít Trương Mộ Đào và Tạ Duy Liệt liền tổ chức vụ ám sát tướng Vương Di Triết, một trong số những người sốt sắng tán thành chủ trương về mặt trận dân [1].

Bây giờ nói về năm 1937, thời kỳ sắp xảy ra chiến tranh. Toàn dân đều đoàn kết chống xâm lược. Tất cả mọi người, trừ bọn tờrốtxkít. Những tên phản bội này, họp lén lút với nhau, đã thông qua những "nghị quyết" mà sau đây là một vài đoạn: "Trong cuộc chiến tranh chống Nhật này, thái độ của chúng tôi đã rõ ràng: những kẻ nào muốn chiến tranh xảy ra và có chút ít ảo tưởng về Chính phủ Quốc dân đảng; những kẻ đó đều là phản bội thật sự. Việc hợp tác giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng chẳng qua chỉ là một sự phản bội có ý thức mà thôi...". Và những thứ tồi tệ khác cùng một loại như thế.

---

[1] Phần tiếp theo in trên báo ngày 11-8-1939.

Chiến tranh đã đến gần. Những lời hứa hẹn của Sở mật thám Nhật được vật chất hoá. Bọn tờrốtxkít ở Thượng Hải được lĩnh một tháng 100.000 đôla để làm việc tại miền Trung và miền Nam đất nước. Bọn ở Thiên Tân và Bắc Kinh mỗi tháng lĩnh 50.000 đôla để làm việc tại Hoa Bắc, nhằm chống lại Bát lộ quân và những tổ chức yêu nước khác.

Đến giữa năm 1937, bọn tờrốtxkít đã bị khám phá và bị bắt trong Đặc khu. Theo lời Tôn Nghĩa Hải thú nhận, chúng có nhiệm vụ: 1) phá hoại Bát lộ quân, 2) gây cản trở cho sự phát triển của mặt trận dân tộc, 3) do thám, và 4) tổ chức mưu sát các nhà lãnh đạo.

Trước toà án nhân dân của Đặc khu, tên tờrốtxkít Hoàng Phật Hải, ngoài những điều khác ra, đã khai rằng, trong cuộc gặp gỡ lần thứ tư, Trương Mộ Đào có dặn hắn: "Anh hãy nghiên cứu kỹ phương pháp và hệ thống tổ chức của Hồng quân. Sau đó, anh thành lập những trung tâm thanh niên để dùng vào việc phá hoại.... Mục đích của chúng ta là gây rối loạn trong Hồng quân và trừ khử những tên chỉ huy của nó". Trương Mộ Đào còn dặn hắn rằng: "Dụ dỗ một bộ phận cán bộ cơ sở theo chúng ta, khêu gợi lòng nhớ quê hương của họ, khuyến khích họ đào ngũ bằng cách cho họ một ít tiền đi đường. Đó là một trong những phương pháp để làm cho quân đội tan rã".

Tên tờrốtxkít Quách Uẩn Kinh thú nhận là Tôn Nghĩa Hải đã giao cho hắn nhiệm vụ phải tuyên truyền chủ nghĩa thất bại trong đám chiến sĩ, bằng cách nói với họ rằng Trung Quốc không bao giờ thắng nổi vì "ngay dù chúng ta có đánh đuổi được người Nhật đi chăng nữa, thì người Mỹ và người Anh cũng sẽ áp bức chúng ta"; rằng "không những chúng ta sẽ không thắng nổi mà sẽ còn bị tiêu diệt nếu chúng ta đấu tranh"; rằng "Trung Quốc quá yếu, không chống lại nổi Nhật Bản, Anh và Mỹ đâu!". Và Trương Mộ Đào bổ sung những chỉ thị đó bằng cách nói thêm rằng: "Phải lợi dụng chính sách mặt trận dân tộc để vu cáo bọn cộng sản, và để nói rằng chúng đã bán rẻ giai cấp vô sản, cốt để gây bất bình trong

đám chiến sĩ...". Lấy cớ là để giáo dục, bọn tờrốtxkít tổ chức những phần tử chậm tiến trong quân đội thành những nhóm trung tâm nhỏ, rồi lợi dụng những điều kiện sống gian khổ trong quân đội để khuyến khích họ đào ngũ mang theo cả vũ khí và câu kết với bọn thổ phỉ, gây rối loạn ở hậu phương trong khi Bát lộ quân đang ở ngoài mặt trận....

Đó là những mưu mô của bọn tờrốtxkít chống lại Bát lộ quân dân tộc cách mạng. Trong thư sau, tôi sẽ nói các bạn rõ về việc bọn phản bội đó đã dùng phương pháp đáng ghê tởm như thế nào để mưu làm tan rã các lực lượng chống Nhật khác.

LIN

Báo *Notre Voix,*
ngày 28-7-1939
và ngày 11-8-1939.

NHỮNG CHỈ THỊ MÀ TÔI NHỚ VÀ TRUYỀN ĐẠT

1. Lúc này, Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao (độc lập dân tộc, nghị viện, v.v.). Như thế sẽ rơi vào cạm bẫy của phát xít Nhật.
Chỉ nên đòi các quyền dân chủ, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do báo chí và tự do ngôn luận, đòi ân xá toàn thể chính trị phạm, đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp.
2. Muốn đạt được mục đích trên phải ra sức tổ chức Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi.
Mặt trận ấy không những chỉ có người Đông Dương mà bao gồm cả những người Pháp tiến bộ ở Đông Dương, không những chỉ có nhân dân lao động mà gồm cả giai cấp tư sản dân tộc.
3. Đối với tư sản dân tộc, Đảng phải có thái độ khéo léo, mềm dẻo. Phải hết sức lôi kéo họ và giữ họ ở trong Mặt trận, thúc đẩy họ hành động nếu có thể, cô lập họ về chính trị nếu cần. Tránh hết sức để họ ở ngoài Mặt trận, vì như thế là đẩy họ rơi vào tay bọn phản động, là tăng thêm lực lượng cho chúng.
4. Đối với bọn tờrốtxkít, không thể có thoả hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị.
5. Để phát triển và củng cố lực lượng, mở rộng ảnh hưởng và hành động có hiệu quả. Mặt trận dân chủ Đông Dương[17] phải có liên hệ chặt chẽ với Mặt trận nhân dân Pháp[18], vì Mặt trận này cũng đấu tranh cho các quyền tự do dân chủ và có thể giúp rất nhiều cho ta.
6. Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo.
7. Muốn làm được nhiệm vụ trên, Đảng phải đấu tranh không nhân nhượng chống tư tưởng bè phái, và phải tổ chức học tập có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ văn hoá và chính trị cho các đảng viên. Phải giúp đỡ cán bộ không đảng phái nâng cao trình độ. Phải duy trì quan hệ chặt chẽ với Đảng Cộng sản Pháp.
8. Ban Chấp hành Trung ương phải kiểm soát các báo chí của Đảng để tránh những khuyết điểm về kỹ thuật và chính trị (ví dụ: đăng tiểu sử đồng chí R., báo "Lao động" viết đồng chí đó ở đâu, đồng chí đó trở về như thế nào, v.v.. Báo đó lại đăng và không bình luận gì về bức thư của đồng chí này cho rằng chủ nghĩa Tờrốtxki là sản phẩm của tính khoe khoang cá nhân, v.v.).

Viết năm 1939

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO GỬI BAN CHẤP HÀNH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Các bạn thân mến,

Tôi ra đi đã 9 tháng nay và đã tới nơi được 7 tháng. Nhưng tôi lấy làm khổ tâm mà báo cáo rằng tôi chưa hoàn thành nhiệm vụ. Đúng là tôi đã rơi vào cơn lốc lớn đang làm biến đổi số mệnh của hàng trăm triệu con người và trên con đường di chuyển của nó, nó đã ngẫu nhiên làm đảo lộn tất cả kế hoạch của tôi. Tuy nhiên điều đó cũng không thể bào chữa cho sự bất lực của tôi.

Trong bảy tháng qua, tôi đã làm gì ? Được sự giúp đỡ của một số bạn, tôi bắt tay tiến hành nghiên cứu, nhưng chẳng thu được kết quả nào. Sau đó, tôi tìm cách bắt các mối liên lạc, và việc này đã đưa lại ít nhiều kết quả như sau đây chúng ta sẽ rõ. Trong khi chờ đợi, để khỏi phí thời gian, tôi đến làm việc phiên dịch các tin tức thế giới (nghe đài thu thanh) ở Bát lộ quân, làm bí thư chi bộ, chủ nhiệm câu lạc bộ và hiện nay, uỷ viên uỷ ban câu lạc bộ. Đồng thời tôi đã viết một cuốn sách nói về Khu vực đặc biệt và một số bài báo phản ánh những biến cố chính trị và quân sự, sự tàn ác của bọn Nhật Bản, tinh thần anh dũng của các chiến sĩ Trung Quốc, cuộc đấu tranh chống bọn tờrốtxkít... để tuyên truyền quốc tế.

Từ ngày 12-2-1939, số lớn những bài đó đã được đăng trên tờ *Notre Voix,* tuần báo công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương, xuất bản tại Hà Nội. Trên các bài đó tôi đều ghi *Quế Lâm* và ký tên *Lin,* hy vọng rằng các đồng chí có trách nhiệm có thể đoán được ai là tác giả và hiện người đó ở đâu. Nhưng hy vọng này không đạt được. Tuy nhiên, giữa tôi và đồng chí chủ nhiệm tờ báo đã hình thành một mối liên hệ chặt chẽ, và đồng chí ấy vẫn tin chắc tôi là một nhà báo Trung Quốc.

Chỉ đến cuối tháng này (tháng 7), thông qua một người bạn, rồi thông qua đồng chí chủ nhiệm tờ báo nói trên, tôi mới gửi được cho Ban Chấp hành Trung ương địa chỉ của tôi và các đường lối, chủ trương. Nên chú ý là từ lúc ra đi, để cho dễ nhớ, tôi đã ghi lại những điểm chính của đường lối, chủ trương. Nhưng bản ghi đó, cùng với tất cả đồ đạc còn lại của tôi, đã bị thất lạc ở Diên An và đến lúc tôi về tới nơi thì chỉ còn lại vẻn vẹn một quyển từ điển. Vì vậy, tôi chỉ có thể truyền đạt cho Ban Chấp hành Trung ương những điều tôi còn nhớ. Đề nghị các đồng chí xem có những gì sai lầm và thiếu sót lớn không (bản sao kèm theo)[1].

*

* *

Qua tờ *Notre Voix* và tờ *Đời nay* - một tờ tuần báo công khai khác của Đảng xuất bản bằng tiếng Việt ở Hà Nội - tôi có thể tóm tắt tình hình trong nước như sau:

Nhìn chung, từ năm 1936 đến năm 1938, tình hình đã được cải thiện khá nhiều, chế độ ngày làm 8 giờ, hằng tuần có ngày nghỉ, chế độ nghỉ hằng năm là 10 ngày có lương, tự do tổ chức đã bắt đầu được thực hiện. Nhiều tù chính trị đã được ân xá. Nhưng tất cả những điều đó đã xấu đi từ khi Chính phủ Đaladiê ngả về hữu, nhất là từ năm 1939. Tình hình nghiêm trọng này đã gây nên phong trào đấu tranh trong quần chúng.

TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ TRONG NGƯỜI BẢN XỨ

Trung Kỳ: 2 đảng viên xã hội người bản xứ, nghị viên dân biểu và biên tập viên báo "*Dân*" đã bị tước quyền đại biểu, quyền công dân và bị tống giam. Tờ báo "*Dân*" bị đóng cửa.

---

[1] Xem *Những chỉ thị mà tôi nhớ và truyền đạt,* tr. 138.

Trong cuộc bầu cử bổ sung, 2 đảng viên xã hội khác đã trúng cử với đa số phiếu: 669 và 878 phiếu, so với 292 và 500 phiếu bỏ cho các ứng cử viên do chính quyền đưa ra. (Hình như nhiều người cộng sản đã lấy danh nghĩa Đảng Xã hội để dễ hoạt động hợp pháp).

Nam Kỳ: Trong dịp bầu cử Hội đồng quản hạt, Mặt trận dân chủ đã đưa ra danh sách Ninh, Tạo, Mai. Chính quyền đã gây mọi khó khăn đối với các ứng cử viên này: từ chối không nhận danh sách ứng cử, đe doạ các chủ muốn cho họ thuê phòng làm nơi hội họp, xé áp phích của họ, bắt các biên tập viên báo *Dân chúng* (tờ báo công khai của Đảng ở Sài Gòn), tịch biên toà báo và tài chính của nó... Sau hàng trăm cuộc mít tinh phản đối, có hơn 2 vạn người tham gia, chính quyền mới buộc phải thừa nhận danh sách ứng cử đó. Và chỉ đến vòng bầu cử thứ hai, 3 tên tờrốtxkít và 3 tên lập hiến mới trúng cử.

Bắc Kỳ: Do các đại biểu người Pháp từ chối không chịu thảo luận đề nghị nâng số đại biểu người bản xứ lên bằng số đại biểu người Pháp (hiện nay có 12 Pháp và 6 bản xứ), 3 đại biểu đảng viên xã hội người bản xứ đã từ chức. Trong khi bầu lại, những người từ chức đó đã thắng lợi rất oanh liệt và trúng cử với con số từ 750 đến 772 phiếu so với con số từ 11 đến 370 phiếu bỏ cho các ứng cử viên do chính quyền đưa ra.

ít lâu sau, anh Phan Thanh, một trong số đại biểu đảng viên xã hội đó, chết. Dân chúng đã tổ chức tang lễ rất trọng thể. Đám tang có 153 vòng hoa, có đại biểu 14 tỉnh về dự và dài 2 kilômét. Gia đình anh nhận được 110 điện viếng. Chưa bao giờ có một đám tang lớn như thế ở Hà Nội.

Tổ CHứC CHíNH TRị CủA PHáP ở BắC Kỳ

Tháng 1, Đại hội Chi nhánh Đảng Xã hội Bắc Đông Dương họp tại Hà Nội. Nhiều quyết nghị đã được thông qua:

Kết nạp đảng viên: - "...tới tận các thợ thủ công mù chữ...".

Thống nhất hành động: - "... Đại hội thông qua đường lối thống nhất hành động của Ban Thường vụ và giao cho Ban Thường vụ thực hiện sách lược này...".

Giúp đỡ Trung Quốc: - "Một uỷ ban thường trực sẽ được thành lập để đảm nhiệm việc giúp đỡ Trung Quốc, đồng thời giúp đỡ cả những người cộng hoà Tây Ban Nha, những người lưu vong Tiệp Khắc, những người Do Thái và các nạn nhân Đông Dương".

Chống đàn áp - "... cực lực phản đối những hành động phá hoại lòng tin cậy và mối hy vọng của nhân dân bản xứ đối với nước Pháp dân chủ.... Báo động cho tất cả các tổ chức tiến bộ đang hoạt động ở miền Bắc Đông Dương và đề nghị các tổ chức ấy cùng phối hợp hoạt động để ngăn chặn những hành động vô chính trị và độc đoán đó".

Một đại biểu thanh niên dân chủ (không phải là một tổ chức) đã đọc trước Đại hội một bản kiến nghị yêu cầu cho thành lập một chi hội Thanh niên xã hội (vào tháng 4, một chi hội như thế đã được thành lập ở Hà Nội).

Tờ *Notre Voix* đã đăng một lời chào mừng anh em gửi cho Đại hội.

Hội nhân quyền[19] đã đòi tự do lập nghiệp đoàn cho công nhân bản xứ. (Về sau tôi sẽ trình bày chính sách của bọn tờrốtxkít Đông Dương).

CÔNG NHÂN

Tuỳ từng vùng, tiền lương có khác nhau. Nhưng nét chung đối với tất cả các nơi là tiền lương rất thấp.

Lương công nhật tối thiểu là:

Đàn ông -	Trung Kỳ:	từ 0đ20	đến	0đ33	
	Bắc Kỳ:	- 0đ22	-	0đ33	
Đàn bà -	Trung Kỳ:	- 0,15	-	0,25	
	Bắc Kỳ:		- 0,17	-	0,25
Trẻ em -	Trung Kỳ:	- 0,11	-	0,19	
	Bắc Kỳ:	- 0,12	-	0,17	

Theo số liệu chính thức ở Bắc Kỳ thì giá sinh hoạt tháng 6-1939 tăng 40% so với tháng 9-1938 và so với năm 1914 thì tăng 177%; trong khi đó, tiền lương chỉ tăng từ 10 đến 12%, vì vậy một làn sóng *bãi công* đã nổ ra.

Địa phương	Ngành nghề	Yêu sách	Người tham gia bãi công	Tháng	Kết quả
- Turan	công nhân Riksha	phản đối tăng tiền thuê nhà	-	1	-
- Vĩnh Long	thợ làm gạch	tăng lương	500	nt	thắng lợi
- Chợ Lớn	đồn điền	tăng lương	-	nt	-
- Thủ Dầu Một	đồn điền	giảm giờ làm từ 11 giờ xuống 9 giờ	300	nt	thắng lợi
- Hải Phòng	thợ may	tăng lương (không nổ ra bãi công)	-	3	thắng lợi
- Hải Phòng	thợ cưa	tăng lương	1.000	4	-
- Cần Thơ	thợ cưa	tăng lương	100	4	-
- Hà Nội	thợ cưa	tăng lương	400	4	-
- Uông Bí	công nhân mỏ than	tăng lương	300	4	thắng lợi
- Mỹ Tho	công nhân Riksha	phản đối phạt vạ	200	4	-
- Chợ Lớn	thợ cưa	tăng lương	100	4	-
- Hải Phòng	công nhân sợi	tăng lương	3.000	nt	thắng lợi
- Hà Nội	thợ may	tăng lương	-	nt	-
- Hà Nội	thợ in	tăng lương	70	4	thắng lợi

Địa phương	Ngành nghề	Yêu sách	Người tham gia bãi công	Tháng	Kết quả
- Nam Định	trẻ em bán kem	phản đối tăng giá	60	5	-
- Hà Nội	trẻ em bán kem	tăng giá	100	5	thắng lợi
- Hà Nội	đô tuỳ	tăng lương	500	nt	-
- Hà Nội	thợ dệt	tăng lương	14	nt	thắng lợi
- Hà Nội	học nghề	cải thiện sinh hoạt	30	nt	-
- Hà Nội	nhạc sĩ	tăng lương	40	nt	-
- Hà Nội	thợ dệt	tăng lương	-	nt	thắng lợi
- Hà Nội	thợ mộc	nt	700	nt	thắng lợi
- Hải Phòng	công nhân bốc vác	nt	1.500	nt	thắng lợi
- Sài Gòn	công nhân vệ sinh	nt	300	nt	thắng lợi một phần
- Hải Phòng	công nhân xi măng	tăng lương (bãi công 1 giờ)	60	6	thắng lợi
- Hải Phòng	công nhân bốc vác	nt	100	nt	-
- Hải Phòng	công nhân xe chỉ	nt	800	nt	thắng lợi
- Hải Phòng	dệt thảm	nt	700	nt	-
- Hải Phòng	làm ô	yêu sách, (không bãi	-	nt	-

Địa phương	Ngành nghề	Yêu sách	Người tham gia bãi công	Tháng	Kết quả
		công)			
- Hải Phòng	chè	tăng lương	200	nt	thắng lợi
- Hải Phòng	thợ máy	tăng lương	300	5	thắng lợi
- Hải Phòng	hãng buôn	nt	300	6	nt
- Hải Phòng	chè	nt	300	nt	thất bại
- Hải Phòng	thuỷ tinh	nt	700 phụ nữ	nt	-
- Hà Nội	công nhân hoả xa	nt	800	nt	thắng lợi một phần
- Hà Nội	thêu	tăng lương	-	nt	thắng lợi một phần
- Hà Nội	làm mũ	tăng lương	100	nt	thắng lợi một phần
- Hà Nội	hãng ô tô Pho	nt	300	6	-
- Dĩ An	xe lửa	nt	700	nt	-
- Sài Gòn	bến tàu	nt	4.000	6	thắng lợi
- Sài Gòn	nhà in	nt	300	6	thắng lợi

Địa phương	Ngành nghề	Yêu sách	Người tham gia bãi công	Tháng	Kết quả
					một phần
- Sài Gòn	thợ giày	nt	-	nt	-
- Hà Nội	máy diêm	tăng lương	240 phụ nữ	6	thắng lợi
- Hà Nội	nhà in	nt	60	6	thắng lợi
- Hà Nội	thợ mộc	ngày hợp pháp	-	6	thắng lợi
- Hà Nội	nhà in khác	tăng lương	-	6	thắng lợi
- Hà Nội	xe lửa	nt	-	6	-
- Hà Nội	thợ máy	nt	600	6	thắng lợi
- Hải Phòng	lái tàu sông	nt	-	6	thắng lợi
- Uông Bí	công nhân mỏ than	nt	2.000	6	thắng lợi

(Bảng này thống kê từ tháng 1 đến tháng 6, nhưng chưa đầy đủ. Dấu (-) tức là chưa biết).

Một vài đặc điểm của các cuộc bãi công nói trên:

So với trước thì các cuộc bãi công năm 1939 có tổ chức và có kỷ luật hơn. Các cuộc bãi công ấy đều đưa ra những yêu sách cụ thể hơn: đòi tăng lương, ngày làm 8 giờ, bảo hiểm xã hội, công nhận các đại biểu, tự do nghiệp đoàn. Đó là những yêu sách cơ bản.

Hầu hết các cuộc bãi công đều được sự ủng hộ tinh thần và vật chất của công nhân các ngành khác, của nông dân và tiểu thương; đôi khi ngay cả tù chính trị cũng đóng góp vào các cuộc lạc quyên ủng hộ. Những người bãi công đã ra lời kêu

gọi lao động trong cả nước và đã nhận được thư tỏ tình đoàn kết. Mỗi lần thắng lợi, họ lại ra những bản tuyên bố động viên toàn thể công nhân đoàn kết lại, đồng thời cũng nhận được nhiều điện mừng gửi tới.

Trong khi cuộc bãi công của công nhân Nhà máy sợi Hải Phòng đang nổ ra, bọn mộ công nhân đã tìm cách quyến rũ công nhân thất nghiệp Nam Định; nhưng những người này không muốn trở thành những kẻ phá hoại bãi công và đã gửi thư khuyến khích bạn đồng nghiệp của họ ở Hải Phòng tiếp tục đấu tranh cho đến thắng lợi.

Sau cuộc bãi công, bọn chủ và bọn thanh tra lao động buộc phải ký giao kèo với đại biểu công nhân. Như vậy là đoàn đại biểu công nhân được coi như hợp pháp.

Những người bãi công đã thực hiện kỷ luật dân chủ. Ví dụ: sau cuộc bãi công của công nhân Nhà máy sợi Hải Phòng, đến trưa thì ban giám đốc và bọn thanh tra lao động của nhà máy ký giao kèo, nhưng đại biểu của những người bãi công từ chối không chịu ký khi họ chưa có ý kiến đồng ý của toàn thể công nhân. Đến 2 giờ chiều, trước 2.000 công nhân tập hợp rất trật tự trước nhà máy, bản giao kèo được đem ra đọc. Chỉ sau khi toàn thể những người tham gia bãi công nhất trí tán thành, các đại biểu mới ký tên vào bản giao kèo. Lúc bấy giờ, công nhân đã giơ nắm tay "mặt trận đỏ" lên cám ơn viên tổng thanh tra lao động. Bức thư của họ được đăng trên các báo và kết thúc bằng những khẩu hiệu: "Vô sản thế giới muôn năm! Mặt trận dân chủ muôn năm! Tự do nghiệp đoàn, dân chủ và tinh thần đoàn kết muôn năm!".

Làn sóng bãi công làm cho bọn chủ lo lắng. Một số trong bọn chúng (Nhà máy sợi, Nhà máy rượu Nam Định và một số khác) không đợi công nhân yêu sách, đã thực hiện tăng lương.

Tổ chức công nhân

Từ năm 1936, sau khi Mặt trận nhân dân ở Pháp thắng lợi, phong trào đòi tự do nghiệp đoàn ở Đông Dương bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Để ngăn chặn hoặc làm trì trệ phong trào, chính phủ thuộc địa đã "khuyên công nhân trước hết hãy tổ chức những hội ái hữu" với một điều lệ hạn chế do tự chúng thảo ra. Nhưng ngay sau khi chính phủ Pháp ngả về hữu thì

các tổ chức ái hữu ở Đông Dương bắt đầu bị khủng bố. ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ, người ta đóng cửa một vài tổ chức cũ, gây khó khăn đối với những tổ chức mới và cấm không cho lập thêm các tổ chức khác. ở Trung Kỳ thì lại quá tay! Người ta bỏ tù 4 năm những nông dân tổ chức hợp tác! Vì vậy cho nên "đòi hỏi tự do tổ chức" trở thành một trong những khẩu hiệu chính của tất cả các cuộc bãi công và biểu tình. Cần nhắc lại rằng, ngày 6-3-1939, công nhân dệt ở Hà Nội đã gửi thư cho Thống sứ Bắc Kỳ đòi tự do nghiệp đoàn. Ngày 14-4, cũng ở thành phố này, những người lao động đã gửi thư cho Bộ trưởng thuộc địa tố cáo những hành động đàn áp công nhân và đòi tự do dân chủ. Ngày 6-6, đại biểu các hội ái hữu của 4 thành phố (Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng và Hà Đông) đã gửi cho Thống sứ Bắc Kỳ và cho Tổng thanh tra lao động một lá thư, trong đó, đoạn cuối như sau:

"Năm 1936, khi phong trào đòi tự do nghiệp đoàn lên cao, chính phủ bảo những người lao động hãy tổ chức những hội ái hữu đã, trong khi chờ đợi thành lập nghiệp đoàn. Chúng tôi không phải là những người bảo thủ để tin rằng hội ái hữu là một bước cần thiết để tiến tới nghiệp đoàn, nhưng vì không muốn bỏ lỡ một cơ hội nhỏ nào, nhằm tổ chức quần chúng lao động lại, nên chúng tôi đã bắt đầu tiến hành thành lập hội ái hữu ở khắp nơi, mỗi nơi một ít, đồng thời không ngừng đòi nhà chức trách phải thực hiện tự do nghiệp đoàn.

"Khắp nơi, mỗi nơi một ít, các hội ái hữu được thành lập, làm việc trong không khí mới mẻ và với một phương pháp mới. Thấy vậy, nhà chức trách tìm hết cách ngăn chặn, khủng bố các hội ấy, đuổi những công nhân là hội viên hoặc công nhân có trách nhiệm trong các tổ chức này, giải tán một cách độc đoán những hội ái hữu cũ và ngăn cấm không cho thành lập những hội mới.

"Chúng tôi kịch liệt phản đối việc giải tán các hội ái hữu hoạt động trong vòng trật tự, hợp pháp và không bao giờ vượt quá phạm vi nghề nghiệp của mình. Chúng tôi kiên quyết đòi cho những người lao động được tự do lập hội ái hữu. Thay mặt các hội ái hữu của những người lao động Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và Hà Đông, đại biểu cho niềm hy vọng của các tầng lớp lao động Bắc Kỳ, với thiện cảm và sự ủng hộ của lao

động toàn Đông Dương, chúng tôi lớn tiếng đòi: Tự do nghiệp đoàn! Tự do tổ chức hội ái hữu!".

Ngày 1-5-1939

Năm 1938, lần đầu tiên Hà Nội được tổ chức ngày 1-5 hợp pháp. Ngày đó thật là lớn và đối với Đông Dương, có thể nói là vĩ đại: 2 vạn người biểu tình. Năm nay, Đảng Cộng sản tán thành, nhưng Đảng Xã hội lại phản đối biểu tình công khai. Cuối cùng, một cuộc họp đã được tổ chức tại trụ sở Đảng Xã hội, có 100 đại biểu các tổ chức tham dự. ở các thành phố khác lại có nhiều cuộc biểu tình lớn hơn.

Hải Phòng 700 người biểu tình,
Thái Bình 500 -
Thanh Hoá 2.000 - trong 23 cuộc míttinh,
Nghệ An 500 nông dân,
Sài Gòn 11 cuộc biểu tình, 5 cuộc bãi công,
Mỹ Tho 250 công nhân biểu tình,
Long Xuyên 300 -
Thà khẹt (Lào) 40 -

Sau ngày lễ đó, nhiều vụ bắt bớ và tù tội đã diễn ra.

Những cuộc biểu tình khác

Lấy cớ để phòng thủ Đông Dương, ngày 15-5 Chính phủ quyết định thu 10 triệu bạc "đảm phụ quốc phòng". Tất cả gánh nặng đó đè lên lưng người bản xứ. Một công chức người bản xứ phải đóng góp 8 lần so với đồng sự của họ người Pháp. Một người Âu chỉ phải đóng một đồng thuế thân, trong khi đó một người bản xứ phải đóng từ 1đ50 đến 20đ00, cộng thêm 4đ20 tiền miễn trừ tạp dịch nữa. Thuế môn bài tăng gấp đôi, gấp bốn. Ví dụ: một ông già bán thuốc chữa bệnh vốn chỉ 15đ00 mà phải đóng đến 6đ00 thuế thân và 9đ80 thuế môn bài! Nông dân phải đóng nhiều hơn năm 1938 là 38%. Tình hình đó đã gây ra những cuộc biểu tình và phản đối trong nhân dân. Dưới đây là bản thống kê không đầy đủ về những cuộc biểu tình đó.

Ngày tháng	Địa phương	Người tham gia	Yêu sách
Tháng 3	Hà Nội	200	- Người buôn bán gửi đơn cho chính phủ phản đối tăng thuế.
Tháng 4	Hà Nội	Tiểu thương	- Gửi đơn cho chính phủ phản đối tăng thuế.
Tháng 4	Vĩnh Long	Nông dân	- Đòi chia đất công.
Tháng 5	Hải Phòng	1.500	- Phản đối tăng thuế, đòi giảm thuế cho người nghèo, đòi tự do tổ chức, đoàn kết với công nhân bãi công, chống khủng bố.
Tháng 5	Hà Nội	722	- Tiểu thương đòi phủ toàn quyền giảm thuế cho người nghèo và người thất nghiệp. Đánh thuế nặng hơn đối với các công ty lớn.
Tháng 5	Hải Phòng	438	- Tiểu thương phản đối tăng thuế.
Tháng 5	Hải Phòng	1000	- Công nhân và tiểu thương phản đối tăng thuế và đòi tự do tổ chức.
Tháng 5	Sơn Tây	-	- Nông dân làng Dụ Phước

Ngày tháng	Địa phương	Người tham gia	Yêu sách
			đòi chia ruộng công.
Tháng 5	Thái Bình	500	- Biểu tình chống thuế, đòi tự do dân chủ, đòi ân xá chính trị phạm.
Tháng 5	Thanh Hoá	-	- Đòi lại phiếu quốc trái mà bọn trung gian đã chiếm mất.
Tháng 6	Hà Đông	100	- Nông dân Hạ Trì chống thuế.
Tháng 6	Cao Bằng	300	- Nông dân chống thuế.
Tháng 6	Hải Phòng	1.500	- Công nhân và tiểu thương chống tăng thuế, chống khủng bố và chủ nghĩa phát xít, đòi tự do tổ chức.
Tháng 6	Hà Nội	650	Biểu tình phản đối tăng thuế, tỏ tình đoàn kết với những người bãi công và nông dân bị tước đoạt ở Thái Ninh.
Tháng 6	Hà Đông	3.000	- Nông dân làng Văn Phước chống bán ruộng công.
Tháng 6	Thái Bình	500	- Nông dân Đặng Phổ chống tăng thuế, tỏ tình đoàn kết với nông dân Thái Ninh.
Tháng 6	Thái Bình	-	- Nông dân An Thái đòi chia ruộng công.
Tháng 6	Hải Phòng	-	- Hàng trăm người biểu tình ở công viên phản đối tăng thuế, chống

Ngày tháng	Địa phương	Người tham gia	Yêu sách
			khủng bố công nhân, và tỏ tình đoàn kết với những người bãi công.
Tháng 6	Thanh Hoá	1.739	- Nhân dân gửi 47 đơn cho phủ toàn quyền đòi giảm thuế và thực hiện tự do dân chủ.
Tháng 7	Thái Bình	-	- Hàng ngàn nông dân biểu tình phản đối tước đoạt ruộng đất của họ (1.500 mẫu) để cấp cho bọn chủ báo *Hà Nội buổi chiều và Đông Pháp*. Số ruộng đất này thuộc làng Thái Ninh. Nhiều cuộc bãi thị đã nổ ra.

BáO CHí

Theo tôi biết, ở *Bắc Kỳ* cánh tả có những tờ tuần báo như sau:

Demain - Đảng Xã hội,
Tribune républicaine - (Pháp),
Effort - Tiến bộ - tự trị - (bản xứ),
Notre Voix - Cộng sản,
Đời nay - Cộng sản,
Người mới - Khuynh hướng xã hội,
Ngày mới - Khuynh hướng xã hội,
Thế giới - Thanh niên tiến bộ.

Trung Kỳ:

Tiếng dân - Quốc gia.

Nam Kỳ:

Dân chúng - Cộng sản,

Lao động - Khuynh hướng cộng sản (tôi cho như vậy),
Tiến tới - Tiến bộ,
Đông phương - Tiến bộ,
Mới - Thanh niên dân chủ.

Các báo này tán thành đòi tự do, dân chủ và ân xá chính trị phạm.

Tờ *Dân chúng* xuất bản ở Sài Gòn từ tháng 7-1938 là tờ báo đầu tiên đã bất chấp đạo luật cấm phát hành nếu không được phép trước. Sau khi nó ra đời được một tháng, quyền tự do báo chí được ban hành, nhưng hàng ngày, người ta cứ tìm cách cắt xén và thủ tiêu đi, như về sau, chúng ta sẽ thấy. Tôi nghĩ rằng *Dân chúng* cũng là tờ báo được nhiều người đọc nhất ở Đông Dương, vì số lượng phát hành của nó lớn hơn tất cả - mỗi số 1 vạn bản. Ngày 7-3, tờ báo bị tịch thu, các biên tập viên của nó bị bắt. Trong suốt tháng sau, 28 cuộc mít tinh phản đối đã nổ ra, một vài cuộc có tới 1.000 người tham gia; và để giúp đỡ tờ báo, một cuộc lạc quyên đã được tổ chức và thu được hơn 400đ trong một tuần lễ. Phản đối chính phủ tìm cách ngăn cản các ứng cử viên của Mặt trận dân chủ trong cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt, trong vòng đầu, báo *Dân chúng* đã đưa ra khẩu hiệu bỏ phiếu trắng và 2.585 cử tri đã làm theo.

Báo *Đời nay* ở Bắc Kỳ cũng rất được nhiều người đọc. Trong danh sách "ủng hộ báo *Đời nay*" người ta đọc thấy tên phụ nữ, thanh niên, học sinh, công nhân, nông dân, tiểu thương ủng hộ từng xu nhỏ một. Người ta còn thấy tên một thiếu nữ ủng hộ tới 20 đồng bạc; có lẽ đó là một người cảm tình trẻ tuổi thuộc tầng lớp tư sản. Công nhân ở Boócđô, Havơrơ, Xiêm, Lào và Vân Nam cũng đều gửi tiền ủng hộ. Khi công nhân, nông dân, tiểu thương và hương sư có kêu ca điều gì thì họ cũng nhờ tới báo "*Đời nay*".

Người đọc tờ *Notre Voix* thì ít hơn nhiều, và chỉ gồm những người Đông Dương biết tiếng Pháp, làm chính trị. Đây là cương lĩnh của tờ *Notre Voix* và cũng là cương lĩnh chung của các tờ báo cộng sản Đông Dương:

"*Notre Voix* sẽ là tiếng nói của những người mong muốn hoà bình, muốn được tự do và hạnh phúc hơn, của những người

quyết tâm đấu tranh cho một cuộc sống tốt đẹp hơn, đấu tranh chống lại các lực lượng bảo thủ và áp bức xã hội, chống lại những kẻ gây chiến, chủ nghĩa phát xít trong nước và trên quốc tế.

"Nói một cách chính xác hơn, *Notre Voix* sẽ hoạt động để mở rộng và củng cố mặt trận những lực lượng tiến bộ, mặt trận dân chủ Pháp - Đông Dương, để tăng cường tình đoàn kết của nhân dân Đông Dương với các chiến sĩ anh hùng Trung Quốc, Tây Ban Nha và nói chung, với toàn thể nhân dân thế giới".

Chính phủ thuộc địa tích cực dùng bạo lực chống lại các báo phái tả cũng như các báo dân chủ bản xứ. Chúng đuổi những công nhân, viên chức đọc các báo đó, đe doạ những độc giả khác, tịch thu báo, và đôi khi cả tài chính của toà báo, bắt bớ và tống giam các biên tập viên và phóng viên, truy tố ban biên tập trước toà án, v.v.. Các biên tập viên báo *Thanh niên* bị bắt ngay sau khi tờ báo phát hành. Thuế môn bài các đại lý báo *Đời nay* đều tăng 700%.

Nói về những cuộc đàn áp ấy, báo *Đời nay*, cơ quan của Đảng Xã hội xuất bản ở Hà Nội, viết:

"Người ta chỉ có thể khiển trách họ đã đề cập đến những vấn đề dân chủ, đã ca ngợi một sự hợp tác Pháp - Việt chân thành, một sự đoàn kết hợp lý trước hoạ phát xít.... Người ta bóp nghẹt mọi tài liệu dân chủ và dung túng sách báo thân Nhật hoặc có khuynh hướng phát xít".

Cũng cần nhắc ra đây tên một số sách bị cấm:

Lênin
Nước Nga Xô viết
Lịch sử cách mạng Trung Quốc
Tây Ban Nha
Thắng lợi của thái độ kiên trì của Liên Xô
Việc võ trang Liên Xô
Công cuộc khôi phục ở Liên Xô
Sự tiến bộ trong quan hệ Trung - Xô

(Tóm lại, tất cả sách viết về Liên Xô).
Tờrốtxki, công cụ của chủ nghĩa phát xít (bằng tiếng Trung Quốc)
Mặt trận thống nhất chống phát xít sau sự kiện Muyních (bằng tiếng Trung Quốc).
Tất cả những sách chống phát xít và ngay cả những quyển sách như:
Nguyên lý lãnh đạo (bằng tiếng Việt) và các tác phẩm văn nghệ như:
Lúc tôi ở với Lênin của Goócki, cũng đều bị cấm.
Báo cánh tả bằng tiếng Việt bị cấm lưu hành ở Trung Kỳ và Cao Miên. Các báo tờrốtxkít và có khuynh hướng phát xít được khuyến khích và tự do lưu hành khắp nơi.
Cuốn *Tư bản* cũng bị cấm ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Tù chính trị

Theo tờ *Notre Voix* thì còn khoảng 1.500 tù chính trị ở trong các nhà lao. Tổ chức cứu tế nhân dân ở Pháp luôn luôn can thiệp và các báo cánh tả Pháp, Việt ở Đông Dương (ngay bọn tờrốtxkít cũng có tham gia một lần và theo cách của chúng) đều lên tiếng đòi trả lại tự do cho họ.
Tháng 6, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ đã thông qua một bức điện gửi cho Bộ trưởng Bộ thuộc địa yêu cầu ân xá toàn thể các chính trị phạm.
Các báo cộng sản đều tổ chức lạc quyên giúp đỡ họ. Từ năm 1938 cho đến tháng 4-1939, số tiền lạc quyên đã hơn 800đ. Cũng như mọi khi, những người đóng góp vẫn cứ là công nhân, nông dân, sinh viên, tiểu thương, thanh niên dân chủ, công nhân bản xứ làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, đôi khi cũng có những hành động cảm động: 2 thanh niên nông dân cùng nhau ủng hộ 7 xu và bên cạnh họ là một người cảm tình vô danh ủng hộ 20đ. Cũng có những người ủng hộ thuốc uống, sách và truyện cũ, kẹo, bưu ảnh, v.v..
Nhưng nếu lớp tù chính trị này được thả ra thì người ta lại tống giam những lớp mới khác.

Biểu tình trước trụ sở Hội đồng dân biểu: 3 năm tù và 3 năm quản thúc.
Tham gia vào hội tương tế, dù hội này đã *được phép* mở: cũng án như vậy.
Đưa yêu sách của dân làng cho các nghị viên, dù các nghị viên đó tự mình đến hỏi: 10 năm khổ sai và 10 năm quản thúc, v.v..
Phi Vân (mà người ta cho rằng đã phản bội) đã bị bắt và bị kết án 10 năm tù hồi tháng 6-1939. Anh ta bị áp giải một cách cẩn mật từ nhà lao đến Toà án Bắc Ninh, tay bị xiềng, đầu trần, chân đất, mình trần trụi và chỉ mang mỗi chiếc quần cộc.
Tờ *Cố gắng* viết về các cuộc đàn áp như sau: "... 20 năm sau khi hàng vạn đồng bào của chúng ta đã ngã xuống trên chiến trường Pháp, chúng ta vẫn không được hưởng một chút quyền, một chút tự do sơ đẳng nào mà nhân dân các nước dân chủ văn minh đã được hưởng.
Không có tự do báo chí.
Không có tự do lập hội.
Không có tự do hội họp.
Sau hai năm thực hiện một mức tự do hạn chế, trong đó, một vài chính kiến đã được phép nói lên đến một chừng mực nào đó, Chính phủ Đông Dương... lại bắt đầu o ép và đàn áp... Tờ *Ngày mai* viết:
"Hình như các nhà cầm quyền của chúng ta đã mất hết sáng suốt và bình tĩnh, hình như hễ bị kinh khủng là họ mất hết trí minh mẫn và lòng độ lượng; kể từ năm 1930... - thời kỳ bi thảm mà hiện nay hình như chúng ta đang trở lại - chưa bao giờ lại có những phương pháp đàn áp khốc liệt và tàn bạo quá tay đến thế.
Người ta tịch thu, người ta cấm đoán, người ta bắt bớ, người ta kết tội một cách không căn cứ, điên rồ, sai trái, độc đoán và hết sức ráo riết. Người ta bịa đặt, người ta nặn ra mọi chứng cớ giả tạo, người ta dùng đến những hành động nhục nhã. Người ta dùng cả những biện pháp bất hợp pháp: người

ta đã hành động đến mức không luật pháp, đạo đức, nhân quyền, lương tri nào có thể bào chữa cho một chính sách ngu xuẩn đến thế".

Đông Dương và Trung Quốc

Những người lao động Việt Nam hoàn toàn đứng về phía Trung Quốc. Những người có ít nhiều tinh thần dân chủ, những nhà buôn Pháp cũng đều như vậy, tất nhiên vì nhiều nguyên nhân khác nhau.

Đảng Xã hội, Hội nhân quyền và tất cả những phần tử cánh tả ở Bắc Kỳ đã tổ chức vào đầu năm 1939 một cuộc hội chợ lớn để giúp các nạn nhân chiến tranh của Trung Quốc. Những người cộng sản đưa ra khẩu hiệu: "Giúp đỡ Trung Quốc!". Dân chúng đã thấm nhuần tinh thần khẩu hiệu đó và bằng chứng là, dù còn đói khổ, từ tháng 3-1938 tới tháng 2-1939, họ đã đóng góp 579 đồng vào cuộc lạc quyên ủng hộ các chiến sĩ Trung Quốc, do các báo cộng sản ở Bắc Kỳ tổ chức (ở các địa phương khác cũng có lạc quyên, nhưng tôi không biết kết quả). Ngày đầu năm, báo *Notre Voix* đã nhận được 38đ35 ủng hộ những người du kích. Nhân dịp kỷ niệm 2 năm ngày chiến tranh bùng nổ, nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã gửi cho các chiến sĩ 100 đồng và một lá thư cổ vũ gồm 2.330 chữ ký.

Những người cộng sản cũng đưa ra khẩu hiệu tẩy chay hàng Nhật. Cần nói thêm rằng, những người cộng sản đã đặt ra bài hát: "Giúp Trung Quốc tức là giúp mình", và bài hát đó đã được truyền đi rất rộng trong quần chúng. Nhiều nơi đã tổ chức các cuộc biểu diễn ban đêm. Người biểu diễn là công nhân, nông dân, nhất là thanh niên, họ thường phối hợp với thanh niên Trung Quốc để làm.

Dưới áp lực của Nhật, Chính phủ Pháp quyết định đóng cửa biên giới Trung Quốc - Bắc Kỳ lại. Chính phủ thuộc địa không tán thành chủ trương ấy. Các thương gia Pháp đấu tranh chống quyết định đó. Báo chí cũng nhất trí chống lại việc đóng cửa biên giới, nhưng với lý do khác nhau, kẻ thì vì vật chất, người thì vì chính trị. Trước Hội đồng dân biểu, Chủ tịch phòng thương mại Hà Nội đã kịch liệt phản đối quyết định của Chính phủ. Sau khi cho biết rằng từ tháng 2 đến tháng 10-1938, Đông Dương đã xuất cảng sang Nhật 341.000 tấn than và quặng sắt, ông nói: "... Nếu chúng ta coi việc xuất cảng này là hợp pháp thì không thể hiểu tại sao chúng ta lại cấm việc xuất cảng sang Trung Quốc, ... Trung Quốc đã nhường đường xe lửa Vân Nam cho một công ty Pháp, Trung Quốc đã nhường đất để làm đường sắt và cung cấp nhân lực cần thiết cho công cuộc xây dựng. Ngoài ra, trong điều 4 của Hiệp ước Trung - Pháp có ghi: "Dụng cụ chiến tranh, vũ khí và đạn dược mà Chính phủ quốc gia muốn chuyển vận xuyên qua đất Bắc Kỳ sẽ được miễn mọi thứ" ... Không tôn trọng lời ký kết của nước Pháp, chúng ta đã cấm vận chuyển hàng hoá sang Trung Quốc bằng con đường sắt (Pháp - Trung Quốc) Vân Nam. Trong lúc đó, chúng ta lại giao than và quặng sắt của chúng ta cho Nhật Bản...".

Tướng tổng tham mưu trưởng Bạch Sùng Hy tuyên bố với các nhà báo Pháp: "Hiện nay không phải chỉ Quảng Tây tỏ ý bất bình với nước Pháp, mà cả Vân Nam, Quảng Đông và tất cả các tỉnh khác ở Hoa Nam nữa".

Trong thời gian 3 tháng, người Trung Hoa đã làm xong 250 kilômét đường ôtô nối liền Vân Nam và Rănggun. Anh sẽ cho Trung Quốc vay 100 triệu để xây dựng một con đường sắt chạy theo hướng này. Chính phủ Đaladiê nhận thấy rằng nhiều mối lợi to lớn sẽ mất, không những thế cả nền thương mại Pháp ở Bắc Kỳ cũng sẽ bị phá sản, cho nên chúng buộc phải ngấm ngầm mở lại cửa biên giới mà không nói năng gì.

Nhật chiếm đảo Hải Nam và Spralây làm cho Pháp lo sợ. Họ liền tìm cách hợp tác với người Anh (Hội nghị quân sự ở Singapo) và chuẩn bị phòng thủ: tăng quân bằng cách tuyển thêm một vạn người, sửa lại các hải cảng, xây dựng sân bay và các nhà máy có thể sản xuất từ 150 đến 400 máy bay một năm.

Các báo cánh tả cho rằng như vậy vẫn chưa đủ, rằng muốn phòng thủ có kết quả thì phải có sự hợp tác thành thật của dân

chúng; muốn thế, cần ban hành những quyền dân chủ cho người bản xứ.

Nên nhớ rằng chính phủ thuộc địa đã tổ chức một trường học tiếng Nhật ở Thanh Hoá. Lại một sự việc có ý nghĩa hay một dấu hiệu sợ hãi: tháng 6, trong một thông tri gửi cho người Pháp ở Bắc Kỳ, chính phủ đã hỏi họ rằng: Nếu chiến tranh nổ ra thì họ sẽ tản cư vợ con họ ra sao.

Nói thêm, những người cộng sản đã sáng tác bài hát *Giúp Trung Quốc tức là giúp mình,* một bài hát rất được phổ biến. Nhiều đêm (vui) kịch đã được tổ chức ở nhiều nơi. Những phần tử hăng hái là công nhân, nông dân và nhất là thanh niên, họ thường hợp tác với thanh niên Trung Quốc.

Hoạt động của Nhật ở Đông Dương

Bọn Nhật đã nhòm ngó Đông Dương từ lâu. Điều đó rất rõ ràng. Chương trình hoạt động của chúng có thể chia ra 3 mặt tuyên truyền, xâm nhập kinh tế và hoạt động gián điệp. Công tác tuyên truyền ấy chỉ tranh thủ được bọn quan lại bất mãn và các cụ đồ nho. Trong khi tuyên truyền, những người này tỏ ra công khai thân Nhật và chống Trung Quốc. Nhưng họ không có chút tác dụng nào trong đông đảo quần chúng, vì như trên đã nói, quần chúng thực sự đứng về phía Trung Quốc. Từ 34 năm nay, bọn Nhật đã nuôi Cường Để, ông hoàng Việt Nam lưu vong ở trên đất chúng, chỉ mong có dịp sẽ dùng đến. Về mặt kinh tế, đặc biệt bọn Nhật tìm cách thâm nhập vào các vùng mỏ Bắc Kỳ. Chúng đã đầu tư được vào nhiều công ty khai thác. Thứ hai là bán hàng hoá giá rẻ.

Gián điệp Nhật hoạt động rất mạnh ở Đông Dương. Ba tháng trước đây, một người Pháp chủ nhiệm một tờ báo và một người Việt Nam đã bị kết án 20 và 15 năm khổ sai về tội làm gián điệp. Về vấn đề này, tờ *Effort* viết: "Nhưng biết bao người như thế sẽ có thể tiếp tục công việc của họ một cách yên ổn gần như tuyệt đối, do thái độ do dự của các nhà cầm quyền Pari của chúng ta tạo nên". Đối với bọn gián điệp người Nhật, Chính phủ Pháp tỏ ra rất nhân nhượng. Ví dụ, năm ngoái một sĩ quan Nhật bị bắt quả tang làm gián điệp ở Bắc Kỳ, người ta bắt được trong người hắn một tập tài liệu dày cộp. Nhưng Chính phủ chỉ yêu cầu tên sĩ quan này ra khỏi Đông Dương mà thôi. Mới đây, người ta bắt được ở Lào Cai 3 gián điệp người Nhật đang vẽ các cứ điểm chiến lược. Ra trước toà án, chúng chỉ bị phạt 100 quan!

Trái lại, người ta kết tội những người cộng sản là thân Nhật. Ngày 13-6, đồng chí chủ nhiệm tờ báo cộng sản *Đời nay* ở Hà Nội bị triệu đến sở mật thám. Viên chánh cẩm bảo đồng chí rằng: Những người cộng sản đã ăn lương của Nhật và chính vì thế mà họ đã tổ chức bãi công nhằm mục đích phá hoại việc tiếp tế cho Trung Quốc. Những người cộng sản đã kịch liệt phản đối lời vu cáo này của bọn cẩm bằng lời nói và bằng văn bản.

*

* *

Tôi rất tiếc hôm nay chưa thể nói được về bọn tờrốtxkít. Liên lạc cần phải đi ngay. Tôi phải ngừng bút và gửi lời chào anh em tới các đồng chí.

Cuối tháng 7 năm 1939

LIN

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA VIỆT NAM GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

1. Địa lý: ấn Độ China thuộc Pháp, còn có tên là "Đông Dương", gồm 5 vùng, Ai Lao, Cao Miên, Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ. Ba vùng sau là Việt Nam.

2. Dân tộc: Toàn Đông Dương có khoảng 25 triệu dân. Dân tộc Việt Nam chiếm tuyệt đại đa số: 20 triệu người. Cao Miên hơn 2 triệu người. Lào, Mán, Thổ và các dân tộc thiểu số khác cộng trên dưới 3 triệu người.

3. Chế độ chính trị: Nam Kỳ bị Pháp chinh phục trước tiên, là xứ thuộc địa. Trung Kỳ, Cao Miên, Ai Lao là nước bảo hộ, có quốc vương. Bắc Kỳ là Territory (khu quản hạt).

Toàn bộ chính quyền Đông Dương nằm trong tay Toàn quyền người Pháp. Mỗi vùng có một Khâm sứ người Pháp. Mỗi tỉnh có một Công sứ người Pháp. Ngoài ra, còn có người bản xứ làm tỉnh trưởng, tri phủ, tri huyện, v. v.. do người Pháp uỷ nhiệm.

4. Tài nguyên: Nam Kỳ sản xuất nhiều lúa gạo nhất. Mỗi năm xuất khẩu khoảng từ 1500 đến 1800 tấn. Bắc Kỳ nhiều nhất là khoáng sản. Mỗi năm sản xuất 2 triệu tấn than. Các kim loại đều có. Còn các vùng khác thì đất xấu, dân nghèo.

5. Nạn bóc lột: Ruộng vườn nhà cửa, các việc ma chay cưới xin, sinh con đẻ cái, các loại gia [1], nhất nhất đều phải nộp thuế. Nam từ mười bảy, mười tám đến năm mươi lăm tuổi, hằng năm phải nộp thuế thân, từ hai đồng đến mười hai đồng. Sau khi nộp thuế, mỗi người được phát một tấm thẻ ghi rõ tên tuổi, quê quán, nghề nghiệp, hình dạng, có lý trưởng và tỉnh trưởng Pháp ký tên đóng dấu. Thẻ đó, ai cũng phải mang theo người. Nếu không sẽ bị bắt giữ. Người Pháp lợi dụng cách đó để ngăn chặn những người cách mạng hành động.

6. Quốc phòng: Quân số không rõ, có khoảng chừng ba vạn lính. Phần lớn là lính bản xứ. Một số ít là "lính lê dương". "Lính lê dương" không phải là người Pháp, mà người quốc tịch nào cũng có. Họ đều là những tù nhân chạy trốn. Quân lính đóng ở các thành phố lớn và vùng biên giới. Máy bay rất ít. Lực lượng hải quân cũng yếu ớt. Theo mật thám Nhật Bản nói: chỉ cần hai sư đoàn là đủ để chinh phục Đông Dương.

Do đối xử không công bằng - lính bản xứ không được làm sĩ quan, đời sống lại rất khổ - cho nên họ rất ghét người Pháp.

7. Phong trào giải phóng: Nổi tiếng nhất có:

- Sau năm 1880: ở Trung Kỳ, có "Khởi nghĩa văn thân" do Phan Đình Phùng lãnh đạo. ở Bắc Kỳ, có du kích chiến của Hoàng Hoa Thám. Đến năm 1912, Hoàng Hoa Thám bị ám sát, khởi nghĩa mới bị dập tắ[1].
- Năm 1908: Nông dân Trung Kỳ bạo động.
- Năm 1910: Binh lính Hà Nội mưu đánh chiếm Hà Nội.

---

[1] Nguyªn v¨n: bß ngùa mÌo chã (ND).

[1] Hoµng Hoa Th¸m bÞ ¸m s¸t n¨m 1913 (B.T).

- Năm 1915: Nhân cuộc chiến tranh đế quốc lần thứ nhất, vua An Nam khởi nghĩa ở Trung Kỳ. ở Bắc Kỳ, binh lính Thái Nguyên khởi nghĩa, do một chính trị phạm lãnh đạo. Thổ dân vùng thượng du Bắc Kỳ cũng nổi dậy.
- Đầu năm 1930: Việt Nam Quốc dân đảng khởi nghĩa ở Yên Bái (Bắc Kỳ).
- Năm 1930 - 1931: Nông dân Trung Kỳ thành lập Xôviết, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Sau năm 1936, có phong trào của Mặt trận Dân chủ.

8. Các tầng lớp xã hội và khuynh hướng của họ:

- *Công nhân:* ở Bắc Kỳ, công nhân mỏ than chiếm tuyệt đại đa số. Thứ đến công nhân đồn điền ở Nam Kỳ, rồi đến công nhân đường sắt, công nhân xưởng công binh Sài Gòn, công nhân dệt, v.v.. Tổng cộng không đến một triệu người. Họ tuy không có quyền tự do tổ chức công hội, nhưng trong hai thời kỳ 1930-1931 và 1936-1939, họ đấu tranh rất mạnh mẽ.
- *Nông dân:* Những năm 1930-1931, nông dân Nam Kỳ và Trung Kỳ tổ chức (bí mật) rất tốt, đấu tranh rất dũng cảm. Bắc Kỳ chỉ có một số ít tỉnh có tổ chức và đấu tranh. Sau này, nông dân Trung Kỳ đã phải lùi bước vì bị khủng bố gắt gao. Hiện tại, nông dân Nam Kỳ đoàn kết tốt hơn so với các địa phương khác.

Công nhân, nông dân đương nhiên là rất căm ghét người Pháp.

- *Trí thức:* Từ học trò đến công chức, thầy thuốc, vì có trình độ văn hoá tương đối cao, có điều kiện tiếp cận với người Pháp, hai vì họ bị người Pháp coi thường, cho nên họ đều rất ghét người Pháp. Song vì không có tổ chức, thiếu người lãnh đạo, cho nên họ "dám nghĩ mà không dám nói".
- *Tiểu thương:* Thương nghiệp lớn đều nằm trong tay người Pháp, cỡ nhỏ hơn trong tay Hoa kiều. Người Việt Nam chỉ buôn bán nhỏ. Họ không ngoi lên được bởi các thứ thuế má nặng nề, do đó họ cũng rất căm ghét người Pháp, đồng tình với cách mạng.

- *Giai cấp tư sản dân tộc:* Trong người Việt không có ai làm chủ nhà máy lớn, chủ hiệu buôn lớn hoặc chủ nhà băng như người Trung Quốc. Họ thường chỉ là những chủ xưởng nhỏ như xưởng rượu, xưởng xay sát lúa gạo, xưởng in. Lúc bị chèn ép, họ oán người Pháp. Khi phong trào công nhân lên mạnh, họ sợ cách mạng. Nhưng trong số đó cũng có vài người giúp đỡ cách mạng. Thế lực của họ rất yếu ớt, không có tổ chức.
- *Quan lại, địa chủ:* Họ tuy hai mà một, một mà hai. Quan lại lớn đồng thời là địa chủ lớn. Ví dụ, tỉnh trưởng tỉnh Hà Đông ở Bắc Kỳ, một mình y chiếm hai phần ba ruộng đất toàn tỉnh. Bọn này cùng với đế quốc Pháp sống dựa vào nhau. Địa chủ lớn ở Nam Kỳ có đoàn thể riêng: "Đảng lập hiến". Địa chủ các vùng khác không có tổ chức gì cả.
- *Vương công:* như hoàng đế An Nam, quốc vương Cao Miên, v.v.. Tất nhiên họ là những rường cột phản động. Người Pháp lợi dụng họ làm bù nhìn để thi hành những luật pháp thời Trung cổ. Trước chiến tranh đế quốc lần thứ hai, ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ còn có một chút quyền tự do, như tự do xuất bản; còn ở Trung Kỳ, Cao Miên, Lào, ngay cả chút tự do đó cũng không có.

Nhưng cũng có những trường hợp ngoại lệ, như năm 1885 vua Hàm Nghi và năm 1915 vua Duy Tân đã đứng ra lãnh đạo chống Pháp.

- *Hoa kiều:* Chiếm vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế ở Đông Dương. ở bất kỳ thành phố nào, nhỏ là quán cà phê, lớn là ngành buôn bán xay sát gạo, phần lớn đều là của họ. Số Hoa kiều có khoảng trên dưới 50 vạn người, đại đa số là người Quảng Đông và người Phúc Kiến. Họ đều có tổ chức "bang", như bang Quảng Đông, bang Phúc Kiến, bang Triều Châu, bang Hải Nam. Mỗi Hoa kiều là một "bang viên", không ai đứng ngoài. Và chính phủ Pháp cai trị dân Hoa kiều thông qua các "bang" này. Về mặt chính trị, Quốc dân đảng (Trung Quốc - ND) và Đoàn thanh niên Tam dân chủ

nghĩa rất hoạt động. ở Nam Kỳ, công nhân Hoa kiều cũng rất hoạt động, có thời kỳ An Nam Cộng sản đảng có hơn vạn đảng viên là Hoa kiều.

9. Các đảng phái:

A- *Đảng Lập hiến:* Thành lập ở Nam Kỳ sau Chiến tranh đế quốc lần thứ nhất, là đảng của những địa chủ lớn. Họ không có cương lĩnh, điều lệ, thẻ đảng gì cả. Từ ngày thành lập chưa họp lần nào, nhưng lại có riêng một tờ nhật báo bằng tiếng Pháp. Mấy người tự xưng là lãnh tụ đứng ra kêu gào bênh vực Chính phủ Pháp, bênh vực quyền lợi của địa chủ.

B- *Tân Việt đảng:* Tổ chức tại Trung Kỳ năm 1925, do một số trí thức đứng ra thành lập. Sau này, những phần tử tiến bộ đã gia nhập Đảng Cộng sản, số phần tử xấu bỏ chạy. Hiện không còn tồn tại nữa.

C- *Quốc dân đảng*[20]: Do giai cấp tiểu tư sản - những thầy giáo, luật sư, v.v. tổ chức ra tại Bắc Kỳ năm 1927. Họ tuyên bố theo chủ nghĩa Tôn Trung Sơn, cũng tuyên bố sẽ hợp tác có điều kiện với người Pháp, ráo riết tuyên truyền vận động trong binh lính người bản xứ. Vì tổ chức không chặt chẽ, nhiều mật thám đã chui vào được, dẫn đến việc năm 1929 phần lớn đảng viên bị bắt. Thế là các lãnh tụ của đảng này tuyên bố: "Đánh cũng chết, không đánh cũng chết, phải quyết một phen sống mái!". Vào đầu năm 1930 họ làm bạo động ở Yên Bái (Bắc Kỳ). Tuy có nhiều binh lính bản xứ tự nguyện tham gia, nhưng vì tổ chức và lãnh đạo không tốt, cuộc bạo động đã nhanh chóng thất bại, rất nhiều người bị hy sinh. Một số lãnh tụ thứ yếu chạy sang Vân Nam, tiến hành công tác tổ chức bằng cách khủng bố và cưỡng ép. Họ mang súng lục và dao găm đến nhà Việt kiều rồi hỏi: "Anh có đồng ý gia nhập đảng của chúng tôi hay không?". Bị doạ dẫm như vậy, không ít người Việt sống ở Vân Nam đã trở thành đảng viên Quốc dân đảng. (Nhiệm vụ của đảng viên là đóng đảng phí, vâng lời các lãnh tụ). Do đó, có một thời kỳ, thế lực của họ ở Vân Nam rất lớn. Ví dụ, trong toa tàu trên tuyến xe lửa Vân Nam - Việt Nam, họ có hòm thư riêng của mình. Một

lần, lãnh sự Pháp bí mật bắt cóc một đảng viên, dùng xe riêng đưa về Bắc Kỳ. Quốc dân đảng cử ngay một chiếc xe đi cướp lại đảng viên đó.

Nhưng vì các lãnh tụ đảng này có thái độ ngang ngược quá đáng đối với Việt kiều như chửi mắng, chém đầu, nên ai cũng chán ghét. Lại vì chuyện họ giết một tên mật thám rồi chặt đầu ném trước lãnh sự quán Pháp, nên Chính phủ Pháp lợi dụng vấn đề này can thiệp với Chính phủ Vân Nam. Chính phủ Vân Nam đã trục xuất các lãnh tụ Quốc dân đảng. Từ đó, Việt Nam Quốc dân đảng hoàn toàn tan rã.

Gần đây, có vài ba người (trong đó có một người nghi là tay sai Pháp kiêm Hán gian, vì hắn không có nghề nghiệp gì mà sinh hoạt rất sang trọng) lợi dụng tình hình Hoa - Việt, đề nghị với tỉnh đảng bộ Côn Minh giúp đỡ sửa chữa và công bố một "Tuyên ngôn về thời cuộc" (Tuyên ngôn xem sau), cho phân phát truyền đơn "Kính cáo Việt kiều" bằng tiếng Việt. Hai tài liệu trên đây vừa xuất hiện thì bị các đảng viên cũ phản đối mạnh mẽ. Có mấy người tìm đến các đồng chí của chúng tôi, đề nghị giúp đỡ viết một Tuyên ngôn phản đối bản Tuyên ngôn trên.

D- *Đảng Cộng sản:* Năm 1924, một vài thanh niên Việt Nam học ở trường quân sự Hoàng Phố và một số thanh niên Việt Nam sống ở Quảng Châu tổ chức ra "Tâm tâm đảng" với ý nghĩa "Tâm tâm tương ấn"[1]. Hành động đầu tiên cũng là hành động cuối cùng của họ là vụ nổ bom mưu sát Toàn quyền Đông Dương khi y đến thăm Sa [2]. ít lâu sau, đoàn thể này cải tổ thành "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội"[3]. Lúc này, nhờ sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đồng chí Nga ở Quảng Châu, "Hội Thanh niên" hoạt động rất sôi nổi. Nhiều đoàn viên tiên tiến đã tham gia Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đồng thời tổ chức nhiều lớp

---

[1] "T©m t©m t-¬ng Ên", thµnh ng÷, cã nghÜa ý hîp t©m ®Çu.

[2] T« giíi Ph¸p ë Qu¶ng Ch©u, Trung Quèc.

[3] Trong nguyªn b¶n viÕt: "An Nam c¸ch m¹ng thanh niªn ®oµn".

huấn luyện, cử người về nước tìm thanh niên đưa sang học. Học xong, đưa về nước công tác. Lúc này, cả ông Tư[4], ông [5], ông Bạ[6] cũng có sự giúp đỡ. Những học viên không về nước được, thì đưa vào học ở Trường quân sự Hoàng Phố. Từ đó, toàn Đông Dương, nhất là ở ba kỳ Nam, Trung, Bắc đều có tổ chức và hoạt động của "Hội Thanh niên".

Năm 1927, Quảng Châu có chính biến, Lý Tế Thâm muốn tìm tôi, nhưng tôi đã đi rồi. Số học sinh Việt Nam ở Trường quân sự Hoàng Phố bị bắt giam một năm, sau khi được tha họ đều chạy sang phía Hồng quân. ở Việt Nam, "Hội Thanh niên" vẫn tiếp tục phát triển.

Năm 1929, tại Hương Cảng, họ họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Trong Đại hội, các đại biểu Bắc Kỳ đề nghị thành lập Đảng Cộng sản, nhưng không được thông qua. Họ bèn rút khỏi hội nghị, về nước tổ chức "Đông Dương Cộng sản đảng".

Mấy tháng sau, "Hội Thanh niên" Nam Kỳ cũng tổ chức ra "An Nam Cộng sản đảng".

Đứng giữa hai "đảng", "Hội Thanh niên" Trung Kỳ và cánh tả của Tân Việt không biết đi đâu, theo đâu, bèn tổ chức ra "Cộng sản liên đoàn". Do đó, cùng một lúc trong một nước có ba "Đảng Cộng sản" không thống nhất được với nhau.

Cuối năm 1929, tôi đến Hương Cảng, triệu tập một hội nghị. Kết quả đã thống nhất được ba "đảng" thành Việt Nam Cộng sản đảng, sau đổi tên thành "Đông Dương" Cộng sản đảng. Vì lúc này người Pháp ráo riết thi hành chính sách vơ vét thuộc địa để phục hưng nước Pháp nên nhân dân Việt Nam bị bóc lột rất nặng nề, lại vì các đồng chí chúng ta rất hăng hái và cố gắng, nên đã tổ chức được rất nhanh, rất tốt công nhân, nông dân và học sinh. ở Việt Nam, sau cuộc bạo động của Quốc dân đảng, Chính phủ Pháp đã thi hành triệt để chính sách khủng bố trắng, nhưng càng khủng bố thì quần chúng đấu tranh

[4] T-ëng Giíi Th¹ch.
[5] Tèng Tö V¨n.
[6] B¹ch Sïng Hy.

càng dũng cảm. Từ 1-5-1930, phong trào bãi công, bãi khoá, bãi thị, chống thuế lan rộng khắp cả nước; đến tháng 9, nông dân Trung Kỳ đã thành lập Xôviết trong một số huyện, nhất là ở 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Họ thực hiện các chế độ như chia ruộng đất, nam nữ bình quyền, phổ thông đầu phiếu, v.v.. Chính quyền của người Pháp lúc này không còn tồn tại ở nhiều thôn xã nữa. Chính phủ Pháp buộc phải dùng tàu bay, súng máy, "lính lê dương" giết sạch, đốt sạch khu Xôviết. Cả nước chìm ngập trong khủng bố trắng. Đảng viên và những phần tử tích cực trong quần chúng, gái trai già trẻ bị tàn sát kể tới hàng ngàn người, mười sáu ngàn người bị lưu đày sang Guyan (châu Mỹ) và các hoang đảo khác.

Sau tháng 5-1931, phong trào cách mạng tiếp tục bị đàn áp.

Sau năm 1933, Đảng dần dần khôi phục lại được tổ chức.

Năm 1936, sau khi Mặt trận nhân dân Pháp giành được thắng lợi, một số cải cách tiến bộ đã được thực hiện ở Đông Dương. Chẳng hạn, chấm dứt khủng bố trắng, nhiều tù chính trị được tha. Mặc dầu vẫn trong tình trạng bí mật hoàn toàn, nhưng công tác của Đảng có phần dễ dàng hơn.

Sau Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, Đảng thi hành chính sách Mặt trận thống nhất, bắt đầu tổ chức "Mặt trận dân chủ Đông Dương". Tất cả những người Đông Dương có khuynh hướng dân chủ, chi bộ Bắc Kỳ của Đảng Xã hội Pháp, v.v. đều tham gia. Công nhân, nông dân tuy chưa được tự do tổ chức công hội, nông hội, song các tổ chức quần chúng như Hợp tác xã, Hội ái hữu, Hội tương tế, v.v. cũng nhanh chóng lần lượt thành lập ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ.

Đảng tuy bí mật, song báo chí của Đảng lợi dụng những danh nghĩa khác nhau đã công khai xuất bản. Sau năm 1938, ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ, báo Đảng hoàn toàn công khai và nhanh chóng trở thành những tờ báo có ảnh hưởng rộng lớn.

ở đây, chúng tôi cần nêu ra một đặc điểm rất lý thú của Đảng Cộng sản Việt Nam mà e rằng nhiều đảng anh em trên thế giới không có: Đảng có hai loại đảng viên, đảng viên bí mật và đảng viên công khai. Những đồng chí trước đây bị bắt, bị tù đầy, được tha sau năm 1936, là những đảng viên công khai. Các đồng chí này công khai hoạt động, như phụ trách báo chí của Đảng, tham gia các phong trào quần chúng với danh nghĩa

Đảng, lấy danh nghĩa cộng sản ứng cử vào các hội đồng dân biểu kỳ, tỉnh. Có người nhân danh chi bộ Đông Dương của Đảng Xã hội Pháp để thực hiện các chính sách của chúng tôi. Do đó, không chỉ trong quần chúng công nông, mà trong nhân dân nói chung, ảnh hưởng của Đảng tương đối lớn. Ví dụ, các vị dân biểu trong "Viện dân biểu" Trung Kỳ vốn là nơi thế lực phong kiến mạnh nhất, cũng đều có sự gần gũi với chúng tôi.

Từ năm 1937 đến tháng 9-1939, những cuộc thị uy của nông dân, bãi công của công nhân do Đảng lãnh đạo hầu như diễn ra liên tục.

E. *Đảng bảo hoàng:* ở Bắc Kỳ có một đảng tên là Đảng bảo hoàng. Họ có một tờ báo riêng. Một số quan lại dựa vào thế lực của nhà vua để hoạt động. Họ không có ảnh hưởng gì. Trái lại, dân chúng nói chung rất coi thường họ.

G. *Phái tờrốtxkít:* Vì quan hệ cá nhân: người lãnh đạo của phái này tên là Tạ Thu Thâu là một trí thức lưu học tại Pháp, văn chương rất bóng bẩy, có tài ăn nói, lại là một kẻ đạo đức giả, nguỵ quân tử, cho nên thanh niên và công nhân ở Sài Gòn chịu ảnh hưởng của phái này rất nặng. Song, trong nông thôn Nam Kỳ và ở các địa phương khác, họ không có thế lực.

Tóm lại, chúng tôi có thể nói rằng, ở Đông Dương chỉ có Đảng Cộng sản là một chính đảng chân chính, có tính chất toàn quốc và có quần chúng.

Muốn biết tình hình Việt Nam như thế nào từ sau khi bùng nổ cuộc Chiến tranh đế quốc lần thứ hai, xin xem phần phân giải dưới đây:

TìNH HìNH VIệT NAM SAU KHI CHIếN TRANH CHÂU ÂU BùNG Nổ

1. *Về chính trị.* Chính phủ Pháp giải tán tất cả các đoàn thể quần chúng ở Việt Nam như Hợp tác xã, Hội ái hữu, Hội tương tế, v.v.; đóng cửa các báo chí tương đối tiến bộ; bắt bớ giam cầm nhiều phần tử tiên tiến, nhất là thanh niên; tiếp tục tiến hành khủng bố trắng.

2. *Về kinh tế.* Gia tăng mức thuế cũ, đặt ra nhiều loại thuế mới, giá cả sinh hoạt tăng vọt. Ngoài thuế má nặng nề, tăng cường vơ vét tài nguyên và các hình thức cướp đoạt khác, khiến dân chúng hết đường sống, lòng dân sôi sục căm hờn.

3. *Về quân sự.* Phần lớn trai tráng, từ mười sáu đến năm mươi lăm tuổi đều bị lôi vào lính, đưa sang Cận Đông và Pháp. Có địa phương, bốn phần mười bị bắt đi. Đã phải xuất tiền, lại phải xuất người, cho nên dân chúng ngày càng bất bình.

4. *Về xã hội.* ở Việt Nam vốn chẳng có cái gì gọi là bảo hiểm xã hội. Từ khi bùng nổ chiến tranh châu Âu, thời gian làm việc bị kéo dài, lương bị giảm, sức mua giảm sút. Lại thêm tình trạng bất kể là công nhân hay viên chức, động chạm đến Chính phủ Pháp là bị xét xử theo quân luật. Sống dưới sự áp bức bóc lột tàn khốc như vậy, dù là sĩ nông công thương, ai cũng căm thù ách thống trị của người Pháp, ai cũng có tâm lý "tao với mày cùng chết".

Thêm nữa, người Pháp nào mở miệng cũng nói nước Pháp hùng mạnh thế này thế nọ, quân Pháp anh dũng thế này thế nọ, Pháp sẽ thắng lợi thế này thế nọ, nên từ ngày nước Pháp buộc phải đầu hàng Đức thì uy tín của người Pháp đã bay lên quá chín tầng mây, còn người Việt Nam trong lòng không ai là không mừng rỡ. Không hiếm người muốn lợi dụng cơ hội này đánh đổ ách thống trị của người Pháp. Chỉ vì không có người tổ chức và lãnh đạo họ. Vì sao Đảng Cộng sản không tổ chức và lãnh đạo họ? Vì tám chín phần mười số cán bộ cũ đã bị bắt. Cán bộ mới thì còn thiếu kinh nghiệm và chưa đủ lực lượng. Ngoài ra, còn một vấn đề nữa muốn kêu gọi toàn dân đứng lên phải có người đủ uy tín danh vọng, nói được làm được đi tiên phong thì mới có kết quả.

TìNH HìNH SAU KHI PHáP ĐầU HàNG ĐứC

Tình hình hiện nay phức tạp hơn nhiều! Việt Nam là Việt Nam của ai đây?

Đức - với tư cách là nước chiến thắng, đương nhiên sẽ coi Việt Nam là Việt Nam của nước Đức.

Anh - vì nó thu nhận "Uỷ hội quốc gia Pháp"[1)], nên cũng cho rằng Việt Nam có khả năng trở thành Việt Nam của nước Anh. Trung tuần tháng 6, hải quân Anh đã dự định làm một cuộc "diễu hành thị uy vui vẻ" với Pháp ở Sài Gòn. Nghe nói sau này không diễu hành nữa.
Mỹ - vì vấn đề Philíppin, Mỹ tỏ ra ghen ăn trước việc Nhật chiếm Việt Nam. Gần đây, họ thường nói đến "chủ nghĩa Mônrô", việc nhòm ngó Thái Bình Dương là bước mở đầu của Mỹ.
Trung Quốc - có người chủ trương: phía Pháp không thể bảo vệ được Việt Nam, Trung Quốc nên xuất binh thay Pháp bảo vệ Việt Nam để chống Nhật.
Nhật Bản - hiện đang mưu toan nhanh chóng chiếm Việt Nam. Nó đã hoàn thành bước thứ nhất: một mặt chiếm Trấn Nam Quan, từ cứ điểm này, nội trong ba tiếng đồng hồ, quân Nhật đã có thể tới được Hà Nội. Một mặt, phái hạm đội tuần phòng vịnh Đông Điều, sẵn sàng đổ bộ lên Hải Phòng dễ như trở bàn tay. Mặt khác, dùng hải lục không quân uy hiếp các thành phố, các ga xe lửa quan trọng ở Bắc Kỳ, thực hiện việc phong toả Trung Quốc, đồng thời giám sát hành động của Chính phủ Pháp và người Việt Nam. Nghe nói, Bộ lục quân Nhật Bản đề nghị dùng vũ lực để nhanh chóng chiếm lấy Việt Nam.
Chính phủ Pháp ở Đông Dương tuy tuyên bố không thừa nhận Chính phủ Pêtanh, phục tùng "Uỷ hội quốc gia Pháp" ở Luân Đôn và kháng chiến đến cùng. Nhưng đối với Nhật Bản thì răm rắp nghe theo. Ví dụ: Họ ngoan ngoãn chấp hành việc phong toả Trung Quốc. (Có một người từ Hà Khẩu sang Lào Cai, mua một cân bột mỳ. Lúc trở về, lính Pháp nói với anh ta: "Mày phải ăn hết bột mỳ rồi hãy đi. Nếu mày mang bột mỳ sang qua cầu, tao sẽ bắn chết mày!". Họ gửi quà uý lạo quân Nhật đóng ở Trấn Nam Quan. Không những cho phép máy bay Nhật được quyền lên xuống sân bay Hà Nội mà còn đồng ý cho Nhật được sử dụng máy bay của Pháp,

[1)] Sau nµy ®æi thµnh "Uû héi gi¶i phãng quèc gia Ph¸p", rải "ChÝnh phñ l©m thêi Céng hoµ Ph¸p".

v.v.. Còn đối với người Việt Nam, Chính phủ Pháp tiếp tục thi hành chính sách khủng bố trắng.
ý định của Chính phủ Pháp là: Nếu phải giao Việt Nam cho Đức hoặc phải trả lại cho người Việt Nam thì chi bằng dâng Việt Nam cho Nhật Bản tốt hơn.
Còn người Việt Nam đối với Nhật thì thế nào? Vì họ đã quá căm ghét người Pháp, lại vì không được nghe, được biết những tội ác hãm hiếp, tàn sát của người Nhật ở Trung Quốc, nên họ nghĩ rằng nếu không được tự do độc lập, bọn quỷ vàng có đến cũng còn hơn quỷ Pháp. Cũng có người nghĩ rằng: Chúng ta nên lợi dụng cơ hội rối ren này mà dấn lên, thành bại ra sao, chưa cần tính tới.

ĐộNG CƠ HàNH ĐộNG CủA CHúNG TÔI

1. Cơ sở của chủ nghĩa đế quốc Pháp đã tan rã. Chúng không còn lực lượng giải quyết công việc của Việt Nam. Đức, ý tuy cho phép Pháp giữ lại lực lượng hải quân để bảo vệ thuộc địa của nó, nhưng xung đột của hải quân Anh, Pháp khiến hải quân Pháp không thể hoạt động tại Viễn Đông. Huống hồ, tàn quân sau đại bại, về tinh thần cũng như về vật chất, đều không đáng kể.
2. Đức hiện nay đang dốc toàn lực ra để đối phó với Anh - Mỹ và giải quyết vấn đề Pháp, Hà Lan, v.v. chưa thể quan tâm nhiều tới các thuộc địa tương lai.
3. Nhật tuy hung hăng, nhưng đại bộ phận thực lực của nó đã bị kiềm chế do cuộc kháng chiến của Trung Quốc, cũng không thể dốc toàn lực ra để chinh phục Việt Nam.
4. Lực lượng vũ trang của Pháp ở Việt Nam, phần lớn là binh lính người Việt. Binh lính người Việt vốn có truyền thống cách mạng. Vụ bạo động ở Hà Nội, cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái là những ví dụ. Nếu chúng ta biết khéo léo kêu gọi, thì họ - ít nhất là một bộ phận- có khả năng quay súng chống lại Pháp (hoặc chống lại Nhật).
5. Lực lượng của chúng tôi hiện nay tuy chưa thể tính toán được, nhưng quân đồng minh hiện có của chúng tôi rất

mạnh. Ngoài Liên Xô, phía tây có ấn Độ, phía đông có khu giải phóng rộng lớn của Trung Hoa.
6. Nhân dân Việt Nam tuy hiện nay chưa được tổ chức, nhưng ai cũng chán ghét cuộc đời nô lệ, ai cũng mong muốn độc lập, tự do, và đang trong tư thế một người lên tiếng vạn người ủng hộ.
Tóm lại, những điều kiện khách quan cho phép chúng tôi có hy vọng thành công. Song, lực lượng chủ quan - lực lượng của Đảng còn quá yếu. Như trên đã nói, một đảng mới mười tuổi lại trải qua hai lần khủng bố lớn, số cán bộ có kinh nghiệm đấu tranh hiện còn đang rên xiết trong tù ngục, khiến đảng viên và quần chúng như "rắn không đầu", không thể tận dụng cơ hội tốt "nghìn năm có một".
Chúng tôi liệu có khả năng làm thay đổi hoàn cảnh đó, khắc phục khó khăn đó, giúp Đảng hoàn thành sứ mạng lịch sử của nó hay không? Có. Chúng tôi nhất định không thể từ trong đánh ra, chúng tôi chỉ có cách từ ngoài đánh vào. Nếu chúng tôi có được:
(1) Tự do hành động ở biên giới.
(2) Một ít súng đạn.
(3) Một chút kinh phí.
(4) Vài vị cố vấn,
thì chúng tôi nhất định có thể lập ra và phát triển một căn cứ địa chống Pháp, chống Nhật - đó là hy vọng thấp nhất. Nếu chúng tôi có thể mở rộng Mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức, có thể lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước đế quốc thì tiền đồ tươi sáng là có thể nhìn thấy được. Tôi rất hy vọng các đồng chí giúp tôi nhanh chóng giải quyết vấn đề này.

12-7-40

Bút tích chữ Hán,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

"ÔÔNG-TRÔI-CO-MAT"

Đó là một câu nói của Việt Nam, nghĩa của nó là "ông trời có mắt". Từ khi nước Pháp thất bại thảm hại và phải đầu hàng, câu nói đó rất thịnh hành ở Việt Nam. Ký giả lúc đầu không rõ lý do tại sao, sau được một người bạn Việt Nam giải thích rằng: Hồi thế kỷ XIX, người Pháp phải mất 20 nă[1] - từ 1862 đến 1883 - mới chinh phục nổi Việt Nam, vậy mà nay, chưa được vài tháng, nước Pháp hoàn toàn đã bị nước Đức chinh phục! Trước kia, đế quốc Pháp chiếm cả một khu vực rộng 12 triệu cây số vuông, cai trị 60 triệu dân thuộc địa, vậy mà nay, ba phần năm nước Pháp bị người ta chiếm đóng, 28 triệu người Pháp hoá thành dân mất nước, 14 vạn người chết trận, hơn 20 vạn người bị thương, 25 vạn người chạy ra nước ngoài, 2 triệu người bị bắt làm tù binh trở thành nô lệ cho quân Đức! Trước kia, đế quốc Pháp bóc lột vơ vét tận xương tuỷ dân Việt Nam và dân các xứ thuộc địa, vậy mà nay, nước Pháp mỗi ngày phải cung phụng cho quân Đức 400 triệu phrăng, phải nộp 58% bột mỳ, các nguyên liệu khác cũng bị vơ vét mang đi sạch, đến nỗi chín phần mười dân vùng Pari thất nghiệp, dân chúng cả nước phải chịu đói rét. Tất cả, tất cả những chuyện ấy chẳng phải là "ông trời có mắt", đang trả thù cho các dân tộc nhỏ yếu chúng ta đó sao? Lại nữa, người Pháp đều gọi tất cả những cái gì là không hợp lý, là kệch cỡm bằng từ Chinoiserie, tức là "kiểu Tàu", nay Pháp chịu quỳ gối đầu hàng, còn Trung Quốc thì anh dũng kháng chiến đã hơn ba năm và càng đánh càng mạnh, vậy từ nay, phàm tất cả những gì là nhu nhược, là đớn hèn, chúng ta cũng có thể gọi

[1] Đúng ra là 21 năm (B.T).

đó là "kiểu Pháp" được rồi! Âu đó cũng là "ông trời có mắt"... Ông bạn tôi vui vẻ kết luận: "Nếu hai dân tộc Trung Quốc và Việt Nam có thể sát cánh chặt chẽ với nhau, đá cho đế quốc đang áp bức chúng ta cút đi, thế thì ông trời chẳng những có mắt mà còn có cả chân nữa!".

BÌNH SƠN

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 15-11-1940.

CHÚ ẾCH VÀ CON BÒ

Một chú ếch nhìn thấy một con bò, trong bụng rất thèm được to như bò, bèn cố đem hết sức bình sinh ra phình người rõ to để mong được như bò. Vì cố sức quá, cái thân bé tí của ếch ta đã bị nổ tung và chàng ếch không biết lượng sức mình cũng ô hô toi mạng. Đó là câu chuyện ngụ ngôn của Pháp.

Những người như kiểu chú ếch kia trên thế giới này quả không ít. Mútxôlini đánh Hy Lạp, dẫm phải đinh, là một ví dụ. Thấy quân [1] một ngày nuốt trôi được cả Đan Mạch và Lục Xâm Bả[2], hai tuần lấy được Hà Lan và Bỉ, 18 ngày chiếm được Ba Lan, một tháng chinh phục được nước Pháp, "Hắc y" tể tướng không cầm nổi sự thèm thuồng những "cao công vĩ tích" của Hítle. Thế là y cũng đem hết sức bình sinh ra làm "chiến tranh chớp nhoáng, hòng nuốt chửng nước Hy Lạp, đặng ra oai với họ Hít. Không ngờ quân ý xúi quẩy to, kể từ khi khai chiến, nhiều phen bị thất bại, thậm chí có nơi thua "mảnh giáp không còn". ảo tưởng thắng lợi của họ Mút cũng vỡ toang như chú ếch kia. Ông anh Hítle của y chắc hẳn cũng chửi thầm: "Cái thằng vô tích sự! Mày chỉ làm tăng nhuệ khí của kẻ thù, mất cả oai phong phe trục! Poucos Madona!"[3].

BÌNH SƠN

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 24-11-1940, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

---

[1] Chỉ quân phát xít Đức.
[2] Lucxembua.
[3] "Lạy Đức Thánh Mẫu".

TRÒ ĐÙA DAI CỦA RUDƠVEN TIÊN SINH

Năm 1760 (?), nước Mỹ một mình đơn độc chống lại người Anh. Để kéo cái đuôi con sư tử Grăng Brơtanhơ[1)], hoàng đế Pháp phái tướng La [2)] thống lĩnh lính "tình nguyện", đạp sóng cưỡi gió, vượt trùng dương, đến Tân Thế giới để giúp người Mỹ đánh người Anh.

Trong Chiến tranh đế quốc lần thứ nhất, các nhà tư bổn Mỹ cho Anh, Pháp và các nước đồng minh khác vay khá nhiều tiền. Đánh nhau đã hơn hai năm, liên quân vẫn chưa nắm chắc phần thắng. Nếu quân Đức thắng, các nhà tư bổn Mỹ ắt lỗ vốn to. Cho nên, Chính phủ Mỹ bèn cử tướng Pơsinh (Pershing)[3)], chỉ huy đại đội binh mã, đạp sóng cưỡi gió, vượt trùng dương, sang Cựu Thế giới để giúp Anh, Pháp đánh Đức.

Ngày đầu tiên đặt chân lên nước Pháp, việc đầu tiên tướng Pơsinh làm là dẫn tất cả nhân viên trong ban tham mưu và cử quân đội đến đặt vòng hoa trước mộ La Phayét. Vị nguyên soái Mỹ đã đọc trước mồ vị tướng Pháp một bài diễn từ có thể nói là tráng liệt nhất, hùng hồn nhất và cũng ngắn gọn nhất thế giới. Ông ta nói: "La Fayette - we are here!"[4)]. Chỉ có bốn chữ, không nhiều hơn cũng không ít hơn. Vẻn vẹn có mấy chữ

[1)] Tên nước Anh, đọc theo tiếng Pháp (N.D).

[2)] La Fayette, quận công nước Pháp, từ 1777 chỉ huy quân đội Pháp tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của Mỹ.

[3)] John Joshep Pershing, tướng Mỹ, chỉ huy quân đội Mỹ tham gia trên mặt trận Pháp năm 1918.

[4)] "La Phayét - Chúng tôi đang ở đây!".

mà ý nghĩa thật sâu xa. Có thể hiểu: "Chúng tôi đến để lấy đức trả đức" - thực ra là lấy oán trả "đức" -, cũng có thể hiểu: "Thế kỷ trước, các anh giúp chúng tôi đánh người Anh, đâu phải vì "nhân đạo công lý" quái gì, chẳng qua các anh muốn làm suy yếu thế lực của Anh. Nay chúng tôi giúp các anh đánh người Đức, cũng đâu phải vì "tự do dân chủ", chẳng qua chúng tôi muốn thu hồi những món nợ của nước Mỹ. Dù sao, ơn huệ trước kia của các anh, chúng tôi giờ đã trả đủ, không bớt một chút xíu. Những món nợ hiện nay của phố Uôn, sau chiến tranh, các anh cũng phải hoàn trả đủ số".

Hai mươi lăm năm trước, tướng Pơsinh là tử thù của người Đức, là đồng sự trong thắng lợi của tướng Pêtanh. Nhân tài ngoại giao của nước Mỹ đâu phải ít, vậy mà Tổng thống Rudơven cứ khăng khăng cử một ông già đã ngoại tám mươi sang làm đại sứ ở Pháp, chắc không ngoài dụng ý chọc tức người Đức và làm bẽ mặt Pêtanh.

Ru tiên sinh thật đúng là chơi trò đùa dai.

BÌNH SƠN

(Lời người biên tập: Tướng Pơsinh cuối cùng lấy lý do sức khoẻ đã từ chối việc bổ nhiệm của Tổng thống Ru).

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 27-11-1940, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

HAI CHÍNH PHỦ VÉCXÂY

Ngày 23-11, các báo đều đưa tin điện của Mỹ: Chính phủ Visi sắp rời về Vécxây. Tin này làm người ta nghĩ ngay đến lịch sử ô nhục của Vécxây. Hồi thế kỷ XVIII, Lui 14 tự xưng là "Vua mặt trời" bóp nặn xương máu của bao nhiêu dân chúng Pháp, xây lên ở nơi cách Pari chừng hai mươi dặm một cung điện to tát lộng lẫy nhất thế giới. Bọn vương công quý tộc Pháp, "cha truyền con nối" sống ở đó những ngày cực kỳ xa hoa dâm dật. Một hôm, bà hoàng Lui 16 nghe tả hữu than rằng dân Pháp đang đói to. Bà ta ngạc nhiên hỏi lại: "Sao họ không ăn thịt?!". Chuyện vớ vẩn tạm bớt nói, xin vào câu chuyện chính.

Năm 1870, Pháp - Đức chiến tranh, Napôlêông 3 đại bại ở Xơđăng. Quân Đức liên tiếp tấn công, vua Phổ một mặt lên ngôi hoàng đế ở Vécxây, một mặt đốc quân bao vây Pari. Dân chúng Pari chủ trương kháng chiến đến cùng, còn Tổng thống Pháp - nguyên soái Mác Mahông và Thủ tướng của ông ta là Chie lại chủ trương đầu hàng. Bởi vậy, họ đã phái quân đội đi bắt dân chúng phải giao nộp vũ khí. Quân đội được cử đi làm nhiệm vụ lại liên hiệp với nhân dân. Tổng thống và Thủ tướng bèn đang đêm trốn khỏi Pari, thành lập chính phủ mới, rồi van xin quân Đức giúp chúng tàn sát nhân dân Pari. Đó là chính phủ Vécxây thứ nhất.

Trong cuộc chiến tranh năm 1940, nước Pháp cũng thất bại tơi bời. Quân Đức liên tiếp tấn công, chính phủ chuyển đi chuyển lại, cuối cùng chuyển đến Visi, nơi chuyên chữa trị bệnh ngoài da. Phải sau mấy lần [1] khóc lóc xin xỏ, Hítle mới cho phép họ dời về Vécxây, nhưng chỉ được làm việc ở khách sạn Trênăng chứ không được dọn vào cung điện Vécxây. Cái nhục vong quốc có thể nói đến thế là cùng!

Con cháu đời sau có thể nghĩ rằng, cách nhau 70 năm, lịch sử nước Pháp đã in lầm mất một trang. Vì lẽ hai chính phủ Vécxây giống nhau như đúc, cùng đẻ ra trong thất bại của chiến tranh, đều do nguyên soái làm Tổng thống, đều do luật sư làm Thủ tướng, đều là những anh hùng bán nước! Người Pháp giỏi hài hước, gần đây truyền nhau một câu đối rằng:

"Tổng thống, hai tên nguyên soái, đều phường ăn hại.
Thủ tướng, một cặp luật sư, rặt lũ bỏ đi".

BÌNH SƠN

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 29-11-1940, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

[1] Pierre Laval, luËt s-, Thñ t-íng ChÝnh phñ Visi (N.D).

BỊA ĐẶT

Bịa đặt là một tội ác. Trung Quốc cũng như nhiều nước đều xử rất nặng đối với những tội phạm "phao tin đồn nhảm". ấy vậy mà, từ khi Chiến tranh đế quốc lần thứ hai bùng nổ đến nay, thói bịa đặt đã trở thành một bộ phận quan trọng trong chính sách ngoại giao của một số nước, không những các phóng viên thời sự, các chuyên gia tuyên truyền của họ bịa đặt, thậm chí cả nhà cầm quyền của đường đường một nước lớn cũng bịa đặt. Vài ví dụ:

Khi con đường Vân Nam - Miến Điện bị cấm vận, nhà cầm quyền của Đại đế quốc Anh tuyên bố ở nghị viện: "Biện pháp này đã được Liên Xô đồng ý!". Hôm sau, Thông tấn xã TASS kiên quyết phủ nhận. Nhân sĩ thế giới mới biết là chuyện bịa đặt.

Quân Đức tiến vào Rumani, Chính phủ Đức tuyên bố: "Biện pháp này đã được Liên Xô đồng ý!". Hôm sau, Thông tấn xã TASS kiên quyết phủ nhận. Nhân sĩ thế giới mới biết nhà cầm quyền Đức bịa đặt.

Chính phủ Hunggari gia nhập "Liên minh ba nước". Thông tấn xã Mỹ tuyên bố: "Việc đó được Liên Xô đồng ý và cho phép". Hôm sau, Thông tấn xã TASS được phép tuyên bố: "Tin tức đó hoàn toàn sai sự thật". Nhân sĩ thế giới mới biết Thông tấn xã Mỹ bịa đặt.

Đó đều là những chuyện đại bịa. Thế nhưng, giải quán quân thế giới về bịa đặt, rốt cuộc giặc lùn đã giành được. Chỉ trong hai tuần lễ vừa qua, giặc lùn đã bịa ra rất nhiều chuyện từ lớn đến nhỏ. Xin cử vài chuyện lớn nhất:

Ngày 15 tháng này - "Nhật Bản đã cùng với Liên Xô thoả thuận về việc hoạch định phạm vi thế lực ở Viễn Đông. Khoản đình chỉ viện trợ cho Trung Quốc cũng bao gồm trong đó".

Ngày 16 - "Đại sứ Nhật Bản tại Liên Xô đề nghị, nếu Liên Xô đồng ý gia nhập đồng minh ba nước Đức - ý - Nhật, sẽ được đổi lại bằng việc nhượng toàn bộ hoặc một phần lãnh thổ ấn Độ thuộc Anh...".

Ngày 19 - "Quân đội Trung Quốc trên biên giới Vân Nam - Việt Nam đã vượt biên giới".

Ngày 20 - "Ba nước Anh - Mỹ - Thái Lan đã ký kết hiệp định bí mật...".

Dù bịa đặt về phương diện nào thì cũng không ngoài mục đích gây chia rẽ. Kết luận của chúng ta là: Điều bịa đặt còn độc hại hơn cả hơi độc. Chúng ta phải đề cao cảnh giác, chỗ nào cũng phải đề phòng, đừng bị mê hoặc bởi những lời bịa đặt.

BÌNH SƠN

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 1-12-1940, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ BÁO CHÍ TRUNG QUỐC

Người Pháp chinh phục Việt Nam đã ngót 60 năm. Nhưng người Việt Nam trước sau vẫn không cam chịu làm dân mất nước. Nhiều phen họ đã dùng giáo mác gậy gộc chống lại tàu bay đại bác của người Pháp. Tuy lần nào cũng thất bại, họ vẫn người trước ngã xuống người sau tiến lên, phấn đấu không ngừng. Tinh thần dũng cảm đó thể hiện rất rõ trong biết bao nhiêu sự việc xúc động lòng người:

Năm 1880, tiến sĩ Phan Đình Phùng khởi nghĩa.

Năm 1890, Hoàng Hoa Thám khởi nghĩa, chiếm giữ vùng núi rừng Yên Thế (Bắc Kỳ), đánh du kích ròng rã 22 năm.

Năm 1905, trí thức Trung Kỳ lãnh đạo nông dân khởi nghĩa.

Năm 1910, binh lính người Việt ở Hà Nội khởi nghĩa.

Năm 1915, nhân cơ hội chiến tranh đế quốc, vua Việt Nam ở Trung Kỳ, chí sĩ Lương Ngọc Quyến ở Bắc Kỳ đồng thời khởi nghĩa.

Năm 1924, liệt sĩ Phạm Hồng Thái ném bom Toàn quyền Méclanh ở Sa Diện (Quảng Châu).

Sau năm 1924 nhân dân Việt Nam thường xuyên có phong trào chống Pháp can thiệp vào cách mạng Trung Quốc.

Năm 1927, "Việt Nam độc lập đồng minh hội"[1)] thành lập. Khẩu hiệu của Hội rất thiết thực, giản đơn: Tổ chức lực lượng toàn dân, đánh đổ đế quốc Pháp, giành độc lập hoàn toàn cho Việt Nam.

Từ năm 1930 - 1931, nhân dân Việt Nam tiến hành một

1) Tr³n thùc tÕ, ®Õn n¨m 1935 tæ chøc nµy míi thµnh lËp.

phong trào chống Pháp quy mô lớn.

Sau năm 1933, thế lực của "Độc lập đồng minh" phát triển khắp cả nước.

Năm 1937, Đồng minh này đưa ra hai khẩu hiệu mới: ủng hộ Trung Quốc kháng chiến, Phản đối Nhật Bản xâm lược.

Từ khi Pháp bị thất bại thảm hại, giặc Nhật xâm lược Việt Nam, người Việt Nam cho rằng ách thống trị của người Pháp sắp tan rã, guồng máy cai trị của người Nhật chưa thiết lập vững chắc, đó là cơ hội để Việt Nam giành độc lập. Muốn lợi dụng cơ hội này, phải liên kết với Trung Quốc trong cùng một mặt trận.

Gần đây, nhiều nơi ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ còn xảy ra những trận đánh giữa dân chúng với người Pháp. Những cuộc nổi dậy đó, theo quan điểm của người Pháp, đương nhiên nếu không phải là "phỉ" thì là "giặc". Đã là "giặc phỉ" thì đương nhiên được ghép thêm tội "cướp bóc" nữa. Cũng giống như giặc lùn vu cáo các đội du kích anh dũng của chúng ta, điều chẳng lạ gì.

Đáng tiếc là nhiều cơ quan ngôn luận, báo chí của Trung Quốc chúng ta, dường như đã không bày tỏ sự đồng tình đối với cuộc đấu tranh gian khổ của nhân dân Việt Nam, trái lại còn đăng tải không có sự phê phán những lời xằng bậy của người Pháp (hoặc kẻ thù), nào là "Bạo động của dân bản xứ", nào là "Dân bản xứ Việt Nam nghe giặc lùn xúi giục, gây phiến loạn".

Phong trào giải phóng của Việt Nam là đội quân đồng minh trong cuộc kháng chiến chống Nhật của Trung Quốc. Về tinh thần cũng như về vật chất, chúng ta đều cần phải cổ vũ và giúp đỡ. Quốc) từng dạy chúng ta: Giúp đỡ các dân tộc nhỏ yếu, cùng nhau phấn đấu giành lấy tự do độc lập. Cơ hội để thực hiện lời di huấn đó đã đến.

BÌNH SƠN.

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 2-12-1940, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Cách gọi suy tôn đối với Tôn Trung Sơn của nhân dân Trung Quốc.

CA DAO VIỆT NAM VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA TRUNG QUỐC

Ký giả khi qua Việt Nam, ở thành phố cũng như làng quê, đều được nghe thấy một bài hát. Tuy không biết tiếng Việt, nhưng khi nghe câu "Cứu Trung Quốc là tự cứu mình", tôi cũng có thể hiểu đó là một bài hát ủng hộ Trung Quốc. Sau đó, ở Hà Nội, tôi đem chuyện này ra hỏi một vị Hoa kiều "chính cống Việt Nam". Ông ta bảo, đại đa số nhân dân Việt Nam đều hết sức đồng tình với cuộc kháng chiến của Trung Quốc. Họ cầu chúc chúng ta đánh thắng. Giả dụ, anh có nhắc đến Tưởng uỷ viên trưởng, cụ Triệu hay tên một ông tướng nào đó, người Việt Nam sẽ giơ ngón tay cái ra, vui vẻ nói: "Tốt lắm - tốt lắm!". Có khi họ bí mật quyên góp, giấu giếm gửi cho các đoàn thể cứu quốc của kiều bào, vì vậy đã bị Chính phủ Pháp bắt giam hàng mấy chục vạn người. Để đẩy mạnh tuyên truyền giúp Trung Quốc chống Nhật, đồng thời tránh sự can thiệp rắc rối của người Pháp, "Việt Nam độc lập đồng minh hội"[21] - một đoàn thể hoạt động rất hăng nhưng cũng rất bí mật - đã nghĩ ra được một cách rất tài tình: Họ đặt ra những bài hát theo những làn điệu quen thuộc và dạy cho trẻ con hát. Thế là tự nhiên các em bé Việt Nam trở thành những tuyên truyền viên rất đắc lực. Những bài hát đó chẳng mấy chốc đã truyền khắp cả nước. Bài mà ký giả được nghe là một bài hát mới làm. Lời ca như sau:

Nhật Bản, phát xít ở phương Đông,
Dã man, cuồng bạo lại tàn hung.
Vào Trung Hoa, gây chiến xâm lược,

Nhân dân Trung Quốc khổ vô cùng.
Người thì bị giết, nhà bị đốt
Núi đầy xương, đất đầy máu đỏ.
Tàu bay, bom đạn tránh làm sao?
Đói rét, ốm đau sống thật khó.
Họ đang đấu tranh rất gian khổ,
Giữ gìn dân chủ và hoà bình.
Họ đang cần có người viện trợ,
Họ đang cần được sự đồng tình.
Giặc Nhật tấn công cả thế giới,
Là kẻ thù chung toàn nhân loại.
Mau đứng lên giúp đỡ Trung Hoa.
Anh chị em Việt Nam ta hỡi!
Ra sức giúp cho người Trung Quốc,
Trung - Việt, khác nào môi với răng.
Nhớ rằng môi hở thì răng buốt,
Cứu Trung Quốc là tự cứu mình.

BÌNH SƠN

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 4-12-1940, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

MẮT CÁ GIẢ NGỌC TRAI

ở vùng địch chiếm đóng, đa số dân lành không muốn sống dưới gót sắt của giặc lùn. Họ chẳng quản ngần ngại hy sinh tất cả để được trở về trong lòng Tổ quốc. Lợi dụng cơ hội này, địch cho tay chân của chúng đóng giả dân lành, chui vào hậu phương, vừa để tung tin đồn nhảm, vừa để dò la tình hình quân ta. Cái trò mắt cá giả ngọc trai này đã bị chúng ta lật tẩy. Có một trò mắt cá giả ngọc trai khác, chúng ta cũng phải hết sức chú ý.

Phong trào dân tộc Việt Nam hiện nay đang lên mạnh, ai cũng biết cả. Công cuộc giải phóng của Việt Nam không thể tách rời ba điều quan trọng: 1- Liên Hoa; 2- Kháng Nhật; 3- Bài Pháp. Ba điều đó thiếu một không được. Giặc lùn căm nhất là hai điều đầu tiên. Cho nên chúng tìm đủ mọi cách, hòng chia rẽ lực lượng nhân dân Việt Nam và làm mê hoặc hướng đi của họ. Thậm chí người Nhật còn lập ra "đảng cách mệnh" Việt Nam giả, giống như chúng đã tổ chức "Quốc dân đảng" giả và "Hội cứu quốc" giả trong vùng chúng chiếm đóng.

Hôm qua, sau khi đọc Tuyên ngôn của "Đảng thống nhất cách mạng Việt Nam", ký giả thấy có điều kỳ lạ:

Thứ nhất - Bản Tuyên ngôn này công bố ngày 12-10, đúng vào dịp Nhật đánh chiếm Bắc Kỳ, uy hiếp Sài Gòn, vậy mà trong Tuyên ngôn không có một chữ nhắc đến việc chống Nhật.

Thứ hai - Phong trào giải phóng của Việt Nam là một mắt xích của mặt trận giải phóng các dân tộc bị áp bức trên thế giới, đặc biệt nó là một cánh quân của cuộc kháng chiến cách mạng Trung Quốc. Liên hệ mật thiết với Trung Quốc là một trong những điều kiện tối quan trọng của phong trào giải phóng của Việt Nam. Vậy mà trong Tuyên ngôn không có một chữ nhắc đến Trung Quốc.

Thứ ba - Cường Để (xuất thân hoàng tộc Việt Nam) được giặc Nhật nuôi nấng 35 năm nay, chuẩn bị để về làm bù nhìn. Mấy tháng trước, ông ta cùng với lũ lâu la họp ở Quảng Châu (xem các báo). ở Việt Nam, họ cho xuất bản ba tờ báo thân Nhật, tài liệu và kinh phí do giặc Nhật cung cấp, vậy mà "Tuyên ngôn" lại công nhận lũ Việt gian ấy là "đảng cách mạng".

Cứ thế mà suy đủ thấy dụng ý của bản Tuyên ngôn này, một là mưu toan ly gián tình cảm giữa hai nước Trung - Việt, hai là mưu toan đánh lừa tai mắt người Việt. Trong các đảng phái yêu nước của Việt Nam, rất nhiều người sáng suốt, họ nhất định không bao giờ phát biểu những bài vô lý kiểu đó.

Đối với nhân dân Việt Nam, đối với phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam, chúng ta phải giúp đỡ bằng mọi khả năng có thể. Nhưng đồng thời chúng ta cũng phải cẩn thận, phải vạch trần cái trò mắt cá giả ngọc trai đó.

BÌNH SƠN

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 5-12-1940, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Ý ĐẠI [1] THỰC BẤT ĐẠI LỢI

Đánh bạc với chiến tranh là thủ đoạn quen dùng của giai cấp thống trị ý. Trước năm 1914, ý là đồng minh của Đức. Sau khi cuộc Chiến tranh đế quốc lần thứ nhất nổ ra, thấy trong túi của Anh, Pháp, Mỹ đầy ắp những tiền, máu tham nổi lên, bất chấp tín nghĩa, ý đã bán đứng bạn đồng minh của mình, gia nhập liên minh, tuyên chiến với Đức. ý chắc mẩm lúc đó Đức đã bị Anh - Pháp - Nga bao vây chặt, chỉ cần ý tham gia là chiến tranh sẽ dễ dàng thu được thắng lợi. Khi đại bộ phận quân Đức bị giam chân ở Vécxây, quân ý bèn ào ào tiến quân vào bắc Biacôvi với khí thế như dời non lấp biển. Dè đâu chưa kịp vượt sông thì quân ý đã bị quân Đức đánh cho tan tác tơi bời, không còn một mảnh giáp. Ngày chiến tranh châu Âu kết thúc, ở hội nghị Vécxây, ý được hưởng phần ăn chia chẳng bõ bèn so với cái đã mất.

Trong cuộc chiến tranh đế quốc lần này, nhà cầm quyền ý thấy lão Hít phẩy tay một cái đã nuốt chửng bảy nước, máu tham lại không kìm được. Thế là nó liều mạng, một mặt tấn công Ai Cập, một mặt xâm lược Hy Lạp. Ngờ đâu đại quân vừa xuất trận thì tin thất bại đã bay về như tuyết rơi. Trong cùng tháng (ngày mồng 9 tháng này), trên đất Ai Cập, quân Anh đột nhiên mở cuộc tấn công toàn diện, mấy nghìn quân ý bị bắt làm tù binh... Dinh luỹ cuối cùng quân ý chiếm được ở Anbani - Agilô Caxtơrô - bị quân Hy Lạp đột phá, đó là thất

[1] Tên nước Italia, đọc theo âm Hán - Việt. Đầu đề là một lối chơi chữ của tác giả.

bại lớn nhất của quân ý kể từ ngày tham chiến... Quân đội Hy Lạp đã chiếm được 1/4 Anbani... (tin điện Hoa Kỳ).

Trong khi đó, giai cấp thống trị ý lại gặp những chuyện bất lợi khác. ở Tơrielit, ở Phuma và nhiều nơi khác có "phiến loạn" chống chiến tranh, chống phát xít. ở Xanh Gôlăng, nhân dân vũ trang nổi dậy, tập kích quân ý, giết và làm bị thương hơn 200 binh sĩ... Xung đột kịch liệt đã xảy ra trong nội bộ đảng phát xít, đến nỗi Tổng tư lệnh là tướng Patôgriô, Tư lệnh tiền phương là Nguyên soái Graxini, v.v., buộc phải từ chức.

Tất cả những sự việc đó cho chúng ta thấy rõ rằng giấc mộng của Mútxôlini muốn khôi phục lại Impiris [1] đã thành bong bóng xà phòng, và cái ngày mà nhân dân ý thoát khỏi gông xiềng phát xít đã sắp đến rồi.

BÌNH SƠN

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 16-12-1940, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

[1] Đế quốc La M·.

VIỆT NAM "PHỤC QUỐC QUÂN"[1)]
hay là
"MẠI QUỐC QUÂN"[2)]

Năm 1905, chiến tranh Nhật - Nga, giặc lùn may mắn thắng trận. Đây là lần đầu tiên người da vàng đánh bại người da trắng, chuyện đó khiến thanh niên trí thức Việt Nam nói chung rất phấn khởi. Họ cho rằng nước Nhật Bản "đồng văn đồng chủng" và "anh dũng tuyệt vời" tất có thể giúp Việt Nam đánh đuổi đế quốc Pháp. Vì ảo tưởng này mà nhiều thanh niên Việt Nam đã vượt mọi nguy hiểm, chạy tới nước Nhật du học. Lãnh tụ của họ là Phan Bội Châu nổi danh vì tài văn chương. Mục đích của họ là sang học quân sự rồi về tổ chức khởi nghĩa vũ trang, khôi phục lại Tổ quốc. Để kêu gọi dân chúng, họ đưa cả ông [3)] cùng sang Nhật.

Cao tổ của ông Hầu là Nguyễn Cảnh, con trưởng bà vợ cả của hoàng đế Gia Long (Việt Nam). Một cuộc chính biến cung đình đã khiến Nguyễn Cảnh không kế vị được ngôi vua. Bởi nguyên cớ đó mà đối với các vua Việt Nam hiện nay, Nguyễn Cảnh cũng như con cháu ông ta hận đến tận xương tuỷ, lúc nào cũng chỉ muốn đoạt lại vương vị. Phan Bội Châu lợi dụng mâu thuẫn đó, đưa Cường Để ra làm chiêu bài.

Lúc đầu, Chính phủ Nhật đối xử rất tốt với những thanh niên Việt Nam sang Nhật, và lợi dụng phong trào chống Pháp để hù doạ đế quốc Pháp. Năm 1907, sau khi hiệp ước

[1)] Phục quốc quân: đội quân cứu nước.
[2)] Mại quốc quân: đội quân bán nước.
[3)] Chỉ Kỳ ngoại hầu Cường Để.

Pháp - Nhật rất có lợi cho giặc lùn được ký kết, Chính phủ Nhật lập tức hạ lệnh trục xuất các thanh niên Việt Nam. Riêng với Cường Để và con nuôi ông ta là Trần Văn An được Khuyển Dưỡng Nghị lấy danh nghĩa cá nhân, lưu hai người ở lại Nhật Bản, tính kế dùng họ làm bù nhìn sau này.

Sau năm 1931, Trần Văn An từng làm nhân viên ngoại giao ở nguỵ Mãn Châu. Năm 1938, sau khi Quảng Châu thất thủ, Trần Văn An về hoạt động ở vùng biên giới Quảng Đông - Việt Nam. Cuối tháng 9 năm nay, giặc lùn xâm lược Việt Nam, Trần Văn An cũng theo chân trở về, hoạt động ở vùng Lạng Sơn, Cao Bằng. Khi giặc lùn rút, đã để Trần Văn An ở lại Lạng Sơn.

Chúng tôi ở Trung Quốc, đối với tình hình Việt Nam, cũng có những điều chưa được tỏ tường. Ví dụ, ngày mồng 5 tháng này, các báo đưa tin:

"Địch ở gần Lạng Sơn chiêu mộ dân Việt quanh vùng, tổ chức "phục quốc quân", mỗi người được cấp mỗi tháng 30 đồng tiền Việt, cán bộ cấp dưới đều do địch quân tuyển lựa, thực lực có khoảng vạn người, mục đích của nó là muốn xúi giục người Việt giành lấy chính quyền, rồi do nó cai quản".

Ngày 11, tin tức các báo lại khác:

"Những ngày gần đây, phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam dần dần đã sôi nổi, mạnh mẽ. Tư lệnh Việt Nam phục quốc quân Trần Mỗ mấy ngày trước đã khởi nghĩa ở Bắc Kỳ, dân chúng mang lương thảo rầm rộ đi theo, hiện đã tập hợp được X vạn người...".

Thế ra, "Phục quốc quân" của ngày mồng 5 là một tổ chức Việt gian, và cũng là "Phục quốc quân" nhưng của ngày mồng 10 đã biến thành đội tiên phong cách mạng dân tộc!

Tin tức của ngày 12 càng phủ định nguồn tin của ngày 11:

"Đồng Đăng, Lạng Sơn và nhiều nơi khác tuy được quân Pháp tiếp phòng chu đáo, nhưng nguỵ "Phục hưng quân" cùng bọn thổ phỉ ở nhiều nơi bị đối phương lợi dụng bí mật tiếp tế vũ khí, gần đây lại ráo riết hoạt động, có khi tập kích cả quân Pháp ...".

Cuối cùng thì nguồn tin nào là chính xác? "Phục quốc quân" là bộ đội võ trang của nhân dân Việt Nam hay là tổ chức của Việt gian? Ngụy "Phục hưng quân" với "Phục quốc quân" liên quan thế nào? Ngoài ra, có hay không có lực lượng vũ trang thật sự của người Việt ? Cái ông Trần Mỗ đó là ai ?

Ký giả sau khi điều tra cẩn thận dựa vào các phía đáng tin cậy, có thể quả quyết rằng: Trần Mỗ chính là Trần Văn An; "Phục quốc quân" và "Phục hưng quân" là một mà hai, hai mà một; nhân dân Việt Nam có một tổ chức võ trang yêu nước thực sự, tuy phát triển chưa lớn mạnh.

Bây giờ, chúng tôi muốn nói rõ đôi điều:

Một, nông dân Lạng Sơn đầu óc đơn giản, vì căm hờn đế quốc Pháp, vì không biết rõ lai lịch của Trần Văn An, cho nên nghe thấy hai tiếng "phục quốc" đã "rầm rộ đi theo". Một khi biết Trần Văn An là Việt gian, họ nhất định sẽ bỏ rơi y và tham gia vào đội ngũ giải phóng dân tộc chân chính.

Hai, vì cần giặc lùn tiến xuống phía Nam để phá hoại hoặc kiềm chế Anh, Mỹ mà Hítle nhường Việt Nam cho nó. Hiện nay, giặc lùn bị Anh, Mỹ, Xô cản trở, chưa dám làm cuộc Nam tiến, nhưng lại tiếc rẻ nguồn tài nguyên giàu có của Việt Nam, cho nên nó thuê bọn Việt gian, định gây ra các vụ lộn xộn để kiếm cớ chiếm Việt Nam.

Ba, kẻ địch đào tạo lực lượng Việt gian của nó không phải ở các nơi khác mà lại ở Lạng Sơn, ngay giáp với phía nam Quảng Tây. Điều này rất đáng để chúng ta lưu ý.

Bốn, chúng ta cần phân biệt rõ các đoàn thể chính trị và vũ trang của Việt Nam, không nên nhầm các tổ chức Việt gian thành "phong trào dân tộc", càng không nên nhầm phong trào dân tộc chân chính của Việt Nam là "bọn thổ phỉ" hoặc "bị kẻ địch xúi giục".

BÌNH SƠN

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc), ngày 18-12-1940, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

PÁC BÓ[22] HÙNG VĨ

Non xa xa, nước xa xa.
Nào phải thênh thang mới gọi là.
Đây suối Lênin, kia núi Mác.
Hai tay xây dựng một sơn hà
.

Tháng 2 năm 1941

In trong s¸ch: *Hå ChÝ Minh, Th¬*, Nxb V¨n häc, Hµ Néi, 1970, tr.9.

Theo bµi in trong tËp *Th¬*

TỨC CẢNH PÁC BÓ

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đả[1)]
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Tháng 2 năm 1941

In trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ,* Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 10.

Theo bài in trong tập *Thơ.*

[1)] Hồi ở Pác Bó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* ra tiếng Việt làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng.

KÍNH CÁO ĐỒNG BÀO

Hỡi các bậc phụ huynh!
Hỡi các hiền nhân, chí sĩ!
Hỡi các bạn, sĩ, nông, công, thương, binh!
Pháp đã mất nước cho Đức. Thế lực của chúng ở ta đã điêu tàn. Song đối với chúng ta, chúng tăng sưu tăng thuế để vơ vét tài sản. Chúng khủng bố trắng để giết hại nhân dân. Đối với ngoài, chúng im hơi lặng tiếng, cắt đất cho Xiêm, chúng quỳ gối chắp tay đầu hàng Nhật Bản. Dân ta một cổ hai tròng. Đã làm trâu ngựa cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật.
Trước tình cảnh đau đớn, xót xa ấy, ta có chịu khoanh tay chờ chết không?
Không, quyết không! Hơn 20 triệu con Lạc cháu Hồng quyết không chịu làm vong quốc nô lệ mãi!
Bảy tám mươi năm nay dưới quyền thống trị của giặc Pháp, chúng ta luôn luôn tranh đấu giành quyền độc lập tự do. Tấm gương oanh liệt của các bậc lão tiền bối như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Lương Ngọc Quyến còn treo đó. Tinh thần anh dũng của các liệt sĩ ở Thái Nguyên, Yên Bái, Nghệ An hãy còn đây.
Những cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ23, Bắc Sơn, Đô Lương vừa rồi đã tỏ rằng: Đồng bào ta quyết nối gót người xưa, phấn đấu hy sinh đặng phá tan xiềng xích.
Việc lớn chưa thành không phải vì đế quốc mạnh, nhưng một là vì cơ hội chưa chín, hai là vì dân ta chưa hiệp lực đồng tâm.
Nay cơ hội giải phóng đến rồi, đế quốc Pháp bên Âu đã không thể tự cứu, càng không thể cứu bọn thống trị Pháp ở ta.
Đế quốc Nhật đã bị sa lầy ở Trung Hoa, lại đương gay go với

Anh- Mỹ. Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều:

Toàn dân đoàn kết.

Hỡi đồng bào! Hãy noi gương vĩ đại của dân Tàu, tổ chức những hội cứu quốc chống Pháp, chống Nhật.

Hỡi các bậc phụ huynh! Hỡi các bậc hiền huynh chí sĩ! Mong các ngài noi gương phụ lão đời nhà Trần trước hoạ giặc Nguyên xâm lấn, đã nhiệt liệt hô hào con em tham gia sự nghiệp cứu quốc.

Hỡi các bậc phú hào yêu nước, thương nòi! Hỡi các bạn công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương!

Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy.* Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng.

Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề.

Hỡi các chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phất cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đương vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của bậc anh hùng đương sục sôi trong lòng các đồng chí! Chí phấn đấu của quốc dân đương chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí!

Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào tiến lên!

Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật!

Việt Nam cách mạng thành công muôn năm!

Thế giới cách mạng thành công muôn năm!

Ngày 6 tháng 6 năm 1941

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu gốc lưu tại
Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

KHUYÊN ĐỒNG BÀO MUA BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP[24]

Đế quốc Pháp thật là ác nghiệt
Làm dân ta như điếc, như mù,
Làm ta dở dại dở ngu,
Biết gì việc nước biết đâu việc đời.
Báo "Độc lập" hợp thời đệ nhất,
Làm cho ta mở mắt mở tai.
Cho ta biết đó biết đây,
ở trong việc nước, ở ngoài thế gian:
Cho ta biết kết đoàn tổ chức.
Cho ta hay sức lực của ta
Cho ta biết chuyện gần xa.
Cho ta biết nước non ta là gì.
Ai không chịu ngu si mù tối,
ắt phải xem báo ấy mới nên;
Giúp cho báo ấy vững bền.
Càng ngày càng lớn càng truyền khắp nơi.
Khuyên đồng bào nhớ bấy nhiêu lời!

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 101, ngày 1-8-1941.

VIỆT NAM ĐỘC [1]

"Việt Nam độc lập" thổi kèn loa.
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già
Đoàn kết vững bền như khối sắt
Để cùng nhau cứu nước Nam ta!

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 103, ngày 21-8-1941.

[1] Bài thơ này đặt dưới bức tranh cổ động cho báo *Việt Nam độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh vẽ, in trên báo *Việt Nam độc lập*.

DÂN CÀY

Thương ôi! những kẻ dân cày,
Chân bùn tay lấm suốt ngày gian lao
Lại còn thuế nặng sưu cao.
Được đồng nào đều lọt vào túi Tây.
Dân ta không có ruộng cày,
Bao nhiêu đất tốt về tay đồn điền.
Lại còn phu dịch, tần phiền.
Làm chết xác được đồng tiền nào đâu!
Thân người chẳng khác thân trâu.
Cái phần no ấm có đâu đến mình!
Muốn phá sạch mối bất bình,
Dân cày phải kiếm Việt Minh mà vào.
Để cùng toàn quốc đồng bào
Đánh Pháp, Nhật, gây phong trào tự do.
Nhịp này là nhịp trời cho,
Lo cứu nước tức là lo cứu mình.
Mai sau thực hiện chương trình:
Việt Nam nông dã tất canh kỳ đ[1].

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 103, ngày 21-8-1941.

[1] Nghĩa là theo chương trình Việt Minh, nông dân ai cũng có ruộng cày.

PHỤ NỮ

Việt Nam phụ nữ đời đời
Nhiều người vì nước, vì nòi hy sinh.
Ngàn thu rạng tiếng bà Trưng,
Ra tay cứu nước, cứu dân đến cùng.
Bà Triệu ẩu thật anh hùng,
Cưỡi voi đánh giặc, vẫy vùng bốn phương.
Mấy năm cách mệnh khẩn trương,
Chị em phụ nữ thường thường tham gia.
Mấy phen tranh đấu xông pha,
Lòng vàng gan sắt nào đà kém ai?
Kìa như chị Nguyễn Minh Khai
Bị làm án tử đến hai ba lần.
Bây giờ cơ hội đã gần,
Đánh Tây, đánh Nhật, cứu dân nước nhà.
Chị em cả trẻ đến già
Cùng nhau đoàn kết đặng mà đấu tranh.
Đua nhau vào hội Việt Minh
Trước giúp nước, sau giúp mình mới nên.
Làm cho thiên hạ biết tên
Làm cho rõ mặt cháu Tiên, con Rồng.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 104, ngày 1-9-1941.

TRẺ CON

Trẻ em như búp trên cành,
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan,
Chẳng may vận nước gian nan,
Trẻ em cũng bị bận thân cực lòng.
Học hành, giáo dục đã không,
Nhà nghèo lại phải làm công, cày bừa.
Sức còn yếu, tuổi còn thơ,
Mà đã khó nhọc cũng như người già!
Có khi lìa mẹ, lìa cha,
Đi ăn ở với người ta bên ngoài.
Vì ai mà đến thế này?
Vì giặc Nhật với giặc Tây bạo tàn!
Khiến ta nước mất, nhà tan,
Trẻ em cũng phải cơ hàn xót xa.
Vậy nên con trẻ nước ta
Phải *đoàn kết* lại để mà đấu tranh!
Kẻ lớn *cứu quốc* đã đành,
Trẻ em cũng phải ra dành một vai.
Bao giờ đánh đuổi Nhật, Tây,
Trẻ em ta sẽ là bầy con cưng.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 106, ngày 21-9-1941.

CÔNG NHÂN

Thành ai đắp, lầu ai xây?
Tàu kia ai đóng, than đây ai sàng?
Bao nhiêu của cải kho tàng,
Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên?
Công nhân sức mạnh nghề quen,
Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ.
Mà mình quần rách áo xơ,
Tiền công thì bớt mà giờ thì thêm.
Lại còn đánh chửi tần phiền,
Cúp lương tháng trước, phạt tiền hôm qua.
Càng nghĩ lại, càng xót xa,
Vì ta mất nước, mà ta phải hèn
Để cho Pháp, Nhật lộng quyền,
Thẳng tay bóc lột thợ thuyền nước ta!
Thợ thuyền ta phải đứng ra,
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình.
Cùng nhau vào hội Việt Minh,
Ra tay tranh đấu hy sinh mới là.
Bao giờ khôi phục nước nhà,
Của ta ta giữ, công ta ta làm.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 108, ngày 11-10-1941.

MƯỜI CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT MINH[25]

Việt Nam độc lập đồng minh
Có bản chương trình đánh Nhật, đánh Tây.
Quyết làm cho nước non này,
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền:
Làm cho con cháu Rồng, Tiên,
Dân ta giữ lấy lợi quyền của ta.
Có mười chính sách bày ra,
Một là ích nước, hai là lợi dân.
Bao nhiêu thuế ruộng, thuế thân,
Đều đem bỏ hết cho dân khỏi phiền.
Hội hè, tín ngưỡng, báo chương,
Họp hành, đi lại, có quyền tự do.
Nông dân có ruộng, có bò,
Đủ ăn, đủ mặc, khỏi lo cơ hàn.
Công nhân làm lụng gian nan,
Tiền lương phải đủ, mỗi ban tám giờ.
Gặp khi tai nạn bất ngờ,
Thuốc thang Chính phủ bấy giờ giúp cho.
Thương nhân buôn nhỏ, bán to,
Môn bài thuế ấy bỏ cho phỉ nguyền.
Nào là những kẻ chức viên,
Cải lương đãi ngộ cho yên tấm lòng.
Binh lính giữ nước có công,
Được dân trọng đãi, hết lòng kính yêu.
Thanh niên có trường học nhiều,

Chính phủ trợ cấp trò nghèo, bần nho.
Đàn bà cũng được tự do,
Bất phân nam nữ, đều cho bình quyền.
Người tàn tật, kẻ lão niên,
Đều do Chính phủ cấp tiền ăn cho.
Trẻ em, bố mẹ khỏi lo,
Dạy nuôi, Chính phủ giúp cho đủ đầy.
Muốn làm đạt mục đích này,
Chúng ta trước phải ra tay kết đoàn.
Sao cho từ Bắc chí Nam,
Việt Minh hội có muôn vàn hội viên.
Người có sức, đem sức quyên,
Ta có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
Chúng ta có hội Việt Minh
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.
Rồi ra sự nghiệp hoàn thành,
Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng.
Khuyên ai xin nhớ chữ đồng,
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh.

Năm 1941

In trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ,*
Nxb Văn học, Hà Nội, 1970,
tr. 14-16.

Theo bài in trong tập *Thơ*.

CA BINH LÍNH

Hai tay cầm khẩu súng dài,
Nhắm đi nhắm lại, bắn ai thế này?
Bắn vào quân Nhật, quân Tây,
Lũ cướp nước, lũ đoạ đày dân ta,
Lũ không yêu trẻ, kính già,
Lũ cướp đất, lũ đốt nhà xôn xao,
Lũ đòi sưu nặng, thuế cao,
Lũ đi vơ vét đồng bào Việt Nam.
Bắn được chúng, chết cũng cam,
Vì mình dù chết, nước Nam vẫn còn!
Hay vì chút lợi cỏn con,
Cái bằng cửu phẩm, cái lon đội nhì,
Nhắm vào cách mạng bắn đi,
Quản chi nhân nghĩa, quản chi giống nòi!
Anh em binh lính ta ơi!
Chúng ta cùng giống, cùng nòi Việt Nam;
Việc chi lợi nước thì làm,
Cứu dân cứu quốc há cam kém người!
Trong tay đã sẵn súng này,
Quyết quay đánh Nhật, đánh Tây mới đành.
Tiếng thơm sẽ tạc sử xanh:
"Việt binh cứu quốc" rạng danh muôn đời!

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 110, ngày 1-11-1941.

THẾ GIỚI ĐẠI CHIẾN VÀ PHẬN SỰ DÂN TA

Từ ngày 8 tháng 12 tây (20 tháng 10 ta), Anh, Mỹ và nhiều nước khác đã bắt đầu đánh Nhật. Thế là chiến tranh lan khắp thế giới. Trong cuộc thế giới đại chiến[26] này có hai phe. Phe đi xâm lấn gồm có Đức, ý, Nhật, Tây. Phe chống xâm lấn gồm có Nga, Tàu, Anh, Mỹ và nhiều nước khác.

Phi Luật Tân, Hương Cảng, Tân Gia Ba, Mã Lai và nhiều nơi khác đã hoá ra chiến trường. Ngoài bể Thái Bình Dương, tàu trận các nước đã đánh nhau lung tung. Nạn binh lửa nay mai sẽ lan tới Sài Gòn, Cam Ranh, Hải Phòng, Hà Nội và các nơi. Dân ta sẽ bị chết người, hại của.

Vì ai nên nỗi nước này?

Vì giặc Nhật, vì giặc Tây đó mà!

Vì giặc Nhật và giặc Tây mà nước ta biến thành chiến trường. Nhà vườn của ta sẽ bị đốt phá. Của cải của dân ta sẽ bị cướp giựt. Dân sự của ta sẽ bị tan tành. Nhất là tỉnh Cao Bằng ta sẽ bị thiệt hại nhiều.

Thế thì dân ta nên làm sao để tránh khỏi cái nạn ấy? Dân ta nên làm 2 việc:

1 là - Bất kỳ quân đội nào tới gần vùng mình, dân ta phải làm cách *"nhà không vườn trống"* nghĩa là: bao nhiêu của cải, đồ ăn, đồ dùng, lương thực, súc vật đều đem *giấu kín hết.* Bao nhiêu đường sá, cầu cống đều *phá hết.* Người già, trẻ con, đàn bà con gái, đều tìm nơi chắc chắn mà *trốn hết.* Trai tráng thì phải ở lại trong làng, phải cùng nhau tổ chức *đội tự vệ* để canh phòng trộm cướp; các làng phải giúp sức lẫn nhau.

Bao giờ quân đội tới gần làng, trai tráng sẽ tránh đi, chớ để cho chúng bắt phu. Chỉ bao giờ Việt Minh có lệnh giúp cho quân đội nào thì dân ta sẽ giúp quân đội ấy.

2 là - Dân ta phải mau mau tổ chức lại. Nông dân phải vào "Nông dân Cứu quốc hội". Thanh niên phải vào "Thanh niên Cứu quốc hội". Phụ nữ vào "Phụ nữ Cứu quốc hội". Trẻ con vào "Nhi đồng Cứu quốc hội". Công nhân vào "Công nhân Cứu quốc hội". Binh lính vào "Binh lính Cứu quốc hội". Các bậc phú hào văn sĩ vào "Việt Nam Cứu quốc hội".

Những hội ấy do Việt Nam độc lập đồng minh lãnh đạo. Người có tiền giúp tiền, kẻ có sức giúp sức. Đồng tâm hợp lực. Muôn người một lòng. Nhân cơ hội này mà khôi phục lại Tổ quốc, mà làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Hỡi đồng bào! Cơ hội giải phóng đến rồi, mau mau đoàn kết lại!!!

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 113, ngày 21-12-1941.

CHÚC NĂM MỚI

Tháng ngày thấm thoát chóng như thoi,
Năm cũ qua rồi, chúc năm mới:
Chúc phe xâm lược sẽ diệt vong!
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi;
Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới!
Chúc toàn quốc ta trong năm này,
Cờ đỏ ngôi sao bay phất phới!
Năm này là năm rất vẻ vang,
Cách mệnh thành công khắp thế giới.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 114, ngày 1-1-1942.

NĂM MỚI, CÔNG VIỆC MỚI

1. Năm ngoái, trong thế giới có việc gì to lớn?
Nửa năm trước, Đức vẫy vùng ở Âu châu.
Pháp mất nước càng ngày càng nhục nhã.
Anh bị Đức đánh thua liểng xiểng.
Nửa năm sau, từ tháng 6 đến tháng 11, Đức thắng Nga. Đầu tháng 12 tới nay, Đức thua luôn luôn. Nga thắng mãi mãi. Anh cũng bắt đầu thắng Đức ở châu Phi. Từ ngày 8 tháng 12, Nhật đánh nhau với Anh, Mỹ và các nước. Lúc này Nhật vẫn được thắng thế. Tàu với Nhật vẫn đánh cò cưa không thắng không bại.
Các nước bị Đức chiếm như Pháp, Tiệp, Hy Lạp, Nam Tư, Hà Lan, v.v. dân nổi lên chống Đức lung tung.
2. Năm ngoái ở nước ta có việc gì to lớn?
Tây cắt 70 vạn cây số vuô[1] đất ta cho Xiêm và nhường nước ta cho Nhật; thành thử dân ta một cổ ba tròng. Ngày 13 tháng 1 năm ngoái, dân sự và anh em binh lính ở Đô Lương khởi nghĩa đánh Tây; (nối theo hai cuộc khởi nghĩa ở Bắc Sơn và Nam Kỳ). Cả năm sưu thuế nặng nề, dân sự cực khổ hơn mọi năm trước. Đoàn thể Việt Minh thì phát triển to lớn hơn năm trước.
3. Năm nay tình hình thế giới và trong nước sẽ thế nào?
Ta có thể quyết đoán rằng, Nga nhất định thắng, Đức nhất định bại. Anh - Mỹ sẽ được, Nhật Bản sẽ thua. Đó là một dịp

[1] Có thể báo in nhầm con số này.

rất tốt cho dân ta khởi nghĩa đánh đuổi Pháp, Nhật, làm cho Tổ quốc ta được độc lập, tự do.

Nhưng việc ấy không phải dễ dàng. Muốn ăn quả thì phải trồng cây. Muốn tự do độc lập thì phải hy sinh tranh đấu. Vậy ngay từ đây, mỗi cán bộ, mỗi một hội viên Việt Minh đều phải tuyên truyền tổ chức; phải làm cho các Hội cứu quốc ngày càng mạnh, làm cho các đội tự vệ, các đội du kích ngày càng nhiều. Toàn quốc đồng bào, bất kỳ già trẻ, gái trai, bất kỳ giàu nghèo, quý tiện, đều phải vào các Hội cứu quốc. Đoàn kết được chặt chẽ, giải phóng sẽ thành công.

Hỡi quốc dân, mau đoàn kết lại!

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 114, ngày 1-1-1942.

10 ĐIỀU NÊN

Mỗi một hội viên Việt Minh:

1. Nên giữ bí mật cho Hội.
2. Nên hết sức trung thành với Hội.
3. Nên tuyên truyền mục đích của Hội.
4. Nên ra sức tìm hội viên mới.
5. Nên ra sức làm việc cho Hội.
6. Nên nộp hội phí cho đúng kỳ.
7. Nên giúp đỡ lẫn nhau.
8. Nên gắng sức học hành.
9. Nên đọc sách báo của Hội.
10. Nên ủng hộ báo của Hội.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 116, ngày 21-1-1942.

CA ĐỘI TỰ VỆ

I

Gươm dao ta
Đem mài đi
Mài cho bén
Mài cho sắc
Nhật ta đâm
Tây ta chặt.

II

Sắp hàng ra
Xung phong lên!
Người ta đông.
Chí ta bền
Việc giải phóng
Nhất định nên.

Cách hát:
- Chia người làm 2 tổ, 4 câu trên, tổ A hát trước, hát giọng cao (nếu có phụ nữ thì phụ nữ là tổ A); tổ B hát giọng thấp theo sau. Những chữ bén, sắc, đông, bền phải hát dài như be

- én, sa - ắc, đ - ông, bê - ền.
- Hai câu sau cùng thì cả tổ đều hát với nhau. Chữ chặt và nên phải hát rất mạnh.
Ví dụ: Tổ A hát: Gươm dao ta.
Tổ B hát: Gươm dào tà.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 117, ngày 1-2-1942.

NÊN HỌC SỬ TA

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

1. Dân ta phải biết sử ta. Sử ta dạy cho ta những chuyện vẻ vang của tổ tiên ta. Dân tộc ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước tiếng để muôn đời.

2. Trước khi vua Gia Long bán nước ta cho Tây, nước ta vẫn là nước độc lập. Đời nào cũng có người anh hùng mưu cao võ giỏi đứng ra đoàn kết nhân dân đuổi giặc cứu nước.

Đời Trần, quân Nguyên đánh đâu được đấy, chiếm nước Tàu và nửa châu Âu, thế mà ba lần bị ông Trần Hưng Đạo đánh tan. *Bình dân* như ông Lê Lợi và ông Nguyễn Huệ đã đánh đuổi quân Tàu làm cho nước ta độc lập.

Người già như ông Lý Thường Kiệt quá 70 tuổi mà vẫn đánh đông dẹp bắc, bao nhiêu lần đuổi giặc cứu dân.

Thiếu niên như Đổng Thiên Vương chưa đến 10 tuổi mà đã ra tay cứu nước, cứu nòi. Trần Quốc Toản mới 15, 16 tuổi đã giúp ông Trần Hưng Đạo đánh phá giặc Nguyên.

Phụ nữ thì có bà Trưng, bà Triệu ra tay khôi phục giang san.

Những vị anh hùng ấy vì nước, vì dân mà làm nên sự nghiệp kinh thiên động địa. Nhờ những vị dân tộc anh hùng ấy mà nước ta được tự do, độc lập, lừng lẫy ở á Đông.

Vì muốn giành làm vua mà Gia Long đem nước ta bán cho Tây. Thế là giang san gấm vóc tan tác tiêu điều; con Lạc cháu Hồng hoá làm trâu ngựa.

Từ đó đến nay, biết bao nhiêu người oanh liệt đứng lên khởi nghĩa đánh Tây như ông Phan Đình Phùng, ông Hoàng Hoa Thám, vân vân.

3. Sử ta dạy cho ta bài học này:

Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do.

Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn.

Vậy nay ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên mãi dưới ngọn cờ Việt Minh để đánh đuổi Tây - Nhật, khôi phục lại độc lập, tự [1].

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 117, ngày 1-2-1942.

[1] Cuối bài này có ghi thêm: "Vừa mới xuất bản quyển "Sử nước ta" bằng thơ. Hay lắm, giá mỗi quyển 1 hào ai muốn mua hỏi cán bộ địa phương".

LỊCH SỬ NƯỚC TA[27]

Việt Minh tuyên truyền Bộ xuất bản, tháng 2-1942.

Theo bản in của Việt Minh tuyên truyền Bộ.

LỊCH SỬ NƯỚC TA

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.
Kể năm hơn bốn ngàn năm,
Tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hoà.
Hồng Bàng là tổ nước ta.
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.
Thiếu niên ta rất vẻ vang,
Trẻ con *Phù Đổng* tiếng vang muôn đời.
Tuổi tuy chưa đến chín mười,
Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương.
An Dương Vương thế *Hùng Vương,*
Quốc danh Âu Lạc cầm quyền trị dân.
Nước Tàu cậy thế đông người,
Kéo quân áp bức giống nòi Việt Nam,
Quân Tàu nhiều kẻ tham lam.
Dân ta há dễ chịu làm tôi ngươi?
Hai Bà Trưng có đại tài,
Phất cờ khởi nghĩa giết người tà gian,
Ra tay khôi phục giang san,
Tiếng thơm dài tạc đá vàng nước ta.
Tỉnh Thanh Hoá có một bà,
Tên là *Triệu ẩu* tuổi vừa đôi mươi,

Tài năng dũng cảm hơn người,
Khởi binh cứu nước muôn đời lưu phương.
Phụ nữ ta chẳng tầm thường,
Đánh Đông, dẹp Bắc làm gương để đời,
Kể gần sáu trăm năm giời,
Ta không đoàn kết bị người tính thô*.
Anh hùng thay ông *Lý Bôn,*
Tài kiêm văn võ, sức hơn muôn người,
Đánh Tàu đuổi sạch ra ngoài.
Lập nên Triều Lý sáu mươi năm liền.
Vì *Lý Phật Tử* ngu hèn,
Để cho Tàu lại xâm quyền nước ta.
Thương dân cực khổ xót xa,
Ông *Mai Hắc Đế* đứng ra đánh Tàu,
Vì dân đoàn kết chưa sâu,
Cho nên thất bại trước sau mấy lần.
Ngô Quyền quê ở Đường Lâm,
Cứu dân ra khỏi cát lầm ngàn năm.
Đến hồi Thập nhị sứ quâ*
Bốn phương loạn lạc, muôn dân cơ hàn.
Động Hoa Lư có *Tiên Hoàng,*
Nổi lên gây dựng triều đàng họ Đinh.
Ra tài kiến thiết kinh dinh,
Đến vua Phế Đế chỉ kinh hai đời.
Lê Đại Hành nối lên ngôi.
Đánh tan quân Tống, đuổi lui Xiêm Thành.

[1*] Tính thôn là nuốt sống. (Chú thích có kèm theo * là của nguyên bản).
[2*] 12 tướng nổi lên giữ 12 vùng.

Vì con bạo ngược hoành hành,
Ra đời thì đã tan tành nghiệp vương.
Công Uẩn là kẻ phi thường,
Dựng lên nhà Lý cầm quyền nước ta.
Mở mang văn hoá nước nhà,
Đắp đê để giữ ruộng nhà cho dân.
Lý Thường Kiệt là hiền thần,
Đuổi quân nhà Tống, phá quân Xiêm Thành.
Tuổi già phỉ chí công danh,
Mà lòng yêu nước trung thành không phai.
Họ Lý truyền được chín đời,
Hai trăm mười sáu năm giời thì tan.
Nhà Trần thống trị giang san,
Trị yên trong nước, đánh tan địch ngoài,
Quân Nguyên binh giỏi tướng tài:
Đánh đâu được đấy, dông dài á, Âu,
Tung hoành chiếm nửa Âu châu,
Chiếm Cao Ly, lấy nước Tàu bao la,
Lăm le muốn chiếm nước ta,
Năm mươi vạn lính vượt qua biên thuỳ,
Hải quân theo bể kéo đi,
Hai đường vây kín Bắc Kỳ như)
Dân ta nào có chịu hèn,
Đồng tâm, hợp lực mấy phen đuổi Tàu.
Ông *Trần Hưng Đạo* cầm đầu,
Dùng mưu du kích đánh Tàu tan hoang,
Mênh mông một giải Bạch Đằng,

[1)] Nen: Trong bản in lần thứ hai sửa thành nêm.

Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh,
Hai lần đại phá Nguyên binh,
Làm cho Tàu phải thất kinh rụng rời.
Quốc Toản là trẻ có tài,
Mới mười sáu tuổi ra oai trận tiền,
Mấy lần đánh thắng quân Nguyên,
Được phong làm tướng cầm quyền binh nhung.
Thật là một đấng anh hùng,
Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo.
Đời Trần văn giỏi võ nhiều,
Ngoài dân thịnh vượng, trong triều hiền minh.
Mười hai đời được hiển vinh,
Đến Trần Phế Đế nước mình suy vi.
Cha con nhà *Hồ Quý Ly,*
Giết vua tiếm vị một kỳ bảy niên.
Tình hình trong nước không yên,
Tàu qua xâm chiếm giữ quyền mấy lâu,
Bao nhiêu của cải trân châu,
Chúng vơ vét chở về Tàu sạch trơn.
Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn,
Mặc dầu tướng ít binh đơn không màn.
Mấy phen sông Nhị núi Lam,
Thanh gươm yên ngựa Bắc, Nam ngang tàng.
Kìa Tuý Động nọ Chi Lăng,
Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.
Mười năm sự nghiệp hoàn thành,
Nước ta thoát khỏi cái vành nguy nan.
Vì dân hăng hái kết đoàn,

Nên khôi phục chóng giang san Lạc Hồng.
Vua hiền có *Lê Thánh Tôn,*
Mở mang bờ cõi đã khôn lại lành.
Trăm năm truyền đến cung hoàng,
Mạc Đăng Dung đã hoành hành chiếm ngôi
Bấy giờ trong nước lôi thôi,
Lê Nam, Mạc Bắc rạch đôi san hà,
Bảy mươi năm nạn can [1*]
Cuối đời mười sá [3*] Mạc đà suy vi.
Từ đời mười sáu[2*] trở đi,
Vua Lê, Chúa Trịnh chia vì khá lâ [4*]
Nguyễn Nam, Trịnh Bắc đánh nhau,
Thấy dân cực khổ mà đau đớn lòng.
Dân gian có kẻ anh hùng,
Anh em *Nguyễn Nhạc* nổi vùng Tây Sơn,
Đóng đô ở đất Quy Nhơn,
Đánh tan Trịnh, Nguyễn, cứu dân đảo [4*]
Nhà Lê cũng bị mất quyền,
Ba trăm sáu chục năm truyền vị vương.
Nguyễn Huệ là kẻ phi thường,
Mấy lần đánh đuổi giặc Xiêm, giặc Tàu,
Ông đà chí cả mưu cao,
Dân ta lại biết cùng nhau một lòng.
Cho nên Tàu dẫu làm hung,

[1*] Can qua là chiến tranh.
[2*] Thế kỷ 16.
[3*] 216 năm.
[4*] Trao ngược.

Dân ta vẫn giữ non sông nước nhà.
Tướng Tây Sơn có một bà,
Bùi là nguyên họ, tên là *Thị Xuân,*
Tay bà thống đốc ba quân,
Đánh hơn mấy trận, địch nhân liệt là.
Gia Long lại dấy can qua,
Bị Tây Sơn đuổi, chạy ra nước ngoài.
Tự mình đã chẳng có tài,
Nhờ Tây qua cứu, tính bài giải vây.
Nay ta mất nước thế này,
Cũng vì vua Nguyễn rước Tây vào nhà,
Khác gì cõng rắn cắn gà,
Rước voi dầy mả, thiệt là ngu si.
Từ năm Tân Hợi trở đi,
Tây đà gây chuyện thị [*] với mình.
Vậy mà vua chúa triều đình,
Khư khư cứ tưởng là mình khôn ngoan.
Nay ta nước mất nhà tan
Cũng vì những lũ vua quan ngu hèn.
Năm Tự Đức thập nhất [)],
Nam Kỳ đã lọt dưới quyền giặc Tây.
Hăm lăm năm sau trận này,
Trung Kỳ cũng mất, Bắc Kỳ cũng tan,

[1*] Thị phi là lôi thôi.

[1)] *Tự Đức thập nhất niên* là năm 1858. Đó là năm thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Trong phần *Những năm quan trọng,* có ghi *"Năm 1847... Tây bắt đầu đánh ta".* ở đây, tác giả nói đến sự kiện hai chiến hạm Pháp vào vùng bể Đà Nẵng đã ngang nhiên bắn đắm mấy chiến thuyền Việt Nam.

Ngàn năm gấm vóc giang san,
Bị vua họ Nguyễn đem hàng cho Tây!
Tội kia càng đắp càng đầy,
Sự tình càng nghĩ càng cay đắng lòng.
Nước ta nhiều kẻ tôi trung,
Tấm lòng tiết nghĩa rạng cùng tuyết sương.
Hoàng Diệu với *Nguyễn Tri Phương,*
Cùng thành còn mất làm gương để đời.
Nước ta bị Pháp cướp rồi,
Ngọn cờ khởi nghĩa nhiều nơi lẫy lừng;
Trung Kỳ đảng *Phan Đình Phùng*
Ra tay đánh Pháp, vẫy vùng một phương.
Mấy năm ra sức Cần Vương [*],
Bọn ông Tán Thuật nổi đường Hưng Yên,
Giang san độc lập một miền,
Ông *Hoàng Hoa Thám* đất Yên tung hoành.
Anh em *khố đỏ, khố xanh,*
Mưu khởi nghĩa tại Hà thành năm xưa,
Tỉnh *Thái Nguyên* với *Sầm Nưa,*
Kế nhau khởi nghĩa rủi chưa được toàn.
Kìa *Yên Bái,* nọ *Nghệ An*
Hai lần khởi nghĩa tiếng vang hoàn cầu.
Nam Kỳ im lặng đã lâu,
Năm kia khởi nghĩa đương đầu với Tây.
Bắc Sơn đó, *Đô Lương* đây!
Kéo cờ khởi nghĩa, đánh Tây bạo tàn.
Xét trong lịch sử Việt Nam,

[1*] Cần Vương là giúp vua Hàm Nghi đánh Tây.

Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng.
Nhiều phen đánh bắc dẹp đông,
Oanh oanh liệt liệt con Rồng cháu Tiên.
Ngày nay đến nỗi nghèo hèn,
Vì ta chỉ biết lo yên một mình.
Để người đè nén, xem khinh,
Để người bóc lột ra tình tôi ngươi!
Bây giờ Pháp mất nước rồi,
Không đủ sức, không đủ người trị ta.
Giặc Nhật Bản thì mới qua,
Cái nền thống trị chưa ra mối mành.
Lại cùng Tàu, Mỹ, Hà, Anh,
Khắp nơi có cuộc chiến tranh rầy rà.
ấy là nhịp tốt cho ta,
Nổi lên khôi phục nước nhà tổ tông.
Người chúng ít, người mình đông
Dân ta chỉ cốt đồng lòng là nên.
Hỡi ai con cháu Rồng Tiên!
Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.
Bất kỳ nam nữ, nghèo giàu,
Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn.
Người giúp sức, kẻ giúp tiền,
Cùng nhau giành lấy chủ quyền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
Chúng ta có hội *Việt Minh*
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh
Mai sau sự nghiệp hoàn thành

Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng
Dân ta xin nhớ chữ đồng:
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!

NHữNG NĂM QUAN [1]

Năm	*Trước Tây lịch*
2879	Hồng Bàng
111	Tàu lấy nước ra lần đầu
	Sau Tây lịch
40	Hai Bà Trưng đánh Tàu
248	Bà Triệu ẩu khởi nghĩa
544	Vua Lý đánh Tàu
603	Tàu lấy nước ta.
939	Vua Ngô khởi nghĩa
968	Đời vua Đinh (12 năm)
981	Đời vua Tiền Lê (29 năm)
1010	Đời vua Hậu Lý (215 năm)
1073	Lý Thường Kiệt đánh Tàu
1225	Đời vua Trần (175 năm)
1283	Trần Hưng Đạo đánh Tàu
1407	Tàu lấy nước ta
1427	Vua Lê khởi nghĩa

[1] In theo đúng nguyên bản.

1543 Đời vua Hậu Lê (360 năm)
1545 Vua Lê Chúa Trịnh
1771 Đời vua Tây Sơn (24 năm)
1789 Vua Nguyễn Huệ đánh Tàu
1794 Gia Long thông với Tây
1847 Tây bắt đầu đánh nước ta
1862 Vua nhà Nguyễn bắt đầu hàng Tây
1889 Ông Đề Thám khởi nghĩa
1893 Ông Phan Đình Phùng khởi nghĩa
1916 Trung Kỳ khởi nghĩa
1917 Thái Nguyên, Sầm Nưa khởi nghĩa
1930 Yên Bái, Nghệ An khởi nghĩa
1940 Bắc Sơn và Đô Lương khởi nghĩa
1941 Nam Kỳ khởi nghĩa
1945 Việt Nam độc [1)]

Tài liệu gốc lưu tại
Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

[1)] Năm 1945 là tác giả đoán trước.

CA SỢI CHỈ

Mẹ tôi là một đoá hoa,
Thân tôi trong sạch, tôi là cái *bông*.
Xưa tôi yếu ớt vô cùng,
Ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời.
Khi tôi đã thành *chỉ* rồi,
Cũng còn yếu lắm, ăn ngồi không ngon,
Mạnh gì sợi chỉ con con,
Khôn thiêng biết có vuông tròn cho chăng!
Càng dài lại càng mỏng manh,
Thế gian ai sợ chi anh chỉ xoàng!
Nhờ tôi có nhiều đồng bang,
Họp nhau sợi dọc, sợi ngang rất nhiều.
Dệt nên tấm vải mỹ miều,
Đã bền hơn lụa, lại đ[*] hơn da
Đố ai bứt xé cho ra,
Đó là lực lượng, đó là vẻ vang.

*
* *

Hỡi ai con cháu Hồng Bàng,
Chúng ta phải biết kết đoàn mau mau.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau,
Việt Minh hội ấy mau mau phải vào.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 122, ngày 1-4-1942.

[1*] ***Điều,*** có nghĩa là được tiếng.

HòN Đá

Hòn đá to,
Hòn đá nặng,
Chỉ một người,
Nhắc không đặng.

Hòn đá nặng,
Hòn đá bền,
Chỉ ít người,
Nhắc không lên.

Hòn đá to,
Hòn đá nặng,
Nhiều người nhắc,
Nhắc lên đặng.

Biết đồng sức,
Biết đồng lòng,
Việc gì khó,

Làm cũng xong.
Đánh Nhật, Pháp,
Giành tự do,
Là việc khó,
Là việc to.

Nếu chúng ta
Biết đồng lòng
Thì việc đó
Quyết thành công.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 123, ngày 21-4-1942.

THƯỚNG SƠN

Lục nguyệt nhị thập tứ,
Thướng đáo thử sơn lai.
Cử đầu hồng nhật cận,
Đối ngạn nhất chi mai.

Lũng Dẻ, 1942

Dịch nghĩa

LÊN NÚI

Ngày hai mươi bốn tháng sáu,
Lên đến núi này.
Ngẩng đầu thấy mặt trời đỏ gần lại,
Bờ bên kia có một nhành mai.

Lũng Dẻ, 1942

Dịch thơ[1)]

LÊN NúI

Hai mươi tư tháng sáu,
Lên ngọn núi này chơi.
Ngẩng đầu: mặt trời đỏ,
Bên suối một nhành mai.

In trong: *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh,* Nxb Văn học, Hà Nội, 1990, tr14.

Theo bài in trong sách *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*

[1)] Bản dịch thơ của Tố Hữu.

CON CÁO VÀ TỔ ONG

Tổ ong lủng lẳng trên cành,
Trong đầy mật nhộng, ngon lành lắm thay!
Cáo già nhè nhẹ lên cây,
Định rằng lấy được ăn ngay cho dòn.
Ong thấy cáo muốn cướp con,
Kéo nhau xúm lại vây tròn cáo ta.
Châm đầu, châm mắt cáo già,
Cáo già đau quá phải sa xuống rồi.

*

Ong kia yêu giống, yêu nòi,
Đồng tâm, hợp lực đuổi loài cáo đi.
Bây giờ ta thử so bì,
Ong còn đoàn kết, huống chi là người!
Nhật, Tây áp bức giống nòi,
Ta nên *đoàn kết* để đòi tự do.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 130, ngày 1-7-1942.

TặNG THốNG CHế PÊTANH

Vận mệnh Lang [1] lúc chẳng lành,
Pêtanh lão tướng hoá hôi tanh,
Cúi đầu, quỳ gối, hàng quân Đức,
Trợn mắt, nhăn mày, chửi nước Anh.
Bán nước lại còn khoe cứu nước,
Ô danh mà muốn được thơm danh.
Già mà như chú, già thêm dại,
Tiếng xấu muôn đời nhuốc sử xanh.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 131, ngày 11-7-1942.

[1] Nước Pháp.

NHóM LửA

Lúc leo lét bắt đầu nhóm lửa,
Biết bao nhiêu là sự khó khăn?
Chỉ đìu hiu một mảy gió xuân,
Cũng lo sợ lửa khi tắt mất.
Nghi ngút khói, mặc dầu thổi quạt,
Che một bên lại tạt một bên,
Khi lửa đà chắc chắn bén lên,
Thì mưa gió, chi chi cũng cháy.
Mưa lún phún, lửa càng nóng nảy,
Gió càng cao, ngọn lửa càng cao.
Núi rừng đều bén, cháy ào ào,
Lửa nung đỏ, cả giời sáng toé.
Việc cách mạng cũng là như thế,
Bước ban đầu là bước gian nan.
Nào đế quốc, mật thám, bọn quan,
Đều là lũ ra tay phá hoại.
Hở một chút, tức là thất bại,
Sai một ly là hại cho dân.
Song khi cách mạng đã vững chân,

Sẽ ồ ạt lan tràn khắp xứ,
Sẽ vùn vụt như toà núi lửa,
Sẽ rầm rầm như ngọn thuỷ trào,
Sẽ kéo theo tất cả đồng bào,
Sẽ đè bẹp cả loài lang sói.
Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi,
Chiếu lá cờ độc lập, tự do!

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 133, ngày 1-8-1942.

TặNG TOàN QUYềN ĐờCU

Non nước Rồng Tiên rõ mịt mù,
Lợi quyền phó mặc bố thằng Cu.
Đối dân Nam Việt thì lên mặt,
Gặp bọn Phù Tang chỉ đội khu![1)]
Về Pháp, không cơm e chết đói,
ở đây, hút máu béo ni-nu.
Cũng như thống chế Pêtanh vậy,
Chú cứ cu cù được mãi ru!

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 134 ngày 11-8-1942.

[1)] Đội khu: là đội đít, Phù Tang là Nhật.

CHƠI GIĂNG

Gặp tuần trăng sáng, dạo chơi giăng,
Sẵn nhắn vài câu hỏi chị Hằng:
"Non nước tơi bời sao vậy nhỉ?
Nhân dân cực khổ biết hay chăng?
Khi nào kéo được quân anh dũng,
Để dẹp cho tàn bọn nhố nhăng?
Nam Việt bao giờ thì giải phóng
Nói cho nghe thử, hỡi cô Hằng?".

*

Nguyệt rằng: "Tôi kính trả lời ông:
Tôi đã từng soi khắp núi sông,
Muốn biết tự do chầy hay chóng,
Thì xem tổ chức khắp hay không.
Nước nhà giành lại nhờ tài sắt,
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng.
Tổ chức, tuyên truyền càng rộng rãi,
Tức là cách mệnh chóng thành công".

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 135, ngày 21-8-1942.

TRẻ CHĂN TRÂU

Trên đồi cỏ mọc xanh xanh,
Một đàn cò đậu ngoài ghềnh xa xa,
Trâu bò lũ bảy, lũ ba,
Ven đồi chen chúc bụi già, cỏ non.
Chăn trâu mấy trẻ con con,
Cùng nhau xướng hát véo von trên gò:
"Vì ai, ta chẳng ấm no?
Vì ai, ta đã phải lo cơ hàn?
Vì ai, cha mẹ nghèo nàn?
Vì ai, nhà cửa, giang san tan tành?
Vì ai, ngăn cấm học hành?
Vì ai, ta phải chịu vành dốt ngây?
- ấy là vì Nhật, vì Tây
Ra tay vơ vét, đoạ đày chúng ta;
Làm ta tan cửa, nát nhà,
Trẻ con vất vả, người già đắng cay.
- Cùng nhau đánh đuổi Nhật, Tây.
Anh em ta mới có ngày vinh hoa.
"Nhi đồng cứu quốc" Hội ta,
ấy là lực lượng, ấy là cứu sinh.

ấy là bộ phận Việt Minh,
Dân mình khắc cứu dân mình mới xong".

*

* *

Ai nghe mà chẳng động lòng,
Khá thương con trẻ mục đồng Việt Nam.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 144, ngày 21-11-1942.

BàI CA DU KíCH

ào, ào, ào...
ào, ào, ào...
Già nào,
Trẻ nào,
Lính nào,
Dân nào,
Đàn ông nào,
Đàn bà nào!
Kẻ có súng dùng súng,
Kẻ có dao dùng dao;
Kẻ có cuốc dùng cuốc,
Người có cào dùng cào,
Thấy Tây cứ chém phứa,
Thấy Nhật cứ chặt nhào.

Chúng nhiều là mấy vạn,
Mình mấy triệu đồng bào.
Chúng đường xa mỏi mệt,
Mình "dĩ dật đãi lao".
Làm cho chúng mòn mỏi,
Làm cho chúng tiêu hao.

Chúng nhất định thất bại
Mình sức càng dồi dào.
ào, ào, ào...
ào, ào, ào...
Du kích ngày càng mạnh,
Du kích ngày càng cao.
ào, ào, ào...
ào, ào, ào...

Năm 1942

In trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ,* Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 42-43.

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*

CHIẾN THUẬT DU KÍCH[28]

Quyển II

Việt Minh xuất bản
năm 1942

Theo sách
Việt Minh xuất bản

I
MỤC ĐÍCH CỦA CHIẾN THUẬT DU KÍCH

Mục đích của chiến thuật du kích giải thích theo ý nghĩa sâu rộng của nó là cốt để hoàn toàn tiêu diệt địch nhân, giành quyền độc lập cho dân tộc, xứ sở, nhưng ta giải thích theo ý nghĩa thấp hơn, eo hẹp hơn, thì nó cốt để:
1- Khám phá sự bố trí công binh của bên địch, đôi khi biết cả mưu mô của bên địch nữa.
2- Cướp đoạt khí giới, đạn dược, lương thực, thuốc men, v.v. bên địch do hậu phương vận tải đến.
3- Khiên [1] địch nhân và dụ địch nhân đi sâu vào nơi quân ta đã định.
4- Đốt và phá huỷ các khu khí giới, đạn dược, nguyên liệu, binh công xưởng và các thứ phòng thủ của bên địch.
5- Phá hoại các đường giao thông vận tải, các bóp gác, các điếm canh, v.v..
6- Dùng mỗi toán quân nhỏ đánh úp hoặc đánh đội quân lớn của bên địch.
7- Mặc dầu đất đai của ta đã bị địch nhân chiếm giữ từ lâu, nhưng ta chớ bi quan, nhờ có tinh thần c.[2] chiến đấu vô địch, sẽ đánh thắng địch nhân, sẽ đánh đuổi quân địch ra khỏi bờ cõi.
8- Dùng phương pháp đánh úp, mai phục, hoặc đánh chớp nhoáng thiệt mau làm cho quân địch hoảng khiếp, dao động, làm cho quân ta chiến thắng quân địch một cách dễ dàng.

---

[1] Kiềm chế.
[2] Cách mạng.

II

Sự CHIếN ĐấU CủA ĐộI DU KíCH

A. Nguyên tắc chiến đấu

1. Tránh đánh nơi "kiên cố"

Nếu như địch nhân đóng cổng thành hoặc đồn trại để tự vệ, hoặc đóng chiếm nơi hiểm yếu chống lại, thì trừ khi chúng ta có đủ điều kiện chiến thắng ra, rất không nên tiến công bên địch. Vì tiến công như vậy mất nhiều ngày giờ, sự thiệt hại của ta nhất định nhiều hơn bên địch. Vả lại trong các cuộc chiến tranh du kích, pháo binh của ta chưa có đầy đủ, hoặc chưa có nữa là khác, như vậy cứ cố đánh liều chỉ tổ tiêu hao lực lượng của mình thôi, vả lại, cần chú ý là không dễ dàng bốn mặt bao vây địch nhân. Vấn đề này cần suy xét cho kỹ, bằng không thì phạm phải tội "đánh liều", hy sinh vô ích. Đấy là một việc rất quan trọng mà quân du kích phải luôn luôn chú ý.

2. Không đánh những trận gay gắt khó khăn

Không nên đánh những trận mà ta không chắc chắn thắng lợi mười mươi. Vì nếu như ta tiêu diệt được địch nhân một nghìn, ta mất 8 trăm, như vậy tức không đáng kể. Vì sự bổ sung người và đạn dược của ta hết sức khó khăn, nếu như đánh được vài trận mà ta hao tổn quân lính và đạn dược nhiều, sự thắng lợi không đủ bù vào chỗ thiệt hại, đấy tức là ta thất bại.

Ta mất một được mười, được trăm nghìn như thế mới gọi là thắng lợi.

3. Không rõ địch tình, không đánh

Quân ta đóng ở một nơi, đột nhiên thấy quân địch tới, nếu không rõ quân địch có bao nhiêu người, ở đâu tới thì không được đánh, phải mau mau rút ngay đi nơi khác, đi xa nơi đó chừng 2, 3 chục cây số gì đó ...

Nếu địch nhân đến gần quá rồi, không thể tránh khỏi sự xung đột nữa, thì tốt hơn là phái một ít quân mai phục chống lại để che chở cho đại đội rút lui. Vì quân địch tới tiến công ta nhất định binh lực mạnh hơn và có kế hoạch đường hoàng, ta chớ mắc mưu.

Địch mạnh, ta thoái, như thế có lợi cho ta. Nếu địch nhân yếu thế mà ta thoái, chẳng qua chỉ làm cho quân sĩ mỏi mệt một ít thôi, ta quay lại đánh chúng cũng chưa muộn.

4. Liên hiệp dân chúng để phong toả và đánh úp địch quân

Khi địch nhân bủa vây ta, chúng ta cần phải liên lạc với dân chúng các nơi, thực hành đoạn [1] các ngả đường giao thông của bên địch, làm cho địch nhân không biết quân ta đã tới gần sát, lợi dụng lúc ban đêm hay tờ mờ sáng, đánh lui địch quân. Hoặc liên lạc dân chúng, đội tự vệ các nơi chừng 1, 2 trăm người hay 3, 4 trăm người chia làm nhiều toán (nếu ít 3, 4 chục cũng được) cầm cờ C.[2] đến chiếm các ngọn núi, các làng, các chợ, rồi dùng thanh la, trống, giáo mác, súng kíp hoả mai, kèn, pháo, v.v., khua chuông, gõ mõ, gào thét ầm ĩ, làm vang dội khắp các ngọn núi, các làng..., làm cho quân địch hỗn loạn và sợ hãi, hay cả ngày lẫn đêm bắn súng khắp bốn bên, làm cho quân địch hoảng sợ, tinh thần mỏi mệt, rồi sau đó, xuất kỳ bất ý dùng chủ lực quân đánh thốc vào bên sườn đặng tiêu diệt quân địch.

5. Cách đánh úp của đội du kích

Trong cuộc chiến tranh, có giá trị nhất và làm cho bên địch đau đớn nhất là cách đánh úp. Vô luận ở cách địch nhân gần hay xa, nhất là lúc địch nhân ở cách ta khoảng chừng 2, 3 chục cây số chẳng hạn, sự canh phòng nhất định sơ hở. Lúc bấy giờ, ta có thể đem một đội quân nhỏ lợi dụng đêm tối, đeo xách nhẹ nhàng đi thật mau chóng, một đêm hay một ngày tới

---

[1] C¾t ®øt.

[2] C¸ch m¹ng.

nơi đó, xuất kỳ bất ý đánh úp thật mau đặng tiêu diệt địch quân, đánh như thế rất có lợi.

6. Tránh chỗ rắn, nắn chỗ mềm

Quân địch tới đánh ta, ta không nên khai chiến với chúng, tốt hơn hết là dùng phương pháp đi vòng quanh, đi sang phía không có quân địch đóng giữ. Nên tìm những con đường tắt hẻo lánh mà đi, làm cho địch nhân không biết lối nào mà đuổi được, đồng thời đi đến đâu, phải dùng đủ phương pháp liên lạc với dân chúng, để quần chúng làm những việc trinh thám ở hậu phương quân ta đi qua để khỏi bị quân địch đằng trước, đằng sau vây đánh quân ta.

Nếu như có địch nhân đuổi theo ráo riết, trước mắt lại bị ngăn cản (như sông ngòi hay là toán quân địch đuổi theo ta mạnh), vì muốn thoát khỏi sự nguy hiểm, có thể phái một bộ đội nhỏ đi cách xa địch quân chừng độ một cây số chẳng hạn, đi thẳng lên đường cái để bên địch thấy thế đuổi theo. Lúc bây giờ, quân chủ lực ta theo con đường tắt chạy trốn; hoặc chờ khi đại đội quân địch đi qua, ta đánh thọc ngay vào giữa làm quấy nhiễu hậu phương quân địch, rồi tìm cách đánh úp chúng; hoặc phái một bộ đội nhỏ cùng với đội tự vệ dân chúng đường hoàng kéo đi làm cho địch nhân đuổi theo. Lúc đó, quân chủ lực ta núp ở trong bụi đánh ra, trước sau cùng đánh, bao vây bốn bên, đánh cho quân địch tan tành.

7. Chỉ phương đông, đánh phương tây

(Thanh đông, kích tây)

Lợi dụng sự hỗn hợp của dân và quân đội, cố ý hợp thành những đội quân thật lớn, rồi dùng mưu này kế khác phao truyền sẽ đánh vào mặt này mặt nọ, cố ý đặt ra giảo ngôn. Lúc đó, mới huy động đội quân chủ lực đi sang một bên, hành động cực kỳ bí mật, xuất kỳ bất ý đánh úp một trận.

Hoặc giả quân ta muốn đánh một nơi nào đó, không nên sừng sững kéo tới, giả vờ đi sang một phía khác, rồi đi được nửa đường, quay trở lại thật mau, dùng phương pháp nhanh như cắt đánh một trận đặng tiêu diệt quân địch.

8. Cách đánh mai phục

Nếu như địch nhân sừng sững kéo tới, chúng ta kiếm những nơi có địa hình hiểm trở, rồi phục binh ở đó tới khi địch nhân đi qua, đánh cho một trận kịch liệt, tiêu diệt địch quân.

9. Cách đánh lén ngang đường

Khi do thám biết rằng địch nhân thế nào cũng đi qua nơi ấy, thời phái một bộ đội nhỏ gồm có những tay thiện xạ ẩn núp ở bên núi cao, hay bên vệ đường hiểm yếu, hay núp trong bụi cây rậm rạp, chờ tới khi bộ phận trọng yếu bên địch đi qua, thì lăn đá bắn súng xuống, nhằm vào những viên quan chỉ huy quân địch mà bắn.

B. Cách đối phó với địch nhân ưu thế

1. Địch tiến, ta thoái

Nếu như binh lực bên địch yếu hơn ta, thì không dám tiến đánh ta. Bởi vậy, khi quân địch tiến đánh ta, ta có thể đoán trước là quân địch hơn ta. Muốn chiếm địa vị chủ động, có chuẩn bị, có kế hoạch sẵn sàng, thì ta nên tránh sự xung đột với chúng. Phải kéo đi trước khi quân địch kéo tới.

Nếu như đến nửa đường gặp quân địch, không rõ địch tình hoặc biết trước là địch nhân hơn ta, thì không còn do dự gì nữa, gìn giữ cho khéo, rồi tháo lui mau chóng.

Khi ta thoái lui, chớ nên đi đường cái kéo chạy thẳng một mạch, để địch quân cứ theo đuổi đến cùng, cần phải đi vòng quanh gần đấy; quân địch ở trên núi, ta thoái xuống núi; quân địch ở chân núi, ta leo lên đỉnh núi; quân địch ở giữa, ta đi sang hai bên; quân địch ở bên tả ngạn sông, ta thoái đi qua hữu ngạn, quân địch ở hữu ngạn, ta thoái sang tả ngạn.

Khi thoái lui ở ngã ba đường, con đường mà chúng ta không đi, thì cố ý đánh rơi ít đồ đạc hay phái một bộ đội nhỏ đi qua đó dẫm thành những lối chân, hoặc dán biểu ngữ, khẩu hiệu, còn như đường lối mà ta đi, hết sức cẩn thận, đừng để có vết tích gì tỏ ra là ta đi qua con đường đó, làm cho địch nhân lầm đường, đuổi theo một cách vô ích.

Lúc bấy giờ, tốt hơn hết là ta phái một ít quân chia nhau thoái lui theo các ngả đường, làm cho địch nhân không biết đường nào mà đuổi. Còn đại bộ phận quân ta còn ở lại đấy,

đem hết quần áo, binh phục và võ khí chôn cất kỹ càng, rồi hoá trang giả làm những kẻ lái buôn, thày bói đi các ngả đường phao truyền tin nhảm, hoặc đi trinh thám địch quân, xem có bao nhiêu người và định làm gì. Hoặc khi quân địch cắm trại, thì đi thám thính biết chỗ đóng quân của chúng, hay những con đường có quân địch canh phòng, thời mau về báo quân ta. Giả thử quân địch hỏi quân ta thoái ngả nào, đường nào, thì đông nói tây, tây nói đông, có ít xít nhiều, có nhiều nói ít, và phao truyền tin nhảm, đợi khi quân ta kéo về tiến công, lúc bấy giờ, ăn bận quần áo cũ vào và đeo khí giới sẵn sàng, dự bị hưởng ứng quân ta đánh cho quân địch tan tành, không đường chạy trốn.

2. Địch thoái, ta tiến

Quân địch thoái lui, ta nên thừa cơ tiến diệt vì lúc bấy giờ địch nhân tất nhiên có sự thay đổi về mặt hành động quân sự, cho nên có kế hoạch thoái lui. Đã theo kế hoạch thoái lui, thì không có ý muốn cùng ta quyết chiến nữa. Nếu ta đánh vào đằng sau quân địch, đội đi sau cùng che chở bên địch, nhất định sẽ không quyết tâm đánh nhau với ta, còn đội quân địch đi trước vì phải theo kế hoạch của chúng nên rất khó quay trở lại đánh nhau với ta. Như ở những nơi rừng núi hiểm trở, đường núi quanh co, sông ngòi uốn khúc, cầu cống thật nhiều, nếu có quay đầu trở lại được nữa, đội quân đi sau đã bị quân ta tiêu diệt rồi, võ khí cũng đã bị bóc lột hết rồi. Lúc bấy giờ ta phải kiếm cách phá hoại cầu cống, cắt đứt giây thép, v.v., tốt hơn là đợi một bộ đội lớn bên địch đã rút lui rồi, còn lại một ít bộ đội hậu vệ sau cùng chống cự với quân ta, thì ta phải chiếm hết đường lối thoái lui của chúng, làm cho địch nhân muốn thoát cũng không được, muốn cứu cũng không xong. Nhưng lúc bấy giờ, trách nhiệm dân chúng rất nặng nề là phải do thám cho rõ đường lối và phương hướng thoái lui bên địch, xem có phục binh không, có khi địch quân giả vờ thoái, rồi hai cánh quân thoái lui quay lại bao vây quân ta, thì dân chúng phải lập tức báo cáo cho quân đội ngay để cho quân đội ta yên tâm theo đuổi truy đánh quân địch.

3. Địch nghỉ, ta quấy

Quân địch mới tới vùng ta, địa thế không thạo, ngôn ngữ khác nhau, chỗ nào cũng có tiếng súng, nhất định luôn luôn canh phòng nghiêm ngặt, không dành một phút nghỉ ngơi. Bởi vậy, một là, vì tinh thần cũng như xác thịt hết sức khổ sở, địch quân dù gan góc, liều lĩnh đến mấy đi nữa cũng phải lung lay và mỏi mệt. Đợi khi quân địch tinh thần dao động, thân thể mỏi mệt rồi, lúc bấy giờ, quân ta hợp với dân chúng đánh thốc vào quân địch, nhất định sẽ thắng lợi.

4. Đoạn tuyệt giao thô[1]

Giây thép [2] hay giây thép từ chỗ này qua chỗ khác cần phải kiếm cách cắt đứt đi, đường lối, thuyền bè, xe cộ cần phải phá phách đi hoặc chiếm lấy. Còn như việc bắt lính giao thông bên địch cũng rất cần, làm cho bên địch không thể liên lạc được với nhau và không tiếp tế được.

C. Cách xử trí với địch nhân yếu thế

Trong cuộc chiến tranh gay gắt với quân thù để giành nền độc lập cho Tổ quốc, địch nhân sẽ dùng đủ mọi thủ đoạn cực dã man để đối phó lại với chúng ta. Muốn đạt tới nhiệm vụ của đội quân du kích là tiêu diệt sức phấn đấu của địch, làm phấn khởi tinh thần anh dũng của dân chúng, đối với địch nhân yếu thế, cố nhiên là không ngần ngại gì nữa, phải liên lạc dân chúng ở đó bao vây địch nhân, đánh cho tiêu tan đặng tiêu diệt chúng.

D. Làm thế nào công kích địch nhân

1. Đánh lén

Thừa lúc đêm tối, trời rét như cắt, tuyết xuống đầy đồng, mưa sa bão táp, sương mù phủ kín non sông, sự canh phòng của quân địch sơ sài, hoặc địch nhân mới đến cắm trại lạ cảnh lạ người, ta đánh thốc vào một cách mau chóng, thế nào cũng thắng lợi. Cổ nhân có câu: "xuất kỳ bất ý, công kỳ bất

---

[1] Cắt đứt liên lạc.

[2] Giây thép nói: giây điện thoại.

bị" (Thừa lúc địch nhân hớ hênh, đánh chỗ địch nhân không đề phòng).

Khi đánh lén, điều động đại bộ đội nhằm đánh vào nơi trọng yếu bên địch một cách mãnh liệt, còn một bộ đội khác thì đánh vào bên sườn, cũng có khi dùng toàn lực công kích vào một nơi hoặc chia làm nhiều toán, chia nhau tiến đánh khắp mọi nơi cùng một lúc. Nhưng cần phải có kế hoạch chu đáo để tránh khỏi bộ đội mình hỗn loạn hay lầm lẫn nhau. Bởi vậy, trước khi chưa thực hành đánh lén, cần phải đặt ra tín hiệu hay dấu hiệu.

Công việc đánh úp cần phải im hơi lặng tiếng, không nên xôn xao, trò chuyện ầm ỹ, bắn súng lung tung. Khi chưa đến gần được địch nhân hay chưa có dịp tốt, không nên vì nghe thấy tiếng súng bên địch bắn, rồi là cũng bắn lung tung trả lại. Chỉ có khi nào có dịp tốt hay đã lọt được vào trong vòng đất đai bên địch rồi, mới có thể hô hoán tiến công được. Nên kịch liệt tiến công vào trước mặt, bên sườn; trước khi đến nơi ta định chiếm, nếu xét ra không thể nào tránh xung đột, thì phải quyết tâm công kích thật mau chóng làm cho địch nhân chuẩn bị không kịp. Nếu biết trước rằng địch nhân có chuẩn bị chu đáo, thì cần phải thận trọng.

Lúc đi đánh lén, đã đến trước hậu phương quân địch rồi, không nên làm lỡ cơ hội, phải nỗ lực do thám cho biết kho súng đạn, lương thực ... bên địch, rồi kiếm đủ mọi cách thiêu đốt đi, dùng mìn, thuốc nổ phá hoại pháo đài, bóp gác và các thứ kiến trúc bên địch đi. Công việc này cần phải liên lạc mật thiết với dân chúng mới có thể đạt được mục đích.

Khi công kích đã đạt tới mục đích rồi, phải nhanh chóng rút lui. Lúc trở về, cần phải kiếm con đường tắt mà đi tới một quãng đường khá xa nào đó, rồi sẽ quay trở lại nơi mình định tập hợp, làm cho địch quân không tài nào thám thính được tung tích của quân ta.

2. Đánh mai phục

Cần phải do thám biết trước con đường mà địch quân sẽ đi qua, phái quân ra mai phục ở hai bên vệ đường, núp ở quãng đường hành quân khó khăn nhất (như trèo đèo, qua sông), đợi khi cái đích mà ta cần đánh nhất tới nơi (ví dụ: chỉ huy quan cao cấp, pháo binh, hành lý, xe cộ vận tải, v.v.) thì ta cùng nhau nhằm bắn kịch liệt.

Có mấy điều cốt yếu về cách phục binh như dưới:

a- Cách thức phục binh vô luận theo kiểu đại quy mô hay tiểu quy mô, cần chọn những nơi hiểm yếu quân địch đi qua rất khó khăn và những quãng đường hẻm, v.v., lại còn phải tính tới chỗ quân ta có thể lẩn đi mau chóng vô cùng.

b- Nhằm bắn pháo binh, kỵ binh hay quan chỉ huy, cần phải tìm chỗ nào ẩn núp để bắn, ví như: hang ở gần đường, bụi cây, nhà, những mô đất cao bên kia sông chẳng hạn.

c- Đối với đội pháo thủ, đội vận tải bên địch, cần mai phục ở trong rừng rậm, quãng đường nhỏ hẹp trên dốc, hay núp ở nhà dân chúng.

d- Đối với đội quân nhỏ và đội trinh thám bên địch, có thể núp ở ngay hai bên vệ đường cũng được.

e- Khi mai phục, cần phải núp cho thật kín và hết sức yên lặng, vô luận ngày đêm tuyệt đối không được nói chuyện để địch nhân khỏi biết chỗ núp của ta. Vạn nhất địch nhân đã biết ta rồi, thì phải lập tức kéo đi ngay hay thay ngay chỗ núp.

g- Khi mai phục, muốn phát động thì đợi tới khi địch nhân đã đi quá già nửa rồi, có khi cái đích mà ta định bắn (như viên quan chỉ huy) hoặc lúc quân địch đi qua đã đến giữa sông, khi nghỉ ngơi, cắm trại, ăn cơm chẳng hạn, thực tế mai phục một cách đại quy mô thì nên chia làm mấy nơi: trước, giữa và sau, rồi cùng nhau phát động làm cho quân địch bị đánh bằng mưu, làm cho chúng đại bại.

3. Đánh úp ban đêm

Xem thế quân địch hơn ta về lực lượng và binh khí mà ta không đủ sức chống lại, thì phải hóa chỉnh vi linh, phân tán để ẩn núp thật kín đáo ở các làng, rừng núi, ban ngày không được ra ngoài, đợi đến tối, tứ phía bắn đùng đoàng làm cho

quân địch bối rối, hoang mang, chưa tìm được cách nào để đối phó. Lúc bấy giờ, ta phải biến linh vi chỉnh, nghĩa là lại tập hợp quân ta lại đánh thốc vào quân địch để tiêu diệt chúng. Nhưng khi thi hành phương pháp đánh như thế, cần chú ý mấy điều này:

a- Điều động cực kỳ bí mật

Những kế hoạch trước khi đưa ra và sau khi ra rồi phải giữ tuyệt đối bí mật vì rằng: Nếu một khi bên địch biết trước rồi, thì sự chuẩn bị hành động của ta vô hiệu quả, vả lại có khi thất bại lớn nữa là khác.

b- Cần biết rõ tình hình quân địch (ví dụ: Biết rõ địch nhân có bao nhiêu người, sức chiến đấu mạnh hay yếu, cách tổ chức quân địch và tinh thần quân sĩ ra sao?).

c- Cần thông thạo địa thế như: núi non, sông ngòi, rừng rú, đồng bằng, đường lối, v.v., chỗ nào có địch nhân canh phòng, chỗ nào có đường tắt, đi tới chỗ nào, có thể bao vây để tiêu diệt địch quân được không?

Những điều cốt yếu trên đây cần phải hiểu một cách rõ ràng. Sau đó mới tiến đến một nơi gần quân địch nhất định, đánh thốc vào quân địch đặng tiêu diệt chúng.

E. Làm thế nào do thám địch nhân

1. Muốn do thám các thứ quân đội bên địch, trước hết cần biết rõ có nhiều thứ binh khác nhau đã. Trừ có bộ binh, kỵ binh, pháo binh, công binh, đội quân vận tải ra, lại còn có thêm lính đặc biệt nữa, như dưới:

a- *Bộ binh:* Bộ binh Nhật đeo súng dài và có cả súng liên thanh hạng nặng, có đôi khi có cả súng ca nông hạng nhẹ nữa. Lính này có một miếng huy hiệu đỏ ở cổ áo (lính Nhật).

b- *Kỵ binh:* Lính kỵ mã cưỡi ngựa, đeo súng liên thanh và mang ca nông hạng nhỏ, có miếng huy hiệu xanh màu lá mạ ở cổ áo (lính Nhật - quân Tàu: vàng).

c- *Pháo binh:* Dùng lừa ngựa hay ô tô kéo đại bác, ca nông, còn như đại bác hạng nặng thì phải dùng tới xe ô tô vận tải hay 6 con ngựa kéo mới được. Đấy là đại bác hạng nặng.

Còn như thấy nòng súng thật dài lại dựng đứng, đấy là đội cao xạ. Đội lính này có huy hiệu ở cổ áo màu vàng (lính Nhật - Tàu: màu trắng xanh).

d- *Công binh:* Lính này mang các khí cụ như cuốc xẻng để làm việc. Trong đội lính này gồm có: Đội bắc cầu, đội thông tin, đội địa lôi, đội đường sắt. Huy hiệu ở cổ áo màu nâu (lính Nhật - Tàu: màu trắng).

e- *Đội vận tải:* Dắt lừa ngựa kéo xe hay dùng xe hơi để vận tải đồ đạc lương thực, v.v.. Huy hiệu ở cổ áo của lính này màu trắng (lính Nhật - Tàu: màu tím).

g- *Còn các lính khác:* Các đội quân thiết giáp, đội không quân, hiến binh, đội vệ binh cũng dễ nhận.

Ngoài ra còn có những đội quân y không mặc áo lính.

2. Do thám xem có bao nhiêu quân địch

Cần đếm từng hàng một, rồi nhẩm xem một đội có bao nhiêu, nhưng vì thời gian quan hệ, ta không dễ gì làm ngay được nhiệm vụ ấy. Cái cách điều tra tiện hơn, đại khái gồm có:

a- *Đại đội bộ binh.* Một trung đội của Nhật, Tàu gọi là "Liên", nhưng một Liên không có cờ và có 150 tên lính.... Cứ 4 trung đội thì có một đội súng cối xay (dùng ngựa kéo) tức là một đại đội, Tàu gọi là "Doanh", có chừng bẩy, tám trăm người một đại đội quân Nhật có một lá cờ trắng ở giữa có những vệt đen đỏ.

Cứ ba đại đội có 1 đội súng ca nông hạng nhẹ dùng ngựa kéo tức là một liên đội, có lá cờ vuông (lúc thường cuốn tròn lại).

b- *Kỵ binh.* Về kỵ binh, thì đếm xem có bao nhiêu người cưỡi ngựa là được.

c- *Pháo binh.* Đếm xem có bao nhiêu nòng súng đại bác hạng nặng, hạng nhẹ.

d- *Công binh.* Công binh cũng biên chế giống như bộ binh.

e- *Các thứ khác.* Đây là những thứ lính đặc biệt, phụ thuộc, không quan trọng mấy, biết rõ các thứ lính là được rồi. Nhưng đội không quân, cần phải điều tra xem có bao nhiêu máy bay.

3. Do thám mưu mô bên địch

Đấy là một việc rất khó khăn, thường thường người ta dò la địch nhân ở đâu đến và định đi đâu, cũng có thể do đó mà phán đoán được đôi phần. Nhưng đấy chưa phải là phương pháp đúng đắn. Tốt hơn là cần phải:

a- *Giả cách hoan nghênh*

ở nơi mà quân địch kéo qua hay sẽ đến đông, ta giả làm ra bộ nhiệt thành ra hoan nghênh, săn sóc quân địch. Nhân đó, ta được gần gũi binh lính, phu tải bên địch, rồi cùng họ trò chuyên lân la, dò la xem sẽ đi đâu và đi làm gì. Nếu như quân địch không hiểu tiếng ta thì khó khăn đấy. Nhưng trong bộ đội quân địch cũng có người mình bị chúng lợi dụng làm việc cho chúng. Nếu cần phái bà già hay trẻ con gần gũi họ, dò la cũng có thể biết được tin tức.

b- *Giả đi làm trinh thám cho địch nhân để thám thính bên địch*

Muốn giả đi làm trinh thám bên địch, thời trước hết đem một ít tin tức quân ta báo cho quân địch biết, nhưng những tin tức ấy không quan hệ gì, miễn làm cho địch nhân tin ta là được. Rồi sau lấy những tin láo lếu không thiết thực lừa dối địch quân. Đem những tin tức quan trọng bên địch báo cáo cho quân ta, đấy là một phương pháp rất tốt, nhưng phải kén chọn lấy những người có kế hoạch và giác ngộ khá để khỏi bị địch nhân mua chuộc. Đôi khi phái ít đàn bà, con gái đi gần gũi quân địch, chịu hy sinh cả xác thịt làm cho quân địch khỏi ngờ, rồi dò la tình hình quân địch, đưa những tin tức quan trọng báo cáo cho quân ta biết. Làm như vậy các chị đàn bà, con gái hết sức khổ tâm đấy, nhưng vì quyền lợi quốc gia, dân tộc, hy sinh như vậy ắt cũng vui lòng.

c- *Dùng mỹ nhân kế*

Công việc này cũng là việc của các chị con gái có nhan sắc đi bắt chim viên quan chỉ huy hay binh sĩ cũng được. Có đôi khi dùng cách ly gián quân địch, hoặc thám thính tin tức, hoặc ăn cắp mệnh lệnh cùng địa đồ bên địch. Dùng đủ mọi thủ đoạn để đạt mục đích của ta, có đôi khi phải hy sinh xác thịt cũng đành. Nếu như không có thể dò la được tin tức gì cũng như không thể dùng cách nào ly gián được, thời tìm

cách ám sát viên quan chỉ huy bên địch đi hoặc đốt cơ quan trọng yếu đi, liều cùng địch nhân một chết cũng cam tâm.

4. *Trinh thám địa hình*

Đối với những địa hình ở gần quân địch, như bến đò, đường lối, phải dò la xem có con đường tắt nào đi vòng quanh không ? Qua bến đò đi về con đường đó có được không ? Cần dò la kỹ càng thì hành động quân ta mới chắc chắn thắng lợi.

Ngoài ra còn phải chú ý những điều sau này:

a- Đi dò la một nơi nào phải cần chú ý đến đường lối, phương hướng rộng hay hẹp, đất cát thế nào. Đồng thời phải xem xét có tiện cho sự hành quân của pháo binh, kỵ binh, đội vận tải và các thứ lính khác đi qua không ?

b- Có rừng núi làng mạc gì không? Và cần phải chú ý xem những rừng núi cùng làng mạc đó có trù mật lắm không ? Diện tích là bao nhiêu?

Nếu phải qua sông ngòi, cần chú ý xem rộng hay hẹp, nước chảy từ từ hay chảy xiết, hai bên bờ có đò không ? có cầu không ? Nếu như có cầu, nói kỹ xem pháo binh, đội quân vận tải xe cộ có thể qua được không ?

5. *Dò la tình hình bên địch*

Đối với ý định, binh lực và các thứ quân lính bên địch cũng như trên đã nói qua, nhưng những khi cắm trại và những nơi quân chủ lực bên địch đóng, cùng những nơi trống không và những tình hình này khác cần dò la cho kỹ càng. Phải chú ý mấy điểm sau này:

a- Thấy địch nhân ở nơi nào, hạng lính gì có bao nhiêu người? xe tăng máy bay bên địch có bao nhiêu và để ở chỗ nào?

b- Phía trước và sau lưng quân địch, phố xá cùng những nơi phòng ngự, pháo đài, tình hình và dùng những bộ đội nào giữ ở nơi đó.

c- Vị trí binh trạm, các kho súng đạn, lương thực ở đâu?

d- Trong khi đánh nhau, cần phải chú ý tình hình bên địch, quân trù bị hai bên cạnh sườn.

e- Xét xem quân lính bên địch có muốn đánh nhau hay không? và xét xem binh lính bên địch đối với tướng quan và

nhân dân ra sao?
Những nhân viên phụ trách công việc do thám cần chú ý lợi dụng và liên lạc với dân chúng trong vùng. Nhưng chú ý: họ giác ngộ, đồng tình với ta và muốn cùng ta hợp tác mới dùng được. Trái lại, nếu họ không giác ngộ, bị địch nhân lợi dụng làm chó săn, chim mồi, phải đề phòng cẩn thận.
Trinh thám cốt yếu là dò la xem có những tổ chức nào địch phá ta không ? Nếu như có, thời hãy bày mưu, lập kế phá hoại, hoặc giết kẻ thủ lĩnh trong bọn, xử tử đi để làm gương cho kẻ khác.

NHẬT KÝ TRONG TÙ[29]

Viết bằng chữ Hán năm 1942-1943
Bản dịch của Viện văn học.
In trong sách *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù,*
Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1993

Theo bài in trong sách.
Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù.

Bài 1

Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại;
Dục thành đại sự nghiệp,
Tinh thần cánh yếu đại[11].

Thân thể ở trong ngục,
Tinh thần ở ngoài ngục;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

NAM TRÂN *dịch*

[11]) Trong nguyên bản, bốn câu thơ này không có đầu đề, chép ở ngoài bìa tập *Ngục trung nhật ký* cùng hình vẽ hai tay bị xiềng, có lẽ được tác giả coi như một lời đề từ cho toàn tập.

Bài 2

KHAI QUYẾN

Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,
Nhân vị tù trung vô sở vi;
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật,
Thả ngâm thả đãi tự do thì.

Mở ĐầU TậP NHậT Ký

Già này vốn không thích ngâm thơ,
Nhân vì trong ngục không có gì làm;
Hãy mượn việc ngâm thơ cho qua ngày dài,
Vừa ngâm vừa đợi ngày tự do.

Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 3

TạI TúC VINH NHAI Bị KHấU LưU

Túc Vinh khước sử dư mông nhục,
Cố ý trì diên ngã khứ trình;
Gián điệp hiềm nghi không niết tạo,
Bả nhân danh dự bạch hy sinh.

Bị BắT GIữ ở PHố TúC VINH[12)]

Phố tên Túc Vinh mà khiến ta mang nhục[13)],
Cố ý làm chậm trễ hành trình của ta;
Bày đặt ra trò tình nghi gián điệp,
Không dưng làm mất danh dự của người.

Túc Vinh mà để ta mang nhục,
Cố ý dằng dai, chậm bước mình;
Bịa chuyện tình nghi là gián điệp,
Cho người vô cớ mất thanh danh.

HUệ CHI *dịch*

---

[12]) *Túc Vinh*: tên một phố ở thị trấn huyện Thiên Bảo, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tác giả bị bắt ở đây ngày 29-8-1942.

[13]) Trong câu thơ này tác giả có dụng ý chơi chữ: lấy *mông nhục* (mang nhục) đối lập với *túc vinh* (đủ vinh) để làm tăng ý nghĩa mỉa mai hài hước của bài thơ, gián tiếp chế giễu việc bắt người vô lý của nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch.

Bài 4

NHậP TĩNH TÂY HUYệN NGụC

Ngục trung cựu phạm nghênh tân phạm,
Thiên thượng tình vân trục vũ vân;
Tình, vũ, phù vân phi khứ liễu,
Ngục trung lưu trú tự do nhân.

VàO NHà NGụC HUYệN TĩNH TÂ[1]

Trong ngục tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Mây tạnh, mây mưa, mấy đám mây nổi bay đi hết,
Chỉ còn lại người tự do trong ngục.

Trong lao tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Tạnh, mưa, mây nổi bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.

NAM TRÂN *dịch*

[1] *Tĩnh Tây*: một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, gần biên giới Trung - Việt. Tác giả bị bắt ở thị trấn Thiên Bảo, quá Tĩnh Tây mấy chục kilômét, nhưng lại bị đưa trở lại Tĩnh Tây giam giữ.

Bài 5 - 6 - 7

THế Lộ NAN

I

Tẩu biến cao sơn dữ tuấn nham,
Na tri bình lộ cách nan kham;
Cao sơn ngộ hổ chung vô dạng ,
Bình lộ phùng nhân khước bị giam.

II

Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân,
Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân;
Vô nại phong ba bình địa khởi,
Tống dư nhập ngục tác gia tân.

III

Trung thành, ngã bản vô tâm cứu,
Khước bị hiềm nghi tố Hán gian;
Xử thế nguyên lai phi dị dị,
Nhi kim xử thế cánh nan nan!

ĐườNG ĐờI HIểM TRở

I

Đi khắp non cao và núi hiểm,
Nào ngờ đường phẳng lại khó qua;
Núi cao gặp hổ rút cục vẫn không việc gì,
Đường phẳng gặp người lại bị bắt!

II

Ta vốn là đại biểu của dân Việt Nam,
Định đến Trung Hoa gặp nhân vật trọng yếu;
Không dưng đất bằng nổi sóng gió,
Đưa ta vào làm "khách quý" trong tù.

III

Vốn trung thực thành thật, ta không có
điều gì thẹn với lòng,
Thế mà bị tình nghi là Hán gian;
Việc xử thế vốn không phải là dễ,
Lúc này, xử thế càng khó khăn hơn.

I

Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!
Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tống lao.

II

Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm "khách quý" tại nhà giam!

III

Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian;
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay, xử thế khó khăn hơn.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 8 - 9

TảO

I

Thái dương mỗi tảo tòng tường thượng,
Chiếu trước lung môn, môn vị khai;
Lung lý hiện thời hoàn hắc ám,
Quang minh khước dĩ diện tiền lai.

II

Tảo khởi nhân nhân tranh liệp sắt,
Bát chung hưởng liễu, tảo xan khai;
Khuyến quân thả ngật nhất cá bão,
Bĩ cực chi thì tất thái lai.

BUổI SớM

I

Mỗi sớm, mặt trời vượt lên khỏi đầu tường,
Chiếu tới cửa nhà lao, cửa chưa mở;
Giờ đây trong lao còn đen tối,
Nhưng ánh sáng đã bừng lên phía trước mặt.

II

Sớm dậy, mọi người đua nhau bắt rận,
Chuông điểm tám giờ, bữa cơm sáng bắt đầu;
Khuyên anh hãy cứ ăn no,
Khổ đến tột cùng, vui ắt tới.

I

Đầu tường sớm sớm vầng dương mọc,
Chiếu cửa nhà lao, cửa vẫn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
ánh hồng trước mặt đã bừng soi.

NAM TRÂN *dịch*

II

Sớm dậy, người người đua bắt rận,
Tám giờ chuông điểm, bữa ban mai;
Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng,
Bĩ cực rồi ra ắt thái lai.

NAM TRÂN - XUÂN THUỷ
dịch

Bài 10

NGọ

Ngục trung ngọ thụy chân thư phục,
Nhất thụy hôn hôn kỷ cú chung;
Mộng kiến thừa long thiên thượng khứ,
Tỉnh thì tài giác ngoạ lung trung.

BUổI TRƯA

Trong nhà lao, giấc ngủ trưa thật khoan khoái,
Một giấc say sưa suốt mấy tiếng liền;
Mơ thấy cưỡi rồng bay lên trời,
Khi tỉnh dậy mới biết mình vẫn nằm trong ngục.

Trong tù khoan khoái giấc ban trưa,
Một giấc miên man suốt mấy giờ;
Mơ thấy cưỡi rồng lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 11

VấN THOạI

Xã hội đích lưỡng cực,
Pháp quan dữ phạm nhân;
Quan viết: nhĩ hữu tội,
Phạm viết: ngã lương dân;
Quan viết: nhĩ thuyết giả,
Phạm viết: ngã ngôn chân;
Pháp quan tính bản thiện,
Giả trang ác ngân ngân;
Yếu nhập nhân ư tội,
Khước giả ý ân cần;
Giá lưỡng cực chi gian,
Lập trước công lý thần.

LờI HỏI

Hai cực của xã hội,
Quan toà và phạm nhân;
Quan bảo: anh có tội,
Phạm nhân thưa: tôi dân lành;

Quan bảo: anh nói dối,
Phạm nhân thưa: tôi nói thật;
Quan toà tính vốn thiện,
Lại hầm hầm giả làm bộ ác;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
Giữa hai cực này,
Có thần công lý đứng.

Hai cực trong xã hội,
Quan toà và phạm nhân;
Quan rằng: anh có tội,
Phạm thưa: tôi lương dân;
Quan rằng: anh nói dối,
Phạm thưa: thực trăm phần;
Quan toà tính vốn thiện,
Vờ làm bộ dữ dằn;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
ở giữa hai cực đó,
Công lý đứng làm thần.

HUệ CHI - NGUYễN Sĩ LÂM
dịch

Bài 12

NGọ HậU

Nhị điểm khai lung hoán không khí,
Nhân nhân ngưỡng khán tự do thiên;
Tự do thiên thượng thần tiên khách,
Tri phủ lung trung dã hữu tiên ?

QUá TRƯA

Hai giờ chiều, nhà lao mở cửa đổi không khí,
Mọi người ngẩng lên ngắm trời tự do;
Khách thần tiên trên trời tự do,
Biết chăng trong tù cũng có tiên?

Hai giờ ngục mở thông hơi,
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do;
Tự do tiên khách trên trời,
Biết chăng trong ngục có người khách tiên.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Hai giờ ngục mở thay không khí,
Ai nấy nhìn lên: trời tự do!
Tiên khách tự do trên thượng giới,
Biết chăng, tiên cũng ở trong tù ?

Vũ HUY ĐộNG *dịch*

Bài 13

VãN

Vãn xan ngật liễu, nhật tây trầm,
Xứ xứ sơn ca dữ nhạc âm;
U ám Tĩnh Tây cấm bế thất,
Hốt thành mỹ thuật tiểu hàn lâm.

CHIềU HÔM

Cơm chiều xong, mặt trời lặn về tây,
Khắp nơi, rộn tiếng ca dân dã và tiếng nhạc;
Nhà ngục u ám huyện Tĩnh Tây,
Bỗng thành một viện hàn lâm nghệ thuật nhỏ.

Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm;
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 14

Tù LươNG

Mỗi xan nhất uyển hồng mễ phạn,
Vô diêm, vô thái, hựu vô thang;
Hữu nhân tống phạn, ngật đắc bão,
Một nhân tống phạn, hám gia nương.

CƠM Tù

Mỗi bữa một bát cơm gạo đỏ,
Không muối, không rau cũng chẳng canh;
Có người đem cơm, được ăn no,
Không người đem cơm, đói kêu cha kêu mẹ.

Không rau, không muối, canh không có,
Mỗi bữa lưng cơm đỏ gọi là;
Có kẻ đem cơm còn chắc dạ,
Không người lo bữa đói kêu cha.

NAM TRÂN - BĂNG THANH
dịch

Bài 15

NạN HữU XUY ĐịCH

Ngục trung hốt thính tư hương khúc,
Thanh chuyển thê lương điệu chuyển sầu;
Thiên lý quan hà vô hạn cảm,
Khuê nhân cánh thướng nhất tằng lâu.

NGƯờI BạN Tù THổI SáO

Trong tù bỗng nghe khúc nhạc nhớ quê hương,
Âm thanh trở nên thê lương, tình điệu trở nên sầu muộn;
Nước non xa cách nghìn trùng, cảm thương vô hạn,
Người chốn phòng khuê lại bước lên một tầng lầu.

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu;
Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:
Trong lao vẳng khúc nhạc tình quê,
Âm chuyển sầu thương, điệu tái tê;
Nghìn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu ai đó, chốn phòng khuê.

HUệ CHI *dịch*

Bài 16-17

CướC áP

I

Tranh ninh ngã khẩu tự hung thần,
Vãn vãn trương khai bả cước thôn;
Các nhân bị thôn liễu hữu cước,
Chỉ thặng tả cước năng khuất thân.

II

Thế gian cánh hữu ly kỳ sự,
Nhân mẫn tranh tiên thượng cước kiềm;
Nhân vị hữu kiềm tài đắc thụy,
Vô kiềm một xứ khả an miên.

CáI CùM

I

Miệng đói dữ tợn như một hung thần,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Người nào cũng bị nuốt chân phải,
Chỉ còn chân trái co duỗi được thôi.

II

Trên đời lại có chuyện thật là kỳ,
Mọi người tranh nhau đến trước để cùm chân;
Vì có cùm chân mới được ngủ,
Không cùm chân thì không chỗ ngủ yên.

I

Dữ tựa hung thần miệng chực nhai,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Mọi người bị nuốt chân bên phải,
Co duỗi còn chân bên trái thôi.

II

Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu ?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 18-19-20

HọC DịCH Kỳ

I

Bế toạ vô liêu học dịch kỳ,
Thiên binh vạn mã cộng khu trì;
Tấn công thoái thủ ưng thần tốc,
Cao tài tật túc tiên đắc chi.

II

Nhãn quang ưng đại tâm ưng tế,
Kiên quyết thì thì yếu tấn công;
Thác lộ, song xa dã một dụng,
Phùng thời, nhất tốt khả thành công.

III

Song phương thế lực bản bình quân,
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;
Công thủ vận trù vô lậu toán,
Tài xứng anh dũng đại tướng quân.

HọC ĐáNH Cờ

I

Ngồi trong giam cấm buồn tênh, học đánh cờ,
Nghìn quân muôn ngựa cùng rong ruổi;
Tấn công, lui giữ đều phải thần tốc,
Tài cao, chân nhanh mới được nước trước.

II

Tầm nhìn phải rộng, suy nghĩ phải sâu,
Phải kiên quyết, luôn luôn tấn công;
Lạc nước, hai xe cũng thành vô dụng,
Gặp thời, một tốt có thể thành công.

III

Thế lực hai bên vốn ngang nhau,
Kết cục thắng lợi thuộc về một người;
Tính kế đánh hay giữ không sơ hở,
Mới xứng là bậc đại tướng anh dũng.

I

Tù túng đem cờ học đánh chơi,
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài;
Tấn công, thoái thủ nên thần tốc,
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.

II

Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.

III

Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG
dịch

Bài 21

VọNG NGUYệT

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

NGắM TRĂNG

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?
Người hướng ra trước song ngắm trăng sáng,
Từ ngoài khe cửa, trăng ngắm nhà thơ.

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 22

PHÂN THUỷ

Mỗi nhân phân đắc thuỷ bán bồn,
Tẩy diện, phanh trà các tuỳ tiện;
Thuỳ yếu tẩy diện, vật phanh trà,
Thuỳ yếu phanh trà, vật tẩy diện.

CHIA NƯớC

Mỗi người được chia nửa chậu nước,
Rửa mặt hoặc đun trà, tuỳ ý mình;
Ai muốn rửa mặt, đừng đun trà,
Ai muốn đun trà, thôi rửa mặt.

Mỗi người phần nước vừa lưng chậu,
Rửa mặt đun trà tự ý ta;
Ai muốn đun trà, đừng rửa mặt,
Ai cần rửa mặt, chớ đun trà.

NAM TRÂN - TRầN ĐắC THọ
dịch

Bài 23-24

TRUNG THU

I

Trung thu thu nguyệt viên như kính,
Chiếu diệu nhân gian bạch tự ngân;
Gia lý đoàn viên ngật thu tiết,
Bất vong ngục lý ngật sầu nhân.

II

Ngục trung nhân dã thưởng trùng thu,
Thu nguyệt thu phong đới điểm sầu;
Bất đắc tự do thưởng thu nguyệt,
Tâm tuỳ thu nguyệt cộng du du!

TRUNG THU

I

Trăng trung thu tròn như gương,
Chiếu rọi cõi đời, ánh trăng trắng như bạc;
Nhà ai sum họp ăn tết trung thu,
Chẳng quên người trong ngục nuốt sầu.

II

Người trong ngục cũng thưởng thức trung thu,
Trăng thu, gió thu đều vương sầu;
Không được tự do ngắm trăng thu,
Lòng theo cùng trăng thu vời vợi.

I

Trung thu vành vạnh mảnh gương thu,
Sáng khắp nhân gian bạc một màu;
Sum họp nhà ai ăn tết đó,
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.

II

Trung thu ta cũng tết trong tù,
Trăng gió đêm thu gợn vẻ sầu;
Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 25

Đổ

Dân gian đổ bác bị quan lạp,
Ngục lý đổ bác khả công khai;
Bị lạp đổ phạm thường ta hối:
Hà bất tiên đáo giá lý lai!?

ĐáNH BạC

Ngoài dân đánh bạc thì bị quan bắt,
Trong tù đánh bạc có thể công khai;
Con bạc bị tù thường hối tiếc:
Sao không sớm vào quách chốn này!?

Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội,
Trong tù đánh bạc được công khai;
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:
Sao trước không vô quách chốn này!?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 26

Đổ PHạM

Công gia bất cấp đổ phạm phạn,
Dục linh tha mẫn hối tiền phi;
"Ngạch" phạm hào soạn thiên thiên hữu,
Cùng phạm cơ diên cộng lệ thuỳ.

Tù Cờ BạC

Nhà nước không phát cơm cho tù cờ bạc,
Muốn cho họ hối cải lỗi trước;
Nhưng bọn tù sừng sỏ ngày nào cũng có cơm thịt,
Còn tù nghèo, đói chảy dãi cùng với nước mắt.

Quan không cấp bữa cho tù bạc,
Để họ mau chừa tội cũ hơn;
Tù "cứng" ngày ngày no rượu thịt,
Tù nghèo, dãi với lệ cùng tuôn.

NAM TRÂN - HUệ CHI *dịch*

Bài 27

NạN HữU MạC Mỗ

Phú gia tử đệ, bần gia giáo,
Đổ đảm như thiên, đảm tự châm;
"Xa đại pháo tài", chân vĩ đại,
Tại tù nhưng tưởng ngật nhân sâm.

BạN Tù Họ MạC

Con cái nhà giàu mà nghèo giáo dục,
Gan đánh bạc to như trời mà mật thì nhỏ như cái kim;
Cái tài huênh hoang khoác lác[14)] thật là vĩ đại,
ở tù nhưng vẫn tơ tưởng ăn nhân sâm.

Con nhà giàu có, nghèo gia giáo,
Đánh bạc gan trời, mật tựa kim;
"Một tấc lên mây", ghê gớm thật,
Ngồi tù mà vẫn ước nhân sâm.

[14]) Nguyên văn *Xa đại pháo tài*: một thành ngữ ở vùng Quảng Đông có nghĩa như "một tấc đến trời".

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Con nhà giàu, giáo dục nghèo,
To "gan đánh bạc", bé teo "gan người";
Ba hoa khoác lác thật tài,
ở tù mà lại cứ đòi ăn sâm.

KHƯƠNG HữU DụNG *dịch*

Bài 28

NạN HữU NGUYÊN CHủ NHIệM L.

Quốc gia trọng thác trấn biên thuỳ,
Hồ nãi vong công chỉ cố ti (tư)?
Thế khoáng thường tòng biên giới khứ,
Kim tiền lô lý chú tù thi.

BạN Tù L. NGUYÊN Là CHủ NHIệM

Nhà nước giao cho trọng trách coi giữ biên thuỳ,
Sao lại quên việc công, chỉ lo việc tư?
Quặng "ăngtimoan" thường tuồn qua biên giới,
Bởi thế, lò đúc tiền mới đúc ra bài thơ tù.

Quốc gia phó thác giữ biên khu,
Sao nhãng việc công, mải việc tư?
Quặng thiếc tuồn qua biên giới sạch,
Nên lò đúc bạc... đúc thơ tù.

NAM TRÂN - HUệ CHI *dịch*

Bài 29

SONG THậP NHậT GIảI VãNG THIÊN BảO

Gia gia kết thái dữ trương đăng,
Quốc khánh hoan thanh cử quốc đằng;
Ngã khước kim thiên bị bang giải,
Nghịch phong hữu ý trở phi bằng.

TếT SONG THậP[15] Bị GIảI ĐI THIÊN Bảo[16]

Nhà nào nhà ấy kết hoa và treo đèn,
Cả nước reo vui, mừng ngày quốc khánh;
Thế mà hôm nay ta bị trói giải đi,
Ngọn gió ngược cố ý cản đôi cánh chim bằng.

Nhà nhà hoa kết với đèn giăng,
Quốc khánh vui reo cả nước mừng;
Lại đúng hôm nay ta bị giải,
Oái oăm gió cản cánh chim bằng.

NAM TRÂN *dịch*

---

[15]) *Song thập:* tức ngày 10-10, Quốc khánh nước Trung Hoa Dân quốc trước đây.
[16]) Tác giả vốn bị bắt ở thị trấn Thiên Bảo, sau đó, bị đưa trở lại giam ở Tĩnh Tây, nay lại bị giải đến Thiên Bảo.

Bài 30

TẩU Lộ

Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan,
Trùng san chi ngoại hựu trùng san;
Trùng san đăng đáo cao phong hậu,
Vạn lý dư đồ cố miện gian.

ĐI ĐƯỜNG

Có đi đường mới biết đường đi khó,
Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác;
Khi đã vượt các lớp núi lên đến đỉnh cao chót,
Thì muôn dặm nước non thu cả vào tầm mắt.

Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 31

Mộ

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

CHIỀU TỐI

Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ,
Chòm mây lẻ trôi lững lờ trên tầng không;
Thiếu nữ xóm núi xay ngô,
Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ.

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 32

Dạ TúC LONG TUYêN

Bạch thiên "song mã" bất đình đề,
Dạ vãn thường thường "ngũ vị kê";
Sắt lãnh thừa cơ lai giáp kích,
Cách lân hân thính hiểu oanh đề.

ĐÊM NGủ ở LONG TUYêN[17)]

Suốt ngày "đôi ngựa"[18)] không ngừng vó,
Đêm đến, lại từng nếm món "gà năm vị"[19)] ;
Rệp và rét thừa cơ xông vào tập kích,
Mừng nghe xóm bên, chim oanh hót báo sáng.

"Đôi ngựa" ngày đi chẳng nghỉ chân,
Món "gà năm vị", tối thường ăn;
Thừa cơ rét, rệp xông vào đánh,
Oanh sớm, mừng nghe hót xóm gần.

NAM TRÂN - HUệ CHi *dịch*

[17]) *Long Tuyền:* Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm giữa Thiên Bảo và Điền Đông.
[18]) *Đôi ngựa* (song mã): xe có hai ngựa kéo mà người quyền quý xưa kia thường dùng; chữ "đôi ngựa" ở đây dùng với ý hài hước để chỉ đôi chân tác giả.
[19]) *Gà năm vị* (ngũ vị kê): Món ăn sang, ở đây dùng với ý hài hước chỉ đôi chân bị xiềng tréo, giống như ở hiệu ăn thường tréo chân gà để nấu món "gà năm vị".

Bài 33

ĐIềN ĐôNG

Mỗi xan nhất uyển công gia chúc,
Đỗ tử thì thì tại thán hu;
Bạch phạn tam nguyên bất câu bão,
Tân như quế dã mễ như châu.

ĐIềN ĐÔNG[20)]

Mỗi bữa được một bát cháo của nhà nước,
Cái bụng luôn luôn than phiền;
Cơm không ba đồng chẳng đủ no,
Củi đắt như quế, gạo như châu.

Cháo tù mỗi bữa chia lưng bát,
Cái bụng luôn luôn rên rỉ sầu;
Cơm nhạt ba đồng ăn chẳng đủ,
Củi thì như quế, gạo như châu.

NAM TRÂN
HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

[20]) *Điền Đông:* Một địa điểm trên đường bộ từ Tĩnh Tây đi Nam Ninh.

Bài 34

SƠ ĐÁO THIÊN BẢO NGỤC

Nhật hành ngũ thập tam công lý,
Thấp tận y quan, phá tận hài;
Triệt dạ hựu vô an thụy xứ,
Xí khanh thượng toạ đãi triêu lai.

MớI ĐếN NHà LAO THIÊN Bả[1)]

Ngày đi năm mươi ba cây số,
Ướt hết mũ áo, rách hết giày;
Suốt đêm lại không có chỗ ngủ yên,
Ngồi trên hố xí đợi trời sáng.

[1)] Kh«ng hiÓu sao bµi th¬ nµy l¹i xÕp sau bµi *§iÒn §«ng,* cã lÏ lµ hải øc vÒ qu·ng ®-êng ®i tõ TÜnh T©y ®Õn Thi³n B¶o.

Năm mươi ba dặm, một ngày trời,
áo mũ ướt đầm, dép tả tơi;
Lại khổ thâu đêm không chốn ngủ,
Ngồi trên hố xí đợi ban mai.

HUệ CHI *dịch*

Bản dịch khác:

Ngày cuốc năm mươi ba cột số,
Ướt đầm mũ áo, rách bươm giày;
Thâu đêm lại chẳng nơi yên giấc,
Ngồi trấn cầu tiêu, đợi sáng ngày.

KHƯƠNG HữU DụNG -
NGUYễN Sĩ LÂM *dịch*

Bài 35

NạN HữU CHI THÊ THáM GIAM

Quân tại thiết song lý,
Thiếp tại thiết song tiền;
Tương cận tại chỉ xích,
Tương cách tự thiên uyên;
Khẩu bất năng thuyết đích,
Chỉ lại nhãn truyền nghiên (ngôn);
Vị ngôn lệ dĩ mãn,
Tình cảnh chân khả liên!

Vợ NGƯờI BạN Tù ĐếN NHà LAO THĂM CHồNG

Chàng ở trong song sắt,
Thiếp ở ngoài song sắt;
Gần nhau chỉ tấc gang,
Mà cách nhau trời vực;
Miệng không thốt lên lời,
Chuyển lời nhờ khoé mắt;
Chưa nói nước mắt tràn,
Tình cảnh thật đáng thương!

Anh ở trong song sắt,
Em ở ngoài song sắt;
Gần nhau chỉ tấc gang,
Mà cách nhau trời vực;
Miệng nói chẳng nên lời,
Chỉ còn nhờ khoé mắt;
Chưa nói, lệ tuôn tràn,
Cảnh tình đáng thương thật!

NAM TRÂN -
HOàNG TRUNG THÔNG
dịch

Bài 36

CáC BáO: HOAN NGHÊNH UY KI ĐạI HộI

Đồng thị Trung Quốc hữu,
Đồng thị yếu phó Du;
Quân vi tọa thượng khách,
Ngã vi giai hạ tù;
Đồng thị đại biểu dã,
Đãi ngộ hồ huyền thù?
Nhân tình phân lãnh nhiệt,
Tự cổ thuỷ đông lưu!

CáC BáO ĐĂNG TIN: HộI HọP LớN HOAN NGHÊNH UY Ki[21)]

Cùng là bạn Trung Hoa,
Cùng phải đi Trùng Khánh[22)];
Anh là khách ngồi trên,

[21)] *Uy Ki:* tức Wendell Willkie, đại biểu Mỹ trong phe Đồng minh chống phát xít, đi thăm Trùng Khánh. Lúc ông đi qua Đệ tứ chiến khu Quảng Tây, nhà đương cục tổ chức hội họp chiêu đãi. Bấy giờ tác giả là đại biểu của Việt Nam Độc lập đồng minh, cũng là đồng minh của Trung Quốc chống Nhật. Nhưng giới cầm quyền ở Trùng Khánh lại bắt giam Người.

[22)] *Trùng Khánh*: còn có tên là Du, một phủ thuộc tỉnh Tứ Xuyên, nơi Chính phủ Trung Hoa Dân quốc đóng thời chống Nhật.

Tôi là tù dưới thềm;
Cùng là đại biểu cả,
Đối đãi sao quá khác biệt?
Thói đời thường phân ấm lạnh,
Từ xưa nước vẫn chảy về đông!

Cũng là đi Trùng Khánh,
Cũng là bạn Trung Hoa;
Anh, làm khách trên sảnh,
Tôi, thân tù dưới nhà;
Cùng là đại biểu cả,
Khinh trọng sao khác xa?
Thói thường chia ấm lạnh,
Về đông nước chảy mà!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 37

Tự MIễN

Một hữu đông tàn tiều tụy cảnh,
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng;
Tai ương bả ngã lai đoàn luyện,
Sử ngã tinh thần cánh khẩn trương.

Tự KHUYÊN MìNH

Không có cảnh mùa đông tiêu điều rét mướt,
Sẽ không có mùa xuân ấm áp huy hoàng;
Tai ương rèn luyện ta,
Khiến cho tinh thần ta càng thêm hăng hái.

Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 38

Dã CảNH

Ngã lai chi thì hoà thượng thanh,
Hiện tại thu thu bán di thành;
Xứ xứ nông dân nhan đới tiếu,
Điền gian sung mãn xướng ca thanh.

CảNH ĐồNG NộI

Lúc ta đến lúa còn xanh,
Nay vụ gặt đã xong một nửa;
Nơi nơi nông dân mặt mày hớn hở,
Ruộng đồng tràn đầy tiếng ca hát.

Tới đây khi lúa còn con gái,
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi;
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Khi ta mới đến còn xanh lúa,
Vụ gặt bây giờ nửa đã xong;
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Câu ca tiếng hát rộn trên đồng.

NGUYễN Sĩ LÂM *dịch*

Bài 39

CHúC THAN

Lộ bàng thụ ảnh lương âm hạ,
Nhất duyện mao lư thị "tửu lâu";
Lãnh chúc, bạch diêm cung thực phổ,
Hành nhân quá thử tạm đình lưu.

HàNG CHáO

Dưới bóng cây râm mát bên đường,
Một túp lều tranh: ấy là "tiệm rượu";
Cháo nguội và muối trắng làm thành thực đơn,
Khách đi đường qua đây tạm dừng nghỉ.

Ven đường nấp dưới bóng lùm cây,
Một túp lều tranh: "tiệm rượu" đây;
Nào món cháo hoa và muối trắng,
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.

NAM TRÂN - HUệ CHI *dịch*

Bài 40

QUả ĐứC NGụC

Giam phòng dã thị tiểu gia đình,
Sài, mễ, du, diêm tự kỷ doanh;
Mỗi cá lung tiền nhất cá táo[23)]*,*
Thành thiên chử phạn dữ điều canh.

NHà LAO QUả ĐứC[24)]

Phòng giam cũng là một gia đình nhỏ,
Gạo, củi, dầu, muối, đều tự mình lo sắm;
Trước mỗi phòng giam là một bếp,
Suốt ngày thổi cơm và nấu canh.

Nhà lao mà giống tiểu gia đình,
Gạo, củi, muối, dầu tự sắm sanh;
Trước mỗi phòng giam bày một bếp,
Suốt ngày lụi hụi với cơm, canh.

HUệ CHI *dịch*

[23]) Nguyên bản là *cáo*. Trong lần xuất bản thứ nhất, tác giả đã sửa lại là *táo*.
[24]) *Quả Đức*: tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, trên lưu vực sông Hữu Giang, một địa điểm tiếp sau Điền Đông.

Bài 41

LONG AN LưU Sở TRưởNG

Biện sự nhận chân Lưu sở trưởng,
Nhân nhân tán tụng nhĩ công bình;
Văn tiền lạp mễ đô công bố,
Can tịnh tù lung hảo vệ sinh.

Sở TRưởNG LONG AN[25)] Họ LƯU

Sở trưởng họ Lưu giải quyết công việc
thận trọng, đúng đắn,
Mọi người đều khen ông công bằng;
Đồng tiền, hạt gạo đều công bố,
Nhà lao sạch sẽ hợp vệ sinh.

Làm việc đúng thay Lưu sở trưởng
Ai ai cũng bảo bác công bình;
Đồng tiền, bát gạo đều công bố,
Sạch sẽ, lao tù rất vệ sinh.

NAM TRÂN *dịch*

[25]) *Long An*: một phủ thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên sông Hữu Giang. Từ Quả Đức, tác giả bị giải chếch xuống phía Nam và dọc theo sông Hữu Giang đến Nam Ninh.

Bài 42 - 43

TẢO GIẢI

I

Nhất thứ kê đề dạ vị lan,
Quần tinh ủng nguyệt thướng thu san;
Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng,
Nghênh diện thu phong trận trận hàn.

II

Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng,
U ám tàn dư nhất tảo khô[1)]*;*
Noãn khí bao la toàn vũ trụ,
Hành nhân thi hứng hốt gia nồng!

[1)] Câu này chữa lại theo nguyên bản. Nhưng chúng tôi vẫn ngờ tác giả viết nhầm chữ *tảo* là quét thành chữ *tảo* là sớm. Và câu thơ *U ám tàn dư tảo nhất không* (bóng đêm còn u ám đã bị quét sạch) như bản in năm 1960 là đúng văn pháp hơn.

GIảI ĐI SớM

I

Gà gáy một lần, đêm chưa tàn,
Chòm sao nâng vầng trăng lên đỉnh núi mùa thu;
Người đi xa đã cất bước trên đường xa,
Gió thu táp mặt từng cơn từng cơn lạnh lẽo.

II

Phương đông màu trắng chuyển thành hồng,
Bóng đêm còn rơi rớt sớm đã hết sạch;
Hơi ấm bao la khắp vũ trụ,
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

I

Gà gáy một lần đêm chửa tan,
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn;
Người đi cất bước trên đường thẳm,
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.

II

Phương đông màu trắng chuyển sang hồng
Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không;
Hơi ấm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 44

ĐồNG CHíNH
(Thập nhất nguyệt nhị nhật)

Đồng Chính chính đồng Bình Mã ngục,
Mỗi xan nhất chúc đỗ không không;
Thuỷ hoà quang tuyến hẩn sung túc,
Nhật nhật hoàn khai lưỡng thứ lung.

ĐồNG CHíNH[26)]
(Ngày 2 tháng 11)

Nhà lao Đồng Chính giống hệt nhà lao Bình Mã,[27)]
Mỗi bữa một bát cháo, bụng thường rỗng không;
Nước và ánh sáng thì đầy đủ,
Mỗi ngày còn hai lần mở cửa buồng giam.

Bình Mã thế nào Đồng Chính vậy,
Bữa lưng bát cháo bụng cồn cào;
Nước và ánh sáng thì dư dật,
Ngày lại hai lần mở cửa lao.

NAM TRÂN *dịch*

[26]) *Đồng Chính* : một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường từ Long An đi Nam Ninh dọc theo sông Hữu Giang.
[27]) *Bình Mã*: một trấn ở Tây bộ khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây, bên bờ sông Hữu Giang, là nơi đóng của Cách mệnh uỷ viên hội Điền Đông. Nay là huyện lỵ Điền.

Bài 45

NạN HữU ĐíCH CHỉ Bị

Cựu quyển, tân thư tương bổ xuyết,
Chỉ chiên do noãn quá vô chiên;
Ngọc sàng cẩm trướng nhân tri phủ,
Ngục lý hứa đa nhân bất miên?

CHIếC CHĂN GIấY CủA NGƯờI BạN Tù

Quyển cũ, sách mới cùng bồi chắp lại,
Chăn giấy còn ấm hơn không có chăn;
Người trên giường ngọc trướng gấm có biết chăng,
Trong ngục bao nhiêu người không ngủ?

Quyển xưa, sách mới bồi thêm ấm,
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn;
Trướng gấm, giường ngà, ai có biết?
Trong tù bao kẻ ngủ không an?

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

Bản dịch khác:

Sách xưa vở mới khéo đem bồi,
Chăn giấy hơn không đã hẳn rồi;
Giường ngọc màn thêu ai có thấu,
Trong lao không ngủ biết bao người.

HOàNG NGÂN *dịch*

Bài 46

Dạ LãNH

Thu thâm vô nhục diệc vô chiên,
Súc hình cung yêu bất khả miên;
Nguyệt chiếu đình tiêu tăng lãnh khí,
Khuy song Bắc Đẩu dĩ hoành thiên.

ĐÊM LạNH

Đêm cuối thu không đệm cũng không chăn,
Nằm co cẳng cong lưng vẫn không ngủ được;
Trăng soi khóm chuối trước sân càng
tăng thêm khí lạnh,
Nhòm qua cửa sổ, sao Bắc Đẩu đã ngang trời.

Đêm thu không đệm cũng không chăn,
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;
Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh,
Nhòm song, Bắc Đẩu đã nằm ngang.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Cuối thu chăn đệm cũng đều không,
Co quắp nằm mà ngủ chẳng xong;
Sân chuối trăng soi thêm lạnh lẽo,
Ngang trời, Bắc Đẩu hiện ngoài song.

TRẦN ĐắC THọ *dịch*

Bài 47

BANG

Hỉnh tý trường long hoàn nhiễu trước,
Uyển như ngoại quốc vũ huân quan;
Huân quan đích thị kim ti tuyến,
Ngã đích ma thằng nhất đại đoan.

DÂY TRóI

Rồng dài[28)] quấn quanh cẳng chân và cánh tay,
Giống hệt dây tua quan võ nước ngoài;
Dây tua quan võ là tơ kim tuyến,
Còn của ta là một sợi thừng gai lớn.

[28)] *Rồng dài*: nguyên văn là *trường long,* tức sợi dây trói tác giả gọi một cách hài hước.

Rồng quấn vòng quanh chân với tay,
Trông như quan võ đủ tua, đai;
Tua đai quan võ bằng kim tuyến,
Tua của ta là một cuộn gai.

NAM TRÂN - BĂNG THANH
dịch

Bản dịch khác:

Rồng dài vòng quấn khắp chân tay,
Quan võ nước ngoài thắng bộ đây;
Quan võ đeo tua kim tuyến thật,
Còn ta, quấn một cuộn thừng đay!

HUệ CHI *dịch*

Bài 48

LạC LIễU NHấT CHíCH NHA

Nhĩ đích tâm tình ngạnh thả cương,
Bất như lão thiệt nhuyễn nhi trường;
Tòng lai dữ nhĩ đồng cam khổ,
Hiện tại đông tây các nhất phương.

RụNG MấT MộT CHIếC RĂNG

Tính tình anh rắn rỏi và kiên cường,
Chẳng mềm và dài như lão lưỡi;
Trước nay vẫn cùng anh chung ngọt bùi, cay đắng,
Bây giờ phải xa nhau, người một phương.

Cứng rắn như anh chẳng kém ai,
Chẳng như lão lưỡi dẻo và dài;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay kẻ chân mây, kẻ cuối trời.

TRầN ĐắC THọ *dịch*

Bài 49

LONG AN - ĐồNG CHiNH[29)]

Thử gian thổ địa quảng nhi bần,
Sở dĩ nhân dân kiệm thả cần;
Thính thuyết kim xuân phùng đại hạn,
Thập phân thu hoạch lưỡng tam phân.

LONG AN - ĐồNG CHiNH

Vùng này ruộng đất rộng nhưng cằn cỗi,
Vì thế nhân dân tiết kiệm và siêng năng;
Nghe nói mùa xuân năm nay gặp đại hạn,
Mười phần chỉ thu hoạch được vài ba phần.

Vùng đây tuy rộng, đất khô cằn,
Vì thế nhân dân kiệm lại cần;
Nghe nói xuân nay trời đại hạn,
Mười phần thu hoạch chỉ đôi phần.

NAM TRÂN - BĂNG THANH
dịch

[29]) Bài này trong các lần in trước xếp trên bài *Đồng Chính*, lần này chuyển xuống cho đúng với nguyên bản và *Long An - Đồng Chính* là lời nhận xét của tác giả về cả hai vùng Long An và Đồng Chính, chứ không phải trên con đường từ Long An đến Đồng Chính.

Bài 50

NHAI THượNG

Nhai thượng nhân tranh khán Hán gian,
Hán gian dữ ngã bản vô can;
Vô can nhưng thị hiềm nghi phạm,
Sử ngã tâm trung giác điểm hàn.

TRÊN ĐƯờNG PHố

Trên đường phố mọi người tranh nhau xem Hán gian,
Hán gian vốn chẳng liên can gì với ta;
Nhưng không liên can mà vẫn là người tù bị tình nghi,
Khiến lòng ta cảm thấy có chút ghê lạnh.

Ngoài phố tranh nhau xem Hán gian,
Hán gian, ta vốn thực vô can;
Vô can vẫn bị nghi là có,
Thực khiến lòng ta lạnh tới gan.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 51

LỘ THƯỢNG

Hĩnh tý tuy nhiên bị khẩn bang,
Mãn sơn điểu ngữ dữ hoa hương;
Tự do lãm thưởng vô nhân cấm,
Lại thử chinh đồ giảm tịch lương.

TRÊN ĐƯỜNG

Mặc dù chân tay bị trói chặt,
Nhưng đầy núi chim hót và hoa thơm;
Tự do thưởng ngoạn, không ai cấm được,
Nhờ thế, đường xa cũng bớt quạnh hiu.

Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng;
Vui say, ai cấm ta dừng,
Đường xa, âu cũng bớt chừng quạnh hiu.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Dẫu trói chân tay đến ngặt nghèo,
Khắp rừng hương ngát với chim kêu;
Tự do thưởng ngoạn, ai ngăn được,
Cô quạnh đường xa, vợi ít nhiều.

HUệ CHI *dịch*

Bài 52

TRuNG BINH GIA QUYếN

Lang quân nhất khứ bất hồi đầu,
Sử thiếp khuê trung độc bão sầu;
Đương cục khả liên dư tịch mịch,
Thỉnh dư lai tạm trú lao tù.

GIA QUYếN NGƯờI Bị BắT LíNH[30)]

Chàng ra đi không trở về,
Để thiếp chốn buồng the một mình ôm sầu;
Nhà đương cục ý hẳn thương thiếp cô quạnh,
Nên mời thiếp đến ở tạm nhà tù.

Biền biệt anh đi không trở lại,
Buồng the trơ trọi, thiếp ôm sầu;
Quan trên xót nỗi em cô quạnh,
Nên lại mời em tạm ở tù!

NAM TRÂN *dịch*

[30]) Trong bài này, tác giả châm biếm việc bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Tuy gọi là "đi lính cứu nước", nhưng thực chất chỉ là để bảo vệ nhà cầm quyền, nên phần đông nhân dân bỏ trốn không chịu đi. Để đối phó lại, chính quyền đã dùng thủ đoạn bắt vợ vào ngồi tù thay.

Bài 53

GIảI TRào

Ngật công gia phạn, trú công phòng,
Quân cảnh luân ban khứ hộ tòng;
Ngoạn thuỷ du sơn tuỳ sở thích,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng![31)]

PHA TRò

Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính quân cảnh thay phiên nhau đi hộ vệ;
Dạo núi chơi sông tuỳ ý thích,
Làm trai đến thế cũng hào hùng!

Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính tráng thay phiên đến hộ tòng;
Non nước dạo chơi tùy sở thích,
Làm trai như thế cũng hào hùng!

VĂN TRựC - VĂN PHụNG *dịch*

[31]) Câu cuối bài này lấy từ câu thơ cuối bài thơ *Ngẫu thành* của nhà thơ và nhà triết học Nho giáo Trình Hạo đời Tống.
Phú quý bất dâm, bần tiện lạc,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng.
Nghĩa là:
Giàu sang không ham muốn, nghèo hèn vẫn vui,
Làm trai đến thế cũng hào hùng.

Bài 54

VãNG NAM NINH

Thiết thằng ngạnh thế ma thằng nhuyễn,
Bộ bộ đinh đang hoãn bội thanh;
Tuy thị hiềm nghi gián điệp phạm,
Nghi dung khước tượng cựu công khanh.

ĐI NAM NINH

Xích sắt cứng đã thay thừng gai mềm,
Bước mỗi bước leng keng như tiếng ngọc;
Tuy là người tù bị tình nghi gián điệp,
Nhưng bộ dạng lại giống vị công khanh ngày trước.

Hôm nay xiềng sắt thay dây trói,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;
Tuy bị tình nghi là gián điệp,
Mà như khanh tướng vẻ ung dung.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 55 - 56

CảNH BINH ĐảM TRư ĐồNG HàNH

I

Cảnh sĩ đảm trư đồng lộ tẩu,
Trư do nhân đảm, ngã nhân khiên;
Nhân nhi phản tiện ư trư tử,
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền!

II

Thế thượng thiên tân hoà vạn khổ,
Mạc như thất khước tự do quyền!
Nhất ngôn nhất động bất tự chủ,
Như ngưu, như mã, nhậm nhân khiên.

CảNH BINH KHIÊNG LợN CùNG ĐI

I

Cảnh binh khiêng lợn đi cùng đường,
Lợn thì người khiêng, ta người dắt;
Người lại bị coi rẻ hơn lợn,
Chỉ vì người không có quyền tự chủ.

II

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Không gì cay đắng bằng mất quyền tự do;
Mỗi lời nói, mỗi hành động đều không được tự chủ,
Mặc cho người dắt như trâu, như ngựa.

I

Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng;
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Chỉ tại người không có chủ quyền!

II

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do ?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,
Để cho người dắt tựa trâu bò!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 57

ĐIệT LạC

Dạ nhưng hắc ám dĩ đăng trình,
Lộ hựu kỳ khu thậm bất bình;
Điệt nhập thâm khanh nguy hiểm thậm,
Hạnh năng dược xuất liễu thâm khanh[32].

HụT CHÂN NGã

Đêm còn tối mịt đã phải lên đường,
Đường lại gồ ghề, không chút bằng phẳng;
Hụt chân thụt xuống hố sâu, nguy hiểm quá,
May sao đã nhảy được ra khỏi hố.

Còn tối như bưng đã phải đi,
Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề;
Trượt chân nhỡ bước sa vào hố,
May nhảy ra ngoài suýt nữa nguy!

NAM TRÂN *dịch*

[32]) Nguyên bản là *trình,* trong lần xuất bản thứ nhất, tác giả đã sửa lại là *khanh.*

Bài 58

BáN Lộ THáP THUYềN PHó UNG

Thừa chu thuận thuỷ vãng Ung Ninh,
Hĩnh điếu thuyền lan tự giảo hình;
Lưỡng ngạn hương thôn trù mật thậm,
Giang tâm ngư phủ điếu thuyền khinh.

GIữA ĐƯờNG ĐáP THUYềN ĐI UNG [1]

Đáp thuyền xuôi dòng đi Ung Ninh,
Chân bị treo lên giàn thuyền như tội hình treo cổ;
Làng xóm hai bên sông thật là đông đúc,
Giữa lòng sông, thuyền câu của ông chài lướt nhẹ.

Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,
Lủng lẳng chân treo tựa giảo hình;
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.

NAM TRÂN *dịch*

[1]) *Ung Ninh*: tức Nam Ninh, một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, có thị trấn Nam Ninh.

Bài 59

NAM NINH NGụC

Giam phòng kiến trúc đính "ma đăng",
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đăng;
Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc,
Sử nhân đỗ tử chiến căng căng.

NHà NGụC NAM NINH

Nhà lao xây dựng rất "môđéc"[33],
Suốt đêm đèn điện sáng rực;
Nhưng vì bữa ăn nào cũng chỉ có cháo,
Khiến cho bụng người ta cứ run bần bật.

Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời;
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,
Cho nên cái bụng cứ rung hoài.

NAM TRÂN *dịch*

[33]) *Môđéc* ("ma đăng"): tối tân, hiện đại, tác giả dùng với ý hài hước.

Bài 60

NạP MUộN

Hoàn cầu chiến hoả thước thương thiên,
Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền;
Ngục lý nhàn nhân nhàn yếu mệnh,
Hùng tâm bất trị nhất văn tiền.

BUồN BựC

Lửa chiến tranh trên hoàn cầu nóng chảy
cả trời xanh,
Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận;
Trong tù, người nhàn lại nhàn quá đỗi,
Chí lớn mà không đáng giá một đồng tiền.

Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh;
Trong ngục người nhàn nhàn quá đỗi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng trinh.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 61

THiNH KÊ MINH

Nhĩ chỉ bình thường nhất chích kê,
Triêu triêu báo hiểu đại thanh đề;
Nhất thanh hoán tỉnh quần lê mộng,
Nhĩ đích công lao dã bất đê.

NGHE Gà GáY

Ngươi chỉ là một chú gà bình thường,
Mỗi sớm, lớn tiếng gáy để báo sáng;
Một tiếng thôi mà gọi tỉnh giấc mộng của
dân chúng,
Công lao ngươi chẳng phải là xoàng.

Ngươi tuy chỉ một chú gà thường,
Báo sáng, ngày ngày tiếng gáy vang;
Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng,
Công ngươi đâu có phải là xoàng.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 62

NHấT Cá Đổ PHạM "NGạNH" LIễU

Tha thân chỉ hữu cốt bao bì,
Thống khổ cơ hàn bất khả chi;
Tạc dạ tha nhưng thụy ngã trắc,
Kim triêu tha dĩ cửu tuyền quy.

MộT NGƯờI Tù Cờ BạC "CHếT CứNG"

Thân hình anh ấy chỉ còn da bọc xương,
Khổ đau, đói rét, không chống đỡ nổi;
Đêm qua anh còn nằm ngủ cạnh tôi,
Sáng nay đã về chín suối.

Thân anh da bọc lấy xương,
Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi;
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng!

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Anh chỉ làn da bọc dúm xương,
Khổ đau, đói rét sức khôn đương;
Đêm qua còn ngủ bên tôi đó,
Mà sáng hôm nay đã suối vàng.

NGUYễN Sĩ LÂM *dịch*

Bài 63

HựU NHấT Cá...

Di, Tề bất thực Chu triều túc,
Đổ phạm bất ngật công gia chúc;
Di, Tề ngã tử Thú Dương[34] *sơn,*
Đổ phạm ngã tử công gia ngục.

LạI MộT NGƯờI NữA...

Bá Di, Thúc Tề[35] không ăn thóc nhà Chu,
Người tù cờ bạc không ăn cháo nhà nước;
Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thú Dương,
Người tù cờ bạc chết đói trong ngục nhà nước.

Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,
Tù bạc chẳng ăn cháo nhà nước;
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.

NAM TRÂN *dịch*

[34]) Nguyên bản là *Thủ Dương,* trong lần xuất bản thứ nhất tác giả chữa lại là *Thú Dương.* Thú Dương là tên một ngọn núi thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.
[35]) *Bá Di, Thúc Tề*: con vua nước Cô Trúc đời nhà Ân (1401 - 1122 trước C.N), Trung Quốc. Khi Vũ Vương chiếm ngôi nhà Ân lập nên nhà Chu, Bá Di, Thúc Tề không chịu ăn gạo nhà Chu lên núi Thú Dương ở ẩn, ăn rau vi, rồi chết đói ở đó.

Bài 64

CấM YÊN
(Chỉ yên đích)

Yên cấm thử gian hẩn lệ hại,
Nhĩ yên kiểu nhập tha yên bao;
Đương nhiên tha khả xuy yên đẩu,
Nhĩ nhược xuy yên, phạt thủ liêu.

(Tha: ngục đinh dã)

CấM HúT THUốC
(Thuốc lá)

ở đây lệnh cấm hút thuốc rất gắt gao,
Thuốc của anh phải nộp vào túi thuốc của nó;
Đương nhiên, nó có thể hút thuốc bằng tẩu,
Nhưng nếu anh hút, bị phạt còng tay.

(Nó: lính ngục)

Hút thuốc nơi này cấm gắt gao,
Thuốc anh nó tịch, bỏ vào bao;
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 65

Dạ BáN VĂN KHốC PHU

Ô hô phu quân, hề phu quân!
Hà cố phu quân cự khí trần?
Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến,
Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.

NửA ĐÊM NGHE TIếNG KHóC CHồNG

Than ôi! Chàng hỡi chàng!
Cớ sao chàng vội lìa bỏ cõi đời?
Khiến cho thiếp từ nay biết tìm đâu thấy,
Người bạn đời mười phần tâm đầu ý hợp!

Hỡi ôi, chàng hỡi, hỡi chàng ơi!
Cơ sự vì sao vội lánh đời?
Để thiếp từ nay đâu thấy được,
Con người tâm ý hợp mười mươi.

NGUYễN Sĩ LÂM *dịch*

Bài 66

HOàNG HôN

Phong như lợi kiếm ma sơn thạch,
Hàn tự tiêm phong thích thụ chi;
Viễn tự chung thanh thôi khách bộ,
Mục đồng xuy địch dẫn ngưu quy.

HOàNG HÔN

Gió như gươm sắc mài đá núi,
Rét như giáo nhọn chích cành cây;
Tiếng chuông chùa xa giục bước chân khách,
Trẻ chăn trâu thổi sáo dẫn trâu về.

Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây;
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 67

CôNG KIM

Chử nhất oa phạn lục mao tiền,
Nhất bồn khai thuỷ ngân nhất nguyên;
Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,
Ngục trung giá cách định chiêu nhiên.

TIềN CÔNG

Thổi một nồi cơm phải sáu hào,
Một chậu nước sôi một đồng bạc;
Một đồng mua hàng chỉ đáng giá sáu hào,
Giá cả trong tù định rõ như thế!

Thổi một nồi cơm, trả sáu hào,
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;
Một đồng của đáng sáu hào chỉ,
Giá cả trong tù định rõ sao!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 68

THUỵ BấT TRướC

Nhất canh ... nhị canh... hựu tam canh,
Triển chuyển, bồi hồi, thụy bất thành;
Tứ, ngũ canh thì tài hợp nhãn,
Mộng hồn hoàn nhiễu ngũ tiêm tinh.

NGủ KHÔNG ĐƯợC

Canh một... canh hai... lại canh ba,
Trằn trọc băn khoăn không ngủ được;
Canh tư, canh năm vừa chợp mắt,
Hồn mộng đã quẩn quanh nơi ngôi sao năm cánh.

Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Canh một... canh hai... lại canh ba,
Trằn trọc, băn khoăn, khó ngủ mà;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh quyện hồn ta.

XUÂN THUỷ *dịch*

Bài 69

ứC HữU

Tích quân tống ngã chí giang tân,
Vấn ngã quy kỳ, chỉ cốc tân;
Hiện tại tân điền dĩ lê hảo,
Tha hương ngã tác ngục trung nhân.

NHớ BạN

Ngày nào anh tiễn tôi đến bến sông,
Hỏi tôi ngày về, trỏ mùa lúa mới;
Đến nay ruộng lại đã cày xong hết rồi,
Nơi đất khách, tôi thành người trong tù.

Ngày đi bạn tiễn đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng;
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 70

THế NạN HữU MẫN Tả BáO CáO

Đồng chu cộng tế nghĩa nan từ,
Thế hữu biên tu báo cáo thư;
"Phụng thử", "đẳng nhân" kim thuỷ học,
Đa đa bác đắc cảm ân từ.

VIếT Hộ BáO CáO CHO CáC BạN Tù

Cùng hội cùng thuyền giúp nhau, lẽ khôn từ chối,
Viết báo cáo thay cho bạn;
Những chữ "thừa lệnh", "chiểu theo" nay đều mới học,
Thế mà đã được nhiều lời cảm tạ.

Cùng hội cùng thuyền nên phải giúp,
Viết thay báo cáo dám từ nan;
"Chiểu theo", "thừa lệnh" nay vừa học,
Đã được bao lời bạn cảm ơn.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 71

LạI SANG

Mãn thân hồng lục như xuyên cẩm,
Thành nhật lao tao tự cổ cầm;
Xuyên cẩm, tù trung đô quý khách,
Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm.

GHẻ Lở

Xanh đỏ đầy người như áo gấm,
Suốt ngày sột soạt tựa gảy đàn;
Mặc gấm trong tù đều là khách quý,
Gảy đàn, bạn tù đều là tri âm.

Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn;
Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn, trong ngục thảy tri âm.

VĂN TRựC - VĂN PHụNG
dịch

Bài 72

VĂN THUNG Mễ THANH

Mễ bị thung thì, hẩn thống khổ,
Ký thung chi hậu, bạch như miên;
Nhân sinh tại thế dã giá dạng,
Khốn nạn thị nhĩ ngọc thành thiên.

NGHE TIếNG GIã GạO

Gạo lúc đang giã, rất đau đớn,
Lúc giã xong rồi, trắng tựa bông;
Người sống trên đời cũng như vậy,
Gian nan là dịp rèn giũa mình thành ngọc.

Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công.

VĂN TRựC - VĂN PHụNG
dịch

Bài 73 - 74 - 75

SONG THậP NHấT

I

Tòng tiền mỗi đáo Song thập nhất,
Kỷ niệm Âu châu bãi chiến kỳ;
Kim nhật ngũ châu đồng huyết chiến,
Tội khôi tựu thị ác Nadi.

II

Trung Hoa kháng chiến tương lục tải,
Liệt liệt oanh oanh cử thế tri;
Thắng lợi tuy nhiên hữu bả ác,
Nhưng tu nỗ lực phản công thì.

III

Kháng Nhật tinh kỳ mãn á châu,
Tinh kỳ đại tiểu hữu sai thù;
Tinh kỳ đại đích cố tu hữu,
Tiểu đích tinh kỳ bất khả vô.

NGàY 11 THáNG [1]

I

Trước kia, cứ đến 11 tháng 11
Là kỷ niệm ngày đình chiến ở châu Âu;
Ngày nay năm châu cùng huyết chiến,
Tội phạm đầu sỏ chính là bọn là [2] hung ác.

II

Trung Hoa kháng chiến đã gần sáu năm,
Oanh liệt vang lừng, khắp nơi đều biết;
Thắng lợi tuy rằng đã nắm chắc,
Nhưng vẫn phải gắng sức lúc phản công

III

Cờ kháng Nhật dậy khắp châu á,
Cờ lớn, cờ nhỏ có khác nhau;
Cờ lớn cố nhiên phải có,
Nhưng cờ nhỏ cũng không thể không có.

[1] *Ngày 11-11 (song thập nhất)*: ngày kỷ niệm chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).
[2] *Nadi:* chỉ bọn Đức quốc xã.

I

Thuở trước nơi nơi đều kỷ niệm,
Mừng ngày đình chiến ở châu Âu;
Năm châu nay lại đang tuôn máu,
Bọn quỷ Nadi tội đứng đầu.

II

Trung Hoa kháng chiến sáu năm [1]
Oanh liệt, vang lừng khắp đó đây;
Đến lúc phản công nên cố gắng,
Mặc dầu thắng lợi nắm trong tay.

III

Kháng Nhật, cờ bay khắp á châu,
Cờ to, cờ nhỏ chẳng đều nhau;
Cờ to đã hẳn là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.

NAM TRÂN *dịch*

[1] Nguyên văn: gần 6 năm. Nhân dân Trung Quốc bắt đầu chống cuộc xâm lược của phát xít Nhật từ ngày 7-7-1937 đến cuối năm 1942 là gần 6 năm.

Bài 76

CẢNH BÁO
(Thập nhất nguyệt thập nhị nhật)

Địch cơ hạo đãng đáo thiên trung,
Tỵ tập nhân dân bào nhất không;
Ngã mẫn xuất lung tỵ không tập,
Nhân nhân hoan hỉ đắc xuất lung.

BÁO ĐỘNG
(Ngày 12 tháng 11)

Trên trời máy bay địch rầm rộ kéo tới,
Tránh oanh tạc, nhân dân bỏ chạy hết sạch;
Chúng tôi cũng ra khỏi lao để tránh máy bay,
Ai nấy mừng rỡ được ra ngoài lao.

Máy bay địch bỗng đến ào ào
Tất cả nhân dân chạy xuống hào,
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Sổ lồng, ai nấy khoái làm sao!

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Máy bay địch bỗng rộn không trung,
Trốn nấp, nhân dân chạy sạch không;
Tù phạm cũng tìm nơi ẩn nấp,
Được ra ngoài ngục, khoái vô cùng.

HUệ CHI *dịch*

Bài 77

CHIếT Tự

Tù nhân xuất khứ hoặc vi quốc,
Hoạn quá đầu thì thuỷ kiến trung;
Nhân hữu ưu sầu ưu điểm đại,
Lung khai trúc sản, xuất chân long.

CHIếT [1]

Người tù ra khỏi ngục, có khi dựng nên đất nước,
Qua cơn hoạn nạn mới rõ người trung;
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở then cửa trúc, rồng thật sẽ bay ra[2]

Người thoát khỏi tù ra dựng nước,
Qua cơn hoạn nạn, rõ lòng ngay;
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở cửa, ắt rồng bay!

NAM TRÂN *dịch*

[1] *Chiết tự:* một hình thức phân tích chữ Hán ra từng bộ phận để thành những chữ mới, có ý nghĩa khác với ý nghĩa ban đầu.
2) Theo lối chiết tự, bài thơ này còn có nghĩa đen như sau: chữ *tù* bỏ chữ *nhân*, cho chữ *hoặc* vào, thành chữ *quốc*. Chữ *hoạn* bớt phần trên đi thành chữ *trung*. Thêm *nhân đứng* vào chữ *ưu* trong "ưu sầu" thành chữ *ưu* trong *"ưu điểm"*. Chữ *lung* bỏ *trúc đầu* thành chữ *long*.

Bài 78

"Lữ QUáN"

Chiếu lệ sơ lai chư nạn hữu
Tất tu thụy tại xí khanh biên;
Giả như nhĩ tưởng hảo hảo thụy,
Nhĩ yếu đa hoa kỷ khối tiền.

"QUáN TRọ"

Theo lệ, các bạn tù mới đến,
ắt phải ngủ cạnh hố xí;
Nếu anh muốn được ngủ ngon giấc,
Anh phải tốn thêm mấy đồng bạc.

Lệ thường tù mới đến,
Phải nằm cạnh cầu tiêu;
Muốn ngủ cho ngon giấc,
Anh phải trả tiền nhiều.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 79

TảO TìNH

Triêu dương xuyên quá lung toàn bộ,
Thiêu tận u yên dữ ám mai;
Sinh khí đốn thì sung vũ trụ,
Phạm nhân cá cá tiếu nhan khai.

NắNG SớM

Nắng sớm xuyên suốt nhà lao,
Thiêu đốt sạch những làn khói mù u ám
còn sót lại;
Sinh khí bỗng chốc tràn đầy vũ trụ,
Tù phạm ai nấy vẻ mặt tươi cười.

Nắng sớm xuyên qua nơi ngục thất,
Đốt tan khói đặc với sương dày;
Đất trời phút chốc tràn sinh khí,
Tù phạm cười tươi nở mặt mày.

HUỆ CHI *dịch*

Bài 80

"VIỆT HỮU TAO ĐỘNG"
Ung báo, xích đạo tấn 14-11

Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,
Nghĩa kỳ đáo xứ hựu phiêu dương;
Khả liên dư tố tù trung khách,
Vị đắc cung thân thướng chiến trường.

"VIệT NAM Có BạO ĐộNG"
Tin Xích đạo, trên báo
Ung Ninh 14-11

Thà chết, không chịu nỗi khổ làm nô lệ,
Cờ nghĩa lại tung bay khắp nơi;
Xót mình vẫn là khách trong tù,
Chưa được đích thân ra nơi chiến trường.

Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 81

ANH PHỏNG HOA ĐOàN

Mỹ đoàn khứ liễu Anh đoàn đáo,
Đáo xứ hân phùng nhiệt liệt tình;
Ngã dã "phỏng Hoa đoàn" nhất bộ,
Khước tao đặc chủng đích hoan nghênh.

ĐOàN ĐạI BIểU ANH SANG THĂM TRUNG HOA

Đoàn Mỹ đi khỏi, đoàn Anh tới,
Đến đâu cũng được tiếp đón nhiệt tình;
Ta cũng là một "Đoàn thăm Trung Hoa",
Lại gặp một kiểu hoan nghênh đặc biệt.

Đoàn Mỹ đi rồi đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình;
Ta cũng một đoàn thăm quý quốc,
Lại dành riêng một lối hoan nghênh.

NAM TRÂN -
HOàNG TRUNG THÔNG
dịch

Bài 82

GIảI VãNG Vũ MINH
18-11

Ký giải đáo Nam Ninh,
Hựu giải phản Vũ Minh;
Loan loan, khúc khúc giải,
Đồ diên ngã hành trình.
Bất bình!

GIảI ĐI Vũ [1]
18-11

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quanh quẹo quẹo mãi,
Kéo dài cuộc hành trình của ta.
Bất bình!

---

[1] *Vũ Minh:* tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Tĩnh Tây đến Nam Ninh. Tác giả đã bị giải đến Nam Ninh dọc theo đường sông, nay lại giải lại về phía Tĩnh Tây theo đường bộ.

Đã giải đến Nam Ninh,

Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quẹo mãi,
Kéo dài cả hành trình.

Bất bình!

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG
dịch

Bài 83

BàO HươNG CẩU NHụC

Quá Quả Đức thì ngật tiên ngư,
Quá Bào Hương thì ngật cẩu nhục;
Khả kiến nhất ban đệ giải nhân,
Sinh hoạt hữu thì dã bất tục.

THịT CHó ở BàO HƯƠ[1)]

Khi qua Quả Đức, ăn cá tươi,
Lúc qua Bào Hương, ăn thịt chó;
Thế mới biết bọn lính giải tù,
Cách sống có lúc cũng sành sỏi.

Qua Quả Đức thì chén cá tươi,
Qua Bào Hương lại xơi thịt chó;
Cho hay bọn giải tù nhân này,
Cách sống đôi khi cũng sành đó.

Đỗ VĂN Hỷ *dịch*

[1)] *Bào Hương:* một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Vũ Minh.

Bài 84

TRúC Lộ PHU

Xan phong dục vũ vị tằng hưu,
Thảm đạm kinh [1] trúc lộ phu;
Xa mã hành nhân lai vãng giả,
Kỷ nhân cảm tạ nhĩ công lao?

PHU LàM ĐƯờNG

Dãi gió dầm mưa chưa từng lúc nghỉ,
Người phu làm đường tận tuỵ với công việc;
Ngựa xe và khách bộ hành qua lại,
Mấy ai biết cảm tạ công lao của anh?

Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi,
Phu đường vất vả lắm ai ơi!
Ngựa xe, hành khách thường qua lại,
Biết cảm ơn anh được mấy người?

NAM TRÂN *dịch*

[1] *Thảm đạm kinh doanh:* thành ngữ Trung Quốc nói dốc sức, mưu toan, tận tuỵ với công việc.

Bài 85

NGụC ĐINH THIếT NGã CHI Sĩ Đ[1]

Nhất sinh chính trực hựu kiên cương,
Huề thủ đồng hành kỷ tuyết sương;
Hận bỉ gian nhân ly ngã lưỡng,
Trường giao ngã nhĩ các thê lương.

LíNH NGụC ĐáNH CắP MấT CHIếC GậY CủA TA

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dắt dìu nhau cùng đi đã mấy mùa sương tuyết;
Giận kẻ gian kia chia rẽ hai ta,
Khiến cho tôi và anh phải buồn thương mãi.

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương;
Giận kẻ gian kia gây cách biệt,
Hai ta dằng dặc nỗi buồn thương.

NAM TRÂN *dịch*

[1] *Sĩ đích:* phiên âm tiếng Anh *"stick",* có nghĩa là chiếc gậy.

Bài 86

CôNG Lý BI

Bất cao diệc bất viễn,
Phi đế diệc phi vương;
Tiểu tiểu nhất phiến thạch,
Ngật lập đại đạo bàng;
Nhân lai nhĩ chỉ thị,
Bất tẩu thác hướng phương;
Nhĩ cấp nhân chỉ thị,
Đồ lộ chi đoản trường;
Nhĩ công dã bất tiểu,
Nhân nhân bất nhĩ vương (vong).

CỘT CÂY Số

Không cao cũng không xa,
Chẳng đế cũng chẳng vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường lớn;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi không sai phương hướng;

Anh chỉ dẫn cho người,
Con đường ngắn hay dài;
Công anh cũng không nhỏ,
Mọi người chẳng quên anh.

Chẳng cao cũng chẳng xa,
Không đế cũng không vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng đúng phương;
Anh chỉ cho người biết,
Nào dặm ngắn, dặm trường;
Mọi người nhớ anh mãi,
Công anh chẳng phải thường.

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG
dịch

Bài 87

TÂN DƯƠNG NGỤC TRUNG HÀI
22-11

Oa...! Oa...! Oaa...!
Gia phạ đương binh cứu quốc gia;
Sở dĩ ngã niên tài bán tuế,
Yếu đáo ngục trung căn trước ma.

CHÁU BÉ TRONG NGỤC TÂN DƯƠ[1]
22-11

Oa...! Oa...! Oaa...!
Cha sợ vào lính cứu nước nhà;
Cho nên em vừa được nửa tuổi,
Đã phải vào nhà tù cùng mẹ.

[1] *Tân Dương:* tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Quế Lâm. Cũng như bài *Trưng binh gia quyến,* bài này mượn lời một cháu nhỏ để châm biếm lối bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Vì không bắt được chồng vào lính, họ đã bỏ tù người vợ cùng với con nhỏ.

Oa...! Oa...! Oaa...!
Cha sợ sung quân cứu nước nhà;
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi,
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 88 - 89

Ký NI Lỗ

I

Ngã phấn đấu thì quân hoạt động,
Quân nhập ngục thì ngã trú lung;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.

II

Ngã môn tao phùng bản thị đồng,
Bất đồng đích thị sở tao phùng;
Ngã cư hữu giả quyền linh lý,
Quân tại cừu nhân cốc trất trung.

GửI NÊ[1]

I

Lúc tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Lúc anh vào ngục, tôi ngồi tù;
Muôn dặm xa xôi, chưa từng gặp mặt,
Nhưng mối giao cảm sâu xa đã sẵn
trong chỗ không lời.

II

Cảnh ngộ của chúng ta vốn giống nhau,
Nhưng không giống nhau lại cũng là ở cảnh ngộ;
Tôi, trong nhà tù của người bè bạn,
Còn anh, trong xiềng xích của kẻ thù.

[1] *Nêru:* tức Sơri Giavaháclan Nêru (1889-1964), một chiến sĩ của nền độc lập ấn Độ và là Thủ tướng ấn Độ từ năm 1947 đến 1964. Tác giả đã gặp cụ thân sinh ra Thủ tướng Nêru, cũng là một chiến sĩ lão thành, ở Hội nghị quốc tế chống chiến tranh đế quốc tại Brúcxen thủ đô nước Bỉ, năm 1927.

I

Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa với chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.

II

Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.

Hoàng trung thông *dịch*

Bài 90

ĐĂNG QUANG PHí

Nhập lung yếu nạp đăng quang phí,
Quế tệ nhân nhân các lục nguyên;
Bộ nhập mông lung u ám địa,
Quang minh trị đắc lục nguyên tiền!

TIềN ĐèN

Vào tù phải nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tâ[1] mỗi người sáu đồng;
Bước vào nơi tối tăm mù mịt,
Sự quang minh đáng giá có sáu đồng.

Vào lao phải nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu "nguyên";
Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy,
Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền.

NAM TRÂN *dịch*

[1] Tiền Quảng Tây: nguyên văn là "Quế tệ", tức tiền Quế. Quế là một tên khác của tỉnh Quảng Tây.

Bài 91

NGụC TRUNG SINH HOạT

Mỗi nhân các hữu nhất hoả lô,
Đại đại, tiểu tiểu kỷ cá oa;
Chử phạn chử trà hựu chử thái,
Thành thiên yên hoả một thì vô.

SINH HOạT TRONG Tù

Mỗi người đều có một hoả lò,
Và mấy chiếc nồi lớn nhỏ;
Thổi cơm, đun trà, lại nấu thức ăn,
Suốt ngày khói lửa không lúc nào ngớt.

Hoả lò ai cũng có riêng rồi,
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;
Cơm, nước, rau, canh, đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 92

QUáCH TIÊN SINH

"Bình thuỷ tương phùng"[1], *đàm phiến khắc,*
Quách quân đối ngã thậm ân cần;
"Tuyết trung tống thán"[2] *tuy nhiên thiểu,*
Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân.

TIÊN SINH Họ QUáCH

"Bèo nước gặp nhau", chuyện trò chốc lát,
Bác Quách đối với ta hết sức ân cần;
Những người "trong tuyết cho than" tuy rằng ít,
Nhưng trên đời vẫn còn những người như thế.

"Gặp nhau bèo nước", chuyện gần xa,
Ông Quách ân cần đối đãi ta;
"Rét đến cho than", không mấy kẻ,
Đời nay người thế vẫn còn mà.

NAM TRÂN - HUệ CHI *dịch*

---

[1] *"Bình thuỷ tương phùng":* thành ngữ Trung Quốc nghĩa là bèo theo nước khi hợp khi tan. ý nói những người chưa từng quen biết bỗng dưng gặp nhau.

[2] *"Tuyết trung tông thán":* thành ngữ Trung Quốc nghĩa là cho than sưởi ấm trong những ngày tuyết rơi. ý nói giúp đỡ người khác những lúc hoạn nạn.

Bài 93

MạC BAN TRưởNG

Khảng khái Tân Dương, Mạc ban trưởng,
Giải nang mãi phạn cấp tù nhân;
Vãn gian giải phược cấp tha thụy,
Bất dụng uy quyền, chỉ dụng ân.

TRƯỞNG BAN Họ MạC

Hào hiệp thay, trưởng ban họ Mạc ở Tân Dương,
Bỏ tiền túi mua cơm cho tù nhân;
Tối đến cởi trói cho họ ngủ,
Không dùng uy quyền, chỉ dùng ân nghĩa.

Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân;
Đêm đến cởi thừng cho họ ngủ,
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 94

THIÊN GIANG NGụC
1-12

Lung ngoại lục thập cửu nhân áng,
Lung trung đích áng bất tri số;
Giam phòng khước tượng bào dược đường,
Hựu tượng nhai thượng mại áng phố.

NHà LAO THIÊN [1]
1-12

Ngoài lao sáu mươi chín cái ang ngư[2],
Ang ở trong lao nhiều vô kể;
Buồng giam mà lại giống nhà bào chế thuốc,
Ai cũng giống hệt như cửa hàng bán ang ngoài phố!

Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,
Chồng chất trong lao biết mấy mươi;
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,
Gọi là hàng chĩnh cũng không sai.

BĂNG THANH *dịch*

---

[1] *Thiên Giang:* tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.
[2] *Ang người:* một kiểu áo quan. Quảng Tây và một số tỉnh phía nam Trung Quốc có tục chôn người, thường theo tư thế ngồi, vào những chiếc ang.

Bài 95

THáP HOả XA VãNG LAI TÂN

Kỷ thập nhật lai lao tẩu lộ,
Kim thiên đắc tháp hoả xa hàng (hành);
Tuy nhiên chỉ đắc toạ thán thượng,
Tất cánh tỷ đồ bộ phiêu lương (lượng).

ĐáP XE LửA ĐI LAI TÂ[1]

Mấy chục ngày qua đi bộ mệt nhoài,
Hôm nay được đáp xe lửa;
Dù chỉ được ngồi trên đống than,
Nhưng so với đi bộ còn sang chán!

Cuốc bộ mấy mươi ngày vất vả,
Hôm nay được bước lên xe hoả;
Dù rằng chỉ ngồi trên đống than,
Sang gấp mấy lần khi cuốc bộ.

ĐỖ VĂN Hỷ - HUệ CHI *dịch*

[1] *Lai Tân:* tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường sắt từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

Bài 96

THA TưởNG ĐàO

Nhất tâm chỉ tưởng tự do cảnh,
Biền mệnh khiêu xa tha tẩu khai;
Khả tích tha bào bán lý hử,
Hựu bị cảnh binh tróc hồi lai!

ANH ấY MUốN TRốN

Một lòng chỉ mong mỏi cảnh tự do,
Liều mạng nhảy xuống xe, anh ấy trốn;
Tiếc thay, mới chạy chừng nửa dặm,
Lại bị cảnh binh bắt đem về.

Tự do anh ấy hằng mong mỏi,
Liều mạng đâm nhào nhảy xuống xe;
Rủi quá chạy đâu chừng nửa dặm,
Bị ngay cảnh sát bắt lôi về!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 97

LAI TÂN

Giam phòng Ban trưởng thiên thiên đổ,
Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền;
Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự,
Lai Tân y cựu thái bình thiên.

LAI TÂN

Ban trưởng nhà giam ngày ngày đánh bạc,
Cảnh trưởng tham lam ăn tiền phạm nhân bị giải;
Huyện trưởng chong đèn làm việc công,
Lai Tân vẫn thái bình như xưa.

Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh;
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 98

ĐáO LIễU CHÂU
9-12

Thiên tân vạn khổ phi vô hạn,
Cửu nhật ngô nhân đáo Liễu Châu;
Hồi cố bách dư thiên ác mộng,
Tỉnh lai diện thượng đới dư sầu.

ĐếN LIễU CHÂ[1)]
9-12

Muôn cay nghìn đắng không phải là vô hạn,
Ngày mồng chín, ta đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại, hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt còn vương chút u sầu.

Muôn cay nghìn đắng đâu vô hạn,
Mồng chín ta vừa đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt vẫn vương sầu.

NAM TRÂN *dịch*

[1)] *Liễu Châu:* một thành phố của tỉnh Quảng Tây, trên đường từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

Bài 99

CửU BấT Đệ GIảI

Khổ dược, bôi tương can cánh khổ,
Nan quan, mạt bộ bội gian nan;
Trưởng quan bộ chỉ cách lý hử,
Hà cố trường lưu ngã thử gian?

GIAM LÂU KHÔNG ĐƯợC CHUYểN

Chén thuốc đắng, lúc gần cạn càng đắng,
Cửa ải khó, đến chặng cuối càng khó khăn;
Dinh trưởng quan chỉ cách chừng một dặm,
Có sao giữ mãi ta ở chốn này ?

Thuốc đắng, cạn liều càng thấy đắng,
Đường gay, cuối chặng lại thêm gay;
Dinh quan chỉ cách đây chừng dặm,
Sao mãi giam ta ở chốn này?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 100

Dạ BáN

Thụy thì đô tượng thuần lương hán,
Tỉnh hậu tài phân thiện, ác nhân;
Thiện, ác nguyên lai vô định tính,
Đa do giáo dục đích nguyên nhân.

NửA ĐÊM

Lúc ngủ, mọi người đều có vẻ thuần hậu,
Tỉnh dậy, mới phân biệt rõ người thiện kẻ ác;
Thiện, ác vốn chẳng phải là bản tính cố hữu,
Phần lớn đều do giáo dục mà nên.

Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 101

LIễU CHÂU [1]

NHà NGụC LIễU CHÂU

[1] Trong nguyên bản, bài thơ này chỉ có đầu đề, không có thơ.

Bài 102

ĐáO TRưởNG QUAN Bộ

Tưởng giá nan quan thị tối hậu,
Tự do nhật tử khoái lai lâm;
Na tri hoàn hữu nan quan tại:
Ngã mẫn ưng cai giải Quế Lâm.

ĐếN DINH TRƯỞNG QUAN

Tưởng rằng cửa ải khó khăn này là cuối cùng,
Ngày tự do đang đến nhanh;
Ngờ đâu còn cửa ải khó khăn nữa:
Chúng tôi còn bị giải đi Quế Lâ[1].

Tưởng qua cửa ải này là hết,
Ngày tự do âu cũng chẳng chầy;
Nào biết gian nan còn ải nữa:
Quế Lâm còn phải giải đi ngay.

NAM TRÂN *dịch*

[1] *Quế Lâm:* thủ phủ của tỉnh Quảng Tây.

Bài 103

Tứ Cá NGUYệT LIễU

"Nhất nhật tù, thiên thu tại ngoại",
Cổ nhân chi thoại bất sai ngoa!
Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt,
Sử dư tiều tụy thập niên đa.

Nhân vị:
Tứ nguyệt ngật bất bão,
Tứ nguyệt thụy bất hảo,
Tứ nguyệt bất hoán y,
Tứ nguyệt bất tẩy tảo.

Sở dĩ:
Lạc liễu nhất chích nha,
Phát bạch liễu hứa đa,
Hắc sấu tượng ngã quỷ,
Toàn thân thị lại sa.

Hạnh nhi:
Trì cửu hoà nhẫn nại,
Bất khẳng thoái nhất phân,
Vật chất tuy thống khổ,
Bất động dao tinh thần...

BốN THáNG RồI

"Một ngày tù nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa thực không sai;
Sống chẳng ra người vừa bốn tháng,
Khiến mình tiều tuỵ còn hơn mười năm.

Bởi vì:
Bốn tháng ăn không no,
Bốn tháng ngủ không yên,
Bốn tháng không thay áo,
Bốn tháng không tắm rửa.

Cho nên:
Rụng mất một chiếc răng,
Tóc bạc đi nhiều,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở khắp thân mình,

May sao:
Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

"Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa đâu có sai;
Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiều tuỵ còn hơn mười năm trời.

Bởi vì:
Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.
Cho nên:
Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phần,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân.
May mà:
Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 104

BỆNH TRỌNG

Ngoại cảm Hoa thiên tân lãnh nhiệt,
Nội thương Việt địa cựu sơn [1];
Ngục trung hại bệnh chân tân khổ,
Bản ưng thống khốc khước cuồng ca.

ỐM NẶNG

Bên ngoài, cảm vì sự nóng lạnh mới thay đổi
của trời Hoa,
Bên trong, đau vì non sông xưa của đất Việt;
Trong tù mắc bệnh thực đắng cay,
Lẽ ra phải khóc ròng mà ta cứ hát ngao!

"Ngoại cảm" trời Hoa cơn nóng lạnh,
"Nội thương" đất Việt cảnh lầm than;
ở tù mắc bệnh càng cay đắng,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn!

NAM TRÂN *dịch*

---

[1] Hai câu đầu bài này dựa vào hai câu:
"Ngoại cảm Hán gia tân vũ lộ,
Nội thương Hàn quốc cựu sơn hà".
trong bài *Trương Lương tố đa bệnh* của Hoàng Phan Thái, tức Đầu xứ Thái, một nhà nho ở huyện Nghi Lộc, nay thuộc tỉnh Nghệ An, chống triều đình phong kiến nhà Nguyễn, bị xử tử thời Tự Đức.

Bài 105

ĐáO QUế LÂM

Quế Lâm vô quế diệc vô lâm,
Chỉ kiến sơn cao dữ thuỷ thâm;
Dung ấm giam phòng chân khả phạ,
Bạch thiên hắc hắc, dạ trầm trầm.

ĐếN QUế LÂM

Quế Lâm không quế cũng không rừng,
Chỉ thấy núi cao và sông sâu;
Cây đa rủ bóng xuống buồng giam, thực đáng sợ,
Ban ngày thì sầm tối, ban đêm thì im lìm.

Quế Lâm không quế, không rừng,
Sông sâu thăm thẳm, trập trùng núi cao;
Bóng đa đè nặng nhà lao,
Đêm sao lặng ngắt, ngày sao tối sầm!

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Quế Lâm, không quế, có rừng đâu,
Chỉ thấy non cao lẫn nước sâu;
Ngục dưới bóng đa ghê sợ thực,
Ngày thì ảm đạm, tối u sầu!

XUÂN DIệU - Đỗ VĂN Hỷ
dịch

Bài 106

NHậP LUNG TIềN

Sơ lai yếu nạp nhập lung tiền,
Chí thiểu nhưng tu ngũ thập nguyên;
Thảng nhĩ vô tiền bất năng nạp,
Nhĩ tương bộ bộ bỉnh ma phiền.

TIềN VàO NHà GIAM

Mới đến, phải nộp khoản tiền vào nhà lao,
ít nhất cũng năm mươi đồng;
Nếu anh không có tiền, không nộp được,
Mỗi bước đi anh sẽ gặp chuyện rắc rối.

Mới đến nhà giam phải nộp tiền,
Lệ thường ít nhất năm mươi "nguyên"!
Nếu anh không có tiền đem nộp,
Mỗi bước anh đi, một bước phiền.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 107

?!

Không không khổ liễu tứ thập thiên,
Tứ thập thiên khổ bất thăng nghiên (ngôn);
Hiện tại hựu yếu giải phản Liễu,
Chân thị linh nhân muộn hựu phiền.

?!

Cực khổ không đâu mất bốn mươi ngày rồi,
Bốn mươi ngày khổ không nói xiết;
Nay lại phải giải trở về Liễu Châu,
Thực khiến cho người ta bực bội lại buồn phiền.

Không đâu khổ đã bốn mươi ngày,
Bốn chục ngày qua xiết đoạ đày;
Nay lại giải về châu Liễu nữa,
Khiến người đã bực lại buồn thay!

Đỗ VĂN Hỷ *dịch*

Bài 108

?

Liễu Châu, Quế Lâm hựu Liễu Châu,
Dịch lai dịch khứ, tượng bì cầu;
Hàm oan đạp biến Quảng Tây địa,
Bất tri giải đáo kỷ thời hưu ?

?

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại như quả bóng da;
Ngậm oan đi khắp đất Quảng Tây,
Không biết giải đến bao giờ mới thôi?

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại, bóng chuyền nhau;
Quảng Tây đi khắp, lòng oan ức,
Giải đến bao giờ, giải tới đâu ?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 109

ĐáO Đệ Tứ CHIếN KHU CHíNH TRị Bộ

Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,
Trú liễu thập bát cá giam phòng;
Thí vấn dư sở phạm hà tội ?
Tội tại vị dân tộc tận trung!

ĐếN CụC CHíNH TRị CHIếN KHU [1]

Giải khắp mười ba huyện tỉnh Quảng Tây,
Dừng chân qua mười tám nhà lao;
Thử hỏi ta phạm tội gì ?
Tội tận trung với dân tộc!

Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua;
Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi,
Tội trung với nước, với dân à ?

NAM TRÂN *dịch*

[1] Cục chính trị này đóng ở Liễu Châu, là một trung tâm quân sự của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây lúc đó.

Bài 110

CHíNH TRị Bộ CấM Bế THấT

Nhị [1] khoát hề tam xích trường,
Tứ nhân trú thử nhật bàng hoàng;
Yếu thân thân cước dã bất khả,
Nhân vị đa nhân, thiểu địa phương.

NHà GIAM CủA CụC CHíNH TRị

Hai thước rộng và ba thước dài,
Bốn người suốt ngày quanh quẩn trong đó;
Muốn duỗi chân một tý cũng không được,
Bởi người đông mà đất lại hẹp.

[1] Nguyên bản là chữ *xích,* một đơn vị đo chiều dài của Anh, tương đương với 0,305m. Bản của Viện Văn học trong lần xuất bản trước viết là *xích,* đơn vị đo chiều dài của Trung Quốc, tương đương 0,31m, cũng gần bằng xích Anh. Nếu theo những con số này thì diện tích phòng giam chỉ rộng chừng hơn nửa mét vuông (0,305 x 3 x 0,305 x 2 = 0,56). Có lẽ không có một loại cấm bế thất nào nhỏ đến như vậy. Chúng tôi đoán tác giả dùng chữ *xích* để chỉ *công xích,* tức mét (mètre), nên chúng tôi tạm dịch là thước. Xà lim rộng 6m^2 cũng là loại thường thấy.

Ba thước chiều dài hai thước rộng,
Bốn người chen chúc ở bên trong;
Duỗi chân một tý cũng không thể,
Nhà hẹp mà người lại quá đông.

HUệ CHI *dịch*

Bản dịch khác:

Hai thước rộng, ba thước dài,
Ngày đêm luẩn quẩn bốn người tù nhân;
Mỏi chân, không chỗ duỗi chân,
Người đông, phòng hẹp, khó phần trở xoay.

KHƯƠNG HữU DụNG *dịch*

Bài 111

MôNG ưU ĐãI

Ngật câu phạn thái, thụy câu chiên,
Hựu cấp linh tiền mãi báo, yên;
Chủ nhiệm Lương công ưu đãi ngã,
Ngã tâm cảm khích bất thăng nghiên (ngôn).

ĐƯợC ƯU ĐãI

Ăn đủ cơm rau, ngủ đủ chăn đắp,
Lại cho tiền mua báo, mua thuốc hút;
Chủ nhiệm họ Lương ưu đãi ta,
Lòng ta cảm kích không thể nói xiết.

Ăn có cơm rau, ngủ có mền,
Báo xem, thuốc hút: cấp cho tiền;
Ông Lương chủ nhiệm đãi ta hậu,
Cảm kích lòng ta, nói chẳng nên.

HUệ CHI *dịch*

Bài 112

TRIÊU CảNH

Thái dương mỗi tảo tòng sơn thượng
Chiếu đắc toàn sơn xứ xứ hồng;
Chỉ vị lung tiền hữu hắc ảnh,
Thái dương vị chiếu đáo lung trung.

CảNH BUổI SớM

Mỗi buổi sớm, mặt trời nhô lên từ đỉnh núi,
Chiếu khắp núi, nơi nào cũng đỏ rực;
Chỉ vì trước nhà tù có bóng đen,
Mặt trời chưa rọi được vào trong ngục.

Đầu non sớm sớm vầng dương mọc,
Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng;
Chỉ bởi trước lao còn bóng tối,
Mặt trời chưa rọi thấu vào trong.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 113

THANH [1]

Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lung lý tù nhân giục đoạn hồn;
Tá vấn tự do hà xứ hữu?
Vệ binh dao chỉ biện công môn.

[1] Bài này dựa theo một bài thơ nổi tiếng của Đỗ Mục đời Đường:

Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn;
Tá vấn tửu gia hà xứ hữu ?
Mục đồng dao chỉ Hạnh Hoa thôn.

Nghĩa là:

Tiết thanh minh mưa phùn lất phất,
Trên đường người đi buồn đứt ruột;
Ướm hỏi nơi nào có quán rượu ?
Trẻ chăn trâu chỉ tay về phía xa: thôn Hạnh Hoa.

TIẾT THANH MINH

Tiết thanh minh mưa phùn dày hạt,
Trong ngục, người tù buồn đứt ruột;
Ướm hỏi: nơi nào có tự do?
Lính gác chỉ tay về phía xa: cửa công đường.

Thanh minh lất phất mưa phùn,
Tù nhân nghe thấm nỗi buồn xót xa;
Tự do, thử hỏi đâu là?
Lính canh trỏ lối thẳng ra công đường.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Thanh minh, mưa bụi mịt mù rơi,
Trong ngục, tù nhân dạ rối bời;
Ướm hỏi: tự do đâu có được?
Lính canh xa trỏ cửa quan ngồi.

HUệ CHI *dịch*

Bài 114

VãN CảNH

Mai khôi hoa khai hoa hựu tạ,
Hoa khai hoa tạ lưỡng vô tình;
Hoa hương thấu nhập lung môn lý,
Hướng tại lung nhân tố bất bình.

CảNH CHIềU HÔM

Hoa hồng nở hoa hồng lại tàn,
Hoa nở hoa tàn đều vô tình;
Hương thơm bay vào thấu trong ngục,
Tới kể với người trong ngục nỗi bất bình.

Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình;
Hương hoa bay thấu vào trong ngục,
Kể với tù nhân nỗi bất bình.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 115

NGũ KHOA TRưởNG, HOàNG KHOA VIÊN

Ngũ khoa trưởng dữ Hoàng khoa viên,
Lưỡng nhị kiến ngã thái khả liên;
Ân cần uỷ vấn hoà bang trợ,
Giá tượng đông hàn ngộ noãn thiên.

KHOA TRưởNG Họ NGũ,
KHOA VIÊN Họ HOàNG

Khoa trưởng họ Ngũ và khoa viên họ Hoàng,
Hai người đến thăm thấy tình cảnh của ta
rất đáng thương;
Ân cần thăm hỏi và giúp đỡ,
Thật giống như mùa đông rét mướt gặp
được ngày nắng ấm.

Họ Ngũ trưởng khoa với họ Hoàng,
Thấy ta cùng cực động lòng thương;
Ân cần thăm hỏi và cưu giúp,
Như nắng bừng lên giữa giá sương.

HUệ CHI *dịch*

Bài 116

HạN CHế

Một hữu tự do chân thống khổ,
Xuất cung dã bị nhân chế tài;
Khai lung chi thì đỗ bất thống,
Đỗ thống chi thì lung bất khai.

Bị HạN CHế

Không có tự do thực thống khổ,
Đến chuyện đi tiêu cũng bị người hạn chế;
Lúc mở cửa ngục, bụng không đau,
Đến lúc bụng đau, ngục không mở.

Đau khổ chi bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho;
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 117

DươNG ĐàO BệNH TRọNG

Vô đoan bình địa khởi ba đào,
Tống nhĩ Dương Đào nhập toạ lao;
"Thành hoả trì ngư" kham hạo thán,
Nhi kim nhĩ hựu khái thành lao.

DƯƠNG Đào[36] ốM NặNG

Không dưng đất bằng bỗng nổi sóng,
Đưa anh, Dương Đào, vào ngồi tù;
"Cháy thành vạ lây", đáng thở than biết mấy,
Mà nay, anh lại mắc chứng lao.

Sóng dậy đất bằng hỏi cớ sao,
Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào;
Cháy thành lây vạ, buồn khôn xiết,
Nay lại thương anh mắc chứng lao.

HOàNG TRUNG THÔNG
dịch

[36]) *Dương Đào:* một nông dân ở biên giới Quảng Tây, dẫn đường cho Hồ Chí Minh, bị bắt và bị giam cầm cùng với Người. Sau khi Hồ Chí Minh ra tù được ít lâu, ông cũng được ra tù và chết tại Liễu Châu vì bệnh lao. Hồ Chí Minh rất thương tiếc, coi như anh em. Tháng 8-1963, Hồ chủ tịch đã mời 7 vị có công giúp đỡ cách mạng Việt Nam ở hai huyện Tĩnh Tây và Na Pha (Quảng Tây) sang thăm nước ta, trong đó có Dương Thắng Cường, em ruột Dương Đào.

Bài 118

BẤT MIÊN DẠ

Mang mang trường dạ bất năng miên,
Ngã tố tù thi bách kỷ thiên;
Tố liễu nhất thiên thường các bút,
Tòng lung môn vọng tự do thiên.

ĐÊM KHÔNG NGỦ

Đêm dài mênh mang không ngủ được,
Ta làm thơ tù đã hơn trăm bài;
Làm xong mỗi bài thường gác bút,
Trông qua cửa tù, ngóng trời tự do.

Năm canh thao thức không nằm,
Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi;
Xong bài, gác bút nghỉ ngơi,
Nhòm qua cửa ngục, ngóng trời tự do.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Thăm thẳm đêm dài không ngủ được,
Trong tù viết đã trăm bài thơ;
Mỗi bài viết đoạn, ta dừng bút,
Cửa ngục nhìn ra: trời tự do!

HUệ CHI *dịch*

Bài 119

CửU Vũ

Cửu thiên hạ vũ, nhất thiên tình,
Khả hận thiên công một hữu tình!
Hài phá, lộ nê, ô liễu cước,
Nhưng tu nỗ lực hướng tiền hành.

MƯA LÂU

Chín ngày mưa, một ngày tạnh,
Đáng giận ông trời thật vô tình!
Giày rách, đường lầy, lấm cả chân,
Nhưng vẫn phải gắng sức đi lên phía trước.

Một ngày hửng nắng, chín ngày mưa,
Trời thật vô tình, đáng giận chưa!
Giày rách, đường lầy, chân lấm láp,
Vẫn còn dấn bước dặm đường xa.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 120

Tích Quang Âm

Thương thiên hữu ý toả anh hùng,
Bát nguyệt tiêu ma cốc trất trung;
Xích bích thốn âm chân khả tích,
Bất tri hà nhật xuất lao lung[37].

Tiếc ngày giờ

Trời xanh cố ý hãm anh hùng
Tám tháng đã mòn mỏi trong chốn gông cùm;
Tấc bóng nghìn vàng, thật đáng tiếc,
Chẳng biết ngày nào thoát khỏi vòng lao tù?

Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng;
Tấc bóng nghìn vàng, đau xót thực,
Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung?

Nam Trân *dịch*

[37]) Câu thơ này lấy từ một câu trong bài thơ nổi tiếng *Chí thành thông thánh* của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh làm năm 1905, nhằm thức tỉnh sĩ phu hưởng ứng phong trào Duy Tân cứu nước.

Bài 121

ĐỌC TƯỞNG CÔNG HUẤN TỪ

Bách chiết bất hồi, hướng tiền tiến,
Cô thần nghiệt tử, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm, khổ cán dữ ngạnh cán,
Tự hữu thành công đích nhất thiên.

ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN CỦA ÔNG TƯ[1)]

Trăm nghìn gian khó không lùi, vẫn cứ tiến,
Phận tôi con bơ vơ nhà tan nước mất, cái nghĩa phải như vậy;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
ắt sẽ có một ngày thành công.

Gian khó không lùi, vẫn tiến lên,
Thù nhà nợ nước, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Nhất định thành công sẽ có phen.

ĐỖ VĂN HỶ *dịch*

[1)] *Ông Tưởng:* Tức Tưởng Giới Thạch, Tổng tư lệnh quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc lúc bấy giờ.

Bài 122

LƯƠNG HOA THỊNH TƯỚNG QUÂN THĂNG NHẬM PHÓ TƯ LỆNH

Tích nhật huy quân Tương, Chiết địa,
Kim niên, kháng địch Miến, Điền biên;
Hiển hách, uy danh hàn địch đởm,
Vị công dự tụng khải toàn thiên.

TƯỚNG QUÂN LƯƠNG HOA THỊNH[38)]
THĂNG CHỨC PHÓ TƯ LỆNH

Ngày trước chỉ huy quân đội ở đất Tương và Chiết[39)],
Năm nay chống giặc nơi biên giới Miến và Điền[40)] ;
Uy danh lừng lẫy làm kẻ thù mất mật,
Vì ông ca trước khúc khải hoàn.

[38)] *Lương Hoa Thịnh:* là Trung tướng, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục chính trị đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây. Khi ông được thăng chức Tư lệnh phó mà Trương Phát Khuê làm Tư lệnh trưởng thì thiếu tướng Hầu Chí Minh thay ông làm Chủ nhiệm.
[39)] *Tương:* Tỉnh Hồ Nam; *Chiết:* tỉnh Chiết Giang.
[40)] *Miến:* Miến Điện; *Điền*; tỉnh Vân Nam.

Đốc quân ngày trước vùng Tương, Chiết,
Chống giặc năm nay mạn Miến, Điền;
Lừng lẫy uy danh, thù mất mật,
Khải hoàn mừng trước, xướng thành thiên.

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

Bài 123

TặNG TIểU HầU (HảI)

ấu nhi học dã, tráng nhi hành,
Thượng trung đảng, quốc, hạ trung dân;
Kiệm cần, dũng cảm hoà liêm chính,
Vô phụ Lương công giáo dục tình.

TặNG CHú HầU (HảI)

Bé thì phải học, lớn lên sẽ thực hành,
Trên trung với đảng và nước, dưới trung với dân;
Cần kiệm, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ cái tình dạy dỗ của ông Lương.

Bé thì phải học, lớn thì hành,
Với dân, đảng, nước, dạ trung thành;
Kiệm cần, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ ông Lương dạy dỗ mình.

ĐỖ VĂN Hỷ *dịch*

Bài 124 - 125

THU CẢM

I

Hùng đáo sơn phong vãn thập điểm,
Trùng thanh đoạn tục khánh thu lai;
Tù nhân bất quản thu lai vị,
Chỉ quản tù lung hà thời khai.

II

Khứ tuế thu sơ ngã tự do,
Kim niên thu thủ ngã cư tù;
Thảng năng tì ích ngô dân tộc,
Khả thuyết kim thu trị khứ thu.

CẢM THU

I

Sao Bắc Đẩu lên đến đỉnh núi đã mười giờ đêm,
Tiếng trùng đứt nối mừng thu sang;
Người tù chẳng kể thu sang hay chưa,
Chỉ cần biết cửa tù ngày nào mở.

II

Đầu thu năm ngoái ta tự do,
Đầu thu năm nay ta ở tù;
Ví bằng giúp ích được cho dân tộc,
Thì có thể nói, thu nay cũng sánh ngang thu trước.

I

Bắc Đẩu mười giờ ngang đỉnh núi,
Dế kêu khoan nhặt đón mừng thu;
Thân tù đâu thiết thu sang chửa,
Chỉ thiết hôm nao mở cửa tù.

II

Năm ngoái đầu thu ta tự do,
Năm nay thu đến ta trong tù;
Ví bằng giúp ích cho dân tộc,
Thu trước thu này, há kém nhau.

NAM TRÂN - BĂNG THANH
dịch

Bài 126

NHÂN Đỗ NGã

Tòng tiền tống phạn thiên thiên tảo,
Hiện tại khai xan trì hựu trì;
Huống phục thời gian bất nhất định,
Thập, thập nhất, hoặc thập nhị thì.

NHÂN LúC ĐóI BụNG

Trước đây ngày ngày đưa cơm rất sớm,
Bây giờ, bữa ăn đã muộn lại càng muộn;
Huống chi lại thêm thời gian không nhất định,
Lúc thì mười giờ, lúc lại mười một, hoặc mười hai giờ.

Ngày ngày từ trước cơm đưa sớm,
Bữa bữa giờ đây cứ chậm hoài;
Huống nữa thời gian không nhất định,
Mười giờ, mười một hoặc mười hai.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 127

TRầN KHOA VIÊN LAI THáM

Nhất niên chỉ kiến binh hoà cảnh,
Kim nhật khan kiến nho nhã nhân;
Nhã nhân sử ngã tâm hưng phấn,
Ngã phát hắc phản lưỡng tam phân.

KHOA VIÊN Họ TRầN TớI THĂM

Quanh năm chỉ thấy lính và cảnh sát,
Hôm nay mới nhìn thấy người nho nhã;
Người nho nhã khiến lòng ta phấn chấn,
Tóc ta đen trở lại hai ba phần.

Lính tráng tuần canh nhìn nhẵn mặt,
Hôm nay mới được gặp văn nhân;
Người trông nho nhã, ai không thích,
Mái tóc ta xanh lại mấy phần.

HUệ CHI *dịch*

Bài 128

HầU CHủ NHIệM[41] ÂN TặNG NHấT Bộ THư

Khoảnh thừa chủ nhiệm tống thư lai,
Độc bãi tinh thần giác đốn khai;
Lãnh tụ vĩ ngôn như tại nhĩ,
Thiên biên oanh động nhất thanh lôi.

CHủ NHIệM Họ HầU TặNG MộT Bộ SáCH

Vừa rồi được Chủ nhiệm đưa sách đến cho,
Đọc xong, thấy tinh thần đột nhiên mở mang;
Lời lãnh tụ như còn vẳng bên tai,
Khác nào một tiếng sấm ầm vang nơi chân trời.

Sách ngài Chủ nhiệm mới đưa sang,
Đọc đoạn, tinh thần chợt mở mang;
Còn vẳng bên tai lời lãnh tụ,
Chân trời một tiếng sấm rền vang.

Đỗ VĂN Hỷ *dịch*

[41]) *Hầu Chủ Nhiệm:* Tức Hầu Chí Minh, Chủ nhiệm Cục chính trị chiến khu IV, người đã trực tiếp thả Hồ Chí Minh theo lệnh của Tưởng Giới Thạch. Được tiếp xúc với Người, ông từng tỏ lòng mến phục.

Bài 129

MôNG THượNG LệNH CHUẩN XUấT LUNG HOạT ĐộNG

Cửu nhàn lưỡng cước nhuyễn như miên,
Kim thí hành hành lũ dục điên;
Phiến khắc dĩ văn Ban trưởng hám:
"Phản lai, bất chuẩn tái trì diên".

ĐƯợC LệNH TRÊN CHO ĐI LạI NGOàI BUồNG GIAM

Nhàn rỗi lâu ngày, hai chân mềm như bông,
Nay mới đi thử vài bước đã lảo đảo mấy lần chực ngã;
Chốc lát đã nghe Ban trưởng quát:
"Quay lại! Không được rềnh ràng nữa!".

Nghỉ lâu, chân tựa bông mềm nhũn,
Đi thử, hôm nay muốn ngã quay;
Chốc lát đã nghe cai ngục quát:
"Không rềnh ràng nữa, phải vào ngay!".

Đỗ VĂN Hỷ *dịch*

Bài 130

THU Dạ

Môn tiền vệ sĩ chấp thương lập,
Thiên thượng tàn vân bạng nguyệt phi;
Mộc sắt tung hoành như thản khắc[42],
Mân trùng tụ tán tự phi ky (cơ);
Tâm hoài cố quốc thiên đường lộ[43],
Mộng nhiễu tân sầu, vạn lũ ti;
Vô tội nhi tù dĩ nhất tải,
Lão phu hoà lệ tả tù thi.

[42]) *Thản khắc:* phiên âm tiếng Anh "tank" là xe tăng.
[43]) Trong câu này có ba chữ "thiên đường lộ" trong đó chữ "đường" là một đơn vị có chiều dài tính đường đi của Quảng Tây. Mỗi "đường" là một dặm. Do đó cụm từ này có nghĩa là đường xa hàng nghìn dặm, chứ không phải là muôn nghìn nẻo đường.

ĐÊM THU

Trước cửa lính gác bồng súng đứng,
Trên trời đám mây tàn bay bên vầng trăng;
Lũ rệp bò ngổn ngang như xe tăng,
Đàn muỗi lúc tụ lúc tán như máy bay;
Lòng nhớ cố quốc cách xa nghìn trùng,
Giấc mộng vấn vương mối sầu mới như vạn mối tơ;
Vô tội mà ở tù đã một năm nay,
Già này hoà nước mắt viết thơ tù.

Trước cửa lính canh bồng súng đứng,
Trên trời trăng lướt giữa làn mây;
Rệp bò ngang dọc như xe cóc,
Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay;
Nghìn dặm bâng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay;
ở tù năm trọn thân vô tội,
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 131

TìNH THIÊN

Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,
Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;
Phiến thì vũ trụ giải lâm phục,
Vạn lý sơn hà sái cẩm chiên;
Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,
Thụ cao chi nhuận điểu tranh nghiên (ngôn);
Nhân hoà vạn vật đồ hưng phấn,
Khổ tận cam lai, lý tự nhiên.

TRờI HửNG

Sự vật vần xoay vốn định sẵn,
Sau ngày mưa tất đến ngày nắng;
Trong chốc lát, vũ trụ đã cởi bộ áo ướt,
Muôn dặm non sông phơi màu chăn gấm;
Trời ấm, gió nhẹ, hoa chúm chím cười,
Cây cao, cành mượt, chim đua hót;
Người cùng muôn vật đều phấn chấn,
Hết khổ đến sướng là lẽ tự nhiên.

Sự vật vần xoay đà định sẵn,
Hết mưa là nắng hửng lên thôi;
Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;
Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,
Cây cao, chim hót rộn cành tươi;
Người cùng vạn vật đều phơi phới,
Hết khổ là vui vốn lẽ đời.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 132

KHáN "THIÊN GIA THI" HữU CảM

Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ,
Sơn thuỷ yên hoa tuyết nguyệt phong;
Hiện đại thi trung ưng hữu thiết,
Thi gia dã yếu hội xung phong.

CảM TƯởNG ĐọC "THIÊN GIA THI"[44)]

Thơ xưa nghiêng về yêu cảnh đẹp thiên nhiên,
Núi, sông, khói, hoa, tuyết, trăng, gió;
Trong thơ thời nay nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

NAM TRÂN *dịch*

[44]) *Thiên gia thi:* tập thơ của "nghìn nhà thơ". ở Trung Quốc có hai tuyển tập thơ Đường - Tống được mang tên "Thiên gia thi". Tập đầu do Lưu Khắc Trang đời Tống tuyển chọn, lấy tên *Đường - Tống thiên gia thi tuyển,* tập sau do Tạ Phương Đắc cuối đời Tống tuyển lại tập trước, gọi là *Thiên gia thi.* Có lẽ Hồ Chí Minh đã đọc tập thơ sau này.

Bài 133

TứC CảNH

Thụ sao xảo hoạ Trương Phi tượng,
Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm;
Tổ quốc chung niên vô tín tức,
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.

TứC CảNH

Ngọn cây khéo vẽ hình Trương Phi[45)],
Mặt trời hồng sáng mãi lòng Quan Vũ[2)];
Tổ quốc suốt năm không tin tức,
Mong thư trả lời của quê nhà hàng ngày.

Cành lá khéo in hình Dực Đức,
Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công;
Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.

NAM TRÂN *dịch*

[45], [2]) Trương Phi và Quan Vũ là hai danh tướng nhà Thục Hán thời Tam quốc. Trương Phi nổi tiếng về tính cương trực, dũng mãnh. Quan Vũ nổi tiếng về các đức tính: tín, nghĩa, trung dũng. Hai người cùng là anh em kết nghĩa của Lưu Bị.

Bài 134

KẾT LUẬN

Hạnh ngộ anh minh Hầu Chủ nhiệm,
Nhi kim hựu thị tự do nhân;
Ngục trung nhật ký tòng kim chỉ,
Thâm tạ Hầu công tái tạo ân.

Hoàn
29-8-1942
10-9-1943

KẾT LUẬN

May mắn gặp được Chủ nhiệm họ Hầu sáng suốt,
Mà nay ta lại là người tự do;
Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây,
Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông Hầu.

Hết
29-8-1942
10-9-1943

Sáng suốt, nhờ ơn Hầu chủ nhiệm,
Tự do trở lại với mình rồi;
Ngục trung nhật ký từ đây dứt,
Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người.

Hết
29-8-1942
10-9-1943

KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

MỤC ĐỌC SÁCH[46)]

Những hiểu biết cơ bản về quân sự.
Bài giảng của Uỷ viên trưởng

1- *Tổ chức:* Biên chế và đội hình.
Quân đoàn, sư đoàn đến trung đội, tiểu đội là hình thể của tổ chức.
Mệnh lệnh, điều lệnh, các nhiệm vụ là nhiệm vụ của tổ chức.
Tổ chức cần phải chặt chẽ, thống nhất.
2- *Kỷ luật* cần nghiêm minh. Tổ chức là cơ thể của quân sự.
Kỷ luật là sinh mệnh của quân sự.
3- *Kế hoạch* cần rất tỉ mỉ, đầy đủ. Điều kiện: 1- Đối tượng; 2- Hoàn cảnh, địa hình, giao thông, vệ sinh, quân đội bạn, lực lượng ta, lực lượng kẻ thù; 3- Nhiệm vụ và mục đích của ta; 4- Công việc chuẩn bị: lương thực, súng đạn, giao thông, vệ sinh.

46) Bài *Mục đọc sách* và *Mục đọc báo* tiếp theo đây vốn được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết kèm vào những trang cuối cùng trong cuốn sổ chép những bài thơ *Nhật ký trong tù,* bắt đầu từ sau bài thơ *Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"*. ở đây chúng tôi xếp sau khi in toàn bộ phần thơ để bạn đọc tiện theo dõi. (BT).

4- *Mệnh lệnh* cần đơn giản, rõ ràng, thiết thực, chu đáo. Chú ý thời gian, địa điểm, tình hình địch, hoàn cảnh, nhiệm vụ và mục đích bản thân công việc chuẩn bị.
5- *Động tác* như đứng nghiêm, v.v., cần nhanh chóng, xác thực. Đứng nghiêm: thân, tâm, khí, thế đều ổn định.
6- *Hành động* cần phải đều răm rắp, cùng nhất trí, nhanh chóng xác thực. Bí quyết nhanh chóng: đơn giản, tiết kiệm không gian, thời gian và tài lực, vật lực.
7- *Sinh hoạt* cần chỉnh tề, sạch sẽ, đơn giản, chất phác. Thời chiến bình tĩnh như thời bình. Thời bình khẩn trương, chịu đựng khắc khổ như thời chiến.
8- *Quản lý* người, việc, địa điểm, vật dụng, thời gian.
9- *Tính chất* trong sạch, đáng kính; cơ động, bí mật, diện: lường đến những việc có thể xảy ra, *tích cực.*
10- Hiệu quả và mục đ[1)]: thân ái đoàn kết, muôn người một lòng.
11- Điều kiện thành công[2)]: cẩn thận, sẵn sàng, kiểm thảo.

HUấN LUYệN

Tính chất huấn luyện dựa trên căn bản phải xem xét và giao trách nhiệm cho những người có tài năng để huấn luyện. Nghĩa là nói rồi thì phải đi làm, đã nói thì phải làm được. Xem xét tình hình, phẩm cách, kinh nghiệm, ưu điểm và khuyết điểm. Tổ chức nhân tài. Dạy làm người, làm việc. Thân ái đoàn kết. Không cẩu thả, không dối trá. Cán bộ. Nghiên cứu, phê bình, thảo luận, thi đua, hỗ trợ. Tự giác, tự động. Sáng tạo, phụ trách. Đầu óc, miệng, mắt, tay, chân đều đạt. Giữ kỷ luật, tiếc thời gian.
Phân biệt sự vật, có cái nặng, cái nhẹ, cái gấp, cái không gấp.
Trao đổi kinh nghiệm. Giao công tác thực tế. Giải đáp thắc mắc.

1), 2) Dưới 2 chữ này không gạch dưới như các hàng trên.

Phân công việc không tiến thì lùi. Một chỗ buông lơi, trăm chỗ lười biếng.

Tinh thần càng dùng càng nhạy bén, trí tuệ càng dùng càng minh mẫn.

Cái cần lúc đầu là dũng khí.

Mới, không ngừng tiến thủ, cần có bản lĩnh độc lập. Tự mình làm lấy, tự giác, tự động, tự chủ. Lao động, sáng tạo, quyết đoán. Mỗi ngày một mới. Cần theo dõi, kiểm tra, khảo sát, chỉ đạo, hội báo.

Quyết tâm trở thành người tốt là phải không sợ khổ, không sợ khó, nhất định làm đến cùng những điều chúng ta thấy đáng làm, cho dù chưa chắc thành công vẫn ra sức làm dù gặp phải gian nan nguy hiểm gì, cùng cực càng phấn đấu, không lùi bước, phải làm thực sự, làm nhanh, làm một cách kiên quyết.

Liên hợp với các quốc gia dân tộc đồng tình với ta để cùng đấu tranh cho hoà bình và chính nghĩa của thế giới...

Từ nay về sau, chúng ta hy vọng: tất cả các dân tộc nhỏ yếu trên thế giới nên lấy nhiệt tình đòi độc lập tự do của dân tộc mình giúp đỡ cuộc kháng chiến chống Nhật của Trung Quốc. Các quốc gia, dân tộc bị chủ nghĩa bạo lực, bị đế quốc Nhật thôn tính... từ nay về sau đều phải liên hợp lại (tháng 6-1927).

Thái độ: lễ, quy, củ. Kỷ luật: nghiêm, chính. Hành vi: nghĩa, chính, đương. Hy sinh: khảng khái. Phân biệt: liêm, thanh, sở. Tiết kiệm: thực, tại. Giác ngộ: sĩ, thiết, thực. Phấn đấu: dũng, liệt.

Một vật dùng như hai vật. Một người làm việc của hai người. Một ngày làm công của hai ngày. Nói ít, bắt đầu bằng hành động. Tiến bộ.

Qua ba năm kháng chiến, mất Bắc Bình, Thiên Tân: 4-8-1937; Trương Gia Khẩu: 25-8-1937; Thạch Gia Trang: 10-10-1937; Thái Nguyên: 9-11-1937; Tuy Viễn: 13-11-1937; Thượng Hải: 13-8 đến 9-11-1937; Nam Kinh: 13-11-1937; Tế Nam: 27-12-1937; Từ Châu: 19-5-1938; Hàng Châu: 25-11-1938; Vũ Hán: 12-6 đến 25-10-1938; Quảng Châu: 21-10-1938; Hải Nam: 10-2-1939; Nam Ninh: 24-2-1939; Nam Xương: 27-2-1939.

Sư đoàn thứ tám Trung Điều Sơn tấn công từ tháng 5 đến tháng 7-1939. Địch khoảng 35 sư đoàn. Hà Bắc, Cáp Nhĩ Tân, Tuy Viễn, Sơn Tây, Sơn Đông, Hà Nam, Giang Tô, Triết Giang, An Huy, Giang Tây, Hà Bắc, Quảng Đông, Hồ Nam, Phúc Kiến, Quảng Tây, cộng tất cả 16 thành phố, 1.170 huyện, địch chiếm 15 thành phố, 533 huyện. Đến hết tháng 3-1940, có tất cả 179.000 quân nguỵ và quân chính quy. Lấy lại Nam Ninh ngày 30-10-1940.

Địch vào Việt Nam tháng 9-1940.

ý nghĩa của văn hoá: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn.

Năm điểm lớn xây dựng nền văn hoá dân tộc.

1- Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4- Xây dựng chính trị: dân quyền.

5- Xây dựng kinh tế.

Tài liệu chữ Hán,
viết trong bản thảo
Nhật ký trong tù.

MỤC ĐỌC BÁO

2-10, Găngđi tuyệt [1]. Liên Xô. Ngày 1-[2] tấn công [3]. Dei Rosta.
Ngày 3-1 tấn công Mostok.
4. Norkhek
5. Foruklatnaia séski
17. MéroJ
22. Sask
23. Amavir
25. 56 thành phố và làng mạc của Fronosi và Donetz.
Đầu tháng [4], quét sạch quân Đức ở Xtalingrát.
Tù binh Đức: Nguyên soái 2
Tướng lĩnh 24
Sĩ quan 2500

Binh lính 9 vạn

1) Đảng Quốc Đại do Găngđi và Nêru lãnh đạo đối lập với Chính phủ Anh, đưa ra yêu sách: tổ chức ngay một chính phủ dân tộc ấn, động viên các lực lượng nhân dân đấu tranh chống xâm lược, hợp tác tích cực với các lực lượng chống phát xít. Anh không chấp nhận. Đại hội thông qua nghị quyết ngày 18-7-1942 đòi xoá bỏ sự thống trị của Anh ở ấn, kêu gọi tổ chức một chiến dịch quần chúng. Thực dân Anh đàn áp. Ngày 9-8-1942, thực dân Anh bắt Găngđi, Nêru. Ngày 2-10, Găngđi tuyệt thực.
2) Ngày 1-1-1943.
3) Trong nguyên bản chữ Hán, có một số từ viết bằng chữ Latinh.
4) Đầu tháng 2-1943, cụ thể là 2-2-1943.

Máy bay 760
Xe tăng 15000
Vũ khí đạn dược nhiều vô kể.
Ngày 17-[1], tấn công Karkov, đánh bại hai sư đoàn nổi tiếng của quân Đức. Tổng thống Mỹ nói: Hết sức làm hài lòng mọi người, Nghị viện Anh hoan hô.
Ngày 18, phu nhân Tưởng đọc diễn văn trước nghị viện Mỹ.
Ngày 22, từ cuộc chiến tranh Xô - Đức đến nay, Đức thiệt hại 9 triệu người, trong đó chết trận 4 triệu.
Trong 35 cuộc tấn công của ba tháng nay, 130 sư đoàn bị đánh tan, bị chết trận trên 70 vạn, bị bắt làm tù binh 31 vạn, mất 7.000 xe tăng, 4.000 máy bay, 17.000 trọng pháo.
Toàn Trung Quốc có 3736 nhà tù. Sáu tháng đầu năm ngoá[2] đưa vào 5 vạn người tù.
Chi phí chiến tranh của Mỹ mỗi ngày hơn 250 triệu đôla.
Ngày 21-3.
Vật tư chuyển từ hải cảng Mỹ đến nơi sử dụng ở Trung Quốc mất 75 đến 80 ngày.
Từ ngày nổ ra chiến tranh đến cuối tháng 2 năm 1943, Mỹ mất 66.399 người.
Người da đen trong quân đội Mỹ có 45 vạn người, sĩ quan có khoảng 2.000.
Mỹ tặng Liên Xô 5600 máy bay, 6100 xe tăng, 85000 xe hơi.
Ngày 27-3.
Đức có gần 500 tàu ngầm. Mỗi tháng có thể đóng xong từ 15 đến 30 chiếc.
Ngày 26-7-1941, Nhật đổ bộ lên Sài Gòn.

1) Ngày 23-8-1943, Liên Xô tấn công Karkov, không phải 17-2-1943.
2) Sáu tháng đầu năm 1942.

Ngày 10-7-1943, vào Sicile.
Ngày 3-8 công kích, quân Đồng minh mất 31.158 người, quân Trục mất 165000 người, trong đó 132000 là tù binh.
Ngày 25-7, ý đảo [1].
3-9, Đồng minh vào ý.
Thành phố Xtalingrát bị đánh bằng hơn 1.050.000 mìn.
Phá huỷ 73 kilômét chiều dài, 1 kilômét chiều rộng các thành phố và thị trấn, nông trang viên, chôn 128.000 xác người Liên Xô, 11.000 xác ngựa.
Ngày 1-11, trong một mỏ của Xtalinô, Đức chôn sống 4 vạn người Liên Xô.
Tháng 9, Đồng minh oanh tạc Trục, ném 37 vạn tấn bom.
Ngày 1-10, Mỹ ném bom Hải Phòng, bắn rơi 29 máy bay Nhật.
Ngày 9, lại ném bom Hải Phòng.
13, ý tuyên chiến với Đức[2]. Liên Xô, Anh, Mỹ công nhận ý là bạn chiến đấu.
Cắt tóc ở Quế Lâm 30 đồng, thịt lợn 45 đồng.
Lương một gái bán vui của nhà chứa mỗi tháng 30 vạn đồng.
Mỗi lần Mỹ mất một máy bay thì Nhật mất chín chiếc.
Đã chụp ảnh hai tấc, 144 đồng một chiếc.

14, sư đoàn quân tình nguyện Tây Ban Nha (trong quân đội Đức) rút khỏi mặt trận (Nga).

Chi phí quân sự của Mỹ tháng 9 là 7 tỷ 220 triệu đồng.
Máy bay quân Đồng minh đánh quân Nhật ở Labour[48], phá huỷ 177 máy bay, 121 tàu chiến lớn nhỏ, ném tất cả 350 tấn bom, 25 vạn viên đạn súng máy.
15, quân Mỹ ném bom vào quân Đức. Mỹ mất 60 lô cốt trên không, Đức mất 104 cái.
16, bốn giờ sáng, Mỹ ném bom Hải Phòng.
Từ khi tham chiến đến ngày 1-9-1943, máy bay Mỹ xuất kích 223.758 lần, ném 105.449 tấn bom, phá huỷ 7.312 máy bay địch. Mỹ mất 1.867 máy bay.
Tính đến 1-9 năm nay, trong nửa năm phá huỷ của địch 5.369 máy bay, Mỹ mất 1.239 máy bay.
10, R.Rolland [1].
20, Hội nghị ngoại trưởng 3 nước: Liên Xô, Anh, Mỹ, họp tại thủ đô Liên Xô[2].
Mỗi tháng Pháp chi cho quân Đức trong thời gian bị chiếm đóng 12.166 triệu phrăng.
27-29, Mỹ ném bom Bắc Kỳ.
Ngày 1-11.

Tuyên ngôn tứ cường (tại Mátxcơva), toàn thế giới hoan nghênh.

Tháng 10, quân Đồng minh ném 18.000 tấn bom.
5, trong 12 tiếng đồng hồ, quân Đồng minh ném 4.000 tấn bom vào quân Đức.
Hàng nghìn máy bay Mỹ ném bom Wilam Hurvol.

Trong bốn tháng tấn công mùa hè, Liên Xô lấy lại được 35 vạn kilômét vuông, đánh bại 144 sư đoàn của Đức. Địch chết 90 vạn, bị bắt làm tù binh 98 nghìn.

Đội nhảy dù nữ của Liên Xô đã nhảy dù.
Hàng chục vạn dân thường và tù binh Liên Xô ở Xmolenxơ bị tàn sát dã man.
Ngày 7, tấn công lấy lại [1].

1), 47) Ngày 25-7-1943, Nguyên soái Badoglio cầm đầu cuộc đảo chính, bắt giam Mútxôlini. Ngày 3-9-1943, chính phủ do Badoglio tuyên bố đầu hàng Đồng minh và ngày 13-10-1943, tuyên chiến với Đức.
48) Chúng tôi chưa biết rõ Labour ở đâu.

1) R. Rolland, nhà văn Pháp, mất ngày 15-10-1944, thọ 76 tuổi.
2) Hội nghị ngoại trưởng ba nước họp từ ngày 10 đến ngày 30-10-1943.
1) Liên Xô tấn công quân Đức, lấy lại Kiép ngày 6-11-1943, không phải ngày 7.

10, Sau khi kết thúc chiến tranh, Anh cấm thuốc phiện ở các đất thuộc địa tại Viễn Đông. Đến tháng 5-1943, Anh giúp Liên Xô 4.690 máy bay, 22 tàu chiến, sáu tàu ngầm và các loại tàu khác. Tổng cộng giá trị giúp Liên Xô 187 triệu đồng bảng Anh, giúp Mỹ 292 triệu đồng bảng Anh.
Mỹ phát minh máy có thể bắt được mục tiêu bằng sức điện.
Tính đến hết tháng 9 năm nay, số vật tư mà Mỹ cho Liên Xô vay mượn trị giá 3.287 triệu đồng.
22, về sau, máy bay quân Đồng minh liên tiếp phá huỷ một phần ba thành phố Béclin.
Pháp công nhận nền độc lập của Libăng.
Mỗi tháng Mỹ sản xuất được 2000 chiếc máy bay.
Ngày 1-12, Hội nghị lãnh đạo tứ cường họp ở thủ đô Ai Cập.
11 tháng trong năm nay, máy bay Anh tập kích quân Đức 8 vạn lần.
Tháng 11, quân Đức ném 120 tấn bom vào quân Anh. Quân Anh ném vào quân Đức 13.000 tấn bom. Chi phí chiến tranh của Anh từ 1940 đến 1942, mỗi người mỗi năm phải gánh vác 194 đồng, từ 1942 đến 1943, mỗi người phải gánh vác 7.130 đồng.
Sinh hoạt phí tăng 19%.
*
* *

Việt Nam: 702.000 dặm, to gần bằng hai phần ba nước Pháp. Bờ biển dài 2000 dặm. Biên giới 3.900 dặm. Núi cao nhất: Phansipăng 3.142 mét. Sông Mêkông dài 4.400 dặm (trong đó Việt Nam 2.400 [2]), rộng 400 thước.

Pháp có 19.000 người. Thế kỷ XVI, người Bồ Đào Nha và Hà Lan đến Việt Nam.

Năm 1624, người đạo Lamốttơ đi kinh lý khắp nơi.
Ngày 28-11-1787, Gia Long và Pháp ký hiệp ước (Gia Long lên ngôi năm 1802).

2) Chúng tôi chưa kiểm tra được các con số trong bài này (B.T).

Ngày 5-6-1862, Tự Đức ký nhượng Sài Gòn, Biên Hoà, Mỹ Tho của Nam Kỳ.
Ngày 20-11-1873, mất Hà Nội.
Ngày 25-4-1882, lại mất.
Ngày 11-5-1884, ký hiệp ước Thiên Tân.
Ngày 28-3-1885, Pháp thất bại ở Lạng Sơn.
Binh lính thuộc quốc tịch Việt Nam tổ chức vào năm 1858 có hai đại đội, năm 1862 có ba tiểu đoàn, năm 1884 có hai trung đoàn. Trung Kỳ có bốn tiểu đoàn, vào năm 1887.
Khởi nghĩa, năm 1915 tháng 1: Phú Thọ, tháng 2: Móng Cái. Năm 1916, tháng 2: Sài Gòn; tháng 5: Duy Tân; tháng 8: Bát Xát. Năm 1917, tháng 2: Đồng Văn. Năm 1918, tháng 2: Mường Khương, tháng 7: Pha Long; tháng 9: Cốc Sàn. Từ tháng 9-1917 đến tháng 1-1918: Thái Nguyên. Từ tháng 11-1918 đến tháng 1-1919: Bình Liêu. Tháng 6-1919: Quảng Nam. Từ 1918 đến 1920: Mèo Bát Chai.

Cuộc đại chiến ở châu Âu, 94.411 người Việt Nam sang Pháp. Binh lực của Pháp: 11 tiểu đoàn người Pháp, 16 tiểu đoàn người Việt Nam, 21 khẩu đội pháo, 11 đại đội công binh, bốn phi đội máy bay, 14.765 lính khố xanh và lính khố đỏ người Việt Nam, 173 sĩ quan.

2000 người Thuỵ Điển, 9 tàu hộ tống, 8 pháo hạm, 3 tàu ngầm, 7 tuần dương hạm (17 tàu chiến không có giá trị lớn).
Năm 1929, Việt Nam nộp 32.300.000 đồng phrăng cho chi phí quân sự. Từ 1919 đến 1929, tăng gấp đôi.
Nhật Bản: 70 sư đoàn, mỗi sư đoàn 35.000 người, ở Trung Quốc có khoảng 35 sư đoàn, ở Miến Điện có 21 vạn quân, số quân đề phòng Liên Xô tấn công là 30 vạn.

Mỗi năm đóng được một tàu chiến loại 12 vạn tấn. Đến 1945, có 362 tàu chiến, 166 vạn tấn. Từ chiến tranh Thái Bình Dương đến cuối tháng 6 năm nay mất 446 tàu chiến.

Đến 1945, Mỹ có 736 tàu, cộng tất cả là 353 vạn tấn, cứ 36 giờ sản xuất được 1 chiếc tàu chiến. Ngày 31-5 năm nay, Mỹ chế tạo xong được chiếc máy bay thứ 10 vạn, có thể huy động 10 triệu binh lính.

Mỗi năm Nhật Bản có thể chế tạo được 3000 máy bay. Hiện nay, Nhật có 15.000 chiếc. Mỗi tháng Nhật vận chuyển vật tư vào trong Trường Thành 520 vạn tấn, vào Đông Bắc 280 vạn tấn. Năm ngoái vận chuyển từ Nhật sang sáu triệu tấn.

*

* *

Phụ nữ tham gia sản xuất, khuyến khích chồng con ra trận, giúp đỡ binh lính may vá và giặt giũ quần áo, ưu đãi các gia đình kháng chiến, uý lạo, quyên góp (tiết kiệm), trừ gian, đi du kích.

Tài liệu chữ Hán,
viết trong bản thảo
Nhật ký trong tù.

TÂN XUẤT NGỤC HỌC ĐĂNG SƠ[1)]

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần;
Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.

MớI RA Tù, TậP LEO NúI

Mây ôm dẫy núi, núi ôm mây,
Lòng sông như gương, không chút bụi;
Một mình bồi hồi dạo bước trên đỉnh núi Tây

Phong

Trông về phía trời Nam xa xăm nhớ bạn cũ.

Núi ấp ôm mây, mây ấp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;
Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.

NAM TRÂN *dịch*

1) Bài thơ này nguyên không có đầu đề, cũng không có trong tập *Ngục trung nhật ký*, vì được sáng tác sau khi tác giả đã ra tù. Trong hồ sơ còn lưu giữ ở Viện văn học có bút tích của chính tác giả viết đầu đề này gửi cho Tiểu ban biên tập vào đầu năm 1960. Vậy, có thể đây là đầu đề do tác giả mới đặt về sau.

Bản dịch khác:

Mây ôm núi núi ôm mây,
Lòng sông sạch chẳng mảy may bụi hồng;
Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai.

T.LAN [1]

1) Bản dịch này của T. Lan in trong tập *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. In lần thứ hai, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1976, tr.84.

TặNG Cụ ĐINH CHƯƠNG DƯƠNG

Quan san muôn dặm gặp nhau đây,
Mục đích chung là đuổi Nhật, Tây.
Dân bị hai tròng vào một cổ,
Ta liều trăm đắng với ngàn cay.
Già dù yếu sức mang mang nhẹ,
Trẻ cố ra công gánh gánh đầy.
Non nước của ta ta lấy lại,
Nghìn thu sự nghiệp nổi từ đây.

Liễu Châu, năm 1943

In trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ,* Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr.46.

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ*

LIBĂ[1]

Libăng là gì? Chắc là nhiều độc giả chưa từng nghe nói đến tên xứ này. ấy là một nước nhỏ ở Cận Đông, gần đây đã làm cho thế giới phải chú ý.

Libăng ở cạnh xứ Xyri, đất rộng 38 vạn dặm vuông (dặm Anh), dân số 70 vạn người, kinh đô là Bâyrút, ngày trước thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, đến năm 1861 thì thoát ly nước Thổ mà độc lập, song lại bị đế quốc Pháp bao biện.

Sau Thế giới đại chiến lần thứ nhất, Libăng đòi hoàn toàn độc lập, nhưng không được. Tháng 7-1922, Hội Quốc liên uỷ nhiệm xứ ấy cho nước Pháp. Trong lời uỷ nhiệm có định rằng: "trong hạn 3 năm, Pháp phải lập nên Hiến pháp cho Libăng và Xyri, và phải làm cho hai nước ấy thành nước độc lập".

Hiến pháp thì có Hiến pháp Libăng được Pháp quẳng cho tấm áo Cộng hoà có Tổng thống, có Nội các, có Nghị viện.

Nhưng Hiến pháp lại do người Pháp định ra và chung quy chỉ lợi cho nước Pháp, dân tộc Libăng chỉ có tiếng mà không có miếng. Bởi vậy, dân Libăng lấy làm căm giận, nên đến năm 1925 nổi cách mệnh chống với Pháp. Đế quốc Pháp đối phó với cách mệnh Libăng cũng như chúng đã từng đối phó với cách mệnh Việt Nam và cách mệnh ở các thuộc địa khác của chúng. Nghĩa là chúng dùng uy lực tàn sát mà đàn áp và đốt phá mấy thành thị để thị uy. Trong cuộc tranh đấu ấy,

1) Bài này đăng trên báo *Đồng Minh* do Việt Nam cách mệnh đồng minh hội phát hành ở Liễu Châu (Trung Quốc), số đầu tiên ra ngày 1-1-1943. Sau Cách mạng Tháng Tám, trụ sở biên tập của báo chuyển về Hà Nội. Tháng 6-1946, báo *Đồng Minh* tự đóng cửa.

dưới sự tàn bạo của giặc Pháp, 6000 cách mệnh chiến sĩ Libăng chìm thây trong bể máu. Song cuộc đại khủng bố của giặc Pháp chẳng những không làm cho dân Libăng kinh sợ, mà trái lại bể máu đào ấy chẳng bao lâu lại nổi lên một trận sóng to gió lớn khác khiến cho đế quốc Pháp phải hoảng sợ, ấy là: năm 1931, dân Lêbanôn lại vùng dậy gây thành phong trào bãi khoá, bãi thị, bãi công, chống thuế, v.v.. Công cuộc vận động tiến hành tràn lan khắp nơi.

Năm 1936, công cuộc cách mệnh đại vận động lại dấy nổi làm cho đế quốc Pháp phải nhượng bộ và theo lời hứa của Pháp: sau 3 năm sẽ để cho Libăng được độc lập hẳn. Nhưng vì cuộc Thế giới đại chiến lần thứ hai bùng nổ, nên cuộc độc lập của Libăng chưa được thực hiện. Cho tới năm 1940, Pháp bị mất nước. Cách đó ít lâu, Anh mang quân đánh Xyri, Pháp bị thua. Nhưng Anh lại giao Xyri và Libăng cho bọn Đờ Gôn giữ.

Năm 1941, Anh Pháp dân tộc giải phóng uỷ viên hội (bọn Đờ Gôn) lại hứa cho Libăng độc lập. Nhưng trong thời kỳ chiến tranh, bọn Đờ Gôn vẫn được quyền đại lý Libăng.

Đầu tháng 11-1943, nghị viện Lêbanôn sửa chữa lại Hiến pháp. Uỷ viên của phái Đờ Gôn ở Libăng bảo rằng Hiến pháp mới không lợi cho đế quốc Pháp, nên bắt giam Tổng thống, Tổng lý và 49 nghị viên Libăng. Dân chúng tiếp tin ấy, rất mực công phẫn, lập tức nổi lên can thiệp. Người Pháp phái cảnh sát ra dẹp, nhưng cảnh sát cũng đồng tình với dân chúng cự tuyệt không chịu tuân theo mệnh lệnh, nên người Pháp lại phái lính Xênêgan (lính châu Phi) đàn áp. Việc ấy phát sinh từ ngày 10-11-1943, đến nay cũng chưa giải quyết xong. Xem việc ấy thì chúng ta đủ biết nhận thấy:

1) Bất kỳ bọn Pêtanh hay bọn Đờ Gôn cũng vẫn mang tâm lang sói, khư khư trong cái khuôn khổ đế quốc chủ nghĩa, đều là kẻ thù chung của những dân tộc các xứ thuộc địa hay bảo hộ mà trước đây, tại những nơi đó mà chúng đã hoành hành bao thủ đoạn tàn bạo bóc lột, dẫu rằng hiện tại chính thân thể chúng cũng đương bị quằn quại ở chỗ trong cảnh

nước mất nhà tan. Và trước đây ít lâu, bọn Đờ Gôn há chẳng từng phải đem những câu "Dân tộc giải phóng" trưng bày với thế giới để cầu mong các cường quốc giúp đỡ, thế mà đối với các dân tộc khác vận động sự giải phóng độc lập thì chúng lại giở tay đàn áp đến cùng. Đấy là một lẽ mà chúng ta cần phải nhận biết.

2) Libăng tuy là một nước rất nhỏ, dân số Việt Nam ta 20 phần thì đem so với dân số của họ thật không bằng một phần của ta. Thế mà dân tộc Libăng, trong khoảng 18 năm trời (1925-1943) gây nên biết bao cuộc đấu tranh oanh liệt, sự thất bại trong nhất thời đã không làm nản lòng chiến sĩ, thì sự tiếp tục phi thường đáng kính ấy là một lẽ tất nhiên phải có, dân tộc đó anh dũng lại thêm tinh thần đoàn kết cả nước một lòng thì ai là chẳng kính phục? mà loài lang sói vì thế cũng phải trùng gan ngại bước.

Việt Nam hiện đang chuẩn bị đánh Nhật, đuổi Pháp để giành lấy sự độc lập tự do, vậy nên vô luận gần hay xa và bất cứ dân tộc nào nổi lên chống với đế quốc xâm lược đều là bạn thân của dân tộc Việt Nam ta vậy. Cho nên chúng ta rất đồng tình và mong cho công cuộc cách mạng của dân tộc Libăng được thắng lợi. Tuy xa cách nhau mấy nghìn dặm, chúng ta đồng thanh cùng với anh, với chị em Libăng hô to khẩu hiệu:

Đánh đổ bọn đế quốc xâm lược!
Libăng cách mạng thành công muôn năm!
Các dân tộc bị áp bức được hoàn toàn giải phóng!

HỒ CHÍ MINH

Báo *Đồng Minh,*
số 18, tháng 12-1943.

CHÀO XUÂN

Năm cũ lịch cũ vừa qua,
Năm mới lịch mới lại tới!

Sau mùa đông lạnh lẽo, muôn vật tiêu điều. Và tạo hoá lại cho mùa Xuân mang đến cho thế gian những vẻ tốt tươi ấm áp, muôn hoa tươi thắm, ngàn lá đua xanh. Loài động vật cũng nhờ Xuân mà khôi phục lại sinh khí. Vậy nên gọi là Xuân sinh.

Loài người lợi dụng cái luật tự nhiên của tạo hoá, chẳng những hưởng thụ cái hạnh phúc khoái lạc của mùa Xuân, và lại nhận cái không khí phồn vinh của ngày Xuân để sắp đặt cái kế hoạch hoạt động và sống còn cho cả năm, nên tục ngữ có câu "Nhất niên chi kế thuỷ ư Xuân".

Cũng vì thế cho nên năm mới thì người ta có những cuộc vui vẻ, sung sướng cho xứng đáng với Xuân và để mừng Xuân. Chẳng những là kẻ giàu sang tiếp Xuân với sự hồ hởi, mà người nghèo khó thấy Xuân cũng vui mừng.

"Mồng một đốt toang ba chiếc pháo
Ba mươi kéo tuốt một con nêu"

Chỉ có ba chiếc pháo mà vẫn inh ỏi cười Xuân như ai!

Xuân chẳng những là ôn hoà tươi đẹp, mà lại chí công vô tư. Đã không riêng cho một hạng người nào, cũng không riêng cho một nơi nào. Cho nên có câu ca dao:

"Xuân ơi, Xuân hỡi, hỡi Xuân,
Từ xa tới gần, Xuân khắp mọi nơi".

*
* *

Song luật xã hội không theo vòng tròn của luật tự nhiên. Từ xưa đến nay, nơi nào cũng có Xuân. Từ xưa đến nay cây nào cũng tươi tốt. Nhưng cách thức loài người đón rước Xuân này và đón rước mùa Xuân trước, khác nhau nhiều lắm.

Ngày nay, những tiếng pháo lốp đốp chào Xuân đã bị những tiếng đùng đùng của ngư lôi ngoài bể và đại bác trên bờ át mất. Cái sắc đỏ của hoa đào, màu điều của câu đối Xuân, tựa hồ đã nhuộm bằng giọt máu hồng của những chiến sĩ ở các sa trường khắp thế giới! Khi ai hưởng bánh chưng, rượu ngọt, củ kiệu, thịt đông, sao cho khỏi nhớ đến chiến sĩ ăn tuyết, uống sương trên mặt trận!

Trong tự nhiên thì Xuân này không khác gì các Xuân trước. Nhưng trong xã hội thì Xuân này là một chiếc tranh Xuân, một Xuân trọng yếu, chẳng những nó giúp giùm sinh kế của loài người trong một năm mà nó sẽ quyết định mệnh vận của loài người trong bao nhiêu thời đại.

Vậy muốn biết Xuân này sẽ có ảnh hưởng thế nào, thì chúng ta phải kiểm thảo lại những cuộc chuyển biến trong thế giới từ Xuân trước.

*
* *

Đến Xuân này:

Trung Nhật chiến tranh đã 6 năm rưỡi

Thế giới đại chiến 4 năm

Nga Đức chiến tranh đã 2 năm rưỡi

Thái Bình Dương chiến tranh 2 năm

Muốn biết từ Xuân này, chiến tranh sẽ thế nào thì chúng ta phải xét lại từ Xuân năm ngoái đến giờ, chiến tranh đã đến bước nào rồi.

Từ Xuân năm ngoái, quân các nước Đồng minh đã đứng vào chủ động. Quân các nước Trục - Tâm đứng về bị động. Minh quân bước qua thế công. Trục quân lui lại thế thủ. Chiến lược chớp nhoáng của Trục hoàn toàn thất bại. Chiến lược (trì cửu) của Đồng minh hoàn toàn thắng lợi.

Mặt trận Đức - Nga

Xuân trước, trong độ này, 38 vạn tinh binh của Đức đánh vào thành Xtalingrát. Nhưng kết quả bị một trận thất bại rất to. Trong lúc quân Nga giải vây thành Xtalingrát bắt được năm ngàn tướng lãnh và hơn 9 vạn lính Đức. Trận ấy là trận thắng lợi to nhất và đầu tiên của quân Đồng minh. Từ đó trở đi, quân Trục cứ thất bại mãi, mà quân Đồng minh, nhất là quân Nga thì lại thắng lợi luôn và lấy lại được nhiều thành trì trọng yếu như:

Tháng 2 lấy lại Gorsk, Rostof, Kharkof

Tháng 3 lấy lại Yoff, Virsma

Tháng 7 lấy lại Orel

Tháng 8 lấy lại Belarus

Tháng 9 lấy lại Staline, Chianof Smolensk

Tháng 10 lấy lại Maiopol và các thành khác

Tháng 11 lấy lại [1]

Tháng 12 lấy lại biên thuỳ Balan - Nga

Trong lời diễn thuyết kỷ niệm Cách mệnh Nga, ngày 6-11 dương lịch, Đại nguyên soái Xtalin nói rằng: "Kết quả trong 7 tháng vừa qua, quân đội ta tiến được nơi thì 500 cây số, nơi thì 1500 cây số. Đã giải phóng hơn một triệu cây số vuông đất nước của ta, tức là hai phần ba đất đai tạm thời bị Đức chiếm cứ... Trong một năm nay, trên mặt trận Nga, quân phát xít Đức đã tổn thất hơn 4 triệu người, trong số đó, một triệu tư người chết tại mặt trận. Phát xít Đức mất trên 14.000 chiếc tàu bay, hơn 35.000 chiếc xe tăng, hơn 40.000 khẩu đại pháo...".

Trong lúc viết bài chào Xuân này, quân Nga đuổi quân Đức chẳng những ra khỏi đất Nga, mà lại vào sâu gần 60 cây số trong nước Ba Lan.

*
* *

1) Các địa danh trên theo đúng trong nguyên bản.

ở Địa Trung Hải, từ Xuân trước đến Xuân này, Minh quân cũng thắng lợi luôn, mà bên Trục cũng thất bại mãi.

Ngày 3-1-1943, đệ 8 quân[1] Anh khởi phản công từ Ai Cập, đệ 19 quân[2] Anh và viễn chinh quân Mỹ đổ bộ tại Marốc và Angiêri. Quân Trục phải bỏ Libi (thuộc địa của ý) mà rút cả ở Tuynidi. Đến trung tuần tháng 5 thì quân Đức và ý hoàn toàn bị đánh tan.

Trong trận đó, bao nhiêu thuộc địa của ý đều mất sạch. Quân Trục tổn thất hơn 95 vạn người. Trong số đó, 37 vạn lính ý, 15 vạn lính Đức, 17 đại tướng và 2 nguyên soái bị cầm tù.

Về khí giới thì quân Trục mất:

Tàu bay, hơn	8000 chiếc
Đại pháo	8100 khẩu
Xe tăng	2250 cái
Tàu thuỷ	210 vạn tấn

Qua tháng 6, quân Anh, Mỹ đánh vào đảo Xixin của ý. Ngày 17-3 thì đảo ấy đầu hàng.

Trong một thời gian không đầy hai tháng, mà quân Đức và quân ý mất hơn 17 vạn người chết, bị thương và bị cầm tù.

Chiếm được căn cứ địa ấy rồi, qua ngày 3-9, Minh quân đổ bộ tại phía nam ý. Cách 5 ngày sau thì nước ý xin hàng. Trừ một bộ phận nhỏ bị Đức ép bắt theo nó, bộ phận lớn quân đội ý với hết thảy hải quân của ý, hơn 100 chiếc tàu binh lớn, bé đều theo Minh quân cả.

Thế là về mặt trận này, Minh quân cũng đại thắng. Mútxôlini phải chạy trốn.

*

* *

Tại *Thái Bình Dương*. Tuy Minh quân không có những cuộc đại thắng lợi như các mặt trận kia, nhưng cũng giành được địa vị chủ động, bước qua thế công và khá tiến bộ.

Tại Bắc Thái Bình Dương, từ hôm 12-2-1943, Mỹ bắt đầu phản công, đến cuối tháng 5-1943 lấy lại đảo Marian.

Tại Nam Thái Bình Dương, từ tháng 7 đến tháng 10, Minh quân lấy lại được 6 nơi căn cứ tại bán đảo và một nơi căn cứ địa tại quần đảo Sokman.

Trong 2 năm, tại mặt trận Nam, Nhật mất 1300 tàu bay và 1500 chiếc tàu thuỷ lớn và bé.

Tại Trung Quốc, mùa Xuân trước đến mùa Xuân này, không có đại chiến tranh. Trong tháng 11, 12, tại miền Bắc tỉnh Hồ Nam, nhất là tại Thường Đức đã làm cho giặc Nhật một mẻ mất hồn.

*

* *

Đoán trước để xét sau, xem sự chuyển biến nói trên, thì chúng ta có thể nói rằng: Xuân này sẽ là một Xuân thắng lợi cho mặt trận phản xâm lược.

Xuân là Xuân chung, vậy chúng ta phải gắng sức công tác thế nào cho Đồng minh hội chúng ta cũng có phần thắng lợi chung của Đồng minh lớn kia.

Vậy xin kết luận vài lời nôm na rằng:

Rót cốc rượu Xuân, mừng cách mạng.
Viết bài chào Tết, chúc thành công!

HỒ CHÍ MINH

Báo *Đồng Minh,*
số Xuân Giáp Thân.

1) Lộ quân thứ 8.
2) Lộ quân thứ 19.

TRẢ LỜI CHO BỌN DE [1]

Gần đây, Pháp quốc giải phóng ủy hội ở Alger, tuyên bố rằng sau cuộc chiến tranh này, nước Pháp sẽ sẵn lòng ban cho dân Việt Nam vài sự cải thiện.

Thưa Ngài, Tổ quốc của Ngài là đại Pháp, đã đầu hàng Hitler một cách rất vẻ vang, hơn 500 tướng và hai triệu lính của quý quốc đương bị Đức cầm tù một cách rất oanh liệt, ba phần tư non sông quý quốc đương bị người chiếm lĩnh. Bốn mươi triệu đồng bào của Ngài đương trong kiếp ngựa, trâu, nhân dân quý quốc hiện nay bánh không có ăn, áo không đủ mặc, phải quyên áo cũ của nhân dân Việt Nam, một triệu thanh niên nam nữ nước Ngài phải qua làm cu ly bên Đức. Xin Ngài lo cứu nước và dân tộc của Ngài đã, rồi sẽ nói đến việc khác; còn Việt Nam chúng tôi, 40 năm nay nhờ "công đức" quý quốc đã nhiều rồi. Lần này, chúng tôi quyết dùng súng, đạn, gươm, dao để đạp đổ ơn huệ ấy và giành lại độc lập tự do cho Việt Nam. Chúng tôi xin Ngài chớ lo! Và chúc Ngài hai chữ Thất Bại!.

HỒ CHÍ MINH

Báo *Đồng Minh,*
số Xuân Giáp Thân.

1) Trong nguyên bản, viết tiếng Pháp.

BÁO CÁO CỦA PHÂN HỘI VIỆT NAM THUỘC HỘI QUỐC TẾ CHỐNG XÂM LƯỢC

Do Hå ChÝ Minh ®äc t¹i §¹i héi c¸c ®oµn thÓ c¸ch m¹ng ViÖt Nam ë n-íc ngoµi häp t¹i LiÔu Ch©u (Qu¶ng T©y - Trung Quèc) th¸ng 3-1944.

I- NGUYÊN NHÂN TỔ CHỨC

Trong lịch sử 80 năm mất nước đau khổ và đen tối, chúng ta đã không ngừng làm rạng rỡ ngọn cờ nghĩa cứu nước vẻ vang. Từ sau năm 1862, khi vua Tự Đức ký hiệp ước bán nước, cắt nhượng ba tỉnh Sài Gòn, Biên Hoà, Mỹ Tho cho giặc Pháp, các bậc nghĩa sĩ giàu lòng yêu nước thương dân đã từ bỏ cả cơ nghiệp của cải, dắt díu vợ con chạy ra Trung Kỳ, thà cam chịu sống cuộc đời gian truân, vất vả của kẻ hái củi, chài lưới, chứ thề không đội trời chung với giặc Pháp.

Trong bốn mươi năm, từ 1870 đến 1910, dưới sự lãnh đạo của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám và các bậc anh hùng hào kiệt khác, đồng bào chúng ta đã anh dũng trường kỳ chống lại quân giặc, làm cho kẻ thù ăn không ngon ngủ không yên. Suốt bốn mươi năm đó, các cuộc nổi dậy đã liên tiếp nổ ra:

1905: Nông dân Trung Kỳ khởi nghĩa.
1910: Binh lính Việt Nam khởi nghĩa tại Hà Nội.
1915: Nhân dân Phú Thọ mưu khởi nghĩa.
1916: Tháng 6 vua Duy Tân mưu khởi nghĩa!

Tháng 8 cùng năm, đồng bào thiểu số Ba Xa bạo động.

1918: Bình Liêu mưu khởi nghĩa.

1919: Quảng Nam mưu khởi nghĩa.
1923: Liệt sĩ Phạm Hồng Thái ném bom mưu sát toàn quyền Méclanh.
1930: Khởi nghĩa Yên Bái.
1930-1931: Nghệ An khởi nghĩa.
Cuối năm 1940: Bắc Kỳ và Nam Kỳ khởi nghĩa.
1941: Đô Lương (Trung Kỳ) khởi nghĩa.

Những sự tích vừa oanh liệt lại vừa bi tráng nêu trên, một mặt cho chúng ta thấy rằng: đất nước Việt Nam tuy bị giày xéo dưới gót sắt đẫm máu của dị tộc, nhưng tinh thần dân tộc của người Việt Nam vĩnh viễn không vì thế mà bị tiêu diệt, mặt khác cũng dạy chúng ta rằng: Không có một sức mạnh thống nhất của cả nước, không có sự giúp đỡ mạnh mẽ của bên ngoài, công cuộc vận động giải phóng khó mà thành công được, nhất là hiện nay, chúng ta đang đứng trước hai tên cướp xâm lược hung ác nhất của phương Đông và phương Tây, chúng ta lại càng cần toàn dân nhất trí, càng cần sự giúp đỡ của bên ngoài.

Muốn đoàn kết toàn dân, cần phải có một đoàn thể rộng lớn, rất độ lượng thì mới có thể thu hút được mọi đoàn thể và cá nhân có lòng thiết tha yêu nước, không phân biệt tuổi tác, gái trai, tôn giáo, nghề nghiệp, giai cấp, đảng phái. Mục đích của đoàn thể ấy phải thiết thực tiêu biểu cho những yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân cả nước: Đoàn kết toàn dân, tranh thủ ngoại viện, đánh đuổi kẻ thù, khôi phục Tổ quốc. Thái độ của đoàn thể ấy phải cao cả, ngay thẳng, mới có thể không thiên lệch, không dựa trên định kiến của một đảng phái, mới có thể được sự tin tưởng và ủng hộ của các tổ chức, các đảng phái và của toàn dân.

Phân hội Việt Nam chính là một đoàn thể ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu đó của thời đại. Phương pháp tranh thủ ngoại viện của đoàn thể này là:

- Bước thứ nhất: liên lạc với các đoàn thể anh em các nước như Phân hội Trung Quốc, Phân hội Mỹ, v.v..

- Bước thứ hai: nhờ các đoàn thể anh em giới thiệu với Chính phủ các nước.
- Bước thứ ba: với thái độ chân thành và cởi mở, yêu cầu các Chính phủ, trước hết là Chính phủ Trung Quốc giúp đỡ.

Cho đến nay, về mặt đoàn kết trong nước đã có được những thành tích đáng kể, nhưng về mặt tranh thủ sự giúp đỡ của bên ngoài thì chưa có gì.

Về phần mình - Phân hội Việt Nam trong Hội quốc tế chống xâm lược - cũng không sao tránh khỏi những điều nọ tiếng kia của một số người, chúng tôi thấy chưa cần phải thanh minh. Giờ đây, hãy cứ mặc cho gió Xuân thổi đi, trong tương lai sẽ để sự thật chứng minh là đủ.

II- Hệ THốNG Tổ CHứC

Tổ chức của Phân hội Việt Nam có hai loại hội viên:

- Một là hội viên cá nhân: có rất nhiều người từ trước đến nay chưa tham gia một đoàn thể nào, nay muốn tham gia công việc cứu nước. Phân hội Việt Nam sẽ tuỳ theo hoàn cảnh của họ, tập hợp những người cùng một nghề nghiệp thành một tiểu tổ và sẽ cử người phụ trách đặc biệt liên hệ với họ.
- Hai là hội viên đoàn thể: đó là những đoàn thể mà các hội viên tán thành gia nhập Phân hội.

Việc hợp nhất nhiều đảng phái khác nhau và các tổ chức không đảng phái (như hợp tác xã, v.v.) xem chừng như rất phức tạp, rất mâu thuẫn, khó tránh khỏi va chạm và xung đột, nhưng trên thực tế thì rất đơn giản, vì rằng:

1- Mọi người đều cùng chung một mục đích là cứu nước.
2- Mọi người đều có những công tác thiết thực và phải làm tròn.
3- Mọi người đều hiểu rằng còn thì cùng còn, mất thì cùng mất.
4- Người phụ trách giải quyết công việc đúng đắn.

Phân hội Việt Nam chỉ yêu cầu các hội viên của mình tuân thủ mấy điều dưới đây:

1- Trong Hội không được bàn chuyện đảng phái; ngoài hội thì hoàn toàn tự do.
2- Có vấn đề gì, mọi người cần thẳng thắn, công khai thảo luận; có công việc gì, mọi người đều đồng tâm hiệp lực cùng làm.
3- Thường ngày, mọi người không được công kích lẫn nhau; gặp khi nguy hiểm, mọi người phải ra tay giúp đỡ.
Kết quả là: giữa các đảng phái không còn tình trạng tranh chấp hơn thua, sự chân thành đoàn kết không phải chỉ ở đầu lưỡi mà trở thành sự thật.
Hệ thống tổ chức: Toàn quốc chia thành kỳ, mỗi kỳ chia thành tỉnh, huyện, tổng, xã, thôn. Nơi nào đông hội viên thì lấy thôn làm đơn vị. Nơi nào ít hội viên thì lấy tổng hoặc xã làm đơn vị.

III- CáCH LãNH ĐạO

Cho đến khi tôi rời nước, tình hình vẫn thế này: Cả nước chỉ có mấy người, đủ cả Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, họ là những sáng lập viên, đồng thời cũng là uỷ viên trong Ban Chấp hành toàn quốc. Về tư cách mà nói, mỗi người một tư cách khác nhau: Một số là những người tài giỏi; một số là những bậc lão thành, có danh vọng được nhân dân tín nhiệm. Tuy vậy, họ giống nhau ở chỗ đều là những nhân sĩ thiết tha yêu nước, liêm khiết, trung thực, công tâm. (Cho nên tôi rất tin tưởng rằng, nếu có tổng tuyển cử, dân chúng nhất định sẽ bầu họ). Họ phân công, hợp tác, mỗi người gánh vác một phần trách nhiệm, không có chủ tịch. Dĩ nhiên là họ không có lương, mà ngược lại khi có tiền, họ còn phải bỏ tiền túi của mình ra cho đoàn thể dùng. Vì hoàn cảnh khó khăn, họ rất ít khi họp hội nghị toàn thể, trừ những trường hợp vạn bất đắc dĩ. Khi có việc, những người phụ trách kỳ bộ nào đó bàn bạc cách thức tiến hành, rồi đưa trưng cầu ý kiến những người phụ trách hai kỳ bộ kia, sau khi mọi người tán thành thì phân công nhau mà làm. Ví dụ, muốn ra một bản tuyên ngôn, các người phụ trách Bắc Kỳ dự thảo, rồi gửi dự thảo cho những người phụ trách ở Nam Kỳ, Trung Kỳ. Sau khi mọi người đồng ý, mỗi Kỳ chịu trách nhiệm in lấy Tuyên ngôn mà phân phát trong phạm vi Kỳ của mình. Lúc gặp việc khẩn cấp, chẳng hạn như địch tiến hành khủng bố ở Nam Kỳ thì Kỳ bộ Nam Kỳ một mặt phát động cuộc "vận động chống khủng bố", mặt khác báo cho hai Kỳ để hưởng ứng ngay.

Mọi hành động, các địa phương phải tuân thủ những nguyên tắc và thời hạn do Trung ương quy định, còn cách thức thực hiện, họ có thể tuỳ cơ ứng biến. Mọi công tác phải có kế hoạch trước khi đưa ra làm, làm xong phải tổ chức kiểm điểm. Tất cả những kinh nghiệm thành công cũng như thất bại đều đăng trên báo bí mật để mọi người nghiên cứu.

IV- CáCH TUYÊN TRUYềN

Có tuyên truyền bằng miệng, tuyên truyền bằng văn tự và tuyên truyền bằng hành động.
1- Tuyên truyền bằng miệng có hai loại: Nói chuyện với từng người và nói chuyện tập thể. Loại trước thì mỗi hội viên đều phải làm, như giải thích cho bạn bè thân thích hiểu tại sao phải đánh đuổi quân thù, phải cứu nước; có khôi phục được Tổ quốc thì mới không phải nộp thuế, khỏi bị bắt đi làm phu và mọi người mới có cơm ăn, áo mặc, v.v.. Loại sau thì khi hội viên khai hội, cán bộ giải thích các vấn đề để nâng cao sự hiểu biết cho họ, nói cho họ biết cách tuyên truyền. Khi bà con cấy cày, gặt hái hoặc làm những công việc có đông người, cán bộ địa phương hoặc những hội viên có khả năng ăn nói đến làm giúp họ, nhân dịp đó mà tuyên truyền thì sẽ có tác dụng nhanh chóng và to lớn.
2- Tuyên truyền bằng văn tự có ba loại: Truyền đơn, báo chí bí mật và biểu ngữ. Làm báo bí mật là công việc rất khó khăn vì không dễ gì kiếm được nguyên liệu. Chẳng hạn, nếu ta mua giấy nhiều quá dễ bị nghi ngờ và có thể gặp nguy hiểm. Song, nếu biết dựa vào sự sốt sắng của các hội viên, dẫu có khó khăn gì cuối cùng vẫn tìm được cách giải quyết. ở một số

nơi thường hay bị địch lùng sục, chúng tôi cứ cách mấy chục dặm lại đặt một "nhà in": một phiến đá, một ít giấy mực, giấu ở những nơi thật kín đáo không ai biết. Địch đến thôn Đông, chúng tôi in báo ở thôn Đoài, chúng tới thôn Nam, chúng tôi in báo ở thôn Bắc. Chúng không thể tìm ra chúng tôi, còn chúng tôi cứ tiếp tục ra báo đúng kỳ hạn. Báo là thứ vũ khí của ta mà địch căm ghét nhất.

Viết biểu ngữ cũng là một cách tuyên truyền rất lý thú. Bờ tường, mặt đường, gốc cây, lá cây, đều là những chỗ giúp ta tuyên truyền cách mạng. Cột điện, dây điện cũng là những nơi rất tốt để căng biểu ngữ. Những nơi có sông ngòi, chúng tôi lấy tre, gỗ, nứa, chuối đóng thành bè, căng biểu ngữ lên trên rồi thả xuôi theo dòng nước.

3- Tuyên truyền bằng hành động, tức là mỗi hội viên đều phải gương mẫu trong mọi việc để tỏ cho mọi người thấy rằng có tổ chức, có đoàn thể có tốt hơn.

Cương lĩnh tuyên truyền phải hết sức giản đơn, ai ai cũng hiểu được, nhớ được. Đoàn kết, đánh địch, cứu nước, chỉ sáu chữ ấy thôi là đủ rồi.

Cách tuyên truyền như diễn kịch, ca hát, v.v., chúng tôi không dùng được.

V- CáCH HUấN LUYệN

Trước tiên, cơ quan lãnh đạo định ra một chương trình học tập, cử một vài người hoặc vài nhóm, vừa đi thí nghiệm, vừa tranh thủ ý kiến của người học. Sau đó, việc biên soạn các bài giảng phải hoàn toàn căn cứ vào yêu cầu của học viên những đợt huấn luyện trước kết hợp với kinh nghiệm của các giảng viên.

Tư cách học viên: Tất cả cán bộ địa phương nhất thiết phải được huấn luyện. Kế đó là những hội viên ưu tú, cuối cùng là tất cả các hội viên không phân biệt già trẻ, gái trai, miễn là muốn học đều có thể tham gia.

Thời gian huấn luyện: Một hoặc hai tuần lễ.

Địa điểm huấn luyện: Hang động, núi rừng, ruộng mía, nương ngô, v.v., nơi nào bảo đảm được bí mật đều có thể là những giảng đường thiên nhiên của họ. Nhưng cũng có khi một lớp học cách một hai ngày lại phải dời đi chỗ khác.

Các bài giảng đại khái gồm:

- Vì sao phải làm cách mạng?
- Vì sao phải đoàn kết?
- Khai hội tiểu tổ như thế nào?
- Phát biểu ý kiến như thế nào?
- Tự phê bình và phê bình đồng chí như thế nào?
- Bước đầu tuyên truyền cho bè bạn như thế nào?
- Giữ bí mật như thế nào?
- Những hành động hung ác của kẻ thù.
- Tình hình thế giới (kinh nghiệm kháng chiến của Trung Quốc).
- Tình hình trong nước.

Cần khuyến khích học viên dạy cho nhau học chữ quốc ngữ.

Những vấn đề trên đều do chính các hội viên tự đưa ra yêu cầu được học tập. Cơ quan lãnh đạo chỉ cần chọn một số người có thể làm giảng viên, đưa giáo trình cho họ nghiên cứu, khi họ đã nghiên cứu thông suốt, nắm được các vấn đề rồi thì cán bộ địa phương đón họ về tổ chức các lớp.

Vấn đề ăn, ở của giảng viên đều do học viên cùng nhau giải quyết, vì thế nên không tốn kém đồng nào mà lớp huấn luyện mọc lên như nấm, cơ quan lãnh đạo có cảm giác là số giảng viên "cung không kịp với cầu".

Kết quả rõ rệt nhất của các lớp huấn luyện là tất cả hội viên không kể già trẻ đều biết giữ bí mật.

VI- TàI CHíNH CủA HộI

Phân hội Việt Nam không quy định hội viên phải đóng hội phí mà áp dụng nguyên tắc "có tiền góp tiền", "có sức góp sức". Hội viên tuỳ theo hằng tâm hằng sản của mình mà giúp đỡ kinh phí cho Hội. Lúc đầu, Hội chi phí mất khá nhiều tiền (số tiền này do các hội viên có nhiệt tâm tự nguyện đóng

góp). Vì muốn đặt cơ quan ở các khu "quý tộc" của các thành phố lớn để che mắt địch, Hội đã thuê nhà tây, mua sắm đồ đạc sang trọng, trang trí rất hào nhoáng, đường hoàng. Được ít lâu, có báo động, tất cả đồ đạc phải bỏ hết! Qua vài lần kinh nghiệm quá đắt như vậy, đành phải bỏ ý định lập cơ quan cố định.

Hiện nay, trừ chi phí cho báo chí và việc đi lại ra, không còn khoản gì khác phải tiêu nhiều tiền nữa, lúc cần thiết, các hội viên đều hăng hái quyên góp, vì mọi người đều tin tưởng rằng mỗi một đồng xu họ bỏ ra đều được dùng vào công việc chung cho nước nhà, cho dân tộc, chứ không phải rơi vào túi riêng của một ai. Đủ thấy câu tục ngữ xưa "Có người ắt có của" là đúng lắm vậy.

VII - CÔNG TáC CủA HộI

Đằng trước thì quân thù đàn áp, đằng sau thì dân chúng thôi thúc, theo dõi, công tác của Hội hiện nay chỉ có gian khổ, chỉ có hiểm nguy, hoàn toàn không thể cầu danh lợi, địa vị cho cá nhân, cho nên người nào muốn làm việc cho Hội thì chỉ có vùi đầu vào công việc, ra sức mà làm. Ai không thật lòng muốn làm việc cho Hội thì không thể chỉ đeo nhãn hiệu suông được. Với lại, công việc thì nhiều, phạm vi hoạt động lại rộng, người nào có công việc của người ấy, nên không có sự tranh chấp. Hơn nữa, do cùng đồng cam cộng khổ, hoạn nạn có nhau, nên rất có tinh thần đoàn kết. Và vì đoàn kết chặt chẽ nên công việc dễ phát triển. Kết quả công tác, thành công tuy nhiều, song thất bại cũng không phải ít.

Thành công ở chỗ, mặc dù hai tên đế quốc hung ác nhất thi hành chính sách khủng bố dã man và giữa vòng vây của bọn mật thám Pháp, Nhật, bọn Việt gian, Hán gian, mà trong một năm rưỡi ngắn ngủi, Hội đã đoàn kết được hơn hai mươi vạn người, bao gồm các đoàn thể, các đảng phái, các cá nhân, các dân tộc mà trước đây vẫn có nhiều thành kiến với nhau. Một nước với hai mươi lăm triệu dân mà mới có hai mươi vạn người có tổ chức, nghĩa là cứ 125 người mới có một người có tổ chức, con số đó thật quá ít ỏi. Nhưng chúng tôi có thể nói là phạm vi đoàn kết này đang mở rộng, đang phát triển.

Chúng ta biết rằng, thành công đó một nửa là nhờ sự đoàn kết thành thật và sự cố gắng hoạt động của cán bộ, một nửa là nhờ ảnh hưởng của cuộc kháng chiến anh dũng của Trung Quốc. Xin cử một ví dụ thực tế: ở một địa phương nọ, khi đưa cuốn sách "Những hành động tàn bạo của Nhật Bản" (do Hội đồng quân sự Trung Quốc xuất bản) cho mọi người bí mật chuyền nhau xem, rất nhiều người, nhất là chị em phụ nữ, khi xem xong cảm động đến rơi nước mắt. Mọi người đều nói: "Bọn quỷ Nhật thật hung ác, không đập chết chúng nó thì chúng ta không sống được". Sau đó, nhiều người cả nam lẫn nữ đều gia nhập tổ chức.

Thất bại ở chỗ:

1- Rất nhiều cán bộ tốt, vì làm việc quá nhiều, bồi dưỡng không đủ nên sinh đau ốm, có khi ốm đến chết (đó là sự đau lòng khó tránh khỏi trong hoàn cảnh hoạt động bí mật).

2- Có nơi vì thiếu kinh nghiệm, lộ bí mật để cơ quan bị vỡ và nhiều đồng chí bị bắt, bị giết.

3- Vì giao thông liên lạc không thuận tiện, cơ quan cấp trên không kịp thời giải quyết những vấn đề khó khăn, do đó đưa đến thất bại.

4- Thiếu sự tuyên truyền đối ngoại: Một là vì mới thành lập, phải hoàn toàn giữ bí mật; hai là thiếu nhân tài ngoại giao; ba là lần đầu tiên đi làm ngoại giao, cử ba người thì hai người giữa đường hy sinh, còn lại một người nhờ được Trung Quốc chăm nom hết sức chu đáo, nhưng đã một năm rưỡi vẫn chưa thấy trở về.

Về điểm này, Trung Quốc cũng cho chúng ta một bài học quý báu, rằng nếu tự mình không có thực lực làm cơ sở thì không thể nói gì đến ngoại giao, giả dụ như Trung Quốc nếu không có mấy năm kháng chiến kiên quyết và gian khổ, thì chớ mong gì có thể xoá bỏ được các điều ước bất bình đẳng, và các nước đồng minh cũng chẳng giúp đỡ gì Trung Quốc.

Tuy vậy, về phần chúng tôi, lúc nào cũng tin tưởng vững chắc ở đạo đức truyền thống của Trung Quốc là "bênh vực kẻ yếu, giúp đỡ người nguy, cứu kẻ sắp chết" và tin tưởng vào quốc sách của Trung Quốc là "Liên hiệp các dân tộc nhược tiểu trên thế giới để cùng nhau phấn đấu". Vì thế, chúng tôi cho rằng: lần này "thất bại là mẹ thành công", chúng tôi quyết không ngã lòng.

VIII. MấY VấN Đề KHó KHĂN

Dân chúng thường cho rằng: Đoàn thể là thần thông quảng đại, là tài giỏi việc gì cũng làm được, do đó từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ, họ đều nhờ đến đoàn thể. Anh A và anh B cãi lộn nhau, họ cũng tìm đến đoàn thể nhờ phân xử phải trái. Anh X và anh Y tranh giành nhau gia tài cũng đến nhờ đoàn thể giải quyết, v.v.. Nhưng câu hỏi khó trả lời nhất là:

> "Đoàn thể tổ chức chúng tôi lại cốt để đánh giặc Nhật, giặc Pháp. Hiện nay tổ chức xong rồi, thế bao giờ thì đánh?".

"Đoàn thể nói với chúng tôi rằng: Trung Quốc nhất định sẽ giúp chúng ta đánh đuổi quân thù, vậy đến bao giờ họ mới giúp?".

IX. HY VọNG CủA CHúNG TÔI

> Đồng bào chúng ta đã đau khổ đến tột bực rồi. Dân chúng trong nước chỉ có một yêu cầu là đánh đuổi quân thù, khôi phục Tổ quốc.

Hoàn cảnh của chúng ta bây giờ, đúng như Tưởng Trung [1] tiên sinh đã nói: "Không phát động được quốc dân đứng lên phấn đấu thì không thể rửa nhục, tự cường được".

Tình hình thế giới đang rất có lợi cho chúng ta, cho *nên tôi hy vọng rằng: Đồng minh hội, sau Hội nghị này có thể thực sự chấn chỉnh lại nội bộ, thực sự đoàn kết được các lực lượng cách mạng Việt Nam ở nước ngoài, thực sự kết hợp thành một khối với các lực lượng cách mạng ở trong nước,* nhằm thực hiện cho được như lời của Tưởng tiên sinh: "Hoạt động thực tế trong nước lấy hội, đảng làm đầu, viện trợ của bên ngoài lấy kiều bào làm chính".

Tôi hy vọng rằng phạm vi giúp đỡ của Trung Quốc đối với nhân dân Việt Nam ngày càng thiết thực, ngày càng mở rộng hơn. Được như thế, sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam nhất định sẽ sớm thành công.

Tài liệu chữ Hán,
bản chụp lưu tại
Bảo tàng cách mạng Việt Nam.

1) Tøc T-ëng Giíi Th¹ch (N.D).

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CÁC ĐẢNG PHÁI TRONG NƯỚC

Do Hồ Chí Minh đọc tại Đại hội các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở nước ngoài họp tại Liễu Châu (Quảng Tây Trung Quốc) tháng 3-1944.

Vì chúng ta muốn các đảng phái, các đoàn thể trong nước tham gia Đồng minh hội, nên tôi xin báo cáo về tình hình các đảng phái trong nước như sau:

1- Có người nói: ở Việt Nam có quá nhiều đảng phái. Lại có người nói: ở Việt Nam chẳng có đảng phái nào. Dù điều họ nói đúng hay không đúng, đều làm cho những người hoạt động ở trong nước phấn khởi, vì điều đó chứng tỏ rằng ở trong nước chúng tôi đã giữ được bí mật, cần biết rằng: Quân thù không sợ cái gì, chỉ sợ nhân dân Việt Nam đoàn kết. Điều luật đầu tiên của chúng là ngăn cấm không cho dân chúng lập ra đảng phái, vì đó là vũ khí tổ chức duy nhất.

2- Có người cho rằng đảng phái ở Việt Nam quá nhiều, đó là một ấn tượng không tốt. Kỳ thực không phải như thế. Tại sao vậy? Chúng ta mất nước đã hơn tám mươi năm, kẻ thù của chúng ta là hai tên cướp hung ác ở phương Đông và phương Tây, chúng dùng nọc độc thuốc phiện, giáo dục nô lệ, chính sách trường kỳ khủng bố và nhiều chính sách thâm độc khác, hòng làm tê liệt sự hiểu biết của chúng ta, hòng tiêu diệt tinh thần dân tộc và đè bẹp nghị lực đề kháng của chúng ta. Các đảng phái ở Việt Nam, trừ các đảng phái thân Nhật, thân

Pháp mới được đẻ ra gần đây, đều ra đời và trưởng thành trong hoàn cảnh muôn vàn gian khổ. Điều đó chứng tỏ sự hiểu biết của nhân dân Việt Nam đã không bị kẻ thù làm tê liệt mà vẫn tiến theo kịp trào lưu của thế giới. Tinh thần dân tộc và nghị lực đề kháng của nhân dân Việt Nam không hề bị tiêu diệt.

3- ở trong nước, không chỉ các chính đảng, mà cả các đoàn thể không đảng phái, thậm chí các hình thức tổ chức như các tổ tương trợ, v.v. cũng phải hết sức giữ bí mật mới không bị phá hoại và mới có thể tồn tại được. Do đó, không những người ở nước ngoài mà ngay người ở trong nước cũng ít biết được về tình hình các đảng phái.

Theo tôi được biết, những chính đảng cũ và ít nhiều có thế lực, cả thảy có sáu đảng: Đảng Xã hội (thành lập tám năm nay); Việt Nam Quốc dân đảng (thành lập mười tám năm nay); Việt Nam Tân Quốc dân đảng (thành lập mười ba năm nay); Đảng Cộng sản Việt Nam (thành lập mười bốn năm nay); Đảng Lập hiến (thành lập hai mươi năm nay); Đảng Bảo hoàng (thành lập khoảng mười năm nay).

Những đoàn thể không đảng phái, có: Đoàn thanh niên phản đế; Hội phụ nữ giải phóng; Hội công nhân; Hội nông dân (Hiện nay các đoàn thể trên có thêm hai chữ "Cứu quốc", và Việt Nam độc lập đồng minh.

Hiện nay, họ đều liên hiệp thành một mặt trận cứu quốc, tức Phân hội Việt Nam của Hội quốc tế chống xâm lược.

4- Trong những chính đảng kể trên, nổi bật nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyên nhân rất đơn giản. Quân thù mong muốn nước ngoài đồng tình với chính sách khủng bố của chúng, nên chúng quy tất cả các phong trào chống đối ở trong nước, thậm chí cả những hành vi bỉ ổi như phá nhà, cướp của đều đổ tội cho Đảng Cộng sản.

Có một nhà văn Pháp viết một vở kịch, nhan đề là "Hạnh phúc gia đình". Vai chính trong vở kịch là một cặp vợ chồng mới cưới, cô dâu bị bệnh đau đầu, cô ả khăng khăng cho rằng mình bị cộng sản bỏ thuốc độc; và những chuyện như mèo nhảy làm vỡ đĩa bát trong bếp đến chuyện nướng bánh không chín, nấu súp không ngon, cô ả cũng đổ tội cho cộng sản cả. Qua đó đủ thấy tâm địa của kẻ thù và phản ứng ở nước ngoài

là thế nào rồi! Có kẻ cho rằng ở Việt Nam, đâu đâu cũng là cộng sản, tất cả các đoàn thể, các tổ chức đều là cộng sản trá hình, tất cả mọi hành động đều do cộng sản ba đầu sáu tay chỉ huy!

5- Người Việt Nam có sợ cộng sản không ? Không. Cả nước Việt Nam chúng ta, không có một nhà băng nào là của người Việt Nam, không có một người Việt Nam nào là nhà tư bản lớn. Tài sản của chúng ta, một lần đã bị "cộng" cho giặc Pháp, một lần bị "cộng" cho giặc Nhật, còn có cái gì để mà "cộng" nữa?

Người có học thức lại càng không sợ. Năm 1789, do cuộc Đại cách mạng Pháp mà tư tưởng dân chủ truyền bá khắp Âu châu. Năm 1917, do cuộc cách mạng Nga mà tư tưởng cộng sản truyền bá khắp thế giới. Đó là trào lưu tư tưởng của thời đại, sợ nó thì thật không đúng. Huống hồ, "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu", "mọi người đều bình đẳng về kinh tế", "cần phải làm cho đời sống và sự sinh tồn của mỗi người dân được bảo đảm", đó là những tư tưởng từ thiện, tương thân tương ái, nhân dân ấm no, thế giới đại đồng.

6- Trước đây, các đảng phái thường công kích lẫn nhau trên báo chí. A nói A phải, B nói B tốt, cốt để tranh giành quần chúng. Bây giờ họ rất đoàn kết với nhau, vì:

a- Mọi người đều hiểu, đã là dân mất nước thì đảng phái gì, chủ nghĩa gì cũng vô dụng; đồng thời mọi người đều có chung một mục đích là: Cứu nước, cứu dân tộc.

b- Kẻ địch đều coi chúng ta là kẻ thù. Chẳng may bị chúng nó bắt được thì dù thuộc đảng phái nào, không bị cầm tù cũng bị chặt đầu. Ví dụ, hồi Nam Kỳ khởi nghĩa, người Đảng Lập hiến, người Đảng Cộng sản hay người Việt Nam Quốc dân đảng cũng đều cùng nhau tranh đấu và cùng nhau hy sinh.

c- Ngoài công việc cứu nước ra thì lý luận gì, công tác gì, cũng không được nhân dân ủng hộ.

d- Mọi người đều phải theo trào lưu cách mạng thế giới: Nước Trung Quốc tam dân chủ nghĩa, nước Anh đế quốc chủ nghĩa, nước Nga Xôviết cộng sản chủ nghĩa, nước Mỹ tư bản chủ nghĩa đều có thể hợp tác với nhau để chiến thắng quân thù. Các đảng phái ở Trung Quốc đều tập hợp chung quanh Quốc dân đảng Trung Quốc để chống Nhật cứu nước. Nước Pháp tự do có Đảng Cộng sản Pháp tham gia; nước Đức tự do có Đảng Cộng sản Đức tham gia, cùng nhau ra sức cứu Tổ quốc, cứu đồng bào. Việt Nam là một bộ phận của thế giới, cũng không thể đi ngược dòng lịch sử được.

Hiện nay ở trong nước không cần nêu khẩu hiệu "Đoàn kết các đảng phái", vì điều này đã trở thành hiện thực, mà cần phải mở rộng khối đoàn kết đến toàn dân để đạt tới mục đích: Bên trong có lực lượng của mình, bên ngoài tranh thủ được sự giúp đỡ của các nước Đồng minh, trước hết là của Trung Quốc, đặng hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Tài liệu chữ Hán,
bản chụp lưu tại
Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

CHIếN THUậT DU KíCH

Việt Minh xuất bản tháng 5-1944.

In theo sách Việt Minh xuất bản.

CÁCH ĐÁNH DU [1]

CHƯƠNG I

DU KÍCH LÀ GÌ

Du kích là đánh úp hay đánh lén, đánh lúc kẻ thù không ngờ, không phòng. Du kích là cách đánh giặc của dân tộc bị áp bức chống đế quốc. Đế quốc có khí giới tốt, có quân đội đàng hoàng; quân du kích không có khí giới tốt, chưa thành quân đội đàng hoàng; nhưng quân du kích được dân chúng ủng hộ, thuộc địa hình, địa thế, khéo lợi dụng đêm tối, mưa nắng, khéo xếp đặt kế hoạch, nên quân du kích vẫn có thể đánh được đế quốc. Chuyến này chúng ta vũ trang khởi nghĩa đánh Tây - Nhật, chính dùng lối du kích mà đánh. Biết đánh du kích thế nào cũng thắng lợi. Muốn đánh du kích cho thắng lợi cần bốn điều:

1. Phải có con đường chính trị đúng.

Con đường chính trị chúng ta là đánh Tây - Nhật làm cho nước ta độc lập. Muốn thắng Tây - Nhật chúng ta phải dùng lối du kích và dùng lối du kích là cốt để đánh Tây - Nhật. Muốn đánh Tây - Nhật mà không dùng lối du kích thì không đánh được Tây - Nhật và mượn tiếng du kích không để đánh Tây - Nhật, mà lại để theo đuổi mục đích khác là không chính đáng.

2. Phải dựa trên cơ sở quần chúng.

Muốn đánh du kích cần phải có dân chúng tham gia

1) Trong nguyên bản, ngoài bìa sách ghi "Chiến thuật du kích".

và giúp sức. "Du kích như cá, dân chúng như nước. Cá không có nước thì cá chết, du kích không có dân chúng thì du kích chết". Quân du kích và dân chúng phải mật thiết liên lạc với nhau là vì quân du kích đánh Tây - Nhật để bảo hộ dân chúng, vậy dân chúng phải hết sức ủng hộ quân du kích.

3. Phải có tổ chức vững chắc và nghiêm mật.

Quân du kích nếu không có tổ chức thì không phải một đội quân cách mạng, không thể đánh được Tây - Nhật. Quân du kích cần phải có tổ chức vững chắc và nghiêm mật, kỷ luật phải nghiêm như sắt, bao nhiêu hành động của quân du kích đều phải theo kỷ luật ấy, không ai được làm trái.

4. Phải có một lối đánh rất tài giỏi.

Quân du kích thắng được kẻ thù chính nhờ lối đánh tài giỏi này. Quân du kích là đội quân thiên biến vạn hoá, xuất quỷ nhập thần, khéo dùng lối này thì trăm trận trăm được.

CHƯƠNG II

Tổ CHứC ĐộI DU KíCH

1. *Tiểu tổ du kích.* Từ 2, 3 người cho tới 2, 3 chục người có thể tổ chức thành tiểu tổ du kích do tổ trưởng chỉ huy (nếu cần phải có phó tổ trưởng). Có nhiều tiểu tổ thì lập ban chỉ huy chung.

Tiểu tổ du kích không thoát ly sinh sản (nghĩa là không bỏ việc làm ăn). Có việc thì họp nhau hành động; không có việc thì cứ làm ăn như thường. Vũ trang của tiểu tổ du kích thì tuỳ hoàn cảnh, xoay được thứ gì dùng thứ ấy, súng, dao, gậy đều được.

2. *Chi đội.* Chi đội du kích là một đội du kích có vũ trang, hoàn toàn hay không hoàn toàn thoát ly sinh sả). Số người của một chi đội không nhất định từ mấy chục người đến mấy trăm, đến mấy nghìn người. Chi đội du kích có thể lấy tên gì cũng được: như đội quân cứu quốc Phan Bội Châu, đội quân du kích Phan Chu Trinh, hay đội quân du kích người Mán trắng, đội quân cứu quốc Bắc Sơn, v.v..

Cách biên chế (biên chế là hệ thống tổ chức từ dưới lên trên) của chi đội du kích do tiểu đội lên trung đ), trung đội lên đại đội, đại đội lên chi đội, theo lối tam tam chế, tứ tứ chế hay ngũ ngũ chế (nghĩa là ba hay bốn, năm tiểu đội lên trung đội, rồi cứ thế lên mãi).

---

1) Là đội du kích hoàn toàn thoát ly sản xuất hay vừa sản xuất vừa chiến đấu.

2) Từ tiểu đội lên trung đội.

3. *Tư cách đội viên du kích.* Ai là dân Việt Nam khoẻ mạnh, muốn đánh Tây - Nhật, không sợ khó nhọc, nguy hiểm đều có thể thành một đội viên du kích. Nên chú ý những người nhanh nhẹn, dũng cảm có kinh nghiệm đánh giặc chút ít, nhất là những người đã đi lính.

4. Cơ quan chỉ huy. Tiểu tổ du kích có chánh phó tổ trưởng, tiểu đội có tiểu chánh phó đội trưởng, trung đội có trung chánh phó đội trưởng, đại đội có đại chánh phó đội trưởng, chi đội có chi chánh phó đội trưởng. Về mặt chính trị, cấp nào cũng có một người chính trị phái viên do đoàn thể cách mạng chọn trong bộ đội ấy hoặc phái người ngoài đến làm.

Chi đội có đông người thì có thể tổ chức những ban đặc biệt phụ trách việc trinh thám, việc quản lý, việc phá hoại, hay về mặt chính trị thì có ban dạy chữ, giảng báo, vận động dân chúng, vận động binh lính đế quốc, v.v..

CHƯƠNG III

NGUYÊN TẮC CỦA CÁCH ĐÁNH DU KÍCH

Đánh du kích cần chú ý *4 nguyên tắc* chính này:

1. Giữ quyền chủ động. Giữ quyền chủ động là khôn khéo sử khiến quân [1], muốn đánh nó ở chỗ nào thì đưa nó đến đó mà đánh, muốn đưa nó vào bẫy của mình có thể đưa được. Nếu nó mạnh quá đánh không có lợi thì mình lùi, mình tự ý lùi cũng là giữ quyền chủ động, giữ được chủ động thì thế nào cũng thắng, không thắng to thì thắng nhỏ. Trái lại, nếu mình không giữ được quyền chủ động mà lại ở vào địa vị bị động, để cho quân thù sử khiến mình dễ bị thất bại.

2. Hết sức nhanh chóng. Đánh du kích cần nhanh chóng. Chậm chạp thì không đánh được du kích. Bất kỳ lúc nào, lúc hành quân, lúc tiến công, hay lúc rút lui, một cử động nào của đội du kích cần nhanh chóng mới được. Đội du kích phải nhanh chóng như mưa sa gió táp, chớp nhoáng đã đánh xong một trận, quân thù chưa tỉnh thì đã biến mất rồi.

3. Bao giờ cũng giữ thế công. Giữ thế công là mình tiến đánh quân thù trước. Du kích phải giữ quyền chủ động chính để giữ thế công. Giữ thế công mới đánh được giặc, không đánh được trận to thì đánh trận nhỏ, làm tiêu hao giặc ít nào hay ít ấy. Du kích mà chỉ phòng thủ thì thế nào cũng thất bại.

4. Phải có kế hoạch thích hợp và chu đáo. Du kích đánh được

1) Tức là khôn khéo điều khiển quân thù.

giặc cố nhiên nhờ 3 nguyên tắc trên, nhưng nếu làm đúng 3 điều trên mà không có kế hoạch thích hợp và chu đáo thì cũng không thành. Tài giỏi của du kích chính là xếp đặt kế hoạch ấy, thật là thiên biến vạn hoá, kẻ thù không biết đâu mà ngờ, mà phòng.

Đánh du kích cần chú ý *4 mưu mẹo* lớn này:

1. Tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, náo phía đông đánh phía tây. Đánh du kích phải hiểu rõ tình hình quân thù, chỗ quân thù mạnh mình không dại gì tiến đánh, chỉ nhằm chỗ yếu của nó mà đánh, lúc nhằm đánh vào chỗ nào, mình phải lừa quân thù không chú ý phòng bị chỗ ấy mà lại phòng bị chỗ khác, nghĩa là náo phía đông đánh phía tây.

2. Tránh trận gay go, không chết sống giữ đất. Đánh du kích cốt chọn miếng dễ miếng ngon mà ăn, không phải hao tổn nhiều. Phải tránh những trận gay go, được thua không chắc mà có thể thiệt hại nhiều, lúc quân thù tiến công, nếu chống lại không lợi thì phải lùi, nếu cần rút ra khỏi phạm vi thế lực của mình để giữ gìn lực lượng thì cứ việc rút, không bao giờ nên chết sống giữ đất.

3. Hoá chỉnh vi linh (nghĩa là phân tán), *hoá linh vi chỉnh* (nghĩa là tập trung), lúc quân thù nhằm vào bộ đội mình mà tiến công, hoặc lúc vì một lẽ khác mà để nguyên cả bộ đội thì hành động không tiện, quân du kích phải hoá chỉnh vi linh, nghĩa là phân tán ra, phân tán ra rồi, nếu cần tập trung bộ đội lại, để hành động thì lại hoá linh vi chỉnh, (chỉnh là toàn bộ, linh là từng bộ phận hay từng người).

4. Mình yên đánh quân thù động, mình khoẻ đánh quân thù mệt. Đánh du kích phải giữ quyền chủ động, phải chọn lúc quân thù đương làm một việc gì, nhất là lúc đi đường, nhân lúc quân thù không chú ý, mình yên núp một chỗ thoạt ra đánh nó, thế là mình yên đánh quân thù động. Còn phải chọn lúc quân thù mệt và mình khoẻ để đánh nó. Lúc mình yên quân thù động, lúc mình khoẻ, quân thù mệt, mình lại đánh úp quân thù thì mình thế nào chẳng thắng?

Du kích đánh Tây - Nhật cần nhằm vào *mấy động tác* sau này:

1. Lừa gạt quân giặc. Làm cho chúng mắt mù, tai điếc, hoặc truyền đến cho chúng những tin tức sai lầm để lừa gạt chúng.

2. Trinh thám quân [1]. Một nhà đại quân sự có nói: "Biết mình, biết giặc trăm trận, trăm thắng". Đánh du kích cốt trinh thám cho rõ tình hình quân giặc.

3. Làm cho quân giặc khốn đốn. Du kích nếu chưa thắng ngay được quân giặc cũng hết sức làm cho chúng khổ sở, khốn đốn, ăn ngủ không ngon, đi đứng không yên.

4. Làm cho quân giặc đói khổ. Làm vườn không nhà trống, đánh cướp đội vận tải lương thực của giặc, đánh phá kho lương thực của giặc là những cách làm cho quân giặc đói khổ.

5. Ngăn cản quân giặc. Không cho chúng tự do đem quân đánh phá dân chúng hay đội du kích. Phá đường sá cầu cống xe cộ của giặc là cách hay nhất để ngăn cản quân giặc tự do hành động.

6. Bắt cóc quân giặc. Như lính đi truyền lịnh, lính đem thư từ, lính đi thu lương thực của dân chúng. Bắt rồi lột khí giới và tra hỏi tình hình quân thù.

7. Làm cho quân giặc mù mịt, hoảng hốt. Ví như mình có ít người mà làm như đông người, mình có một đội mà làm như nhiều đội, mình có ít súng, mà làm như nhiều súng, làm cho quân giặc hoảng hốt rồi mình thừa cơ đánh úp nó.

8. Dụ quân giặc vào bẫy để đánh. ẩn nấp đâu đó rồi lập mưu dụ quân giặc ra để đánh úp, hoặc giả đánh thua phải chạy để cho quân giặc đuổi theo rồi ẩn núp một chỗ chờ quân giặc qua thoạt ra đánh.

9. Tập kích, phục kích và truy kích quân giặc. Tập kích là mình đến đánh quân giặc đương ở một chỗ. Phục kích là mình ẩn nấp một chỗ chực quân giặc đi qua thoạt ra đánh úp. Truy kích là đuổi theo sau quân giặc để đánh.

---

1) Tất cả những chữ *trinh thám* ở đây hiểu là trinh sát để nắm vững tình hình.

CHƯƠNG IV

CÁCH TIẾN CÔNG, TẬP KÍCH

Du kích bao giờ cũng tiến công. Có 2 cách tiến công, một là tập kích, hai là phục kích.

TậP KíCH.

Muốn tập kích được thắng lợi phải chuẩn bị rất bí mật và chu đáo, lúc tiến đánh phải nhanh chóng và kiên quyết. Vậy cần làm đúng mấy điều sau này: trinh thám, xếp kế hoạch, bắt đầu ra đi, lúc đến chỗ tập kích, xung phong, sau khi tập kích.

1. Trinh thám

Muốn đánh du kích cần biết rõ: A) Tình hình quân giặc. B) Địa hình. C) Tình hình chính trị. Phải biết rõ các tình hình thì mới xếp đặt kế hoạch được. Đánh được hay thua phần lớn nhờ việc trinh thám này.

A- Trinh thám tình hình quân giặc

a) Số người bao nhiêu, thuộc về thứ lính gì, súng ống thế nào, hành động thế nào, sức chiến đấu mạnh hay yếu, phòng bị và canh gác thế nào, bọn quan thế nào.

b) Gần đó có bộ đội khác của quân giặc không, số người nhiều hay ít, có thể tăng thêm không, quân giặc đôi bên liên lạc với nhau thế nào, đi lại với nhau bằng cách gì. Phải hiểu rõ tình hình này thì mới tránh khỏi các sự bất ngờ.

Ví dụ: Các khu du kích ở Hoa Bắc (Tàu) nhờ dân chúng giúp sức nên việc trinh thám tình hình quân giặc làm được chu đáo. Quân Nhật cử động thế nào đội du kích đều biết đích xác. Cho nên đội du kích bao giờ cũng đánh được quân giặc, không bao giờ phải thua vì nếu sợ thua là không đánh.

Tại huyện Bình Định có 200 quân Nhật đóng trong một làng. Vì đề phòng du kích đánh úp chúng xếp nhiều lính gác chung quanh chỗ chúng đóng. Nhờ dân chúng giúp sức, đội du kích trinh thám được đích xác chỗ các lính Nhật gác và nhất là giờ đổi gác, lợi dụng đêm tối và lúc lính gác mệt mỏi, phái người rất khôn khéo và nhanh nhẹn thoạt đến giải quyết bọn lính gác trong lúc đại đội du [1] tiến đánh quân Nhật đương say ngủ trong làng.

B- Trinh thám địa hình

a) Từ chỗ đội du kích đến chỗ quân giặc đóng có mấy con đường, lớn nhỏ thế nào, có chỗ ẩn nấp và có tiện đi lại hay không?

b) Dọc đường có chỗ ẩn nấp không, có địa hình, địa vật lợi cho ta không, nhất là gần giặc có chỗ tốt ẩn núp không, đường tiến thoái thế nào?

C- Trinh thám về chính trị

a) Quân giặc đối với dân chúng thế nào? Có cướp của, đốt nhà giết người không? Nhân dân đối với giặc thế nào? Đối với cách mạng thế nào?

b) Quân lính của giặc ăn ở thế nào, tinh thần thế nào, đối với quan của chúng thế nào, đối với dân và đối với cách mạng thế nào? Dân chúng có thể giúp đội du kích được cái gì, làm thế nào tổ chức sự liên lạc với dân chúng.

2. Xếp đặt kế hoạch và chuẩn bị

Trinh thám các tình hình đầy đủ rồi, thì đội trưởng và chính trị phái viên nghiên cứu kế hoạch tập kích theo những nguyên tắc kể trước đây. Nếu điều kiện tập kích không đủ thì mình có thể làm cho điều kiện ấy đầy đủ bằng cách lừa gạt

1) Tất cả những chữ *đại đội* ở đây hiểu là bộ phận lớn hay toàn bộ lực lượng.

quân thù, náo phía đông đánh phía tây, lừa quân thù vào chỗ dễ tập kích. Xếp đặt kế hoạch tập kích cần chú ý mấy điều này:

A- Chọn lúc tập kích

Tập kích tốt nhất vào 4 lúc này.

a) *Đêm tối.* Đêm tối thì dễ bí mật, cử động dễ không cho quân thù biết. Nhưng đêm tối thì chóng mệt và hay nhầm đường. Tuy vậy đội du kích đã luyện tập thạo và kỷ luật nghiêm thì cũng không ngại gì.

b) *Sắp sáng.* Đội du kích ở xa lại, cả đêm phải đi, chực lúc sắp sáng tiến đánh quân giặc lúc quân giặc đương say ngủ, đánh xong là vừa sáng, rất là thuận tiện.

c) *Đầu hôm.* Đầu hôm giặc canh gác sơ sài, ban ngày đội du kích ẩn núp dọc đường, đến đầu hôm vào đánh úp thì dễ thắng lợi, nếu không thắng lợi nhân đêm tối rút lui cũng dễ dàng.

d) *Ban ngày.* Tập kích ban ngày rất khó. Muốn tập kích ban ngày phải có đủ mấy điều này: 1) giặc rất xoàng, không có thành luỹ pháo đài, lại không nhanh nhẹn; 2) giặc lẻ loi; 3) giặc khinh thường không đề phòng mưu mẹo của đội du kích; 4) gặp mưa to gió lớn, mù nhiều, dễ ẩn nấp, dễ lại rất gần quân giặc.

B- Chuẩn bị tập kích

Trước khi đi tập kích cần chuẩn bị đầy đủ những điểm sau này:

a) Ước định với nhau trước những dấu hiệu nhất là dấu hiệu lúc nào tiến đánh, lúc nào xung phong.

b) Phòng khi tập kích không thành phải [1], ước định với nhau trước nên thối đường nào, tập họp chỗ nào.

c) Như đường đi hay đường về phải qua sông, trèo núi, phải dự bị trước các đồ đạc cần dùng như bè, phao, dây, v.v.. Còn như tập kích lô cốt hay nhà cửa thì cần đem đồ phá hoại, đồ đốt cháy.

d) Trong phạm vi không sợ lộ bí mật, phải cho bộ đội biết trước cuộc tập kích và tuyên truyền cổ động họ chuẩn bị cho đầy đủ để nắm chắc phần thắng lợi.

C- Tuyệt đối giữ bí mật

Kế hoạch hay đến mấy nếu để lộ ra cho quân thù biết thì nguy, ta nên cần tuyệt đối giữ bí mật cho kế hoạch tập kích, không cần đem toàn thể kế hoạch cho mọi đội viên đều biết, người nào cần biết phần nào chỉ cho biết phần ấy thôi, và lúc nào nên cho biết điều gì đến lúc ấy sẽ cho biết. Có khi muốn được hoàn toàn bí mật và để đánh lừa quân giặc, lúc ra đi mình đi một hướng giả, rồi sau mới quay lại hướng đúng của mình.

3. Bắt đầu ra đi

a) Lúc đi đường, không đi đường to cho đến đường con nếu cần cũng tránh, tốt nhất là tìm đường mới hẳn mà đi, nhưng chú ý đừng để lạc đường, đừng để chậm trễ hay quá mỏi mệt.

b) Lúc hành quân tuyệt đối phải yên tĩnh, tránh tiếng ồn, ánh sáng, trừ người trinh thám được lên đạn, mọi người đều không được lên đạn phòng khi súng nổ bất ngờ.

c) Phải có người trinh thám ăn mặc như thường đi trước để do thám tình hình.

d) Lúc hành quân nếu gặp lính gác của giặc thì nên tránh, hoặc nếu có thể được thì bắt sống hay im lặng giết chết, quyết không bắn súng, không làm động. Nếu không may gặp phải quân thù thì phải rất nhanh chóng và kiên quyết tiến đến tập kích nhưng đồng thời phải đề phòng quân thù không để quân thù chiếm trước chỗ tốt để đánh lại mình.

4. Lúc đến chỗ tập kích

a) Phải rất bí mật tập hợp tại chỗ ẩn nấp để tập kích, chỗ ẩn nấp ấy không nên quá xa chỗ quân giặc đóng, cũng không nên quá gần.

1) *Thèi* hay *thèi lui* lụ rót lui.

b) Nhanh chóng triệu tập những người chỉ huy, phân phối công tác, lần cuối cùng xem xét lại tình hình quân giặc. Nếu bắt sống được lính gác của giặc để tra hỏi thì càng hay.
c) Lúc tập kích cần chú ý mấy điều này: không nên quá phân tán quân lực, thông thường nên phân làm đôi, phần nhỏ kiềm chế quân giặc trong lúc phần đông tiến đến tập kích. Nếu có nhiều người nên phái một bộ phận nhỏ ẩn nấp tại con đường quân giặc có thể rút lui để đón đánh. Nếu cần cũng nên phái một số người ẩn núp tại các con đường do các con đường [1] quân giặc ở gần có thể đến cứu bọn bị tập kích. Số người ấy phải phá cầu, phá đường, cắt dây [2].
d) Đâu đó xếp đặt xong thì ra dấu hiệu tiến công.

5. Xung phong

a) Dấu hiệu tiến công đã ra là phải xung phong ngay đánh úp quân giặc trở tay không kịp. Chú ý không nên bắn súng vì bắn súng hiệu quả ít lại động quân thù. Tốt nhất là dùng giáo mác để đâm chém.
Ví dụ trận tập kích của chi đội du kích họ Triệu tại trấn Dương Phòng gần Bắc Bình ở Hoa Bắc. Lính gác của Nhật đã bị giải quyết, đội du kích đến tận gần, quân Nhật mới biết, nhưng đại đao, giáo mác đã quay tít mù đã giết chết phần lớn quân giặc, còn phần nhỏ muốn kháng cự nhưng chẳng mấy lâu cũng bị giải quyết sạch. Trong trận tập kích này bên du kích chỉ có một số ít bộ đội mà lại được rất nhiều quân giặc. Lại còn bắt tù được hơn một trăm. Được toàn thắng là nhờ đánh bằng giáo mác, nếu dùng súng thì nhất định không được hoàn toàn như thế. Một người đội viên du kích thường hỏi bọn quân Nhật bị bắt chúng sợ cái gì nhất, bọn này đều nói chúng sợ nhất cái giáo dài hình thoi của đội du kích.

b) Nếu quân giặc trong lúc bị tập kích rút vào nhà để chống cự thì ta phải tìm cách đốt nhà, chực chúng ra thì giết, nếu không ra cũng bị chết thiêu.
c) Tập kích xong phần lớn bộ đội phải rút ngay, chỉ để lại số ít thu nhặt các đồ lấy được và xử lý tù binh. Nếu quân giặc thoát được một phần thì có thể đuổi theo đánh cho hết tiệt, nhưng phải phòng quân cứu viện của giặc và cũng không nên đuổi xa quá.
d) Nếu tập kích không thành công, vì quân thù quá mạnh hay đã phòng bị, hay có viện binh đến thì đội du kích phải rất kiên quyết và rất nhanh chóng thối ngay không nên trù trừ, chỉ để lại một đội nhỏ tinh nhuệ che chở cho đại đội rút lui. Tập họp chỗ nào phải ước định với nhau trước.

6. Sau khi tập kích

a) Tập kích xong, đại đội rút về một địa điểm khá xa chỗ tập kích. Số bộ đội ở lại thu xếp đồ đạc và xử lý tù binh cũng làm mau để rút về địa điểm. Nếu có người bị thương bao giờ cũng cẩn thận đưa đi trước.
b) Nếu tập kích đánh tan được quân giặc, và nếu quân cứu viện của giặc không thể đến được thì bộ đội du kích có thể lưu lại chỗ tập kích ít lâu để tuyên truyền tổ chức dân chúng và trừ diệt phản động. Lúc còn ở đó, dầu sao cũng không nên đóng trong làng xóm, vì sợ tàu bay đến đánh, phải đóng nơi bí mật, xa làng xóm một ít. Đối với tù binh, nếu đem đi không tiện thì sau khi tra hỏi và tuyên truyền có thể tha họ về, nhưng không nên lộ cho họ biết những điều bí mật của mình. Bao giờ có căn cứ địa đàng hoàng mới nên bắt tù binh về giam. Công việc đâu đấy xong rồi, lúc kéo đi phải trá hình và đi phương hướng giả để giữ bí mật.
Tập kích thành luỹ. Muốn tập kích thành luỹ quân thù phải xếp kế hoạch rất khôn khéo và chu đáo.

a) Trước khi tập kích phải chuẩn bị nội công, nghĩa là có người theo mình mà bí mật ở chung với quân thù trong thành, có khi là binh lính của chúng. Lúc tập kích trong ngoài hưởng ứng với nhau thì quân thù nhất định chết.
Ví dụ: Một đội du kích của Đội quân thứ 8 trong lúc tập kích

1) Nên hiểu là: ẩn núp tại các con đường mà quân giặc ở gần có thể theo con đường đó đến cứu bọn bị tập kích.
2) Cắt dây điện thoại.

thành Trú Châu, nhờ có 1 nghìn 6 nguỵ quân (nguỵ quân là quân người Tàu do Nhật cai quản) phản lại đánh Nhật nên đội du kích hạ thành Trú Châu rất dễ và giết được hơn 2 trăm quân Nhật.

b) Chọn chỗ quân thù không phòng bị tìm cách khôn khéo lẻn vào thành rồi nổi lên tập kích.

Ví dụ: Quân Nhật có lập một trường tàu bay ở thành Dương Ninh. Khắp ba mặt thành chúng xây đắp thành luỹ rất vững chãi, còn một mặt thì không phòng bị gì hết vì mặt ấy tiếp cận với một con sông lầy ai không biết mà lội qua thì lún mất tích. Người chỉ huy đội du kích sau khi điều tra và thí nghiệm đích xác nếu chạy qua sông rất nhanh thì không sợ lún, nên khéo dùng lối ấy qua sông lọt vào thành đốt cháy 20 cái tàu bay của Nhật rồi bí mật rút mất.

c) Giả làm quân thù, kéo vào thành rồi đánh úp.

Ví dụ: Một đội du kích của Đội quân thứ 8 muốn đánh một thành nhỏ ở Tích Dương, một hôm giả ăn mặc như một đội quân Nhật nghiễm nhiên tiến vào thành, lính gác không biết cứ để cho vào. Vào thành lại được hoan nghênh tử tế. Chính trong lúc ấy đội du kích quay ra đánh úp giết sạch quân Nhật rồi tháo lui ngay.

d) Quân giặc có việc kéo ra ngoài thành, hoặc do mình khôn khéo dụ ra ngoài thành rồi lợi dụng lúc ấy tập kích chúng và nhân đó xông vào thành.

Cách đối phó nếu quân thù tập kích mình. Đội quân du kích chuyên tập kích quân thù chứ không bao giờ để cho quân thù tập kích mình. Tuy vậy, đội du kích cũng phải phòng xa, nếu không may bị quân thù tập kích thì có thể đối phó thắng lợi.

Lúc đội du kích đóng tại một nơi nào, nhất là trong làng thì cần phải canh gác rất cẩn thận, cấm người ra vào làng và bao giờ cũng đề phòng quân thù đến tập kích. Nếu bị tập kích thì lực lượng chính quân du kích phải rút lui ngay. Nhưng rút xong rồi phải liệu thế quật lại đánh úp quân giặc để cứu vớt số người mình bị bắt hay chưa thoát kịp. Lối đánh quật lại như thế thường được thắng lợi vì quân giặc lúc ấy tưởng đội du kích chạy rồi không phòng bị gì.

CHƯƠNG V

PHỤC KÍCH

ẩn nấp trong một chỗ chực quân giặc đi qua thoạt ra đánh úp, thế gọi là phục kích. Phục kích dễ thắng lợi hơn tập kích, vậy đội du kích cần chú ý nhiều về cách phục kích nhất là đội du kích mới bắt đầu hoạt động, chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa rèn luyện nhiều.

Muốn phục kích cần chú ý mấy điều này: trinh thám, chọn chỗ phục kích, thi hành phục kích, sau khi phục kích thắng lợi, phục kích lính lẻ của giặc, phục kích đội vận tải của giặc, phục kích lính kỵ mã, xe ô tô, xe hoả của giặc.

1. Trinh thám tình hình giặc. Phải trinh thám rõ tình hình quân giặc thì mới xếp đặt kế hoạch phục kích cho đúng được. Trinh thám không đúng đã không có lợi gì mà không may lại nguy hiểm. Phải trinh thám đích xác mấy điều này:

a) Quân giặc lúc nào đi, đi đường nào, đi đến chỗ nào.

b) Quân giặc có bao nhiêu người thuộc về thứ lính gì, võ khí thế nào, sức chiến đấu thế nào, có xe cộ gì không, cuộc hành quân của giặc có mục đích gì.

c) Lúc hành quân, quân giặc liên lạc với bộ đội khác thế nào, hành quân mau chậm thế nào, quân giặc có thể có viện binh đến cứu như thế nào.

Trinh thám được tin tức gì phải rất bí mật, chỉ người chỉ huy biết mà thôi, người nào không cần biết tuyệt đối không cho biết.

2. Chọn chỗ phục kích. Lúc chọn chỗ phục kích nên chú ý mấy điều này:

a) Có chỗ nấp tốt khiến cho đội du kích trông thấy quân thù còn quân thù thì không trông thấy đội du kích.
b) Có địa hình tốt khiến cho đội du kích đánh quân thù dễ, còn quân thù khó đánh được đội du kích nhất là lúc quân thù đeo mang nặng nề.
c) Cần chỗ ẩn núp có chỗ tiện cho đội du kích thối chớ không tiện cho quân thù thối.
d) Chỗ ẩn núp phải ở ngoài vòng quân địch dò thám. Dẫu có chỗ ẩn núp tốt nhưng lại ở trong vòng dò thám của nó cũng cứ phải bỏ, tìm chỗ khác.
e) Có chỗ đứng trông cho rõ. Có khi phải đặt hai chỗ, một chỗ xa, một chỗ gần, và xếp đặt rất chu đáo cách liên lạc nhanh chóng giữa hai chỗ.
Ví dụ mấy trận phục kích rất tài giỏi của một đội du kích thuộc Đội quân thứ 8 tại con đường Đông Dương quan ở Hoa Bắc. Con đường ấy là con đường giao thông quan trọng của quân địch. Trên con đường ấy bao nhiêu lần đội du kích đã phục kích quân Nhật. Về sau quân Nhật nghĩ ra một kế kể cũng hay. Chúng phao ra cái tin ngày nọ ngày kia một đội vận tải Nhật sẽ qua con đường ấy, đồng thời chúng bí mật phái bộ đội đến ẩn núp tại một chỗ hiểm yếu trên con đường ấy, chực đội du kích đi tìm chỗ phục kích đội vận tải mà chúng đã phao tin sắp đi qua đường. Ngờ đâu nhờ dân chúng đem tin, đội du kích biết đích xác mưu kế quân giặc nên không động đậy. Chúng chờ một ngày, hai ngày chẳng thấy gì bèn lủi thủi kéo về. Lần sau chúng lại dùng kế ấy, cũng phao tin có một đội xe ô tô Nhật sắp qua con đường ấy. Được tin này, đội du kích lập tức phái bộ đội đi ẩn núp trước. Tức thì một đội quân Nhật đi qua, đội du kích nhảy ra đánh úp một trận tan tành. Số là đội quân Nhật này định đi tìm chỗ ẩn núp để tập kích quân du kích.
3. Lúc đi đến chỗ phục kích.
a) Phải khéo chọn con đường đi đến chỗ phục kích. Con đường ấy phải rất bí mật, tốt nhất là tìm đường hoàn toàn mới mà đi, tìm chỗ không có đường mà đi. Tránh đường bùn lầy, vì đi đường bùn lầy phải hao sức nhiều, mệt nhọc nhiều.

b) Phải có người trinh thám mặc quần áo thường, có vũ trang đi trước bộ đội. Lúc bộ đội đi qua làng xóm phải hoá trang (hoá trang là ăn mặc như người thường chứ không như quân đội).
c) Đến chỗ ẩn núp rồi phải giữ rất kín đáo và im lặng, không được hút thuốc, nói chuyện, làm ồn.
4. Lúc tiến hành phục kích.
a) Bộ đội phục kích phải chia làm 2 phần, một phần nhỏ (thường 1 phần 3 bộ đội) dùng để kiềm chế quân giặc, trong lúc chủ lực (2 phần 3) tiến đánh quân giặc. Đội trưởng phải đứng chỗ nào trông rõ tình hình quân giặc để ra dấu hiệu tiến công.
b) Nhiệm vụ của mỗi bộ phận, của mỗi đội viên phải bàn định trước rất rõ ràng và thích đáng. Người chỉ huy phải theo đúng kế hoạch đã định mà lãnh đạo bộ đội mình tiến công.
c) Nếu quân giặc ít người thì đội du kích có thể chặn đường tiến và đường thối của quân giặc để tiêu diệt chúng. Nếu quân giặc có đông người thì đội du kích phải bỏ đoạn đầu, chỉ chặn đánh đoạn giữa, có khi chỉ chặn đánh đoạn đuôi cho chắc thắng lợi.
d) Lúc đánh đoạn đuôi của giặc phải có người quấy rối đoạn đầu, hoặc hai bên sườn. Nếu có thể được thì phá hoại đường sá, cầu cống làm cho quân giặc rối loạn, đầu đuôi không tiếp ứng nhau được.
e) Lúc tập kích cần phải kiên quyết và nhanh chóng, chớp nhoáng tiến đánh quân giặc trở tay không kịp. Trước hết là ném một loạt thủ lựu đạn, hay xổ một loạt súng rồi rút dao, mác xung phong ngay. Chém đâm quân giặc làm cho chúng hoảng hốt tán loạn, không thể nào chống cự được. Người chỉ huy phải có kế hoạch rất khôn khéo và chu đáo, đừng để mình phải thiệt nhiều người. Nếu mình thắng trận, nhưng cũng thiệt nhiều người thì thật không xứng.
5. Sau khi phục kích thắng lợi.
Phục kích thắng lợi xong phải lập tức thu dung người mình bị thương, thu thập đồ đạc lấy được, xử trí phù lỗ (quân giặc bị bắt gọi là phù lỗ) rồi thối ngay không trù trừ lâu. Nhất là nếu không tiêu diệt được toàn bộ quân giặc, cần phải xếp đặt thối [1], phòng quân cứu viện của giặc đến đánh.

1) Cần phải bố trí rút lui ngay.

Đội du kích không chỉ chờ quân giặc đi qua phạm vi hoạt động của mình rồi mới phục kích, mình có thể tìm cách dụ quân giặc, đánh lừa quân giặc vào bẫy để phục kích.
Ví dụ tại làng Lưu Trang, huyện Tích Dương (Hoa Bắc) có quân Nhật đóng. Đội du kích họ Uông phái một tiểu đội đến quấy. Họ bắn lờ phờ mấy phát súng rồi chuồn cho quân Nhật đuổi theo. Đuổi theo cho đến chỗ đội du kích ẩn núp, mấy chục quân Nhật bị giết sạch chỉ sót mấy thằng bỏ đội trốn thoát. Được tin thất bại, quân Nhật phái bốn trăm người đến cứu viện. Đoán đúng, đội du kích lại ẩn núp trên con đường từ Tích Dương đến Lưu Trang lại được một lần phục kích thắng lợi nữa.
Gặp khi phục kích không xong. Đội du kích ẩn núp để phục kích quân giặc, lúc sắp tiến lên phục kích bỗng thấy quân giặc quá nhiều hay quân giặc đã chiếm chỗ tốt để đối phó, lúc ấy đội du kích phải nhanh chóng và kiên quyết thối lui, nếu cần thì bắn một loạt súng cho tợn rồi rút ngay. Có khi đã tiến lên phục kích rồi mới phát giác mình yếu, quân giặc mạnh thì cũng liệu thế rút lui ngay, không nên liều đánh đến cùng, hy sinh vô ích. Gặp những lúc này, người chỉ huy phải quyết đoán cho nhanh chóng và chỉ huy cho khôn khéo.
6. Phục kích những binh lính lẻ tẻ của giặc. Quân giặc đóng tại một chỗ thường phái lính đem giấy tờ từ chỗ này qua chỗ khác hay phái người vào làng mua rau, lấy đồ. Phục kích để bắt sống hay giết chết bọn lính lẻ tẻ ấy rất dễ và có khi nhờ đó điều tra được nhiều tin tức quý hoá. Nếu cần thì có thể tìm nhiều cách dụ lính lẻ tẻ vào chỗ bí mật và hiểm yếu để phục kích, dễ nhất là dùng con gái.
7. Phục kích đội vận tải hay đội thu lương thực của giặc. Phục kích đội vận tải của quân giặc thường dễ thắng lợi, vì những đội này rất nặng nề, chậm chạp. Lúc phục kích cần chú ý mấy điều này:
a) Chọn chỗ hiểm yếu để ẩn núp, như chỗ lên dốc, xuống dốc, qua sông, qua đường quẹo, đường kẹt trong núi.

b) Phục kích đội vận tải cốt để cướp đồ đạc chứ không để đánh bộ đội đi kèm, vậy lúc phục kích chú ý lừa bộ đội đi kèm xa đội vận tải để giải quyết đám này cho dễ.

c) Lúc tiến lên đánh, cần bắn tợn vào đoạn đầu và đoạn đuôi thì cả đoàn đều hoảng hốt, rối loạn, xe cộ, người ngựa đạp đổ lẫn lộn. Đó là cơ hội tốt cho đội du kích xung phong giết giặc đoạt của.
d) Nếu lực lượng mình ít, phải khôn khéo phân tán quân giặc, chỗ nào cũng có súng nổ, quân giặc phải phân tán để đối phó. Lúc ấy mình nhằm bộ phận nào thuận tiện thì xung phong giải quyết bộ phận ấy.
e) Phục kích thắng lợi rồi, nhắm chừng quân cứu viện của giặc không đến kịp thì mình có thể trì hoãn một chút để thu nhặt đồ đạc của giặc, cái gì đem đi được thì đem đi, cái gì không đem đi được thì phá huỷ.
Nhờ lối phục kích này mà đội du kích cướp được vô số đồ dùng của giặc.
Ví dụ (trích một đoạn trong bản báo cáo của một đội quân Nhật): "Gần huyện Dương Truyền tại làng Bảo An và Quách Thôn, bọn quân đỏ (Nhật gọi đội du kích của Đội quân thứ 8 là quân đỏ) bí mật liên lạc với dân chúng, mấy lần đánh úp các đội vận tải của chúng ta, tiêu diệt sạch bộ đội đi kèm và đoạt lấy tất cả đồ đạc, lương thực, thuốc đạn, áo quần. Mấy lâu nay mọi chỗ đều có chuyện như thế, thật là đáng lo".
Phục kích đội thu lương thực của giặc có 3 cách:
a) Không đợi đội thu lương đã thu được lương: ẩn núp giữa đường phục kích đánh giết.
b) Chờ đội thu lương đến làng chia nhau đi các nhà thu lương thực, lúc bấy giờ mới tiến lên đánh úp bộ phận nào dễ đánh. Trước khi tiến đánh phải giết chết hay bắt sống lính gác của giặc.
c) Nếu đội du kích ít người, tốt nhất là chờ đội thu lương thực thu xong lương thực rồi trở về, chặn đường phục kích. Lối này dễ thắng nhất vì lúc bấy giờ quân thù gánh vác nặng nề, không thể chú ý được mọi mặt, không thể đối phó kịp.
8. Phục kích lính cưỡi ngựa, xe ô tô, xe hoả, thuyền, tàu.

Phục kích lính cưỡi ngựa. Muốn phục kích lính cưỡi ngựa cần chú ý 3 điều này:

a) Chỗ ẩn nấp để phục kích phải chọn chỗ đường chật hẹp, hiểm yếu, quân giặc khó xoay xở.

b) Trước tiên phải bắn cho ngựa quỵ, thế là người cũng ngã lung tung, rất dễ giải quyết.

c) Tốt nhất là chờ chúng vào làng nghỉ, người một nơi, ngựa một nơi, đột nhiên đánh úp thì chúng trở tay không kịp. Trước tiên phải phái người làm dân thường vào làng do thám, đợi cơ hội tốt là ra dấu hiệu phát đ[1].

Phục kích ô tô. Muốn phục kích ô tô cần chú ý 4 điều này:

a) Chỗ ẩn nấp để phục kích phải chọn chỗ đường chật hẹp, lên dốc, xuống dốc, chỗ đường quẹo, chỗ gần hang hố, hoặc lúc qua sông lộn xộn.

b) Trên đường phải đặt đồ cản xe, hoặc đào hố, hoặc đặt chất nổ.

c) Lúc phục kích phải có bộ phận nhỏ chặn đầu trước và chặn đường sau. Còn lực lượng chính thì tiến đánh các xe và bộ phận đi kèm. Người thì bắt tù hay thả cho đi, xe thì đốt huỷ.

Phục kích ô tô rất dễ thắng lợi. ở Hoa Bắc ngày nào cũng có đội du kích phục kích các đoàn vận tải ô tô của Nhật.

Ví dụ: Chi đội du kích họ Dương giữa con đường từ Quảng Linh đến Linh Nhạc định đón đánh một đoàn ô tô Nhật. Trước họ phá một đoạn đường tại chỗ rất hiểm yếu rồi ẩn núp gần đó. Bắt đầu có 30 hơn chiếc ô tô[2] vận tải từ Linh Nhạc đi Quảng Linh, đến chỗ đường bị phá không đi được. Một ít lâu từ Quảng Linh đến Linh Nhạc lại có 40 hơn chiếc ô tô vận tải, 10 hơn chiếc ô tô bọc sắt và 78 chiếc xe tăng đến đó cũng bị nghẽn. Đội du kích xem xét đích xác rồi nhảy ra đánh úp, phá hại quân Nhật rất nhiều. Về sau quân Nhật lại đem một đội kỵ mã (lính cưỡi ngựa) và 5 khẩu đại bác đến cứu viện. Nhờ đội du kích khôn khéo ẩn núp và đánh giỏi nên giết được quân Nhật mấy trăm người và phá được mấy mươi chiếc ô tô, còn mình chỉ bị thương mấy chục người thôi.

1) Phát hiệu lệnh tấn công.
2) Hơn 30 chiếc ô tô.

Phục kích xe hoả. Muốn phục kích xe hoả cần chú ý mấy điều này:

a) Chỗ phục kích phải chọn chỗ hiểm yếu như lúc vào hầm ra hầm (hầm là chỗ đường xuyên qua núi), lên dốc, xuống dốc, đường quẹo, chỗ bên cao bên thấp, lúc qua cầu.

b) Trước khi phục kích phải tháo cây ngang đường [1] và các đinh ốc làm cho xe hoả trật đường ray, hay dùng cây, đá chất đống trên đường ray cũng để làm cho xe hoả trật đường ray.

c) Lúc xe hoả trật đường ray chạy bật ra ngoài là lúc đội du kích tiến lên phục kích. Đội du kích ấy phải phân làm ba phần: một phần dự bị đánh bộ đội của giặc đi kèm xe hoả, một phần đánh vào cạnh các toa xe, còn một phần xông vào trong toa cướp khí giới, đồ đạc và bắt người.

d) Hết sức bí mật liên lạc với nhân viên làm trong xe để đến thời cơ ngoại công nội [2].

Phục kích thuyền gỗ. Chực lúc thuyền gần bờ hay gặp chỗ quẹo thì tiến đánh. Lúc đánh thì đánh đầu thuyền và đuôi thuyền, bắt thuyền phải vào bờ hay đánh chìm cũng được. Đánh xong, của cải trong thuyền thì lấy, còn người thì bắt tù hay thả.

Đánh thuyền máy thì phải cẩn thận và phải có lực lượng nhiều, nhất là phải có súng to bắn phá đầu máy mới được.

Đi đường gặp quân giặc.

a) Lúc đi đường đội du kích phải có người do thám ăn mặc thường đi trước, ban ngày đi trước khá xa bao nhiêu [3] tuỳ mỗi lúc mà quyết định, ban đêm đi gần một ít, thấy việc gì lạ, nhất là có quân giặc thì cấp tốc quay lại báo cáo đội trưởng. Đội trưởng phải đi trước bộ đội để gặp tin tức gì thì quyết định ngay cách đối phó.

b) Lúc được tin có quân giặc thì phải mau chóng quyết định đánh

1) Tà vẹt.
2) Bên ngoài tấn công phối hợp với bên trong cùng đánh địch.
3) Xa bao nhiêu.

hay chuồn không được do dự, vì do dự là nguy vô cùng.

c) Nếu quân giặc ít người, kém sức, mình đánh là chắc được, thì quyết định đánh và trong nháy mắt phải tìm chỗ ẩn núp chờ quân giặc đi qua bắn cho một loạt rồi nhảy ra xung phong. Quân giặc chạy, nếu không ngại gì thì đuổi theo đánh, nhưng chớ đuổi theo quá xa.

d) Nếu quân giặc đông và mạnh, hoặc mình do thám không rõ sức mạnh của giặc thì quyết định chuồn, không do dự chút nào, lúc chuồn nếu quân giặc thấy phải nhằm chúng bắn một loạt súng cho tợn, buộc chúng phải ẩn núp, để mình chuồn cho tiện.

Ví dụ: Một đội du kích kỵ binh đương đi trên con đường ở phía tây huyện Bảo Định (Hoa Bắc), bỗng có người do thám đi trước trông thấy mấy trăm quân Nhật. Được tin, đội du kích ẩn núp vào một bên đường chực quân thù đi qua, nhảy ra phục kích. Chỉ trong mấy chục phút, quân Nhật bị đánh tan, một phần chết, một phần chạy, để lại vô số súng đạn.

Quấy rối quân giặc. Đội du kích có thể dùng một số ít đội viên tìm cơ hội tốt quấy rối quân giặc, như bắn mấy phát súng vào đồn làm cho quân giặc phải lao đao mỏi mệt.

Ví dụ: Đội du kích hoạt động trên con đường xe hoả Bắc Bình - Hán Khẩu, một lần nhân đêm tối đến gần huyện Tư bắn chết 2 tên lính gác của Nhật rồi lập tức đến trấn Quang Lạc phá hoại đường xe hoả. Được tin, quân Nhật ở huyện Tư và trấn Quang Lạc đều phái binh ra đón đánh du kích. Vì đêm tối quân giặc không nhận rõ được nhau nên bên nào cũng tưởng lầm bên kia là đội du kích. Lần ấy chúng bắn nhau cả đêm, giết lẫn nhau mấy trăm người, sáng hôm sau mới biết.

Một cách làm rối loạn quân giặc là cách đánh "lối chim sẻ". Lúc quân giặc hành quân qua núi non hiểm trở, đội du kích rải rác ẩn núp các nơi rất bí mật, ở trong núi bắn ra giết quân giặc, làm cho quân giặc muốn đánh đội du kích cũng không biết đâu mà đánh, muốn tránh cũng không biết chạy đâu cho khỏi. Cách đánh "lối chim sẻ" tuy không giải quyết được toàn đội quân giặc, nhưng cũng làm hại chúng nhiều, và nhất là làm cho chúng mất tinh thần.

CHƯƠNG VI

CÁCH PHÒNG NGỰ

Phòng ngự nghĩa là chống giữ. Mình ở một chỗ, quân thù đến đánh, mình chống giữ gọi là phòng ngự. Như trên đã nói du kích là tiến công, mình bao giờ cũng nhằm quân thù đánh trước. Du kích mà để cho quân thù đến đánh, mình phải phòng ngự, là không tốt rồi, là phải ở vào thế khó rồi. Tuy vậy nhiều khi đội du kích vì tình thế buộc phải phòng ngự như lúc đội du kích hoạt động trong vùng quân thù, bất ngờ bị quân thù tập kích, hoặc sau khi đánh úp quân giặc một trận, đội du kích phải dùng lối phòng ngự để bảo vệ cho chủ lực an toàn rút lui, hoặc lúc bảo vệ căn cứ địa của cách mạng, đội du kích cũng phải dùng lối phòng ngự. Nhưng lối phòng ngự này là lối phòng ngự thế cô[1] chứ không phải rút vào một chỗ để cho quân thù tha hồ đánh phá.

A- Cách phòng ngự ở ngoài căn cứ địa.

1. Phải do thám và canh gác rất nghiêm mật. Đội du kích hoạt động trong vùng ngoài căn cứ địa mình thường có quân thù qua lại, phải rất cẩn thận, không nên để cho quân thù dò ra dấu tích mình và có thể đến đánh mình. Muốn được thế, đội du kích phải liên lạc mật thiết với dân chúng rồi chọn người tốt trong dân chúng tổ chức những đội do thám bao vây chỗ quân thù đóng và các con đường quân thù hay đi lại.

---

1) *Phòng ngự thế công,* tức là phòng ngự nhưng phải luôn luôn ở thế tiến công.

Hễ quân thù động tĩnh thế nào là các đội do thám ấy cho đội du kích biết ngay. Còn đội du kích lúc hành quân hay lúc đóng tại nơi nào cần phải đặt người canh gác cẩn thận, canh gác chung quanh, canh gác các đường, nếu cần, phải canh gác hai ba lớp.

2. Không đóng quân ở chỗ không tốt.

Đội du kích phải kiên quyết không đóng quân tại chỗ không chắc chắn, khó phòng ngự. Nếu vạn bất đắc dĩ phải đóng, thì phải tập trung tại mấy nhà có địa thế tốt, rồi xếp đặt canh phòng nghiêm ngặt. Nếu chỗ ấy có phản động, việt gian thì phải cấm người ra vào, và nếu cần thì tống giam bọn phản động và việt gian lại. Nhưng phải nhớ rằng: cách phòng ngự tốt nhất là nhờ dân chúng do thám canh phòng hộ cho, hễ có tin gì cho hay ngay.

3. Phải làm hào luỹ và chuẩn bị.

Do thám để phòng ngự như thế cũng chưa đủ, đội du kích cần chuẩn bị nếu bị đánh úp thì đối phó lại. Đóng ở một nơi nào, đội du kích phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng, nếu có việc thì tập hợp ngay để đối phó. Đội trưởng và người thông tin phải ở luôn tại chỗ dự bị tập hợp. Vũ trang và đồ dùng phải sẵn sàng luôn. Dấu hiệu lúc tiến lúc lui cũng phải ước định với nhau trước.

Những con đường đi đến chỗ tập hợp phải dùng vật chướng ngại (vật chướng ngại là vật ngăn mọi đường không cho đi lại được) dễ cất để chấn phòng. Những con đường mình rút lui phải làm hào luỹ hai bên. Những con đường không dùng phải bít hẳn lại. Nếu cần thì ngoài phòng tuyến thứ nhất ấy phải đặt phòng tuyến thứ hai (phòng tuyến là con đường có xây hào luỹ để mình ẩn núp mà đánh giặc).

4. Bất ngờ bị quân thù đánh úp.

Lúc ấy phải quyết định ngay đánh úp lại hay rút lui, không trù trừ. Lúc rút lui chỉ để một bộ phận nhỏ kiềm chế quân giặc cho đội du kích rút lui, ngoài ra không có phòng ngự gì khác. Nếu bị đánh úp nơi đóng quân thì phải nhanh chóng và kiên quyết phản xung phong chống lại rồi rút ngay (trước đây có nói rồi).

B- Cách phòng ngự căn cứ địa của mình.

Đội du kích đã lập được một căn cứ địa có cơ quan trọng yếu như kho tàng, nhà trường, nhà thương thì đội du kích quyết không để quân giặc dễ lấy. Nhưng không phải chết sống gì cũng khư khư giữ lấy căn cứ địa. Muốn phòng ngự căn cứ địa phải chú ý mấy điều sau này:

1. Dùng lối điều quân lanh lẹ mà phòng ngự. Khi quân địch tiến đánh căn cứ địa của chúng ta, nếu có đủ lực lượng thì chúng ta có thể phái bộ phận nhỏ đi chiếm nơi hiểm yếu, xây hào luỹ để chống quân giặc. Làm thế để kiềm chế quân giặc, và để cho chủ lực quân du kích tìm cách đánh úp chúng.

Quân giặc tiến công căn cứ địa ta thường dùng lối chia ra nhiều đường mà tiến rồi hợp lại mà đánh. Nếu đội du kích đủ sức thì có thể phái bộ phận đi chặn các đường tiến của giặc, còn chủ lực quân thì lần lượt tiêu diệt các đạo quân của giặc còn cách xa nhau chưa kêu gọi được với nhau. Nếu các đạo quân giặc đến gần nhau rồi, kêu gọi được với nhau rồi thì chủ lực quân du kích phải nhắm chỗ yếu của giặc, đánh tạt ngang vào, chia quân giặc ra nhiều đoạn, rồi cứ từng đoạn mà tiêu diệt. Lối đánh này phải có lực lượng đầy đủ mới được. Nếu lực lượng ta yếu, thì ta phải tránh, quân giặc muốn đánh ta cũng không tìm thấy ta, đến lúc chúng không phòng bị, ta hãy đánh úp chúng, phá hại chúng được chừng nào hay chừng ấy.

2. Hết sức dùng mọi cách ngăn cản quân giặc. Phải phá hoại đường sá, cầu cống, phá đập cho nước tràn vào. Tìm đủ cách ngăn cản quân giặc nhất là bộ đội máy móc (bộ đội có xe chở súng) và kỵ binh của giặc.

3. Thực hành vườn không nhà trống. Thực hành vườn không nhà trống để làm cho quân giặc không có cơm ăn, không có đồ dùng, không tìm được người làm phu.

4. Hô hào dân chúng tham gia vào việc đánh giặc. Muốn chống lại quân giặc, một sức đội du kích không đủ, phải hô hào dân chúng hết sức tham gia vào việc đánh giặc, như phá đường sá, cầu cống,

cắt dây thép, làm vườn không nhà trống, do thám tình hình giặc, canh phòng, chuyên chở đồ đạc, đưa đón người bị thương; tiến lên một bước nữa, dân chúng có thể tổ chức những đội vũ trang giúp sức đội du kích đánh giặc, giết giặc.

5. Lúc quân giặc tiến vào căn cứ địa mình, mình đánh phá đằng sau chúng. Lối đánh này cốt để cắt đứt sự liên lạc của giặc với nơi căn cứ của chúng. Phải phá đường sá, cầu cống, cắt dây thép, đánh úp đội vận tải, đánh úp quân cứu viện của giặc.

6. Dùng lối đánh chim sẻ hay lối đánh người Mán. Lúc quân giặc kéo vào căn cứ địa chúng ta, chúng ta phái đội viên du kích tản mát ra như một đàn chim sẻ, nấp hai bên đường, sau các mỏm núi, chỗ một người, cách nhau khá xa, rồi cứ nhằm vào hàng ngũ quân giặc, nhất là bọn quan mà bắn. Lối đánh chim sẻ này quyết không thắng được quân giặc, nhưng cũng làm cho chúng hao tổn và rối loạn, muốn chống lại cũng không biết đâu mà chống, rút cục chúng phải lùi.

Ví dụ: ở Hoa Bắc, một lần quân Nhật chia 6 đường đánh vào phía nam Chính Thái bị quân du kích Tàu dùng lối đánh "chim sẻ" bắn giết nhiều quá đến nỗi phải rút lui.

CHƯƠNG VII

CÁCH ĐÁNH ĐUỔI GIẶC

Quân giặc đã bị đánh thua thì đội du kích phải đuổi theo thừa lúc chúng bị khó khăn mà kế tiếp xung phong để tiêu diệt chúng. Tuy vậy không nên đuổi theo quá xa vì sợ gặp quân cứu viện của chúng.

Lúc quân giặc bị đánh tan rồi thì đội du kích phải cắt ra một số đội viên xếp dọn chiến trường (chiến trường là chỗ đánh nhau) cứu kẻ bị thương và đưa đi nơi dưỡng bệnh, xử trí những đồ đạc lấy được, xử trí tù binh. Còn đại đội thì phải đi ngay phòng khi tàu bay giặc đến ném bom. Chỉ khi nào mười phần chắc chắn là quân cứu viện giặc không đến được thì đại đội du kích mới nên ở lại hơi lâu để tiến hành các công việc tuyên truyền cổ động dân chúng.

Nếu quân giặc bị đánh bại ở nơi gần căn cứ địa của chúng ta thì chúng ta lại càng cần đuổi theo mà tiêu diệt. Lúc này phải động viên dân chúng giúp vào.

CHƯƠNG VIII

CÁCH RÚT LUI

Đánh du kích cần biết cách rút lui vì sau một trận được hay thua gì cũng vậy, đội du kích cần phải rút lui ngay, có khi định đánh mà thấy quân giặc mạnh quá cũng phải rút lui ngay không đánh.

Đánh được rồi rút lui thì thường chẳng có gì khó, chớ để đánh thua rồi mới rút lui nghĩa là phải rút trước. Nếu đội du kích biết đo đắn cẩn thận, bao giờ mười phần chắc chắn mới tiến công, còn ngần ngại một chút cũng tránh đi là hơn vì khỏi mắc vào cảnh thua rồi mới rút lui. Nhưng nếu không may bị đánh thua rồi mới rút lui, hoặc gặp quân giặc quá mạnh, đánh không được phải rút lui, lại bị quân giặc đuổi theo thì phải đối phó thế nào. Lúc ấy cần phải chú ý 5 điều này:

1. Trước hết phải chọn một số đội viên rất can đảm và nhanh nhẹn ẩn núp lại chống với quân giặc để che chở cho số đông rút lui. Trong khi rút lui không nên phân chia ra từng bộ phận nhỏ, vì phân chia như vậy đội viên du kích dễ mất tinh thần và có khi lạc đường. Nhưng nếu hoàn cảnh bắt buộc thì phải phân chia, nhưng phải ước định với nhau trước chỗ tập hợp.

2. Đội trưởng và chính trị phái viên phải tỏ tinh thần và năng lực lãnh đạo của mình. Khó khăn nguy hiểm chừng nào thì hai người ấy phải xung phong trước chừng ấy để dìu dắt bộ đội.

3. Tuy bị quân giặc đuổi theo, đội du kích vẫn phải tiếp cận dân chúng, cổ động dân chúng giúp mình, giúp lương thực, giúp dẫn đường, giúp giữ bí mật, giúp do thám, canh gác, có khi giúp chống quân giặc.

4. Lúc rút lui phải có kế hoạch thích hợp. Rút qua đường nào, rút cách thế nào, phải suy tính cẩn thận và chu đáo. Nhất là tránh bộ đội máy móc và kỵ binh của giặc. Đi qua đường nào phải làm mất dấu tích. Phải đi đường tắt, đi ban đêm hoặc công khai đi một đường rồi bí mật quặt giở lại đi đường khác, hoặc tìm đường mới hẳn mà đi, hoặc ăn mặc như người thường hoặc ăn mặc như quân lính của giặc mà đi, hoặc đi rất nhanh mỗi ngày 50 hơn cây [1].

5. Lúc tránh khỏi quân giặc rồi thì phải tìm ngay một nơi chắc chắn, tổ chức huấn luyện dân chúng cố làm chỗ ấy thành một nơi đứng chân rồi tổ chức lại đội du kích chuẩn bị tiến công quân giặc.

Đây là nói lúc quân giặc quá mạnh mình không thể nào chống lại nó được buộc phải chạy. Nếu quân giặc xoàng thì đội du kích có thể tìm nơi ẩn núp tốt chờ quân giặc đi qua tiến ra phục kích cho một vố rồi sẽ rút. Cố nhiên phải cẩn thận, không được liều mạng.

Một điều nữa cần chú ý trong đội du kích nếu có số người phụ trách việc phụ [2] (như thuốc men, sách báo, chữa súng, làm đạn) đi theo thì bao giờ cũng phải thu xếp cách che chở cho số người ấy rút lui một cách an toàn. Nhưng ngày thường cần huấn luyện cho số người ấy biết cách đối phó trong lúc khó khăn này, nhất là cần giữ trật tự, phải trấn tĩnh, làm đúng theo kế hoạch đã định.

---

1) Hơn 50 kilômét.

2) Tức là các bộ phận trực thuộc, bộ phận phối hợp.

CHƯƠNG IX

PHÁ HOẠI

Phá hoại là phần rất trọng yếu trong cách đánh du kích. Phá hoại có thể ngăn cản được đội máy móc, đội kỵ mã và làm chậm trễ đội bộ binh (bộ binh là lính đi đất) của giặc.
Muốn phá hoại phải có dân chúng ủng hộ và giúp sức. Đồng thời dân phải làm vườn không nhà trống thì mới có hiệu quả nhiều. Quân giặc đến đâu, đường sá, cầu cống đều bị phá tiệt, lại phải đói khát khốn khổ.

A- Nguyên tắc trọng yếu của cách phá hoại.

Trước khi phá hoại phải xét rõ phá hoại như thế thì thiệt hại quân giặc như thế nào và có thiệt hại gì cho ta không.
). Trước khi thi hành phá hoại phải hiểu rõ tình hình quân giặc gần đó. Phải hiểu rõ con đường hay cầu cống mình định phá hình thế ra sao, tiếp giáp với núi sông thế nào.
3. Lúc phá hoại phải xếp đặt đội yểm hộ (đội yểm hộ là đội phụ trách che chở cho số người phá hoại). Đội yểm hộ phải đóng những nơi quân giặc có thể qua lại, nếu quân giặc yếu, đội yểm hộ có thể giải quyết được thì giải quyết nếu không đủ sức giải quyết thì lờ đi (nếu quân giặc không đi đến chỗ đường phá hoại) hoặc che chở số người phá hoại rút lui cho an toàn.

4. Phải chọn: a) thời gian, b) cơ hội, c) địa điểm.

a) Thời gian nên chọn ban đêm vì dễ bí mật.

1) Trong nguyên bản không có mục 1.

b) Chọn cơ hội thì phải chú ý lúc nào phá hoại thì hại nhiều cho quân thù và lợi nhiều cho ta. Ví dụ: chúng ta đã biết ngày nào, giờ nào có đoàn xe của giặc đi qua con đường nào, thế là trước ngày ấy, giờ ấy, chúng ta đã phá hoại xong đường sá, cầu cống quân giặc sắp đi qua làm cho chúng bị đổ xe, tổn hại. Hoặc chúng ta đã biết giặc sắp đi qua con đường nào để tiến công chúng ta. Chúng ta lập tức phá hoại cầu cống, đường sá rồi ẩn núp gần đó, chực quân giặc đến, bối rối với chỗ phá hoại là chúng ta phục kích.
c) Còn địa điểm thì nên chọn nơi nào ? Phải chú ý hai mặt: một là nơi nào quân giặc ít chú ý canh gác tuần phòng, có thể tiến hành việc phá hoại dễ dàng. Hai là nơi nào hiểm yếu khó sửa chữa.

B- Cách thức phá hoại.

1. Phá hoại các thứ dây thép thì nên chọn các đoạn dây vượt qua sông núi hoặc ở đường ngã ba, ngã tư, vì phá hoại những chỗ ấy rất khó sửa chữa. Phải phá hoại cả cột lẫn dây. Nếu phá hoại để dụ quân giặc đến sửa chữa rồi đánh úp chúng thì nên chọn nơi có chỗ ẩn núp tốt.

Phá hoại xong phải vất hay huỷ những vật liệu đã bị phá hoại như cột dây thép, bình sành, giăng dây, không để cho quân giặc dùng làm lại. Còn dây thép mang đi được thì mang, không mang được thì cũng huỷ tiệt.

Muốn cho quân thù khó tìm ra chỗ phá thì có thể dùng dây chì buộc vào dây thép rồi cho thông xuống đất, nếu có cột sắt thì cứ dùng chì nối dây thép với cột sắt làm cho luồng điện chạy qua cột sắt rồi chạy xuống đất. Dây bọc cao su thì cắt đứt một đoạn dây thép rồi bọc cao su lại như cũ. Phá như thế thì quân thù khó tìm ra chỗ bị phá. Lúc phá hoại dây thép chú ý không để điện giật. Phải mang bao tay da, lúc giông to, sấm sét thì phải thôi ngay.
2. Phá hoại cầu cống. Cầu gỗ, cầu tre, cầu phao (cầu phao là cầu kết thuyền làm) thì dùng chất cháy mà đốt, hoặc tháo gỗ, tháo tre, tháo thuyền. Cầu đá thì đào phá hoặc dùng thuốc

nổ để phá. Cầu sắt thì phải có người chuyên môn dùng thuốc nổ mà phá.

3. Phá hoại đường xe hoả. Phải phá chỗ khó sửa chữa. Cách phá: có thể vặn đinh ốc để tháo đường ray. Nếu có người chuyên môn và có đủ đồ phá hoại thì có thể làm cho đường xe hoả vô dụng.

4. Phá hoại đường ô tô. Phá đường để chuẩn bị đánh úp, thì nên phá chỗ dễ ẩn núp. Nếu không thì chú ý phá nơi nào khó sửa chữa nhất, nơi đường quanh, lên dốc, xuống dốc, nơi qua sông. Nếu muốn đánh lừa làm hại quân giặc thì sau khi phá lấy ván lát lại rồi rải đất như đường thường. Xe ô tô quân giặc đi qua là đổ ngay. Chỗ con đường kẹt giữa núi có thể xô đá lấp hẳn đi. Chỗ thấp có thể tháo nước tràn ngập.

5. Phá đồn luỹ, thành quách. Đồn luỹ, thành quách là nơi chống giữ rất tốt của quân giặc, vì chúng có súng ống tốt. Chúng ta lấy được là phải phá huỷ ngay, vì chúng ta không thể nương dựa vào thành luỹ để chống lại với súng ống tốt của giặc.

Ví dụ: ở Hoa Bắc, các đội du kích của Đội quân thứ 8 thường tổ chức dân chúng phá hoại các đường ô tô, đường xe hoả, cầu cống, các thứ dây thép của Nhật. Chỉ trong một đêm, hàng mấy chục cây số bị phá hoại. Quân Nhật phải hao tổn nhiều mới sửa chữa lại, nhưng rồi lại bị phá hoại. Cứ như thế không biết bao nhiêu lần.

CHƯƠNG X

THÔNG TIN VÀ LIÊN LẠC

Đánh du kích cần xếp đặt thông tin và liên lạc cho nhanh chóng, chắc chắn và chu đáo. Không có thông tin và liên lạc với các nơi thì đội du kích đứng chơ vơ giữa trời, không làm gì được.

Thông tin và liên lạc của du kích phần lớn nhờ cậy vào dân chúng. Người phụ trách thông tin và liên lạc phải chọn người nhanh nhẹn, chắc chắn và khôn khéo, dùng lối đi bộ, đi ngựa, đi xe, đi thuyền để đưa tin tức. Lúc cần phải dùng nhiều người, đi nhiều đường phòng khi người này bị trắc trở, đường này bị trắc trở thì còn người khác, đường khác. Hẹn nhau phải hẹn nhiều địa điểm, nhiều giờ khác nhau phòng khi địa điểm này hay giờ này bị trắc trở còn địa điểm khác, giờ khác. Phải ước định với nhau dấu hiệu hẹn nhau như: ở gần núi thì dùng tiếng chim kêu, gần làng thì dùng gà gáy, chó sủa; dọc đường phải có dấu hiệu riêng như ở rừng thì vạch da cây[1], ở làng thì dùng dấu riêng viết trên tường. Ban đêm thì có thể đốt lửa, ban ngày có thể hun khói hoặc dùng lối khác thông tin liên lạc với nhau. Phải chờ lúc đội du kích phát triển nhiều thì mới có cách thông tin liên lạc bằng dây thép và vô tuyến điện.

1) Vạch vào vỏ cây hay đánh dấu vào thân cây trên dọc đường hành quân.

CHƯƠNG XI

HÀNH QUÂN

Lúc hành quân cần chú ý 3 điều: một là nhẹ nhàng nghĩa là chỉ mang theo những đồ rất cần thiết; hai là nhanh chóng, nhanh chóng chừng nào hay chừng ấy; ba là bí mật, không những bí mật với quân thù còn phải bí mật với dân chúng nữa.

Lúc hành quân cần xếp người trinh thám hoá trang đi trước. Người ấy phải chú ý:

1. Do thám sự canh phòng xếp đặt của giặc ở dọc đường.
2. Khấu lư[1] những người đáng nghi ngờ gặp giữa đường.
3. Gặp lính gác của giặc thì báo đội du kích hết sức tránh hay im lặng giải quyết.
4. Nếu gặp bộ đội quân giặc thì lập tức báo cáo đội trưởng quyết định đánh hay chuồn.
5. Đặt các dấu hiệu dọc đường, để báo tin, người đi sau phải nhặt sạch.

Lúc hành quân nếu đằng trước có quân giặc thì người đội trưởng phải đi trước, còn người chính trị phái viên đi sau. Nếu đằng sau có quân giặc thì người đội trưởng phải đi sau, nếu hai bên có giặc thì người đội trưởng đi giữa.

1) Kiểm soát và giữ lại.

CHƯƠNG XII

ĐÓNG QUÂN

Đóng quân phải chú ý chọn chỗ thuận tiện để nghỉ ngơi và phòng thủ. Nếu chỗ đóng quân xa quân thù và có địa thế hiểm yếu không sợ bị quân thù đánh úp thì có thể đóng quân trong làng. Nếu không được thế thì phải rất cẩn thận trong lúc đóng quân.

1. Không nên đóng trong làng, phải tìm chỗ rừng núi mà đóng.
2. Mỗi đêm đóng một chỗ, nếu cần thì trong mỗi đêm cũng thay đổi chỗ đóng. Đến nơi rồi, cấm ngay người ra vào.
3. Phải canh gác rất cẩn thận.

Xem xét địa hình. Bất kỳ đóng nơi nào, người đội trưởng phải xem xét tỉ mỉ địa hình, chú ý đường tiến đường thoái, cách đối phó nếu bị đánh úp bất ngờ. Đồng thời quyết định chỗ tập hợp và đặt chỗ canh gác.

Lúc nghỉ ngơi phải tập trung với nhau một chỗ, không nên phân tán ở nhiều nhà, vũ trang và đồ đạ[1] phải sẵn sàng bên cạnh, nếu cần, súng cứ phải mang trong người và lên đạn.

1) Vũ khí và trang bị.

CHƯƠNG XIII

CĂN CỨ ĐỊA

Đội du kích trong lúc hoạt động đánh quân thù cần có một vài nơi đứng chân làm cơ sở. Tại nơi ấy, đội du kích tích trữ lương thực, thuốc đạn, lâu lâu về đó nghỉ ngơi, luyện tập. Nơi ấy phải có địa thế hiểm yếu che chở và quần chúng cảm tình ủng hộ.

Đội du kích hoạt động phát triển nhiều thì chỗ cơ sở nhỏ đầu tiên ấy có thể trở nên căn cứ địa vững vàng, nhất là sau khi đội du kích đánh đuổi được quân giặc và thành lập chính quyền cách mạng trong địa phương. Chưa thành lập được chính quyền địa phương thì căn cứ địa khó thành lập và không thể củng cố được.

Có chính quyền cách mạng của địa phương, có căn cứ địa vững vàng, đội du kích nhờ đó mà phát triển lực lượng và hoá ra quân chính quy (quân chính quy là đội quân tổ chức theo quy củ nhất định về mặt biên chế, kỷ luật, súng ống, áo quần, ăn uống đều theo quy củ nhất định ấy).

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO TOÀN QUỐC

Toàn quốc đồng bào!
Toàn thể đồng chí!

Tháng 8 năm 1942, tôi vâng lệnh Đoàn thể đi cầu ngoại viện. Chẳng may gặp sự hiểu lầm ở ngoài, làm cho đồng bào, đồng chí lo phiền cho tôi hơn một năm giời. Vậy, một mặt thì tôi phải thừa nhận vì tôi hành động không đủ khôn khéo để đồng bào, đồng chí phải phiền lòng, một mặt thì tôi rất cảm ơn lòng thân ái của đồng bào, đồng chí đối với tôi.

Trong sự rủi lại có sự may. Nhân dịp ở ngoài mà tôi hiểu rõ tình hình thế giới và chính sách của các hữu bang, trước hết là Trung Quốc.

Nay tôi mang về cho đồng bào, đồng chí một món quà cực kỳ quý báu, tức là lòng đồng tình sốt sắng của 450 triệu đồng bào Trung Quốc đối với 25 triệu đồng bào Việt Nam về cái tin Trung Quốc sẽ tích cực giúp đỡ cuộc dân tộc giải phóng của chúng ta.

Song muốn tiếp thu lòng đồng tình và sự giúp đỡ đó, chúng ta trước phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang.

Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh

quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!

Tôi mong rằng các đảng phái và các đoàn thể đều ra sức chuẩn bị cùng nhau thảo luận, để khai cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội trong năm nay. Như vậy thì ngoại viện nhất định cầu được, cứu quốc nhất định thành công.

Lời chào thân ái
Tháng 10 năm 1944

HỒ CHÍ MINH

In trong sách *Văn kiện Đảng,*
(từ 25-1-1939 đến 2-9-1945),
Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963,
tr.446-447.

CHỈ THỊ THÀNH LẬP ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN[30]

1. Tên ĐộI VIệT NAM TUYÊN TRUYềN GIảI PHóNG QUÂN nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới của Đoàn thể, sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực.

Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ dìu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

2. Đối với các đội vũ trang địa phương: đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.

3. Về chiến thuật: vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay Đông mai Tây, lai vô ảnh, khứ vô tung.

Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội đàn em khác.
Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam.

Tháng 12 năm 1944

HỒ CHÍ MINH

In trong sách *Văn kiện Đảng,*
(từ 25-1-1939 đến 2-9-1945),
Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963,
tr. 459-460.

TẶNG CHÁU NÔNG THỊ TRƯNG

Vở này ta tặng cháu yêu ta,
Tỏ chút lòng yêu cháu gọi là.
Mong cháu ra công mà học tập,
Mai sau cháu giúp nước non nhà.

Năm 1944

In trong sách: *Hồ Chí Minh, Thơ,* Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 47.

Theo bài in trong sách *Hồ Chí Minh, Thơ.*

PHÉP DÙNG BINH CỦA ÔNG TÔN TỬ

Việt Minh xuất bản
tháng 2-1945.

In theo sách
Việt Minh xuất bản.

PHÉP DÙNG BINH CỦA ÔNG TÔN TỬ

Ông Tôn Tử là một người quân sự có tiếng nhất ở Trung Quốc. Ông sinh hơn 2.000 năm trước. Ngày nay chẳng những trường học Trung Quốc, mà những trường học quân sự các nước cũng lấy phép này làm gốc và ra sức nghiên cứu. Vì phép ông Tôn Tử tuy đã lâu đời nhưng nguyên tắc đến nay vẫn là rất đúng.

Nguyên tắc của Tôn Tử chẳng những dùng về quân sự đúng, mà dùng về chính trị cũng rất hay. Cách ông Tôn Tử nói rất giản đơn vắn tắt, chữ ít mà nghĩa nhiều. Nếu dịch theo từng câu từng chữ thì khó hiểu lắm. Cho nên đây chỉ dịch theo ý nghĩa. Mong các đồng chí ra sức nghiên cứu cho hiểu rõ nguyên tắc đó, và dùng nó trong công tác chính trị và quân sự của mình. Phép dùng binh Tôn Tử có 13 chương:

1- Kế hoạch.
2- Phép chiến tranh.
3- Đánh bằng mưu.
4- Quân hình.
5- Thế của binh.
6- Chỗ mạnh và chỗ yếu.
7- Quân tranh.
8- Chín dự biến.
9- Phép hành quân.
10- Địa hình.
11- Chín thứ đất.
12- Phép đánh bằng lửa.
13- Dùng trinh thám.

CHƯƠNG I

KẾ HOẠCH

Binh là việc lớn của nước. Phải xét cho rõ chỗ sống chết, đạo mất còn phải kinh qua 5 việc, cân nhắc kế hoạch của ta, xét rõ tình hình ta với địch, năm việc là:
1 - Là đạo, nghĩa là tất cả dân đồng tình với ta, có thể cùng sống chết mà không sợ nguy hiểm.
2 - Là giời, tức là ngày đêm, sáng tối, rét ấm, gió lặng nắng mưa.
3 - Là đất, nghĩa là gần xa, rộng hẹp, hiểm bằng sinh tử.
4 - Là tướng, tướng phải có mưu trí, phải được người ta tin cậy, phải tốt với dân và lính, phải gan góc, phải có thái độ nghiêm trang và kỷ luật tề chỉnh. Tướng phải đủ: trí, tín, nhân, dũng, nghiêm.
5 - Là pháp, nghĩa là cách tổ chức quân đội, quân phí, quân nhu, v.v..
Người làm tướng phải rõ năm điều đó, rõ thì thắng, không rõ thì bại.
Ai được lòng dân, được thiên thời địa lợi, có tướng giỏi, theo đúng phép dùng binh, quân đội mạnh hơn, binh lính luyện tập hơn, thưởng phạt công bình hơn - thì bên ấy thắng. Ngày nay cần có 3 điều nữa:
1- Vàng bạc ai đầy đủ hơn.
2- Sinh sản ai nhiều hơn.
3- Ngoại giao ai thuận lợi hơn, thì thắng.
Người tướng theo kế hoạch ta, dùng nó ta chắc thắng, thì dùng nó. Người tướng không theo kế hoạch ta, dùng nó ta chắc bại, thì chớ dùng nó.

Kế hoạch khéo, lúc thực hành lại cần phải biết tuỳ cơ ứng biến.
Dùng binh là cách lừa gạt địch nhân. Cho nên:
1) Ta hay, mà làm cho địch tưởng không hay.
2) Ta toan dùng binh mà làm cho địch tưởng ta không dùng.
3) Ta muốn đánh nơi xa, mà làm cho địch tưởng ta muốn đánh nơi gần.
4) Ta hy sinh chút lợi nhỏ mà mồi địch.
5) Phá phách nó, quấy rối nó, để thừa dịp mà lấy nó.
6) Địch có chuẩn bị, thì ta ra sức đề phòng.
7) Địch mạnh thì ta tránh nó.
8) Ta làm cho nó giận dữ, để làm rối óc nó.
9) Ta ra bộ nhường nhịn, để làm cho nó kiêu ngạo.
10) Nó thong thả, thì ta quấy rối, làm cho nó mệt nhọc.
11) Ta chia rẽ những người thân thiết với nó.
12) Ta đánh nơi nó không phòng bị, xa nơi nó chú ý.
Đó là phép dùng binh thắng lợi, phải biết tuỳ cơ ứng biến không thể bảo hết.
Chưa đánh mà đã có kế hoạch đầy đủ thì thắng. Kế hoạch không đầy đủ, thì không thắng. Huống gì, không có kế hoạch thì sao khỏi thất bại cho nên xem đó thì đủ biết ai thắng ai bại.
(Cán bộ là tướng của đoàn thể. Cán bộ làm đúng kế hoạch của đoàn thể, có mưu trí, được quần chúng tin yêu kiên quyết, gan góc, giữ đúng kỷ luật, biết làm cho dân chúng cùng đoàn thể sống chết mà không sợ nguy hiểm như thế mới là tướng giỏi của đoàn thể. Như thế thì cách mạng nhất định chóng thành công).

CHƯƠNG II

PHÉP CHIẾN TRANH

(Chương này chủ trương đánh mau, giải quyết mau. Đánh lâu thì hao quân tốn của. Lại chủ trương lấy lương thực và khí giới của địch cho quân ta ăn và dùng. Và chủ trương ưu đãi cùng lợi dụng những người địch ta bắt được).

Hễ dùng binh, thì nghìn chiếc xe ngựa, nghìn chiếc xe bọc da, 10 vạn binh, lương thực chở rất xa, nào tiêu dùng về việc khách khứa, nào tài liệu, nào xe ngựa, phí tổn này khác, ngày hơn nghìn vàng.

Chiến tranh quý thắng lợi chóng. Đánh lâu thì hao binh mỏi sức. Quân đội ở ngoài lâu thì trong nước bị thiếu thốn. Ta hao binh mòn sức, thì các nước chư hầu sẽ nhân dịp nổi lên chống ta. Nếu vậy, thì dù người khôn ngoan mấy cũng không thể cứu vãn được.

Vậy nên, dùng binh chóng là khôn, chưa bao giờ có dùng binh lâu mà khéo, cũng chưa bao giờ có dùng binh lâu mà nước nhà có lợi.

Cho nên ai không biết hết những sự tổn hại trong việc dùng binh, thì không biết hết những sự ích lợi trong việc dùng binh.

Người khéo dùng thì không phải bổ sung binh lính nhiều lần, không phải chở lương thực nhiều bận. Đầu thì dùng của ta, rồi thì lấy của địch mà dùng. Như thế thì quân ta đủ lương thực.

Nếu phải vận tải xa, thì nước sẽ nghèo và dân sẽ khổ.

Nơi gần quân đội thì vật gì cũng đắt đỏ. Đắt đỏ thì dân hoá nghèo ngặt. Dân nghèo nhưng chính phủ phải đánh thuế thêm.

Hao binh tốn của thì 10 nhà dân nghèo hết 7 nhà. Xe ngựa súng ống thì 10 phần hỏng mất 6.

Vậy nên người tướng giỏi cốt lấy lương thực của địch mà dùng. 1 tạ gạo của địch bằng 20 tạ gạo của ta.

Cho nên muốn cho binh lính ta hăng hái giết địch, thì phải làm cho họ tức giận địch. Muốn cho họ ra sức tranh lấy của địch, thì thưởng họ. Thí dụ: bắt được 10 chiếc xe của địch, thì thưởng người bắt được chiếc xe đầu hết. Đem cờ ta cắm lên xe địch phân phối nó lộn với xe ta. Đối tù binh thì đãi họ tử tế cho họ theo vào quân đội ta. Thế gọi là: đánh thắng địch thì ta càng mạnh thêm.

Cho nên dùng binh quý thắng lợi chóng. Không quý kéo dài. Một người tướng biết dùng binh là kẻ giữ gìn sinh mệnh của dân, là người làm chủ sự an nguy của nước.

(Năm lời dặn của ông Tôn Tử:

1- Quản lý đông người cũng phải rành mạch như quản lý ít người.

2- Lúc bình thời cũng phải cẩn thận như lúc có địch.

3- Lúc ra trận thì không nghĩ đến sự sống của mình.

4- Đánh thắng trận rồi cũng phải cẩn thận như khi mới ra trận.

5- Mệnh lệnh thì phải rõ ràng mà lại vắn tắt.

CHƯƠNG III

ĐÁNH BẰNG MƯU

Chương này chủ trương bằng mưu, không dùng đến binh mà thắng được địch nhân.
Và nói sự biết rõ sức ta, biết rõ sức địch là một điều rất quan trọng.
Phép dùng binh, giữ toàn nước địch mà ta thắng lợi là khéo nhất. Phá tan nước địch chỉ là khéo thứ hai. Giữ toàn quân đội địch mà ta thắng, là khéo nhất. Phá tan quân đội địch mà ta thắng, chỉ là khéo thứ hai.
Cho nên đánh hơn trăm trận, không phải là giỏi nhất. Giỏi nhất là không phải đánh mà quân địch phải thua.
Cho nên dùng binh giỏi nhất, là đánh bằng mưu. Thứ hai là đánh bằng ngoại giao. Thứ ba mới là đánh bằng binh. Vây thành mà đánh là kém nhất.
Vây thành thì phải chuẩn bị rất lâu, vây đánh nhiều ngày, hao binh tổn sức, mà có khi không lấy được thành. Đó là một sự tai hại to.
(Như quân Đức vây thành Xtalingrát mà không lấy được mà từ đó bị thất bại đến cùng).
Cho nên khéo dùng binh thì thắng được quân địch mà không phải đánh. Lấy được thành địch mà không phải vây. Huỷ được nước địch mà không phải đánh lâu. Vậy nên không hao tốn binh lính mà thắng lợi hoàn toàn.
Đó là phép đánh bằng mưu.

Cho nên phép dùng binh: lúc đánh thành, sức ta gấp 10 địch, thì vây nó, gấp 5 thì đánh nó. Gấp 2 thì chia hai mặt đánh nó. Lúc đánh nơi khác: sức ngang nhau thì đánh. Ta kém địch thì giữ. Ta kém quá, thì tránh nó. Cho nên, nếu sức ta kém địch mà cứ đánh liều thì chắc thất bại.
Tướng là kẻ giúp nước. Tướng giỏi (đủ cả: trí, tín, nhân, dũng, nghiêm) thì nước mạnh. Tướng xoàng thì nước hèn.
Cho nên do 5 điều mà biết sự thắng lợi:
1- Tướng biết có thể đánh và không thể đánh.
2- Tướng biết cách dùng chủ lực và bộ phận của bộ đội.
3- Trên dưới đồng lòng.
4- Ta luôn luôn chuẩn bị để chờ dịp địch không chuẩn bị.
5- Tướng giỏi mà chúa cho tướng rộng quyền.
Cho nên: biết sức ta, biết sức địch thì trăm trận đều thắng. Biết sức ta, mà không biết sức địch thì 1 thắng 1 bại. Không biết ta, không biết địch thì trận nào cũng thua.

CHƯƠNG IV

QUÂN HÌNH

(Hình trong là lý luận. Hình ngoài là thực hành).
Tướng giỏi, thì trước làm cho địch không thể thắng ta, không thể làm ta nhất định thắng được địch. Cho nên nói rằng: thắng lợi có thể biết được mà không thể làm được. (Vì dịp tốt chưa đến, ta không thể kéo nó đến. Điều kiện chưa muồi, ta không thể bảo nó muồi). Địch không thể thắng ta vì ta biết giữ. Ta có thể thắng địch là vì ta biết đánh. Sức chưa đủ, thì giữ. Sức có thừa, thì đánh. Giữ khéo thì như giấu kín dưới 10 lớp đất. Đánh giỏi thì như hành động trên 9 tầng giời. Cho nên giữ thì chắc, mà đánh thì thắng.
Ta trông thấy sự thắng lợi mà ai cũng trông thấy được, thế chưa phải là tuyệt giỏi. Ta thắng mà ai cũng cho là đáng thắng, thế chưa phải là tuyệt khôn. Vì không cần sức mạnh mới nhấc nổi sợi lông. Không cần mắt tỏ mới trông thấy mặt trời. Không cần tai nhanh mới nghe được tiếng sấm.
Người tướng giỏi thì thắng kẻ địch nó đã sẵn dễ thắng rồi, cho nên thắng mà không có tiếng tăm.
Cho nên thắng là vì không lầm. Kẻ không lầm thì chắc thắng, vì họ thắng kẻ địch nó đã sẵn bại rồi.
Cho nên tướng giỏi thì trước đứng vào địa vị không bại, mà không bỏ qua dịp mà làm cho địch bại.
Cho nên, quân đội thắng lợi là vì họ chắc thắng rồi họ mới ra đánh. Quân đội thất bại thì ra đánh rồi mới cầu thắng.
Người tướng giỏi thì luôn luôn giữ đạo đức, và luôn luôn chuẩn bị. Cho nên họ có thể định sự thắng, bại.

(Đạo đức là: đồng cam đồng khổ, tài chính công khai, huấn luyện khôn khéo, kỷ luật nghiêm minh. Thưởng phạt công bình. Chuẩn bị là: bao giờ binh bị cũng chuẩn bị đầy đủ luôn).
Binh pháp có:
1- Là đo: (Xét địa hình hiểm bằng, gần xa để quyết định cách đánh).
2- Là lưỡng: (Xét mặt trận rộng hẹp dài vắn để phân phối các thứ binh).
3- Đếm: (Do địa thế mà định số binh nhiều hay ít).
4- Là cân: (Do sự đếm mà cân nhắc sức ta và sức địch).
5- Là thắng: (Do 4 điều trên mà đặt kế hoạch để tranh lấy thắng lợi).
Cho nên hình của quân thắng lợi, như lấy 1 tạ mà cân với 1 đồng. Hình quân thất bại, thì như lấy 1 đồng mà cân với 1 tạ.
Sự tiến công của một người tướng giỏi, thì như tháo nước xuống 1 cái thác cao mấy nghìn thước.
Đó là quân hình.

CHƯƠNG V

THẾ CỦA BINH

(Chương này nói: Chiến đấu chỉ có 2 phía. Kỳ binh là bộ đội phụ thuộc, chính binh là bộ đội chủ lực. Phải khéo dùng 2 phía đó, để phát triển tài năng của quân ta).

Chỉ huy đông người, cũng dễ dàng như chỉ huy ít người, đó là do phân số, (phân số là thứ lớp chiến đấu và cách phân phối quân đội. Dễ dàng là vì kế hoạch rõ ràng, chiến thuật giản đơn).

Đánh với đông người cũng như đánh với ít người, là do trống cờ (theo sắc cờ tiếng trống mà tiến thoái).

Có thể khiến 3 quân xông vào trận địch mà không thất bại, là do khéo dùng kỳ binh và chính binh.

Quân ta đến đâu đều như lấy đá chọi vào trứng, là do sức mạnh của ta và sức yếu của địch.

Đem chủ lực mà đánh. Dùng kỳ binh mà thắng.

Cho nên khéo dùng kỳ binh, thì vô cùng như giời đất, không hết như sông ngòi, sau rồi lại trước như mặt giời mặt giăng, tử rồi lại sinh như xuân hạ thu đông.

Tiếng chỉ có 5 thứ, khéo biến hoá thì nghe không biết mấy mươi thứ. Sắc chỉ có 5 mầu, khéo biến hoá thành không biết mấy mươi mầu. Mùi chỉ có năm giống, khéo biến hoá thì nên không biết mấy mươi vị.

Thế binh chỉ có *Chính* (là trực tiếp) và *Kỳ* (là gián tiếp). Khéo biến hoá thì vô cùng. Kỳ sinh chính, chính lại sinh kỳ, như tuần hoàn không có chỗ hở, ai mà làm cho nó cùng được.

Nước chảy mạnh thì đá cũng trôi, đó là vì đúng *Thế*. Chim diều chim cắt cổ mau, mà làm gẫy cổ gà cổ thỏ, là vì mổ đúng *Tiết*. Cho nên người tướng giỏi thì cái thế hiểm, cái tiết nhanh.

Thế, thì như cung dương. Tiết, thì như nẩy cò.

Đánh lung tung mà không rối loạn. Xoay tròn chong chóng mà không hở han.

Trị mà hững hờ thi sinh loạn. Gan mà hững hờ thì sinh nhát. Mạnh mà hững hờ thì sinh yếu. Trị và loạn là sinh ra bởi phân số. Gan và nhát là sinh ra bởi Thế. Mạnh và yếu là do địa hình và quân hình.

Cho nên kẻ khéo mồi địch, thì họ tỏ hình gì địch cũng theo. Họ cho gì địch cũng lấy. Họ lấy lợi để mồi địch. Họ đem binh để chờ địch.

Cho nên tướng giỏi thì biết chọn người mà giữ Thế. Vì vậy nên họ chọn được Thế tốt.

Được Thế tốt, thì đánh với địch như xoay gỗ với đá. Gỗ với đá khi yên thì nó tĩnh, khi nguy thì nó động. Vuông thì nằm, tròn thì nó lăn.

Cho nên lúc đánh địch, thì Thế như lăn đá tròn xuống dốc núi cao mấy nghìn thước. Đó là *binh Thế*.

CHƯƠNG VI

CHỖ MẠNH VÀ CHỖ YẾU

Lúc chiến đấu, quý đứng vào địa vị chủ động đánh vào chỗ yếu và tránh chỗ mạnh của địch, thì thắng.

Ta đến trước mà chờ địch thì khoẻ. Đến sau mà ra đánh, thì mệt. Cho nên tướng giỏi thì kéo địch đến chứ không để địch kéo ta đến.

Có thể kéo địch đến, là vì ta lấy lợi mồi nó. Có thể khiến cho địch không đến, là vì ta lấy hại doạ nó. Cho nên, địch khoẻ mà ta có thể làm cho nó mệt. Địch no, mà ta có thể làm cho nó đói. Địch yên mà ta có thể làm cho nó động.

Ta đón nơi địch chắc đi qua. Ta đi qua nơi địch không để ý. Ta đi nghìn dặm mà không mệt, là vì đi nơi không có người.

Cho nên đánh mà chắc lấy được, vì ta đánh chỗ địch không giữ. Giữ mà giữ được bền, là vì ta giữ nơi địch không đánh.

Cho nên ta khéo đánh, thì địch không biết đâu mà giữ. Ta khéo giữ thì địch không biết đâu mà đánh.

Ta phải khôn khéo đến nỗi không hơi không tăm. Cho nên ta có thể cầm mạng địch trong tay ta.

Ta tiến mà địch không chống nổi, vì ta xông vào chỗ yếu của nó. Ta thoái mà địch không theo kịp là vì ta đi nhanh.

Cho nên lúc ta muốn đánh, thì tuy địch giữ trong thành cao hào sâu, nó cũng phải ra đánh, vì ta đánh vào chỗ nó cần phải cứu. Khi ta không muốn đánh, thì dù ta vạch đất mà giữ, địch cũng không có thể đánh, vì nó không biết ta ở đâu.

Cho nên, ta rõ địch mà địch không rõ ta, thì ta chuyên nhất mà địch phân tán. Ta chuyên 1 chỗ, mà địch phân 10 nơi, thế là ta 10 đánh lại địch 1, thế là ta nhiều đánh lại địch ít. Ta nhiều địch ít, thì ta chắc thắng địch chắc thua.

Ta muốn đánh nơi nào, địch không biết: không biết thì phải phòng bị nhiều nơi. Nó phòng bị nhiều nơi, thì ta có thể đánh vào nơi nó yếu nhất.

Cho nên phòng bị phía trước thì phía sau ít. Phòng bị phía sau, thì phía trước ít. Phòng bị phía tả, thì phía hữu ít. Phòng bị phía hữu, thì phía tả ít. Nơi nào cũng phòng bị thì nơi nào cũng ít.

Địch ít là vì nó phải phòng bị ta.

Ta đông là vì ta làm cho địch phải phòng bị.

Cho nên, ta biết rõ chỗ ta đánh và ngày ta đánh, thì dù xa nghìn dặm, ta cũng có thể đánh thắng. Không biết chỗ đánh, không biết ngày đánh, thì tả không cứu được hữu, hữu không cứu được tả, sau không cứu được trước, trước không cứu được sau. Huống gì xa thì mươi dặm, gần thì vài dặm, cứu làm sao được.

Cho nên, nghiên cứu tình hình địch mà biết kế hoạch ta đúng hay không. Thử địch mà biết cái lý động hay tĩnh. Xét rõ địa thế mà biết chỗ tử hay sinh. Xung đột nhỏ mà thử sức địch thừa hay thiếu.

Cho nên *binh hình* khéo tột bực, đến nỗi không có hình. Không có hình tích, thì mật thám giỏi cũng dò không ra, địch nhân giỏi cũng mưu không được. Do hình mà ta đem quân đến chỗ thắng, mà quân ta không biết. Ai cũng biết cái hình ta thắng, song không ai biết cái hình vì đó mà làm nên thắng. Cho nên: cách chiến thắng không nên dùng đi dùng lại 2, 3 lần. Song nhân địch mà biến hoá thì vô cùng.

Hình của binh cũng như hình của nước. Nước bỏ chỗ cao mà chảy vào chỗ thấp. Binh tránh chỗ mạnh mà đánh vào chỗ

hèn. Nước tuỳ hình đất mà chảy. Binh tuỳ thế địch mà thắng.
Cho nên binh không có thế nhất định, cũng như nước không có hình nhất định.
Biết nhân thế địch, biến hoá để tranh lấy thắng lợi, gọi là thần.
Cho nên, kim mộc thuỷ hoả thổ, sinh nhau lại khắc nhau. Xuân hạ thu đông thì luôn luôn thay đổi. Ngày có khi dài khi vắn. Tháng có tháng tử tháng sinh. Cách chiến đấu cũng biến hoá vô cùng như vậy.

CHƯƠNG VII

QUÂN TRANH

Tướng vâng mệnh chúa, tập hợp quân đội, cùng địch đối diện mà ở, không gì khó bằng quân tranh.
Khó tại nơi biết lấy đường quanh làm đường thẳng, biết đổi sự khó khăn thành sự ích lợi.
Cho nên, ta đi đường quanh, lấy lợi mồi địch. Ta đi sau, mà đi đến trước. Thế là biết cách quanh và thẳng. Cho nên, quân tranh có lợi, mà cũng có nguy.
Nguy là kéo cả quân mà tranh lợi, thì không kịp. Bỏ quân mà tranh lợi, thì mất của cải. (Trì trọng).
Nếu đi suốt ngày đêm không nghỉ, để đến ngoài trăm dặm mà tranh lợi, thì nhiều tướng sĩ sẽ bị địch cầm tù; kẻ mạnh đi trước, người yếu đi sau, thì 10 phần chỉ một phần đến. Đi 50 dặm để tranh lợi, thì người thượng tướng sẽ bị và chỉ nửa số binh đi đến. Đi 10 dặm mà tranh lợi, thì 3 phần binh, chỉ 2 phần đi đến.
Vậy nên quân đội không có vận tải thì chết. Không có lương thực thì chết. Không có tích trữ thì chết.
Lợi là: tướng giỏi phải lựa dịp mà làm.
Chưa biết mưu mô của các nước, thì không thể ngoại giao. Không biết rõ hình thế rừng núi sông ngòi thì không thể hành quân. Không có người đưa đường thì không được địa lợi.
Cho nên, việc binh cốt dùng mưu mẹo dối trá làm gốc. Lấy lợi mà động. Lấy phân hợp làm biến hoá.

Cho nên khi mau thì như gió, lúc chậm thì như núi rừng. Khi đánh thì như lửa. Khi đứng thì vững như núi đá. Biến hoá thì như ngày đêm. Khi động thì như sấm sét.
Biết rõ cái kế quanh thẳng, thì thắng. Đó là phép quân tranh.
Nói không nghe khắp nên phải dùng kèn trống. Trông không thấy khắp nên phải dùng cờ hiệu. Kèn trống và cờ hiệu là để thống nhất sự nghe thấy của mọi người.
Cho nên đánh ban đêm thì dùng nhiều lửa và trống, đánh ban ngày thì dùng nhiều cờ hiệu để làm rối loạn tai mắt của địch.
Cho nên có thể làm dụt chí khí của quân đội và làm ngã lòng của tướng lĩnh bên địch.
Cho nên, buổi sáng thì khí sắc sảo, lúc trưa thì khí mệt nhọc, ban chiều thì khí buồn rầu. Người khéo dùng binh thì tránh khí sắc sảo của địch, mà đánh vào khí mệt nhọc và khí buồn rầu của nó. Đó là phép *trị khí*.
Ta giữ trật tự, để chờ địch rối loạn. Ta trấn tĩnh, để chờ địch xôn xao. Đó là phép *trị tâm*.
Ta ở gần chờ địch ở xa tới. Ta khoẻ để chờ địch mệt nhọc. Ta ăn no, chờ địch đói khát. Đó là phép *trị lực*.
Chớ xem khinh ngọn cờ chỉnh tề của địch. Chớ xông mặt trận đường hoàng của địch. Đó là phép *trị biến*.
Cho nên phép dùng binh, địch đóng trên đồi cao, thì ta chớ gượng trèo. Địch trở lưng cho cồn gò, thì ta chớ gượng chắn. Địch giả đò thoái, ta chớ đuổi theo. Địch đương sức hăng, ta chớ vội đánh. Địch kéo quân về nước nó, ta chớ đón lại. Khi vây quân địch, ta nên để hở 1 phía. Khi địch cùng đường ta chớ đuổi riết nó. Đó là phép quân tranh.

CHƯƠNG VIII

CHÍN SỰ BIẾN

1. Chớ đóng dinh ở nơi dơ bẩn và nơi khó đi lại.
2. Chớ đánh trận trong nước trung lập.
3. Chớ dừng lại nơi tuyệt địa (là nơi khó nước, khó lương thực, khó giao thông).
4. Chỗ bị vây thì phải dùng mưu tránh thoát.
5. Chỗ tử địa thì phải liều đánh.
6. Đường không nên đi thì chớ đi đường đó.
7. Quân đội địch có khi không nên đánh, thì chớ đánh.
8. Thành có khi không nên vây. Đất có khi không nên tranh.
9. Mệnh lệnh của chúa có khi không nên theo. Tướng mà biết 9 điều biến hoá đó, tức là biết dùng binh. Nếu không biết sự ích lợi của 9 điều biến hoá đó, thì tuy biết địa hình cũng không dùng được địa lợi, tuy biết địa lợi cũng không biết khéo dùng binh.

Cho nên người tướng khôn khéo phải xét phía lợi và phía hại trong một việc. Biết nắm chặt phía lợi trong sự hại, thì hoàn thành được nhiệm vụ. Biết tránh khỏi phần hại trong sự lợi, thì khỏi gặp sự khó khăn.
Cho nên lấy sự hại mà buộc người phải phục ta. Lấy sự lợi mà buộc người phải theo ta.
Cho nên phép dùng binh: chớ chắc rằng địch không đến, nhưng chắc nơi ta có cách đề phòng nó. Chớ chắc nơi địch không đánh ta, nhưng chắc nơi ta làm cho nó không thể đánh.

Cho nên có 5 điều nguy hiểm cho người làm tướng:
1- Liều, thì hay chết.
2- Nhát, thì hay bị địch bắt.
3- Tính nóng, thì hay bị địch lừa.
4- Quá liêm, thì có khi bị địch làm nhục.
5- Quá yêu dân, có khi bị phiền.
Nếu không cẩn thận, thì 5 điều đó có thể làm hư người tướng và làm hỏng việc dùng binh.

CHƯƠNG IX

PHÉP HÀNH QUÂN

Đi đường núi thì nên đi theo khe nước.
Chỗ núi mà giao thông dễ, thì chiếm nơi cao mà dàn trận.
Địch ở nơi cao thì chớ trèo mà đánh nó.
Đó là phép hành quân miền núi.
Qua sông thì qua cho mau.
Địch qua sông, ta chờ nó qua nửa sông rồi sẽ đánh nó.
Chớ dàn trận trên bờ sông.
Gần sông thì phải tìm chỗ cao và giao thông dễ mà dàn trận.
Qua sông chớ đi ngược dòng sông.
Đó là phép hành quân miền nước.
Qua đầm phải đi qua mau.
Nếu cần phải đánh với địch ở vùng đầm, thì dựa chỗ có nước có cỏ, mà trở lưng cho cây cối.
Đó là phép hành quân ở vùng đầm.
ở đất bằng, thì phía hữu nên dựa vào đồi, phía trước thì khống chế các tử địa (chỗ hiểm, có sông nước, núi dốc, địch khó tiến lên), phía sau có sinh địa là chỗ dễ vận động, dễ thoái.
Đó là phép hành quân vùng đất bằng.
Khéo dùng 4 địa lợi đó thì thắng.
Quân đội ưa chỗ cao, mà ghét chỗ thấp. Quý chỗ sáng mà

ghét chỗ tối. Ăn no ở tốt, binh lính mạnh khoẻ, thế thì chắc thắng.
Nơi cồn gò đê đồi, thì đóng dinh về phía đông nam (mùa đông thì ấm, mùa hạ thì mát).
Thế là địa thế giúp ích cho quân đội.
Trên nguồn có mưa, nước chảy xoáy xuống, phải chờ nước đứng, ta sẽ lội qua suối.
Đất có mấy thứ:
1- Dốc đứng.
2- Lòng chảo (thung lũng).
3- Ngục giời (rừng núi bao bọc, dễ vào khó ra như cái nhà ngục).
4- Lưới giời (gai gốc mịt mù, khó đi lại, như một cái lưới).
5- Bẫy giời (bùn lầy, ướt át, khó đi lại, như giời đặt bẫy).
6- Hang giời (đường lối chật hẹp, hố sâu hang nhiều).
Những chỗ như thế, thì ta nên tránh. Gần xung quanh quân đội ta, nếu có chỗ hiểm trở, ao giếng, lau lách, rừng núi, thì ta phải lùng xét rất cẩn thận. Đó là những nơi bọn gian hay nấp.
32 cách xét sự động tĩnh của địch:
1- Gần ta mà địch lặng lẽ, là nó cậy có chỗ hiểm.
2- Xa ta mà địch đến khiêu chiến, là nó muốn mồi ta tiến lên.
3- Địch cố ý ở chỗ dễ bị ta đánh, là nó muốn lừa ta.
4- Nhiều cây cối lay động, là địch đi đến.
5- Nhiều cỏ lá phất phơ, là địch làm nghi binh.
6- Chim bay lên, là địch đặt phục binh.
7- Nhiều con thú sợ chạy, là địch mò vào.
8- Đất bụi bay cao và nhọn là xe địch đến.
9- Bay thấp mà rộng là binh địch.
10- Bay rời rạc từng lối là địch đi lấy củi.
11- Bay ít mà khi qua khi lại, là địch đóng dinh.
12- Địch đối với ta ngọt ngào, mà đồng thời nó thêm chuẩn bị, là nó muốn tiến.

13- Nó đối với ta hung hăng và làm bộ tiến tới, là nó sắp lui.
14- Khi không mà nó xin hoà, là nó dùng mưu.
15- Xe hạng nhẹ của địch chạy trước ra 2 bên là nó sắp dàn trận.
16- Xe vừa chạy, vừa thúc quân, là địch chực xông đánh ta.
17- Địch nửa tiến, nửa thoái là nó mồi ta.
18- Quân địch chống gậy mà đứng, là nó đói.
19- Đi lấy nước mà thò đầu uống trước, là nó khát.
20- Thấy lợi mà không biết tiến đến, là nó mệt.
21- Chỗ nhiều chim đậu, là không có địch.
22- Đi đêm mà hò hét, là chúng nó sợ.
23- Binh lính xôn xao, là tướng không nghiêm.
24- Cờ xí lộn xộn, là trật tự loạn.
25- Tướng lĩnh giận dữ, là nó mệt nhọc.
26- Giết ngựa mà ăn, là địch hết lương.
27- Nồi chảo không đem vào nhà, là địch cùng túng.
28- Tướng nói ngon ngọt với binh, là binh không phục tướng.
29- Hay thưởng quá, là tướng đã lận quận.
30- Hay phạt quá, là tướng đã khốn đốn.
31- Trước hung tợn mà sau lại sợ quân lính mình, là tướng khờ dại.
32- Địch uý lạo hoặc cảm ơn ta, là nó muốn nghỉ đánh.
Địch khiêu chiến, song mãi không đánh tới, mà cũng không kéo lui, gặp lúc như thế, ta phải xét cẩn thận.
Cho nên binh không cần nhiều lắm nếu biết hợp sức đồng lòng và xét rõ tình hình của địch, thì cũng thắng được. Nếu không xem xét kỹ và khinh địch thì binh nhiều cũng thất bại.
Binh chưa thân thiết theo mình, mà phạt họ thì họ không

phục. Họ không phục thì khó dùng.
Binh đã thân thiết theo mình, mà phạt họ không sợ, thì không thể dùng.
Cho nên, lấy lòng thân ái làm cho họ mến, lấy kỷ luật nghiêm làm cho họ phục, thì chắc dùng được.
Mệnh lệnh thi hành hẳn hoi để dạy chúng, thì chúng phục.
Mệnh lệnh thi hành không hẳn hoi, thì chúng không phục.
Mệnh lệnh thi hành hẳn hoi là vì được lòng chúng.

CHƯƠNG X

ĐỊA HÌNH

Địa hình có 6 thứ: 1 là thông, 2 là quải, 3 là chi, 4 là ải, 5 là hiểm, 6 là xa.
1- Ta có thể qua, địch có thể lại, gọi là thông. Gặp chỗ như thế, ta trước chiếm chỗ cao, mở đường lương thực, để mà đánh, thì thắng.
2- Đi qua dễ, trở lại khó, gọi là quải. Gặp chỗ như thế, nếu địch không chuẩn bị, thì ta đánh, nếu địch có chuẩn bị thì ta chớ đánh. (Vì tiến đánh thì dễ, mà thoái lui thì khó).
3- Ta ra không lợi. Địch ra cũng không lợi, gọi là chi, gặp chỗ như thế, dù địch mồi ta, ta cũng chớ đánh. Ta phải mồi địch ra nửa chừng mà đánh thì mới lợi cho ta.
4- Nếu ta tới trước chỗ ải, thì giữ các nẻo đường mà chờ địch. Nếu địch tới trước ải mà giữ các nẻo đường, thì ta chớ đánh. Nếu địch không giữ các nẻo đường, thì ta đánh.
5- ở đất hiểm, ta tới trước, thì giữ chỗ cao mà chờ địch. Nếu địch đến trước, thì ta kéo đi, chớ đánh.
6- Đất xa, là địch với ta cách nhau xa, đánh thì không lợi.
Người làm tướng phải xét rõ 6 địa hình đó.
Cho nên có 6 sự bại hoại có thể xảy ra ở trong quân đội: 1 là chạy, 2 là không phục tùng, 3 là rã rời, 4 là tan nát, 5 là rối loạn, 6 là thất bại.
1- Lực lượng ngang nhau, binh khí 1 phần đánh lại 10 phần địch, (chắc là thua chạy) gọi là chạy.

2- Binh mạnh quan yếu, binh không phục tùng mệnh lệnh quan.
3- Quan mạnh binh yếu, không có sức đánh gọi là rã rời.
4- Quan binh hờn giận vì tướng không biết tài năng mình, gặp địch họ cứ đánh liều mà thua. Thế gọi là tan nát.
5- Tướng nhút nhát, không nghiêm trang, dạy dỗ không khéo, thay quan đổi lính luôn luôn, dàn binh lộn xộn, gọi là loạn.
6- Đem binh ít, đánh địch nhiều, đem sức yếu đánh địch mạnh, không biết lựa chọn bộ đội đến nỗi thất bại.
Bị một trong sáu điều đó, nhất định thất bại.
Người làm tướng phải hết sức chú ý.
(Ông Ngô Tử nói: trong nước không hoà thuận, thì không thể phái quân đội. Trong quân đội không hoà thuận, thì không thể ra trận. Trong trận không hòa thuận, thì không thể thắng lợi).
Địa hình là để giúp cho binh, cho nên trách nhiệm của tướng là:
1- Xem xét địa hình hiểm hay bằng, gần hay xa, để cân nhắc sức địch, mà làm cho ta thắng.
Biết rõ điều đó mà đánh, thì thắng. Không biết rõ mà đánh, thì thua.
Người làm tướng cốt làm trọn trách nhiệm của mình. Cho nên khi tiến cũng không cầu danh, khi thoái cũng không tránh tội. Chỉ cốt lợi dân lợi nước. Thế là một người tướng tốt của nước nhà.
2- Mến binh ta như con trẻ, cho nên có thể cùng họ xông pha nguy hiểm. Thương binh lính ta như con yêu, cho nên khiến họ cùng tử sinh.
ở tốt với binh, mà không biết sai khiến họ, yêu họ mà không biết mệnh lệnh họ, họ lôi thôi mà không biết ngăn cản họ, thì hoá ra như con mất dạy. Vậy thì không thể dùng họ.
3- Biết binh ta có thể đánh, nhưng không biết địch có thể đánh hay không. Thế thì chỉ biết thắng có một nửa, biết địch có thể đánh nhưng không biết binh ta có thể đánh hay không, thế thì chỉ biết thắng một nửa. Biết có thể đánh được

địch nhưng không rõ địa hình có thể đánh hay không, thế cũng chỉ biết thắng một nửa.
4- Cho nên biết dùng binh, thì động mà không rối, tĩnh mà không cùng.
Cho nên nói rằng: biết ta biết người, thắng chắc phần mười. Biết giời biết đất, thắng lợi nắm chắc.
(Biết sức ta, biết sức địch, là phải biết dùng thiên thời địa lợi, thì mới thắng.
Ông Khổng Minh nói: *trước nhất cốt lấy lòng dân, thứ hai mới cốt lấy thành trì của địch).*

CHƯƠNG XI

CHÍN THỨ ĐẤT

Trong phép dùng binh có 9 thứ đất: tán địa, khinh địa, tranh địa, giao địa, cù địa, trọng địa, kỷ địa, vi địa, tử địa.

1- Các chư hầu tự đánh nhau trong nước mình gọi là *tán địa.* (Vì lòng binh lính tản mạn, không chuyên nhất).

Tán địa thì chớ đánh. (Trước phải làm cho quân ta chí khí chuyên nhất).

2- Quân ta vào đất người, nhưng chưa vào sâu gọi là *khinh địa.* (Vì quân ta giác ngộ chưa sâu).

Khinh địa thì chớ dừng lại. (Phải làm cho quân ta giác ngộ sâu hơn).

3- Ta lấy được chỗ đó thì ta lợi. Địch lấy được chỗ đó thì địch lợi, gọi là *tranh địa.* (Như những nơi trọng yếu, bên nào cũng muốn tranh lấy).

Tranh địa thì chớ đánh. Ta phải bao vây phía sau.

4- Ta có thể qua, địch có thể lại, gọi là *giao địa.* (Vì giao thông dễ dàng).

Giao địa thì chớ tuyệt. Ta phải giữ cẩn thận.

5- Đất trung lập, giáp giới nhiều nước. Ai đến trước thì được dân thiên hạ, gọi là *cù địa.*

Cù địa thì ta ngoại giao cho khéo.

6- Vào sâu đất người, xung quanh nhiều thành thị làng mạc, gọi là *trọng địa.*

Trọng địa thì mau tranh lấy lương thực.

7- Chỗ nhiều rừng núi đầm ao hiểm trở, gọi là *kỷ địa.* Gặp kỷ địa thì kéo đi mau.

8- Đường vào thì hẹp, đi quanh co mới đến. Địch ít người cũng có thể đánh ta người đông, gọi là *vi địa.* (Rừng núi bao vây, tiến thoái đều khó).

Vi địa thì phải dùng mưu. Chắn giữ những nẻo đường ra vào.

9- Chỗ đó nếu đánh mau thì sống, không đánh mau thì chết, gọi là *tử địa.*

Gặp tử địa thì phải kiên quyết đánh.

Cho nên người tướng giỏi phải khiến cho địch phía trước, phía sau không giúp được nhau, chỗ đông chỗ ít, không cứu được nhau, kẻ trên kẻ dưới không ưa nhau, quan lính không ưa nhau, lính tráng không cùng nhau đồng tâm hiệp lực.

Lợi cho ta thì ta động. Không lợi cho ta thì ta tĩnh.

Nếu quân địch một cách chỉnh tề kéo đến, thì ta nên tạm tránh chủ lực của nó. Ta nên trước - cướp lấy những chỗ rất cần cho nó, (như những nơi nó để kho tàng, những đường giao thông của nó...) thì nó phải thoái.

Việc binh quý mau chóng. Ta đi theo con đường địch không ngờ, đánh vào chỗ địch không phòng bị.

Quân ta vào sâu đất người, thì lòng họ chuyên nhất. Ta lấy lương thực ở nước địch, quân đội ta ăn no.

Ta cẩn thận nuôi dưỡng họ chớ bắt họ lao khổ quá để nâng cao khí lực của họ. Ta đặt kế hoạch khôn khéo, thình lình đánh vào quân địch. Thế thì quân đội ta ai cũng không sợ chết, ai cũng hết sức đánh.

Hễ quân lính đã đến chỗ xung quanh đều địch nhân, thì lòng họ kiên cố. Vào sâu đất địch, tinh thần họ bị ràng buộc, thì họ nhất trí ra sức đánh.

Cho nên quân ta không chờ khuyên răn, mà họ tự giữ. Không chờ dặn dò mà họ tự nghe. Không chờ dạy bảo mà họ tự thân thiết với nhau. Không chờ mệnh lệnh mà họ tự tin.

Ta phải cấm sự mê tín, và đề phòng sự tuyên truyền của địch. Thế thì dù chết quân ta cũng không muốn thoái.

Quân ta không ham thừa tiền, không phải vì họ ghét của. Họ không sợ chết, không phải vì họ ghét sống lâu. (Nhưng vì không bị sự ham muốn vật chất bó buộc, thì chí khí càng kiên quyết). Khi có lệnh ra đánh thì những người đương bị bệnh, cũng hăng hái khóc lóc muốn theo ra trận.

Cho nên dùng binh khéo thì như con rắn: "thốt nhiên". Thốt nhiên là một thứ rắn ở Thường Sơn. Đánh đầu nó thì đuôi nó cứu, đánh đuôi nó thì đầu nó cứu. Đánh lưng nó thì đầu đuôi nó đều cứu.

Thử hỏi, có thể khiến cho quân đội như con rắn thốt nhiên không? Có thể lắm. Người nước Ngô và người nước Việt xưa nay vẫn không ưa nhau. Nhưng họ đi chung một chiếc thuyền gặp cơn sóng gió thì họ cũng hết lòng cứu nhau, như tay phải cứu tay trái.

Bởi vậy cần phải làm cho người yếu cũng nhất trí với người mạnh. Phải lợi dụng địa thế đất cứng cũng như địa thế đất mềm. (Cứng mềm là gần xa, rộng hẹp, hiểm bằng, sinh tử).

Người làm tướng phải yên tĩnh không để ai dò được mình. Phải nghiêm chính, lo xa và làm việc có hệ thống.

Phải bưng bít tai mắt binh lính, không cho họ biết kế hoạch của mình. (Phải rất bí mật).

Phải thường thay đổi cách làm việc, thay đổi cách dùng mưu, làm cho người ta không dò đoán.

Phải thường đổi chỗ ở, đổi đường đi, làm cho người ta không biết được.

Đem quân ra trận, như trèo lên tường cao rồi cất cầu thang. Đem quân vào đất địch, thì như nẩy cò súng, (nghĩa là kiên quyết tiến tới, không nghĩ đến giở về). Như lùa bầy dê, đem đi thì đi, đem lại thì lại, họ không biết là đi đâu.

Đem quân đến chỗ nguy hiểm là việc của tướng. Vậy nên tướng cần phải hiểu rõ chín sự biến đổi của địa thế, phải hiểu rõ lúc nào nên tiến, lúc nào nên thoái. Phải hiểu rõ tâm lý của người. Quân đội ta vào đất người vào cạn thì lòng họ rời rạc, vào sâu thì lòng họ nhất trí. Cho nên lúc bị vây thì họ ra sức chống cự, bất đắc dĩ thì họ ra sức đánh, bị bức thì họ liều.

Quân đội giỏi, đánh nước lớn thì quân địch không tập trung được; ra oai với địch, thì bầu bạn nó không nhóm họp được. Cho nên ta lấy được thành và huỷ được nước địch.

Thăng thưởng rất rộng rãi, mệnh lệnh rất nghiêm ngặt, chỉ huy ba quân cũng như sai khiến 1 người.

Bảo họ làm việc, chớ nói nhiều lời.

Cho họ biết lợi, chớ nói đến hại.

Ném vào chỗ mất, thì họ mới còn.

Hãm vào chỗ chết, thì họ mới sống.

Đẩy vào chỗ hại, họ mới làm nên thắng lợi.

Cho nên trong việc dùng binh, ta giả đò theo ý của địch, nhưng ta ra sức theo một phương hướng, thì ta có thể nghìn dặm phá địch.

Thế thì gọi là khéo làm thì thành công.

Vậy nên khi đã định dùng binh, thì phong toả các lối giao thông, huỷ các giấy thông hành, không qua lại với địch nữa, ta tự sửa soạn công việc.

Địch mở hé cửa ải, thì ta lập tức xông vào. Trước ta tranh lấy những nơi quan trọng của địch, (như cửa bể, thành trì, ...), một mặt thì ta luôn luôn dự bị cùng địch quyết chiến.

Cho nên ban đầu thì lặng lẽ như người con gái tơ. Khi địch mở cửa thì ta nhanh chóng như thỏ rừng, địch không trở tay kịp.

CHƯƠNG XII

PHÉP ĐÁNH BẰNG LỬA

Đánh bằng lửa có 5 cách:
1- Đốt người.
2- Đốt nơi địch để đồ đạc.
3- Đốt vận tải của địch.
4- Đốt kho tàng của địch.
5- Đốt dinh trại của địch.
Dùng lửa phải theo thiên thời và địa lý.
Đốt lửa phải có máy móc và tài liệu.
Nhen lửa phải xem thì giờ và ngày tháng.
Thì giờ là lúc khô ráo. Ngày, tháng là theo ngôi sao Kỵ ở phía đông nam, sao Bích ở phía đông bắc, sao Dực, sao Chẩn ở tây nam. (Bốn ngôi sao ấy chỉ rõ ngày nào gió thổi phương hướng nào).
Phải theo 5 thứ hoả công biến hoá mà tiếp ứng:
1- Lửa cháy phía trong, thì ngoài phải tiếp ứng mau.
2- Lửa cháy mà quân địch vẫn lặng lẽ, thì ta phải chờ, chớ đánh vội.
3- Lửa cháy rất mạnh, ta xét có thể đánh thì đánh, không thể đánh thì chớ đánh.

4- Nếu có thể đốt dinh trại phía ngoài của địch thì đốt, không cần chờ có nội ứng.
5- Lửa cháy trên gió, ta chớ tiến đánh dưới gió.
Ban ngày gió lâu. Ban đêm gió chóng.
Quân đội phải biết cách biến hoá của 5 thứ lửa mà giữ gìn. Cho nên lấy lửa mà đánh thì sáng, lấy nước mà đánh thì mạnh.
Nếu đánh được trận mà không mau mau thu lấy kết quả, thì không tốt. Vì hao phí sức người, sức của hư không. Cho nên người làm tướng phải tính trước.
Không có lợi thì ta chớ động. Không chắc thắng, thì chớ dùng binh, không đến nguy cơ, thì chớ chiến tranh.
Chúa không nên vì giận mà động viên. Tướng không nên vì căm khai chiến. Lợi cho nước thì ta hành động. Không lợi cho nước thì thôi. Giận có khi lại vui. Căm có khi lại hoà, nhưng nước mất thì không lại còn, người chết thì không lại sống. Cho nên chúa và tướng phải hết sức cẩn thận.
Đó là cách yên nước nhà và toàn quân đội.

CHƯƠNG XIII

DÙNG TRINH THÁM

Đem binh mười muôn, đi đánh nghìn dặm, hao sức dân, tốn của nước, mỗi ngày mất nghìn vàng. Trong ngoài rộn rịp, ăn gió nằm mưa, 70 vạn gia đình mất công ăn việc làm. Giữ nhau mấy năm để tranh thắng lợi trong một ngày. Nếu vì tiếc tiền mà không biết rõ tình hình của địch, thì khờ lắm. Nếu vậy thì không đáng làm tướng, không biết dùng binh, không bao giờ thắng.

Cho nên chúa hiền tướng giỏi, đánh thì thắng lợi, thành công hơn người, là vì *biết trước.*

Muốn biết trước không phải nhờ quỷ thần, không phải do bói toán. Muốn biết thì phải có người đi do thám cho rõ tình hình của địch. Cho nên có 5 cách dùng trinh thám:

1- *Hương thám* là dùng người làng làm trinh thám. (Cũng có thể xét lời chuyện trò và cách cử động của dân trong làng mà suy đoán tình hình của địch).

2- *Nội gián* là mua chuộc quan lính của địch làm trinh thám cho ta.

3- *Phản gián* là lợi dụng bọn trinh thám của địch.

4- *Tử gián* là ta giả làm lộ kế hoạch, khiến cho thấu đến tai địch.

5- *Sinh gián* là những người trinh thám thường của ta.

Cho nên, trong quân đội, không ai thân bằng trinh thám, không ai được thưởng nhiều bằng trinh thám, không việc gì bí mật bằng trinh thám.

Không khôn khéo thì không dùng được trinh thám, không nhân nghĩa thì không khiến được trinh thám. Không tinh anh thì không hiểu được sự thực của trinh thám.

Việc gì cũng cần có trinh thám. (Nếu không có trinh thám thì không hiểu rõ tình hình).

Việc trinh thám chưa bắt đầu làm, mà đã lộ tiếng ra, thì người trinh thám và người nó nói với đều đáng tội chết.

(Vì làm lộ bí mật).

Ta muốn đánh quân đội nào, muốn vây thành nào, muốn giết tướng nào của địch, thì trước phải biết rõ ai là người tướng địch, những kẻ thân cận nó là ai, những người thường đi lại gặp nó là ai, những người canh cửa, người hầu hạ, người hộ vệ nó là ai, tính nết thế nào? Trách nhiệm của bọn trinh sát ta, là phải dò biết cho rõ.

Xét hỏi bọn trinh thám của địch nó tới do thám ta. Lấy lợi mà dỗ nó. Tìm cách mà dùng nó. Như vậy mới có *phản gián.*

Do đó mà biết tin tức, cho nên sai khiến được hương gián và nội gián. Do nó mà biết, cho nên tử gián làm việc giả có thể thấu đến tai địch. Do nó mà biết, cho nên sinh gián có thể làm việc theo kỳ hạn.

Công việc các hạng trinh thám đều nhờ *phản gián* mà biết rõ. Cho nên ta phải đối đãi với bọn phản gián một cách rất rộng rãi.

Đời xưa, nhà Ân thắng lợi, là vì có ông Y Doãn ở bên nhà Hạ, nhà Chu thắng lợi là vì có ông Lữ Vọng ở bên nhà Ân.

Cho nên chúa hiền tướng giỏi biết dùng những người khôn khéo nhất đi làm trinh thám, mà thành công to. Đó là việc cốt yếu cho việc dùng binh quân đội nhờ đó mà hành động. (Nay các nước có 2 hạng trinh thám: một là trinh thám *chiến lược,* ngày thường do thám quân sự và chính trị nước ngoài, hoặc cổ động nhân dân các nước đó phản đối chính sách của

chính phủ họ. Hai là trinh thám *chiến thuật,* ngày thường thì do thám binh bị của nước ngoài, lúc chiến tranh thì làm việc phá hoại).
Kết luận vắn tắt 13 chương của ông Tôn Tử là:
Muốn thành công: thì phải biết trước mọi việc.
Muốn biết trước mọi việc: thì phải dùng trinh thám!

Theo tài liệu gốc của
Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

THƯ GỬI ÔNG BÉCNA VÀ ÔNG PHEN

Ông Bécna và ông Phen thân mến!
Tôi hết lòng cám ơn các ông về sự giúp đỡ của các ông cho các bạn chúng tôi.
Tôi mong muốn là các bạn của chúng tôi sẽ học được vô tuyến điện và những thứ cần thiết khác cho cuộc đấu tranh chung chống Nhật của chúng ta.
Tôi hy vọng một ngày gần đây nhất sẽ hân hạnh được đón tiếp các ông tại khu căn cứ của chúng tôi. Nếu được thế thì thật là tuyệt.
Cho phép tôi gửi lời chào kính trọng tới tướng Sênôn.

9-5-1945
Chân thành gửi tới các ông lời
chúc mừng tốt đẹp nhất.

Thân mến

HỒ

Bút tích tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI ÔNG PHEN

Ông Phen thân mến!

Ông T và người giúp việc của ông ta vẫn mạnh khoẻ. Chúng tôi đã trở nên bạn bè thân thiết như anh em một nhà. Tôi hy vọng ông sẽ đến thăm chúng tôi một ngày gần nhất.

Ông làm ơn đưa bức thư này tới người bạn của tôi tên là Tống Minh Phương ở quán cà phê Đông Dương. Mười hoặc mười hai ngày sau đó họ sẽ trao cho ông một gói quà trong đó có lá cờ của Đồng minh. Tôi rất cảm ơn ông nếu ông gửi những thứ đó cho tôi bằng cách nhanh nhất.

Xin gửi ông và ông Bécna cùng các bạn những lời tốt đẹp nhất.

Chúc ông sức khoẻ và may mắn.

9-6-1945

Thân mến

HỒ

Bút tích tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI ÔNG PHEN

Ông Phen thân mến!

Tôi muốn viết cho ông thư dài để cảm ơn tình cảm của ông đối với tôi. Tiếc thay không thể viết dài được vì sức khoẻ tôi hiện giờ chưa được tốt lắm (nhưng không đến nỗi nguy kịch, ông an tâm).

Điều tôi muốn nói với ông thì ông Tam sẽ nói thay tôi. Nếu ông gặp các ông Bécna, Vinca Reit và Cácten (của cơ quan thông tấn) và những người bạn khác của chúng ta, nhờ ông chuyển tới họ lời chúc mừng tốt đẹp nhất của tôi.

Ông Tam nói là ông sẽ đến đây. Chúng tôi luôn sẵn sàng nồng nhiệt đón ông.

Hãy đến nhanh ông nhé.

Tôi chúc ông mạnh khoẻ và may mắn.

21-7-1945

Thân mến

C.M HỒ

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI TRUNG UÝ PHEN

Trung uý Phen thân mến!

Chiến tranh đã kết thúc. Đấy là điều tốt cho mọi người. Tôi cảm thấy áy náy khi những người bạn Mỹ phải rời chúng tôi quá nhanh. Việc ra đi của họ khỏi đất nước này có nghĩa là mối quan hệ giữa ông và chúng tôi sẽ khó khăn hơn.

Chiến tranh đã kết thúc thắng lợi. Nhưng chúng tôi, những nước nhỏ và phụ thuộc, không có phần đóng góp hoặc đóng góp rất ít vào thắng lợi của tự do, của dân chủ. Nếu muốn đóng góp một phần xứng đáng chúng tôi phải tiếp tục chiến đấu. Tôi tin rằng ông và nhân dân Mỹ vĩ đại sẽ luôn luôn ủng hộ chúng tôi.

Tôi cũng tin rằng sớm hay muộn chúng tôi cũng sẽ đạt được mục đích của mình, bởi vì mục đích đó là chính nghĩa. Và đất nước chúng tôi sẽ độc lập. Tôi trông chờ ngày hạnh phúc được gặp ông và những người bạn Mỹ của chúng ta ở Đông Dương hay trên đất Mỹ.

Chúc ông may mắn và sức khoẻ.

Tháng 8-1945

C.M HỒ

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI ÔNG TAM

Ông Tam thân mến !

Chiến tranh đã kết thúc. Mọi thứ đều thay đổi. Nhưng tình bạn của chúng ta vẫn thế, không bao giờ thay đổi.

Nhưng ông biết đấy, chúng tôi không có phần đóng góp chiến thắng này. Để góp phần mình vào chiến công chung, chúng tôi còn phải chiến đấu gian khổ. Ông hãy tin rằng chúng tôi đã chiến đấu và sẽ chiến đấu cho tới khi chúng tôi đạt được cái mà chúng tôi mong muốn: Độc lập dân tộc.

Tôi thấy áy náy vì những người bạn Mỹ đã rời chúng tôi quá nhanh và do đó mối quan hệ giữa ông và chúng tôi trở nên khó khăn hơn. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên ông. Ông cũng đừng quên chúng tôi nhé! Ngày mai tươi sáng chúng ta sẽ gặp nhau, chúng ta trông chờ ngày đó!

Thưa ông, người bạn được giao nhiệm vụ mua những vòng xuyến cho ông bị ốm và anh ta đã trao công việc đó cho người khác. Nhưng người này lại nhận công tác xa Hà Nội, nên anh ta đã trao công việc đó cho người thứ ba. Người này không thực hiện đúng mà chỉ mua được một số cái mà ông muốn.

Tất cả giá 440 [1)].

Tôi gửi lại ông những gì mà họ chuyển cho tôi và tiền còn lại là 2.560 piastres.

[1)] Piastre: đơn vị tiền Đông Dương.

Chúc ông sức khoẻ và may mắn. Và chúc ông sớm gặp người bạn đời tốt. Hãy tin ở tôi, tôi sẽ mãi mãi như xưa.

8-1945

Thân mến

C.M HỒ

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

THƯ KÊU GỌI TỔNG KHỞI NGHĨA

Hỡi đồng bào yêu quý!

Bốn năm trước đây, tôi có thư kêu gọi đồng bào ta đoàn kết. Vì có đoàn kết mới có lực lượng, có lực lượng mới giành được ĐộC LậP, Tự DO.

Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu quốc lan tràn khắp nước. Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) có hàng chục triệu đội viên, gồm đủ các tầng lớp sĩ, nông, công, thương, binh, gồm đủ các dân tộc Việt, Thổ, Nùng, Mường, Mán. Trong Việt Minh đồng bào ta bắt tay nhau chặt chẽ, không phân biệt trai, gái, già, trẻ, lương, giáo, giàu, nghèo.

Vừa đây Việt Minh lại triệu tập "Việt Nam quốc dân đại biểu Đại hội", cử ra Uỷ BAN DÂN TộC GIảI PHóNG VIệT NAM để lãnh đạo toàn quốc nhân dân kiên quyết đấu tranh kỳ cho nước được độc lập.

Đó là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử tranh đấu giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay.

Đó là một điều khiến cho đồng bào ta phấn khởi và riêng tôi hết sức vui mừng.

Nhưng chúng ta chưa thể cho thế là đủ. Cuộc tranh đấu của chúng ta đương còn gay go, dằng dai. Không phải Nhật bại mà bỗng nhiên ta được giải phóng, tự do. Chúng ta vẫn phải ra sức phấn đấu. Chỉ có đoàn kết, phấn đấu, nước ta mới được độc lập.

Việt Minh là cơ sở cho sự đoàn kết, phấn đấu của dân tộc ta trong lúc này. Hãy gia nhập Việt Minh, ủng hộ Việt Minh, làm cho Việt Minh rộng lớn mạnh mẽ.

Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam cũng như Chính phủ lâm thời của ta lúc này. Hãy đoàn kết chung quanh nó, làm cho chính sách và mệnh lệnh của nó được thi hành khắp nước.
Như vậy thì Tổ quốc ta nhất định mau được độc lập, dân tộc ta nhất định mau được tự do.

Hỡi đồng bào yêu quý!
Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.
Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.
Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!

Tháng 8 năm 1945

HỒ CHÍ MINH

In trong sách *Văn kiện Đảng,* (từ 25-1-1939 đến 2-9-1945), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963, tr. 532-533.

Theo bài in trong sách *Văn kiện Đảng.*

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP[31]

Hỡi đồng bào cả nước,
"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".
Lời nói bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập*[32] năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.
Bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*[33] của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:
"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".
Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.
Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.
Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.
Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.
Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.
Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.
Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tuỷ, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.
Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.
Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.
Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.
Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.
Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.
Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.
Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa.
Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.
Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thuỳ, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.
Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.
Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà.
Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.
Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.
Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh[34] đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng[35] và Cựu Kim Sơn[36] quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.
Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!
Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:
Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

Bản sao băng ghi âm,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC

NĂM ĐIỂM LỚN

1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương;
2. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;
3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng;
4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;
5. Cử một Ban Trung ương lâm thời gồm 9 người, trong đó có hai đại biểu chi bộ cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương.

Tài liệu của Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.

BÁO CÁO VỀ NHỮNG NGHỊ QUYẾT CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

Phong trào nông dân:

1. Nhân dân Đông Dương 90% là nông dân. ở các thôn xã, ngoài bọn đại địa chủ ra, toàn bộ nông dân là tá điền. Căn cứ vào tư liệu sản xuất có thể phân loại nông dân ra nhiều tầng lớp.

A- Bần nông: không có hoặc có rất ít ruộng đất nên phải đi làm thuê cho đại địa chủ hoặc làm thêm một nghề phụ mới đủ sống;

B- Trung nông: có đủ ruộng đất tự cày cấy lấy, họ không bóc lột ai;

C- Phú nông: có nhiều ruộng đất, một phần do mình canh tác, một phần thuê người làm, phần còn lại cho lính canh;

D- Cố nô[1]: làm thuê cho đại địa chủ, chủ đồn điền và phú nông.

Đa số nông dân Đông Dương là cố, bần nông.

2. Do tập quán phong kiến, lại bị đế quốc áp bức, nông dân bị ba tầng bóc lột:

a) Bị đại địa chủ bóc lột:

Phần lớn ruộng đất tốt, đều nằm trong tay bọn tư sản. Chúng cho nông dân lĩnh canh từng thửa thu tô rất cao (lấy một nửa hoa màu hoặc thu bằng tiền) bắt buộc nông dân phải thuê nông cụ của chúng. Có nhiều nơi, địa chủ cho bọn "quá điền" lĩnh canh, bọn này chia nhỏ ruộng đất đem phát canh lại cho nông dân. Bằng thủ đoạn ấy chúng càng nâng cao tô ruộng đất lên hơn nữa, nên người nông dân nghèo bị trói chặt với chúa đất gần như nông nô trước kia. Ăn đã không đủ no vì địa tô quá nặng, những ngày lễ bái hoặc khi địa chủ mở tiệc tùng, người bần nông còn phải đem lễ vật đến kính biếu và làm công không cho chủ. Khi phải vay mượn, họ phải trả lời rất cao (ít nhất là 100%) hoặc phải bán hoa màu non lấy có một nửa tiền hoặc đem cầm cố ruộng nương cho bọn vay ăn lãi.

b) Bị tư bản bóc lột:

Cố nông làm việc suốt ngày không hạn định giờ giấc, mà vẫn không đủ nuôi thân và gia đình. Những người đi ở mỗi năm chỉ được nhận 10 đồng. Còn anh em phu đồn điền (cao su, cà phê, bông, v.v.), thì bị đưa đi những nơi xa xôi, nước độc, ăn ở trong những lán trại bẩn thỉu, được trả công một phần bằng tiền, một phần bằng gạo. Thường thường công xá của những anh em đó bị cúp phạt hết. Khi làm việc họ lại bị đối xử đánh đập như con vật.

Chủ đất làm chúa trong đồn điền, chúng có lính và có người canh gác. Nếu công nhân nổi dậy thì bị chủ hành hạ hết cách.

c) Bị đế quốc bót lột:

Ngoài việc bóc lột nông dân về kinh tế, bọn đế quốc Pháp còn bắt dân cày chịu biết bao thứ thuế nặng nề: thuế thân, thuế chợ, thuế ruộng đất, thuế xây dựng trường, v.v.. Hằng năm mỗi người phải đi xâu 6 ngày không công cho chính phủ hoặc phải nạp một số tiền tương đương. Đặc biệt hai năm nay thuế má lại tăng lên rất nhiều. Bọn đế quốc Pháp để cho bọn quan lại và tư sản bóp nặn áp bức nông dân, chúng tìm hết cách để giữ vững chế độ thuộc địa của chúng.

3. Bọn đế quốc và tư sản cướp dần hết ruộng đất canh tác, áp bức và bóc lột nông dân thậm tệ, lại chồng chất thêm nạn

[1] Manoeuvres agricoles, ouvriers agricoles (công nhân nông nghiệp)= cố nông.

thất nghiệp và đói rét. Không khác gì nô lệ, người nông dân phải bán sức lao động đi làm phu ở các đồn điền trong nước hoặc ở ngoài nước. Hoàn cảnh đói khổ đó ngày càng kích động nông dân tiến lên đấu tranh chống bọn địa chủ, tư sản và đế quốc.

Do đó ở nông thôn đã hình thành hai phe đối địch, một bên là hầu hết tất cả anh chị em nông dân, còn một bên là bọn phong kiến đế quốc. Hiện nay ở Trung Kỳ, Nam Kỳ và Bắc Kỳ, nông dân đang sôi sục đấu tranh. Vô sản là đội quân của cách mạng ruộng đất và cách mạng phản đế ở Đông Dương. Hiện nay phong trào cách mạng đang lên mạnh, phải tránh làm sao cho vô sản khỏi phạm những sai lầm có thể đưa cách mạng đến thất bại.

Cho nên phương thức lãnh đạo quần chúng vô cùng quan trọng. Đảng phải hết sức quan tâm.

Sai lầm và khuyết điểm trong phong trào cách mạng của nông dân.

4. Nông hội đang trên đà phát triển mạnh, nhưng vẫn chưa đạt được yêu cầu. Nguyên nhân là vì những đồng chí chịu trách nhiệm tổ chức nông dân ở thôn xã còn phạm nhiều sai lầm thiếu sót chủ yếu sau đây:

a) Về tổ chức - nguyên tắc tổ chức Nông hội không rõ ràng. Tổ chức tiến hành chậm.

Nông hội chưa biểu hiện hết tính chất độc lập của nó. Nông hội phải nêu rõ vai trò của mình để thu hút quần chúng. Nhưng lề lối tổ chức Nông hội chưa tốt, hầu hết mọi công việc đều do đảng viên bao biện, các đồng chí này không biết chọn lấy cán bộ ở trong hàng ngũ nông dân. Các Ban phụ trách phụ nữ và thanh niên cũng chưa thành lập. Các cuộc hội họp thì không thống nhất.

b) Việc tuyên truyền trong nông dân yếu và phạm vi tuyên truyền lại quá hẹp. Chỉ tuyên truyền phản đế và tuyên truyền một ít chống đại địa chủ và tư sản. Một mặt phải đấu tranh mạnh hơn nữa chống những định kiến cho rằng: "Tay không làm sao mà đấu tranh được, hoặc chúng ta không nên gây ra một cuộc chiến tranh nhỏ", nhưng mặt khác lại phải chống xu hướng khủng bố. Chúng ta cũng chưa quan tâm đầy đủ đến cuộc đấu tranh của cố nô[1] chống lại phú nông, địa [2]. Phải nhân mọi tình trạng bối rối chung này mà lôi cuốn quần chúng đấu tranh; ngày 1-5 chẳng hạn, đáng lẽ phải kêu gọi anh chị em nông dân Thái Bình "Hãy tiến lên, đây là cơ hội các bạn phải vùng dậy". Nếu không làm như vậy thì chỉ có ép buộc họ đấu tranh mà thôi. Người chỉ huy thiếu khả năng và không biết chuẩn bị các cuộc đấu tranh, sau mỗi cuộc đấu tranh, giải tán tự vệ là sai lầm. Phải tổ chức đấu tranh ban đêm.

Nông hội là một tổ chức đấu tranh có trách nhiệm đưa cuộc cách mạng ruộng đất đến thắng lợi, cho nên trong công tác vận động và tuyên truyền, hội viên Nông hội luôn luôn phải nhớ những điều sau đây:

a) Những sự áp bức và bóc lột hàng ngày (như thuế má, bắn giết, chế độ lĩnh canh, tước đoạt ruộng đất, quan lại và tư sản áp bức, v.v.) làm cho quần chúng nông dân nhận thức rõ tình cảnh của mình và thấy cần phải đấu tranh chống địa chủ, tư sản và đế quốc.

b) Giáo dục quần chúng về ý nghĩa cuộc cách mạng ruộng đất (tịch thu ruộng đất của địa chủ bản xứ và người ngoại quốc đem chia cho bần và trung nông), đồng thời cũng phải giải thích cho họ hiểu mục tiêu cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân chủ.

c) Giải thích cho quần chúng thấy cần thiết phải liên minh với giai cấp vô sản, cần phải được vô sản và Đảng Cộng sản, đội tiên phong của vô sản lãnh đạo.

d) Phải tuyên truyền phản đối Hội đồng cải lương, phản đối mọi cải cách, mọi nhóm và đảng phái có tính chất quốc gia. Nông hội phải xuất bản một tờ báo và khuyến khích nông dân viết bài đăng báo.

đ) Làng là cơ sở của tổ chức Nông hội.

Tổ chức nông dân bao gồm Nông hội làng, Nông hội tổng, Nông hội tỉnh và Tổng Nông hội Đông Dương.

---

[1] Công nhân nông nghiệp: *owriers agraires.*

[2] Trong nguyên bản: *riches paysans.*

Phải tổ chức bần nông và trung nông vào Nông hội. Trong thời kỳ đầu của phong trào cách mạng, có thể có những phú nông cùng đi với bần, trung nông, nhưng về sau họ sẽ chống lại cách mạng. Cho nên ngay từ bước đầu phải loại trừ ra khỏi Nông hội, và gạt ảnh hưởng của họ đối với bần, trung nông. Chính bọn họ - phú nông và một số đại địa chủ đã tìm cách lọt vào Nông hội để lũng đoạn và phá hoại. Nông dân phải đảm nhận lấy phần lớn những trách nhiệm quan trọng.

Trong Nông hội, những anh chị em nông dân dưới 23 tuổi, phải do một ban thanh niên nông dân lãnh đạo, để dễ gây phong trào thanh niên.

Thanh niên phải tham gia lãnh đạo Nông hội. Nông hội cũng phải thành lập một Ban phụ nữ để vận động chị em phụ nữ tham gia cuộc đấu tranh chung.

Thợ thủ công và công nhân nông nghiệp phải tổ chức thành Công hội. Những Công hội này phải thường xuyên liên lạc với các tổ chức vô sản thành thị và liên hệ thật chặt chẽ với Nông hội.

Tổ chức tự vệ của nông dân rất quan trọng trong các cuộc đấu tranh ở thôn xã. Nông hội phải tuyên truyền giải thích trong quần chúng ý nghĩa việc thành lập một đội tự vệ để bảo vệ và kêu gọi quần chúng tham gia.

). Nông hội phải liên hệ chặt chẽ với Công hội. Nông dân và công nhân chịu sự lãnh đạo tối cao về chính trị của Đảng, nhưng phải phân biệt Đảng với các tổ chức Nông hội và Công hội. Đảng tuyên truyền đường lối thông qua những cán bộ của mình. Khi tuyên truyền chính sách của Đảng, cán bộ phải dùng cách thuyết phục chứ không được dùng mệnh lệnh và phải ra sức làm cho quần chúng nông dân tin tưởng ở Đảng.

8. Đường lối chung của cách mạng nông dân hiện nay nhằm:

- Tập hợp, tổ chức trung, bần nông và kích động họ đấu tranh giành lấy chủ quyền cho nhân dân;

[1)] Trong nguyên bản không có mục 5, 6.

- Chứ không phải để tiến hành một cuộc khởi nghĩa địa phương (khởi nghĩa có nghĩa là nổi dậy giành chính quyền). Đảng viên phải căn cứ vào đường lối chung đó mà lãnh đạo nông dân đấu tranh. Đánh vào giai cấp thống trị, đánh vào địa chủ và tư sản tức là chúng ta phải kích động nông dân đấu tranh phản đối thu thuế, phản đối chế độ phát canh, phản đối những quy tắc luật lệ của tư sản, v.v., và phải kết hợp đấu tranh kinh tế và chính trị, lợi dụng mọi cơ hội để phổ biến tư tưởng cách mạng ruộng đất và khuyến khích tổ chức một đội tự vệ nông dân.

Chuẩn bị đấu tranh trước hết phải tuyên truyền mạnh mẽ để lôi cuốn đa số quần chúng tham gia; khi có điều kiện tổ chức những cuộc đấu tranh lớn mà chỉ phát động đấu tranh lẻ tẻ thì ảnh hưởng chính trị không tốt.

Để chống lại đàn áp, cần phải chuẩn bị thật chu đáo và lãnh đạo có kế hoạch mọi cuộc đấu tranh, phải phát triển và huấn luyện đội tự vệ nông dân.

Cần làm cho nông dân nhận thức rõ lực lượng và vai trò của mình. Họ phải hiểu được rằng hành động cá nhân hoặc mỗi xu hướng khủng bố đều trái với cương lĩnh hành động của mình.

Đồng thời, phải giải thích cho nông dân hiểu rằng chỉ có một lực lượng mạnh mẽ và có tổ chức mới có thể đương đầu chống khủng bố trắng được. Lãnh đạo nông dân có nghĩa là nghiên cứu tình hình địa phương để rồi phát động phong trào quần chúng. Mỗi cuộc đấu tranh đều nhằm mở rộng ảnh hưởng của Nông hội và của Đảng và nhằm thu hút quần chúng vào Nông hội.

9. Những yêu sách của nông dân

a) *Về chính trị* - Đòi tự do lập hội, tự do hội họp, tự do ngôn luận và đòi bỏ chế độ kiểm duyệt; phản đối khủng bố trắng, phản đối Hội đồng cải lương; phản đối đưa nông dân đi làm phu đồn điền và đưa họ sang các thuộc địa khác.

b) *Về kinh tế* - Đòi giảm sưu thuế - đòi bỏ thuế thân, đòi giảm tô ruộng đất, bỏ chế độ phát canh, bỏ chế độ lao dịch. Đối với cố nông: phải tăng công xá, bớt giờ làm việc. Đòi bảo hiểm xã hội, ngày nghỉ (tết, kể cả ngày kỷ niệm cách mạng) được trả công.

Báo cáo vào khoảng năm 1930.
Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại
Viện lịch sử Đảng.

NHỮNG THỦ ĐOẠN CỦA ĐẾ QUỐC PHÁP

Khủng bố trắng đang hoành hành dưới đủ mọi hình thức. Đế quốc đóng đồn binh ở khắp các thôn xã, chúng tổ chức xã đ[1] (giống như dân đ[1] ở Trung Quốc) để canh phòng ngày đêm. Lập danh hộ ở mỗi làng để kiểm soát những người lạ mặt. Cấm đi lại từ vùng này sang vùng khác. Độc ác hơn là chúng cho phép bọn tư sản được quyền đốt nhà và giết người. Chúng chia thành phố ra thành nhiều khu, ở mỗi khu phố tên trưởng phố được quyền kiểm soát tất cả dân chúng. Chính phủ của chúng ra mặt tuyên truyền vu cáo cộng sản.

Ngoài chính sách khủng bố, bọn đế quốc Pháp còn thực hiện một chính sách lừa bịp: lập Hội đồng cải lương, Hội đồng hoà giải tư bản và lao động, v.v.. Chúng giao trách nhiệm cho đốc công ở nhà máy và trưởng phố phải ngăn ngừa phong trào cách mạng ở nhà máy và khu phố. Chúng đưa mật thám vào các xí nghiệp tổ chức hội họp thợ thuyền để phá những cuộc bãi công.

Bọn đế quốc còn thuê người viết báo xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản và vu cáo Nga - Xô.

Tình hình nội bộ Đảng ở Bắc Kỳ:

1. Trong khi các đồng chí Trung ương bận họp Hội nghị tháng 10-1930, một Xứ uỷ lâm thời được thành lập gồm ba đồng chí Bí thư ba Tỉnh uỷ lớn. Nhưng không một đồng chí nào được giao trách nhiệm rõ ràng và cũng không đồng chí

---

[1] Trong nguyên bản, viết bằng tiếng Việt.
[2] Nguyên bản: *Min-tuan*.

nào có đủ khả năng để lãnh đạo mọi công tác trong xứ. Do đó các tỉnh đều tự trị, trong khi đó thì mọi công việc vẫn ở tình trạng hỗn loạn.

2. Có 6 tỉnh đã có tổ chức: Hải Phòng, Hà Nội, mỏ than Hòn Gai, Nam Định, Thái Bình và Phủ Lý (hai tỉnh sau là những tỉnh hoàn toàn nông nghiệp).

Ngoài việc lãnh đạo Ban phụ trách Hà Nội, một trong ba đồng chí ấy còn phải lãnh đạo các Ban giao thông, tài chính, tuyên truyền và huấn luyện. Do đó việc in truyền đơn và sách báo không chạy và tình hình tài chính thiếu thốn đến nỗi các đồng chí thường thiếu gạo ăn.

Vì không đủ đồng chí nên Ban giao thông phải nhờ hội viên Công hội giúp việc, có khi phải nhờ đến cả người ngoài nữa (Ban tài chính cũng vậy).

Do đó công việc của hai Ban đó không tốt.

Có nhiều vụ bắt bớ và khủng bố trắng ngày càng dữ dội, nên tổ chức ở nhiều tỉnh bị tan vỡ (có tỉnh vì đấu tranh cũng có tỉnh vì không đấu tranh).

Cho nên các Tỉnh uỷ đã phải để hết thì giờ và tìm hết mọi cách để bổ cứu tình trạng đó.

3. Hiện nay, phần lớn các chức vụ quan trọng đều do các đồng chí mới thiếu kinh nghiệm đảm nhiệm. Hầu hết các đồng chí cấp uỷ đều được chỉ định chứ không bầu. Nhưng mỗi khi có bầu cử, kết quả của cuộc bỏ phiếu rất được coi trọng.

Trước đây ở trong Trung ương, mỗi đồng chí phải phụ trách một tỉnh chứ không phụ trách các Ban (giao thông, tài chính, tuyên truyền, v.v.). Nay thì có một đồng chí Trung ương, ngoài những trách nhiệm khác của mình, còn phụ trách công tác giao thông và ấn loát nữa.

Từ Tỉnh uỷ đến chi bộ, các đồng chí chỉ biết có: tổ chức. Chưa khi nào được huấn luyện, nên các đồng chí không thể hiểu được mục đích của Đảng.

Hơn nữa, nhiều đảng viên trước kia đã tham gia Đông Dương cũ và "Thanh niên" vẫn còn giữ tư tưởng bè phái và xu hướng khủng bố.

4. ở các chi bộ, các đồng chí chỉ biết làm theo chỉ thị cấp trên chứ không có quyết nghị, không có kế hoạch làm việc riêng. Các đồng chí không hiểu chính trị, kinh tế là gì thậm chí cũng có những đồng chí không biết Đảng khác quần chúng như thế nào.

Quần chúng

1. Các việc tổ chức công nhân tiến bộ ít. Chúng ta có hội viên ở nhiều nhà máy; nhưng hội viên rất phân tán, đây 2, 3 người, kia 5, 10 người. Công hội mạnh nhất là Công hội Nhà máy dệt Nam Định có 239 hội viên. Nhưng không phải hết tất cả mọi hội viên đều đã nhận thức rõ vai trò của mình.

2. Nông dân rất mạnh ở các tỉnh Thái Bình và Hà Nam. Chúng tôi đã tìm cách tổ chức quần chúng nông dân ở khắp các tỉnh nhưng nông dân quá phân tán. Huyện khá nhất chỉ có 80 nông dân vào tổ chức.

3. Kômxômôn (Thanh niên Cộng sản đoàn). Thanh niên không đông lắm. ở nhiều nơi họ sinh hoạt với người lớn và chưa tổ chức riêng.

4. Phụ nữ, M.O.P.R. (Quốc tế Cứu tế đỏ), Hội phản đế đồng minh: chưa có gì.

ở trong nhiều tổ chức có cả đảng viên lẫn hội viên, đảng viên không hiểu rõ vai trò của mình.

Hải Phòng

7 chi bộ nhà máy:	20 đảng viên.
2 chi bộ đường phố:	10 đảng viên.
Các chi bộ khác:	7 đảng viên (2 nữ).
Trường thực nghiệp:	8 thanh niên cộng sản.
8 nghiệp đoàn thợ thuyền:	101 hội viên (4 thanh niên và 11 nữ).

Hòn Gai (mỏ)

Đảng: 8 đảng viên.

Công hội: 10 hội viên.

(trước những thất bại vừa rồi, có 20 đảng viên, 10 thanh niên C.S và 30 hội viên Công hội).

Nam Định

6 nhà máy: 21 đảng viên.

Chi bộ đường phố: 34 đảng viên (4 nữ).

Thanh niên C.S: (15 công nhân) 31 đoàn viên.

Công hội: 293 hội viên (210 thanh niên, 21 nữ thanh niên).

Các làng: 60 đảng viên, 100 hội viên Nông hội.

Phủ Lý 82 đảng viên (6 nữ).

Thanh niên cộng sản (nông dân): 13.

366 hội viên Nông hội.

Thái Bình

8 chi bộ làng: 38 (10 nữ).

3 chi bộ thanh niên cộng sản: 14.

270 nông dân

Hải Dương đồng chí nông dân: 9 (mất liên lạc)

Hà Đông đồng chí nông dân: 12

51 đồng chí nông dân

Bắc Ninh đồng chí nông dân: 6

Hà Nội đảng viên: 6 (4 nữ), nữ thanh niên: 29 ở trong các khu vực.

Tổng số: đảng viên: 344 (31 nữ), 82 công nhân, 209 nông dân.

Thanh niên cộng sản: 79

Công hội: 404

Nông hội: 818

Phê bình những Nghị quyết của Trung ương.

1. Về vấn đề Nga - Xô, nên thêm "dưới sự lãnh đạo của Đảng bônsêvích, vô sản Nga đã giành được chính quyền".
2. Nói sự ổn định kinh tế tạm thời không đúng. Phải nói như trong Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản "Sự ổn định bộ phận, bấp bênh và tạm thời".
3. Trong thời kỳ thứ hai, cần nói đến những thất bại của cách mạng ở Java và ở Trung Quốc.
4. Trong thời kỳ thứ ba, phải nói đến việc những người quốc gia chuẩn bị một cuộc biến động thảm khốc và đưa thêm nhiều ví dụ hơn nữa về những mối bất hoà xuất hiện trong thời kỳ ấy.
5. Phải giải thích rõ hơn nữa những mối quan hệ giữa cách mạng Đông Dương với cách mạng thế giới.
6. "Võ trang bạo động" nghĩa là thế nào?
7. Phong trào công nhân: Nghị quyết nói: "Mỗi cuộc đấu tranh kinh tế cũng là một cuộc đấu tranh chính trị". Câu này không rõ, nên nói: "Mỗi cuộc đấu tranh kinh tế đều có tính chất chính trị".
8. Nói như nghị quyết: "Mục đích cuối cùng của Công hội là xây dựng chủ nghĩa xã hội". Không rõ lắm.

Phải giải thích nhiều hơn nữa về ý nghĩa của tổ chức Công hội.

9. Câu: "Đảng là bộ tham mưu của Công hội" nghĩa quá hẹp; nên nói: "Đảng là bộ Tổng tham mưu của giai cấp vô sản và của *nhân dân lao động*".
10. Phong trào nông dân - chiến lược và chiến thuật: không rõ lắm. Chưa đề cập đến vị trí quan trọng của cách mạng ruộng đất trong từng giai đoạn cách mạng. Mối quan hệ giữa vấn đề nông dân và ruộng đất với cách mạng: chưa rõ lắm.
11. Tại sao lại định ra những điều lệ hình thức khác nhau cho Nông hội và Công hội.

Phương pháp công tác

1. Xứ uỷ phải gửi chỉ thị giải thích rõ ràng tại sao phạm khuyết điểm và định rõ phương pháp công tác từ nay về sau.
2. Các Bí thư Xứ uỷ và Tỉnh uỷ phải xem mình là những cố vấn, là người huấn luyện giáo dục, chứ không nên bao biện tất cả mọi công việc trong địa phương như trước đây.
3. Mỗi cấp uỷ phải quy định nhiệm vụ cho mỗi chi bộ, mỗi đảng viên. Có như vậy mỗi người mới có một trách nhiệm nhất định.
4. Chỉ thị gửi cho chi bộ phải dễ hiểu để các đồng chí có thể thảo luận và nghiên cứu thi hành: không khi nào được dùng mệnh lệnh. Phải chú ý kiểm tra công tác của các tổ chức Đảng cấp dưới.
5. Các Ban chấp hành của tất cả mọi tổ chức của Đảng phải có những đồng chí xung phong làm việc cho cấp uỷ, khi bị khủng bố hoặc có ai trong cấp uỷ vắng mặt, các đồng chí đó sẵn sàng có thể thay thế.

Tài chính

Chương trình đã quy định tổ chức một Ban tài chính

Tuyên truyền và giáo dục

1. Phải tổ chức một Ban gồm 5 đồng chí phụ trách tuyên truyền và giáo dục đảng viên.
2. Phải ra một tờ báo 4 trang, xuất bản mỗi tuần hai kỳ, để tuyên truyền giáo dục quần chúng và đảng viên. Báo đó lấy tên là "Tiên phong" (The Forward).
3. Để đào tạo cán bộ phải tổ chức một trường huấn luyện, thời hạn học là một tháng. Chương trình học tập như sau:
a) Danh từ chính trị;
b) Tính chất và mục đích của Đảng;
c) Chương trình của Đảng;
d) Tổ chức Đảng;
e) Chi bộ;

f) Phong trào công nông;
g) Chính cương.
Dần dần có kinh nghiệm chương trình này có thể thay đổi.

Công tác trước mắt

1. Phải giải thích cho đảng viên hiểu những nghị quyết của Trung ương.
2. Sửa chữa những sai lầm và khuyết điểm.
3. Đấu tranh chống những khuynh hướng sai.

Công vận

1. Chuẩn bị tổ chức trong các ngành công nghiệp theo ngành dọc;
2. Trong 3 tháng tới, Nam Định phải tổ chức Đại hội công nhân toàn tỉnh;
3. Trong 4 tháng tới, Hải Phòng phải tổ chức Đại hội công nhân toàn tỉnh;
4. Tăng cường tuyên truyền ở các hầm mỏ;
5. Tổ chức một Tổng Công hội ở Hà Nội;
6. Đưa đồng chí vào các ngành công nghiệp quan trọng, các đồn điền, các nhà máy điện và ngành vận tải;
7. Tổ chức đoàn thanh niên và hội phụ nữ trong mỗi công hội. Thanh niên và phụ nữ phải tham gia lãnh đạo Công hội;
8. Bắt đầu tuyên truyền những công nhân thất nghiệp;
9. Tổ chức kỷ niệm ngày 25 tháng 2;
10. Phát triển các tổ chức phụ thuộc, hợp pháp và nửa hợp pháp;
11. Liên kết chặt chẽ công nhân với nông dân.

12. Trong 3 tháng tới, Thái Bình và Phủ Lý phải có Nông hội tỉnh.

Hội nghị họp 15 hôm, nhưng tranh luận chưa đầy đủ và chu đáo, các đồng chí luôn luôn hướng cuộc thảo luận vạch cho hết những cuộc thất bại, hơn nữa hội nghị chưa được chuẩn bị từ trước.

Tài liệu của
Viện Lịch sử Đảng.

BÁO CÁO VỀ HỘI NGHỊ CÁN BỘ XỨ UỶ BẮC KỲ
(Giữa tháng 1 và 2)

Đến dự hội nghị đó:

- 1 đại biểu Trung ương.
- 2 cán bộ Xứ uỷ cũ.
- 1 đại biểu tỉnh Nam Định.
- 1 đại biểu tỉnh Phủ Lý.
- 1 đại biểu tỉnh Thái Bình.
- 1 đại biểu tỉnh Ban huấn luyện.
- 1 cộng tác viên của Xứ uỷ.

Báo cáo:

a) Về tình hình kinh tế.

b) Về phong trào quần chúng.

c) Kinh nghiệm.

d) Về chính sách đàn áp cách mạng của đế quốc.

đ) Về công tác và tinh thần đoàn kết của chúng ta.

Thảo luận: Kế hoạch do Trung ương dự thảo.

Nghị quyết:

a) Về phương pháp tiến hành.

b) Về nội dung chuyên môn của mỗi ban.

c) Về việc đào tạo cán bộ.

d) Giải thích cho đảng viên hiểu những vấn đề đã nêu trong kế hoạch của Trung ương.

e) Về phong trào công nhân.

f) Về phong trào nông dân.

Bầu cử cán bộ Xứ uỷ mới.

A- Tình hình kinh tế

Mặc dầu công kỹ nghệ có phát triển chút ít, Bắc Kỳ chủ yếu vẫn là một xứ nông nghiệp. Ngoài nhà máy Rôbe (Robert) ở Hải Phòng (đóng và sửa chữa tàu thuỷ) và lò đúc kẽm Quảng Yên, Bắc Kỳ có rất ít xí nghiệp công nghiệp nặng, lại còn bị cuộc khủng hoảng kinh tế 1930 ảnh hưởng nặng nề.

1. *Hầm mỏ:* Năm 1929 có 600 người chuyên mộ công nhân. Hiện nay không những không tuyển mộ công nhân mới nữa mà có từ 5.000 đến 6.000 công nhân bị thải hồi.

2. *Xi măng:* Cách đây 5 tháng, có 10 chiếc tàu chuyên chở hằng ngày 10.000 thùng xi măng ra bán ở thị trường. Nay những chiếc tàu đó chỉ chạy một tuần hoặc 15 ngày một chuyến. Hơn nữa, xi măng do các máy mới sản xuất, phẩm chất xấu bán không chạy. Nhà máy đã thải hồi hơn 1.000 công nhân.

3. *Dệt:* Từ tám tháng nay, ngành dệt bị khủng hoảng hoàn toàn, trước kia hàng ngày bán ra từ 60 đến 70 kiện hàng, nay sụt xuống 4 hoặc 10 kiện. Nhà máy dệt Nam Định thải hồi 2.000 công nhân, Nhà máy Hải Phòng cũng phải thải hồi công nhân viên.

4. *Nhà máy Rôbe (Robert):* đóng và sửa chữa tàu thuỷ, buộc thợ làm việc theo một chế độ mới, hai ngày làm một. Mặc dầu vậy, hãng này cũng không sử dụng được hết nhân công.

5. *Công ty dầu hoả Pháp:* Từ ba tháng nay, mỗi công nhân chỉ làm việc có 18 ngày.

Tất cả các nhà máy công kỹ nghệ khác cũng đã hoặc bắt đầu lâm vào tình trạng khủng hoảng này, ở mỗi xí nghiệp tính ra có từ 50, 60 - 100 và có nơi đến 800 thợ thất nghiệp.

Còn những anh chị em công nhân đang làm việc cũng khổ sở vì chế độ hợp lý hoá, vì bị giảm lương, làm thêm giờ và bị cúp phạt. Trung bình hằng ngày phải làm việc 11 tiếng. Công xá thì trả như sau:

- 0đ20 đến 0đ30 cho thợ phụ
- 0đ40 đến 0đ50 cho thợ chuyên nghiệp
- 0đ15 đến 0đ25 cho đàn bà
- 0đ10 đến 0đ15 cho trẻ em.

Bọn chủ ngày càng dùng nhiều phụ nữ và trẻ em, chúng đuổi thợ người lớn. ở Nhà máy dệt Hải Phòng, số trẻ em từ 10 tuổi đến 16 tuổi chiếm đến một phần tư số công nhân. Đời sống của công nhân rất cực khổ.

B- Nông nghiệp

Nhân dân ở vùng thượng du là người Thổ. Cả vùng này còn rất lạc hậu và do bọn "thổ ty chuyên chế" thống trị; còn nông dân thì phải chịu cảnh nô lệ. ở những vùng dân cư người Kinh, đất ruộng đều là của người Pháp và của phú hữu Việt Nam. Cả hai bọn này tổ chức trồng trọt và chăn nuôi hoặc cho nông dân lĩnh canh ruộng đất.

ở Thái Bình có rất nhiều địa chủ từ 300 đến 500 mẫu ruộng đất, cho nông dân lĩnh canh và thu tô một nửa. Mỗi vụ, nông dân phải đến làm công không cho địa chủ một số ngày nhất định. Khi gia đình địa chủ có giỗ chạp, người nông dân còn phải đem lễ vật đến kính biếu và giúp công.

Tiền cho vay lãi trung bình 120 phần trăm. Cách cho ứng trước một đấu lúa vụ 5 đến vụ 10 phải trả hai đấu, là thông thường. Nếu giá gạo hạ, người nông dân phải trả bằng tiền, nếu gạo cao thì họ phải trả số tiền nợ đó bằng lúa. Nông dân phải đối xử với trại chủ cũng như đối với địa chủ, nghĩa là phải kính biếu lễ vật, làm công không, v.v..

Ngày giáp hạt, chủ cho vay 1 hào thì đến vụ gặt người nông dân phải làm bù một ngày công (công nhật là 1 hào rưỡi).
Phần lớn ruộng đất là của công, đáng lẽ phải đem cấp đều cho nhân dân các thôn xã. Nhưng trong thực tế, bọn tư sản chiếm lấy phần hơn, còn người nông dân bần khổ chỉ được nhận ít mảnh nhưng lại là phần ruộng đất xấu nhất. Việc thường xảy ra là những miếng ruộng đất rải rác ở khắp đó đây, khó làm và khó bảo vệ, nên người nông dân lại phải tậu ruộng của tư sản và của đại địa chủ.
Bọn quan lại và tư sản lợi dụng phong trào cách mạng để áp bức bóc lột nông dân. Ai không "đút lót" cho chúng thì bị chúng vu cáo vào hội kín hoặc cộng sản và bị bắt.
Hằng năm, nông dân từ 18 đến 60 tuổi phải nạp thuế thân mỗi đầu người từ 3đ50 đến 4đ50 và phải đi phu 6 ngày làm công cho chính phủ. Nhiều khi giữa mùa, nông dân phải đình chỉ công việc, đi "lao dịch".
Ngoài ra, ngày đêm họ phải đi canh điếm ở làng (để phòng cộng sản).
Mất mùa hai năm nay làm cho nông dân càng khổ cực. Năm ngoái, phần lớn bà con nông dân chỉ ăn mỗi ngày một bữa cháo có một ít hạt gạo nấu với thật nhiều nước.
Anh em đi ở cho địa chủ (những người có sức lực), hằng năm chỉ nhận 12đ00 công và 2 tấm vải mộc. Sáng sớm mặt trời chưa mọc họ đã phải ra đồng làm việc cho đến tối mịt. Về nhà họ phải làm lụng cho đến nửa đêm. Còn anh chị em đi làm thuê ngày mùa: phụ nữ được nhận 7 đến 12 xu một ngày, nam 10 đến 15 xu. Nhưng hết mùa họ lại thất nghiệp.
áp bức và bóc lột làm cho công nhân và nông dân căm giận và kích động họ vùng dậy, công nhân mỏ than Cẩm Phả, công nhân viên Công ty dầu hoả, phu kéo xe Hải Phòng bãi công, ở Nhà máy dệt Nam Định bùng nổ cuộc đình công lớn của công nhân (phản đối bớt lương, làm thêm giờ, phản đối quy hoạch trách nhiệm thợ thuyền, phản đối làm khoán). Nông dân Thái Bình và Phủ Lý biểu tình đấu tranh chống tư sản và phản đối đế quốc Pháp bắt các làng phải lập ngân sách.

Tuy các cuộc đấu tranh có làm cho chúng ta phải chú ý, nhưng kết quả còn ít ỏi, vì:
1. Đảng còn non trẻ thiếu kinh nghiệm.
2. Trình độ nhận thức của quần chúng còn thấp.
3. Đông đảo quần chúng chưa tham gia đấu tranh.
Ví dụ:
a) Đã sử dụng hai viên đốc công để khởi động cuộc bãi công ở nhà máy điện, mọi việc đều trôi chảy!
Nhưng lại không có biện pháp tránh ảnh hưởng của hai đốc công đối với quần chúng; sau thắng lợi lại không tổ chức tuyên truyền để giữ vững tinh thần cách mạng của quần chúng, cuối cùng họ đã nhượng bộ. Kết quả là như thế đấy. Họ không nhận được một kế hoạch hành động nào, khi phong trào bị dập tắt thì không còn có phương nào cứu chữa nữa.
b) Cuộc bãi công ở Nhà máy dệt Nam Định là một thắng lợi của anh chị em công nhân, nhưng là thất bại của Đảng vì:
1. Các đồng chí chúng ta không hiểu mục đích của cuộc bãi công;
2. Các tổ chức của Đảng không hoàn toàn nhất trí;
3. Bãi công không được chuẩn bị và cũng không có tổ chức, không giáo dục thợ thuyền về mục đích cuộc bãi công cũng như về phương pháp tổ chức đấu tranh về sau;
4. Đảng không có kế hoạch sát với hoàn cảnh;
5. Thiếu tuyên truyền. Công hội có hứa giúp đỡ quần chúng về tài chính, họ rất phấn khởi, nhưng đảng viên lại không biết lãnh đạo và nhất là thiếu kiên quyết;
6. Thời cơ chọn không đúng (sát ngày sắp phát lương và ngay giữa vụ đói);

7. Trước khi bãi công, lại gửi thư cho bọn chức trách Pháp và cho chủ nhà máy, nên chúng biết và dễ đàn áp;
8. Tất cả bạn bè của những anh chị em bãi công không được lôi cuốn hết vào phong trào;
9. Cuộc đấu tranh kéo dài nên quần chúng mệt mỏi;
10. Các chỉ huy hành động không lôi cuốn người khác theo;
11. Các đồng chí có trách nhiệm hành động quá lộ liễu;
12. Cho quần chúng biết kế hoạch quá sớm, nên bọn phản động nắm được;
13. Trước cuộc bãi công không bầu uỷ ban đấu tranh;
14. Sau cuộc bãi công, xem nhẹ việc giải thích cho công nhân hiểu rõ và rút được kinh nghiệm bổ ích.

C- Những thiếu sót trong các cuộc đấu tranh của nông dân Thái Bình

1. ở các huyện lân cận, không tổ chức lực lượng dự bị để có thể tăng cường cho phong trào.
2. Không báo cáo cho quần chúng biết mục đích cuộc đấu tranh.
3. Để cho bọn tư sản và mật thám trà trộn vào cuộc đấu tranh, quần chúng biết rõ hết tất cả những người chỉ huy.
4. Sau khi đi đấu tranh về không tổ chức mít tinh.
5. Không rút kinh nghiệm các cuộc đấu tranh của nông dân Nghệ An.

KếT LUậN

Phong trào đấu tranh ở Bắc Kỳ chưa thu được kết quả vì những lý do sau đây:
a) Thiếu liên hệ giữa Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, xứ này không rút được kinh nghiệm của xứ khác.
b) Đảng chưa đủ lực lượng để lãnh đạo tốt phong trào đấu tranh của quần chúng.
c) Các tổ chức của Đảng chưa liên hệ thật mật thiết với nhau.

Tài liệu của
Viện Lịch sử Đảng.

CHƯƠNG TRÌNH VIỆT MINH

Việt Nam độc lập đồng minh (nói tắt là Việt Minh) chủ trương liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, chiến đấu đánh đổ chủ nghĩa đế quốc phát xít Nhật, giành quyền độc lập cho nước Việt Nam.

Sau khi đánh đuổi được đế quốc phát xít Nhật, sẽ lập lên chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lấy cờ đỏ, sao năm cánh làm quốc cờ. Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Quốc dân đại hội cử lên sẽ thi hành những chính sách sau này:

A- CHíNH TRị

1. *Phổ thông đầu phiếu:* hễ ai là người Việt Nam, vô luận nam nữ từ 18 tuổi trở lên đều có quyền tuyển cử và ứng cử, trừ bọn Việt gian phản quốc.
2. *Ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân:* tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại trong nước, tự do xuất dương. Bỏ chế độ bắt phu và các chế độ áp bức do đế quốc đặt ra.
3. *Tổ chức Việt Nam cách mạng quân* và vũ trang dân chúng, thẳng tay trừng trị bọn phản quốc, giữ vững chính quyền cách mạng.
4. *Tịch thu hết thảy tài sản* của đế quốc phát xít. Trừng trị và tịch thu tài sản của bọn Việt gian phản quốc.
5. *Toàn xá phạm nhân.*

6. *Nam nữ bình quyền.*
7. *Tuyên bố dân tộc tự quyết.*
8. Liên hiệp và thân thiện với tất cả các dân tộc hèn yếu, nhất là dân tộc Miên, Lào, Tàu, Triều Tiên, ấn Độ.

B- KINH Tế

1. Bỏ thuế thân và các thứ thuế do đế quốc đặt ra. Lập lên một thứ thuế rất nhẹ và công bình.
2. Quốc hữu hoá các ngân hàng đã tịch thu của đế quốc phát xít Nhật. Lập lên một ngân hàng quốc gia thống nhất.
3. Mở mang các ngành kỹ nghệ, giúp đỡ thủ công nghiệp làm cho nền quốc dân kinh tế chóng phát đạt.
4. Mở mang dẫn thuỷ nhập điền, bồi đắp đê điều làm cho nông nghiệp phồn thịnh.
5. Nhân dân tự do khai khẩn đất ruộng do chính phủ giúp đỡ.
6. Quan thuế (thuế đánh hàng hoá xuất cảng, nhập cảng) độc lập.
7. Mở mang các đường giao thông vận tải (như đường xe lửa, đường ô tô, các nhà giây thép, sông ngòi, v.v.).

C- VĂN HOá GIáO DụC

1. Huỷ bỏ nền giáo dục nô lệ. Gây dựng nền quốc dân giáo dục. Cưỡng bức giáo dục từ bực sơ học. Mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong nền giáo dục dân tộc mình.
2. Lập các trường chuyên môn huấn luyện chính trị, quân sự, kỹ thuật để đào tạ[1] các lớp nhân tài.
3. Khuyến khích và giúp đỡ các hạng trí thức được phát triển tài năng của họ.
4. Khuyến khích và giúp đỡ nền giáo dục quốc dân làm cho nòi giống ngày thêm mạnh.

[1] Trong nguyên bản chụp mi-crô phim chỗ này bỏ trống, không có chữ *đào tạo.*

D- ĐốI VớI CáC TầNG LớP NHÂN DÂN

1. *Công nhân.* Ngày làm 8 giờ. Định tiền lương tối thiểu. Công việc làm như nhau nhận tiền lương ngang nhau. Cứu tế thất nghiệp. Xã hội bảo hiểm. Cấm đánh đập, chửi mắng. Thủ tiêu các giấy giao kèo nô lệ, lập các giấy giao kèo chung của chủ và thợ. Công nhân già có lương hưu trí.
2. *Nông dân.* Nông dân ai cũng có ruộng cày. Giảm địa tô. Cứu tế nông dân trong những năm mất mùa.
3. *Binh lính.* Hậu đãi binh lính có công giữ gìn Tổ quốc và phụ cấp gia đình binh lính được đầy đủ.
4. *Học sinh.* Bỏ học phí, bỏ khai sinh hạn tuổi. Mở thêm trường học. Giúp đỡ học trò nghèo.
5. *Phụ nữ.* Về các phương diện kinh tế, chính trị , văn hoá, đàn bà đều được bình đẳng với đàn ông.
6. *Thương nhân và các nhà kinh doanh.* Chính phủ hết sức giúp các nhà có vốn tự do kinh doanh. Bộ thuế môn bài và các thứ tạp thuế do đế quốc đặt ra.
7. *Viên chức.* Hậu đãi viên chức xứng đáng với công học hành của họ.
8. *Người già và kẻ tàn tật.* Được chính phủ chăm nom và cấp dưỡng.
9. *Nhi đồng.* Được chính phủ săn sóc đặc biệt về thể dục và trí dục.
10. *Hoa kiều.* Được chính phủ bảo chứng tài sản an toàn: được đối đãi như dân tối huệ quốc.

E- Xã HộI

1. Thi hành luật lao động, ngày làm việc 8 giờ.
2. Giúp đỡ các gia đình đông con.

3. Lập ấu trĩ viên để chăm nom trẻ con.

4. Lập các nhà chiếu bóng, diễn kịch, câu lạc bộ, thư viện để nâng cao trình độ trí dục cho nhân dân.

5. Lập thêm nhà thương, nhà đỡ đẻ, nhà dưỡng lão.

G- NGOạI GIAO

1. Huỷ bỏ hết thảy những điều ước do bọn thống trị cũ ký kết với bất kỳ nước nào.

Ký những hiệp ước giao hảo và bình đẳng với mọi nước về các phương diện.

2. Chủ chương các dân tộc được bình đẳng. Hết sức giữ gìn hoà bình.

3. Kiên quyết chống hết thảy những sự xâm phạm đến quyền tự do độc lập của nước Việt Nam .

4. Liên hiệp với tất cả nhân dân và dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Tài liệu của Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.

CHIếN THUậT DU KiCH

Quyển IV

Phòng ngự
Đánh đuổi
Rút lui

Việt Minh xuất bản
năm 1944

Sách lưu tại Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.

In theo sách Việt Minh
xuất bản năm 1944

I
CHIẾN THUẬT PHÒNG NGỰ

Đội du kích kháng Nhật, kháng Pháp, vì những sự khó khăn thực tế, cho nên về mặt chiến thuật không thể dùng lối phòng ngự làm cốt yếu. Thường đội du kích không chủ trương giữ đến chết một nơi nào, vì nếu chủ trương như vậy thì với võ khí lạc hậu của mình, có thể tự đưa mình tới chỗ bị đánh bại. Đội du kích bao giờ cũng chủ trương tranh lấy chủ động tiến đánh quân địch, phá hoại đường sá, quấy rối quân địch. Lúc có thể đánh thì trong giây lát tiêu diệt chúng, lúc không thể đánh thì trong giây lát cao chạy xa bay; quyết không đứng vào địa vị bị động, và hết sức tránh không dùng chiến thuật phòng ngự.

Tuy vậy, không phải đội du kích không bao giờ dùng tới chiến thuật phòng ngự đâu. Lúc thình lình bị quân địch đánh úp, lúc vừa tiến công xong, cần phải phòng ngự để rút lui. Nhất là lúc bảo vệ cho căn cứ địa kháng Pháp kháng Nhật thì chiến thuật phòng ngự lại càng cần thiết lắm. Nhưng chúng ta phải biết rằng: chiến thuật phòng ngự của đội du kích rất là đặc biệt, lúc nào cũng "dĩ công vi thủ", nghĩa là muốn giữ, muốn phòng ngự tất phải tiến đánh quân địch một phần nào.

A. Chiến thuật phòng ngự ngoài nơi căn cứ chống Nhật Pháp

Đội du kích nếu nhanh nhẹn, bí mật được dân chúng ủng hộ (sự ủng hộ của dân chúng chính là cái tường lũy che chở cho mình) thì rất ít khi bị quân địch đánh úp. Tuy vậy, đội du kích luôn luôn phải cẩn thận mới tránh khỏi mưu mô của quân địch.

a) Phải xếp đặt do thám canh gác

Đội du kích phải phái đội viên thường, ăn mặc trá hình đi dò thám chung quanh quân địch. Dù là đóng trại hay đang kéo quân đi, trước mình, sau mình và trên tất cả các nẻo đường quân địch có thể đến, đều phải có đội viên canh gác; ngoài vòng canh gác ấy, lại phải có đội viên võ trang, ăn mặc thường đi do thám. Phải hết sức chú ý liên lạc với dân chúng, nhờ dân chúng bảo tin tức cho, dân chúng là kẻ dò thám tinh nhất của đội du kích.

b) Phải tránh đóng quân ở những chỗ không chắc chắn

Làng nào mình không đủ sức giữ thì không nên chiếm đóng cả làng, chỉ nên lấy một xóm mấy nhà và đóng quân ở đấy. Nếu dân chúng bị đế quốc lừa gạt, đối với du kích không có cảm tình, thì đội du kích đừng ngần ngại, phải đối phó ngay: hoặc trừ bọn Việt gian rõ mặt, hoặc bắt bọn bị ngờ làm Việt gian giữ lại làm con tin, hoặc cấm chỉ trong ngoài thông tin qua lại.

Nếu tình hình găng, thì phải phái đội viên chiếm mặt trận, cắt đội viên ăn mặc thường đi dò thám, đặt những người phụ trách việc liên lạc giữa đội du kích với nhau hay giữa đội du kích với dân chúng cảm tình. Ta nên nhắc lại một lần nữa: cách phòng ngự tốt nhất là dò thám, canh phòng cho kỹ càng, cẩn thận, đặng, tránh khỏi những sự đánh úp bất ngờ.

c) Phải xây đắp chiến luỹ phòng ngự

Do thám đề phòng như thế cũng chưa đủ, đội du kích còn phải chuẩn bị, nếu bị thình lình đánh úp thì ứng phó thế nào. Đội du kích luôn luôn phải sẵn sàng để tụ họp, phải có nơi nhất định để tụ họp. Nơi tụ họp (thường thường là một gian nhà lớn) cần phải có người đứng ở nơi quang đãng, có thể trông xa mà canh gác, đội trưởng và các đội viên thông tin liên lạc đều ở cả đấy. Võ khí và đồ dùng phải sẵn sàng luôn luôn, cần đi là mang đi ngay. Dấu hiệu lúc bị đánh úp, lúc tiến, lúc lui cũng phải dự bị cho đầy đủ sẵn sàng.

Những con đường đi vào nơi tụ họp, thì nên dùng vật ngăn cản có thể cất đi được mà chặn phòng. Những con đường rút lui cũng nên đắp chỗ nấp bắn: hai bên đường. Những con đường không cần dùng đến thì phải chặn nghẽn hẳn đi. Nếu có thể được thì ngoài phòng tuyến thứ nhất ấy phải đặt thêm phòng tuyến thứ hai.

Ban ngày, nếu máy bay quân địch tới ném bom thì đội du kích phải hết sức tổ chức phòng bị, lợi dụng địa thế, những hào rãnh, hầm hố để tránh khỏi sự thiệt hại.

d) Đang đi gặp địch

Nếu đang kéo quân đi mà gặp quân địch thì hoặc sắp đặt rất nhanh để đánh úp chúng, hoặc ra lệnh tháo lui ngay. Khi tháo lui, trừ một bộ đội ở lại sau để che chở cho đội du kích tháo lui, không có sự hành động phòng ngự gì khác nữa. Nếu bị đánh úp ở nơi đóng trại, thì đội du kích phải tỏ tinh thần chiến đấu của mình và thực hành ngay cuộc phản công xông ra chống lại.

B. Chiến thuật phòng ngự những nơi căn cứ chống Nhật - Pháp

Nơi căn cứ chống Nhật - Pháp do đội du kích một mình lập ra, hoặc do đội du kích hợp sức với quân chính quy mà lập ra, không những có chính phủ cách mạng mà lại có kho lương thực, đạn dược và nhà thương của đội du kích nữa. Những nơi căn cứ ấy, cố nhiên đội du kích không thể dễ dàng bỏ mà đi, phải hết sức bảo vệ lấy nó. Tuy vậy, không phải là dù sống chết cũng phải khư khư giữ lấy nó. Trong lúc phòng giữ cũng phải chia quân ra đóng từng nơi nhất định mà chọi với đại đội quân địch. Chúng ta phải nhớ luôn rằng: lối phòng giữ của chúng ta là một lối riêng, nhanh nhẹn thay đổi theo tình thế, không bao giờ làm cho đội du kích sa vào địa vị bị động; không bao giờ để quân địch có thì giờ, có cơ hội tiêu diệt ta.

Thế thì trong trường hợp ấy, lối phòng ngự của chúng ta phải thế nào:

a) Phải dùng lối phòng ngự nhanh nhẹn

Trong khi quân địch tiến đánh nơi căn cứ của ta, chúng ta cũng có thể cho một số ít đội viên du kích đi chiếm lấy

những nơi yếu hiểm, xây đắp chiến luỹ tạm thời, cùng quân địch đối chiến. Nhưng đối chiến như vậy, mục đích không phải là ta quyết giữ trận địa đến chết, mà là chỉ để kìm hãm thế lực quân địch, làm cho chúng không thể tiến mau, để trong lúc ấy quân chủ lực của ta có dịp mà đánh úp lại và tiêu diệt chúng.

Quân địch tiến đánh căn cứ du kích thường dùng lối chia ra nhiều đường mà tiến, hợp lại một đường mà đánh. Cho nên, nếu đội du kích mạnh thì có thể đem hết sức ngăn cản chúng, làm cho chúng không thể tiến chóng như ý muốn, và trước khi các đạo quân của chúng đang cách xa nhau, chưa tiếp ứng nhau được, thì đội du kích cứ đánh từng đạo, tiêu diệt từng đạo. Nếu các đạo quân địch đã tiến gần nhau, đã tiếp ứng nhau được, thì đội du kích nên nhằm xem nơi nào là nơi yếu của quân địch, đánh tạt ngang vào, chia quân địch ra nhiều đoạn, rồi cứ từng đoạn một mà tiêu diệt. Lối đánh này cần phải có lực lượng đầy đủ mới làm được.

Nếu lực lượng ta yếu, thì ta chớ nên cố đánh lại quân địch ngay. Lúc quân địch tìm ta thì ta nên tránh, đợi lúc nào chúng không ngờ bị đánh, ta hãy đánh úp, như quyển "Chiến thuật du kích số II"[1] đã nói.

b) Phải hết sức lợi dụng hình thế đất đai mà ngăn cản quân địch tiến

Phải phá hay chặn đường sá. Phải phá cầu cống. Nếu có thể được, lại phải dẫn nước làm ngập đường sá. Làm được như vậy thì đội cơ giới hoá của quân địch không thể tiến được, đội kỵ binh của chúng cũng không thể tiến mau. Chúng chỉ có thể phái bộ binh tiến đánh chúng ta. Chúng ta có thể đối phó dễ hơn nhiều.

c) Phải thực hành kế hoạch "Vườn không nhà trống"

ở những nơi đội du kích sửa soạn rút lui thì nên cổ động dân chúng thực hành kế hoạch "Vườn không nhà trống"; lấp giếng nước hay bỏ chất độc xuống; rút ngõng cối xay, chở lương thực, quần áo, mang nồi niêu, chén bát, dắt súc vật chạy lên núi.

Quân địch đến vừa đói, vừa khát (Những chỗ có sông ngòi

1) Xem *"Chiến thuật du kích quyển II"* ở tr.247.

ít nhất là làm cho quân lính, lừa ngựa của địch không có lương thực); vận lương khó khăn. Nhân thế sức chiến đấu của chúng bị giảm; bị đánh là phải bỏ chạy.

d) Phải cổ động dân chúng hăng hái tham gia chiến đấu

Những công việc kể trên không có dân chúng ủng hộ, tất khó mà thực hành được. Chúng ta cần phải cổ động dân chúng giúp đội du kích một cách hăng hái, tích cực như do thám, đưa đường, đưa thơ, giúp đỡ chuyên chở, khiêng lính bị thương, tự động phá cầu, phá đường, v.v.. Nếu dân chúng thật là hăng hái, thì với những võ khí lạc hậu như: cung, nỏ, súng kép, giáo, mác, rừu, búa, gậy gộc cũng có thể làm được việc lớn, nhất là trừng trị bọn do thám của quân địch và bọn Việt gian.

Kinh nghiệm Hoa Bắc dạy ta rằng: nếu có dân chúng giúp vào, thì sự bảo vệ các căn cứ du kích tuy khó, nhưng không phải không thể làm được.

đ) Phải hoạt động phía sau quân địch

Trong khi chia đội viên đón đánh quân địch thì lại phải phái đội viên quấy rối phía sau quân địch, đánh úp các đội vận tải, phá tan liên lạc giao thông. Làm được như vậy thì quân địch sẽ bị thiếu thốn và sẽ dễ bị ta đánh bại.

e) Dùng lối đánh "chim sẻ"

Tức là lúc quân địch kéo vào đánh nơi căn cứ của ta, chúng ta phái đội viên du kích tản mát ra như một đàn chim sẻ, nấp hai bên đường, trên các mỏm núi, chỗ một người, chỗ hai người, cách nhau khá xa. Các đội viên ấy cứ bắn vào hàng ngũ quân địch, tốt nhất là nhằm bọn quan chỉ huy mà bắn. Lối đánh "chim sẻ" tuy không quyết định được sự thắng lợi, song, hiệu lực rất lớn. Quân địch sinh ra rối loạn, cứ bị bắn mà tìm không thấy kẻ thù, có tản ra mà đánh đuổi cũng không biết theo hướng nào mà đánh đuổi. Rốt cuộc, nhiều khi chưa đánh nhau, mà đã phải rút lui.

ở Hoa Bắc một lần quân Nhật chia sáu đường, đánh vào phía Nam đường Chính Thái, bị đội du kích Tầu dùng lối đánh "chim sẻ" mà chống lại. Rốt cuộc, đại đội quân Nhật mới xung đột với một liên du kích (100 người) mà đã mất cả chí chiến đấu, phải thoái lui ngay.

II
CHIẾN THUẬT ĐÁNH ĐUỔI

Chiến thuật đánh đuổi quân địch phải chia làm hai trường hợp: đuổi theo quân địch bị đội du kích đánh bại và đuổi theo quân địch bị quân chính quy đánh bại.

A. Đuổi đánh quân địch bị đội du kích đánh bại

Quân địch đã bị đánh bại thì đội du kích phải đuổi theo, thừa lúc chúng bị khó khăn mà kế tiếp xung phong, tiêu diệt lực lượng của chúng. Tuy vậy không nên đuổi xa quá, vì đuổi xa quá tất có thể gặp viện binh quân địch. Quân địch bị đánh tan rồi, thì cắt ra một số đội viên xếp dọn chiến trường: cứu kẻ bị thương, xử trí những vật liệu lấy được, xử trí tù binh, còn đại đội thì phải đi ngay, phòng khi máy bay địch tới ném bom. Chỉ có khi nào thật mười phần chắc chắn là viện binh quân địch không đến thì đại đội du kích mới có thể và mới nên ở lại hơi lâu, để tiến hành các công việc khác, như công việc tuyên truyền, tổ chức quần chúng, v.v..

Nếu quân địch bị đánh bại ở gần nơi căn cứ chúng ta, thì chúng ta lại càng cần đuổi theo mà tiêu diệt. Trong trường hợp này, càng cần động viên dân chúng giúp vào. Với những võ khí lạc hậu, dân chúng cũng có thể giúp đội du kích tiêu diệt quân địch, làm cho chúng không một tên nào lọt khỏi lưới mình.

B. Đuổi đánh quân địch bị quân chính quy ta đánh bại

Quân địch bị bại trước mặt trận thì chí chiến đấu kém lắm, đội du kích tuy sức không mạnh cũng có thể đuổi đánh. Đuổi đánh bộ binh, thì mục đích là tiêu diệt binh lính của địch, làm cho chúng bỏ hàng ngũ chạy tan, trong lúc bị cả đội du kích, cả dân chúng hết sức bắt hay giết; đuổi đánh pháo binh và đội vận tải, thì mục đích là làm cho binh lính địch bỏ chạy, để chúng ta chiếm lấy súng đại bác, đạn dược, lương thực. Đội du kích cũng có thể đánh đuổi theo lối "đi ngang hàng" (bình hành) nghĩa là trong lúc quân địch thua chạy, đội du kích kéo đi một đường khác, cùng một hướng với quân địch, đi thật nhanh, lúc nào đi kịp hay vượt quá quân địch thì đánh tạt ngang vào sườn hoặc mai phục đợi nó đi qua sẽ đánh úp.

III
CHIẾN THUẬT RÚT LUI

Rút lui đối với quân chính quy là một việc rất thường và ít khi có lợi, vì quân chính quy có bị thua mới rút lui, hoặc tiến quá trớn phải rút lui để thu ngắn bớt mặt trận hay giữ vững liên lạc với mặt sau. Đối với đội du kích thì khác hẳn. Không những bị thua mới rút lui mà sau một trận thắng cũng phải rút lui để tránh viện binh của địch và nhiều khi chưa đánh đã phải rút lui để tránh cho quân địch khỏi đánh úp. Vì vậy chiến thuật rút lui mà dùng cho đúng thì đối với đội du kích không những không phải là một điều xấu hổ mà trái lại là một việc cần thiết để cho đội du kích khỏi bị tiêu diệt và có thể chuẩn bị cuộc tiến công có lợi hơn.

Đánh được rồi rút lui thì thường thường chẳng có gì là khó khăn. Còn đến lúc bị đánh thua mới rút lui thì đó là một việc nên hết sức tránh, nếu đội trưởng đội du kích biết dò xét, đo đắn cho cẩn thận, có chắc được mới tiến công, thì đại đội quân địch đến mình vẫn có thể tránh được.

Nhưng nếu xảy ra việc bất lợi: bị đánh thua phải rút lui hay nghe tin quân địch mạnh sắp đến mà rút lui không kịp, bị đuổi theo, thì phải đối phó thế nào? Trong những lúc khó khăn ấy, có năm điều cần phải chú ý:

a) Một là chọn ra một số đội viên chống với quân địch để che chở cho số đông rút lui. Trong khi rút lui, trừ khi nào bất đắc dĩ, còn thì không nên chia ra từng bộ phận, vì chia như vậy rất dễ làm cho đội viên du kích mất tinh thần hăng hái. Điều đó nên đặc biệt chú ý.

b) Hai là đội trưởng phải tỏ tinh thần kiên quyết của mình, trong khi gặp khó khăn hay nguy hiểm giữa đường phải làm gương can đảm cho đội viên. Có thế mới giữ được tinh thần cả đội hăng hái như trước.

c) Ba là lúc rút lui, tuy bị quân địch theo đuổi, nhưng vẫn phải hết sức gần gũi dân chúng, cổ động dân chúng theo du kích hoặc dẫn đường, dẫn lối và giúp du kích dò thám tin tức của quân địch.

d) Bốn là rút lui phải có kế hoạch, phải có mưu mẹo. Hết sức tránh không để cho bộ đội cơ giới hoá và đội kỵ binh của quân địch đuổi kịp. Hết sức làm cho mất tung tích, quân địch không thể tìm ra mình đi nẻo nào. Theo hoàn cảnh, hoặc đi đường tắt, hoặc chọn chỗ kín ẩn nấp, rồi tới khuya sẽ kéo đi, hoặc đi quặt lại, kéo về phương hướng trái với phương hướng quân địch đuổi, hoặc cải trang ăn mặc quần áo thường hay quần áo giống hệt quân địch, hoặc kéo quân đi thật nhanh, mỗi ngày đi năm sáu mươi cây số.

đ) Năm là lúc đã tránh khỏi bị đuổi thì tìm ngay một nơi chắc chắn, hết sức cổ động dân chúng lập ra một chỗ đứng chân, tổ chức đội du kích lại cho vững vàng hơn và chuẩn bị tiến đánh quân địch.

Trên đây là nói trường hợp quân địch quá mạnh. Còn nếu quân địch yếu, liệu thể làm được thì trong lúc rút lui nửa đường nên chọn nơi tốt, mai phục đợi chúng đi qua đánh úp cho chúng một vố! Nhớ phải cẩn thận lắm mới được! Chớ làm liều mà thất bại to!

Còn một điều nữa là trong lúc rút lui, những đội viên phụ trách việc vặt (tạp vụ) thường thường rất khó lòng giữ được trật tự. Vì vậy ngày thường nên chú trọng huấn luyện cho những đội viên ấy một cách kỹ càng. Cũng có lúc đã phái một số đội viên phụ trách che chở cho số đông rồi, nhưng các đội viên ấy chưa kịp bắn thì quân địch đã xông tới; trong những lúc nguy hiểm ấy, đội viên nào cũng phải can đảm, ra đứng mũi chịu sào chống với quân địch, che chở cho anh em, không được bối rối.

CHIẾN THUẬT DU KÍCH

Việt Minh xuất bản
năm 1945
Sách lưu tại Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.

In theo sách Việt Minh
xuất bản năm 1945

CÔNG TÁC PHÁ HOẠ[1]

SỐ III

I. CHIẾN THUẬT DU KÍCH VỚI CÔNG TÁC PHÁ HOẠI

Mục đích phá hoại của quân đội du kích cốt để đoạn tuyệt sự tiếp tế lương thực, khí giới, quân cứu viện bên địch, đoạn tuyệt tin tức giao thông bằng thư từ hay bằng điện thoại, hãm địch quân vào một tình trạng khủng hoảng và nguy khốn, làm giảm bớt hoặc tiêu diệt sức chiến đấu bên địch, nhân đó, địch quân sẽ bị ta tiêu diệt một cách rõ ràng.

Về mặt tinh thần, có thể phá hoại tinh thần chiến đấu quân địch, do đó sẽ xẩy ra sự phản đối chiến tranh trong hàng ngũ quân địch, làm cho địch quân bị tan rã.
Bởi thế ta có thể cho rằng công tác phá hoại là một công tác rất quan trọng trong những công tác quan trọng khác của đội quân du kích.
Dưới đây sẽ bàn tính các vấn đề thuộc về công tác phá hoại của đội quân du kích.

II. THế NàO Là CÔNG TáC PHá HOạI?

Công tác phá hoại là một công tác rất quan trọng của đội quân du kích. Địch nhân chiếm đóng thành thị cùng các đường giao thông quan trọng của ta. Đội quân du kích cần phải ở rải rác xung quanh địch nhân, hoạt động ở bên trái, bên phải, đằng trước và sau lưng quân địch. Tuỳ thời, tuỳ lúc có thể thi hành được công tác phá hoại; có thế, mới có thể làm tròn nhiệm vụ du kích chiến tranh.

---

1) Ngoài bìa sách ghi “Chiến thuật du kích”.

Công tác phá hoại đại khái chia làm hai mặt:

1- Phá hoại về mặt vật chất

a) Phá hoại đường cái quan, đường sắt cùng các đường lối khác và cầu cống.

b) Phá hoại dây thép, dây điện thoại.

c) Phá hoại sự bố phòng về quân sự: đồn trại, pháo đài, bót gác, trận tuyến.

d) Phá hoại nhà máy điện, nhà máy nước.

e) Phá hoại kho lương thực, súng đạn.

f) Phá hoại các công binh xưởng và các ngành kỹ nghệ thuộc về quân sự khác.

g) Phá hoại trại lính và các nơi cắm trại tạm thời.

2- Phá hoại về mặt tinh thần

A. Quân sự

a) Làm giảm bớt sức chiến đấu của địch quân.

b) Chia rẽ hàng ngũ địch quân.

c) Gây ra sự khiêu khích giữa quan và lính, cấp trên, cấp dưới bên địch ác cảm lẫn nhau.

d) Liên lạc với những phần tử náo động bên địch bày cách cho họ làm binh biến.

B. Xã hội

a) Cổ động tinh thần cách mạng chiến đấu của dân chúng.

b) Bắn giết đặng tiêu diệt chó săn chim mồi.

c) ám sát Việt gian, Hán gian.

d) Phá hoại các tổ chức phản động.

III. NHữNG ĐIềU CốT YếU Về VIệC THI HàNH CÔNG TáC PHá HOạI

Cố nhiên đội du kích cần phải thân hành đi làm những công tác phá hoại. Nhưng nếu công việc đó chỉ dành riêng cho đội quân du kích làm lấy cả, nhất định sẽ không làm được đến nơi đến chốn, làm hết và làm luôn luôn được.

Muốn công việc phá hoại thành công việc hằng ngày, phổ biến triệt để, nếu không được dân chúng giúp sức, thì không

tài nào đạt đến mục đích ấy được, vì quân số của đội quân du kích có hạn, không đủ người phân phối đi làm những việc đó, vả lại cần phải nhắm vào những dịp tốt cùng những nơi canh phòng sơ sài bên địch mới có thể thi hành được. Còn như về phần dân chúng trong những ngày làm ăn bình thường, họ thấy nơi địch nhân canh phòng hớ hênh và nhân những dịp đó họ tự đi phá hoại. Như thế so với sự hành động của quân du kích còn hiệu nghiệm hơn nhiều.

Bởi vậy, muốn làm tròn nhiệm vụ đó, đội quân du kích cần phải hợp tác với dân chúng, động viên dân chúng giúp sức vào công việc chung phá hoại, như thế rất có lợi cho ta.

Cũng bởi dân chúng giúp sức vào việc phá hoại, nên họ cũng hiểu biết cách thức phá hoại. Cố nhiên, về mặt vật chất, công tác phá hoại là một kỹ thuật cốt làm cho địch nhân cảm thấy mình bị trói buộc hoảng hốt reo động giống như một con thú dữ bị bẻ gẫy răng, bị trói chân lại, dù cho có sức mạnh hùng hổ, cũng không làm gì nên chuyện.

Phá hoại đường sắt, đường cái tức là cắt đứt mối liên lạc giữa tiền phương và hậu phương, giữa bên trái và bên phải, làm cho địch nhân bị khốn đốn, khủng hoảng và cô lập.

Phá hoại đường sắt hoặc phá hoại cầu cống, đốt phá các nhà ga làm cho địch nhân không thể dùng đường sắt để chở quân đội, khí giới, v.v. được.

Khi phá hoại cần phải chú ý mấy điều như sau:

1) Cách xa đội quân coi đường bên địch khá xa.

2) Cách xa đội phụ kíp chữa đường khá xa.

3) Những nơi địa hình hiểm trở như những đường đi qua hồ ao, qua ven núi, qua đèo, đường đê v.v..

4) Phá hoại đường sắt, nên phá hoại những quãng đường vòng.

5) Phá hoại cầu cống thì nên phá giữa quãng dòng nước chảy xiết và sâu.

6) Phá hoại những bến ô tô, xe hơi, nhà ga nào quan hệ về chiến lược quân sự nhất.
7) Phá hoại đường sắt, cần cắt dây điện thoại trước tiên.
8) Phá hoại đường sắt, cần đốt những khúc gỗ đệm đường sắt và quăng đường sắt xuống sông.
9) Phá hoại đường sắt cần chia làm mấy đoạn, mỗi đoạn cách xa nhau ít ra độ ba bốn cây số.
10) Phá hoại đường sắt, nên phá hoại cả đường đất (của đường sắt) nữa càng tốt.
Còn như công việc phá hoại đường cái nhựa và các đường lối khác cũng như phá hoại đường sắt thôi không khác nhau mấy tí, cốt yếu là phá hoại từng quãng đường một hoặc đào hố sâu lõm xuống đường đi, hoặc phá cầu cống.
Phá hoại dây thép, dây điện thoại thì cắt đứt là được, phá đổ các cột dây thép, nhưng có đôi khi chưa cần phá hoại lại còn dùng để trộm nghe tin tức bên địch nữa.

Đối với việc phá hoại các công trình kiến trúc về mặt quân sự khó khăn hơn, vì những nơi đó phần nhiều có lính gác. Nhưng đôi khi ta có thể hành động một cách khôn khéo, tiến tới những nơi hở cơ, phòng bị sơ sài, rồi phá hoại một cách mau chóng bằng các thứ thuốc nổ, tạc đạn, cốt mìn v.v. hay đốt phá đi. Cần tập trung lực lượng lại phá hoại những nơi rất quan trọng, nếu không, công việc của ta không ăn thua gì.

PHá HOạI NHà MáY ĐèN, MáY NƯớC

Những thành thị trước khi bị địch nhân chiếm đoạt cần phải phá hoại nhà máy điện, máy nước đi. Nếu ở các nơi nhỏ không có nhà máy điện, máy nước, chỉ có những thứ như dầu xăng, dầu tây, đèn nến... thời phải thâu lấy hết mang đi hoặc đốt đi.

Đội coi giếng nước thì vất trâu bò, lợn gà chết xuống, rồi lấp đi làm cho địch nhân không có nước mà uống.

Các kho chứa chất, công xưởng, dinh trại phải đốt phá đi hay dùng thuốc nổ phá huỷ đi.
Nói tóm lại là hễ đồ vật gì, địch nhân có thể dùng về mặt sinh hoạt, cũng như về mặt chiến đấu thời ta không ngần ngại gì phải phá huỷ đi hết.
Những khí cụ dùng để phá huỷ như các thứ thuốc nổ, dầu hoả, v.v. cần phải chuẩn bị đầy đủ mới làm tròn nhiệm vụ ấy được.

IV. NHữNG VấN Đề CầN GIảI QUYếT TRƯớC KHI THI HàNH CÔNG TáC PHá HOạI

Địch nhân tới tấn công ta, phần nhiều chúng dùng xe lửa, xe hơi và đôi khi dùng máy bay chở quân lính, võ khí, đạn dược, thuốc men, quần áo và các thứ đồ dùng. Khi chúng đi xa vào nội địa ta, cách xa hậu phương rồi, sự vận tải khó khăn và phiền phức; đây là những nhược điểm mà địch quân không tài nào tránh khỏi.

Nếu chúng ta có thể phá hoại những khí cụ giao thông vận tải như máy bay, xe cộ, võ khí, xe tăng ở hậu phương quân địch, sẽ làm cho địch nhân tăng thêm nhiều sự khó khăn và làm cho sự tấn công bên địch gặp nhiều sự trở ngại lớn.
Công tác phá hoại cần phải phối hợp với công tác đồng không tường vững (kiên bích thanh da)[1] thời mới đoạn tuyệt được mọi sự tiếp tế về lương thực, đạn dược, võ khí, nguyên liệu, v.v. được.

Lúc ấy địch nhân sẽ không chiếm được một vật gì, một thức gì để ăn hay để dùng; tin tức không thông, điều động không được, cần phải nhiều quân canh phòng, binh lực tản mát, nhịn đói, nhịn rét, làm cho quân thù thêm dao động. Muốn tiến thì chỗ nào cũng gặp quân ngăn cản, lại luôn luôn bị uy hiếp đằng sau. Như thế sẽ đẩy địch quân vào một tình

1) Theo nguyên bản. Chúng tôi không rõ nghĩa.

thế khó khăn, nguy hiểm như quân đội Nã Phá Luân năm 1812 vậy. Tiến thoái lưỡng nan, lúc bấy giờ quân chủ lực ta sẽ có cơ hội đánh tan quân địch.

Số người đi làm công việc phá hoại căn cứ, cứ theo nhiệm vụ nặng nhẹ và tình hình bên địch mà quyết định. Thường phái du kích tiểu tổ hay một số quân trong đội du kích ra làm công việc đó cũng đủ rồi. Nhưng nên nhớ rằng trước khi tiến hành cần phải chú ý mấy điều sau này:

1- Điều tra địa hình, tình hình bên địch, những vật phá hoại một cách rõ ràng:

Trước hết lấy nơi mình định phá hoại làm căn cứ, rồi điều tra và xem xét kỹ càng nơi địch quân đóng có hạng lính gì, binh lực thế nào, sự canh phòng ra sao, ở gần chỗ đó địa hình đường lối ra sao, rồi sẽ định kế hoạch cho sát. Nếu như không rõ tình hình và không dễ dàng hành động thì không nên làm, vì như thế không những không ăn thua gì mà còn có khi nguy hiểm là khác.

2- Lựa chọn nơi phá hoại và thời gian phá hoại:

Khi phá hoại đường lối giao thông thì ta cũng xét xem có tổn hại tới sự hành động của ta không trước đã, rồi ta sẽ làm. Đối với công việc phá hoại đường sắt, cầu sắt, các nhà ga, cột dây thép thì chọn những nơi mà địch nhân canh gác sơ sài và chỗ khuất mặt không dễ nhìn thấy, công việc phá hoại lại dễ dàng nhưng rất khó sửa chữa lại.

Còn việc lựa chọn thời gian phá hoại nên chọn lúc mà quân địch canh gác sơ sài, sự hành động của ta rất tiện lợi, nên chọn lúc chập tối, đêm khuya, tờ mờ sáng hoặc khi quân đội đang vận động tập tành.

3- Lựa chọn cách phá hoại và chuẩn bị khí cụ phá hoại:

Đã có cái đối tượng phá hoại và đã chọn được chỗ phá hoại rồi, cần phải chuẩn bị phương pháp phá hoại ngay, hoặc: đốt cháy, phá huỷ, cắt đứt, đào sâu, v.v..

Cần phải chuẩn bị khí cụ như: Cắt dây thép thì phải có kềm, kéo. Đào hầm hố phải có xẻng, cuốc. Tháo đường sắt thì cần kềm lặc lê, ngoài ra phải dự bị dầu hoả để phá huỷ các kho chứa chấp. Phá đường sắt, cầu cống cần thuốc nổ hay mìn và cần xem xét sức kiên cố của những vật đó như thế nào, ta mới biết dùng bao nhiêu thuốc nổ để dùng vào công việc phá hoại đó.

4- Chia làm hai đội: đội làm và đội che chở, phải giao nhiệm vụ phân minh cho họ làm.

Những người đi phụ trách công việc phá hoại gọi chung là đội phá hoại. Nhưng trong đó phải chia làm 2 đội khác nhau: đội công tác và đội che chở.

Mỗi đội có một viên đội trưởng chỉ huy.

Những đội viên của đội công tác phải là những người can đảm, cẩn thận, mau lẹ, lại hiểu biết công việc phá hoại.

Những đội viên của đội che chở cần phải là những người can đảm, cẩn thận, trầm tĩnh, tai mắt tinh thông, sáng suốt và bắn giỏi.

Ngoài ra, hầu hết các đội viên đều có một trình độ giác ngộ chính trị khá cương quyết hy sinh và giữ được bí mật.

Đây là những điều kiện rất cần thiết, vậy trước khi tiến hành công việc phá hoại, phải quy định nhiệm vụ rõ ràng của mỗi đội.

Nói rõ cái đối tượng mình định phá hoại, nơi phá hoại, thời gian phá hoại, phương pháp phá hoại, khí cụ phá hoại và phải phân phối đội quân che chở, nhắc thêm cho mỗi người cần chú ý luôn luôn trong khi đi làm công việc phá hoại.

5- Những việc cần chú ý trong lúc đương tiến hành công tác phá hoại và sau khi phá hoại rồi, cần phải làm thế nào?

Khi đã chuẩn bị đủ các thứ đồ dùng để phá hoại rồi, thời đi theo con đường mà ta đã định sẵn, hành động khéo léo để đi tới gần nơi đó.

Nếu như đi đến nửa đường, gặp một hai tên lính bên địch nào đó thì phải kiếm cách bắt lấy hoặc giết đi. Nếu như

gặp đội quân tuần phòng hay đội quân địch nào đó thì phải trốn tránh, đợi chúng nó đi qua, rồi ta sẽ tiến lên.

Lúc bắt đầu thực hành công việc phá hoại, trông thấy địch nhân thì đội che chở phải hết sức chống lại, đội công tác phải hết sức làm việc cho mau đặng làm xong công việc phá hoại.

Sau khi phá hoại, chiếm đoạt được những đồ vật gì phải phá huỷ hoặc vất đi, những cái gì đối với ta cần dùng thời lấy mang về dùng.

Phá hoại xong phải mau mau rút lui.

V. LàM THế NàO PHá HOạI ĐƯờNG SắT ĐƯờNG HầM (TUNEL), BếN XE XA TRạM?

A- Phá hoại đường lối

Đối với công việc thực hành phá hoại đường cái nhựa và đường lối khác, có khi dùng thuốc nổ, đôi khi lại dùng khí cụ, tuỳ từng trường hợp mà quyết định. Đại khái như sau:
1) Phá hoại đường đi qua sườn núi, cần chọn quãng đường đi qua dốc, đào một cái hố sâu rồi chôn thuốc nổ vào đấy làm nổ tung quãng đường đi, hay dùng cuốc xuổng đào từng quãng đi cũng được.
2) Phá hoại đường lõm, thì chọn những quãng đường nào sâu lõm xuống, đào một nửa đường đi, nhưng chọn chỗ nào khó chữa nhất hay đào hố chôn thuốc nổ ở hai bên đầu dốc xẻ xuống chỗ đường lõm để làm bật tung đường lên

B- Phá hoại đường sắt

Muốn phá hoại đường sắt, cần chọn chỗ nào khó sửa chữa nhất như cầu cống, đường hầm hay những quãng đường quanh co. Phương pháp phá hoại thì dùng thuốc nổ, cốt mìn hay khí cụ phá hoại, nếu nơi nào có hai con đường sắt tránh nhau cũng phải phá hoại hết. Đại khái có mấy cách như sau:

1) Phương pháp làm bật tung đường sắt: Chôn một ống thuốc nổ độ 4,5 kilô ở hai bên vệ đường gần chỗ đường sắt nối nhau, rồi đặt đầu ngòi dẫn hoả lên trên đường sắt.

2) Phương pháp phá hoại:
Nếu như có đủ thì giờ thời dùng phương pháp phá hoại: Tháo đanh ốc ra, bỏ cục gỗ ra, thanh sắt đem cất giấu đi, hay quăng xuống sông, bằng gỗ thì đốt.
3) Còn những phương pháp phá hoại khác thì mau hơn và to tát hơn, đại khái như:
a) Chồng chất củi gỗ lên trên đường sắt đốt lên; nếu có những toa xe gần đó thì đẩy vào đốt một thể; khi đốt cần kiếm một ít dầu tây hay rơm rạ, cỏ khô để làm mồi dẫn hoả.
b) Tháo đanh ốc ra, rồi buộc dây thừng vào đường sắt, dùng ngựa hay trâu kéo làm cho đường sắt cong đi.
c) Tháo đanh ốc ở những quãng đường sắt lên dốc hay xuống dốc, chỗ quanh eo hay ở cầu cống, khi tàu hoả chạy qua chỗ đó, nhất định bị trật bánh.

C- Cách phá hoại đường hầm nhà ga

Muốn phá hoại đường hầm một cách hiệu quả thì cần đào một lỗ ở trên đỉnh quãng giữa rồi chôn thuốc nổ vào đấy làm nổ tung lên cho đất đá lấp hẳn lối đi. Nếu con đường đó còn để ta dùng, chỉ tạm thời phá hoại thôi thì chỉ làm nổ 2 đầu ra vào đường hầm hay tháo bỏ một đoạn đường đi là đủ.
Còn như muốn phá hoại nhà ga, trước hết phải cắt đứt dây thép, dây thép nói liên lạc giữa ga này với ga khác đã, rồi phá hoại máy nước, các chỗ bẻ ghi cùng các thứ máy móc, khí cụ giao thông vận tải, v.v. đều phá huỷ hết.
1) Phá máy nước cần phải phá cái thùng đựng nước, đút các chất nổ vào thùng làm nổ tung lên.
2) Phá hoại các nơi bẻ ghi các đường rẽ.
3) Những nơi đường rẽ cần tháo quãng đường sắt đó đi hoặc phá hoại đi.

Phá hoại đầu tầu thì phải phá những bộ phận cốt yếu như còi, ống dẫn nước, dẫn hơi, dẫn dầu, máy hãm. Còn

những khí cụ vận tải này khác, thứ gì không lấy được thì tập trung lại, tưới dầu lửa hoặc lấy củi chất đống lại đốt. Những thứ gì không cháy cũng sẽ bị hư hỏng không thể dùng được nữa, những đường sắt cũng hoá mềm đi, vô dụng.

VI. LàM THế NàO PHá HOạI CầU CốNG?

Muốn làm ngăn cản giao thông vận tải bên địch trong một thời gian lâu dài, thì công việc phá hoại cầu cống cần phải phá hoại cả nền móng của nó nữa. ít nhất cũng phải phá bỏ mấy cái cột cầu ở giữa quãng mà nước chảy xiết nhất, nếu chỉ phá hoại ít thôi thì chỉ phá một hai đoạn lót ván hay một hai đoạn sắt bắc ngang cũng được.

Khi phá hoại các cầu cống cần phải đốt huỷ cả hay khuân vác lấy các đồ gỗ ở gần đấy có thể dùng làm vật liệu sửa chữa cầu cống.

Còn như phương pháp phá hoại cần phải xem cái cầu mình định phá làm bằng gì, sắt hay gỗ, thời gian phá hoại ngắn hay dài, cần bao nhiêu người, bao nhiêu đồ dùng, rồi mới có thể hoặc dùng cách đốt phá hay phá huỷ, hay thuốc nổ, tuỳ đó mà chọn phương pháp tiến hành.

Công việc phá hoại cầu cống đại khái như sau này:

a) Cầu gỗ thì dùng cách thiêu đốt, làm bật nổ, v.v., đại khái có 4 cách:

1- Dùng thuốc nổ phá tung cầu đi. Cách này chỉ trừ khi nào cần phải đoạn tuyệt ngay đường giao thông bên địch mới dùng cách này.

Còn như lựa chọn để phá, thời phải xem tình hình lúc bấy giờ mà quyết định. Tốt nhất là chọn một nơi mà chôn thuốc nổ, sau khi phá hoại lại khó sửa chữa nhất. Nếu là cầu nổi trên sông thì đút thuốc nổ vào dưới thuyền rồi đốt, cầu sẽ đứt đôi.

2- Cách phá huỷ. Nếu như có đủ người và đủ thời giờ, thì có thể dùng cách phá hủy này: Tháo hết các bộ phận cầu ra rồi vận đi nơi khác. Nếu chân cầu bằng sắt, bằng đá thì phá đi, bằng gỗ thì đốt đi.

3- Dùng cách thiêu đốt. Dùng các thứ như củi gỗ, có buộc ở dưới gầm cầu, rồi tưới dầu hay các thứ dẫn hoả khác đốt lên.

4- Dùng cách phá hoại thả xuống nước. Khi cháy đến cầu thì bùng nổ làm cầu hư hỏng, cách này trừ khi nào đã bị quân địch chiếm giữ, xa không thể gần được mới làm như vậy.

b) Cầu sắt. Phá hoại cầu sắt thì dùng các chất nổ để phá. Khi muốn phá cầu, chú ý mấy điều sau này:

1- Phá hoại cầu sắt cần nhiều thuốc nổ và một thời gian khá dài. Trước hết phải xem cầu ấy cao hay thấp, có khi chôn thuốc nổ ở chân cầu, có khi chôn ở cột cầu.

2- Chân cầu cần đào một lỗ rồi chôn thuốc nổ xuống đấy.

3- Dùng thuốc nổ phá hoại cây sắt bắc ngang cầu làm cho hai cây sắt ấy gẫy đi, cầu sẽ đổ.

4- Nếu chỉ tạm thời phá hoại ít lâu lại dùng, thì chỉ nên phá những thanh sắt bắc ngang cầu, còn như 2 cây sắt cột trụ bắc từ đầu này sang đầu kia thì để nguyên.

5- Nếu như thời gian cần kíp chưa kịp phá chân cầu thì cốt phá thân cầu cũng được.

CHÚ THÍCH
VÀ
BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

CHÚ THÍCH

1. *Sự kiện thành lập Đảng:* Vào những năm 1928-1929, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta tiếp tục dâng lên khắp đất nước. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã được truyền bá mạnh mẽ trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Một trào lưu cách mạng mới xuất hiện, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của một chính đảng thực sự của giai cấp công nhân.

Những phần tử tiên tiến trong phong trào cách mạng đã nhận thức được tình hình đó và đã đứng ra thành lập những tổ chức cộng sản đầu tiên.

Ngày 17-6-1929, *Đông Dương Cộng sản Đảng* được thành lập ở Hà Nội. Đông Dương Cộng sản Đảng ra *Chánh cương, Tuyên ngôn,* nêu rõ đường lối của Đảng là làm cách mạng dân chủ tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hành công nông liên hiệp. Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng đã thúc đẩy phong trào cộng sản ở trong nước tiến mạnh. Tháng 7-1929, *An Nam Cộng sản Đảng* cũng được thành lập. Tháng 9-1929, những đảng viên ưu tú của Đảng Tân Việt ra tuyên bố thành lập *Đông Dương Cộng sản liên đoàn.*

Trong vòng 4 tháng, ba tổ chức cộng sản liên tiếp ra đời. Sự kiện đó chứng tỏ việc thành lập Đảng Cộng sản là yêu cầu phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam năm 1929. Nhưng lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cũng như nguyên tắc tổ chức của chính đảng Mác - Lênin không cho phép tồn tại tình hình là trong một nước mà có ba tổ chức cộng sản. Vì vậy tổ chức một Đảng duy nhất của giai cấp công nhân là yêu cầu bức thiết của phong trào cách mạng ở Việt Nam lúc đó.

Nhận được tin có các tổ chức cộng sản ở Việt Nam, Quốc tế Cộng sản đã gửi thư kêu gọi các tổ chức cộng sản này thống nhất lại.

Sau khi nắm được tình hình trên, Nguyễn ái Quốc, với tư cách là đại diện của Quốc tế Cộng sản, đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng đã cử đại biểu đến dự Hội nghị. Riêng Đông Dương Cộng sản liên đoàn, không kịp cử đại biểu đến dự được, sau Hội nghị này đã xin gia nhập vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị hợp nhất mang tầm vóc lịch sử của một Đại hội thành lập Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Tr.10.

2. *Chủ nghĩa cộng sản thời chiến (*chính sách cộng sản thời chiến): Chính sách kinh tế của nước Nga Xôviết thi hành trong thời kỳ nội chiến và chống sự can thiệp của 14 nước đế quốc (1918-1920). Theo chính sách này, chính quyền Xôviết không chỉ kiểm soát công nghiệp lớn mà còn kiểm soát cả công nghiệp nhỏ và vừa, nắm độc quyền mua bán lúa mì, cấm tư nhân buôn bán lương thực, trưng mua lương thực thừa của nông dân, nắm hàng tiêu dùng và nông sản để cung cấp cho quân đội, công nhân và nhân dân lao động. Chính quyền Xôviết thi hành chế độ nghĩa vụ lao động đối với tất cả các giai cấp, kể cả giai cấp tư sản, theo nguyên tắc "ai không làm thì không ăn".
Việc thực hiện chính sách cộng sản thời chiến lúc đó là hết sức cần thiết và đúng đắn. Nhờ đó đã huy động được sức người, sức của phục vụ cho công cuộc chiến đấu chống bọn bạch vệ và bọn can thiệp, giữ vững chính quyền Xôviết non trẻ. Sau khi đập tan bọn can thiệp vũ trang và kết thúc cuộc nội chiến, chính sách cộng sản thời chiến được thay bằng chính sách kinh tế mới (NEP) tháng 3-1921. Tr.28.
3. *Chính sách kinh tế mới* (NEP): Chính sách kinh tế của nước Nga Xôviết do Lênin đề xướng tháng 3-1921 với nội dung: lấy thương nghiệp làm khâu trung tâm để khôi phục kinh tế, thay thế chế độ trưng thu lương thực bằng thuế lương thực, thực hiện chế độ nông dân được tự do trao đổi nông sản; đặt các xí nghiệp nhà nước trên cơ sở hạch toán kinh tế, sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước và tô nhượng cho tư bản ngoại quốc nhằm phục vụ lợi ích xây dựng chủ nghĩa xã hội... Đây là sự xây dựng nền kinh tế hàng hoá vận động theo cơ chế thị trường tiến lên chủ nghĩa xã hội trong một thời kỳ dài. Tr.28.

4. *Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba):* Tổ chức cách mạng quốc tế của giai cấp vô sản, trung tâm lãnh đạo phong trào cộng sản và công nhân thế giới.

Do ảnh hưởng to lớn của Cách mạng Tháng Mười năm 1917 và sau khi Quốc tế thứ hai bị phá sản, cuộc đấu tranh của Lênin và những người cộng sản chân chính chống bọn cơ hội chủ nghĩa đã thúc đẩy sự ra đời của các đảng cộng sản và tổ chức cộng sản ở nhiều nước trên thế giới. Để giúp các tổ chức cộng sản này lãnh đạo phong trào cách mạng các nước đi theo con đường của chủ nghĩa Mác chân chính, tháng 1-1919, dưới sự lãnh đạo của Lênin, Hội nghị đại biểu của 8 đảng cộng sản và nhóm cộng sản đã kêu gọi tất cả các đảng cộng sản, các tổ chức xã hội chủ nghĩa phái tả tham gia Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba).

Hưởng ứng lời kêu gọi đó, tháng 3-1919, dưới sự lãnh đạo của Lênin, các đảng cộng sản và nhóm cộng sản của 30 nước đã tiến hành Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva.
Quốc tế Cộng sản đã có công lao trong việc tổ chức và lãnh đạo phong trào cộng sản và công nhân thế giới. Quốc tế Cộng sản đã rất chú trọng tới vấn đề giải phóng dân tộc. *Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin được Đại hội II Quốc tế Cộng sản (1920) thông qua đã đặt nền tảng chính trị và tư tưởng cho việc giải quyết đúng đắn những vấn đề phức tạp của phong trào giải phóng dân tộc. Trên con đường cứu nước, Nguyễn ái Quốc đã hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế thứ ba.
Đến thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai, căn cứ vào hoàn cảnh mới, tháng 5-1943, Đoàn chủ tịch Quốc tế Cộng sản với sự tán thành của đa số các đảng cộng sản, đã thông qua nghị quyết giải tán tổ chức quốc tế này. Tr. 28.
5. *Quốc tế Công hội (Quốc tế Công hội đỏ):* Tổ chức liên hiệp quốc tế của các công đoàn cách mạng, được hình thành về mặt tổ chức vào năm 1921, tồn tại đến cuối năm 1937. Nó liên kết các trung tâm công đoàn không gia nhập tổ chức công đoàn cải lương là Quốc tế Amxtécđam, và liên kết các nhóm, các khuynh hướng đối lập tiến bộ trong nội bộ các tổ chức công đoàn cải lương ở các nước. Quốc tế Công đoàn đấu tranh để thiết lập một sự thống nhất trong phong trào công đoàn trên cơ sở đấu tranh cách mạng nhằm bảo vệ những yêu sách của giai cấp công nhân, chống nguy cơ chiến tranh

đế quốc chủ nghĩa, và đoàn kết với giai cấp công nhân nước Nga Xôviết. Tr.28.

6. *Quốc tế Nông dân:* Một tổ chức do Quốc tế Cộng sản thành lập năm 1923 nhằm vận động nông dân các nước thuộc địa làm cách mạng dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản. Trong thời gian hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn ái Quốc đã tham dự hội nghị của Quốc tế Nông dân (tháng 10-1923) và được bầu vào Ban Chấp hành Quốc tế Nông dân. Tr.28.

7. *Phong trào Cần Vương:* Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu, văn thân hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi. Phong trào đã kéo dài gần 10 năm, từ 1885 đến năm 1895.

Sau khi kinh thành Huế thất thủ (ngày 3-7-1885), Tôn Thất Thuyết, người đứng đầu phái chủ trương chống Pháp trong triều đình, đã tổ chức đưa vua Hàm Nghi (lúc này còn nhỏ) chạy ra Sơn Phòng (Quảng Trị) để tổ chức lực lượng chống Pháp. Ngày 10-7-1885, đến Sơn Phòng, vua Hàm Nghi đã xuống chiếu Cần Vương hô hào toàn dân nổi dậy chống Pháp. Hưởng ứng chiếu Cần Vương, các sĩ phu, văn thân yêu nước nhiều nơi đã nổi dậy chống Pháp, nhất là ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê (vùng rừng núi Hương Sơn, Hà Tĩnh) do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo. Tr. 31.

8. Vụ *"Hà thành đầu độc"*: Đây là nói về vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội vào tháng 6 năm 1908. Một số sĩ phu yêu nước cùng với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám chủ trương đánh úp Hà Nội, đã liên lạc với những người lính khố đỏ yêu nước trong quân đội Pháp. Theo kế hoạch, đến bữa ăn tối ngày 27-6, những người lính khố đỏ làm đầu bếp sẽ bỏ thuốc độc vào thức ăn để giết bọn sĩ quan Pháp, sau đó nghĩa binh sẽ cướp kho vũ khí, đánh chiếm các công sở, phối hợp với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám từ ngoài đánh vào Hà Nội.
Kết quả là một số đông lính Pháp đã bị ngộ độc. Nhưng do kế hoạch bị lộ, cho nên những binh sĩ yêu nước làm nội ứng bị thực dân Pháp tàn sát rất dã man. Tr.32.

9. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), đại biểu các nước tham gia chiến tranh đã họp hội nghị ở Vécxây (Pháp), từ ngày 18-6-1919 đến ngày 21-1-1920. Mục đích của Hội nghị này là nhằm chia lại thế giới giữa các nước đế quốc thắng trận và trút hậu quả chiến tranh lên đầu nhân dân các nước thua trận và các dân tộc bị áp bức.

Nhân danh nhóm người Việt Nam yêu nước, Nguyễn ái Quốc đã gửi tới Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*. Nội dung bản yêu sách gồm 8 điểm, đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận và thực hiện các quyền tự do dân chủ, quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách đó không những được gửi đến các đoàn đại biểu các nước Đồng minh, các nghị sĩ Pháp mà còn được Người thuê in thành 6.000 tờ truyền đơn (in tại nhà in Sácpăngchiê, số 70, phố Gôbơlanh), gửi đăng trên các báo, gửi các nhà hoạt động chính trị có tên tuổi, phân phát trong các buổi hội họp, mít tinh, gửi cho các Việt kiều ở Pháp và gửi về nước. Bản yêu sách đó đã làm chấn động dư luận Pháp, có tiếng vang lớn trong nhân dân ta và nhân dân các thuộc địa Pháp. Bản yêu sách có tác dụng thức tỉnh, cổ vũ nhân dân ta vùng lên đấu tranh cách mạng. Tr.34.

10. *Hội liên hiệp thuộc địa:* Một tổ chức cách mạng do Nguyễn ái Quốc cùng một số nhà hoạt động cách mạng của các nước thuộc địa Pháp như Mađagátxca, Máctiních, Haiti, Angiêri, Tuynidi, Marốc, v.v. thành lập năm 1921 tại Pari (thủ đô nước Pháp), với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp.
Mục đích của Hội là đoàn kết các dân tộc thuộc địa trong một mặt trận chung để đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa khỏi ách áp bức của chủ nghĩa đế quốc.
Nguyễn ái Quốc được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Hội, làm uỷ viên thường trực của Hội.
Năm 1922, Hội liên hiệp thuộc địa cho xuất bản báo *Người cùng khổ* (Le Paria). Người là chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo. Người đã viết nhiều bài cho báo, vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của cái gọi là "khai hoá văn minh" của thực dân Pháp ở các thuộc địa.
Sự ra đời của Hội liên hiệp thuộc địa và tờ báo *Người cùng khổ* là những sự kiện chính trị quan trọng đối với các dân tộc bị áp bức. Tuy chỉ hoạt động đến năm 1926, nhưng Hội đã góp phần đáng kể vào việc đoàn kết nhân dân các nước thuộc địa trong một mặt trận chung, chống chủ nghĩa đế quốc Pháp, xây dựng tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân các nước thuộc địa Pháp với giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, thức tỉnh nhân dân các thuộc địa vùng lên đấu tranh. Tr.34.

11. Tháng 6 năm 1924, Méclanh, toàn quyền Đông Dương sang thăm Nhật Bản, Hồng Công, Vân Nam. Trên đường về, y ghé lại Quảng Châu thăm Sa Diện, tô giới Pháp. Tâm tâm

xã - một tổ chức yêu nước của người Việt Nam ở Quảng Châu, cử Phạm Hồng Thái và Lê Hồng Sơn tổ chức vụ ném bom ám sát tên toàn quyền Méclanh vào ngày 19-6-1924, khi y đến Sa Diện. Việc không thành, Phạm Hồng Thái đã hy sinh trên dòng Châu Giang. Tuy vậy, tiếng bom của Phạm Hồng Thái đã có tiếng vang rất lớn. Đó là "chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân", thức tỉnh nhân dân ta đứng dậy đấu tranh cách mạng và cảnh cáo mạnh mẽ bọn thực dân xâm lược. Tr.34.

12. *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội:* Cuối năm 1924 sau một thời gian hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Nguyễn ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để xúc tiến việc chuẩn bị thành lập Đảng. Tháng 6-1925, tại đây, Người đã sáng lập *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* - một tổ chức tiền thân của Đảng ta. Hội có Chính cương, Chương trình hoạt động và Điều lệ tóm tắt. Cơ quan tuyên truyền của Hội là tuần báo *Thanh niên.* Tại Quảng Châu, Tổng bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đã mở các lớp huấn luyện chính trị. Nguyễn ái Quốc là người trực tiếp phụ trách tổ chức và huấn luyện các lớp học này.

Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội là một tổ chức cách mạng đầu tiên ở nước ta theo xu hướng chủ nghĩa cộng sản khoa học. Hội đã đi vào quần chúng, vận động công nhân, nông dân theo quan điểm tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Được sự giáo dục của Nguyễn ái Quốc về chủ nghĩa Mác-Lênin, về đường lối và phương pháp cách mạng, về đạo đức cách mạng, được rèn luyện trong phong trào đấu tranh của quần chúng, rất nhiều cán bộ của *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* sau này đã trở thành những người cộng sản chân chính và là nòng cốt của Đảng ta.

Là tổ chức tiền thân của Đảng, *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* đã làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình là người chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho một đảng cộng sản chân chính ra đời ở Việt Nam. Tr.34.

13. *Cuộc bạo động Yên Bái:* Cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức và thực hiện. Việt Nam Quốc dân đảng là một tổ chức cách mạng theo xu hướng dân chủ tư sản, thành lập ngày 25-12-1927.

Do đường lối tổ chức không chặt chẽ, lại kết nạp đảng viên dễ dãi, để bọn mật thám chui vào nên đầu năm 1930, cơ sở của Đảng bị vỡ ở nhiều nơi, nhiều cán bộ đảng viên bị bắt. Trước tình hình đó, các lãnh tụ của Đảng là Nguyễn Thái Học và Nguyễn Khắc Nhu quyết định khởi nghĩa, vì cho rằng: đằng nào Đảng cũng bị khủng bố và bị tiêu diệt, cho nên cứ bạo động, "không thành công cũng thành nhân".

Ngày 9-2-1930, 10 giờ tối, bạo động đã nổ ra. Nghĩa quân chiếm các đồn Pháp ở Yên Bái. Một bộ phận binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp phản chiến tham gia vào quân khởi nghĩa. Nghĩa quân chiếm được nhà dây thép, nhà ga, phát truyền đơn, hô hào quần chúng và binh lính hưởng ứng. Ngay sáng hôm sau, thực dân Pháp đã phản công, cuộc bạo động bị thất bại. Trong vòng một tuần, phong trào khởi nghĩa bị dập tắt ở các nơi. Nguyễn Thái Học và các lãnh tụ khác bị bắt và bị xử tử. Việt Nam Quốc dân đảng cũng bị tan rã.

Trong lúc Việt Nam Quốc dân đảng chuẩn bị khởi nghĩa, Nguyễn ái Quốc đang ở Xiêm (Thái Lan). Nghe tin đó, Nguyễn ái Quốc đã nhận xét: "Cuộc bạo động nổ ra lúc này là quá sớm, và khó thành công". Người muốn gặp các lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân đảng để "bàn lại kế hoạch" nhưng không thực hiện được. Trong lúc Nguyễn ái Quốc vượt biên giới Thái Lan đến Trung Quốc, cuộc bạo động đã được chuẩn bị và vẫn nổ ra như trên. Tr.36.

14. *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta): Tuần báo công khai bằng tiếng Pháp của Đảng xuất bản tại Hà Nội trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939). Trong thời gian trở lại hoạt động ở Trung Quốc (1938), Nguyễn ái Quốc đã theo dõi sát sao cuộc vận động thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Dưới danh nghĩa một nhà báo Trung Quốc, Người viết một số bài báo gửi đăng trên tờ *Notre Voix.* Trên các bài báo đó, Người đều ghi: Quế Lâm, ngày... và ký tên P.C.LIN. Thông qua những bài báo này, Người truyền đạt cho Đảng ta những nội dung chính về đường lối chủ trương của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản và góp phần chỉ đạo cách mạng trong nước. Tr.121.

15. *Báo Dân chúng:* Cơ quan trung ương của Đảng xuất bản công khai từ ngày 22-7-1938 tại Sài Gòn, dưới danh nghĩa là cơ quan của những người lao động và dân chúng Đông Dương. Trụ sở của toà báo đặt tại số nhà 51E, phố Grimô, sau chuyển về số nhà 43 phố Hamơlanh, Sài Gòn. Lúc đầu báo ra hàng tuần, mỗi số 3000-4000 bản, về sau mỗi tuần ra 2 kỳ với số lượng là 10.000 bản. Những số đặc biệt ra 15.000

bản và công khai in ảnh các lãnh tụ cách mạng của thế giới như Mác, Ăngghen, Lênin...
Mặc dù bị bọn thực dân Pháp gây nhiều trở ngại, trong hơn 1 năm hoạt động, báo *Dân chúng* đã ra được gần 100 số. Các số báo 46 (21-1-1939), 47 (24-1-1939), 48 (28-1-1939) đã đăng bài của Nguyễn ái Quốc: *Những sự hung tàn của đế quốc Nhựt,* với bút danh P.C.LIN.
Cũng như các tờ báo khác của Đảng, báo *Dân chúng* đã thực sự trở thành vũ khí đấu tranh của Đảng, tuyên truyền đường lối chính sách, nhất là đường lối về Mặt trận Dân chủ, động viên, giáo dục và tổ chức quần chúng, mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong nhân dân và tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân vào Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Tr.121.
16. *Chủ nghĩa Tờrốtxki:* Một trường phái tư tưởng của những người đi theo đường lối và quan điểm của Tờrốtxki. Đó là khuynh hướng tư tưởng cơ hội chủ nghĩa "tả" khuynh, đối lập với chủ nghĩa Lênin. Trong phong trào công nhân Nga, Tờrốtxki luôn luôn chống lại Lênin trên những vấn đề cơ bản của cách mạng như: vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản, tính tất yếu của liên minh công nông, thái độ của Đảng đối với cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong một nước...

Chủ nghĩa Tờrốtxki có ảnh hưởng đến một số phần tử cơ hội chủ nghĩa trong các đảng cộng sản ở các nước. Các đảng cộng sản đã tiến hành đấu tranh không khoan nhượng chống bọn tờrốtxkít trên các mặt tư tưởng và chính trị để thực hiện đúng đắn đường lối Mác - Lênin do Quốc tế Cộng sản đề ra.

ở nước ta, bọn tờrốtxkít được chính quyền thực dân Pháp lợi dụng, đã ra sức khiêu khích và chống phá cách mạng. Nguyễn ái Quốc chỉ rõ: "Đối với bọn tờrốtxkít, không thể có thoả hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị"... Tr.125.
17. *Mặt trận dân chủ Đông Dương:* Trước sự bành trướng của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới do phát xít Đức, ý, Nhật ráo riết chuẩn bị, theo chủ trương của Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản đều chuyển hướng hoạt động, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít, chống chiến tranh. ở Việt Nam, tháng 7-1936, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương,* sau đó đổi tên là Mặt trận dân chủ Đông Dương. Tr.138.
18. *Mặt trận nhân dân Pháp:* Được thành lập năm 1935 theo sáng kiến của Đảng Cộng sản Pháp. Tham gia Mặt trận, có Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội cùng nhiều đảng phái và tổ chức cấp tiến khác, nhằm chống lại chủ nghĩa phát xít. Năm 1936, Mặt trận nhân dân giành được thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử nghị viện. Chính phủ Mặt trận nhân dân (1936-1938) đã thi hành nhiều chính sách tiến bộ.
Những chính sách tiến bộ ấy đã có ảnh hưởng đến tình hình Đông Dương. Kết hợp chặt chẽ chính sách của Mặt trận Dân chủ Đông Dương với các hoạt động bí mật, Đảng ta đã triệt để lợi dụng những khả năng tổ chức và đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp để phát triển lực lượng cách mạng của nhân dân. Nhờ đó, phong trào đấu tranh trong thời kỳ này phát triển mạnh mẽ. Tr.138.
19. *Hội Nhân quyền:* Tổ chức dân chủ tư sản nhằm đấu tranh đòi bảo vệ những quyền tự do tư sản. Tổ chức này được thành lập năm 1898 ở Pháp, do sáng kiến của nhà văn Pháp Trariơ, nhân vụ nhà cầm quyền Pháp xử phạt nhà văn Emin Dôla. Tr.143.
20. *Việt Nam Quốc dân đảng:* Một tổ chức theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, được thành lập ngày 25-12-1927, do Nguyễn Thái Học đứng đầu.
Thành phần chủ yếu của Việt Nam Quốc dân đảng gồm tiểu tư sản, trí thức thành thị, học sinh, sinh viên, giáo viên, công chức, người làm nghề tự do...
Tổ chức của Việt Nam Quốc dân đảng có các cấp: Tổng bộ, Kỳ bộ, Tỉnh bộ, và Chi bộ nhưng chưa có hệ thống chặt chẽ trong toàn quốc.
Việt Nam Quốc dân đảng thiếu một đường lối chính trị thật sự khoa học, không liên kết với phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân.

Suốt thời gian Việt Nam Quốc dân đảng tồn tại, cơ sở chủ yếu của nó là ở Bắc Kỳ. Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái (tháng 2-1930) bị thất bại, Việt Nam Quốc dân đảng bị tan rã. Một số đảng viên có lòng yêu nước và có tinh thần chiến đấu thì chuyển dần sang lập trường của chủ nghĩa cộng sản và gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Một số không hoạt động, còn một số làm tay sai cho đế quốc. Tr.166.

21. *Việt Nam độc lập đồng minh hội:* Một hội quần chúng do ông Hồ Học Lãm, một chí sĩ yêu nước sống ở Trung Quốc nhiều năm tổ chức, nhằm tập hợp những người yêu nước Việt

Nam đấu tranh cho nền độc lập dân tộc. Hội được thành lập năm 1935. Tr.186.

22. *Làng Pác Bó* thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Đây là nơi có nhiều di tích lịch sử quan trọng của cách mạng nước ta; đặc biệt là hang Cốc Bó - nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những ngày đầu Người từ nước ngoài trở về nước lãnh đạo cách mạng. Tr.195.

23. *Khởi nghĩa Nam Kỳ:* Sống dưới hai tầng áp bức của Pháp và Nhật, nhân dân Việt Nam vô cùng cực khổ. Năm 1940, thực dân Pháp bắt binh lính người Việt đi đánh nhau với quân Thái Lan. Việc đó gây hoang mang và bất bình trong binh lính người Việt Nam và gia đình họ. Phong trào chống chiến tranh, phản đối việc điều ra mặt trận đã lan rộng và sôi nổi trong binh lính người Việt và nhân dân Nam Kỳ. Trước tình hình sục sôi đó, tháng 7-1940, Xứ uỷ Nam Kỳ quyết định phải tích cực chuẩn bị khởi nghĩa.

Nhận định rằng cuộc khởi nghĩa đó chưa được chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, chưa có đủ điều kiện khách quan và chủ quan, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 11-1940 đã quyết định đình chỉ cuộc khởi nghĩa và cử đồng chí Phan Đăng Lưu về truyền đạt quyết định của Trung ương. Nhưng lệnh khởi nghĩa đã được phát đi.

Đêm 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra rất anh dũng. Nhiều đồn bốt địch bị hạ, nhiều cầu cống, đường sá bị phá ... Chính quyền địch ở một số xã và quận hoang mang, tan rã. Chính quyền cách mạng những nơi đó được thành lập, đã thực hiện những quyền dân chủ, bảo vệ trị an, xét xử bọn phản cách mạng... Lá cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện lần đầu tiên.

Nhưng sau đó, thực dân Pháp điều động lục quân Pháp và cả lính lê dương từ Bắc Kỳ vào tàn sát rất dã man nhân dân khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tuy thất bại, nhưng đã tỏ rõ lòng căm thù sâu sắc của nhân dân ta đối với bọn thực dân Pháp, tinh thần đấu tranh vô cùng anh dũng của quần chúng cách mạng. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ cùng với cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra trước đó ít lâu là những tiếng súng báo hiệu cuộc khởi nghĩa toàn quốc đang đến, nhân dân các dân tộc Đông Dương đã kiên quyết đứng lên dùng bạo lực cách mạng để giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức của bọn thực dân và bè lũ tay sai. Tr.197.

24. Báo *Việt Nam độc lập:* Cơ quan tuyên truyền của Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập.

Mục đích của tờ báo là "cốt làm cho dân ta biết, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh Tây, đánh Nhật làm cho Việt Nam độc lập, bình đẳng tự do" (*Việt Nam độc lập*, số 101 (tức số 1), ngày 1-8-1941). Các bài đăng trên báo *Việt Nam độc lập* luôn luôn chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính của dân tộc là phát xít Nhật - Pháp và bọn tay sai, tố cáo những tội ác dã man của địch, kịp thời vạch trần những âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của chúng trên mọi lĩnh vực. Tờ báo đã cổ động mọi tầng lớp nhân dân tham gia các Hội cứu quốc như Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc... Báo cũng thường xuyên có các bài phân tích sâu sắc, nhạy bén về tình hình và nhiệm vụ cách mạng, giúp cho cán bộ và nhân dân hiểu đúng tình hình và hành động đúng với chủ trương của Đảng.

Trong thời gian hoạt động ở Cao Bằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho báo *Việt Nam độc lập* sự chỉ đạo trực tiếp và Người còn tham gia duyệt bài, viết bài, có khi cả việc trình bày, minh hoạ và in báo. Nhiều thơ ca của Người, lần đầu in trên báo này và thường không ký tên. Báo *Việt Nam độc lập* dưới sự trực tiếp chỉ đạo và tham gia của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ số 1, ngày 1-8-1941 đến tháng 8-1942, Người ra nước ngoài công tác là trên 30 số, 400 bản, mỗi tháng ra 3 số, mỗi số trên 2 trang, khổ nhỏ, in đá. Báo *Việt Nam độc lập* số 1 đánh số 101 và tiếp theo 102, 103 với ý nghĩa kế tục lịch sử của những tờ báo cách mạng ra đời từ trước đó.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra nước ngoài công tác, đồng chí Phạm Văn Đồng được phân công trực tiếp chỉ đạo tờ báo đến tháng 4-1945.

Lúc đầu *Việt Nam độc lập* là của Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng. Sau này, căn cứ địa cách mạng mở rộng ra hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Cạn, báo *Việt Nam độc lập* trở thành cơ quan của liên tỉnh bộ Việt Minh - Cao Bằng- Bắc Cạn, từ số 229 đến 286 (tức là số 129 đến 186), rồi liên tỉnh bộ Việt Minh ba tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn - Lạng Sơn, từ số 287 đến 325 (tức là số 187 đến 225). Sau Cách mạng Tháng Tám, báo *Việt Nam độc lập* tiếp tục xuất bản ở Cao - Bắc - Lạng, rồi Cao Bằng. Tr.199.

25. *Mặt trận Việt Minh* (hoặc Việt Minh): Là tên gọi tắt của Hội Việt Nam độc lập đồng minh, được thành lập tại Pác Bó (Cao Bằng), ngày 19-5-1941 theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước đó, và theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5-1941), nhằm mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp và phát xít Nhật. Hội gồm các thành viên là Đảng Cộng sản Đông Dương và các Hội cứu quốc như Hội Công nhân cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội

Phụ nữ cứu quốc, Hội Quân nhân cứu quốc, Hội Phụ lão cứu quốc, Hội Phật giáo cứu quốc, Hội Nhi đồng cứu quốc,v.v.. Đây là một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị và tôn giáo yêu nước, thành một lực lượng cách mạng hùng mạnh để chống kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam lúc ấy là thực dân Pháp và phát xít Nhật.
Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, theo chủ trương của Đảng nhằm mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất để kháng chiến và kiến quốc, Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời (gọi tắt là Liên Việt). Việt Minh đã gia nhập Liên Việt cùng nhau vận động nhân dân tham gia cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp. Ngày 5-3-1951, tại Đại hội Mặt trận thống nhất dân tộc toàn quốc, đã thống nhất hai tổ chức Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận Liên - Việt. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới, tháng 9-1955, Mặt trận Liên - Việt được tổ chức lại thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tr.205.
26. *Chiến tranh thế giới thứ hai* (1939-1945): Cuộc chiến tranh do bọn phát xít Đức, ý, Nhật gây ra với âm mưu chia lại thị trường thế giới và tiêu diệt nước Nga Xôviết, lúc đầu mang tính chất chiến tranh đế quốc, sau trở thành chiến tranh chống phát xít của phe Đồng minh chống phe trục phát xít (Đức - ý - Nhật).

Với quy mô và sự ác liệt của nó, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đã cuốn hút 72 nước với 1.700 triệu người vào vòng chiến. Tổng số quân tham chiến là 110 triệu. Loài người đã phải chịu một tai hoạ rất khủng khiếp, hơn 55 triệu người bị chết, chiến sự diễn ra trên lãnh thổ của hơn 40 nước với một khối lượng của cải vật chất khổng lồ tới 316 tỷ đôla, bị chiến tranh tiêu huỷ.

Chiến tranh kết thúc với sự thắng lợi của lực lượng Đồng minh. Các lực lượng phát xít đã bị tiêu diệt. Liên Xô không những đã giành được thắng lợi vẻ vang trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại (1941-1945) mà còn trực tiếp giải phóng cho nhân dân nhiều nước châu Âu khỏi tai hoạ phát xít. Thắng lợi ấy đã tạo điều kiện cho nhiều nước châu á giành được thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tr.208.

27. *Lịch sử nước ta:* Tập diễn ca lịch sử do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết vào khoảng cuối năm 1941, tại Cao Bằng. Hiện nay Bảo tàng Cách mạng Việt Nam còn giữ được một số bản in cuốn *Lịch sử nước ta* xuất bản năm 1942, năm 1947 và năm 1949.
Bản in những lần sau so với bản in năm 1942 có được bổ sung và sửa chữa. Nhưng do chưa xác minh được người sửa tác phẩm này nên bài *Lịch sử nước ta* in trong Tập 3 này theo đúng văn bản do Bộ tuyên truyền của Việt Minh xuất bản tháng 2-1942, đồng thời có chú thích một số điểm thuộc về lịch sử và một số điểm mà các bản in sau này đã sửa chữa hoặc bổ sung.
Tập diễn ca lịch sử này được viết để làm tài liệu học tập cho cán bộ trong các lớp huấn luyện ở chiến khu thời đó, và được phổ biến rộng rãi trong nhân dân ta, nhằm giáo dục và động viên mọi người phát huy truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc, góp phần chuẩn bị cho cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.
Lịch sử nước ta đã in sâu vào tâm trí của nhiều đồng chí và đồng bào ta, có người đến nay vẫn còn thuộc lòng toàn văn hoặc từng đoạn của tập diễn ca này. Tr. 219.
28. *Chiến thuật du kích:* Một trong những tác phẩm đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết về quân sự. Hiện nay mới tìm thấy cuốn *Chiến thuật du kích* (quyển II) do Việt Minh xuất bản năm 1942. Ngoài ra còn thấy cuốn *Chiến thuật du kích* (quyển IV) do Việt Minh xuất bản năm 1944 (viết về: phòng ngự, đánh đuổi, rút lui) và *Chiến thuật du kích* (Tủ sách giải phóng), Việt Minh xuất bản năm 1945 (viết về: Công tác phá hoại in kèm Điều lệ của Tiểu tổ du kích). Cuốn *Chiến thuật du kích* (quyển II) xuất bản năm 1942 được Việt Minh xuất bản lại năm 1944 dưới tên gọi là *Cách đánh du kích* (quyển II). (Đến tháng 11-1945, cuốn sách này được Việt Minh Nghệ An tái bản). *Cách đánh du kích* (quyển II) có nội dung đúng như *Chiến thuật du kích* (quyển II) xuất bản năm 1942. Vì vậy, trong lần xuất bản này chỉ sử dụng cuốn *Chiến thuật du kích* (quyển II) do Việt Minh xuất bản năm 1942. Hai cuốn *Chiến thuật du kích* trên đây, mới tìm được, để ở phần Phụ lục.
Tất cả các cuốn sách đã tìm thấy đều viết ngắn gọn, giản dị nhưng đầy đủ, phù hợp với việc huấn luyện quân sự và điều kiện hoạt động của thời kỳ này.

Chiến thuật du kích do Việt Minh xuất bản tháng 5-1944 là sự tổng hợp và phát triển nội dung của các cuốn trên. Đó là cuốn sách chi tiết nhất về chiến tranh du kích, gồm 13 chương và được sử dụng để huấn luyện cho cán bộ quân sự (Tủ sách cán bộ) trong thời gian chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám. Tr.247.

29. *Nhật ký trong tù:* Tháng 8-1942, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Cao Bằng sang Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh và Phân bộ quốc tế chống xâm lược của Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Sau khi đến Túc Vinh (một thị trấn thuộc huyện Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc), Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam. Trong hơn một năm trời, Người lần lượt bị giam trong khoảng 30 nhà tù của 13 huyện ở tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian này, Người đã ghi *Nhật ký trong tù,* bằng chữ Hán.

Tập Nhật ký gồm 134 bài, được ghi vào một cuốn sổ tay, bìa màu xanh, trang đầu có vẽ hình hai cánh tay bị xích kèm theo bốn câu thơ:

"Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao".

Nhật ký trong tù lên án chế độ nhà tù hà khắc của chính quyền Tưởng Giới Thạch và thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tinh thần lạc quan cách mạng và tình cảm nhân đạo cộng sản chủ nghĩa cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là một tác phẩm văn học lớn của một chiến sĩ cộng sản vĩ đại. Tr.263.

30. *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân:* Tháng 12-1944, trên cơ sở lực lượng chính trị của cách mạng đã phát triển mạnh và lực lượng vũ trang nhân dân đang hình thành, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.* Thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập ngày 22-12-1944, tại khu rừng Sam Cao thuộc tổng Hoàng Hoa Thám, châu Nguyên Bình, Cao Bằng (nay thuộc xã Cẩm Lý, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng).

Bản *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* là một tài liệu ngắn, gọn, súc tích, có tính chất như một cương lĩnh quân sự vắn tắt bao gồm những vấn đề chủ yếu trong đường lối quân sự của Đảng như: vũ trang toàn dân, kháng chiến toàn dân, nguyên tắc và phương châm xây dựng các đội quân chủ lực và phát triển các lực lượng vũ trang địa phương, phương thức hoạt động kết hợp quân sự với chính trị, nguyên tắc tác chiến của lực lượng vũ trang nhân dân. Tr.543.

31. *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại cuộc mít tinh của hàng chục vạn nhân dân Hà Nội ngày 2-9-1945 đã được in trên các báo *Cứu quốc* ngày 5-9-1945, báo *Độc lập* ngày 7-9-1945, báo *Cờ giải phóng* ngày 12-9-1945... Từ sau năm 1954, *Tuyên ngôn Độc lập* được in lại trên các sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch,* tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội xuất bản năm 1958, *Hồ Chí Minh Tuyển tập,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội xuất bản năm 1960, *Hồ Chí Minh Toàn tập,* tập 3, xuất bản lần thứ nhất năm 1983, v.v.. Trong lần xuất bản thứ hai bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập,* theo sự chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư và Bộ Chính trị, *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố dựa theo bài ghi âm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện được lưu giữ tại Viện Hồ Chí Minh trực thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời có tham khảo bản công bố đầu tiên trên báo *Cứu quốc* số ra ngày 5-9-1945. Tr.555.

32. *Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Hoa Kỳ:* Trong cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Bắc Mỹ chống chủ nghĩa thực dân Anh (1775-1781), các xứ thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc Đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống bọn thực dân Anh. Đại hội lần thứ hai họp ở Philađenphia năm 1775 đã cử ra một Uỷ ban do Giépphécxơn làm Chủ tịch để thảo ra một bản nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do độc lập, tách khỏi phạm vi, quyền lực của Anh hoàng. Bản dự án nghị quyết này được đại biểu 13 bang thông qua ngày 4-7-1776 và trở thành *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* này tiêu biểu cho nguyện vọng các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ đấu tranh để giành lại độc lập tự do cho nhân dân Mỹ lúc bấy giờ.

Sau khi giành được độc lập, giai cấp tư sản Mỹ lên nắm chính quyền đã phản bội quyền lợi của nhân dân, thi hành chính sách phân biệt chủng tộc, áp bức bóc lột nhân dân trong nước, đồng thời xâm lược các nước khác. Chúng đã thực hiện những thủ đoạn tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, áp dụng chính sách thâm độc và nham hiểm của chủ nghĩa thực dân mới, thống trị về mặt kinh tế và lũng đoạn về chính trị

nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới, chà đạp trắng trợn lên những nguyên tắc tự do, bình đẳng đã ghi trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ.

Vận dụng tinh thần, tư tưởng tự do, bình đẳng - tiêu biểu cho nguyện vọng độc lập, tự do của nhân dân Mỹ, khi soạn thảo *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích một câu trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ, khẳng định quyền bình đẳng, tự do và độc lập của nhân dân Việt Nam. Tr.555.

33. *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng Pháp: Cuộc cách mạng năm 1789 ở Pháp là một cuộc cách mạng tư sản điển hình. Sau khi lật đổ chính quyền phong kiến, chính quyền mới- chính quyền tư sản- được thiết lập.

Ngày 26-8-1789, Hội nghị lập hiến do chính quyền mới này tổ chức đã thông qua một văn kiện có tính chất cương lĩnh - bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* nổi tiếng của cách mạng Pháp .

Bản *Tuyên ngôn* này đã công khai ghi rõ các quyền tự do dân chủ: tự do thân thể, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật, quyền chống áp bức...

Bản *Tuyên ngôn* đã có ảnh hưởng lớn đến phong trào của nhân dân các nước đang đấu tranh chống chế độ phong kiến lúc bấy giờ. Nhưng khi giai cấp tư sản đã giành được quyền thống trị đất nước, chúng đã công khai chà đạp lên các quyền tự do dân chủ đó. Chúng ra sức bóc lột nhân dân lao động ở trong nước và thực hiện chính sách xâm lược và bóc lột các thuộc địa vô cùng tàn khốc. Tr. 555.

34. *Đồng minh:* Liên minh các nước chống chủ nghĩa phát xít trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), hình thành vào cuối năm 1941 đầu năm 1942.

Tháng 1-1942, tại Oasinhtơn (Mỹ), 26 nước Đồng minh trong đó có Liên Xô, Anh, Mỹ ký chung vào bản *Tuyên ngôn* chống phát xít xâm lược và bảo đảm trong cuộc chiến tranh này không có sự giảng hoà riêng rẽ. Nhưng mục đích của việc ký *Tuyên ngôn* đó rất khác nhau. Liên Xô ký *Tuyên ngôn* này nhằm mục đích tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, khôi phục chế độ dân chủ ở châu Âu. Còn Mỹ và Anh ký *Tuyên ngôn* nhằm đánh bại thế lực của Đức và Nhật để xác lập quyền bá chủ thế giới. Về sau, các chính phủ Mỹ và Anh đã phản bội Đồng minh, phá hoại tất cả các điều khoản trong *Tuyên ngôn*. Tr. 557.

35. *Hội nghị Têhêrăng:* Hội nghị của đại diện ba nước Liên Xô, Mỹ và Anh họp từ ngày 28-11 đến ngày 1-12-1943 tại Têhêrăng (thủ đô nước Iran).

Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1-5-1944 và thông qua Nghị quyết bảo đảm nền hoà bình lâu dài trên toàn thế giới sau chiến tranh, v.v.. Nhưng sau đó, giới cầm quyền ở Mỹ và Anh không thi hành đầy đủ những điều khoản đã được ký ở Hội nghị này. Tr. 557.

36. *Hội nghị Cựu Kim Sơn:* Hội nghị gồm đại diện 51 nước do Liên Xô, Mỹ, Anh và Trung Quốc (chính phủ Tưởng Giới Thạch) triệu tập, họp tại Cựu Kim Sơn (tức Xan Phranxixcô, một thành phố công nghiệp và hải cảng của nước Mỹ) từ ngày 25-4 đến ngày 26-6-1945 để thành lập một tổ chức quốc tế lấy tên là Liên hợp quốc.

Mục đích thành lập tổ chức quốc tế này là nhằm ngăn ngừa và loại trừ những mối đe doạ đối với hoà bình, phát triển quan hệ thân thiện giữa các dân tộc và thực hiện sự hợp tác giữa các nước để giải quyết những vấn đề quốc tế; tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người, không phân biệt chủng tộc, nam, nữ, tiếng nói và tín ngưỡng. Tất cả các nước hội viên đều bình đẳng, không một nước nào có quyền can thiệp vào nội bộ của các nước khác.

Nhưng tất cả những nguyên tắc quan trọng trên đây đều bị bọn đế quốc thực dân vi phạm nên không thể thực hiện đầy đủ được. Tr.557.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

B

BÀ TRIỆU (tên thật là Triệu Thị Trinh): Quê ở huyện Triệu Sơn, Thanh Hoá. Năm 19 tuổi (năm 248), bà đã cùng anh là Triệu Quốc Đạt lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa chống quân xâm lược nhà Hán (Trung Quốc).

Cuộc khởi nghĩa làm cho quân giặc lo sợ và tìm mọi cách để dập tắt. Bà đã hy sinh oanh liệt trong trận chiến đấu ở núi Tùng, xã Phú Diễn, huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá. Đến nay ở đây vẫn còn lăng mộ và đền thờ Bà Triệu.

§

ĐƠCU, **Giăng**: (1884-1963) Năm 1940, là toàn quyền Pháp ở Đông Dương. Đơcu đã thi hành chính sách hợp tác với quân phiệt Nhật, ký với Nhật nhiều hiệp ước nhân nhượng cho chúng những quyền lợi về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế. Nhưng đến đầu năm 1945, để đề phòng nguy cơ bị quân đội Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương, bọn quân phiệt Nhật Bản đã làm cuộc đảo chính đêm mồng 9-3-1945, bắt giữ toàn quyền Đờcu và bè lũ, chiếm giữ các cơ quan hành chính và quân sự Pháp trên toàn Đông Dương.

H

HAI BÀ TRƯNG (Trưng Trắc và Trưng Nhị): Tháng 3 năm 40, Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa chống giặc phong kiến Đông Hán từ phương Bắc xâm lược và thống trị nước ta.

Phong trào được nhân dân khắp nơi hưởng ứng. Chỉ trong một thời gian ngắn, 65 huyện thành, tức là toàn bộ nước ta hồi đó, đã được giải phóng.

Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua (Trưng Vương) đóng đô ở Mê Linh (nay thuộc huyện Mê Linh). Sau 3 năm nước ta giành được quyền độc lập tự chủ, nhà Đông Hán một lần nữa lại đem quân xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta bị thất bại. Tuy vậy, khởi nghĩa của Hai Bà Trưng - cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược đầu tiên ở nước ta, đã để lại một trang sử vẻ vang trong cuộc đấu tranh chống xâm lược giành quyền độc lập cho dân tộc.

HOÀNG HOA THÁM tức Đề Thám (1864-1913): Lãnh tụ của nghĩa quân Yên Thế.

Năm 1888, ông tham gia phong trào khởi nghĩa của nông dân chống thực dân Pháp ở vùng Yên Thế. Nhờ có lòng dũng cảm, tài chỉ huy, nghệ thuật thu phục lòng người, ông trở thành thủ lĩnh của nghĩa quân. Cuộc chiến đấu do ông chỉ huy kéo dài ngót 30 năm, đã làm cho kẻ thù nhiều phen khốn đốn. Không khuất phục được nghĩa quân bằng quân sự, năm 1913 thực dân Pháp đã cho tay sai ám hại ông. Phong trào khởi nghĩa bị dập tắt. Cuộc khởi nghĩa và chiến tranh du kích ở Yên Thế là một phong trào đấu tranh yêu nước quyết liệt và bền bỉ, góp phần tô thắm truyền thống yêu nước, bất khuất của dân tộc Việt Nam.

L

LÊ LỢI: Anh hùng dân tộc, sinh ngày 10-9-1385 trong một gia đình "Đời đời làm quân trưởng một phương" (văn bia Vĩnh Lăng). Ông là người yêu nước, cương trực, khảng khái.

Năm 1406, nhà Minh xâm lược nước ta. Trước cảnh nước mất nhà tan, ông rất đau lòng và nuôi chí diệt giặc cứu nước.

Ngày 7-2-1418, sau quá trình chuẩn bị và vận động nhân dân, Lê Lợi được Nguyễn Trãi giúp sức đã phất cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hoá). Được đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng chuyển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Cuộc kháng chiến vĩ đại này kéo dài 10 năm (1418-1428) và kết thúc thắng lợi, lật đổ ách thống trị của nhà Minh- một quốc gia phong kiến hùng cường lúc bấy giờ.

Sau khi chiến thắng quân Minh, ngày 29-4-1428, Lê Lợi lên ngôi vua và lập ra triều Lê đưa chế độ phong kiến Việt Nam lên giai đoạn phát triển thịnh vượng nhất.

LÝ THƯỜNG KIỆT (1019-1105): Anh hùng dân tộc, quê ở phường Thái Hoà, Hà Nội. Từ nhỏ ông đã tỏ ra là một người có chí hướng, ham đọc sách và say sưa nghiên cứu binh thư, luyện tập võ nghệ. Dưới triều Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông, ông đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong triều.

Khi Lý Nhân Tông lên ngôi, ông giữ chức Phụ quốc thái uý, cương vị như Tể tướng. Năm 1072, lợi dụng lúc Lý Thánh Tông mất, quân Tống ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta. Chúng xây dựng nhiều căn cứ, tích trữ lương thực và khí giới ở Ung Châu... Vì vậy, ngày 27-10-1075, Lý Thường Kiệt phải chủ động tiến công sang đất Tống để tiêu diệt trước căn cứ xâm lược của kẻ thù rồi nhanh chóng quay về phòng thủ đất nước. Ngày 1-3-1076, quân ta chiếm được thành Ung Châu rồi nhanh chóng rút về xây dựng tuyến phòng thủ sông Cầu.

Quả nhiên, cuối năm 1076, quân Tống kéo sang xâm lược nước ta. Nhưng do đã chuẩn bị trước và động viên được lực lượng của nhân dân chống giặc, nên quân Tống xâm lược đã thất bại và tháng 3-1077 phải rút chạy về nước chúng. Cuộc kháng chiến anh hùng của dân tộc ta hoàn toàn thắng lợi.

Lý Thường Kiệt đã có công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Ông là một nhà quân sự lỗi lạc, một nhà chính trị và ngoại giao xuất sắc.

M

MÁCTI, **Ăngđrê** (1886-1956): sĩ quan cơ khí trong Hải quân Pháp. Ông có mặt trong cuộc tiến công của quân đội Pháp vào nước Nga Xôviết và là người tham gia cuộc nổi dậy của binh lính Pháp phản chiến năm 1919. Ông bị tòa án quân sự kết án tù. Năm 1923, ra tù, được bầu vào nghị viện và gia nhập Đảng Cộng sản Pháp.

Trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, ông được cử làm thanh tra trong binh đoàn quốc tế tham chiến chống phát xít. Những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, ông công tác ở Liên Xô.

Ông nhiều năm làm ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Pháp.

Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (1935), Mácti được bầu là Uỷ viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản và là Uỷ viên Đoàn Chủ tịch, tham gia Ban Bí thư.

Sau này, vì đấu tranh nội bộ, ông bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản Pháp ngày 30-12-1952.

N

NGÔ QUYỀN (899-944): Anh hùng dân tộc, một tướng lĩnh tài giỏi, chí lớn, mưu cao, quê ở Đường Lâm (nay thuộc Ba Vì - Hà Nội). Trước nguy cơ xâm lược của nhà Nam Hán, Ngô Quyền đã hạ thành Đại La, giết chết tên bán nước Kiều Công Tiễn, trừ mối hoạ bên trong, ổn định tình hình trong nước và gấp rút chuẩn bị lực lượng kháng chiến. Ông là người tổ chức chiến dịch Bạch Đằng lịch sử. Chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng đã đánh bại mưu đồ xâm lược của nhà Nam Hán, chấm dứt một thời kỳ mất nước kéo dài hơn một nghìn năm và mở ra một giai đoạn mới của lịch sử dân tộc.

Trên cơ sở thắng lợi quân sự vang dội đó, Ngô Quyền đã tiến lên một bước củng cố nền độc lập dân tộc. Ông đã quyết định bỏ chức Tiết độ sứ của bọn phong kiến phương Bắc và tự xưng vương, lập thành một vương quốc độc lập. Dưới thời Ngô Quyền, triều đình đã được xây dựng theo thể chế của một quốc gia phong kiến độc lập.

NGUYỄN HẢI THẦN (1878-1959): tên thật là Vũ Hải Thu, quê ở Đại Từ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông cũ. Năm 1905 theo cụ Phan Bội Châu sang Trung Quốc, đã theo học các trường võ bị Hoàng Phố, Hồ Nam, Thiều Quan, vốn là thành viên Việt Nam Quang phục hội, sau là đảng viên Đại Việt, tham gia quân đội Quốc dân đảng, được cử làm liên trưởng (tương đương như đại đội trưởng) kiêm tri huyện. Vì có "công" trong việc tàn sát đẫm máu các chiến sĩ Công xã Quảng Châu (1927), nên được chính quyền Tưởng Giới Thạch tin dùng.

Năm 1931, Nguyễn Hải Thần về Quảng Châu mở cửa hàng xem số tử vi. Sau đó được chính quyền Tưởng tập hợp cùng Vũ Hồng Khanh và một số người có tư tưởng chống cộng lập ra *Việt Nam cách mạng đồng minh hội*. Năm 1945, Nguyễn Hải Thần theo đoàn quân của Tiêu Văn về Việt Nam.

Để thực hiện sách lược tạm hoà hoãn với quân Tưởng nhằm tập trung lực lượng kháng chiến ở Nam Bộ, ngày 1-1-1946, Nguyễn Hải Thần được cử giữ chức Phó Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sau đó được cử bổ sung vào Quốc hội không qua bầu cử và giữ chức Phó Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

Sau khi quân Tưởng rút về Trung Quốc, Nguyễn Hải Thần bỏ trốn theo quân Tưởng về Nam Kinh. Năm 1947, Nguyễn Hải Thần lại về Quảng Châu tiếp tục mở cửa hàng xem số tử vi và sống ở Trung Quốc cho đến lúc chết (1959).

NGUYỄN HUỆ, tức QUANG TRUNG (1753-1792): Sang thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Việt Nam bước vào giai đoạn khủng hoảng sâu sắc, toàn diện. Đây là thời kỳ phân tranh giữa hai thế lực phong kiến Trịnh - Nguyễn. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân liên tiếp nổ ra khắp nơi mà đỉnh cao là phong trào Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo.

Phong trào Tây Sơn từ một cuộc khởi nghĩa địa phương ở Quy Nhơn đã phát triển rộng ở nhiều nơi trong nước, rồi tiến lên thành phong trào quật khởi của cả dân tộc, quét sạch các tập đoàn phong kiến thối nát trong Nam, ngoài Bắc, khôi phục nền thống nhất đất nước. Nguyễn Huệ thực chất là lãnh tụ và linh hồn của phong trào Tây Sơn.

Nguyễn Huệ đã lãnh đạo quân dân ta đập tan cuộc xâm lược của phong kiến Xiêm (1784 - 1785). Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, thống lĩnh quân đội chuẩn bị đại phá quân Thanh. Chỉ trong 5 ngày đêm đầu xuân Kỷ Dậu (từ ngày 25 đến 30-1-1789), dưới sự lãnh đạo tài tình của Quang Trung, nhân dân ta đã tiêu diệt 20 vạn quân Mãn Thanh. Đây là một chiến công vĩ đại và thần kỳ trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Quang Trung không những là một nhà quân sự thiên tài, một danh tướng mà còn biểu thị một tài năng lỗi lạc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao.

Quang Trung là một vị anh hùng dân tộc trí dũng song toàn có một sự nghiệp vẻ vang trong lịch sử dân tộc ta.

NGUYỄN THỊ MINH KHAI (1-11-1910 - 26-8-1941) còn có tên là Vinh, con một viên chức xe lửa ở thành phố Vinh, Nghệ An. Năm 1927, Nguyễn Thị Minh Khai tham gia tổ chức Hội Hưng Nam (tiền thân của Tân Việt cách mạng đảng). Đầu năm 1930, Nguyễn Thị Minh Khai chuyển sang thành đảng viên của Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Tháng 3-1930, Nguyễn Thị Minh Khai được cử sang công tác tại Văn phòng chi nhánh Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản (trụ sở tại Hồng Công, Trung Quốc).

Tháng 7-1935, đồng chí là thành viên trong đoàn đại biểu do Đảng ta cử đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva. Tại Đại hội, với biệt danh Phan Lan, đồng chí đã đọc bản tham luận về vai trò của phụ nữ Đông Dương trong cuộc đấu tranh cách mạng.

Về nước, đồng chí được cử vào Xứ uỷ Nam Kỳ và trực tiếp làm Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn.

Ngày 30-7-1940, Nguyễn Thị Minh Khai bị thực dân Pháp bắt và bị giết hại vào ngày 26-8-1941.

NGUYỄN TƯỜNG TAM (1905-1963): Tức Nhất Linh, quê gốc ở Quảng Nam. Nguyễn Tường Tam là người cầm đầu nhóm Tự lực văn đoàn, chủ nhiệm báo *Phong Hoá* và *Ngày nay*. Năm 1940, đứng ra lập đảng Đại Việt Dân chính thân Nhật. Do sách lược của Chính phủ ta tạm thời hoà hoãn với Tưởng, tháng 3-1946, được bổ sung vào Quốc hội không thông qua bầu cử và giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến; là trưởng đoàn đại biểu Chính phủ đi dự Hội nghị Đà Lạt (4-1946) và được cử làm trưởng đoàn đại biểu Chính phủ ta dự Hội nghị Phôngtennơblô, nhưng Nguyễn Tường Tam đã bỏ nhiệm vụ. Sau đó theo Vũ Hồng Khanh đi Vân Nam (Trung Quốc) rồi tiếp tục làm tay sai cho thực dân Pháp và sau này là đế quốc Mỹ. Chết năm 1963 tại Sài Gòn.

P

PHẠM HỒNG THÁI: (1895-1924) Một thanh niên Việt Nam yêu nước, quê ở Hưng Nhân, Hưng Nguyên, Nghệ An, tham gia nhóm Tâm tâm xã (tức Tân Việt thanh niên đoàn) - một tổ chức cách mạng quốc gia của người Việt Nam, thành lập năm 1923 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

Phạm Hồng Thái hy sinh ngày 19-6-1924 tại Châu Giang (Quảng Châu) sau khi ném tạc đạn ám sát tên Méclanh, toàn quyền Đông Dương, nhưng không thành công.

PHAN BỘI CHÂU: (1867-1940) quê ở Đan Nhiễm, Nam Đàn, Nghệ An, một nhà yêu nước có nhiều hoạt động tích cực trong những năm đầu của thế kỷ XX. Tham gia lập Duy Tân hội (1904) tổ chức phong trào Đông Du (1905-1908), lập Việt Nam Quang phục hội (1912). Tháng 6-1925, thực dân Pháp bắt cóc cụ ở Trung Quốc rồi bí mật đưa về giam ở Hà Nội và định kết án tử hình. Mặc dù thực dân Pháp cố tình bưng bít, nhưng tin cụ Phan Bội Châu bị bắt vẫn lọt ra ngoài. Lập tức, một phong trào đấu tranh rầm rộ đòi thả Phan Bội Châu diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú. Đông đảo các tầng lớp nhân dân xuống đường biểu tình, hàng trăm cụ già đón xe Toàn quyền Pháp đưa đơn phản kháng, nhiều tập thể gửi điện cho Toàn quyền Pháp ở Đông Dương; nhiều đơn kháng nghị gửi đến Quốc hội Pháp, Tổng thống Pháp, đại sứ Pháp tại Tòa án quốc tế La Hay, Hội quốc liên, v.v..

Cùng với phong trào để tang Phan Châu Trinh, phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu đã thúc đẩy tinh thần đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp đòi thả tù chính trị và đòi quyền dân sinh dân chủ.

Trước làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta, ngày 21-12-1926, thực dân Pháp buộc phải trả lại tự do cho cụ Phan Bội Châu, nhưng chúng lại giam lỏng cụ ở Huế cho đến lúc cụ qua đời.

PHAN CHÂU TRINH (1872-1926): Quê ở làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc Quảng Nam - Đà Nẵng).

Sau khi đỗ Phó bảng, có thời gian ông đã làm quan trong triều đình Huế, nhưng rồi từ chức về quê hoạt động chính trị. Ông chủ trương dựa vào Pháp để tiến hành các cải cách, thực hiện tự do, dân chủ làm cho dân giàu nước mạnh rồi sau đó mới tính đến chuyện giải phóng dân tộc.

Năm 1906, sau chuyến đi Nhật về, ông ra sức tuyên truyền chủ trương cải cách của mình và ông đã trở thành một trong những người cầm đầu xu hướng cải lương ở nước ta hồi đầu thế kỷ XX.

Năm 1908, khi phong trào chống thuế của nông dân Trung Bộ bị đàn áp, ông bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo.

Năm 1911, nhờ có Hội Nhân quyền Pháp can thiệp, ông được trả tự do và sau đó sang cư trú ở Pháp.

Năm 1925, ông về nước, lâm bệnh và mất vào đầu năm 1926.

PHAN ĐÌNH PHÙNG (1847-1895): Một sĩ phu yêu nước nổi tiếng cuối thế kỷ XIX. Hưởng ứng chiếu Cần Vương (1885) của vua Hàm Nghi, ông đã đứng ra tổ chức khởi nghĩa chống thực dân Pháp, lập căn cứ ở vùng rừng núi Hương Sơn, huyện Hương Khê (tỉnh Hà Tĩnh).

Ông đã lãnh đạo nghĩa quân duy trì cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp trong 10 năm trời. Mặc dù địch dùng nhiều âm mưu thâm độc, vừa dụ dỗ vừa dùng vũ lực đe doạ, nhưng ông và nghĩa quân Hương Khê vẫn không chịu khuất phục.

Năm 1895, ông lâm bệnh và mất tại căn cứ.

T

TÔN TỬ là cách xưng tên Tôn Vũ, nhà quân sự lớn sống ở cuối thế kỷ VI trước Công nguyên, tướng nước Ngô dưới triều vua Hạp Lư thời Xuân Thu (722-481 trước Công nguyên), tác giả *Tôn Tử binh pháp,* bộ binh thư sớm nhất thế giới đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và được đánh giá cao.

TÔRÊ, **Môrixơ** (1900-1964): Nhà hoạt động chính trị Pháp của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Ông là Uỷ viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp năm 1924, ủy viên Bộ Chính trị và Bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng năm 1925, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp từ năm 1930 đến năm 1964. Môrixơ Tôrê là ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản từ năm 1928 đến năm 1943.

TRẦN HƯNG ĐẠO (1213-1300): Tên thật là Trần Quốc Tuấn, là anh hùng dân tộc, văn võ song toàn, được triều đình nhà Trần phong tước Hưng Đạo vương và được cử giữ chức Quốc công tiết chế (Tổng chỉ huy quân đội).

Ông đã tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến lần thứ nhất và là người chỉ huy tối cao cuộc kháng chiến lần thứ hai và lần thứ ba chống giặc Nguyên. Trước nguy cơ xâm lược của bọn phong kiến phương Bắc, ông luôn luôn đặt lợi ích của dân tộc, của đất nước lên trên hết, chủ động giải quyết những bất hoà trong hoàng tộc, củng cố khối đoàn kết toàn dân, tập trung lực lượng chiến đấu bảo vệ đất nước.

Ông là tác giả của *Hịch tướng sĩ* nổi tiếng và là tác giả của tác phẩm quân sự: *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*...

TRẦN PHÚ (1-5-1904 - 6-9-1931): Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Đông Dương, quê ở huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Năm 1925, đồng chí tham gia sáng lập Hội Phục Việt, tổ chức tiền thân của Tân Việt cách mạng đảng. Năm 1926, đồng chí tham dự lớp huấn luyện cách mạng ở Quảng Châu (Trung Quốc) do Nguyễn Ái Quốc tổ chức, sau đó được cử sang học tại Trường đại học phương Đông Liên Xô.

Tháng 4-1930, Trần Phú về nước, được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7-1930).

Đồng chí đã cùng Ban Thường vụ Trung ương khởi thảo *Luận cương chính trị của Đảng*. Bản Luận cương được Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (10-1930) thông qua. Tại Hội nghị này, Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Ngày 19-4-1931, Trần Phú bị thực dân Pháp bắt. Ở trong tù, đồng chí đã bị kẻ thù tra tấn hết sức dã man. Do bị bệnh nặng, sức yếu không qua nổi, đồng chí đã hy sinh ngày 6-9-1931.

TRƯƠNG BỘI CÔNG: tên thật là Nguyễn Văn Chiến, thuộc lớp Đông Du, tốt nghiệp khoá II Học viện Quân sự Bảo Định, là trung đoàn trưởng trong quân đội Trung Quốc (Quốc dân đảng), sau là giáo vụ trưởng của Học viện Quân sự Nam Ninh. Trong thời gian làm việc ở Đệ tứ chiến khu, Công có liên hệ chặt chẽ với Trương Phát Khuê, dần dần lộ rõ bộ mặt phản bội.

TRƯƠNG PHÁT KHUÊ, sinh năm 1896 tại Quảng Đông tốt nghiệp Học viện Quân sự Hà Bắc. Trong thời kỳ Quốc Cộng hợp tác ở Quảng Châu (1924-1927), Trương có liên lạc với tướng quân Xôviết Galen, lúc bấy giờ là cố vấn quân sự cho quân đội Quốc dân đảng. Là tư lệnh Quân đoàn 4, Trương đã làm cho Quân đoàn này nổi tiếng là "Quân đoàn thép" trong thời kỳ Bắc phạt. Nhiều tướng lĩnh cao cấp của Giải phóng quân Trung Quốc sau này đã phục vụ trong Quân đoàn 4 như Diệp Kiếm Anh lúc đó là tham mưu trưởng, Diệp Đĩnh là sư đoàn trưởng, Lâm Bưu là tiểu đoàn trưởng. Những năm 40 Trương là Tư lệnh Đệ tứ chiến khu của Quốc dân đảng. Về sau, Trương không còn là đảng viên Quốc dân đảng nữa, nhưng trên thực tế vẫn trung thành với đảng ấy. Từ năm 1949, Trương đã ráo riết hoạt động nhằm tổ chức "lực lượng thứ ba", nhưng không có kết quả. Đi thăm Mỹ năm 1960, nói chuyện nhiều buổi ở New York, Baltimore, Washington, Boston và San Francisco, Trương kêu gọi người Hoa "chiến đấu" chống "Trung cộng" để "khôi phục Trung Hoa dân quốc" trên lục địa, nhưng Trương cũng bất đồng ý kiến với nhà cầm quyền Đài Loan.

TƯỞNG GIỚI THẠCH (1887-1975), người tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Học quân sự ở Nhật. Năm 1923, giữ chức Tham mưu trưởng Tổng hành dinh Chính phủ quân sự Quảng Đông. Năm 1924, được Tôn Trung Sơn cử đi khảo sát về quân sự ở Liên Xô rồi về nước giữ chức Hiệu trưởng Trường quân sự Hoàng Phố.

Sau khi Tôn Trung Sơn mất, Tưởng Giới Thạch giữ chức Chủ tịch Ban thường vụ Ban Chấp hành trung ương Quốc dân đảng, Tổng tư lệnh quân cách mạng quốc dân. Năm 1948, giữ chức Tổng thống. Tháng 1-1949, Tưởng Giới Thạch từ chức, cùng năm rút ra Đài Loan, tiếp tục giữ chức Tổng tài Quốc dân đảng và Tổng thống Trung Hoa dân quốc ở Đài Loan.

U

UYNXƠN, **Vuđrô** (1865-1924): Tổng thống nước Mỹ từ năm 1913 đến năm 1921. Dưới thời Uynxơn, về đối nội, Chính phủ Mỹ đã thi hành chính sách đàn áp dã man phong trào công nhân; về đối ngoại, Chính phủ đó thi hành chính sách ăn cướp và bành trướng, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các nước khác, đặc biệt là với các nước châu Mỹ la tinh.

Năm 1918, Uynxơn đưa ra "Chương trình 14 điểm". Thực chất chương trình này là một chính sách xâm lược nhằm thiết lập ách thống trị của đế quốc Mỹ trên thế giới, chống lại nước Nga Xôviết mới ra đời. Chính sách này được che đậy bằng những lời lẽ mỹ miều "dân chủ", "quyền dân tộc tự quyết". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ: "Chủ nghĩa Uynxơn chỉ là một trò bịp lớn".

Năm 1920, Uynxơn bị thất bại trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ và thôi hoạt động chính trị.

V

VAYĂNG CUTUYARIÊ, **Pôn** (1892-1937): một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; nguyên nghị sĩ Quốc hội Pháp, cựu chủ nhiệm báo *L'Humanité*. Ông là người giới thiệu Nguyễn Ái Quốc vào Đảng Xã hội Pháp (1919). Tại Đại hội Tua năm 1920, ông là một trong những

người đấu tranh bảo vệ chủ trương của Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản, là một trong những người ủng hộ bài phát biểu của Nguyễn Ái Quốc ở Đại hội này. Khi Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hồng Công, ông tích cực vận động và giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc thoát khỏi nhà tù, trốn đi Thượng Hải, bắt liên lạc với tổ chức để sang Liên Xô.

VŨ HỒNG KHANH: Tên thật là Vũ Văn Giản, người làng Thổ Tang tỉnh Vĩnh Yên cũ. Năm 1928, Vũ Hồng Khanh tham gia Việt Nam Quốc dân đảng. Sau vụ bạo động của Quốc dân đảng ở Yên Bái (đầu năm 1930) thất bại, chạy sang Trung Quốc lợi dụng danh nghĩa Quốc dân đảng để đầu cơ cách mạng. Năm 1945, theo chân quân đội Tưởng về nước để chống phá cách mạng. Thực hiện sách lược hoà hoãn với quân Tưởng, Vũ Hồng Khanh là một trong 50 đại biểu của Việt quốc được bổ sung vào Quốc hội không qua bầu cử và được cử làm Phó Chủ tịch uỷ viên quân sự hội. Cuối tháng 6-1946, theo chân quân đội Tưởng lại chạy sang Trung Quốc.

Năm 1949, khi cách mạng Trung Quốc thắng lợi, Vũ Hồng Khanh theo tàn quân của Bạch Sùng Hy chạy về Cao Bằng và ra làm tay sai cho Pháp. Năm 1954, Vũ Hồng Khanh chạy vào miền Nam làm tay sai cho Mỹ.